

An Nam Truyện

Ghi chép về Việt Nam
trong chính sử Trung Quốc xưa

Châu Hải Đường

dịch & biên soạn



NHÀ
XUẤT
BẢN
HỘI
NHÀ
VĂN



LỊCH SỬ là câu chuyện về cốt tinh của một dân tộc. Trong lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, người Việt miệt mài, bôn bỉ viết nên câu chuyện của riêng mình là những cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm, là hành trình mang gươm đi mở cõi, là truyền thuyết của những người dân sẵn sàng xếp lại việc nhà ghé vai gánh vác việc nước, những mái đình, lũy tre, đồng lúa được vun đắp bằng khát vọng hòa bình. Người Việt không chỉ bảo vệ lãnh thổ, tự dựng nên một tổ chức quốc gia phù hợp với đặc tính dân tộc và nền kinh tế bản địa, mà chúng ta còn tự định đoạt vận mệnh lịch sử của mình. Một nghìn năm Bắc thuộc và cả về sau đó nữa, chính sứ Trung Hoa vẫn luôn dành nhiều trang ghi chép tỉ mỉ về vùng đất mà họ hằng ao ước nhưng không bao giờ chiếm đoạt được. Hãy cùng xem họ viết gì và nghĩ gì về lịch sử của chúng ta.



www.sachtaodan.vn
info@sachtaodan.vn

Giá: 158.000 đ

ISBN 978-604-960-681-6

9 786049 606816

AN NAM TRUYỆN

Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH TAO ĐÀN

12C Hàng Than - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 024. 2214 9698 | www.sachtaodan.vn | info@sachtaodan.vn

AN NAM TRUYỆN

Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa

Dịch & Biên Soạn: Châu Hải Đường

ISBN: 978-604-319-354-1

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Tao Đàn.

Các bộ sử được sử dụng trong cuốn sách này, ngoài *Thanh sử cáo* (清史稿) là bản in lần đầu, còn gọi là *Quan ngoại bản* (關外本), còn lại đều là các bản thuộc bộ *Khâm định tứ khố toàn thư* (*hội yếu*) - 欽定四庫全書 (薈要) đời Thanh.

AN NAM TRUYỆN

Ghi chép về Việt Nam
trong chính sử Trung Quốc xưa

CHÂU HẢI ĐƯỜNG

Dịch & Biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI NÓI ĐẦU

Tủ sách HIẾU VIỆT NAM trân trọng giới thiệu tới quý độc giả cuốn sách *An Nam truyện - ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa* do Châu Hải Đường dịch và biên soạn. Đây là một công trình dịch, biên soạn công phu và toàn diện các vấn đề liên quan đến Việt Nam được chép trong các bộ cổ sử của Trung Quốc.

Chúng tôi tôn trọng, nhưng không nhất thiết có cùng quan điểm, cách lý giải cũng như thái độ và ngôn từ dùng trong các bộ sử này.

Chúng tôi rất mong quý độc giả tiếp cận cuốn sách như một tài liệu tham khảo, để hiểu thêm về cách nhìn của sử gia Trung Quốc xưa với lịch sử nước ta; và nhất thiết, phải đọc sách trong tinh thần phản biện, so sánh, đối chiếu thêm với nhiều nguồn sử liệu khác.

Xin chân thành cảm ơn!

DẪN

Tìm hiểu về lịch sử xưa nay luôn là một nhu cầu tự thân trong mỗi người, từ lịch sử của gia đình, dòng họ, tới lịch sử của làng, xã, địa phương, và hơn cả là lịch sử của dân tộc, đất nước. Các sách vở tư liệu về lịch sử từ xưa đến nay đã luôn được các thế hệ nối nhau trao truyền gìn giữ.

Trong thế giới mở, ở thời đại thông tin ngày nay, các tư liệu về lịch sử đang càng ngày càng phong phú do sự giao lưu về kinh tế chính trị xã hội, và do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin. Đồng thời, các tư liệu cũng đa chiều hơn, các sự việc được nhìn nhận từ nhiều hướng hơn.

Mấy năm gần đây, những tư liệu lịch sử về Việt Nam, hoặc có liên quan đến Việt Nam của nước ngoài, đã liên tục được ra mắt bạn đọc, và cung cấp thêm nhiều thông tin quý giá cho những nhà nghiên cứu trong nước. Trong số đó, phải kể đến Trung Quốc là một nước lớn láng giềng đã có giao thoa suốt chiều dài lịch sử từ xưa đến nay với Việt Nam. Chính vì vậy các tư liệu liên quan đến Việt Nam được người Trung Quốc ghi chép và lưu lại khá nhiều. Đã có nhiều ghi chép của các cá nhân được dịch và giới thiệu ở Việt Nam, như: *An Nam Chí Lược* của Lê Tắc, *An Nam Chí Nguyên* của Cao Hùng Trưng, *Hải Ngoại Ký Sự* của Thích Đại Sán... Tuy nhiên, đó là những ghi chép riêng lẻ của cá nhân, còn về phía quan phương, thì những ghi chép liên quan đến Việt Nam¹ trong các bộ chính sử Trung Quốc xưa như thế nào? Chính từ câu hỏi đó, mà chúng tôi đã bước đầu tìm tòi, phiên dịch những mảng ghi chép từ các bộ chính sử xưa của Trung Quốc.

1. TT.BK.q4 chép rằng năm 1164 "Nhà Tống phong vua làm An Nam quốc vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc." Lúc này Trung Quốc mới công nhận An Nam là một nước độc lập.

Nói đến “chính sử Trung Quốc xưa” hẳn bạn đọc có thể dễ dàng nghĩ đến *Nhị thập tứ sử* như trước nay chúng ta vẫn hay nói. Kỳ thực, con số 24 ấy cũng không hoàn toàn cố định. Đời Minh, người ta mới bắt đầu có cách gọi chung hai mươi mốt bộ chính sử các đời trước là *Nhị thập nhất sử*, bao gồm: *Sử ký*, *Hán thư*, *Hậu Hán thư*, *Tam Quốc chí*, *Tấn thư*, *Tống thư*, *Nam Tề thư*, *Lương thư*, *Trần thư*, *Ngụy thư*, *Bắc Tề thư*, *Chu thư*, *Tùy thư*, *Nam sử*, *Bắc sử*, *Tân Đường thư*, *Tân Ngũ Đại sử*, *Tống sử*, *Liêu sử*, *Kim sử*, *Nguyên sử*. Đến đời Càn Long, khi *Minh sử* được lưu hành lại cùng hợp xứng với *Nhị thập nhất sử* thành *Nhị thập nhị sử*. Rồi, lại gộp thêm bộ *Cựu Đường thư*, hợp xứng *Nhị thập tam sử*. Sau đó, khi bộ *Cựu Ngũ Đại sử* trước kia bị thất tán, rồi cẩn cứ vào *Vĩnh Lạc đại điển* ghi chép, hiệu chỉnh lại và hoàn thành, sau khi được Càn Long khâm định và hợp với *Nhị thập tam sử*, thì cách gọi *Nhị thập tứ sử* mới xuất hiện. Và cho đến nay nếu tính cả *Tân Nguyên sử* và *Thanh sử cáo* được soạn thời Dân quốc, thì con số các bộ sử đã là 26 chứ không còn là 24 nữa.

Trong số các bộ chính sử xưa ấy, cũng không hẳn tất cả đều có những thông tin liên quan đến Việt Nam, ví như các bộ: *Ngụy thư*, *Bắc Tề thư*, *Chu thư*, *Cựu Ngũ Đại sử*, *Liêu sử*, *Kim sử*... Hoặc cũng có những bộ có thông tin, nhưng là chép lại từ các bộ khác (đã được chọn dịch) thì người dịch cũng không dịch lại, nếu có cũng chỉ bổ sung thêm những phần mà ở bộ trước chưa ghi chép; chính vì vậy, sau khi xem xét kỹ lại, người dịch đã tuyển dịch được những truyện có thông tin liên quan đến Việt Nam, về Việt Nam từ các bộ sử sau:

1. Sử ký: Tư Mã Thiên(司馬遷) soạn, ghi chép lịch sử Trung Quốc từ thời đại Hoàng Đế trong truyền thuyết thượng cổ cho đến đời Hán Vũ đế, hơn 3.000 năm.

2. Hán thư: Hay còn gọi là *Tiền Hán thư* do Ban Cố (班固) đời Đông Hán soạn, ghi chép lịch sử 230 năm từ năm thứ nhất đời Hán Cao tổ đến năm Địa Hoàng thứ tư đời Vương Mãng.

3. Hậu Hán thư: Phạm Viết (范曄) đời Tống - Nam triều soạn phần kỷ, truyện, gộp cùng 30 quyển *Tục Hán thư* của Tư Mã Bưu (司馬彪) đời Tây Tần, ghi chép lịch sử hơn 180 năm từ đời Vương Mãng đến đời Hán Hiến đế nhà Đông Hán.

4. Tam Quốc chí: Do Trần Thọ (陳壽) đời Tây Tấn soạn, sau được Bùi Tùng Chi đời Tống - Nam triều bổ chú, ghi chép lịch sử 96 năm của ba nước Ngụy, Thục, Ngô từ năm 184 đời Hán Linh đế đến năm 280 - Thái Khang đời Tấn Vũ đế.

5. Tấn thư: Do Phòng Huyền Linh (房玄齡) đời Đường chủ trì cùng hai mươi người biên soạn, ghi chép lịch sử từ cuối đời Tam Quốc cho đến năm Hi Nguyên thứ hai (420) đời Đông Tấn Cung đế, Lưu Dụ phế nhà Tấn tự lập nên nhà Tống. Đồng thời dùng hình thức “tài ký” ghi chép về tình hình mươi sáu nước khác cùng thời bấy giờ.

6. Tống thư: Do Thẩm Ước (沈約) đời Lương soạn ghi chép 60 năm lịch sử đời (Lưu) Tống - Nam triều, từ năm Vĩnh Sơ nguyên niên (420) đời Tống Vũ đế đến năm Thăng Minh thứ ba (479) đời Tống Thuận đế.

7. Nam Tề thư: Do Tiêu Tử Hiển (蕭子顯) đời Lương - Nam triều soạn, ghi chép lịch sử nhà Nam Tề từ năm Kiến Nguyên nguyên niên (479) đời Tề Cao đế đến năm Trung Hưng thứ hai (502) đời Tề Hòa đế.

8. Lương thư: Diêu Tư Liêm (姚思廉) đời Đường soạn, ghi chép lịch sử nhà Lương, từ năm 502 Lương Vũ đế Tiêu Diển xưng đế, cho đến khi nhà Lương bị Trần Bá Tiên diệt năm 557.

9. Trần thư: Diêu Tư Liêm đời Đường soạn, ghi chép lịch sử 33 năm của nhà Trần - Nam triều từ khi Vũ đế Trần Bá Tiên lên ngôi cho đến khi Hậu chủ Trần Thúc Bảo mất nước.

10. Tùy thư: Ngụy Trưng (魏徵) đời Đường chủ trì biên soạn, ghi chép lịch sử 38 năm nhà Tùy, từ năm Khai Hoàng nguyên niên (581) đời Tùy Văn đế, đến năm Nghĩa Ninh thứ hai (618) đời Tùy Cung đế.

11. Cựu Đường thư: Lưu Hú (劉昫) đời Hậu Tấn soạn, nguyên tên sách là *Đường thư*, về sau, để phân biệt với *Tân Đường thư* do nhóm Âu Dương Tu đời Bắc Tống soạn, nên mới đổi gọi là *Cựu Đường thư*, ghi chép lịch sử nhà Đường từ năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ, đến năm Thiên Hựu thứ tư (907) đời Đường Ai đế.

12. Tân Đường thư: Âu Dương Tu (歐陽脩), Tống Kỳ (宋祁), Phạm Trấn (范鎮), Lã Hạ Khanh (呂夏卿) đời Bắc Tống cùng biên soạn, ghi chép lịch sử đời Đường.

13. Tân Ngũ đại sử: Âu Dương Tu đời Bắc Tống tự biên soạn để ở nhà riêng, sau khi ông chết, gia đình mới dâng trình lên triều đình, nguyên danh là *Ngũ Đại sử ký*, đời Càn Long, khi *Cựu Ngũ đại sử* của Tiết Cư Chính (薛居正) được liệt vào chính sử, thì bản của Âu Dương Tu soạn mới đổi gọi là *Tân Ngũ đại sử*. Ghi chép lịch sử từ năm Khai Bình nguyên niên (907) nhà Hậu Lương, đến năm Hiển Đức thứ bảy (960) nhà Hậu Chu.

14. Tống sử: Thừa tướng Thoát Thoát (脫脫) và A Lỗ Đồ (阿魯圖) đời Nguyên nối tiếp chủ trì biên soạn, đồng thời với *Liêu sử*, và *Kim sử*, ghi chép lịch sử 320 năm nhà Tống.

15. Nguyên sử: Tống Liêm (宋濂) đời Minh soạn, ghi chép lịch sử gần 100 năm nhà Nguyên.

16. Minh sử: Trương Định Ngọc (張廷玉) đời Thanh chủ trì biên soạn, ghi chép lịch sử 277 năm của nhà Minh từ năm Hồng Võ nguyên niên (1368) đời Minh Thái tổ, đến năm Sùng Trinh thứ mười bảy (1644) đời Minh Tư tông.

17. Thanh sử cáo: Triệu Nhĩ Tốn (趙爾巽) - Quán trưởng Thanh Sử Quán đời Dân quốc chủ trì biên soạn. Năm 1927 việc biên soạn đã sơ bộ hoàn thành, nhưng vì thời cuộc khi ấy có nhiều biến động, nên Triệu Nhĩ Tốn đã quyết định nhanh chóng đem bản thảo bộ *Thanh Sử* xuất bản sớm với tên gọi là *Thanh Sử cáo*, chép lịch sử 296 năm đời Thanh từ năm Thanh Thái tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích xưng đế (1616) đến năm 1911 khi cuộc Cách mạng Tân Hợi chấm dứt sự thống trị của triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc.

Trong số những bộ sử kể trên, từ *Tống sử* trở về sau, khi nước ta đã hoàn toàn độc lập, thì mới có truyện riêng ở các phần Ngoại quốc, còn với các bộ sử trước đời Tống, hầu như chỉ có các thông tin phiến đoạn qua liệt truyện của các nhân vật liên quan. Tuy nhiên, để giúp bạn đọc biết thêm về những nhân vật vẫn thường thấy nhắc tên mà chưa tường sự tích, ví dụ: Sĩ Nhiếp, Nhâm Diên, Tích Quang,... người

dịch cũng chủ trương dịch trọn vẹn phần truyện các nhân vật ấy. Mặc dù vậy, với những truyện quá dài, cũng xin phép trích dịch và lược bỏ những phần không liên quan đến Việt Nam, ví dụ: *Cao Biền truyện*, *Trần Cao tổ bản kỷ*...

Đồng thời, ngoài những ghi chép trực tiếp về vùng đất Việt cổ được biết đến với tên gọi Giao Chỉ, An Nam... thì những ghi chép về các vương quốc xưa đến nay tuy không còn mà đã là một phần của lãnh thổ Việt Nam hiện đại như: Chiêm Thành (nay là khu vực Nam Trung bộ), Phù Nam, (Thủy) Chân Lạp (nay là vùng Đồng bằng Nam bộ)... người dịch cũng chọn dịch và ghi chép vào phần Phụ lục ở cuối sách này để bạn đọc có thêm tư liệu tìm hiểu về lịch sử xưa của các vùng đất ấy trong tiến trình chung của lịch sử Việt Nam.

Như trên đã nói, trong thời đại thông tin hiện nay, các tư liệu trở nên đa chiêu hơn, các sự việc cũng được nhìn nhận từ nhiều hướng hơn. Đó là một cơ hội, và cũng là một thách thức, bắt buộc những người tiếp nhận thông tin phải có một tầm nhìn, tầm suy nghĩ công bằng, bình tĩnh, khách quan. Trong cuốn sách mang tính tư liệu này, xin đưa đến cho các bạn những thông tin chân thực nhất theo tài liệu gốc mà người dịch có được¹. Bởi vậy, những quan điểm hay thậm chí là ngôn ngữ, cách hành văn đều là quan điểm của các sử gia Trung Quốc xưa. Chúng ta đọc để hiểu, để so sánh, để tìm tòi khám phá một góc nhìn khác của sử Việt. Tuy ở chỗ này hay chỗ khác cũng đã có những ghi chú, và đối với nhất định với sử liệu trong nước để bạn đọc rõ hơn, song chắc hẳn cuốn sách còn nhiều bất cập và chưa thể hoàn toàn làm hài lòng bạn đọc, người dịch rất mong nhận được sự góp ý và phê bình của các bạn để cuốn sách có thể hoàn thiện hơn nữa.

Hà Nội, tháng cuối đông 2017

Dịch giả

1. Các bộ sử được sử dụng trong cuốn sách này, ngoài *Thanh sử cảo* là bản in lần đầu, còn gọi là *Quan ngoại bản*, còn lại đều là các bản thuộc bộ *Khâm định tứ khố toàn thư* (*hội yếu*) đời Thanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký tiền biên* - NXB Khoa học Xã hội - 1997.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* - (Trung văn) - Đại học Đông Kinh xuất bản - 1986.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* - Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam - NXB Khoa học Xã hội - 1993.
4. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* - Viện sử học - NXB Giáo Dục - 1998.
5. *Đại Việt sử ký tục biên* - NXB Hồng Bàng - 2012.
6. *An Nam chí lược* - Viện đại học Huế xuất bản - 1961.
7. *Đại Nam thực lục* - Viện Sử học - NXB Giáo Dục - 2007.
8. *Đại Nam liệt truyện* - Viện Sử học - NXB Thuận Hóa - 2006.
9. *Tục Tư Trị Thông Giám* (Trung văn) - Tất Nguyên (Thanh) - Trung Hoa Thư Cục xuất bản - 1979.
10. *Tân Nguyên sử* (Trung văn) - Kha Thiệu Mân soạn - Cát Lâm Nhân Dân xuất bản xã xuất bản - 1995.
11. *Quang Tự Sự Điển* (Trung văn) - Lưu Cảnh Sinh biên soạn, Trần Tiệp Tiên chủ biên - Viễn Lưu Xuất Bản Công ty (Đài Loan) xuất bản - 2005.

TÊN VIẾT TẮT TRONG PHẦN CHÚ THÍCH

Đại Việt sử ký toàn thư - Ngoại kỷ: TT.NK.

Đại Việt sử ký toàn thư - Bản kỷ: TT.BK.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục - Tiên biên: CM.TB.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục - Chính biên: CM.CB.

Đại Việt sử ký tiền biên - Ngoại kỷ: TB.NK.

Đại Việt sử ký tiền biên - Bản kỷ: TB.BK.

Đại Việt sử ký tục biên: TcB.

Đại Nam thực Lục: ĐNTL.

Đại Nam liệt truyện: ĐNLT.

An Nam chí lược: ANCL.

Số kỷ: K.

Số quyển: q.

Phân I

AN NAM TRUYỆN
TRONG CHÍNH SỬ TRUNG QUỐC XƯA

I. TỔNG SỬ

QUYỀN 488 - NGOẠI QUỐC 4

GIAO CHỈ

Giao Chỉ (交趾), vốn là đất Nam Việt đầu đời nhà Hán. Hán Vũ đế bình Nam Việt, chia đất ấy thành chín quận: Đạm Nhĩ (儋耳), Châu Nhai (珠崖), Nam Hải (南海), Thương Ngô (蒼梧), Uất Lâm (鬱林), Hợp Phố (合浦), Giao Chỉ (交趾), Cửu Chân (九真), Nhật Nam (日南), đặt chức Giao Chỉ Thứ sử để lĩnh quản. Sau, nhà Hán đặt Giao Châu, Tống¹, Tân, Tề, Lương, Trần cũng nhân đó, lại đặt là Giao Chỉ quận. Tùy diệt Trần, phế quận đặt châu. Đầu thời Dạng đế, lại phế châu đặt quận. Niên hiệu Vũ Đức nhà Đường, đổi thành Giao Châu tổng quản phủ. Niên hiệu Chí Đức, lại đổi thành An Nam đô hộ phủ. Niên hiệu Trinh Minh nhà Lương, thổ hào Khúc Thừa Mỹ (曲承美) chuyên giữ đất ấy, nạp khoản quy thuận Mạt đế, nhân đó bèn trao tiết viết cho Thừa Mỹ. Bấy giờ Lưu Ân (劉隱) chuyên quyền ở vùng Linh Biểu², sai tướng là Lý Tri Thuận (李知順) đánh Thừa Mỹ, bắt được, bèn kiêm tính đất ấy. Sau, Dương Đình Nghệ (楊廷藝), (Dương) Thiệu Hồng (紹洪)³ cùng được nhận chức Quảng Nam thư, rồi kế làm Giao Chỉ Tiết độ sứ. Thiệu Hồng chết, cháu tướng là Ngô Xương Ngập (吳昌岌) bèn giữ chức ấy. Xương Ngập chết, em là Xương Văn (昌文) lại kế tập.⁴

1. Tống: tức nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ lập nên.

2. Linh Biểu: chỉ vùng phía nam Ngũ Linh, tức Linh Nam, nay thuộc tỉnh Quảng Đông.

3. Sử ta không chép về Thiệu Hồng, có thuyết cho rằng Thiệu Hồng là tên sứ Trung Quốc gọi Dương Tam Kha.

4. Sự kiện này, Tống sử chép khác sử nước ta. TT.NK.q5 chép rằng năm 950, Ngô Xương Văn

Đầu niên hiệu Càn Đức¹, Xương Văn chết, bọn Tham mưu Ngô Xử Bình (吳處平), Phong Châu Thứ sử Kiểu Tri Hộ (矯知護), Vũ Ninh châu Thứ sử Dương Huy (楊暉), Nha tướng Đỗ Cảnh Thạc (杜景碩) tranh nhau tự lập. Mười hai châu trong địa hạt đại loạn, bộ dân² hò nhau tụ tập, nổi lên làm giặc, đánh phá Giao Châu³. Trước kia, Dương Đình Nghệ lấy nha tướng là Đinh Công Trú (丁公著) cho nắm chức Hoan Châu Thứ sử kiêm Ngự phiên đô đốc, Bộ Linh (部領) tức là con trai của Trú vậy. Công Trú chết, Bộ Linh nối chức. Đến đây, Bộ Linh cùng con là Liễn (璉) đem quân đánh bại bọn Xử Bình, đảng giặc tan vỡ, trong địa bàn đều yên, dân Giao Châu cho là có ơn đức, bèn suy tôn Bộ Linh làm Giao Châu soái, hiệu là Đại Thắng vương, đặt con trai là Liễn làm Tiết độ sứ. Được ba năm, thì (Bộ Linh) nhượng vị cho Liễn. Liễn lập được bảy năm, nghe tin Linh Biểu đã bình định, bèn sai sứ đến cống phuơng vật, dâng biểu nội phụ. Triều đình xuống chỉ lấy Quyền Giao Châu Tiết độ sứ Đinh Liễn làm Kiểm hiệu thái sư, sung Tỉnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ. Lại chiếu lấy Tiến phụng Trịnh Tú (鄭琇), Vương Thiệu Tộ (王紹祚)⁴ cùng làm Kiểm hiệu Tả tán kỵ thường thị kiêm Ngự sử đại phu.⁵

Năm Khai Bảo thứ tám (975), (Bộ Linh) sai sứ đến cống tê, voi, hương liệu. Triều đình bàn chuyện trọng sủng Bộ Linh, (vua) giáng chiếu rằng:

“Dem đất đến theo vua, mới được suy tôn ân tín; Dẫn tôn tộc

đánh úp Dương Tam Kha, mọi người muốn giết đi, nhưng Xương Văn không nỡ, giáng làm Chương Dương công. Năm 951, Ngô Xương Văn lên ngôi xưng là Tấn vương, lại đón anh là Xương Ngập về cùng trông việc nước, Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương. Đến năm 954, Thiên Sách vương mất.

1. Niên hiệu của Tống Thái tổ Triệu Khuông Dận từ năm 963 - 968.
2. Bộ dân: dân chúng ở các bộ, ở đây có thể hiểu là ở các bộ tộc, các châu quận.
3. *Tống* sử lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.
4. TT.BK.q1 chép năm 975, Trịnh Tú đem vàng lụa, sừng tê, ngà voi sang nhà Tống. Theo ANCL.q14, Trịnh Tú và Vương Thiệu Tộ là hai sứ thần của nhà Đinh sang tiến cống vàng lụa, sừng tê, ngà voi.
5. Sự kiện này, *Tống* sử chép khác sử nước ta. TT.BK.q1 chép năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, đến năm 969 phong con trưởng Đinh Liễn làm Nam Việt vương. Năm 973, Đinh Liễn đi sứ Trung Quốc, Đinh Bộ Lĩnh được nhà Tống phong làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư, Tỉnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ.

*phụng quốc, cũng nên sùng chuộng gia phong. Đoái trông ngoại thân xa
thẳm; Mà nêu thịnh điển vẻ vang. Bộ Linh người nối dõi hào tộc, gìn
giữ phương xa; Vốn mộ Hoa phong, chẳng quên nội phụ. Nay, chín
châu hợp nhất, Ngũ Linh thanh bình, chẳng ngại sóng khơi, mừng dâng
công vật. Hơn nữa lại sai con, đến châu xưng phiên thuộc. Đặc ban ân
lớn, Khen nghĩa làm răn. Mong người trường thọ, nhận sùng chươn
này. Khá ban cho Khai phủ nghi đồng tam ty¹, Kiểm hiệu Thái sư,
phong Giao Chỉ quận vương.”*

(Tống) Thái tông lên ngôi, Liễn lại sai sứ đem phuơng vật đến
mừng. Bộ Linh và Liễn chết rồi, em Liễn là Toàn (璿) còn nhỏ, lên nối
ngôi, xưng là Tiết độ hành quân tư mã, quyền Linh quân phủ sự. Đại
tướng Lê Hoàn (黎桓) chuyên quyền dựng bè đảng, dần dà không
thể khống chế nổi, mới cướp dời Toàn ở biệt phủ, bắt cấm cố cả họ,
mà thay nắm quân chúng. Thái tông nghe được tin, nổi giận, bèn
nghị cử binh.

Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), mùa thu, xuống
chiếu lấy Lan Châu Đoàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng (孫全興), Bát tác
sứ Trương Toàn (張璿), Tả giám môn vệ tướng quân Thôi Lượng (崔
亮) làm bộ thự binh mã đường bộ, theo đường Ung Châu tiến sang;
Ninh Châu Thủ sứ Lưu Trùng (劉澄), Quân khí khố Phó sứ Giả
Thực (賈湜), Cung phụng quan cáp môn chi hậu Vương Soạn (王
僎) làm bộ thự binh mã đường thủy, theo đường Quảng Châu tiến
sang. Đông năm ấy, Lê Hoàn sai Nha hiệu Giang Cự Hoàng (江巨
湟)² đem phuơng vật tới cống, vẫn lấy tên Đinh Toàn dâng biểu rằng:
“*Tôn tộc thân vốn là tù trưởng người man³, ở xa xôi nơi góc bể, lo chức
cống của kẻ tể thân, được tiết chế ở nơi biên viễn. Cha anh của thân,
thay nhau nhận ký thác của Hoàng đế, cẩn thận gìn giữ phong cương,
chẳng dám trễ nải. Đến nay nối nhau mất đi, nhà lớn cơ đồ sụp đổ,
tường lại, kỳ lão, bèn tâu xin thân, tạm quyền coi việc quân lữ, để yên
 ổn chúng man di. Phong tục địa phuơng hung hân, lại khẩn mời đã*

1. Khai phủ nghi đồng tam ty: được lập mạc phủ với nghi vệ đai ngộ như tam ty. (Tức tam công, tam sư. Tam công là: Thái úy, Tư đồ, Tư không. Tam sư là: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.)

2. TT.BK.q1 chép là Giang Cự Vọng (江巨望).

3. Đây là cách xưng khiêm cung của triều đình nước ta với Trung Quốc thời xưa.

kiên quyết, nếu cự tuyệt không nghe, lo rằng sẽ sinh biến. Thần đã giữ Tiết độ hành quân tư mã, quyền lĩnh quân phủ sứ, xin bệ hạ ban cho thực trật, khiến thần được vào hàng phiền thuộc đầy đủ. Thần mạo muội dám phạm tội Hoàng đế, phủ phục kinh hãi vô cùng.”

Hoàng thượng xét thấy chúng muốn trì hoãn vương sự¹, bèn bỏ đi không phúc đáp. Vương sư tiến đánh, phá được hơn vạn quân chúng, chém hơn hai ngàn thủ cấp.

Mùa xuân năm thứ sáu (981), lại phá quân giặc ở cửa sông Bạch Đằng, chém hơn ngàn thủ cấp, bắt được hơn hai trăm chiến hạm, cùng hàng vạn giáp trụ. Chuyển vận sứ Hầu Nhân Bảo (侯仁寶) dẫn tiền quân đi tiên phong, bọn Toàn Hưng đóng quân ở Hoa Bộ bảy mươi ngày để đợi bọn Trùng. Nhân Bảo nhiều lần giục giã, nhưng Toàn Hưng không tiến quân. Kịp khi Trùng đến, cùng gộp quân theo đường thủy đi đến thôn Đa La, không gặp quân giặc, lại quay trở lại Hoa Bộ. Hoàn trả hàng để dụ Nhân Bảo, Nhân Bảo bèn bị giết chết. Chuyển vận sứ Hứa Trọng Tuyên (許仲宣) dâng tấu tâu chuyện này, bèn rút quân về. Vua sai sứ đến hặc tội bọn Trùng, Thực, Soạn. Ít lâu thì Trùng bị bệnh chết, còn bọn Thực bị chém ở ngoài chợ Ung Châu. Toàn Hưng về đến cửa khuyết, cũng bị thuộc lại giết chết, những kẻ còn lại đều bị trị tội nhiều ít khác nhau. Nhân Bảo được tặng Công bộ Thị lang.

Mùa xuân năm thứ bảy (982), Hoàn sợ triều đình rốt sẽ đến đánh diệt, lại lấy danh Đinh Toàn, sai sứ đến cống phương vật, dâng biểu tạ tội.

Năm thứ tám (983), Hoàn tự xưng là Quyền Giao châu tam sứ² lưu hậu, sai sứ cống phương vật, và đem biểu của Toàn sang dâng, Hoàng đế ban chiếu cho Hoàn rằng: “Họ Đinh truyền tập ba đời, gìn giữ một phương, khanh đã chịu lời trông cậy, làm bể tội tâm phúc, theo lời thỉnh cầu của người trong nước, chẳng phụ lòng của họ Đinh. Trẫm muốn cho Toàn giữ ngôi Thống soái, mà khanh thì nhậm chức phó thú hai, mọi việc chuyên chế sắp đặt, thảy đều giao cho khanh cả. Đợi đến

1. Vương sư: quân đội của triều đình.

2. Tam sứ: tức Tiết độ sứ, Quan sát sứ, Xứ trí sứ.

khi Đinh Toàn đến tuổi đội mũ, có thể tự lập được, thì sự giúp rập của khanh, đức lớn sáng ngời, công trung khen chuộng, trẫm không có gì phải nuối tiếc nữa! Dù Đinh Toàn không tài làm tướng, trẻ dại như xưa, nhưng kế tập nối đời, đã dài năm tháng, một khi vứt bỏ tiết viet¹, giáng xuống sĩ binh, thì lý lẽ không phải, mà ở ắt chẳng yên. Chiếu này đến nơi, khanh nên sai con Đinh Toàn cùng người thân thuộc đều sang cả nước ta. Đợi khi vào châu rồi, ta sẽ lựa ngày giáng chiếu, ban cho khanh tiết mao. Phàm hai đường ấy, khanh nên xem xét mà lựa lấy một. Đinh Toàn đến kinh, ta tất già thêm sủng lễ. Nay, sai Cung phụng quan Trương Tông Quyền (張宗權) đem chiếu dụ này tới, khá tò hết ý trẫm.”² Rồi cũng ban cho Toàn một chiếu thư như vậy. Bấy giờ, Lê Hoàn đã chuyên giữ đất ấy, không nghe lệnh nữa. Tháng Năm năm ấy, (Hoàn) dâng tấu, nước Chiêm Thành đem quân voi ngựa thủy lục mấy vạn đến cướp phá, Hoàn dẫn bộ chúng đánh tan được, vừa bắt vừa chém được tới hàng ngàn tên.

Năm Ung Hi thứ hai (985), (Hoàn) sai bọn Nha hiệu Trương Thiệu Phùng (張紹馮), Nguyễn Bá Trâm (阮伯簪) đến cống phuong vật, tiếp lại dâng biểu xin chính thức linh tiết trấn.

Mùa thu năm thứ ba (986), lại sai sứ cống phuong vật. Đạm Châu tâu, người nước Chiêm Thành là Bồ La Át (蒲羅遏) đem theo hơn trăm người trong họ tộc xin nội phụ, nói duyên do rằng bị Giao Châu bức bách. Tháng Mười năm ấy, ban chẽ rằng: “Bậc vương giả gắng gỏi dựng ngôi cao cực, ân sủng duy trì dậu phên. Lập phủ Kinh sư để hưng thịnh lễ hội đồng; Chia phong bốn phuong để tỏ nêu quyền tiết chẽ. Huống cõi diều roi chuồng khí, vẫn hằng lồng mảy cống dâng. Phép nên đổi soái, lại lợi dụng hầu. Chẳng quên cung kính thỉnh mệnh, khá nên ân điển đền công. Quyền tri Giao Châu tam sứ lưu hậu Lê Hoàn, nết gồm nghĩa dũng, tính bẩm trung thuần, khá được lòng người trong nước, cẩn nghiêm theo lẽ phiên thần. Trước kia, Đinh Toàn còn đương thơ ấu, không tường nối chức võ dân. Hoàn là bể tôi phê phủ thân cận,

1. Tiết viet: cờ tiết và cây búa, chỉ quyền chỉ huy và chinh phạt mà Hoàng đế trao cho chư hầu.

2. TT.BK.q1 chép việc nhà Tống gửi thư này là tháng Mười năm 980, trước khi đem quân sang.

chuyên năm những việc quân lũ. Hiệu lệnh tự ban ra, ân uy cùng tỏ rõ. Toàn buông hết quyền tam sú, để theo mong muốn chúng dân. Xa tớ khoán thành, cầu xin mao tiết. Sĩ Nhiếp cương minh, giáo hóa tục Việt cùng yên trị, Ủy Đà cung thuận, tuân theo chiểu Hán chẳng phạm sai. Nên chính đính cho xứng hiệu Nguyên nhung, để đứng vào hàng thông hâu tôn quý. Trị vỗ Di tộc, hoằng dương oai trời. Khá ban cho chức Kiểm hiệu thái bảo, Sú trì tiết, Đô đốc Giao Châu chư quân sự, An Nam đô hộ, sung Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Giao Châu quản nội quan sát xứ trí sú, phong Kinh Triệu đô hâu, thực ấp ba ngàn hộ, vẫn ban hiệu là Thôi thành Thuận hóa công thần.” Sai Tả bộ khuyết Lý Nhược Chuyết (李若拙), Quốc tử Bácsĩ Lý Giác (李覺) làm sứ giả đến ban chế sách cho.

Năm Đoan Cung nguyên niên (988), gia thêm cho Hoàn làm Kiểm hiệu Thái úy, tăng ấp một ngàn hộ, thực phong năm trăm hộ. Sai Hộ bộ lang trung Ngụy Tường (魏庠), Ngu bộ Viên ngoại lang Trực sử quán Lý Độ (李度) sang sứ.

Mùa hạ, năm Thuần Hóa nguyên niên (990), gia cho Hoàn vị Đặc tiến¹, ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ. Sai Tả chính ngôn Trực sử quán Tống Cảo (宋鎬), Hữu chính ngôn Trực sử quán Vương Thế Tắc (王世則) lại đi sứ sang. Tháng Sáu năm sau, sứ giả về triều, vua lệnh cho trình bày về hình thế núi sông cùng sự tích của Hoàn cho mình biết. Bọn Cảo dâng tấu rằng:

“Cuối thu năm trước, (thần) đến địa phận Giao Châu, Hoàn sai bọn Nha nội đô chỉ huy sứ Đinh Thủa Chính (丁承正) đem chín chiếc thuyền, ba trăm quân lính đến Thái Bình quân² để đón, từ cửa bể vào bể lớn, mạo hiểm lặn lội sóng gió, trải vô cùng nguy hiểm. Qua nửa tháng thì tới Bạch Đằng, tiến thẳng vào nhánh bể, cưỡi sóng mà đi. Phàm những nơi đậu lại đều có ba gian nhà cỏ, doanh dựng còn mới, coi là quán dịch. Đến Tràng Châu dần gần cõi trong nước, Hoàn sắp

1. Đặc tiến: một quan vị phi chính thức, có từ cuối thời Tây Hán, vị trí ở dưới Tam công, mà trên chư hầu. Thời Đường, Tống, chức này ở dưới Khai phủ nghi đồng tam ty mà nhà Tống phong cho Đinh Tiên Hoàng trước kia.

2. Thái Bình quân: năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tám (983), nhà Tống bỏ Liêm Châu, lập ra Thái Bình quân ở trấn Hải Môn. Đến năm Hàm Bình nguyên niên (998), lại thiết lập Liêm Châu như cũ.

đặt hù dỗi, nhầm ý lừa khoe, cho dong hết chiến thuyền thủy quân ra, nói là diễu binh.

Từ tối ấy, thì tới bờ bể, đi đến Giao Châu chỉ còn mười lăm dặm, có đình cổ năm gian, đế là “Mao Kính dịch”. Đến thành là một trăm dặm, (Hoàn) xua gia súc của dân chúng dồn ra, nói bùa là trâu của công, không đến một ngàn, nhưng nói phao lên là mươi vạn. Lại đêm nhiều dân chúng ra cho đúng lẩn với quân sĩ, mặc quần áo tạp sắc, cưỡi thuyền gõ trống reo hò. Trên những núi gần thành, dựng suông cờ trắng, ra vẻ như là chỗ bầy quân. Chốc lát, thấy Hoàn được tùy tòng ủng hộ tới nơi, làm lễ nghênh đón ngoài cõi. Hoàn gò ngựa nghiêng mình, hỏi thăm Hoàng đế xong, thì lồng cương cùng sánh hàng mà đi, thi thoảng lại lấy cau cho nhau, ngồi trên lưng ngựa mà ăn, đó là phong tục tò hậu ý đãi khách ở đó vậy. Trong thành không có cư dân, chỉ có mấy chục đến trăm khu nhà tre lợp cỏ, để làm quân doanh. Còn phủ thự thì nhỏ hẹp, đế trên cửa là “Minh Đức môn”.

Hoàn khí chất thô lậu mà mục miếu¹, tự nói là năm gần đây giao chiến với giặc man, bị ngã ngựa gãy chân, nên nhận chiếu không bái lạy. Nghỉ qua hai đêm, thì bày yến tiệc. Lại đi ra tận ngoài cửa bể, coi như đạo chơi cho khách vui lòng. Hoàn chân đất cầm sào, lội xuống nước đâm cá, mỗi khi được một con, tả hữu lại hò reo nhảy nhót. Phàm có yến hội, những người tham dự thấy đều bất cởi đai, chỉ đội khăn. Hoàn phần đa mặc áo hoa văn rực rỡ hoặc có sắc đỏ, đội mũ gắn trân châu. Có khi tự hát mời rượu, lời lẽ đều không thể hiểu được. Hoàn từng lệnh cho mấy chục người khiêng một con rắn lớn dài tới mấy trượng, đến tặng cho sứ quán, lại nói: “Nếu sứ giả có thể ăn được rắn này, thì sẽ cho xẻ thịt làm món ăn dâng lên.” Lại buộc cổ hai con hổ đến tặng, để cho xem thoái mái. Sứ giả đều từ chối không nhận. Quân lính (của Hoàn) có ba ngàn người, thấy đều thích lên trán mấy chữ “Thiên tử quân”, cấp lương thực thóc lúa hàng ngày, lệnh cho tự giã lấy mà ăn.

1. Nguyên văn chữ Hán: 目眇 (mục miếu). Chữ “miếu” có một nghĩa là chọt (thiên manh - mù một mắt), lại cũng có một nghĩa là lé “nhất mục tiêu dã” - một mắt nhỏ (hơn mắt kia). Do vậy chưa dám xác quyết rõ ràng, nên để song song hai nghĩa, đợi tìm thêm được những ghi chép cụ thể hơn.

Binh khí chỉ có cung nỏ, mộc thuẫn, lao gỗ, giáo tre, yếu ớt không thể dùng được.

Hoàn khinh mạn tàn nhẫn, nhở mọn tiểu nhân, kẻ tâm phúc có năm, bảy tên hoạn quan luôn đứng ở bên. Tính thích chơi bời yến ẩm, lấy việc tự mình ban mệnh lệnh làm thích. Phàm quan thuộc kẻ nào giỏi kính thờ thì được đưa lên ở gần bên tả hữu, ai có lỗi dù nhỏ cũng giết, hoặc đánh vào lưng một trăm đến hai trăm roi. Những kẻ tân khách hay phụ tá mà không như ý, cũng đánh ba chục tới năm chục roi, truất làm quân canh cửa. Hết giận thì lại vời về cho phục chức vị cũ. Hoàn có tòa tháp bằng gỗ, dựng rất giản dị thô lậu, từng có hôm mời (sú giả) cùng lên thưởng ngoạn. Đất ấy không có khí lạnh, tháng Mười một còn mặc áo đơn và dùng quạt.”

Năm thứ tư (993), tiến phong Hoàn làm Giao Chỉ quận vương.

Năm thứ năm (994), (Hoàn) sai bọn Nha hiệu Phí Sùng Đức (費崇德) sang tiến công. Nhưng Hoàn tính vốn hung hăn, cậy có núi biển hiểm trở, nhiều lần đến cướp đoạt, dần mất lẽ phiền thần.

Mùa xuân năm Chí Đạo nguyên niên (995), Quảng Nam tây lộ Chuyển vận sứ Trương Quán (張觀), Khâm Châu Như Hồng trấn Bình mã giám áp Vệ Chiêu Mỹ (衛昭美) đều dâng tấu, có chiến thuyền của Giao Chỉ hơn trăm chiếc vào cướp trấn Như Hồng, đoạt của cư dân, cướp bóc kho tàng rồi đi. Mùa hạ cùng năm, châu Tô Mậu do Hoàn quản hạt lại đem năm ngàn hương binh đến cướp Lục Châu thuộc quản hạt của Ung Châu. Đô tuần kiêm Dương Văn Kiệt (楊文傑) đánh lui được. Thái tông có chí vỗ yên cõi hoang sơ quy phục, nên không muốn hỏi tội. Quán lại tâu, nghe phong thanh rằng Lê Hoàn đã bị họ Đinh đuối đi, gom dư chúng ở nơi núi ngoài bể, không còn nơi nương náu, cho nên lấy việc cướp bóc để tự cấp, đến nay thì Hoàn đã chết. Quán lại dâng cả biểu mừng. Hoàng đế chiếu cho Thái thường thừa Trần Sĩ Long (陳士隆), Cao phẩm Võ Nguyên Cát (武元吉) phụng sứ đến Linh Nam, nhân dò xét việc ấy. Bọn Sĩ Long phục mệnh, cũng nói như lời Quán. Kỳ thực, Hoàn vẫn còn, mà lời đồn đại ấy là sai. Bọn Quán không thể thẩm xét được. Không bao lâu, có kẻ lái buôn từ Giao Chỉ về, nói rõ Hoàn vẫn làm chủ ở đó như

cũ. Bèn xuống chiếu hặc tội bọn Quán, khi ấy Quán bị bệnh chết, Chiêu Mỹ, Sĩ Long, Nguyên Cát phải chịu tội.¹

Khi trước, ba trấn ở Khâm Châu là Như Hồng, Đốt Bô, Như Tích đều là những nơi ven biển, có dân ở Triều Dương, Giao Châu là bọn Bốc Văn Dũng (卜文勇)² giết người, đưa cả nhà trốn tránh đến trấn Như Tích, bọn trấn tướng Hoàng Lệnh Đức (黃令德) giúp cho ẩn náu. Hoàn sai tướng ở trấn Triều Dương là Hoàng Thành Nhã (黃成雅) đưa điệp văn đến bắt, Lệnh Đức ngoan cố không giao trả, nhân đó bọn cướp bể mới liên tục đến cướp bóc.

Năm thứ hai (996), lấy Công bộ Viên ngoại lang Trực sử quán Trần Nghiêu Tẩu (陳堯叟) làm Chuyển vận sứ, nhận ban chiếu thư cho Hoàn. Nghiêu Tẩu mới đến, liền sai Huyện úy huyện Hải Khang, Lôi Châu là Lý Kiến Trung (李建中) đem chiếu đến úy lạo hỏi thăm Hoàn. Nghiêu Tẩu lại đến Như Tích, cật vấn rõ duyên do chuyện giúp giấu Văn Dũng, bắt hết trai gái trẻ già nhà Văn Dũng một trăm ba mươi³ người, mời quan lại ở trấn Triều Dương đến giao trả, lại răn chớ nên dùng hình tàn khốc với họ. Thành Nhã được người, dâng trạng tạ ơn Nghiêu Tẩu, Hoàn bèn dâng tấu chương cảm ơn, và bắt hai mươi lăm⁴ tên cướp bể nộp cho Nghiêu Tẩu, lại nói đã ước thúc các thủ lĩnh nơi khe động, không được gây rối nữa. Tháng Bảy, Thái tông sai Chủ khách lang trung, trực Chiêu Văn quán Lý Nhược Chuyết làm Quốc tín sứ đem chiếu thư cùng đai ngọc sang ban cho Hoàn. Nhược Chuyết đến nơi rồi, Hoàn ra ngoài cõi đón, nhưng lời lẽ nói năng vẫn rất ngạo mạn, bảo Nhược Chuyết rằng: “Những kẻ đến cướp bóc ở trấn Như Hồng khi trước là bọn giặc man ở ngoài địa phận nước tôi vậy, Hoàng đế có biết đó chẳng phải là quân Giao Châu không? Giả như Giao Châu thực quả chống mệnh làm phản, thì tất trước tiên đánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Mân, Việt, há chỉ dừng lại ở trấn Như Hồng mà thôi ư?” Nhược Chuyết ung dung nói với Hoàn rằng: “Hoàng thượng khi mới nghe có giặc vào cướp trấn

1. TT.BK.q1 chép Sĩ Long sang dò xét và phát hiện Lê Hoàn còn sống, Trương Quán tâu dối.

2. TT.BK.q1 chỉ chép là Văn Dũng, không ghi họ Bốc.

3. TT.BK.q1 chép là một trăm mươi ba.

4. TT.BK.q1 chép là hai mươi bảy.

Như Hồng, tuy chưa biết là chúng ở đâu đến, nhưng vẫn cho túc hạ vốn đi lên từ chân Giao Châu Nha hiệu, được ban cho tiết chế, thì tất sẽ tận trung báo đáp, chứ há lại có mối lo nào nữa ư! Kịp đến khi thấy bắt nộp bọn cướp bể, thì việc quả nhiên sáng rõ. Tuy nhiên, các đại thần đều nghị rằng, triều đình đã lập soái lĩnh tiết chế, để giữ yên vùng ven biển, nhưng nay vẫn bị giặc man vào cướp hại, thì ấy là binh lực của Giao Châu không thể tự mình khống chế được vậy. Xin cho phát mấy vạn cường binh, họp với quân của Giao Châu để tiêu trừ đi, khiến cho vùng Giao, Quảng không còn hậu họa nữa. Hoàng thượng nói: ‘Chưa thể khinh dị cử binh được, e rằng Giao Châu không hiểu ý triều đình, mà đến nỗi kinh sợ. Chi bằng tạm ủy nhiệm cho Lê Hoàn đánh dẹp đi, cũng có thể dân được yên bình.’ Nay thì không còn cần phải lại hội binh nữa rồi.” Hoàn ngạc nhiên bước ra khỏi chiếu, nói: “Cướp bể phạm biên, ấy là tội của kẻ bể tôi canh giữ vậy. Thánh quân dung tha, ơn hơn phụ mẫu, nên còn chưa tru phạt. Từ nay xin cẩn trọng giữ chức trách, bảo vệ yên bình ở nơi biển nước.” Nhân hướng về phía bắc mà dập đầu lạy tạ.

Chân tông lên ngôi, tiến phong cho Hoàn làm Nam Bình vương, kiêm Thị trung. Hoàn trước đã sai Đô tri binh mã sứ Nguyễn Thiệu Cung (阮紹恭), Phó sứ Triệu Hoài Đức (趙懷德) đem ghế tựa Giao Châu được trang hoàng vàng bạc, thất bảo một chiếc; chậu bằng bạc mười cái, sừng tê ngà voi năm mươi cây, vải lụa tơ tằm một vạn sấp, đến cống. Xuống chiếu cho bầy hết ở nơi thờ Thái tông ở điện Vạn Tuế, cho phép bọn Thiệu Cung bái tế. Kịp đến khi sứ quay về, ban cho Hoàn đai lưng giáp mã, cùng chiếu thư úy lạo khen ngợi.

Năm Hàm Bình thứ tư (1001), (Hoàn) lại sai Hành quân tư mã Lê Thiệu (黎紹), phó sứ Hà Khánh Thường (何慶常), đem thuần tê một con, voi hai con, tượng san¹ hai con, bình vàng trang sức thất bảo một cái, đến cống. Năm ấy, Khâm Châu tâu, dân chúng ở Hiệu Thành trường, Giao Châu cùng thủ lĩnh tám châu là bọn Hoàng Khanh Tập (黃慶集) mấy trăm người đến theo. Triều đình có chiếu úy lạo yên vỗ, sai quay về đất cũ.² Quảng Nam tây lộ tâu, Lê Hoàn nghênh nhận

1. Tượng san: một loại dã thú tựa như sói, nhưng lớn hơn.

2. TT.BK.q1 chép sự kiện này năm 1003.

chế cáo triều đình, sai Hoàng Thành Nhã phụ táu rằng, từ nay quốc triều gia ân, xin sai sứ đến bản đạo để tỏ ân sủng với nơi ven bể. Trước kia, sứ đến Giao Châu, Hoàn liền lấy cớ phải cung đốn khiến dân chúng nặng thuế má. Hoàng đế nghe thấy thế, bèn lệnh cho quan lại ngoài biên, gọi (Hoàn) tới (biên cương) nhận mệnh, không sai sứ sang tận nơi nữa.

Năm Cảnh Đức nguyên niên (1004), (Hoàn) lại sai con trai là Nhiếp Hoan Châu Thủ sử Minh Đề (明提) sang cống, khẩn cầu gia ân sai sứ đến bản đạo úy lạo cõi xa xôi. Hoàng đế băng lòng, vẫn lấy Minh Đề làm Hoan Châu Thủ sử.

Năm thứ hai (1005), tiết Thượng nguyên, ban tặng tiền cho Minh Đề, sai cùng với sứ thần của Chiêm Thành, Đại Thực xem đèn yến ẩm. Nhân sai Công bộ Viên ngoại lang Thiệu Việp (邵暉) làm sứ giả mang quốc thư sang.

Năm thứ ba (1006), Hoàn chết¹, lập con thứ là Long Việt (龍鉞). Anh Long Việt là Long Toàn (龍全)² cướp tiền kho báu trốn, em là Long Đinh (龍廷)³ giết Long Việt tự lập. Anh Long Đinh là Minh Hộ (明護)⁴ đem quân trại Phù Lan đến đánh. Minh Đề vì cớ nước loạn không thể về được, Hoàng đế ban đặc chiếu cho Quảng Châu tư cấp cho chu đáo. Bọn Tri Quảng Châu là Lăng Sách (凌策) tâu: “Các con Hoàn tranh lập, lòng dân li tán, bọn thủ lĩnh các động là Hoàng Khánh Tập, Hoàng Tú Man (黃秀蠻) hơn ngàn người vì cớ không nghe theo sai bảo, thân tộc bị giết, chạy đến Liêm Châu, xin phát quân bản đạo hai ngàn người sang đánh dẹp, bọn Khánh Tập nguyện sẽ đi tiên phong.” Hoàng đế cho, Hoàn vốn trung thuận, nhiều lần sang tiến cống, nay nhân khi rối loạn, đánh phạt kẻ có tang, thì không

1. TT.BK.q1 chép: Lê Hoàn mất tháng Ba, năm Ất Tị (1005) và có cước chú: “Sách địa chí bản cũ chép vua băng năm Bính Ngọ (1006) đó là lây khi Lê Ngọa Triều thỉnh mệnh nhà Tống mà nói, không đúng. Nay theo Lê Văn Hưu là đúng”. Ở đây có lẽ Tống sử cũng đã chép năm mất của Lê Hoàn khi nhận được biếu táu báo tang. Vì lý do này, năm mất của các vua nhà Lý sau này cũng thường bị ghi muộn hơn một năm như vậy.

2. Long Việt là con thứ ba của Lê Hoàn. Con trưởng của Lê Hoàn là Long Thâu mất sớm, như vậy Long Việt chỉ còn một người anh ở trên. Sử nước ta chép tên là Long Tích (龍錫).

3. TT.BK.q1 chép là Long Đĩnh (龍鋌).

4. Sử nước ta chép tên là Long Cân (龍針) là con thứ sáu của Lê Hoàn, em của Long Đĩnh.

được. Bèn đổi Quốc tín sứ Thiệu Việp làm Duyên hải An phủ sứ, sai hiểu dụ cho biết. Bọn Khánh Tập thì tính số nhân khẩu mà ban cho ruộng đất lương thực. Việp bèn gửi thư sang Giao Châu, tuyên dụ uy đức triều đình, nếu như còn tự coi nhau như cá thịt, lâu ngày mà không định ngôi vị được, thì sẽ cho quân sang hỏi tội, khi ấy họ Lê sẽ phải tận diệt vậy. Minh Hộ sợ hãi, liền tôn phụng Long Đinh làm chủ việc quân.¹ Long Đinh tự xưng là Tiết độ Khai Minh vương, dự tính sang cống. Việp nghe tin tâu lên, Hoàng đế nói: “Cõi xa xôi khác tục, không hiểu sự thể, có gì đáng trách đâu?” Rồi sai bãi bỏ các chức nguy quan. Việp lại tâu, thủ lĩnh Hoàng Khánh Tập đã chạy trước đến Quy Hóa lánh nạn, người trong bộ tộc còn nhiều, nếu lại sai về, sợ rằng sẽ bị giết hại. Triều đình chiếu cho lấy Khánh Tập làm nha dịch thuộc ba ban², đến lo việc ở Sâm Châu, rồi cho phép sang cống.

Năm thứ tư (1007), Long Đinh xưng là Quyền An Nam Tĩnh Hải quân lưu hậu, sai em là Phong Châu Thứ sử Minh Sưởng (明昶), Phó sứ An Nam chưởng thư ký, Điện trung thừa Hoàng Thành Nhã sang cống. Gặp dịp ở điện Hàm Quang có đại yến, Hoàng đế thấy Thành Nhã ngồi xa, muốn thăng vị lên một chút cho gần hơn, hỏi Tể tướng Vương Đán (王旦), Đán nói: “Xưa, Tử Sản (子產)³ sang chầu nhà Chu, Chu vương cho được hưởng lễ thượng khanh, Tử Sản cố từ chối, rồi nhận lê hạ khanh mà quay về. Nhà nước ban ân huệ cho nơi phương xa, ưu đãi khách sứ, cho nên không hiềm ngại gì cả.” Bèn thăng cho Thành Nhã ngồi vào hàng Thượng thư sảnh, ngũ phẩm. Xuống chiếu thăng cho Long Đinh vị Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái úy, sung các chức: Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Quan sát sứ, Xử trí sứ; An Nam đô hộ, kiêm Ngự sử đại phu, Thượng trụ quốc. Văn phong là Giao Chỉ quận vương, thực ấp ba ngàn hộ, thực phong một ngàn hộ. Ban cho là Thôi thành Thuận hóa công thần, lại ban cho tên là Chí Trung (至忠), cấp cho cờ tinh cờ tiết. Lại truy tặng Hoàn chức Trung thư lệnh, Nam Việt vương. Bọn sứ giả sang sứ là Lê Minh Sưởng đều được thăng trật.

1. TT.BK.q1 chép năm 1006, vua Long Đĩnh đem quân vây trại Phù Lan, trong trại hết lương ăn nên Ngự Bắc vương Long Cân trói Trung Quốc vương Long Kính đem ra hàng.

2. Ba ban: tức ba ban sai dịch: Tạo, Tráng, Khoái.

3. Tử Sản: nhà chính trị, nhà tư tưởng, quý tộc nước Trịnh thời Đông Chu.

Năm Đại Trung Tường Phù nguyên niên (1008), Hoàng đế có thư xuống gia phong cho (Chí Trung) là Dực đới công thần, thêm thực ấp bảy trăm hộ, thực phong ba trăm hộ. Xong lễ “Đông phong”¹, lại gia cho Chí Trung là Đồng bình chương sự, thêm thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ.

Năm thứ hai (1009), Quảng Nam tây lộ tâu, người man ở Khâm Châu cướp các hộ người Đán ở cửa bể. Chủ trại Nhu Hồng là Lý Văn Trú (李文著) đem khinh binh tập kích đuối được, đến giữa dòng thì bị trúng tên chết. Triệu đình xuống chiếu đốc thúc An Nam bắt giặc cướp. Năm sau, (An Nam) bắt mười ba tên người Địch, người Lào đem dâng. Chí Trung lại sai Thôi quan Nguyễn Thủ Cương (阮守疆) đem sừng tê, ngà voi, vàng bạc, tơ lụa đến cống, lại dâng một con tê giác đã thuần. Hoàng đế cho té giác trái thổ nghi, không thể nuôi được, bèn từ không nhận. Rồi lại nghĩ như vậy trái với ý của Chí Trung, nên sứ giả đã đi rồi, liền sai đem thả té giác ở bãi bể.

Năm thứ ba (1010), (Chí Trung) sai sứ sang châu, dâng biểu xin các đồ giáp trụ, chiếu cho được như đã xin. Lại xin cho dân được buôn bán với nhau ở Ung Châu, chức Chuyển vận sứ ở đạo ấy tâu lên, Hoàng đế nói: “Dân chúng ven biển, nhiều lần tai vạ vì Giao Châu xâm nhiễu. Trước đây chỉ cho phép Liêm Châu cùng trại Nhu Hồng cùng qua lại buôn bán, ấy là để khống chế cho nơi biên cương xa xôi vậy. Nay nếu cho vào thẳng nội địa, việc ấy càng bất tiện.” Bèn chiếu cho bản đạo lấy cựu chế ra dụ cho biết.²

Chí Trung mới hai mươi sáu tuổi³, hà khắc bạo ngược không có khuôn phép nào, người trong nước đều không theo. Đại hiệu Lý Công Uẩn (李公蘊) rất được Chí Trung thân cận tín nhiệm, từng sai lấy theo họ Lê. Năm ấy, (Lý Công Uẩn) bèn mưu phản Chí Trung, đuối đi, giết bạn Minh Đề, Minh Sưởng, tự xưng là Lưu hậu, sai sứ đến cống phụng. Hoàng đế nói: “Lê Hoàn bất nghĩa mà được ngôi, Công Uẩn lại học theo lối ấy, thật đáng ghét vậy.” Nhưng lại cho là tục

1. Đông phong: tức lễ Phong thiện ở Đông nhạc Thái Sơn.

2. TT.BK.q1 chép việc này xảy ra năm 1009.

3. TT.BK.q1 chép vua Lê Long Đĩnh sinh năm 986, mất năm 24 tuổi.

man không đáng trách, bèn theo việc cũ của Hoàn, ban chế sách trao cho vị Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái phó, sung Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Quan sát sứ, Xử trí sứ, An Nam đô hộ, kiêm Ngự sử đại phu, Thượng trụ quốc, phong Giao Chỉ quận vương, thực ấp ba ngàn hộ, thực phong một ngàn hộ, ban cho là Thôi thành Thuận hóa công thần. Công Uẩn lại dâng biểu xin chữ ngự thư của Thái tông, chiếu tặng cho một trăm bức.

Năm thứ tư (1011), tế Hậu thổ ở Phần Âm, Công Uẩn sai Tiết độ phán quan Lương Nhậm Văn (梁任文), Quan sát tuân quan Lê Tài Nghiêm (黎再嚴) đem phương vật đến cống.¹ Lễ xong, lại gia cho Công Uẩn là Đồng bình chương sự, thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ. Bọn Nhậm Văn đều được ưu ái thăng trật.

Mùa hạ năm thứ năm (1012), lấy sứ (An Nam) sang cống là Lý Nhân Mỹ (李仁美)² làm Thành Châu Thủ sứ, Đào Khánh Văn (陶慶文) làm Thái thường thừa, những kẻ phục dịch đi theo có người nào bị ốm chết trên đường, đều được ban cho đem theo quay về nhà. Đông năm ấy, Thánh tổ giáng thiên thư³, lại gia phong cho Công Uẩn Khai phủ nghi đồng tam ty, thực ấp bảy trăm hộ, thực phong ba trăm hộ, tặng Dực đới công thần.

Mùa xuân năm thứ bảy (1014), lại gia tặng là Bảo tiết Thủ chính công thần, thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ. Chiếu cho sứ giả đến cống của các nước như Giao Chỉ, ai ở sứ quán đều được ban cho đồ ăn thức dùng sung túc. Năm ấy, (Công Uẩn) sai bọn Tri Đường Châu Thủ sứ Đào Thạc (陶碩) đến cống.⁴ Chiếu lấy Thạc làm Thuận Châu Thủ sứ, sung An Nam Tĩnh hải quân Hành quân tư mã;

1. TT.BK.q2 chép sự kiện này là ở năm 1010.

2. TT.BK.q2 chép tên là Lý Nhân Nghĩa và lần đi sứ này là ở năm 1011.

3. Chỉ việc Tống Chân tông muốn tô vẽ điềm thái bình, nói với tể tướng Vương Đán rằng, năm mơ thấy Ngọc hoàng lệnh tổ tiên họ Triệu ban cho mình thiên thư, tháng Mười năm Đại Trung Tường Phù thứ năm sẽ nhận được. Đến tháng Mười năm ấy, quả nhiên có thiên thư giáng ở mẩy nơi, Tống Chân tông bèn truy tôn Thái tổ Triệu Khuông Dận là Thượng linh cao đạo cửu thiên tư mệnh bảo sinh Thiên tôn đại đế, miếu hiệu là Thánh tổ.

4. TT.BK.q2 chép tên của viên quan này là Thái bảo Đào Thạc Phụ (陶碩輔) và lần đi sứ này là ở năm 1012.

phó sứ Ngô Hoài Tự (吳懷嗣)¹ làm Trừng Châu Thủ sứ, sung Tiết độ phó sứ. Trước kia, người Địch, Lao ở Giao Châu là Trương Bà Khán (張婆看) tránh tội chạy sang theo, Tri Khâm Châu là Mục Trọng Dĩnh (穆重穎) vời tới, đến nửa đường lại chặn lại, Đô tuân kiểm Tang Tự (臧嗣) bèn lệnh cho trại Như Hồng đem trâu rượu ra khao lao. Giao Châu dò thám được việc ấy, nhân bắt những người Địch, Lao, bèn đến phá trại Như Hồng, cướp đoạt người và gia súc rất nhiều. (Triều đình) chiếu cho Chuyển vận ty đốc thúc Công Uẩn đòi trả lại, đồng thời lệnh cho quan lại ngoài biên từ nay không được chiêu dụ người Man, Lao đến để sinh chyện. Công Uẩn hoặc cách năm, hoặc liên năm lại đem phương vật tới cống.

Năm Thiên Hi nguyên niên (1017), tiến phong Công Uẩn làm Nam Bình vương, tăng thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ.²

Năm thứ ba (1019), gia phong Kiểm hiệu Thái úy, thực ấp một ngàn hộ, thực phong bốn trăm hộ. Mỗi khi gia ân đều sai sứ đem mệnh đến biên cảnh, lại ban tặng cho các đồ khí dụng tiền bạc, áo bộ, đai vàng, yên ngựa.

Nhân tông lên ngôi, gia phong cho Công Uẩn là Kiểm hiệu thái sư. (Công Uẩn) sai Tràng Châu Thủ sứ Lý Khoan Thái (李寬泰)³, Đô hộ phó sứ Nguyễn Thủ Cương đến cống.

Năm Thiên Thánh thứ sáu (1028), lại sai Hoan Châu Thủ sứ Lý Công Hiển (李公顯)⁴ đến cống, bèn đổi cho làm Tự Châu Thủ sứ. Rồi đó, (Công Uẩn) sai con em cùng con rể là Thân Thừa Quý (申承貴) đem binh sang đánh cướp, (triều đình) chiếu cho Quảng Nam tây lộ Chuyển vận ty đem đinh tráng các khe động ra đánh bắt lấy. Chưa bao lâu sau, thì (Công Uẩn) chết, thọ bốn mươi tư tuổi.⁵

1. TT.BK.q2 chép tên của viên quan này là Viên ngoại lang Ngô Nhuưỡng (吳壤).

2. TT.BK.q2 chép sự kiện này là ở năm 1016.

3. TT.BK.q2 chép là Nguyễn Khoan Thái (阮寬泰) trong lần đi sứ ở năm 1021.

4. TT.BK.q2 chép là Lý Trưng Hiển (李徵顯) trong lần đi sứ ở năm 1026.

5. TT.BK.q2 chép Lý Thái tổ sinh năm 974, thọ 55 tuổi.

Con (Công Uẩn) là Đức Chính (德政)¹ tự xưng là Quyền tri Lưu hậu sự, sang báo tang. Tặng cho Công Uẩn chức Thị trung, Nam Việt vương, mệnh cho Chuyển vận sứ bản đạo là Vương Duy Chính (王惟正) làm Tế điện sứ, lại làm Tứ quan cáo sứ. Cho Đức Chính làm Kiểm hiệu Thái úy, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ, Giao Chỉ quận vương.

Năm Thiên Thánh thứ chín (1031), (Đức Chính) sai bọn Tri Phong Châu Thủ sứ Lý Ốc Thuyên (李偓佺)², Tri Ái Châu Thủ sứ Soái Nhật Tân (帥日新) sang tạ ơn. Lấy Ốc Thuyên làm Hoan Châu Thủ sứ, Nhật Tân làm Trần Châu Thủ sứ.

Năm Minh Đạo nguyên niên (1032), (Đức Chính) sang kính tạ, gia phong Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự.

Niên hiệu Cảnh Hựu³, người đất ấy là bọn Trần Công Vĩnh (陳公永) hơn sáu trăm người xin sang nội phụ, Đức Chính sai hơn ngàn quân đến biên cảnh đuổi bắt. Triều đình hạ chiếu sai bọn chúng quay về, lại rắn Đức Chính không được giết hại. Ít lâu sau (Đức Chính) sai Tĩnh Hải quân tiết độ phán quan Trần Ứng Cơ (陳應機), Chuởng thư ký Vương Duy Khánh (王惟慶)⁴ sang cống. Lấy Ứng Cơ làm Thái tử trung doãn, Duy Khánh làm Đại Lý tự thừa, gia phong Đức Chính là Kiểm hiệu Thái sư.

Năm thứ ba (1036), người man ở động Giáp, cùng châu Lạng, châu Môn, châu Tô Mậu, châu Quảng Nguyên, động Đại Phát, huyện Đan Ba ở đất ấy, sang đánh châu Tư Lăng, châu Tây Bình, châu Thạch Tây cùng các động thuộc Ung Châu, cướp cư dân và trâu ngựa, đốt phá nhà cửa rồi đi. Triều đình hạ chiếu trách hỏi, lại lệnh cho bắt bọn tù trưởng cầm đầu để hỏi tội rồi báo sang.

Năm Bảo Nguyên nguyên niên (1038), tiến phong (Đức Chính) làm Nam Bình vương.

1. Tức Thái tông Lý Phật Mã.

2. TT.BK.q2 chép là Lê Ốc Thuyên (黎偓佺) trong lần đi sứ ở năm 1030 cùng Nguyễn Việt Thành (阮曰親).

3. Cảnh Hựu: niên hiệu của Tống Chân tông từ năm 1034-1038.

4. TT.BK.q2 chép Vương Văn Khánh (王文慶) trong lần đi sứ ở năm 1034..

Năm Khang Định nguyên niên (1040), (Đức Chính) sai bọn Tri Phong Châu Thủ sứ Soái Dụng Hòa (帥用和), Tiết độ phó sứ Đỗ Do Hưng (杜猶興)¹ sang cống.

Năm Khánh Lịch thứ ba (1043), lại sai Tiết độ phó sứ Đỗ Khánh An (杜慶安), Tam ban phụng chúc Lương Tài (梁材)² sang. (Triều đình) lấy Khánh An làm Thuận Châu Thủ sứ, Tài làm Thái tử tá giám môn suất phủ suất³.

Năm thứ sáu (1046), lại sai Bình bộ viên ngoại lang Tô Nhân Tộ (蘇仁祚), Đông đầu cung phụng quan Đào Duy Cố (陶惟/巾雇) sang, lấy Nhân Tộ làm Công bộ lang trung, Duy Cố làm Nội điện sùng ban.

Năm sau, lại sai Bí thư thừa Đỗ Văn Phủ (杜文府), Tả thị cẩm Văn Xương (文昌) sang, lấy Văn Phủ làm Đồn điền Viên ngoại lang, Xương làm Nội điện sùng ban.

Khi xưa, Đức Chính phát binh lấy Chiêm Thành, triều đình nghi bén trong việc ấy có mưu gian, bèn hỏi xem đường xá giao thông qua lại từ đời Đường đến nay, phàm có mười sáu chỗ, sai Chuyển vận sứ Đỗ Kỷ (杜杞) xem liệu những chỗ trọng yếu mà cho quân canh giữ. Nhưng sau đó, (Đức Chính) cũng chưa từng vào cướp phá biên cương lần nào, trước sau nhiều lần đem cống voi nhà.

Năm Hoàng Hựu thứ hai (1050), Ung Châu dụ bọn Vi Thiệu Tự (韋紹嗣), Thiệu Khâm (紹欽) hơn ba ngàn người ở châu Tô Mậu đất ấy sang ở đất của tỉnh, Đức Chính dâng biểu xin lại những người bị dụ sang, triều đình hạ chiếu cho trả lại hết, lại lệnh Đức Chính ước thúc những hộ dân ở biên giới, không xâm phạm lẫn nhau. Về sau, dân man ở châu Quảng Nguyên là Nùng Trí Cao (儂智高) phản, Đức Chính đem hai vạn quân đi theo đường thủy định vào giúp quân

1. TT.BK.q2 chép là Sư Dụng Hòa (帥用和) và Đỗ Hưng (杜興) trong lần đi sứ ở năm 1039.

2. TT.BK.q2 chép là Đỗ Khánh (杜慶) và Lương Mậu Tài (梁茂才) trong lần đi sứ ở năm 1042.

3. Suất phủ: tên một cơ quan thời xưa, được đặt từ đời Tần, đến đời Tấn có năm "suất phủ" là: tả vệ suất, hữu vệ suất, tiền vệ suất, hậu vệ suất và trung vệ suất. Đến đời Đường có mười suất phủ, đều là thuộc quan của thái tử, nắm việc binh trượng, nghi vệ, canh giữ ở đông cung. Suất phủ suất: là chức đứng đầu một suất phủ.

triều đình, triều đình khen ngợi ý ấy, nhưng từ chối không mượn đến quân.¹ Năm Chí Hòa thứ hai (1055), Đức Chính qua đời².

Con (Đức Chính) là Nhật Tôn (日尊)³ sai người sang báo tang, (triều đình) mệnh Quảng Nam tây lộ Chuyển vận sứ, Thượng thư Đôn điền viên ngoại lang Tô An Thế (蘇安世) làm sứ sang điều tặng, tặng cho Đức Chính là Thị trung, Nam Việt vương, cùng lể vật rất hậu. Không bao lâu, lại cho Nhật Tôn làm Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái úy, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ, phong Giao Chỉ quận vương.

Năm Gia Hựu thứ ba (1058), cống hai con dì thú.⁴

Năm thứ tư (1059), vào cướp Ty Lãm Quản⁵, Khâm Châu.

Năm thứ năm (1060), cùng quân giặc ở động Giáp vào cướp Ung Châu. Triều đình chiếu cho Tri Quế Châu là Tiêu Cố (蕭固) đem quân bản bộ cùng Chuyển vận sứ Tống Hàm (宋咸), Đề điểm hình ngục Lý Sư Trung (李師中) cùng nghị việc chặn đánh. Lại chiếu cho bọn An phủ sứ Du Tĩnh (余靖) phát binh chinh thảo. Tĩnh sai gián điệp dụ Chiêm Thành cùng binh giáp của Quảng Nam tây lộ cùng tiến sang Giao Chỉ. Nhật Tôn sợ hãi, dâng biểu đợi tội. Triều đình xuống chiếu chưa được cử binh, bằng lòng cho Nhật Tôn đem cống phụng đến kinh sư.

Năm thứ tám (1063), (Nhật Tôn) sai Văn tư sứ Mai Cảnh Tiên (梅景先), phó sứ Đại lý bình sự Lý Kế Tiên (李繼先) sang cống voi nhà.

Năm thứ chín (1064), tháng Tư, ngày Mậu Dần, lấy chiếu chỉ cùng những đồ vật mà Đại hành Hoàng đế⁶ để lại tặng cho Nhật Tôn, gia phong làm Đông trung thư môn hạ Bình chương sự. Ngày hôm

1. TT.BK.q2 chép việc Nùng Trí Cao làm phản và nhà Lý xin đem quân sang đánh giúp là ở năm 1052.

2. TT.BK.q2 chép Lý Thái tông mất ngày mồng một, tháng Mười, năm Giáp Ngọ (1054).

3. Tức Lý Thánh tông.

4. TT.BK.q3 chép sự kiện này là ở năm 1057.

5. Ty Lãm Quản: địa danh, ở tây nam Phòng Thành, Quảng Tây hiện nay.

6. Tức chỉ Tống Nhân tông.

ấy, sứ Giao Chỉ từ biệt quay về. (Nhật Tôn) mệnh Nội thị sảnh áp ban Lý Kế Hòa (李繼和) dụ cho Thân Thiệu Thái (申紹泰) vào cướp, địa phương nhiều lần xin cho quân thảo phạt, nhưng triều đình cho Thiệu Thái chỉ là một tên cuồng phu, lại cho đạo ấy đã sai sứ sang tạ tội, cho nên chưa muốn hưng binh.

Đầu niên hiệu Trị Bình¹, Tri Quế Châu là Lục Sǎn (陸詵) tâu, Giao Châu đến xin con trai của Nùng Tông Đán (儂宗旦) là Nhật Tân (日新) và muốn lấy đất các động Ôn, Muộn.² Hoàng đế hỏi, Giao Chỉ cát cứ năm nào, phụ thần đáp rằng: “Từ niên hiệu Chí Đức nhà Đường đổi gọi là An Nam đô hộ phủ, đến niên hiệu Trinh Minh nhà Lương, thổ hào Khúc Thừa Mỹ chuyên nắm được đất ấy.” Hàn Kỳ (韓琦) nói: “Trước đây vì Lê Hoàn chống mệnh, Thái tông đã sai tướng sang thảo phạt, nhưng chúng không phục, sau (triều đình) sai sứ sang chiêu dụ, chúng mới thuận theo. Giao Châu đường núi hiểm trở, nhiều mây mù chướng độc, tuy được đất ấy, e rằng cũng chẳng giữ nổi vậy.”

Thần tông nối ngôi, tiến phong cho Nhật Tôn làm Nam Bình vương. Năm Hi Ninh nguyên niên (1068), gia phong Khai phủ nghi đồng tam ty.³

Năm thứ hai (1069), (Nhật Tôn) dâng biểu nói: “Nước Chiêm Thành từ lâu bỏ việc tiến công, thần đã thân cầm quân sang chinh thảo, bắt được vua nước ấy.” (Triều đình) chiếu lấy sứ giả là Quách Sĩ An (郭士安) làm Lục Trạch phó sứ, Đào Tông Nguyên (陶宗元) làm Nội điện sùng ban. Nhật Tôn tự xưng đế trong nước, tiếm xưng là *Pháp thiên Ứng vận Sùng nhân Chí đạo Khánh thành Long tướng Anh vū Duệ văn Tôn đức Thánh thân Hoàng đế*, tôn Công Uẩn làm Thái tổ Thần võ Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đổi niên hiệu là Bảo Tượng⁴, lại đổi thành Thần Vū.

1. Trị Bình: niên hiệu của Tống Anh tông từ 1064-1067.

2. Truyện về Nùng Tông Đán có chép trong *Tống sử - Quyển 495 - Man di 3 - Quảng Nguyên châu* ở phần sau.

3. TT.BK.q3 chép sự kiện này ở năm 1067 tức là năm cuối đời Tống Anh tông.

4. TT.BK.q3 chép là Thiên Huống Bảo Tượng.

Tháng Ba, năm thứ năm (1072)¹, Nhật Tôn qua đời. (Triều đình) sai Quảng Tây chuyển vận sứ Khang Vệ (康衛) làm sứ sang điếu tang và phong tặng, cho lại những châu huyện đã đoạt được trước đây. Chiếu viết rằng: “*Khanh vỗ giữ đất Giao Châu phương Nam, nối đời nhận vương tước, mà lại trái đức gian mệnh, trộm cướp biên thành. Bỏ cơ đồ trung thuận của tổ khảo, phiền cù binh thảo phạt cho triều đình. Ta tiến quân vào đã sâu, người thế nhụt mới quy thuận. Cú theo lỗi lầm, lẽ đáng truất phế. Nay đã sai sứ sang cống, dâng biểu cung kính. Xem kỹ lời nói ý tình, cũng thấy có lòng hối cải. Trảm vỗ nối muôn nước, xa cũng như gần. Nhưng xét dân chúng Ung, Khâm, bị cướp đem sang nơi nóng nực, từ lâu xa cách quê hương, đợi khanh đưa trả hết về địa giới bản quán, sẽ lập tức đem các châu Quảng Nguyên ban cho Giao Châu.*”

Càn Đức (乾德)² trước đây hẹn đem trả cho quan lại ở ba châu một ngàn người, rất lâu, mới trả lại hai trăm hai mươi mốt người dân. Con trai tuổi từ mười lăm trở lên đều thích vào trán mẩy chữ “Thiên tử binh”, từ hai mươi trở lên thì viết là “Đầu Nam triều”, phụ nữ thì thích vào cánh tay trái hai chữ “Quan khách”. Rồi đem thuyền chở đi, nhưng lấy bùn đất trét kín các cửa sổ, bên trong để đèn đuốc, một ngày chỉ đi một, hai chục dặm là dừng, mà già làm tiếng trống cầm canh báo giờ, mất mấy tháng trời mới đến nơi, nhưng lấy cớ nói dối là đường biển xa cách vậy. Đất Thuận Châu xuống sâu phía nam, đặt quân trấn thủ, nhiều người bị bệnh chết vì mắc chướng khí. Đào Bật (陶弼) cũng chết ở nơi làm quan. Triều đình biết là không dùng được, mới đem tất cả bốn châu, một huyện trả lại cho (Càn Đức). Nhưng Quảng Nguyên xưa là lệ thuộc Ung Châu cai quản, vốn không phải của Giao Chỉ vậy.³

1. TT.BK.q3 chép là Tháng Giêng, năm Nhâm Tý (1072).

2. Tức Lý Nhân Tông.

3. Ở đây, *Tống sử* đã bỏ trống hoàn toàn khoảng thời gian mười năm, từ sau năm Hi Ninh thứ năm, cho đến năm Nguyên Phong thứ năm, là thời gian có cuộc xâm lược của nhà Tống sang Đại Việt vào năm Hi Ninh thứ chín (1076). Sự kiện nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên, nhà Lý trả lại 221 người được CM.CB.q3 chép vào năm 1079, TT.BK.q3 thì chép nhà Lý trả người năm 1081. Xét lời chiếu của Tống Thần Tông có câu “*Ta tiến quân vào đã sâu, người thế nhụt mới quy thuận*” thi rõ ràng chiếu chỉ này viết sau năm 1076, sau khi quân Tống đã rút.

Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), dâng hai con voi nhà, cùng sừng tê ngà voi một trăm cái.

Năm thứ sáu (1083), lấy cớ là truy bắt Nùng Trí Hội (儂智會)¹, kéo sang phạm châu Quy Hóa. Lại sai bề tôi là Lê Văn Thịnh (黎文盛) đến Quảng Tây tranh biện về địa giới Thuận An, Quy Hóa. Kinh lược sứ Hùng Bản (熊本) sai Tả Giang tuần kiểm Thành Trác (成卓) cùng nghị luận, Văn Thịnh xưng là bối thân² không dám tranh chấp. Triều đình chiếu rằng Văn Thịnh có thể tuân theo ý tứ cung thuận của Càn Đức, ban tặng cho áo bào, đai lưng cùng năm trăm sấp lụa. Lại lấy sáu huyện Bảo Lạc, cùng hai động Túc Tang³ bên ngoài tám ải cho Càn Đức.

Triết tông lên ngôi, gia phong (Càn Đức) Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự. Niên hiệu Nguyên Hựu, (Càn Đức) lại mấy lần dâng biểu xin đất các động Vật Ác, Vật Dương, (triều đình) xuống chiếu không cho.

Năm thứ hai (1087), (Càn Đức) sai sứ sang cống, được tiến phong Nam Bình vương.

Thời Huy tông⁴, nhiều lần gia phong (Càn Đức) Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu Thái sư. Đầu những năm Đại Quan⁵, cống sứ đến kinh xin được mua thư tịch, hữu ty nói phép không cho thế. Hoàng đế xuống chiếu khen ngợi là chuộng nghĩa, trừ các loại sách cấm, sách bói toán, âm dương, lịch toán, thuật số, binh thư, sắc lệnh, thời vụ, biên cơ (việc cơ mật biên cương), địa lý ra, còn lại các sách khác đều cho phép được mua.

Cuối niên hiệu Chính Hòa⁶, lại xuống chiếu rằng, vì người Giao Châu từ đời Hi Ninh đến nay, đều không gây sự gì, đặc biệt lói lỏng việc cấm đoán buôn bán với nhau.

1. Nùng Trí Hội: em trai Nùng Trí Cao.

2. Bối thân: cách bè tôi của vua chư hầu xưng với thiên tử.

3. Sự kiện này, TT.BK.q3 chép vào năm 1084, và nhà Tống trả lại Đại Việt sáu huyện và ba động. CM.CB.q3 cũng chép tương tự, nhưng ghi rõ là ba động Túc Tang.

4. Tức khoảng thời gian từ 1100-1126.

5. Đại Quan: niên hiệu của Tống Huy tông từ 1107-1110.

6. Chính Hòa: niên hiệu của Tống Huy tông từ 1111-1118.

Năm Tuyên Hòa nguyên niên (1119), gia phong Càn Đức là Thủ tư không.

Năm Kiến Viêm nguyên niên (1127), chiếu cho Quảng Tây Kinh lược an phủ ty cấm dân biên giới không được tiếp nhận những kẻ trốn chạy khỏi An Nam, theo như lời xin của Càn Đức chúa nước ấy.

Năm thứ tư (1130), An Nam vào cống, triều đình xuống chiếu từ chối những đồ phuơng vật xa hoa, ban tặng sắc thư, cùng đáp tặng hậu hĩ để khiến giữ lòng nhu thuận vậy.

Năm Thiệu Hưng thứ hai (1132)¹, Càn Đức qua đời, tặng chức Thị trung, truy phong Nam Việt vương. Con là Dương Hoán (陽煥)² nối, trao cho là Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái úy, phong Giao Chỉ quận vương, ban tặng Thôi thành Thuận hóa công thần.³

Năm thứ tám (1138), Dương Hoán chết, lấy Chuyển vận phó sứ Chu Phất (朱芾) làm Điều tế sứ, tặng Dương Hoán Khai phủ nghi đồng tam ty, truy phong Nam Bình vương⁴. Con là Thiên Tộ (天祚)⁵ nối, nhận quan tuốc theo quy chế như cha mình khi mới lên ngôi.⁶

Năm thứ chín (1139), chiếu cho Quảng Tây soái ty không nhận cho Triệu Trí Chi (趙智之) vào cống. Trước đây, Càn Đức có người con vợ lẽ chạy sang Đại Lý, đổi tên họ là Triệu Trí Chi, tự xưng là Bình vương⁷. Nghe tin Dương Hoán chết, Đại Lý sai về nước, tranh ngôi

1. TT.BK.q3 chép Lý Nhân tông mất tháng Mười hai, năm Đinh Mùi (1127). Thời kỳ này, nhà Tống đang loạn lạc vì bị quân Kim đánh phải dời đô xuống phía nam, gọi là nhà Nam Tống. Có lẽ vì vậy, việc ghi chép thiếu chính xác.

2. Tức Lý Thần tông, con nuôi của Nhân tông.

3. TT.BK.q3 chép việc Lý Thần tông được phong Giao Chỉ quận vương hai lần, lần đầu là năm 1130, lần sau là năm 1132. Lời cẩn ánh trong CM.CB.q4 cho rằng năm 1132 là phong Lý Thần tông làm Nam Bình vương theo lệ các đời vua trước.

4. Các đời vua nhà Lý trước khi mất đều được truy phong là Nam Việt vương, có lẽ Tống sử chép nhầm chăng?

5. Tức Lý Anh tông.

6. Tức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái úy, phong Giao Chỉ quận vương. TT.BK.q4 chép việc này năm 1139.

7. TB.BK.q4 chép lời bàn của Ngô Thị Sĩ cho rằng Triệu Trí Chi chính là Thân Lợi. Thân Lợi nguyên là thầy bói, năm 1140 cùng đồ đảng làm phản. Năm 1141 tiếm xưng Bình vương. Cùng năm đó bị bắt và xử chém..

với Thiên Tộ, xin sang cống, để định mượn quân đưa mình về nước, nhưng Hoàng đế không bằng lòng.

Năm thứ mười bảy (1147), chiếu cho Văn tư viện làm các thức yên ngựa, cùng đệm lót yên ban tặng cho Thiên Tộ.

Năm thứ hai mươi mốt (1151), nhiều lần gia tặng cho Thiên Tộ là Sùng nghĩa Hoài trung Bảo tín Hương đức An viễn Thừa hòa công thần.

Năm thứ hai mươi lăm (1155), chiếu dựng quán cho sứ giả An Nam ở trạm dịch Hoài Viễn, ban yến, để tỏ rõ khác biệt. Tiến phong Thiên Tộ là Nam Bình vương, tặng cho áo bộ, đai vàng, yên, ngựa.

Năm thứ hai mươi sáu (1156), sai Hữu ty lang trung Uông Ứng Thần (汪應辰) thưởng yến cho sứ giả An Nam ở vườn Ngọc Tân. Tháng Tám, Thiên Tộ sai bọn Lý Quốc (李國) đem vàng, ngọc trai, trầm hương, lông trả, ngựa tốt, voi nhà sang cống. Chiếu gia phong cho Thiên Tộ làm Kiểm hiệu Thái sư, tăng thực ấp.

Năm Long Hưng thứ hai (1164), Thiên Tộ sai bọn Doãn Tử Tư (尹子思), Đặng Thạc Nghiêm (鄧碩儼) sang cống vàng bạc, ngà voi, hương liệu.

Năm Càn Đạo thứ sáu (1170), gia phong thêm cho Thiên Tộ là Quy nhân Hiệp cung Kế mỹ Tuân độ Lý chính Chương thiện công thần. Hoàng đế từ khi lên ngôi, nhiều lần khước từ cống sứ của An Nam.

Năm thứ chín (1173), Thiên Tộ lại sai Doãn Tử Tư, Lý Bang Chính (李邦正) xin sang cống. Hoàng đế khen thành ý, bằng lòng cho, chiếu đặt sứ quán ở trạm dịch Hoài Viễn. Quảng Nam tây lộ Kinh lược an phủ sứ Phạm Thành Đại (范成大) nói: “Bản ty kinh lược các dân man, thì An Nam ở trong vòng yên võ duy trì, bồi thắn đất ấy há được hưởng lễ ngang hàng với quan lại triều đình Trung Quốc ư? Đời Chính Hòa, cống sứ vào biên cảnh, đều đứng dưới sân, và không cần phải sang thăm lại. Nên tuân theo cựu chế, thì mới đúng lễ.” Triều đình theo như lời thỉnh.

Tháng Hai, năm Thuần Hi nguyên niên (1174), tiến phong Thiên Tộ là An Nam quốc vương, gia hiệu Thủ khiêm công thần.

Năm thứ hai (1175), ban tặng An Nam quốc ấn. Năm thứ ba (1176), tặng An Nam quốc lịch nhật. Thiên Tộ qua đời.¹

Năm sau, con là Long Trát (龍韜)² nối ngôi, (triều đình) trao cho các chức sứ Tĩnh Hải quân tiết độ, Quan sát, Xử trí, Đặc tiến, Kiểm hiệu Thái úy, kiêm Ngự sử đại phu, Thượng trụ quốc, đặc phong An Nam quốc vương, gia tăng thực ấp, vẫn tặng là Thôi thành Thuận hóa công thần. Lời chế sách viết: “*Nối nước vui theo phong cũ, đã là thế tập; Ngôi chân vương nay ban mệnh, nào đợi dần thăng?*”, để tỏ ra biệt lẽ vậy.

Năm thứ năm (1178), cống phương vật, dâng biểu tạ ơn.

Năm thứ chín (1182), (triều đình) có chiếu khuất từ không nhận voi của An Nam cống, vì cớ vô dụng mà lại phiền dân, những thứ khác cũng chỉ mười phân nhận một.

Năm thứ mười sáu (1189), gia phong thêm cho Long Trát là Thủ nghĩa Phụng quốc Lí thường Hoài đúc công thần.

Quang tông lên ngôi, (Long Trát) phụng biểu sang cống mừng. Triều Ninh tông, ban cho (Long Trát) đai áo, khí dụng, gia tăng thêm cho là Cản độ Tư trung Tế mỹ Cân lễ Bảo tiết Quy nhân Sùng khiêm Hiệp cung công thần, cùng tăng thực ấp.

Năm Gia Định thứ năm (1212), Long Trát qua đời³. Chiếu lấy Quảng Tây vận phán Trần Khổng Thạc (陳孔碩) làm sứ sang điếu tế, đặc tặng (Long Trát) chức Thị trung. Y theo chế độ của An Nam quốc vương trước đây, lấy con trai là Hạo Sảm (昊畧)⁴ tập phong tước vị, ban tặng như chế độ khi Long Trát mới lên ngôi, vẫn tặng là Thôi thành Thuận hóa công thần. Về sau không thấy có tạ biểu sang, nên không được gia ân.

1. TT.BK.q4 chép Lý Anh tông mất tháng Bảy, năm Ất Mùi (1175) - tức năm Thuần Hi thứ hai.

2. Tức Lý Cao tông. 2. TT.BK.q4 chú âm: 韜音札 vì vậy, chữ này đọc là “Trát”. Đồng thời, chép việc Lý Anh tông được phong An Nam quốc vương là năm 1164, sớm hơn mười năm so với Tống sử chép. Đây là lần đầu tiên Đại Việt được công nhận là một nước độc lập. TT.BK.q4 cũng chép sự kiện Doãn Tử Tư và Lý Bang Chính đi sứ là năm 1164, vua Tống ban cho tên nước là An Nam quốc, phong Lý Anh tông làm An Nam quốc vương.

3. TT.BK.q4 chép Lý Cao tông mất tháng Mười, năm Canh Ngọ (1210).

4. Tức Lý Huệ tông, TT.BK.q4 chép là “Huệ tông Hoàng đế húy Sảm” (không ghi chữ Hạo).

Hạo Sảm chết, không có con trai, lấy con gái là Chiêu Thánh (昭聖)¹ làm chủ việc nước, bèn bị con rể là Trần Nhật Cảnh (陳日寢)² giành lấy. Họ Lý được nước từ Công Uẩn tới Hạo Sảm phàm tám đời, hơn hai trăm hai mươi năm thì mất nước.

Năm Thuần Hựu thứ hai (1242), chiếu cho An Nam quốc vương Trần Nhật Cảnh, nguyên được ban tặng là Hiệu trung Thuận hóa Bảo tiết công thần, tăng thêm hai chữ “Thủ nghĩa”.

Năm Bảo Hựu thứ sáu (1258), xuống chiếu rằng tình hình An Nam khó lường, tăng cường chú ý phòng bị biên cương.

Năm Cảnh Định thứ hai (1261), (An Nam) cống hai con voi.

Năm thứ ba (1262), (An Nam) dâng biểu xin thế tập.³ Chiếu cho Nhật Cảnh chức Kiểm hiệu thái sư, An Nam quốc đại vương, gia tăng thực ấp. Con trai là Uy Hoảng (威晃)⁴, được trao Tỉnh Hải quân Tiết độ sứ, Quan sát Xứ trí sứ, Kiểm hiệu thái úy, kiêm Ngự sử đại phu, Thượng trụ quốc, An Nam quốc vương, Hiệu trung Thuận hóa công thần, ban tặng đai vàng, khí tệ, yên, ngựa.

Năm Hàm Thuần thứ năm (1269), chiếu cho An Nam quốc vương phụ Nhật Cảnh, Quốc vương Uy Hoảng đều tăng thực ấp.

Năm thứ tám (1272), lễ Minh đường xong, Nhật Cảnh, Uy Hoảng đều tăng thực ấp, được tặng các thức yên, ngựa.

1. Tức Lý Chiêu hoàng. TT.BK.q4 chép: “Chiêu Hoàng, trước húy là Phật Kim, sau đổi thành Thiên Hình”, sau mới là Chiêu Thánh Hoàng hậu của Trần Thái tông.

2. Tức Trần Thái tông. TT.BK.q5 chép: “Thái tông Hoàng đế, họ Trần, húy Cảnh, trước húy là Bồ”, không ghi chữ “Nhật”.

3. Lúc này Trần Thái tông đã nhường ngôi cho con (năm 1258), lui về là Thái thượng hoàng nên mới có việc xin thế tập.

4. Tức Trần Thánh tông. TT.BK.q5 chép: “Thánh tông Hoàng đế húy Hoảng”. Không có chữ “Uy”

II. TỔNG SỨ

QUYẾN 495 - MAN DI 3

QUẢNG NGUYÊN CHÂU

Người man ở châu Quảng Nguyên là họ Nùng. Châu ấy ở đầu nguồn sông Úc Giang, tây nam Ung Châu, đất cheo leo hiểm trở, sản hoàng kim, đan sa, có rất nhiều bộ lạc tụ cư thành ấp. Tục ở đó dân búi tóc cao, để vạt áo bên trái, giỏi đánh nhau, khinh chết hiếu loạn. Trước kia, họ Vi, họ Hoàng, họ Châu, họ Nùng làm thủ lĩnh, vẫn cướp đoạt lẫn nhau. Đời Đường, Ung quản Kinh lược sứ Từ Thân (徐申) yên võ rất hậu, họ Hoàng bèn nộp con tin, mà người man ở mười ba bộ, hai mươi chín châu đều an định. Từ khi người man Giao Chỉ chiếm cứ An Nam, thì Quảng Nguyên tuy gọi là châu ki mi¹ do Ung Châu cai quản, kỳ thực lại phục dịch Giao Chỉ.

Khi trước, có Nùng Toàn Phúc (儂全福)², coi châu Thảng Do, em trai là Tồn Lộc (存祿) coi châu Vạn Nhai, em vợ của Toàn Phúc là Nùng Dương Đạo (儂當道) coi châu Vũ Lặc³. Đến một ngày, Toàn Phúc giết Tồn Lộc, Dương Đạo, kiêm tính lấy đất. Giao Chỉ nổi giận, cử binh bắt Toàn Phúc và con là Trí Thông (智聰) đem về. Vợ (Toàn Phúc) là A Nùng (阿儂) vốn người Vũ Lặc ở Tả Giang, chuyển đến châu Thảng Do, được Toàn Phúc lấy làm vợ. Toàn Phúc bị bắt, A

1. Châu ki mi: là một chế độ châu huyện thời Đường đặt cho các vùng biên viễn, công nhận thổ hào địa phương, ban chức tước, cho thế tập. Trên lý thuyết là do triều đình quản lý, thực chất là khu tự trị.

2. TT.BK.q2 chép là Nùng Tồn Phúc (儂存福).

3. Thảng Do, Vạn Nhai, Vũ Lặc đều thuộc châu Quảng Nguyên.

Nùng bèn lấy một người thương nhân, sinh đứa con trai tên là Trí Cao (智高)¹. Trí Cao được mười ba tuổi, bèn giết người cha thương nhân, nói: “Thiên hạ há lại có hai cha ư?” Nhân mạo xưng họ Nùng, cùng mẹ chạy đến động Lôi Hỏa, người mẹ lại lấy Nùng Hạ Khanh (儂夏卿) ở đạo Đặc Ma.

Lâu dần, Trí Cao lại cùng mẹ ra chiếm cứ châu Thảng Do, dựng nước gọi là nước Đại Lịch. Giao Chỉ đánh hạ châu Thảng Do, bắt Trí Cao, nhưng tha tội, sai coi châu Quảng Nguyên, lại lấy bốn động Lôi Hỏa, Tần Bà... cùng châu Tư Lãng phụ thêm cho.² Được bốn năm, (Trí Cao) trong lòng oán Giao Chỉ, mới tập kích chiếm cứ châu An Đức, tiếm xưng Nam Thiên quốc³, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy.

Năm Hoàng Hựu nguyên niên (1049), (Trí Cao) vào cướp Ung Châu. Năm sau, Giao Chỉ phát binh thảo phạt, không hạ được. Quảng Tây chuyển vận sứ Tiêu Cố sai Ung Châu chỉ sứ Kỳ Uân (元贊) đến dò xét, nhưng Uân lại tự ý phát quân đánh Trí Cao, nên bị bắt. (Trí Cao) nhân hỏi tình hình hư thực của Trung Quốc, Uân trình bày đại lược cho biết, và thuyết phục Trí Cao nội phụ. Trí Cao bèn sai Uân về, dâng biểu xin tuế cống phuơng vật, nhưng triều đình chưa cho. (Trí Cao) lại đem voi nhà, vàng bạc sang dâng. Triều đình cho rằng châu ấy vốn thuộc Giao Chỉ, nên từ chối. Sau, lại đem thư để trong hộp vàng sang xin. Tri Ung Châu là Trần Củng (陳珙) báo lên, mà triều đình không hồi âm. Trí Cao xin không được, lại đang là cùu thù với Giao Chỉ, vả cây có lợi thế núi sông, bèn chiêu nạp những kẻ vong mệnh, nhiều lần đem áo rách ra đổi thóc ăn, nói đổi là trong động đói kém, bộ lạc li tán. Ung Châu tin là (Trí Cao) thế yếu, không hề phòng bị gì. (Trí Cao) bèn cùng tiến sĩ người Quảng Châu là Hoàng Vĩ (黃瑋), Hoàng Sư Mật (黃師宓) và bè đảng là bọn Nùng Kiến Hầu (儂建侯), Nùng Chí Trung (儂志忠) ngày đêm mưu tính vào cướp. Một tối, (Trí Cao) cho đốt hết sào huyệt, nói đổi quân chúng rằng: “Bao

1. TT.BK.q2 chép “Vua cho quân đuổi theo bắt được Tồn Phúc và bọn Trí Thông năm người. Chỉ có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát.” Như vậy theo sử nước ta thì không có chuyện Trí Cao là con của A Nùng với thương nhân như Tống sử chép.

2. TT.BK.q2 chép tên bốn động là Lôi Hỏa, Bình, An, Bà.

3. TT.BK.q2 chép: “Trí Cao làm phản, tiếm xưng là Nhân Huệ Hoàng đế, đặt quốc hiệu Đại Nam”.

nhiêu của cải bình sinh tích tụ, nay đã bị hỏa hoạn cháy rụi hết, không còn gì mà sinh sống nữa, kế đã cùng rồi. Nay nên hạ lấy Ung Châu, chiếm cứ Quảng Châu để tự xưng vương, nếu không tất chết.”¹

Tháng Tư, năm thứ tư (1052), (Trí Cao) dẫn năm ngàn quân men theo sông Úc Giang đi xuống phía đông, công phá trại Hoành Sơn, rồi phá Ung Châu, bắt bọn Tri châu Trần Củng, quân (Tống) chết hơn ngàn người. Trí Cao xem xét kho quân tư, tìm thấy thư của mình dâng khi trước, tức giận nói với Củng rằng: “Ta chỉ cầu xin một chức quan để thống lĩnh các bộ lạc, mà mày không tâu lên, thế là làm sao?” Củng đáp: “Tôi từng tâu rồi, nhưng không được trả lời.” (Trí Cao) đòi tìm bản thảo tờ tâu không thấy, bèn lôi Củng ra, Củng sợ hãi hô vạn tuế, xin tự dốc súc, nhưng Trí Cao không nghe, rồi bèn đem hết cả gia quyến của Củng cùng với Quảng Tây Đô giám Trương Lập (張立) ra giết. Lập khi lâm hình vẫn ra sức chửi rủa không chịu khuất. Trí Cao bèn tiếm hiệu là Nhân Huệ Hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, xá tội cho cả trong địa giới, từ bọn Sư Mật trở xuống đều xưng theo quan chức như của Trung Quốc.

Bấy giờ, thiên hạ yên bình đã lâu, các châu huyện ở Lĩnh Nam không hề có phỏng bị gì, một khi việc binh bất ngờ, thì không biết làm thế nào cả, các tướng trấn giữ phần đa bỏ thành mà trốn, cho nên Trí Cao càng đặc chí, liên tiếp phá chín châu: Hoành, Quý, Cung, Tâm, Đằng, Ngô, Phong, Khang, Đoan. Giết Tào Cận (曹覲) ở Phong Châu, Triệu Sư Đán (趙師旦), Mã Quán (馬貫) ở Khang Châu, ngoài ra giết hại các quan lại rất nhiều. Những nơi đi qua đều đốt kho tàng, rồi tiến binh vây Quảng Châu. Ban đầu, khi Trí Cao sắp tới, tướng giữ thành (Quảng Châu) là Trọng Giản (仲簡) không cho phép dân chúng vào trong thành để bảo vệ. Những kẻ không được vào thành đều quy phục Trí Cao hết, nên Trí Cao thế càng thêm mạnh. Trước đây, khi Ngụy Quán (魏瓘) dựng châu thành, cho đào giếng trũng nước, làm nò lớn để canh giữ. Đến đây, Trí Cao cho làm thang mây, đắp núi đất, đánh thành rất gấp. Lại cắt nguồn nước, nhưng

1. CM.CB.q3 chép việc Nùng Trí Cao xưng đế và đánh cướp Ung Châu lần đầu là năm 1048 và không chép việc Trí Cao đánh Ung Châu năm 1052. TT.BK.q2 chép Trí Cao xưng đế năm 1052 nhưng không chép việc Trí Cao đánh Ung Châu lần đầu.

thành trì kiên cố, nước giếng dùng không hết, nỏ bắn ra, trúng đâu liền tan vỡ đó, Trí Cao súc dần chún. Gặp khi Tri Anh Châu là Tô Giam (蘇緘) đóng quân ở thôn Biên Độ, chặn đường quay về của Trí Cao. Phiên Ngung Huyện lệnh Tiêu Chú (蕭注) môt quân địa phương cùng những kẻ cường tráng trên biển được hơn hai ngàn người, cùng đánh nhau với quân của Trí Cao, đốt cháy chiến thuyền của chúng. Chuyển vận sứ Vương Hân (王罕) cũng từ ngoài đến, (trong thành) càng tăng cường cố thủ. Trí Cao biết không thể hạ được, vây năm mươi bảy ngày, đến ngày Nhâm Tuất tháng Bảy thì giải vây rút đi, từ Thanh Viễn vượt qua sông, ôm gái, nổi nhạc mà đi. Gặp Trương Trung (張忠), lại đánh nhau ở Bạch Điền, Trung chết. (Trí Cao) lại đến đánh Hạ Châu, không hạ được. Trong đêm, giết Tưởng Giai (蔣偕) ở bãi Thái Bình. Tháng Chín, ngày Canh Thân, phá Chiêu Châu, giết bọn Vương Chính Luân (王正倫) ở trạm dịch Quán Môn. Núi non trong châu có mấy nơi hang động, cái lớn có thể chứa được vài trăm đến ngàn người. Dân chúng thấy quân giặc kéo đến, bèn chạy vào đó nấp. Trí Cao biết vậy, bèn phóng hỏa đốt chết hết. Tháng Mười, ngày Đinh Sửu, phá Tân Châu. Ngày Giáp Thân lại chiếm cứ Ung Châu, ngày đêm đốn cây làm thuyền bè, nói phao lên là lại xuống Quảng Châu. Tháng Chạp, ngày Nhâm Thân, (Trí Cao) lại đánh bại Trần Thự (陳曙) ở trạm dịch Kim Thành. Khi trước, nghe tin Trí Cao làm phản, triều đình sai Thự đến đánh dẹp, sau đó đến Dương Điền (楊畋), Tào Tu (曹脩), Trương Trung, Tưởng Giai nối nhau đi sau. Lại lấy Dư Tĩnh, Tôn Miện (孫沔) làm An phủ sứ. Điền, Tu nghe Trí Cao đến, lui quân tránh né. Trung, Giai hữu dũng vô mưu, đều chết cả. Trí Cao càng thêm hoành hành, cả đất miền nam đều rúng động. Nhân tông lấy làm lo, sai Địch Thanh (狄青) làm Tuyên phủ sứ, các tướng đều phải chịu sự tiết chế của Thanh. Thự sợ Thanh đến lập được công, bèn ra khiêu chiến, cho nên bị bại.

Tháng Giêng, năm thứ năm (1053), Thanh cùng Miện, Tĩnh hội quân ở Tân Châu, quân triều đình, cùng trai tráng địa phương gộp lại được hơn ba vạn một ngàn người, xét theo quân pháp, giết bọn Thự cùng Chỉ huy sứ Viên Dụng (袁用) 32 người ngay tại chỗ, toàn quân chấn động. Bèn tiến binh, Thanh làm tướng tiền đội, Miện làm tướng

thứ đội, Tĩnh làm tướng hậu đội, chỉ một ngày đêm đã vượt Côn Lôn quan, Quy Nhân phố. Trí Cao nghe quân triều đình đã vượt hiểm ải đến nơi, xuất kỳ bất ý, đem hết quân ra chống cự, tất cả đều cầm thuẫn lớn, giáo nhọn, mặc áo đỏ trông như sắc lửa. Trận thế của Thanh hơi chững lại, tiên phong Tôn Tiết (孫節) tử trận. Thanh lén xua đội Phiên Lạc kỵ binh, mở hai cánh tả hữu đánh vào phía sau quân Trí Cao. Cánh tả đánh bên phải, cánh hữu đánh bên trái. Rồi đó, cánh tả lại vòng sang đánh bên trái, cánh hữu vòng sang đánh bên phải, quân chúng không biết là thế nào, bèn đại bại tháo chạy. Đến lúc trời tối, Trí Cao lại chạy về Ung Châu, đang đêm đốt thành bỏ trốn, từ cửa Hợp Giang vào nước Đại Lý. (Thanh) thu được 5.341 thây giặc, đắp thành gò kinh quán. Bắt sống được hơn vạn người, cho trở về an nghiệp. Thu được chín cái ngụy ấn, cùng bọn ngụy quan từ Hoàng Sư Mật trổ xuống là 57 người, đều bêu đầu trên thành, trâu ngựa, vàng lụa cũng thu được kể số hàng vạn. Trí Cao từ khi khởi binh mới độ một năm, mà già xéo một phương, như đi vào chỗ không người, quan dân không chịu nổi tàn độc. Triều đình hạ lệnh đại xá, trao quan phục chức, yên võ đón đau, trăm họ lại như được sống lại vậy. Trước đây, có câu dao ngôn rằng: “*Nông gia chủng, Địch gia thu*” (Nhà nông cấy trồng, Hàng sáo thu lợi¹), sau (Nùng) Trí Cao làm phản, bị (Địch) Thanh phá, đều như lời ấy vậy.

Mẹ Trí Cao là A Nùng rất có mưu kế, Trí Cao công hâm thành ấp, phần nhiều nghe theo kế sách, cũng tiếm hiệu là Hoàng thái hậu, tính rất độc ác, nghiện ăn thịt trẻ con. Mỗi khi ăn tất giết một đứa trẻ. Trí Cao thua chạy, A Nùng vào giữ động Đặc Ma, nương dựa vào chồng là Nùng Hạ Khanh, thu thập tàn binh được hơn ba ngàn người, luyện tập kỵ chiến, định lại vào xâm phạm.

Đầu niên hiệu Chí Hòa², Dư Tĩnh đôn đốc bộ thuộc là Hoàng Phân (黃汾), Hoàng Hiến Khuê (黃獻珪), Thạch Giám (石鑑), cùng

1. Nguyên văn chữ Hán: “農家種，糴家收” Chữ 農 (Nông - nghĩa là ruộng), đồng âm với chữ 儂 (Nùng - họ Nùng của Trí Cao), chữ 糴 (Địch - nghĩa là đong thóc), đồng âm với chữ 犹 (Địch - họ Địch Thanh). (Trước đây, người đi đong thóc về xay giã thành gạo bán gọi là “hàng sáo”.)

2. Chí Hòa: niên hiệu của Tống Nhân tông từ 1054-1056.

tiến sĩ Ngô Thuấn Cử (吳舜舉) đem quân các động vào Đặc Ma chặn đánh, bắt được A Nùng cùng em Trí Cao là Trí Quang (智光), và con (Trí Cao) là Kế Tông (繼宗), Kế Phong (繼封), đóng cùi giải về kinh sư.¹ Lúc đầu, triều đình chưa muốn giết, hàng ngày vẫn cấp cho ăn uống, muốn để dụ Trí Cao tới, sau nghe lời đồn là Trí Cao đã chết, mới đem hết ra chém quăng thây ngoài chợ. Rồi đó, Tây Xuyên lại tấu Trí Cao chưa chết, đang mưu vào cướp Lê Châu, Nhã Châu. Triều đình xuống chiếu cho lộ ấy phòng bị. Ngự sử trung thừa Tôn Biện (孫抃) lại xin sắc cho Ích Châu sớm quản chế trước để an dân Thục. Nhưng, Trí Cao rốt không thấy, không thể biết là còn mất ra sao nữa.²

Họ Nùng lại có kẻ tên là Tông Đán, coi động Lôi Hỏa, cũng khá kiệt hiệt. Năm Gia Hựu thứ hai (1057), từng vào cướp. Tri Quế Châu Tiêu Cố vời đến nội phụ, lấy làm Trung vũ tướng quân, lại bổ con là Tri Ôn Muộn động (Nùng) Nhật Tân làm Tam ban phụng chức.

Năm thứ bảy (1062), cha con Tông Đán xin đem các động mà mình coi lĩnh là Lôi Hỏa, Kế Thành lệ thuộc huyện quan, và xin giữ châu Quy Lạc, vĩnh viễn làm dân triều đình. (Triều đình) xuống chiếu cho hai cha con mỗi người được thăng một bậc, lấy Tông Đán làm Tri Thuận An châu, được ban tặng trâu cày, muối, lụa. Năm ấy, Nùng Hạ Khanh, Nùng Bình (儂平), Nùng Lượng (儂亮) cũng từ Đặc Ma đem theo cả bộ tộc đến theo. Nhật Tân sau từng coi việc thuế ở Ung Châu. Niên hiệu Trị Bình, Tông Đán có hiềm khích với Lý Nhật Tôn, Lưu Kỷ (劉紀) ở Giao Chỉ, sợ bị uy bức, Tri Quế Châu là Lục Sằn nhân sai người đến thuyết phục, Tông Đán bèn bỏ châu, chạy sang theo, mệnh cho làm Hữu thiên Ngưu vệ tướng quân.

Lại có người man ở động Giáp, cũng lệ thuộc Giao Chỉ, thi thoảng lại sang cướp Ung Châu. Năm Cảnh Hựu thứ ba (1036), từng cướp gia súc ở động Bằng Tường, châu Tư Lăng, giết tướng ở trấn Đăng Long rồi đi. Năm Gia Hựu thứ năm (1058), họp với người man ở Giao Chỉ, Môn Châu được hơn năm ngàn người lại vào cướp, cùng đánh nhau với quan binh, chém đầu mấy trăm người. (Triều đình)

1. TT.BK.q2 chép tướng dẫn binh đánh động Đặc Ma là Đô giám Tiêu Chú.

2. TT.BK.q2 chép: "Trí Cao chạy sang nước Đại Lý. Người nước Đại Lý chém đầu Cao bỏ hòm đem dâng nhà Tống."

chiếu cho Tri Quế Châu Tiêu Cố đến Ung Châu phát binh các quận, cùng Chuyển vận sứ Tống Hảm, Đê điểm hình ngục Lý Sư Trung họp bàn đuổi đánh. Năm ấy, chúng vào cướp mấy lần, lại chiếu cho An phủ sứ Dư Tĩnh đánh dẹp.

Người man châu Tô Mậu cũng gần Ung Châu, niên hiệu Chí Hòa, Gia Hựu đều từng quấy rối biên cảnh.

III. NGUYÊN SỬ

QUYỀN 209 - NGOẠI DI 2

AN NAM

Nước An Nam, tức là đất Giao Chỉ xưa vây. Nhà Tần kiêm tính thiêng hạ, đặt ba quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận. Tần mất, Nam Hải úy Triệu Đà (趙佗) tiến đánh kiêm tính lấy đất. Nhà Hán đặt làm chín quận, Giao Chỉ là một trong số đó. Sau, có người con gái là Trưng Trắc (徵側) chống lại, (nhà Hán) sai Mã Viện (馬援) dẹp yên được, dựng cột đồng làm địa giới đất Hán. Nhà Đường mới chia Lĩnh Nam làm hai đạo Đông, Tây, đặt Tiết độ, lập ngũ quản¹, An Nam lệ thuộc vào đó. Nhà Tống phong Đinh Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ quận vương, con là Liễn cũng làm vương. Truyền qua ba đời thì bị Lý Công Uẩn đoạt lấy², bèn phong cho Công Uẩn làm vương. Họ Lý truyền qua tám đời đến Hạo Sảm, thì Trần Nhật Cảnh là con rể Hạo Sảm, bèn có được nước ấy.

Quý Sửu, Nguyên Hiến tông, năm thứ ba (1253), Ngột Lương Hợp Thai (兀良合台)³ theo Thế tổ⁴ đi bình định Đại Lý. Thế tổ trở về, lưu Ngột Lương Hợp Thai ở lại tiến đánh những dân di chưa phụ theo.

1. Theo *Cựu Đường thư - Địa lý chí* 4 thì niên hiệu Vĩnh Huy thời Đường Cao tông, triều đình chia Lĩnh Nam làm năm phủ: Quảng Châu, Quế Châu, Dong Châu, Ung Châu, Giao Châu, đều thuộc Quảng phủ đô đốc quản lý, vì chi năm phủ tiết độ, gọi là Lĩnh Nam ngũ quản.

2. Chỗ này, Nguyên sử đã chép thiếu thời kỳ nhà Tiền Lê cũng truyền qua ba đời.

3. Ngột Lương Hợp Thai: Tức Uriyangqatai (1201-1272), danh tướng của Đế quốc Mông Cổ, còn được phiên âm là Ô Lan Cáp Đạt (烏蘭哈達).

4. Chỉ Hốt Tất Liệt.

Đinh Ty, năm thứ bảy (1257), tháng Mười một, quân của Ngột Lương Hợp Thai đến phía bắc Giao Chỉ, trước hết sai hai người sứ giả đến dụ, nhưng không thấy quay lại, bèn sai bọn các tướng Triệt Triệt Đô (徹徹都)¹ mỗi người dẫn một ngàn quân, chia đường tiến binh, đến trên Thao Giang, Kinh Bắc, An Nam. (Ngột Lương Hợp Thai) lại sai con là A Truật (阿朮)² đến làm thanh viễn, đồng thời xem xét hư thực. Người Giao (Chỉ) cũng đem nhiều quân ra phòng vệ. A Truật sai quân về báo, Ngột Lương Hợp Thai kiêm đường tiến gấp sang, sai Triệt Triệt Đô làm tiên phong, A Truật đi sau làm điện hậu. Tháng Mười hai, hai cánh quân cùng hợp binh. Người Giao Chỉ kinh hãi. A Truật thừa thế, đánh bại thủy quân của Giao Chỉ, cướp chiến hạm đem về. Ngột Lương Hợp Thai cũng phá quân (Giao Chỉ) trên bộ, lại cùng A Truật hợp quân, đánh bại, bèn kéo vào trong nước. Nhật Cảnh trốn ra hải đảo.³ (Ngột Lương Hợp Thai) tìm được hai sứ giả mình sai đi khi trước ở trong ngục, đều bị dùng những mảnh tre bó vào mình, đâm thủng cả da. Đến khi cởi trói cho, thì một sứ giả đã chết. Nhân bèn san phẳng thành ấy. Quân triều đình lưu lại chín ngày, vì khí hậu oi nóng, bèn rút quân về. Lại sai hai sứ giả gọi Nhật Cảnh đến quy thuận. Nhật Cảnh quay về, thấy quốc đô đã bị tàn hủy cả, vô cùng phẫn hận, lại trói hai sứ giả đuối về.

Năm thứ tám, Mậu Ngọ (1258), tháng Hai, Nhật Cảnh truyền ngôi cho con trưởng là Quang Bính⁴ (光暉), đổi niên hiệu là Thiệu Long. Mùa hạ, Quang Bính sai con rể cùng người trong nước đem phương vật đến gấp. Ngột Lương Hợp Thai tiến đến tận nơi hành tại, lại sai riêng Nột Lạt Đinh (訥刺丁)⁵ tới dụ rằng: “Xưa ta sai sứ thông hảo, các người bắt giữ lại không cho về, cho nên năm ngoái ta mới đem quân đến. Vì có chúa nước ngươi đang bôn ba nơi thảo dã, lại sai hai sứ giả đến chiêu an cho về kinh đô, nhưng ngươi lại trói sứ giả của

1. Còn được phiên âm là Tề Tề Khắc Đồ (齊齊克圖).

2. A Truật: tức Aju, còn được phiên âm là A Châu (阿珠).

3. TT.BK.q5 chép là lui về giữ sông Thiên Mạc.

4. TT.BK.q5 chép: “Mậu Ngọ (1258)... Tháng Hai, ngày 24. Vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoàng.” Như vậy, Quang Bính tức Trần Thánh tông mà TT.BK.q5 chép tên là Hoáng, Tống sứ ghi tên là Uy Hoáng.

5. Còn được phiên âm là Nạp Liệt Đan (納哩丹).

ta đuối về. Nay đặc biệt sai sứ đến tuyên dụ, nếu như các ngươi có lòng nội phụ, thì quốc chủ hãy đích thân tới đây. Nếu còn không chữa, thì cũng nói rõ cho ta biết.” Quang Bình nói: “Tiểu quốc thành tâm phụng sự bê trên, thì đại quốc đãi lại thế nào?” Nột Lạt Đinh vê bẩm báo. Bấy giờ chư vương Bất Hoa (不花) đang trấn ở Vân Nam, Ngột Lương Hợp Thai nói với vương, lại sai Nột Lạt Đinh đến dụ, sai đi cùng sứ giả đến. Quang Bình bèn nạp khoản, lại nói: “Đại (thượng quốc) có tin tốt đến, sẽ lập tức sai con em sang làm tin.” Vương bèn sai Nột Lạt Đinh theo xe trạm dịch về triều tâu thỉnh.

Tháng Mười hai, năm Trung Thống nguyên niên (1260) đời Thế tổ, lấy Mạnh Giáp (孟甲) làm Lễ bộ lang trung, sung An Nam dù sứ, Lý Văn Tuấn (李文俊) làm Lễ bộ Viên ngoại lang, sung phó sứ, mang chiếu sang dụ. Đại lược nói rằng: “*Tổ tông ta lấy võ công sáng nghiệp, văn hóa chưa sửa sang. Trẫm kế thừa nghiệp lớn, dựng mới sửa cũ, mong muôn phuong nhất thống. Vừa rồi, bê tôi giữ nước Đại Lý là An phủ Nhiếp Chích Mạch Đinh (聶只陌丁)¹ chạy trạm dâng biểu báo rằng, nước khanh có lòng thành hướng về chính nghĩa. Nghĩ khanh thời tiên triều² trước đây đã từng thần phục, xa cống phuong vật, vì vậy ta ban chiếu chỉ, tuyên dụ với quan lại sĩ dân nước khanh: Phàm áo mũ đỉen lê phong tục nhất loạt theo như cựu chế của bản quốc. Ta đã răn các tướng ngoài biên không được tự ý dấy binh, xâm phạm cương thổ nước khanh, làm loạn nhân dân của khanh. Quan lại sĩ dân nước khanh, ai nấy nên an trị như cũ.*” Lại dụ bọn Giáp, nếu như Giao Chỉ cho con em sang chầu, thì phải đổi đãi chu đáo, chớ để cho nóng lạnh thất thường, khiến họ phải thêm lao khổ vậy.³

Năm thứ hai (1261), bọn Mạnh Giáp trở về, Quang Bình sai người trong họ là Thông thị đại phu Trần Phụng Công (陳奉公), Viên ngoại lang Chư vệ ký ban Nguyễn Sâm (阮琛), Viên ngoại lang Nguyễn Diễn (阮演) đến cửa khuyết dâng thư, xin ba năm một lần sang cống. Hoàng đế thuận theo lời xin, bèn phong Quang Bình làm An Nam quốc vương.

1. Còn phiên âm là Nãi Châu Bốc Đan (鼐珠 卜丹).

2. Chỉ nhà Tống.

3. TT.BK.q5 chép sự kiện này năm 1261.

Tháng Chín, năm thứ ba (1262), (Hoàng đế) lấy gấm Tây ba cuộn, gấm Kim thục sáu cuộn ban cho, lại giáng chiếu rằng: “*Khanh đã giao con tin làm bể tôi, thì bắt đầu từ năm Trung Thống thứ tư (1263), cứ ba năm một lần vào cống. Khá chọn lấy các hàng nho sĩ, thầy lang, cùng những người giỏi âm dương bốc phệ, thợ thuyền các nghề, mỗi hạng ba người, cùng với các thú: dâu Tô hợp, hương liệu, vàng, bạc, chu sa, trầm hương, đàn hương, tê giác, đồi mồi, trân châu, ngà voi, bông, chén sứ trắng đem cùng sang.*” Vẫn lấy Nột Lạt Đinh làm chức Đạt lỗ hoa xích¹, đeo hổ phù qua lại nước An Nam.

Tháng Mười một, năm thứ tư (1263), Nột Lạt Đinh về, Quang Bính sai Dương An Dưỡng (楊安養) làm Viên ngoại lang, cùng bọn Nội lệnh Vũ Phục Hoàn (武復桓)², Thư xá Nguyễn Cầu (阮求), Trung dực lang Phạm Cử (范舉) mang biểu sang tạ ơn. Hoàng đế ban cho các sứ giả đai ngọc, gấm lụa, thuốc bổ, cùng yên ngựa, dây cương nhiều ít khác nhau.

Tháng Bảy, năm Chí Nguyên thứ hai (1265), sứ giả (An Nam) về, lại có ân chiếu hồi đáp, tặng lịch cùng chiếu thư cải niên hiệu.

Tháng Mười hai, năm thứ ba (1266), Quang Bính sai Dương An Dưỡng sang dâng biểu báo về ba việc. Thứ nhất là tiến cống phương vật, thứ hai là xin miễn đòi những thợ giỏi, thứ ba là xin cho Nột Lạt Đinh làm chức Đạt lỗ hoa xích lâu dài ở nước mình.

Tháng Chín, năm thứ tư (1267), sứ giả (An Nam) về, chiếu đáp bằng lòng, lại ban tặng cho Quang Bính các thứ đai ngọc, vàng, lụa, thuốc bổ, yên ngựa, dây cương... Không bao lâu, (triều đình) lại hạ chiếu dụ bảo sáu việc: 1. Quân trưởng phải đích thân sang chầu; 2. Phải cho con em sang làm tin; 3. Biên dân số; 4. Cung quân dịch; 5. Phải nộp tô thuế; 6. Vẫn đặt chức Đạt lỗ hoa xích để cai trị. Tháng Mười một, lại xuống chiếu dụ Quang Bính, vì có nước ấy có các khách buôn người Hồi Hột, (triều đình) muốn hỏi thăm việc ở Tây Vực, hạ lệnh sai đem họ tới. Tháng ấy, xuống chiếu phong cho

1. Đạt lỗ hoa xích: tiếng Mông cổ: Darughachi, nghĩa là người cầm ấn tín, là một chức quan của đế quốc Mông Cổ đặt ra, có vai trò quản lý hành chính, thuế khóa,... ở một tỉnh hoặc các vùng đất lẻ thuộc.

2. TT.BK.q5 chép tên là Vũ Hoàn (武桓).

hoàng tử làm Vân Nam vương, đến trấn các nước Đại Lý, Thiện Xiển¹, Giao Chỉ.

Tháng Chín, năm thứ năm (1268), lấy Hốt Lung Hải Nha (忽籠海牙)² thay Nột Lạt Đinh làm Đạt lỗ hoa xích, Trương Đình Trân (張庭珍) làm phó, lại hạ chiếu trưng đòi những thương nhân người Hồi Hột.

Tháng Mười một, năm thứ sáu (1269), Quang Bính dâng thư trấn tình, nói: “Khách thương Hồi Hột, một người tên là Y Ôn (伊溫), đã chết lâu ngày; một người tên là Bà Bà (婆婆), gần đây cũng bị bệnh chết. Lại theo như Hốt Lung Hải Nha nói, bệ hạ muốn tìm mấy con voi lớn. Giống thú ấy thân hình rất lớn, đi lại rất chậm, không giống như ngựa của thương quốc. Xin kính đợi sắc chỉ, đến lần tiến cống năm sau sẽ đem tiến dâng vậy.” Lại có biểu nạp cống, và biểu riêng tạ ơn ban cho các thủ gốm Tày, vải lụa, thuốc thang.

Tháng Mười một năm thứ bảy (1270), Trung thư sảnh sức điệp cho Quang Bính, nói về việc (Quang Bính) nhận chiếu không bái lạy, đối đài với sứ giả không theo lễ vương nhân³, bèn dẫn nghĩa kinh Xuân Thu ra quở trách. Và lệnh đem voi lớn đã đòi cùng với đồ tuế cống sang. Lại nữa, những thứ được vật lần trước cống sang phẩm chất không tốt, những người Hồi Hột trưng, thì dùng lời lẽ trí trả đối lừa, những việc từ trước đến nay, hãy tự xem xét lại.

Tháng Mười hai, năm thứ tám (1271), Quang Bính phục thư đáp rằng: “Nước chúng tôi kính phụng thiên triều, đã được phong vương túc, há lại chẳng phải vương nhân ư? Sứ giả của thiên triều lại nói là vương nhân cùng ngang lề với nhau, e rằng làm nhục triều đình. Huống chi, nước chúng tôi trước đây từng được chiếu chỉ, cho theo như cựu tục. Phàm nhận chiếu lệnh, thì ở yên trên chính điện rồi lui tránh vào biệt thất, đó là điển lễ cũ của nước tôi vậy. Còn chỉ dụ đến đòi voi,

1. Tức Thiện Xiển phủ, thuộc Đại Lý xưa, nay thuộc tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

2. Còn phiên âm là Hòa Lâm Cáp Nhã (和琳哈雅).

3. Vương nhân: cách gọi sứ giả của thiên tử xưa. Vì ở dưới, trong phúc thư của Trần Thánh tông có nói: “Đã được phong vương túc, há chẳng phải vương nhân.” Nên người dịch để nguyên cách gọi ấy để độc giả so sánh từ dễ hiểu hơn. CM.CB.q7 và TB.BK.q5 chép việc vua ta biện minh việc không lạy sứ thần và chiếu thư là ở năm 1268.

khi trước nước tôi sợ xúc phạm thánh chỉ, cho nên vâng hay trái chưa dám nói thẳng, thực là vì có quản tượng không đành rời nhà, nên rất khó sai phái đi được. Lại có dụ đòi những hàng nho, y, thợ thuyền, nhưng hôm bọn bồi thần là Lê Trọng Đà (黎仲佗) sang bệ kiến, uy quang gân ngay gang tấc, mà không nghe thấy có chiếu dụ. Huống chi, năm Trung Thống thứ tư, đã được khoan thứ, mà nay lại có dụ việc ấy, thì sao khỏi quá đỗi kinh ngạc. Mong bệ hạ nghĩ lại cho.”

Năm thứ chín (1272), lấy Diệp Thức Niết (葉式捏)¹ làm Đạt lỗ hoa xích ở An Nam, Lý Nguyên (李元) làm phó.

Tháng Giêng năm thứ mười (1273), Diệp Thức Niết chết, mệnh cho Lý Nguyên thay Thức Niết, lấy Hợp Tát Nhi Hải Nha (合撒兒海牙)² làm phó. Trung thư sảnh lại sức điệp cho Quanh Bính rằng:

“Liền mấy năm, những kẻ phụng sứ quay về đều nói, vương mỗi khi nhận chiếu lệnh thiên tử, chỉ đứng chắp tay không bái lạy. Khi gặp gỡ hay dãi tiệc sứ giả, lại ngồi ở ngôi trên sứ giả. Nay xem thư gửi tới, thấy tự nói rằng đã nhận vương túc, há chẳng phải vương nhân ư? Nay xét trong kinh Xuân thu chép rằng, vương nhân đúng trên chư hầu, mà giải thích rằng: Vương nhân ấy là kẻ hạ sĩ vậy. Phàm năm bậc bang quân³, là hàng ngoại thần tôn quý. Còn kẻ hạ sĩ, chỉ là nội thần nhỏ nhoi thôi. Cho kẻ nhỏ nhoi mà ở ngôi trên hàng tôn quý, ấy là vì lấy vương mệnh làm trọng vậy. Đời sau lấy vương phong túc, là tôn quý hơn cả chư hầu, nhưng há lại có chuyện lấy vương túc mà cho là vương nhân ư? Vương phải chẳng không biết mà nói câu ấy ư? Hay là kẻ bể tôi lo việc chử nghĩa mệnh lệnh lâm nói câu ấy ư? Còn như chiếu của thiên tử, kẻ làm tôi phải bái mà nhận, ấy là nghĩa suốt xưa nay không có chuyện cho khác được vậy. Lại nói: trước được chiếu chỉ, cho theo như tục cũ, nước tôi tuân phụng theo đó mà làm, phàm nhân chiếu lệnh, thì ở yên trên chính điện rồi lui tránh vào biệt thất, đó là điển lễ cũ của nước tôi vậy. Đọc đến chỗ này, thực giật mình kinh ngạc. Vương nói ra câu đó, có thể tự an trong lòng không? Lời chiếu chỉ xưa

1. Cũng phiên âm là Diệp Thực Nột (葉實訥).

2. Cũng phiên âm là A Tát Nhĩ Cáp Nhã (阿薩爾哈雅).

3. Bang quân: quân chủ của các nước phiên bang.

nói, ấy là nói trong khoảng trời đất, chẳng phải chỉ có hàng vạn nước, mỗi nước đều có tục riêng, nếu lập tức bắt thay đổi, thì có điều bất tiện, cho nên thuận cho theo tục cũ, chứ há lại lấy việc không lạy chiểu thiên tử mà là lê tục sao? Vả, giáo lệnh của vương khi thi hành ở trong nước, trong đám tôi con có kẻ nhận mà bái lạy, thì vương cho là thế nào đây? Kẻ quân tử quý ở chỗ biết sửa lỗi, nghĩ vương cũng là người cao minh, hãy xem xét lại.”¹

Năm thứ mười một (1274), Quang Bình sai Đồng Tử Dã (童子治), Lê Văn Ân (黎文隱) sang cống.²

Tháng Giêng năm thứ mười hai (1275), Quang Bình dâng biểu xin bãi chức Đạt lỗ hoa xích ở nước mình, lời văn viết rằng:

“Vi thần xa xôi nơi góc bể, được ơn huệ giáo hóa của bệ hạ, vỗ yên chúng dân, thực khiến vui mừng nhảy nhót. Xin bệ hạ nghĩ đến thần từ sau khi quy phụ thương quốc, đã hơn mươi năm, tuy định rằng ba năm một lần sang cống, nhưng thực đã liên tục sai sứ thần, mệt nhọc qua lại, chưa từng một ngày nghỉ ngơi. Đến như thiên triều sai chức Đạt lỗ hoa xích, hạ cố đến nước thần, há lại có thể về suông. Huống chi những kẻ cùng đi theo, động một chút là cậy ý uy thế, lăng nhục tiểu quốc. Tuy thiên tử sáng suốt sánh cùng nhật nguyệt, cũng làm sao có thể soi sáng được cái chậu úp ngược. Vả chẳng chức Đạt lỗ hoa xích có thể thực thi với những nơi biên man mọi rợ, chứ há như thần đã được phong vương làm phiên đậu một phương, mà lại còn đặt Đạt lỗ hoa xích để đến giám sát, thì chẳng khiến cho các nước chư hầu cười chê ư? Hơn nữa, việc vì sợ có người giám sát mà cống nạp, thì sao có thể bằng được việc tự trong lòng vui phục mà cống nạp chứ? Thần kính gặp được thiên triều, dựng lập con nối, sách phong Hoàng hậu, ơn lớn vô cùng, lan khắp bốn bể, nên mới dám kêu xin, phủ phục trông mong thánh chúa nhân từ đặc biệt thương đến. Sau đây, nước thần xin cho đem hai lượt cống vật, một lượt đem đến Thiên Xiển dâng nạp, một lượt đem đến Trung Nguyên phụng hiến. Phàm các quan chức được thiên triều sai đến, xin đổi thành Dẫn tiến sú, mà thủ miễn cái tệ Đạt lỗ hoa xích. Như vậy thì chẳng

1. CM.CB.q7 và TB.BK.q5 chép việc này ở năm 1268.

2. TT.BK.q5 chép việc Đồng Tử Dã và Đỗ Mộc đi cống là năm 1272, không chép việc đi cống năm 1274.

nhưng là may mắn cho vi thân, mà thực là may mắn cho dân chúng cả nước vậy.”

Tháng Hai, lại giáng chiếu, cho các vật dâng cống vô bổ không dùng được vào việc gì, dù lấy sáu việc, lại sai Hợp Tát Nhi Hải Nha sung làm Đạt lô hoa xích, vẫn bắt (An Nam) phải cho con em sang châu.

Tháng Hai, năm thứ mười ba (1276), Quang Bình sai Lê Khắc Phục (黎克復), Lê Văn Túy (黎文粹)¹ sang cống, nhận rằng việc tấu thỉnh đến Thiện Xiển nạp cống là bất kính, mà dâng biểu tạ tội, và xin miễn sáu việc.

Năm thứ mười bốn (1277), Quang Bình chết², người trong nước lập Thế tử là Nhật Huyên (日烜)³, sai Trung thị đại phu Châu Trọng Ngạn (周仲彥), Trung lượng đại phu Ngô Đức Thiệu (吳德邵) đến châu.

Tháng Tám, năm thứ mười lăm (1278), (triều đình) sai Lễ bộ Thượng thư Sài Xuân (柴椿), Hội đồng quán sứ Cáp Lạt Thoát Nhân (哈刺脫因)⁴, Công bộ lang trung Lý Khắc Trung (李克忠), Công bộ Viên ngoại lang Đổng Đoan (董端), cùng bọn Lê Khắc Phục cầm chiếu thư sang dụ Nhật Huyên sang châu nhận mệnh. Ban đầu, xe sứ truyền giao thông, chỉ qua lại trong khoảng từ Thiện Xiển đến Lê Hóa. Hoàng đế mệnh cho Sài Xuân từ Giang Lăng đi thẳng đến Ung Châu, để tới Giao Chỉ. Tháng Mười một nhuận, bọn Sài Xuân đến trại Vĩnh Bình ở Ung Châu, Nhật Huyên sai người dâng thư, nói rằng: “Nay nghe tin quốc công hạ cố đến tệ quốc, biên dân chẳng ai không sợ hãi kinh ngạc, không biết là sứ giả nước nào tới đây, xin cho hồi quân theo đường cũ để đi sang.” Xuân viết điệp đáp rằng: “Lễ bộ thương thư và các quan phụng mệnh vua cùng người bản quốc là bọn Lê Khắc Phục

1. TT.BK.q5 chép là Lê Túy Kim (黎粹金). Việc này chép ở tháng Mười một năm 1275, có lẽ sang đến triều đình nhà Nguyên là tháng Hai năm 1276.

2. TT.BK.q5 chép: “Đinh Sửu (1277)... Mùa hạ, tháng Tư, ngày mồng một, Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ”. Như vậy, ở đây phải là Nhật Cảnh mất, chứ không phải Quang Bình. Có lẽ nhà Nguyên không hiểu việc nước ta vừa có Thái thương hoàng vừa có vua nên nhầm lẫn quân chủ chăng?

3. Tên trên văn thư giao thiệp với nhà Nguyên của Trần Thánh tông.

4. Cũng phiên âm là Cáp Lạt Thác Âm (哈喇托音).

theo đường từ Giang Lăng đến Ung Châu vào An Nam, những quân binh dẫn đường bảo vệ, cùng cưỡi ngựa trạm, nên đến đâu địa giới mà nghênh đón từ xa.” Nhật Huyền sai Ngự sử trung tán kiêm Tri thẩm hình viện sự Đỗ Quốc Kế (杜國計) đến trước, rồi cho thái úy dẫn bá quan đến bên sông Phú Lương nghênh đón vào sứ quán.

Ngày mồng hai, tháng Mười hai, Nhật Huyền đến quán gấp sứ giả. Ngày mồng bốn, Nhật Huyền bái độc chiểu thư. Bọn Xuân truyền chỉ rằng: “Nước ngươi nội phụ hơn hai mươi năm, trước nay sáu việc chưa từng thấy làm theo. Nếu ngươi không sang châu, thì hãy tu sửa thành trì, chỉnh đốn quân mã, mà đợi đại quân ta kéo tới.” Lại nói: “Cha ngươi nhận mệnh làm vương, ngươi không thỉnh mệnh mà tự lập, nay lại không sang châu, ngày khác triều đình gia tội, thì làm sao mà trốn tránh cho khỏi. Hãy nghĩ kỹ cho.” Nhật Huyền vẫn bầy yến ở dưới hiên như lệ cũ, bọn Xuân không đến dự. Sứ giả về quán rồi, Nhật Huyền sai Phạm Minh tự¹ gửi thư tạ tội, đổi bầy yến ở điện Tập Hiển. Nhật Huyền nói: “Tiên quân qua đời, ta mới nối ngôi, sứ thiên triều tới, tuyên dụ chiểu thư, khiến ta vừa mừng vừa sợ trong tâm rối loạn. Trộm nghe, chúa nước Tống thơ bé, mà thiên tử còn thương đến, phong cho tước công, đối với tiểu quốc chúng ta, tất cũng thêm phần thương xót. Trước đây, có dụ về sáu việc, đã đội ơn được xá miễn. Còn đến lỗ đích thân sang châu, ta sinh trưởng trong thâm cung, không quen cưỡi ngựa, chẳng倜傥 phong thoả, sợ rằng sẽ chết trên đường đi. Các con, em từ Thái úy trở xuống cũng đều như thế. Khi sứ giả thượng quốc quay về, xin kính dâng biểu để tỏ lòng thành, cùng dâng hiến các thứ dị vật.” Xuân nói: “Chúa Tống chưa đầy mươi tuổi, cũng sinh trưởng thâm cung, làm sao cũng đến kinh sư được? Những gì ở ngoài chiếu chỉ, tôi không dám nghe theo. Vả bốn chúng tôi thực đến để vời người, chứ chẳng phải nhận vật vây.” Bọn Xuân quay về, Nhật Huyền sai Phạm Minh tự, Trịnh Quốc Toản (鄭國瓊)², Trung tán Đỗ Quốc Kế (杜國計) phụng biểu trần tình, nói: “Kẻ cô thần này bẩm khí yếu đuối, e rằng đường xá gian nan, phải phơi xương

1. Minh tự: là một tước danh dưới đời Trần, trật ở dưới vương hầu mà ở trên hàng Đại lieu ban.

2. TT.BK.q5 chép là Trịnh Đình Toản (鄭廷瓊).

trắng, khiến cho bệ hạ phải đau thương mà chẳng được mảy may lợi ích gì cho thiên triều. Phủ phục kính mong bệ hạ thương tiếc xa xôi, cho thần được cùng bọn góa bụa cô đơn bảo toàn tính mệnh, mà trọn đời phụng sự bệ hạ. Ấy là may mắn cho cô thần, cũng là đại phúc cho sinh linh tiếm quốc vây.” Đồng thời lại cống phuơng vật cùng hai con voi nhà.

Tháng Ba, năm thứ mười sáu (1279), bọn Xuân đến kinh sư trước, lưu Trịnh Quốc Toản đợi ở Ung Châu. Khu mật viện tấu rằng: “Bởi việc Nhật Huyên không sang châu, chỉ sai sứ thần báo mệnh, viện cớ muộn lồi, kéo dài năm tháng, xảo nịnh tuy nhiều, nhưng rốt trái chiếu chỉ, khá nên tiến binh đến nơi, sai quan hỏi tội.” Hoàng đế không nghe theo, ra lệnh cho sứ giả vào triều kiến. Tháng Mười một, lưu sứ giả An Nam là Trịnh Quốc Toản ở Hội đồng quán. Lại sai bọn Sài Xuân bốn người cùng Đỗ Quốc Kế mang chiếu sang lại dụ Nhật Huyên sang châu, “*nếu như không thể đích thân sang triều kiến, thì phải đúc người vàng thay cho bản thân mình, dùng hai viên châu để thay hai mắt, cùng với các hạng hiền sĩ, phuơng kỵ, con trai con gái, thợ thuyền, mỗi hạng hai người, để thay cho toàn dân trong nước. Nếu không như thế thì mau sửa sang thành trì, để đợi quân ta sang xét xử.*”

Tháng Mười, năm thứ mươi tám (1281), lập An Nam tuyên úy ti, lấy Bốc Nhan Thiết Mộc Nhi (卜顏鐵木兒)¹ làm Tham tri chính sự, hành Tuyên úy sứ đô nguyên soái, lại đặt riêng các chức lieu tá khác nhau. Tháng ấy, xuống chiếu rằng Quang Bình đã chết, con là Nhật Huyên không thỉnh mệnh mà tự lập, triều đình sai sứ sang vời, lại lấy cớ bệnh tật, chỉ lệnh cho chú là Di Ái (遺愛) sang châu, nên triều đình lập Di Ái lên thay làm An nam quốc vương.²

Tháng Bảy năm thứ hai mươi (1283), Nhật Huyên gửi thư cho Bình chưởng A Lý Hải Nha (阿里海牙)³, xin triều đình cho các sứ giả sang châu đang bị lưu lại được trở về, Hoàng đế lập tức sai về nước. Bấy giờ, A Lý Hải Nha làm Kinh Hồ Chiêm Thành hành sảnh⁴

1. Cũng phiêm âm là Ba Diên Đặc Mục Nhĩ (巴延特穆爾).

2. TT.BK.q5 chép việc nhà Nguyên lập Di Ái làm An Nam quốc vương là ở năm 1282.

3. Cũng phiêm âm là A Nhĩ Cáp Nhã (阿爾哈雅).

4. Kinh Hồ Chiêm Thành hành sảnh: tức Kinh Hồ - Chiêm Thành hành trung thư sảnh, là một

Bình chương chính sự, Hoàng đế muốn Giao Chỉ giúp binh lương để đánh Chiêm Thành, sai đem ý chỉ của mình dụ cho (Nhật Huyên) biết. Hành sảnh sai Ngạc Châu Đạt lỗ hoa xích là Triệu Chú (趙翥) đưa thư dụ Nhật Huyên. Tháng Mười, triều đình lại sai Đào Bỉnh Trực (陶秉直) cầm tì thư sang dụ. Tháng Mười một, Triệu Chú đến An Nam. Nhật Huyên bèn sai bọn Trung lượng đại phu Đinh Khắc Thiệu (丁克紹), Trung đại phu Nguyễn Đạo Học (阮道學) đem phương vật theo Chú sang triều kiến, lại sai bọn Trung phụng đại phu Phạm Chí Thanh (范至清), Triêu thỉnh lang Đỗ Bão Trực (杜抱直) đến sảnh mưu việc¹, và gửi thư cho Bình chương, rằng:

“Về việc giúp thêm quân: Chiêm Thành phụng sự tiều quốc đã lâu nay, cha già của tôi vẫn hằng lấy đức đối đãi với chúng. Đến lượt tôi, cũng kế thừa chí cha như thế. Từ khi cha tôi quy thuận thiên triều đến nay đã ba mươi năm, can qua gác không dùng đến, quân sĩ bã làm dân thường, một là để lo việc cống hiến cho thiên triều, hai là để tỏ lòng không chí khác, mong các hạ xét kỹ cho. Về việc trợ lương thảo: Tiều quốc địa thế giáp biển, ngũ cốc làm ra không nhiều, từ khi đại quân rút đi trăm họ lưu tán, lại thêm thủy tai hạn hán, sớm no chiều đói, lương thực không có dư dả để cung ứng. Nhưng mệnh lệnh của các hạ, cũng không dám trái, dự tính sẽ đem đến châu Vĩnh An, trên địa giới Khâm Châu để đợi giao nộp.

Lại nói đến chuyện đòi đưa con côi này phải đích thân đến nơi cửa khuyết, diện kiến nghe thánh huấn. Khi cha già tôi còn sống, triều đình thương xót, đã miễn ngoại lệ. Nay cha già qua đời rồi, thân con côi tôi đang chịu tang, lại mắc bệnh đến nay vẫn chưa bình phục. Huống chi, tôi sinh trưởng nơi xó xỉnh xa xôi, không chịu nổi nóng lạnh, chẳng quen thuộc thủy thổ, đường đi gian khó, dễ xuong trăng phơi đường. Những kẻ bồi thân của tiều quốc lại qua, mà còn bị ác khí xâm nhiễm, muời người thì đến năm sáu, quá nửa bị chết, các hạ hẳn cũng biết rõ

cơ quan đặc thù tương đương Trung thư sảnh, do nhà Nguyên lập ra để nhằm đánh chiếm Chiêm Thành.

1. TT.BK.q5 chép quan đi sứ lần này là Trung phẩm Hoàng Ư Lệnh (黃於令) và Nội thư gia Nguyễn Chương (阮章), và ở năm 1284 thì sai Trần Phủ (陳甫) sang hành sảnh Kinh Hồ, nước Nguyên xin hoãn binh. ANCL.q14 chép sự kiện năm 1284, quan đi sứ tới Chiêm Thành hành sảnh là Đại phu Trần Khiêm Phủ (陳謙甫) và Trần Quân (陳均).

điều ấy. Dám mong các hạ chiếu cố thương giúp, tâu rõ với thiên triều, để hoàng thượng biết rằng quan lại, tôn tộc của tôi nhất nhì đều là vì tham sống sợ chết. Nếu như đứa con côi này được ban cho như thế, thì cũng là sinh linh một nước nhờ đó mà được an toàn, cùng chúc các hạ hưởng phúc lớn trời ban dài lâu mãi mãi vậy.”

Tháng Ba, năm thứ hai mươi mốt (1284), Đào Bình Trực đi sứ về, Nhật Huyên lại dâng biểu trần tình, và gửi thư cho Kinh Hồ Chiêm Thành hành sảnh, đại ý tương tự như thư trước. Nhân vì Quỳnh Châu an phủ sứ Trần Trọng Đạt (陳仲達) nghe Trịnh Thiên Hựu (鄭天祐) nói “Giao Chỉ thông mưu với Chiêm Thành, cho hai vạn quân cùng năm trăm thuyền đến làm ứng viện”, (Nhật Huyên) lại gửi thư đến Hành sảnh, đại khái nói: “*Chiêm Thành là nước nội phụ của tiểu quốc, đại quân đến đánh, đáng lẽ phải kêu xin, nhưng (tiểu quốc) chưa từng dám nói một lời, ấy là vì thiên thời nhân sự tiểu quốc cũng biết như thế. Nay Chiêm Thành lại làm điều phản nghịch, chấp mê bất phục, ấy chính như nói là không biết trời biết người vậy. Biết trời biết người, mà lại đồng mưu với kẻ không biết trời biết người là gì, thì tuy đứa trẻ ba thước cũng biết mà không làm thế, huống chi là tiểu quốc ư? Mong quý sảnh xét cho.*”

Tháng Tám, em Nhật Huyên là Chiêu Đức vương Trần Xán (陳璽) gửi thư đến Kinh Hồ Chiêm Thành hành sảnh, tự nguyện nạp khoản quy hàng. Tháng Mười một, Hành sảnh Hữu thừa Toa Đô (唆都)¹ nói: “Giao Chỉ cùng tiếp giáp với các nước Chiêm Lạp², Chiêm Thành, Vân Nam, Xiêm, Miến, khá đến đất ấy lập sảnh. Kịp thời ở ba đạo Việt Lý, Triều Châu, Tỳ Lan đóng quân trấn giữ, nhân lương thảo ở đó mà lấy cung cấp cho quân sĩ, để khỏi phải mệt nhọc vận chuyển đường biển.”

Tháng Ba, năm thứ hai mươi hai (1285), Kinh Hồ Chiêm Thành hành sảnh, tâu: “Trấn Nam vương hôm trước phụng chỉ thống lĩnh quân đội đi đánh Chiêm Thành, sai Tả thừa Đường Ngột Đãi (唐兀

1. Cũng phiên âm là Tác Đa (素多).

2. Chiêm Lạp cũng chính là Chân Lạp.

觸)¹ theo đường trạm đến Chiêm Thành, hẹn Hữu thừa Toa Đô đem quân hội hợp. Lại sai Lý vấn quan Khúc Liệt (曲烈)², Tuyên sứ Tháp Hải Tát Lý (塔海撒里)³ cùng bọn An Nam quốc sứ Nguyễn Đạo Học, đem công văn của Hành sảnh, đòi Nhật Huyền vận lương đưa đến Chiêm Thành để giúp quân. Trần Nam vương trên đường đi qua gần địa giới, thì lệnh cho (Nhật Huyền) đến gặp." Đến khi quân triều đình đến huyện Hành Sơn, thì nghe tin tòng huynh của Nhật Huyền là Hưng Đạo vương Trần Tuấn (陳峻)⁴ đem quân ra giữ biên cương. Rồi đó, Khúc Liệt cùng Tháp Hải Tát Lý dẫn Trung lượng đại phu Trần Đức Quán (陳德鈞), Triều tán lang Trần Tự Tông (陳嗣宗) của An Nam đem thư của Nhật Huyền đến, nói từ nước ấy đến Chiêm Thành đường thủy lục đều không tiện, và xin được tùy sức mà dâng quân lương. Kịp quân triều đình đến Vĩnh Châu, Nhật Huyền đưa điệp văn tới Ung Châu, nói: "Kỳ dâng cống quân lương dự tính là tháng Mười, xin cho chuẩn bị sẵn trước nhân lực, khi nào Trần Nam vương tới nơi, xin thông báo cho biết." Hành sảnh mệnh Vạn hộ Triệu Tu Ký (趙修己) theo ý mình mà phục thư cho biết, lại chuyển công văn, lệnh cho (Nhật Huyền) mở đường và chuẩn bị lương thảo, đích thân nghênh đón Trần Nam vương.

Kịp khi quan quân đến Ung Châu, An Nam điện tiền Phạm Hải Nhai (范海崖)⁵ đem quân đóng ở các xứ Khả Lan, Vi, Đại Trợ. Đến châu Tư Minh, Trần Nam vương lại lệnh chuyển công văn cho (Nhật Huyền). Đến Lộc Châu, lại nghe tin Nhật Huyền điều quân chống giữ các nơi hiểm ải ở núi Khâu Cấp, Khâu Ôn. Hành sảnh bèn chia quân làm hai đạo mà tiến. Nhật Huyền lại sai Thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư (阮德輿), Triều thỉnh lang Nguyễn Văn Hàn (阮文翰) đem thư đến chỗ Trần Nam vương, nói: "Không thể đích thân tới bái kiến dư quang, nhưng trong lòng lấy làm hân hạnh. Khi trước có được ơn thánh chiếu nói rằng, 'sẽ lệnh cho quân ta không vào địa phận nước

1. Cũng phiên âm là Đường Cổ Đặc (唐古特).

2. Cũng phiên âm là Khố Lý (庫哩).

3. Cũng phiên âm là Tháp Hải Tát Lý (塔海薩里).

4. TT.BK.q5 chép là Trần Quốc Tuấn (陳國峻).

5. Có lẽ chính là Phạm Ngũ Lão.

người’. Nay thấy các doanh trại quan quân từ Ung Châu nối tiếp nhau như bắc cầu, thực khiến nước tôi kinh sợ vô cùng. Xin thấy cho lòng thành, mà thêm thương đến.” Lại đem thư tới chỗ Bình chương chính sự, xin bảo vệ cho sinh linh nước mình, tránh khỏi phải họa trốn chạy phiêu tán. Trần Nam vương mệnh cho Hành sảnh sai Tổng bá A Lý (阿里) đem thư cùng Đức Dư tới tuyên dụ Nhật Huyền rằng, duyên do triều đình hưng binh là vì đánh Chiêm Thành chứ không phải đánh An Nam. Đến địa phận huyện Cấp Bảo, An Nam quân quan quan là Nguyễn Lộc (阮聰) đóng quân ở châu Thất Nguyên, lại các nơi Thôn Lý, Huyện Đoản, Vạn Kiếp... đều có quân của Hưng Đạo vương, A Lý không thể tiến được. Hành sảnh lại sai Nghê Nhuận (倪閏) đến xem xét hư thực, châm chước mà điều quân, nhưng không được giết hại cướp bóc dân chúng.

Không bao lâu, bọn Tát Đáp Nhi Đãi (撒答兒鶻)¹, Lý Bang Hiển (李邦憲), Tôn Hựu (孫祐) tâu: Đến ải Khả Li, gặp quân Giao Chỉ cự đánh, Hựu cùng đánh nhau với chúng, bắt được quân của chúng là Đỗ Vĩ (杜偉), Đỗ Hựu (杜祐), mới biết là Hưng Đạo vương quả nhiên đem quân nghênh đón đối địch. Quân triều đình qua ải Khả Li, đến ải Động Bản, lại gặp quân của chúng, cùng giao chiến đánh bại được, tướng cầm đầu là Tân Sâm (秦岑) bị thương chết. Nghe nói Hưng Đạo vương ở ải Nội Bàng, lại tiến quân đến thôn Biến Trụ, dụ chúng thu quân tránh đường, nghênh bái Trần Nam vương, nhưng chúng không nghe. Đến ải Nội Bàng, phung lệnh chỉ sai người chiêu vời, chúng vẫn không nghe. Quân triều đình bèn chia sáu ngả tiến công, bắt được tướng của chúng là Đại liêu ban Đoàn Thai (段台). Hưng Đạo vương trốn chạy, đuối đến Vạn Kiếp, đánh các ải, đều phá được cả. Hưng Đạo vương vẫn còn binh thuyền hơn ngàn chiếc, ở cách Vạn Kiếp mười dặm. Bèn cho binh sĩ theo men sông tìm thuyền, và tụ tập gỗ ván, đinh tán, đặt nơi đóng thuyền, tuyển chọn các cánh thủy quân, sai Ô Mã Nhi (烏馬兒) Bạt đô² thống lĩnh, mấy lần cùng giao chiến, đều đánh bại. Thu được hai bức văn thư vứt lại trên bờ sông, chính là thư của Nhật Huyền gửi cho Trần

1. Cũng được phiên âm là Sắc Đặc Nhĩ Đại (色特爾岱).

2. Ô Mã Nhi còn được phiên âm là Ô Mã Lạt (烏瑪喇). Bạt đô là danh hiệu Dũng sĩ.

Nam vương và Hành sảnh bình chương, lại nói: “Trước đây (triều đình) có chiếu riêng lệnh cho quân ta không vào địa phận nước người, nay vì cớ là Chiêm Thành đã thần phục lại làm phản, nhân cho đại quân tiến binh, đi qua bản quốc, tàn hại bách tính, ấy là sai lầm Thái tử đã làm, chứ chẳng phải sai lầm của bản quốc vậy. Kính mong chớ làm khác với chiếu chỉ trước đây, thu đại quân về, thì bản quốc sẽ lại đây đủ công vật mà dâng hiến, còn hơn cả khi trước vậy.”

Hành sảnh lại viết thư gửi lại, ý rằng: “Triều đình điều quân đánh Chiêm Thành, nhiều lần đưa văn thư tới Thế tử sai mở đường giúp lương. Đâu ngờ lại cố ý trái mệnh triều đình, sai bọn Hưng Đạo vương đem quân đón đánh, bắn bị thương quân ta. Gây ra tai họa cho sinh linh An Nam, chính là nước người làm ra vậy. Nay đại quân qua nước người đánh Chiêm Thành, ấy là lệnh vua. Thế tử khá nghỉ kỹ đến việc nước người quy phụ đã lâu, nên tưởng đến đức nhân từ to lớn của Hoàng đế, lập tức cho lui binh mở đường, an dù bách tính, ai yên nghiệp nấy. Những nơi quân ta đi qua sẽ không phiền nhiễu một mảy may gì. Thế tử nên ra nghênh đón Trần Nam vương, cùng bàn việc quân. Nếu không, đại quân sẽ kéo đến đóng ở An Nam khai phủ.” Nhân đó lệnh cho sứ giả (An Nam) là Nguyễn Văn Hàn đưa thư đi.

Kịp khi quân triều đình bắt sống được một số người, bọn chúng bèn khai Nhật Huyền cho điều các quân Thánh Dực của mình, gồm hơn ngàn chiếc thuyền, giúp Hưng Đạo vương cự chiến. Trần Nam vương bèn cùng Hành sảnh quan, đích thân đến Đông Ngàn, khiến binh tiến đánh, sát thương rất nhiều, đoạt được hơn hai mươi thuyền. Hưng Đạo vương thua chạy, quân triều đình nỗi bè làm cầu, qua bờ bắc sông Phú Lương¹. Nhật Huyền men theo bờ sông bố trí binh thuyền, dựng dinh trại, thấy quan quân sang đến bờ, lập tức đốt pháo hiệu hô lớn tiến đánh. Đến chiều tối, lại sai bể tôi là Nguyễn Phụng ngự phụng mệnh đem thư tới cho Trần Nam vương cùng Hành sảnh quan, xin đại quân lui giãn một chút. Hành sảnh lại đưa văn thư trách hỏi, rồi bèn tiến binh. Nhật Huyền bèn bỏ thành chạy trốn, nhưng vẫn lệnh cho Nguyễn Hiệu Nhuệ (阮效銳) đưa thư tạ tội, dâng hiến

1. Phú Lương: tên sử Trung Quốc gọi sông Hồng nước ta.

phương vật, và xin lui binh. Hành sảnh lại đưa văn thư chiêu dụ, rồi điều quân qua sông, đóng sát chân (kinh) thành An Nam.

Hôm sau, Trấn Nam vương vào kinh thành, thấy cung thất đều rỗng không, chỉ để lại những chiếu sắc mẩy lần giáng xuống cùng điệp văn của Trung thư sảnh, nhưng tất thảy đều bị gạch xóa, xé hủy. Ngoài ra những văn thư khác, đều là của các tướng ở biên cương nam bắc báo tin tức về quân triều đình cũng việc chống đánh đối địch. Nhật Huyền tiếm xưng là Đại Việt quốc chủ Hiển thiên Thổ đạo Đại minh Quang hiếu Hoàng đế Trần Uy Hoảng, nhường ngôi cho Hoàng thái tử, lập Thái tử phi làm Hoàng hậu. Trên biểu chương cho Hiển từ Thuận thiên Hoàng thái hậu, thấy dùng con dấu, ấn văn là: “Hạo thiên thành mệnh chi bảo”.

Nhật Huyền lập tức lên làm Thái thượng hoàng, ngôi An Nam quốc vương được trao cho con của Nhật Huyền, đổi niên hiệu là Thiệu Bảo¹. Nơi cung thất quốc vương ở có năm cửa, có biển ngạch để là “Đại Hưng chi môn” (cửa Đại Hưng), và hai cửa ngách tả, hữu. Chính điện chín gian, để là “Thiên An ngũ điện”. Cửa chính nam có gác để là “Triều thiên các”. Lại dựng bảng văn ở các chỗ, viết rằng: “*Phàm các quận huyện trong nước, nếu như có giặc ngoài đến, phải cùng tử chiến. Nếu sức không địch nổi, cho phép được trốn tránh vào các nơi đầm núi, không được nghênh hàng.*” Những nơi hiểm ải cự thủ, đều có kho tàng để cất giữ binh giáp. Quân (An Nam) bỏ thuyền lên bờ vẫn còn đông, Nhật Huyền dẫn tôn tộc quan lại đến Thiên Trường, Tràng An², tụ tập đóng lại. Hưng Đạo vương, Phạm Điện tiền lĩnh binh thuyền lại tụ họp đến cửa sông Vạn Kiếp. Nguyễn Lộc đóng giữ ở Vĩnh Bình, tây lộ.³

Hành sảnh chỉnh đốn quân ngũ chuẩn bị truy kích, các quân của Đường Ngột Đãi và Toa Đô lại từ Chiêm Thành đến cùng hội hợp với đại quân. Từ khi vào địa giới (An Nam), lớn nhỏ đã giao tranh bảy

1. TT.BK.q5 chép việc Trần Nhân Tông lên ngôi là năm 1278, cũng là năm Thiệu Bảo thứ nhất.

2. Tràng An (còn gọi là Trường Yên) là tên gọi về sau của Hoa Lư, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

3. TT.BK.q5 có chép về Thổ hào Lạng Giang là Nguyễn Thế Lộc (阮世祿) tập kích trại Ma Lục - Lạng Giang, Vĩnh Bình thuộc Lạng Sơn, có lẽ là tướng Nguyễn Lộc chính là Nguyễn Thế Lộc này chăng?

lần, giành được hơn hai ngàn dặm đất, cùng bốn tòa vương cung. Ban đầu thì đánh bại quân của Chiêu Minh vương nước ấy, đánh Chiêu Hiếu vương, các Đại liêu thuộc hộ vệ đều chết. Chiêu Minh vương trốn xa không dám lại ra nữa. Lại ở An Diễn châu, Thanh Hóa, Tràng An bắt được con rể của Trần thương thư nhà Tống trước đây, Lương Phụng Ngự của Giao Chỉ cùng bọn Triệu Mạnh Tín (趙孟信), Diệp Lang tướng... hơn bốn trăm người.

Vạn hộ Lý Bang Hiển (李邦憲), Lưu Thế Anh (劉世英) đem quân mở đường từ Vĩnh Bình vào An Nam, mỗi ba mươi dặm lại lập một trại, sáu mươi dặm đặt một trạm dịch, mỗi một trại, một trạm dịch lại cho ba trăm quân đóng lại trấn giữ tuần phòng. Lại lệnh cho Thế Anh đắp thành, chuyên đôn đốc các công việc trại dịch.

Hữu thừa Khoan Triệt (寬徹)¹ dẫn Vạn hộ Mang Cổ Đãi (忙古鶻)², Bột La Cáp Đáp Nhi (孛羅哈答兒)³ theo đường bộ, Lý tả thừa dẫn Ô Mã Nhi Bạt đô theo đường thủy, đánh bại binh thuyền của Nhật Huyên, bắt được Kiến Đức hầu Trần Trọng (陳仲)⁴. Nhật Huyên trốn chạy, truy đuổi đến cửa biển Giao Hải thì không tìm được nữa. Người trong tôn tộc (của Nhật Huyên) là Văn Nghĩa hầu⁵, cùng cha là Vũ Đạo hầu, con là Minh Trí hầu, con rể là Chương Hoài hầu⁶ và Chương Hiến hầu⁷; quan cũ nhà Tống là Tăng tham chính, Tô thiếp bảo và con là Tô Bảo Chương (蘇寶章), con trai Trần thương thư là Trần Văn Tôn (陳文孫), cùng nối nhau dẫn quân ra hàng. Đường Ngột Đãi, Lưu Khuê (劉珪) đều nói Chiêm Thành không có lương ăn, quân khó có thể đóng lại lâu. Trần Nam vương lệnh cho Toa Đô dẫn quân Nguyên ở Tràng An và các nơi chuyển lương đến. Nhật Huyên đến cửa biển Yên Bang, vứt bỏ thuyền chèo binh giáp,

1. Cũng phiên âm là Khố Xuân (庫春).

2. Cũng phiên âm là Mạnh Cổ Đại (孟古岱).

3. Cũng phiên âm là Ba Lạt Hãn Đại Nhĩ (巴喇罕岱爾).

4. Có lẽ là Trần Bình Trọng.

5. CM.CB.q7 chép Văn Nghĩa hầu tên Trần Tú Hoãn.

6. ANCL.q19 chép Chương Hoài hầu là Trần Lộng (TT.BK.q5 chép Trần Lộng tước Văn Chiêu hầu).

7. TT.BK.q5 chép Chương Hiến hầu là Trần Kiện.

chạy vào ẩn nấp trong núi rừng. Quân triều đình thu được một vạn chiếc thuyền, chọn lấy những cái tốt để dùng, còn lại đều đốt bỏ. Lại truy đuổi tiếp ba ngày ba đêm trên bộ. Bắt sống được quân (An Nam), chúng khai: Thế tử chỉ có bốn chiếc thuyền, Hưng Đạo vương cùng con trai có ba chiếc, Thái sư¹ có tám mươi chiếc, chạy đến phủ Thanh Hóa. Toa Đô cũng báo: Nhật Huyên và Thái sư chạy vào Thanh Hóa. Ô Mã Nhi Bạt đê đem một ngàn ba trăm quân, sáu mươi chiến thuyền, giúp Toa Đô tập kích các cánh quân của Thái sư. Lại lệnh cho Đường Ngột Đãi men theo bờ biển truy đuổi Nhật Huyên, cũng không biết đi đâu.

Em Nhật Huyên là Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc (陳益稷), đem tôn tộc cùng vợ con, lại thuộc đến hàng. Bèn sai bọn Minh Lý Tích Ban (明里昔班)² đưa Chương Hiến hầu, Văn Nghĩa hầu cùng em là Minh Thành hầu, và con của Chiêu Quốc vương là Nghĩa Quốc hầu về triều. Văn Nghĩa hầu được lên phía bắc, còn Chương Hiến hầu, Nghĩa Quốc hầu đều bị Hưng Đạo vương chặn đánh, Chương Hiến hầu chết, Nghĩa Quốc hầu thoát thân quay về trong quân.

Quân triều đình tụ họp các tướng nghị rằng: “Người Giao Chỉ chống trả quan quân, tuy mấy phen thua chạy, nhưng quân tăng rất nhiều. Quan quân thiếu thốn, tử thương cũng lăm, quân kỵ của Mông Cổ cũng không thể thi thoả được tài năng.” Bèn bỏ kinh thành, qua sông sang bờ bắc, quyết nghị lui binh về đóng ở châu Tư Minh. Trần Nam vương cũng cho là phải, bèn dẫn quân về. Hôm ấy, Lưu Thế Anh đánh dữ cùng quân của Hưng Đạo vương, Hưng Ninh vương³ hơn hai vạn người.

Quan quân đến sông Như Nguyệt, Nhật Huyên sai Hoài Văn hầu⁴ đến đánh. (Quan quân) đi đến Sách Giang, nối cầu phao qua sông, các quân của Tả thừa Đường Ngột Đãi chưa kịp qua thì quân (An Nam) mai phục trong rừng xông ra, quan quân bị chết đuối rất nhiều, ra sức đánh mạnh mới ra được khỏi biên cảnh. Bọn Đường

1. Tức Trần Quang Khải.

2. Cũng phiên âm là Mật Lạp Tát Ba (密拉薩巴).

3. Hưng Ninh vương là tước phong của Trần Tung, con trưởng của An Sinh vương Trần Liễu.

4. Hoài Văn hầu là tước phong của Trần Quốc Toản.

Ngột Đãi theo xe trạm về dâng tấu. Tháng Bảy, Khu mật viện xin diều binh để đến tháng Mười cùng năm hội ở Đàm Châu, nghe theo mệnh lệnh của Trần Nam vương và A Lý Hải Nha chọn tướng thống lĩnh.

Tháng Giêng năm thứ hai mươi ba (1286), chiểu cho sảnh thần cùng nghị, bèn cử đại quân Nam phạt. Tháng Hai, xuống chiểu dụ quan lại và dân chúng An Nam, kể những tội ác của Nhật Huyền, nói rõ các việc giết hại thúc phụ Trần Di Ái và không tiếp nhận Đạt lỗ hoa xích Bốc Nhan Thiết Mộc Nhi... Lấy việc Trần Ích Tắc tự đem người đến hàng, phong cho Ích Tắc làm An Nam quốc vương, ban cho phù tiết ấn tín. Phong cho (Trần) Tú Hoản (秀暖) làm Phụ Nghĩa công, để thờ cúng họ Trần. Mệnh cho Trần Nam vương Thoát Hoan (脫懼)¹, Tả thừa tướng A Lý Hải Nha bình định nước ấy, cho quân đưa Ích Tắc về.

Tháng Năm, phát quân dưới trướng của Mang Cổ Đãi hợp với quân của Ngạc Châu hành sảnh cùng đi chinh thảo. Quan quân vào biên giới, Nhật Huyền lại bỏ thành chạy.

Tháng Sáu, Hồ Nam tuyên úy ti, dâng tấu rằng: “*Liền mấy năm chinh phạt Nhật Bản và dựng binh ở Chiêm Thành, bách tính bãي việc để lo vận chuyển, thuê dịch nặng nề, quân sĩ mắc phải chướng độc nhiều kẻ tử thương, quân sinh sầu thán, tú dân bõ nghẽ, kẻ nghèo phải bỏ cả con cái để trộm sống, kẻ giàu phải bán hết gia sản để cung đốn, nỗi khổ của dân như bị treo ngược càng ngày càng thêm ghê gớm. Nay lại hữu sự với Giao Chỉ, phát động đến trăm vạn quân, phí tổn tới cả ngàn vàng, chẳng có gì để gọi là thương đến sĩ dân vậy. Vả hành động lần này, lợi hại chưa biết thế nào. Lại thêm, Giao Chỉ đã từng sai sứ đến dâng biểu xưng phiên, nếu như hoàng thượng theo như lời xin để nuôi sức dân, thì đó là kế trên hết vậy. Nếu không nữa, thì nên khoan thư tò thuế cho trăm họ, tích lũy lương thực, sửa sang giáp binh, đợi đến năm sau thiên thời dân thuận lợi, sau đó mới cử binh, thì cũng chưa phải là muộn vậy.*” Hồ Quảng hành sảnh thần là Tuyến Ca (線哥)² cho lời bàn là phải, sai sứ về triều tâu, lại nói: “Bản sảnh đóng giữ phàm hơn

1. Cũng phiên âm là Thác Hoan (托歡).

2. Cũng phiên âm là Hiển Cách (顯格).

bảy mươi chỗ, liền năm chinh chiến, những quân sĩ tinh nhuệ đều mệt nhọc ở ngoài, chỉ còn lại những quân già yếu. Mỗi một thành ấp, phần nhiều không quá hai trăm người. Trộm lo rằng kẻ gian sẽ nhìn ra hủ thực. Năm trước, Bình chương A Lý Hải Nha xuất chinh, đã chuyển lương ba vạn thạch, dân chúng thì ốm đau, đến nay lại bắt tăng lên mấy lần. Kho công không có tích lũy, đong thóc của dân gian, thì trăm họ sẽ khốn khổ vô cùng. Nên theo như lời Tuyên úy ty nói, xin hoãn quân Nam phạt.” Khu mật viện báo lên, Hoàng đế ngay trong ngày liền hạ chiếu dừng việc quân, cho sĩ tốt về các doanh. Ích Tắc theo quân về Ngạc.

Tháng Giêng năm thứ hai mươi tư (1287), phát số quân mới quy phụ một ngàn người theo A Bát Xích (阿八赤)¹ chinh thảo An Nam. Lại chiếu phát bảy vạn quân người Mông Cổ, Hán, Khoán² và năm trăm chiếc thuyền ở ba tỉnh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng; sáu ngàn quân Vân Nam; một vạn năm ngàn quân tộc Lê ở bốn châu ngoại bể. Lại lệnh cho Hải đạo vận lương Vạn hộ Trương Văn Hổ (張文虎), Phí Củng Thìn (費拱辰), Đào Đại Minh (陶大明) vận chuyển mười bảy vạn thạch lương³, chia đường mà tiến. Đặt ra Chinh Giao Chỉ hành thượng thư sảnh, cho Áo Lỗ Xích (奧魯赤)⁴ làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp (樊楫) làm Tham tri chính sự tổng lĩnh, cùng chịu tiết chế của Trần Nam vương.

Tháng Năm, sai Hữu thừa Trình Băng Phi (程鵬飛) về Kinh Hồ hành sảnh luyện quân.

Tháng Sáu, Khu mật viện lại tâu, sai Ô Mã Nhi và Phàn tham chính đem quân sĩ theo hai đường thủy lục cùng tiến binh.

Tháng Chín, lấy Quỳnh Châu lộ An phủ sứ Trần Trọng Đạt (陳仲達), Nam Ninh quân dân tổng quản Tạ Hữu Khuê (謝有奎), Diên Lan quân dân tổng quản Phù Tí Thành (符庇成) xuất binh thuyền

1. Cũng phiên âm là A Ba Tề (阿巴齊).

2. Khoán quân: chỉ quân đội của nhà Nam Tống quy phụ theo nhà Nguyên. Vì quân sĩ ở các doanh của nhà Nam Tống đều được phát giấy bằng (thẻ) để nhận quân lương, nên được gọi là “Khoán quân”.

3. TT.BK.q5 chép là bảy mươi vạn thạch.

4. Cũng phiên âm là Ngạc La Tề (鄂囉齊).

trợ giúp đánh Giao Chỉ, và lệnh cho tòng chinh. Nhật Huyền sai bọn Trung đại phu Nguyên Văn Ngạn (阮文彥) sang cống.

Tháng Mười một, Trần Nam vương đến Tư Minh, lưu hai ngàn năm trăm quân lại sai Vạn hộ Hạ Chỉ (賀祉) thống lĩnh, để coi giữ xe cộ khí giới. Trình Bằng Phi, Bột La Hạp Tháp Nhi đem quân Hán, Khoán một vạn người, theo lối Tây đạo Vĩnh Bình; Áo Lỗ Xích đem một vạn người theo Trần Nam vương theo lối Đông đạo Nữ Nhi quan mà tiến. A Bát Xích đem một vạn quân làm tiên phong. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đem quân theo đường biển, qua Ngọc Sơn, Song Môn, cửa An Bang, gấp hơn bốn trăm chiếc thuyền của Giao Chỉ, bèn đánh, chém được hơn bốn nghìn thủ cấp, bắt sống hơn trăm người, đoạt được một trăm chiếc thuyền của chúng, bèn tiến vào Giao Chỉ. Trình Bằng Phi, Bột La Cáp Đáp Nhi đi qua ba cửa ải Lão Thủ, Hầm Sa, Tỳ Trúc, phàm đánh nhau mươi bảy trận, đều thắng.

Tháng Mười hai, Trần Nam vương đến cảng Mao La, Hưng Đạo vương của Giao Chỉ bỏ trốn, nhân tiến đánh trại Phù Sơn, phá được. Lại mệnh cho Trình Bằng Phi, A Lí đem quân hai vạn người giữ Vạn Kiếp, lại tu sửa lại những doanh trại bằng gỗ ở núi Phả Lại và núi Chí Linh. Sai Ô Mã Nhi đem thủy quân, A Bát Xích đem lục quân, tiến thẳng đến kinh thành của Giao Chỉ. Trần Nam vương đem các quân vượt sông Phú Lương, đến dưới thành, đánh bại quân trấn giữ. Nhật Huyền cùng con bỏ kinh thành chạy đến thành Cẩm Nôm, các quân đánh hạ được¹.

Tháng Giêng, năm thứ hai mươi lăm (1288), Nhật Huyền cùng con lại chạy ra ngoài biển. Trần Nam vương đem các quân truy đuổi, đến cửa biển Thiên Trường, không biết (Nhật Huyền) đã chạy đi đâu, bèn dẫn quân quay về kinh thành Giao Chỉ. Sai Ô Mã Nhi đem thủy quân ra cửa Đại Bàng đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Bọn Áo Lỗ Xích, A Bát Xích chia đường vào núi tìm lương ăn. Nghe tin Giao

Chỉ họp quân ở Cá Trầm, Cá Lê, Ma Sơn, Ngụy Trại, bèn phát binh

1. CM.CB.q8 chép “Nhà vua liền rước Thượng hoàng chạy đến đồn Cẩm Nôm, rồi lại dùng chu sú đi theo đường ra biển để tránh nạn.” Như vậy khi quân Nguyên đánh hạ Cẩm Nôm thì hai vua nước ta đã chạy ra biển từ trước.

đến đánh đều phá được, chém hơn vạn thủ cấp.

Tháng Hai, Trần Nam vương dẫn binh về Vạn Kiếp. A Bát Xích làm tướng tiên phong, đoạt ải, đánh cầu, phá ba cửa sông, hạ ba mươi hai tòa thành, chém mấy vạn thủ cấp, thu được hai trăm chiếc thuyền, hơn mươi một vạn ba ngàn thạch gạo. Ô Mã Nhi theo cửa Đại Bàng đến Tháp Sơn, gấp hơn ngàn thuyền địch, đánh phá được. Đến cửa Yên Bang, không thấy thuyền Trương Văn Hổ, lại quay về Vạn Kiếp, thu được hơn bốn vạn thạch gạo. Doanh trại ở núi Phả Lại, Chí Linh đã dựng xong, cho các quân đến đóng ở đó. Chư tướng nhân thưa rằng: “Giao Chỉ không có thành trì để đóng giữ, không có kho vựa để lấy lương ăn, các thuyền lương của Trương Văn Hổ lại không đến được. Hơn nữa khí trời đã nóng, e rằng lương cạn quân mệt, không lấy gì để duy trì lâu dài được, thì lại làm hổ thẹn cho triều đình, nên toàn quân mà về.” Trần Nam vương nghe theo. Sai Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đem quân thủy về trước, còn Trình Bằng Phi, Tháp Xuất (塔出)¹ đem quân hộ tống. Tháng Ba, Trần Nam vương đem hết các quân về.

Thuyền lương của Trương Văn Hổ tháng Mười hai năm trước đi đến Đồn Sơn, gấp ba mươi chiếc thuyền của Giao Chỉ. Văn Hổ tiến đánh, quân hai bên bị giết cũng tương đương nhau. Đến biển Lục Thủy, thì thuyền địch dần nhiều thêm, (Văn Hổ) liệu rằng không thể địch nổi, nhưng thuyền nặng không thể chạy được, bèn đánh chìm gạo thóc xuống biển, rồi chạy đến Quỳnh Châu. Thuyền lương của Phí Củng Thịn tháng Mười một đến Huệ Châu, gặp gió mạnh không thể tiến được, dạt đến Quỳnh Châu, hợp với Trương Văn Hổ. Thuyền lương của Từ Khánh (徐慶) trôi dạt đến Chiêm Thành, cũng đến Quỳnh Châu. Phàm bị mất quân sĩ hai trăm hai mươi người, cùng mươi một chiếc thuyền, và hơn một vạn bốn ngàn ba trăm thạch lương.

Trần Nam vương đến cửa ải Nội Bàng, quân giặc kéo đến rất đông, vương đánh phá được². Sai Vạn hộ Trương Quân (張均) đem ba ngàn quân tinh nhuệ đi chặn hậu, ra sức đánh, ra được khỏi ải. Quân do thám cho biết Nhật Huyên cùng Thế tử, và Hưng Đạo

1. Cũng phiên âm là Đạt Xuân (達春).

2. Nguyên sử lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này dĩ nhiên khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

vương chia hơn ba mươi vạn quân, đóng giữ Nữ Nhi quan và núi Khâu Cấp, nối nhau hơn trăm dặm để chặn đường về quân Nguyên. Trần Nam vương bèn từ huyện Đơn Ký chạy sang Lộc Châu, theo đường tắt mà ra, đến châu Tư Minh. Lệnh cho Ái Lỗ (愛魯)¹ dẫn quân về Vân Nam, còn Áo Lỗ Xích thì đem các quân quay về bắc. Ít lâu sau, thì Nhật Huyên sai sứ sang tạ tội, tiến người vàng thế tội cho mình. Tháng Mười một, lấy bọn Lưu Đình Trực (劉庭直), Lý Tư Diễn (李思衍), Vạn Nỗ (萬努) đi sứ sang An Nam, đem chiếu dụ bảo Nhật Huyên sang chầu.

Tháng Hai, năm thứ hai mươi sáu (1289), bê tông ở Trung thư sảnh tâu, đã bãi việc chinh Giao Chỉ, thì nên thu lại phù ấn của Hành sảnh. Tháng Tư, Nhật Huyên sai bê tông là bọn Trung đại phu Trần Khắc Dụng (陳克用)² đến cống phuơng vật.

Năm thứ hai mươi bảy (1290), Nhật Huyên chết, con là Nhật Tốn (日燉)³ sai sứ sang cống.

Tháng Mười một, năm thứ hai mươi tám (1291), trấn thủ Vĩnh Châu, Luưỡng Hoài là Vạn hộ phủ thượng thiên hộ Sái Vinh (蔡榮) dâng thư nói, việc quân trọng yếu, mà triều đình thường phạt bất minh, nên sĩ tốt không tuân mệnh, tướng soái bất hòa, bỏ mất cơ sự, cái tệ ấy không thể nói hết được. Thư dâng lên, triều đình không hồi đáp.

Tháng Chín, năm thứ hai mươi chín (1292), (triều đình) sai Lai bộ thượng thư Lương Tằng (梁曾), Lê bộ Lang trung Trần Phu (陳孚) mang chiếu sang lại dụ Nhật Tốn sang chầu. Chiếu viết: “Xem biểu của Hành sảnh được biết, năm ngoái, Lê bộ thượng thư Trương Lập Đạo (張立道) nói, từng đến An Nam, biết rõ sự thể ở đó, xin đến tuyên dụ khiến sang chầu. Nhân sai Lập Đạo đến đó. Nay, nước ngươi tội lỗi đã tự trần tình, trẫm còn phải nói gì nữa. Nếu lại viện cớ rằng kẻ con côi đang chịu tang chế, cùng sợ phải chết trên đường không dám sang chầu, thì thủ hỏi tất cả các giống hữu sinh, có thể nào được an toàn

1. Cũng phiên âm là Ái Lỗ Khắc (愛魯克).

2. ANCL.q14 chép sứ thần là Đại phu Đàm Chung (譚衆).

3. Tức tên giấy tờ giao thiệp với nhà Nguyên của Trần Nhân Tông. TT.BK.q5 chép “Nhân Tông Hoàng đế húy Khâm (昀)” (Trước đây thường phiên âm là Khâm).

mãi ư? Dưới gầm trời lại có chỗ nào mà không chết ư? Những điều trãm chưa ngỏ, người hắn cũng đã rõ. Còn đem hú vần kèm thuế cống, hòng che đậm dối lừa, thì nghĩa ở đâu đây?"¹

Năm thứ ba mươi (1293), bọn Lương Tầng đi sứ về, Nhật Tốn sai bồi thần là bọn Đào Tử Kỳ (陶子奇) sang cống. Đình thần vì có Nhật Tốn rốt vẫn không sang châu, lại nghị sang đánh. Bèn câu lưu bọn Tử Kỳ ở Giang Lăng, sai Lưu Quốc Kiệt (劉國傑) cùng chư hầu vương là bọn Diệc Lý Cát Đái (亦里吉鶻)² cùng chinh An Nam, sắc đến Ngạc Châu cùng bàn với Trần Ích Tắc. Tháng Tám, bọn Bình chương Bất Hốt Mộc (不忽木)³ tâu lập Hồ Quảng An Nam hành sảnh, cấp cho hai con dấu, mua một ngàn chiếc thuyền một trăm hộc của người tộc Đản, dùng quân năm vạn sáu ngàn năm trăm bảy mươi người, ba mươi lăm vạn thạch lương, hai vạn thạch thức ăn cho ngựa, hai mươi mốt vạn cân muối, binh khí khoảng hơn bảy mươi vạn món, tạm cấp trước lương bổng cho quân quan, mỗi quân nhân, thủy thủ đều được nhận hai đinh. Quốc Kiệt thiết lập mạc liêu gồm mươi một người, chia hai đường thủy lục cùng tiến. Lại lấy Giang Tây hành khu mật viện phó sứ Triết Lý Man (徹里蠻)⁴ làm Hữu thừa, theo di đánh An Nam, bọn Trần Nham (陳巖), Triệu Tu Kỷ, Vân Tòng Long (雲從龍), Trương Văn Hổ, Sầm Hùng (岑雄) cũng được lệnh cùng dự việc. Ích Tắc theo quân đến Trường Sa, vừa khi ấy thì triều đình tạm đóng quân dừng lại.

Tháng Năm, năm ba mươi mốt (1294), (Nguyên) Thành tông lên ngôi, mệnh bãi việc chinh chiến, sai Đào Tử Kỳ về nước. Nhật Tốn sai sứ dâng biểu điếu viếng quốc ai, và cống phương vật. Tháng Sáu, (triều đình) sai bọn Lễ bộ thị lang Lý Khản (李衎), Binh bộ lang trung Tiêu Thái (蕭泰)⁵ đem chiếu chỉ sang phủ dụ, đại lược nói: "Tiên Hoàng để mới vừa rời bỏ thiên hạ, trăm nối giữ đại thống, vừa mới lên ngôi, rộng ban xá miễn, không phân xa gần. Đất An Nam

1. TT.BK.q5 chép việc này ở năm 1293.

2. Cũng phiên âm là Y Lặc Cát Đại (伊勒吉岱).

3. Cũng phiên âm là Bác Quả Mật (博果密).

4. Cũng phiên âm là Triết Nhĩ Mã Lặc (徹爾瑪勒).

5. TT.BK.q6 chép là Tiêu Thái Đặng (蕭泰登) sang sứ nước ta vào ngày mồng một tháng Hai năm 1295. Có lẽ là sứ đoàn khởi hành tháng Sáu năm 1294, đến nước ta là tháng Hai năm sau.

*người, cũng được khoan thứ, đã sắc cho hữu ty bãi binh, sai bồi thân
Đào Tú Ký về nước. Từ nay trở đi, khá biết sợ oai trời mà phụng sự đai
quốc, hãy suy xét cho kỹ!”*

Tháng Hai, năm Đại Đức thứ năm (1301), bọn Thái phó Hoàn Trạch (完澤)¹ tâu, sứ giả An Nam sang châu là Đặng Nhữ Lâm (鄧汝霖) vể trộm hình cung uyển, mua dấu bản đồ cũng các loại cẩm thư, lại sao chép những văn thư thưa về việc trưng thu Giao Chỉ, và ghi lén về tình hình quân sự ở biên cương phía bắc cùng các việc sơn lăng, nên sai sứ đem điều đại nghĩa sang trách mắng.² Tháng Ba, sai Lễ bộ thượng thư Mã Hợp Mã (馬合馬)³, Lễ bộ thị lang Kiều Tông Lượng (喬宗亮) đem chiếu sang dụ Nhật Tốn, đại ý là “*bọn Nhữ Lâm làm việc trái phép, đáng nê trị tội tối cùng, nhưng trẫm lấy thiên hạ làm trọng, sắc cho hữu ty đuổi về. Từ nay, những kẻ được cử đi sứ tất phải tuyển chọn, có điều trần thỉnh, tất phải tận tình. Trước nay chỉ nói những hư văn, thì có ích cho việc gì đâu? Chớ ngại sửa lỗi, kéo hối về sau.*” Trung thư sảnh lại đưa văn thư đòi bọn Vạn hộ Trương Vinh Thực (張榮實) hai người, cùng sứ giả quay về.

(Nguyên) Vũ tông lên ngôi, hạ chiếu dụ sang, (An Nam) nhiều lần sai sứ sang cống. Tháng Tám, năm Chí Đại thứ tư (1311), Thế tử Trần Nhật Sùy (陳日餗)⁴ sai sứ phụng biểu sang châu.

Tháng Giêng năm Hoàng Khánh thứ hai (1313) đòi (Nguyên) Nhân tông, quân Giao Chỉ ước hơn ba vạn người, cùng hơn hai ngàn kỵ, xâm phạm Vân Động, châu Trấn An, giết hại cư dân, đốt phá kho tàng nhà cửa. Lại hãm các xứ Lộc Động, Tri Động, bắt sống người cùng gia súc và tài sản dân cư đem về. Rồi lại chia quân làm ba đường phạm châu Quy Thuận, còn đóng lại chưa lui. Triều đình cùng nghị cho quân Hồ Quảng hành sảnh phát binh đánh dẹp. Tháng Tư, lại được tin báo: Thế tử Giao Chỉ đích thân đem quân đến đánh, đốt phá dinh quan nhà dân ở châu Dưỡng Lợi, bắt và giết hơn hai ngàn người,

1. Cũng phiên âm là Ngạc Lặc Triết (譖勒哲).

2. CM.CB.q8 chép việc này ở năm 1299.

3. Cũng phiên âm là Mã Cáp Mục Đặc (瑪哈穆特).

4. Tức tên trên giấy tờ giao thiệp với nhà Nguyên của Trần Anh tông. TT.BK.q6 chép “Anh Tông Hoàng đế húy Thuyền (栓)”. (Trước đây thường được phiên âm là Thuyên.)

lại thanh xưng là: “Khi trước, chúa Quy Thuận ở Hữu Giang đã năm lần sang cướp lô Đại Nguyên của nước ta, bắt đi hơn năm ngàn người. Quan coi việc Đường Lợi chúa là Triệu Giác (趙珏) bắt giữ những thương nhân người chúa Tư Lãng của ta, lấy một ống vàng, xâm phạm hơn ngàn khoanh ruộng, cho nên chúng ta sang trả thù.”

Tháng Sáu, Trung thư sảnh sai Bình bộ Viên ngoại lang A Lí Ôn Sa (阿里溫沙)¹, Khu mật viện sai Thiên hộ Lưu Nguyên Hanh (劉元亨), cùng đến Hồ Quảng hành sảnh xét hỏi việc ấy. Bọn Nguyên Hanh đích thân đến đất Thượng, Trung, Hạ Do Thôn, cùng xem xét thực địa, hỏi thăm việc mùa màng cư dân. Lại sai Tư Minh tri châu Hoàng Tung Thọ (黃嵩壽) sang (An Nam) hỏi rõ, thì được nói đó là do gia nô nhà Thái sử của Nguyễn Lộc Thế tử² làm, nhưng cũng chưa biết có đúng hay không. Vì vậy lại có văn thư dụ đến nước An Nam, đại lược viết: “*Xưa, nhà Hán đặt chín quận, nhà Đường lập ngũ quản, An Nam thực là nơi có giáo hóa tối. Huống chi, dâng bản đồ, phụng tuế cống, phận trên dưới đã rõ ràng; Nhận mỏng ban dày, ơn yên vỗ cũng rất mục. Thánh triều đã phụ gì quý quốc, mà nay sao tự tác không yên, khơi mầm gây họa. Tuy đất Do Thôn nhỏ mọn không đáng gì, nhưng với địa đồ quốc gia cũng liên quan lớn lắm. Thêm nữa, những người bị giết bị bắt, đều là dân được ghi chép trong sổ tịch của triều đình, sảnh viện còn chưa dám tâu báo rõ lên, song chưa rõ cái mưu bất pháp ấy, kẻ nào thực là chủ xướng?*”

An Nam có điệp trả lời rằng: “Bọn chuột trộm, chó càn ở nơi biên viễn, tự gây sự không yên, bản quốc làm sao biết được?” Lại đem cả của đút đến. Nguyên Hanh lại có điệp văn trách An Nam nói nǎng giả dối không thực, từ chối của đút, nói: “Vàng ròng, ngà voi, quý quốc cho là quý báu, nhưng sứ giả lại cho sự không tham mới là quý báu. Những vật đem đến đây, xin trả cho sứ mang về, xin hãy thảm

1. Cũng phiên âm là A Nhĩ Ô Tốn (阿爾烏遜).

2. Nguyên văn: “*Nguyễn Lộc Thế tử thái sử chi nô*” (阮盡世子太史之奴). Đồng thời ở đoạn dưới có câu “*Nguyễn Lộc Thế tử nãi Giao Chỉ bạt hổ chi nhân*” (阮盡世子乃交趾跋扈之人) Vì vậy, Nguyễn Lộc Thế Tử có thể là tên riêng. Song, như chú thích ở trên, Nguyễn Lộc có lẽ chính là Thổ hào Lạng Giang Nguyễn Thế Lộc, do vậy được tự trị và lập Thế tử (con nối nghiệp) của mình chẳng? Trong Tân Nguyên sử cũng không hề nói đến “*Nguyễn Lộc Thế tử*”. Xin phép để tôn nghi.

xét sự tình, báo rõ lại cho tôi biết.” Thế nhưng, vì đường xá xa xôi, lời lẽ, tình tiết hoang đường, rốt cuộc cũng không có được câu trả lời mong muốn. Bọn Nguyên Hanh suy luận nguyên do là: Nhân vì người Giao Chỉ trước nay vẫn từng xâm phạm biên cảnh châu Vĩnh Bình, nên nay lại học theo thành thói. Lại nghe, Nguyễn Lộc Thế tử là kẻ hống hách ở Giao Chỉ. Kế sách bây giờ, chẳng gì bằng sai sứ sang dụ An Nam, trả lại những điền thổ và nhân dân của ta, đồng thời vẫn lệnh cho chúa giữ nước ấy phân định rõ cương giới, xét cứu kẻ chủ mưu, đem những kẻ gây hấn ra giết ở biên cảnh, sức trát cho quan lại ngoài biên không được lấn vượt. Rồi ở Vĩnh Bình lại lập trại mộ binh, đặt quan thống lĩnh, cấp điền thổ trâu cày, cho tự cày cấy lấy cái ăn, biên chế đội ngũ, nêu rõ thưởng phạt, lệnh cho khi có sự hoãn cấp, thì đâu đuôi ứng cứu nhau, như vậy thì biên cảnh sẽ yên ổn, mãi mãi bảo đảm không có gì phải lo ngại. Việc ấy tâu lên, triều đình có chỉ, đợi sứ An Nam đến, sẽ lập tức dụ bảo cho biết.

Từ đầu niên hiệu Diên Hựu¹ cho đến cuối niên hiệu Chí Trị², biên cương yên ổn, cống hiến không bỏ. Năm Thái Định nguyên niên (1324), Thế tử Trần Nhật Khoáng (陳日熾)³ sai bồi thần là bọn Mạc Tiết Phu⁴ (莫節夫) sang cống.⁵

1. Diên Hựu: niên hiệu của Nguyên Nhân tông từ 1314-1320.

2. Chí Trị: niên hiệu của Nguyên Anh tông từ 1320-1323.

3. Tức Trần Minh tông. TT.BK.q6 chép: “Minh tông Hoàng đế húy Oảnh (肅)” Có phiên thiết rõ là “Ô Mẫn thiết” (Trước đây thường được phiên là Mạnh, chưa chính xác.)

4. Mạc Tiết Phu: tức Mạc Đĩnh Chi, tự Tiết Phu.

5. Đoạn này, Tân Nguyên sử chép kỹ lưỡng hơn, xin dịch thêm vào đây:

...Năm Diên Hựu thứ ba (1316), sai Hồ Quảng hành sảnh dụ An Nam thả Chiêm Thành quốc vương về nước. Trước đây, người An Nam đánh nước Chiêm Thành, bắt vua nước ấy đem theo quân về. (An Nam) nghênh bái chiếu thư, rồi dâng biểu tạ tội.

Năm thứ bảy (1320) Nhật Súy chết, Thế tử Nhật Khoáng sai bồi thần Đặng Cung Kiệm (鄧恭儉), Đỗ Sĩ Du (杜士游) sang cống.

Năm Chí Trị nguyên niên (1321) đời (Nguyên) Anh tông, (triều đình) sai Lại bộ Thượng thư Giáo Hóa (教化), Lễ bộ lang trung Văn Cử (文矩), sang (An Nam) ban chiếu lên ngôi.

Thái Định đế lên ngôi, chiếu cho Thế tử nước An Nam là Trần Nhật Khoáng rằng: “Ta lên ngôi nắm đại mệnh, vô về muôn nước, đức trạch khắp ban, không khác gì Hoa Hạ. Triều trước đây bỏ bằng thần dân, trẫm là đích tôn của Dụ hoàng, được đại thần tôn thất ứng hộ, bèn từ dòng dõi Thái tổ vào kế tục ngôi trời, lấy năm Giáp Tí làm năm Thái Định nguyên niên. Nay sai Thượng thư Mã Hợp Mưu (馬合謀), Lễ bộ lang trung Dương Tăng Thụy (楊增瑞) mang chiếu sang bá cáo, tặng cho ngươi lịch Thụy thời một quyền. Xét, cha ông ngươi tu cống nội phụ đã lâu năm, nước ta đãi ngươi rất hậu. Nay, bề tôi trấn thủ ở Chiêm Thành, dâng

Ích Tắc ở Ngạc Châu rất lâu, được xa trao chức Hồ Quảng hành sảnh Bình chương chính sự. Triều (Nguyên) Thành tông, được ban cho hai trăm khoảnh ruộng. Triều Vũ tông, tiến phong Ngân thanh Vinh lộc đại phu, gia Kim tử Quang lộc đại phu, lại gia Nghi đồng tam ty. Mùa hạ, năm Thiên Lịch thứ hai (1329) đổi Văn tông, Ích Tắc chết, thọ bảy mươi sáu tuổi, có chiếu ban cho năm ngàn quan tiền. Năm Chí Thuận nguyên niên (1330), ban thụy là Trung Ý vương.

Mùa hạ, tháng Tư, năm thứ ba (1332), Thế tử Trần Nhật Phụ (陳日煌)¹ sai bồ tát là bạn Đặng Thế Diên (鄧世延)² hai mươi tư người sang cống phuơng vật.³

biểu, tâu rằng quan quân ngoài biển của nước ngưới liên tục phát binh sang xâm lấn, trẫm trong lòng rất thương xót. Không biết khanh vì sao mà lại làm như vậy, há việc ấy đáng tin ru? Trẫm làm vua thiên hạ, coi xa cũng như gần, đều phải vỗ dân yên, khiến ai được an nghiệp nấy. Khanh hãy xem xét tấm lòng của trẫm, mà răn đe quân sĩ, cẩn thận giữ gìn dân chúng, để không quên thành ý nhiều đời trung thuận của mình." Nhật Khoáng sai bồi thần Mạc Tiết Phu sang mừng.

Năm thứ hai (1325), Tri châu Minh Viễn là Thiêm Sáp (添插) nói: "Thổ quan An Nam là Áp Na (押那) đánh cướp các trại trong địa hạt." (Triều đình) sức cho Áp Na trả lại những tù binh.

Năm thứ ba (1326), tướng An Nam là Nguyễn Khấu (阮叩) xâm phạm Tư Châu, (triều đình) mệnh cho Hồ Quảng hành sảnh nghiêm binh canh giữ.

1. Tức Trần Hiến tông. TT.BK.q7 chép: "Hiến tông Hoàng đế húy Vượng (旺)."

2. ANCL.q14 chép năm 1330 sứ thần là Đại phu Đoàn Tử Lai (段子来) và Lê Khắc Tốn vào cống. Năm 1332, Đại phu Đặng Thế Diên vào cống và mừng Nguyên Văn tông lên ngôi. CM.CB.q9 có chép việc năm 1331, nhà Trần sai sứ là Đoàn Tử Trinh sang chúc mừng Nguyên Văn tông mới lên ngôi.

3. Tân Nguyên sử tiếp sau đoạn này, còn chép thêm một đoạn nữa, xin dịch phụ ở đây. Nội dung của đoạn là quan điểm của Tân Nguyên sử chứ không hẳn đã hoàn toàn đúng.

...Năm Chí Thuận nguyên niên (1330), có giặc cướp ở Quảng Nguyên là Bế Phúc (閉覆) vào cướp động La Hồi, Long Châu. Quan Vạn hộ ở Long Châu sức văn thư cật vấn An Nam, (An Nam) đưa điệp phúc đáp rằng: "Từ khi quy phụ thiên triều, cẩn thận giữ phận bồ tát, duy trì cương giới, một niệm ghi lòng. Há lại lấy động La Hồi vốn thuộc bản quốc, gây sự tranh chấp ư, ấy chính là quan lại ngoài biên (của quý quốc) gây hấn, thác danh Bế Phúc, người lý nên phải nghiêm trị." (Triều đình) mệnh cho quan Vạn hộ ở Long Châu trả lại những thứ đã cướp được.

Năm sau (1331), Nhật Phụ^l sai bồ tát là Đoàn Tử Trinh (段子貞), Lê Khắc Tốn (黎克遜) sang cống. Năm thứ ba (1332), (triều đình) sai bạn Lại bộ Thượng thư Tát Chỉ Ngõa (撒只瓦) đi sứ sang An Nam.

Năm Nguyên Thống thứ hai (1334) đời (Nguyên) Huệ tông, (triều đình) sai Thượng thư Thiếp Trú (帖住)ⁱⁱ, Lễ bộ Lang trung Trí Hi Thiện (智熙善) đi sứ sang An Nam, đem tặng lịch Thụ thời. An Nam sai Đồng Hòa Khanh (童和卿), Nguyễn Cố Phu (阮固夫) sang cống, và mừng vua lên ngôi.

Sau, năm Chí Nguyên nguyên niên (1335), (triều đình) phong Thế tử An Nam là Trần Đoan Ngõ (陳端午)ⁱⁱⁱ làm quốc vương. Nhật Phụ lui về học đạo, tự lấy hiệu là Thái Hư Tử (太虛子),

nhưng trên các tấu biếu vẫn ghi tên mình. Từ năm thứ tư (1338) đến năm thứ sáu (1340), hai lần sai sứ sang cống. Trước đây, triều đình vì cớ Nhật Huyên không thỉnh mệnh mà tự lên ngôi, cho nên từ đời Nhật Huyên trở về sau bốn đời đều chỉ gọi là An Nam thế tử. Đến Đoan Ngọ, mới lại phong là quốc vương.

Chế độ nước ấy: Chia nước làm mười ba đạo, năm mươi hai phủ, hai trăm mười chín châu huyện, kỳ thực một đạo không bằng một quận của Trung Quốc. Các nơi đều đặt trường học. Duy Lạng Sơn có thành, gạch xây có sắc đỏ tía, tương truyền do Mã Phục Ba xây dựng. Vương cung dùng ngói vàng, hiên cao không quá một trượng. Nhà dân dùng cỏ tranh lợp mái, chỉ cao độ ba thước, ra vào phải cúi đầu. Văn tự cũng giống như Trung Nguyên, ngoài ra có riêng mấy chữ chữ khác, phần đa viết thêm bộ thổ bang để tỏ là khác, và cũng chỉ lưu hành trong nước. Sản vật nhiều thóc lúa, không có mạch, trọng việc tắm tang, có vải lụa, không trồng cây bông. Khắp nơi trúc mộc như rừng che rợp ánh nắng. Việc dùng người thì: Văn chức có Tam công, Thái úy, Bình chương chính sự, Phụ quốc, Tả hữu bộc xạ, Tham tri chính sự, Ngự sử đài, Hàn Lâm viện, Thượng thư... Võ chức có Đô nguyên soái, Tiết độ sứ, Đại tướng quân, Nội điện tiền chỉ huy sứ, Chiêu thảo sứ... Lại có quan viên ở phương trấn và các hương ấp thế tập. Mỗi ba năm lại tổ chức một khoa thi, đầu tiên thi Kinh nghĩa, thứ hai là thi Tứ lục^v, thứ ba thi Thơ, thứ tư thi Văn sách. Các đạo chọn lấy những người đậu tam trường gọi là Sinh đồ, đậu tứ trường gọi là Cống sinh^v. Đến thi hội, ai trúng tứ trường thì là tiến sĩ, không định ngạch nhiều ít. Các dòng họ có: Nguyễn, Bùi, Ngô, Dương, Đào, Hoàng, Vũ, Tống, Trần, Trịnh, Lương, Hồ, ngoài ra không có họ khác (?). Trai gái đều xõa tóc, lấy sáp thơm mà thu quện lại, để khỏi rối. Lại lấy thuốc mà bôi lên răng, để răng có màu đen mà bóng. Bất luận trời mưa hay nắng đều đội nón. Gặp bậc quý nhân thì gọi là “Ông trà (già)”, nghĩa là Đại quan vậy. Ăn thịt sống. Không đặt bàn ghế. Nhà giàu mới có giường nệm, bình dân chỉ trải cỏ mà nằm. Tục thích quái dị, chuộng bói toán thần quỷ, không tín phung đạo của hai họ^{vii}. Hôn nhân thì: Nhà phú quý dùng mai mối, tuân theo lễ chế, còn nhà nghèo thì trai gái thích nhau, tự sắm tiền nong mà thành phu thê, dù cùng họ cũng không kiêng tránh. Riêng việc tang tế thì theo như cổ lễ, cấm quan dân không được chọn đất để mộ, chỉ cho phép chôn ngoài đồng. Duy quốc vương là được chọn đất để mộ trên núi. Quân đội không có giáp trụ, chỉ dùng hỏa khí, trường đao, giáo búp đa, khiên đan bằng mây... Lâm trận, lấy voi làm trọng yếu. Cỏ cây bốn mùa không rụng lá. Ngày, đêm không dài ngắn khác nhau mấy, người xưa gọi là Nhật Nam, quả không sai chút nào vậy.

ⁱ Tức Trần Hiến tông.

ⁱⁱ TT.BK.q7 chép là Thiết Trú (鐵柱) và việc ở năm 1335.

ⁱⁱⁱ Ở đây có lẽ Tân Nguyên sử chép làm vì Trần Hiến tông mất sớm, không có con trai nên không rõ Thế tử ở đây là ai. Nếu để chỉ Trần Dụ tông (là em của Hiến tông) thì trong Nguyên sử chép tên là Nhật Khuế. Xin để tồn nghi.

^{iv} Tức thể cổ văn vẫn dùng để viết chế, chiếu, biểu.

^v Có lẽ Tân Nguyên sử nhầm với thời nhà Lê. TT.BK.q13 chép năm 1483 mới có lệ “ai thi hương đỗ tam trường, thi sung Sinh đồ, đỗ tứ trường thi sung Sinh viên ở Tăng Quảng đường như lệ cũ.” Cách gọi Sinh đồ, Cống sinh đều từ thời vua Lê Thánh tông mới bắt đầu có.

^{vi} Chỉ đạo Giáo và đạo Phật.

IV. MINH SỬ

QUYẾN 321 - NGOẠI QUỐC 2

AN NAM

An Nam, tức là đất Giao Chỉ xưa. Từ đời Đường về trước đều lệ thuộc Trung Quốc. Thời Ngũ Đại, mới được người bản địa là Khúc Thừa Mỹ chiếm giữ. Đầu đời Tống, phong Đinh Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ quận vương, truyền qua ba đời thì bị đại thần là Lê Hoàn soán ngôi. Họ Lê cũng truyền qua ba đời lại bị đại thần là Lý Công Uẩn soán lấy. Họ Lý truyền qua tám đời, không có con trai, truyền cho con rể là Trần Nhật Cụ (陳日炬)¹. Đời Nguyên, nhiều lần đến phá nước ấy.

Năm Hồng Vũ nguyên niên (1368), vua nước ấy là Nhật Khuế (日煃)² nghe tin Liệu Vĩnh Trung (廖永忠) bình định Lưỡng Quảng, định sai sứ sang nạp khoản, nhưng vì Lương vương (nhà Nguyên) đang ở Vân Nam nên còn chưa được. Tháng Mười hai, (Minh) Thái tổ sai Hán Dương tri phủ Dịch Tế (易濟)³ chiêu dụ. Nhật Khuế bèn sai bọn Thiếu trung đại phu Đồng Thời Mẫn (同時敏), Chính đại phu Đoàn Đẽ (段悌), Lê An Thế (黎安世), phụng biểu sang chầu, và cống phuơng vật.⁴ Tháng Sáu năm sau (1369), thì sứ đến kinh sư. Hoàng đế vui lòng, ban yến, sai Thị độc học sĩ Trương Dĩ Ninh (張以寧), Diễn bạ Ngưu Lượng (牛諒) sang phong cho (Nhật Khuế) làm

1. Trần Nhật Cụ: tức Trần Nhật Cảnh mà *Tống sử*, *Nguyên sử* chép, TT.BK.q5 chép là Trần Cảnh.

2. Tức Trần Dụ tông.

3. TT.BK.q7 chép là Dịch Tế Dân (易濟民).

4. TT.BK.q7 chép là nhà Trần sai Lễ bộ thượng thư Đào Văn Đích (陶文的) sang Minh đáp lễ.

An Nam quốc vương, ban cho ấn bạc mạ vàng nút hình lục đà. Chiếu rằng: “*Nghĩ, An Nam quốc vương Trần Nhật Khuê ngươi, từ đời tổ phụ đã giữ đất miền nam, xưng là phiên thuộc của Trung Quốc, tận tụy chức phận bề tôi, để mãi nối đời thụ phong. Trẫm nhờ oai linh trời đất, dẹp yên Hoa Hạ, truyền thư tới báo. Khanh lập tức phụng biểu xưng thần, sai sứ sang mừng, tuân theo phép tiền nhân đã dạy, để giữ yên dân chúng cõi xa. Xét lòng thành khẩn ấy, rất đáng ngợi khen. Vậy nên cho sứ giả mang ấn tín sang, vẫn phong cho khanh làm An Nam quốc vương. Ôi chao! Rộng khắp lòng nhân, thịnh điển triết vương nghĩ học; Tước vượt năm hạng, di phuơng đời trước kế thừa. Thêm dẹp hiến chương, mãi làm phên dậu. Khâm tai!*” Lại tặng cho Nhật Khuê lịch Đại Thống¹, bốn mươi sấp lụa gấm sợi vàng, bọn Đồng Thời Mẫn trở xuống cũng đều có ban thưởng.

Bọn Dĩ Ninh tới noi, thì Nhật Khuê đã chết rồi, cháu là Nhật Kiên (日燶)² nối ngôi, sai bề tôi là Nguyễn Nhữ Lượng (阮汝亮) đến dón, xin cáo ấn. Bọn Dĩ Ninh không cho. Nhật Kiên bèn lại sai bọn Đỗ Thuấn Khâm (杜舜欽) sang thỉnh mệnh triều đình, Dĩ Ninh ở lại An Nam đợi mệnh.³ Bấy giờ, An Nam và Chiêm Thành có việc binh cách, Hoàng đế sai Hàn lâm biên tu La Phục Nhân (羅復仁), Binh bộ chủ sự Trương Phúc (張福) sang dụ sai bãi binh, hai nước đều phụng chiếu.

Năm sau (1370), bọn Thuấn Khâm đến cáo ai. Hoàng đế mặc áo trắng ngự cửa Tây Hoa gặp mặt, bèn mệnh cho Biên tu Vương Liêm (王廉) sang tế, đem phúng năm mươi lạng bạch kim, năm mươi sấp lụa trắng. Lại sai Lại bộ chủ sự Lâm Đường Thần (林唐臣) sang phong Nhật Kiên làm vương, tặng cho ấn vàng cùng bốn mươi sấp lụa gấm sợi vàng. Liêm đi rồi, Hoàng đế lại lấy việc Mã Viện đòi Hán có lập trụ đồng để trấn Nam man, công ấy rất lớn lao, mệnh cho Liêm

1. Lịch Đại Thống: Theo *Minh sử - Lịch chí* 1, lịch Đại Thống của nhà Minh thực chất là lịch “Thụ thời” của nhà Nguyên, liên tiếp được dùng trong hơn 270 năm không thay đổi, đến sau đời Thành Hóa mới có bàn thay đổi. Đồng thời chép: “Tháng Mười một năm Ngô nguyên niên (1367), ngày Ất Mùi, đồng chí, Thái sử Viện sứ Lưu Cơ dẫn thuộc lại Cao Ký dâng lịch Đại Thống năm Mậu Thân”. Lịch riêng của nước ta dựa trên bộ lịch này để tính cho tới mãi năm 1812 thời vua Gia Long mới đổi sang tính theo lịch Thời Hiến của nhà Thanh.

2. Tức Dương Nhật Lễ.

3. TT.BK.q7 chép là Dĩ Ninh ốm chết.

đến cúng tế. Ít lâu sau, lại ban chiếu lệnh về việc khoa cử tới An Nam, và lấy việc thay đổi định lại thần hiệu núi sông cùng vỗ yên sa mạc, hai lần sai quan sang chiếu cáo cho biết. Nhật Kiên sai bọn Thượng đại phu Nguyễn Kiêm (阮兼), Trung đại phu Mạc Quý Long (莫季龍), Hạ đại phu Lê Nguyên Phổ (黎元普) sang tạ ơn và cống phuơng vật. Kiêm chết trên đường đi, (Hoàng đế) xuống chiếu ban tặng cho quốc vương cùng sứ thần, và đưa linh cữu Kiêm về nước. Không bao lâu, thì bọn Phục Nhân vê, nói rằng đã từ chối quà biếu không nhận, Hoàng đế rất khen ngợi. Lại gia tặng cho bọn Quý Long.

Mùa xuân năm thứ tư (1371), (Nhật Kiên) sai sứ cống voi, mừng bình định vùng sa mạc, lại sai sứ theo bọn Dĩ Ninh sang châu. Mùa đông năm ấy, Nhật Kiên bị bác là Thúc Minh (叔明)¹ bức tử. Thúc Minh sợ tội, sang cống voi và phuơng vật. Hơn một năm thì tới kinh, lễ quan thấy tên ghi trên biếu không phải là Nhật Kiên, cật vấn ra sự thực, triều đình bèn hạ chiếu chối từ. Thúc Minh lại triều cống tạ tội, và xin phong. Sứ giả của Thúc Minh thừa rằng Nhật Kiên thực bị bệnh chết, Thúc Minh khiêm tránh ở bên ngoài, nhưng được người trong nước suy tôn lên. Hoàng đế mệnh cho người trong nước ấy để tang cho Nhật Kiên, còn Thúc Minh thì tạm lấy con dấu vương ấn trước đây mà coi việc.

Năm thứ bảy (1374), Thúc Minh sai sứ tạ ơn, tự xưng là tuổi già, xin mệnh cho em là Thoan (端)² nhiếp chính, Hoàng đế bàng lòng. Thoan sai sứ sang cống, xin kỳ tuế cống. Xuống chiếu cho ba năm một lần sang cống, vua mới lên ngôi thì sang châu một lần. Ít lâu sau, (An Nam) lại sai sứ sang cống, Hoàng đế lệnh cho hữu ty khuyến dụ chối từ, lại định rằng sứ giả không nên quá ba, bốn người, cống vật không cần mang hậu hĩ.

1. Tức Trần Nghệ tông. Có lẽ Minh sử lấy thời điểm sứ thần nước ta sang cống và cáo tang mà chép nên cả hai sự kiện Nhật Kiên cống voi và Nhật Kiên bị bức tử đều chép ở năm 1371. TT.BK.q7 chép tháng Mười một năm 1370, Nghệ tông phế Dương Nhật Lễ làm Hôn Đức công rồi sai người giết chết.

2. Tức Trần Duệ tông. TT.BK.q7 chép Duệ tông tên húy là Kính (敬). Sự kiện nhường ngôi này chép ở năm 1373.

Năm thứ mươi (1377), Thoan đi lấn Chiêm Thành, bị thua chết. Em là Vĩ (煥)¹ thay nối ngôi, sai sứ cáo ai. (Triều đình) sai Trung quan Trần Năng (陳能) sang tế. Bấy giờ, An Nam cậy mạnh, muốn diệt Chiêm Thành, rốt cuộc lại phải tát bại. Hoàng đế sai quan dụ bảo vua trước là Thúc Minh chớ nên gây hấn chuốc họa, vì Thúc Minh mới thực là chủ việc nước vậy. Thúc Minh cống phuơng vật tạ tội.

Thổ quan ở Tư Minh, Quảng Tây tố cáo An Nam phạm biên cảnh, An Nam cũng tố cáo Tư Minh quấy rối biên cương. Hoàng đế đưa hịch kể tội gian dối, sắc mệnh cho quan trấn thủ không cho sứ giả vào. Vĩ sợ, sai sứ tạ tội, nhiều năm liền đem cống những người hoạn quan, vàng bạc, mân tử kim, chén rượu bằng vàng, cùng voi ngựa... Hoàng đế sai Trợ giáo Dương Bàn (楊盤) đi sứ sang, sai (An Nam) chuyển quân lương cho Vân Nam. Vĩ lập tức vận chuyển năm ngàn thạch lương đến Lâm An.²

Năm thứ hai mươi mốt (1388), Hoàng đế lại sai Lễ bộ lang trung Hình Văn Vĩ (邢文偉) đem sắc chỉ và tiền sang tặng. Vĩ sai sứ tạ ơn, lại dâng voi. Hoàng đế cho là việc phiền phức, và cống vật xa xỉ, mệnh cho lại cứ ba năm mới cống một lần, không nên dâng tê, voi nữa.

Bấy giờ Quốc tướng (An Nam) là Lê Quý Ly (黎季犖) trộm giữ binh quyền, phế vua nước ấy là Vĩ, không lâu sau thì giết, mà lập con của Thúc Minh là Nhật Côn (日焜)³ lên làm chủ trong nước, nhưng vẫn mượn danh Vĩ vào cống. Triều đình không biết mà thu nhận, qua mấy năm mới biết chuyện, bèn sai bê tôi trấn giữ ở Quảng Tây chặn không cho sứ giả sang. Quý Ly sợ, năm thứ hai mươi bảy (1394) sai sứ theo đường Quảng Đông vào cống. Hoàng đế nổi giận, sai cho trách hỏi, từ chối cống phẩm. Quý Ly càng sợ, năm sau lại dùng lời lẽ dối gian vào cống. Hoàng đế tuy ghét vì tội thí nghịch, nhưng không muốn nhọc quân viễn chinh, bèn nhận cống. Đại quân vừa đến dẹp

1. Tức Trần Phế đế. TT.BK.q8 chép “Phế đế húy Hiện, là con trưởng của Duệ tông” chứ không phải em.” Ở đây *Minh sử* nhầm với Vĩ là con trưởng của Trần Duệ tông, năm 1373 được phong làm Chương Vũ đại vương, định lập làm Thái tử thì lên nhot độc mà chết.

2. TT.BK.q8 chép việc này ở năm 1384.

3. Tức Trần Thuận tông. TT.BK.q8 chép: “Thuận tông Hoàng đế húy Ngung, là con út Nghệ tông”. Như vậy Nhật Côn chính là Ngung ở dưới.

Triệu Tông Thọ (趙宗壽) ở Long Châu, (triều đình) bèn mệnh Lễ bộ thượng thư Nhâm Hanh Thái (任亨泰), Ngự sử Nghiêm Chấn Trực (嚴震直) dụ bảo Nhật Côn chớ nên nghi sợ. Quý Ly nghe được lời ấy, mới tạm yên lòng. Hoàng đế lại sai Hình bộ thượng thư Dương Tĩnh (楊靖) dụ bảo (An Nam) sai chuyển tám vạn thạch gạo đến nuôi quân ở Long Châu. Quý Ly chuyển một vạn thạch, tặng một ngàn lạng vàng, hai vạn lạng bạc, nói đường bộ đến Long Châu hiểm trở, xin cho chuyển đến động Băng Tường. Tĩnh không thể nghe, sai chuyển hai vạn thạch đến sông Đà Hải.¹ Sông cách Long Châu chỉ nửa ngày đường. Tĩnh nhân tâu lên rằng: “Nhật Côn tuổi nhỏ, việc nước đều do cha con Quý Ly quyết định, mới dám có ý chần chừ nghe ngóng như vậy.” Bấy giờ, Hoàng đế thấy Tông Thọ đã nạp khoản, dời quân sang chinh phạt các tộc man ở Hướng Vũ, bèn dụ Tĩnh, sai (An Nam) chuyển hai vạn thạch gạo cho quân, mà miễn cho số vàng bạc dâng hiến. Năm sau, Quý Ly báo tin vua trước là Thúc Minh đã mất. Hoàng đế cho Thúc Minh vốn là thoán ngôi giết vua, nếu điều tệ là khen cho việc làm loạn, bèn không cho sứ sang điều, chỉ truyền hịch khiếu cho biết.²

Thổ quan châu Tư Minh là Hoàng Quảng Thành (黃廣成) tâu: “Từ khi nhà Nguyên đặt Tư Minh tổng quản phủ, quản hạt các châu huyện ở Tả Giang, phía đông đến châu Thượng Tư, phía nam đến cột đồng làm ranh giới. Nhà Nguyên đánh Giao Chỉ, chuyển cột đồng đi một trăm dặm, lập Vạn hộ phủ ở trại Vĩnh Bình, sai quân đến trấn thủ, lệnh cho người Giao Chỉ phải cung cấp lương huống cho quân. Cuối đời Nguyên loạn lạc, người Giao Chỉ công phá Vĩnh Bình, lại dời ngược cột đồng lên hơn hai trăm dặm, xâm đoạt đất năm huyện thuộc châu Tư Minh là Khâu Ôn, Như Ngao, Khánh Viễn, Uyên, Thoát. Gần đây lại báo với Nhâm thượng thư đặt trạm dịch ở đất Đồng Đăng của Tư Minh. Thần từng dâng tấu, được ơn vua cho

1. TT.BK.q8 chép “Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái sang đòi năm vạn quân, năm mươi con voi, năm mươi vạn thạch lương đưa đến biên giới để dùng vào việc quân” nhưng “Ta thác cớ không cung cấp quân lính và voi chiến, chỉ cấp một ít lương thực sai quan đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.”

2. TT.BK.q8 chép việc Trần Nghệ tông mất trước việc Nhâm Hanh Thái sang nước ta đòi quân lương.

Dương thượng thư đến xem xét thực tình. Xin bệ hạ sắc cho An Nam đem đất năm huyện trả lại cho thần, vẫn lấy đồng trụ vạch làm địa giới.” Hoàng đế sai Hành nhân¹ Trần Thành (陳誠), Lã Nhượng (呂讓) sang truyền dụ, nhưng Quý Ly vẫn nhất định không nghe theo. Thành tự viết thư dụ Nhật Côn, Quý Ly lại gửi thư tranh biện, và viết thư giúp Nhật Côn đưa tới Hộ bộ (nhà Minh). Bọn Thành về phục mệnh, Hoàng đế biết rằng rốt (An Nam) sẽ không chịu trả lại, bèn nói: “Man di tranh nhau, từ xưa đã có. Chúng cậy ương ngạnh, tất sẽ mắc họa, tạm cứ đợi xem.”

Kiến Văn nguyên niên (1399), Quý Ly giết Nhật Côn, lập con Nhật Côn là Ngung (顥), rồi lại giết Ngung, lập em Ngung là An (煖) ² - vẫn còn đang quấn tã, rồi lại giết đi, tàn sát tôn tộc họ Trần mà tự lập làm vua, đổi họ tên là Hồ Nhất Nguyên (胡一元), đổi tên con là Thương (蒼)³ thành Hồ Đê (胡奩)⁴, nói là hậu duệ của Hồ công, dòng dõi vua Thuấn, tiếm quốc hiệu là Đại Ngu, đổi niên hiệu Nguyên Thánh⁵. Ít lâu sau thì xưng là Thái thượng hoàng, truyền ngôi cho Đê, mà triều đình (nhà Minh) không hay biết.

Thành tổ lên kế thừa đại vị, sai quan đem chiếu lên ngôi đền báo cho nước ấy biết. Năm Vĩnh Lạc nguyên niên (1403), Đê tự cho mình là Quyền lý An Nam quốc sự, sai sứ phụng biểu triều cống, nói rằng: “*Thời Cao Hoàng đế (Minh Thái tổ), An Nam vương Nhật Khuế quy thuận trước tiên, chẳng may mất sớm, hậu tự dứt tuyệt. Thần là cháu ngoại họ Trần, được dân chúng suy tôn, tạm quyền lo việc nước, đến nay đã bốn năm. Mong thiên ân ban cho phong túc, thần dù chết không dám hai lòng.*” Việc chuyển xuống cho bộ Lễ, các bề tôi trong bộ lấy làm nghi, xin cho quan sang tra xét. Bèn mệnh cho bọn Hành

1. Hành nhân: chức quan giữ việc lễ nghi, triều yết và giao thiệp với nước ngoài.

2. Tức Trần Thiếu đế. Chỗ này *Minh sử* chép chưa chính xác, có thể do tên trên văn thư giao dịch của Trần Thuận tông là Nhật Côn, nên khi thấy có tên Ngung đã cho là hai người. TT.BK.q8 chép Quý Ly giết Thuận tông năm 1399 và lập Thiếu đế An là con của Thuận tông (Ngung). Đến năm 1400, Quý Ly ép Thiếu đế nhường ngôi, vì Thiếu đế là cháu ngoại Quý Ly nên không giết mà phế làm Bảo Ninh đại vương.

3. TT.BK.q8 chép là Hán Thương (漢蒼).

4. TT.BK.q8 chỉ nói Quý Ly lấy họ Hồ, chứ không thấy nói tới việc đổi tên.

5. TT.BK.q8 chép niên hiệu của Hồ Quý Ly là Thánh Nguyên.

nhân Dương Bột (楊渤) mang sắc sang dụ hỏi những bối thân và phụ lão (An Nam), xem họ Trần có người kế tự hay không, cùng việc họ Hồ được suy tôn là thực hay dối, cứ sự thực mà bẩm báo cho biết. Rồi cho cống sứ về nước, lại mệnh Hành nhân Lã Nhượng, Khâu Trí (丘智) ban thưởng cho (sứ An Nam) vải là, lụa vân, gấm nhung. Rồi đó sứ (An Nam) lại theo bọn Bột về triều, dâng biểu của bối thân và phụ lão, cũng nói như những điều đã dối Hoàng đế, mà xin ban cho (Đê) phong tước. Hoàng đế bèn mệnh Lễ bộ lang trung Hạ Chỉ Thiện (夏止善) phong (cho Đê) làm An Nam quốc vương. (Đê) sai sứ sang tạ ơn, nhưng vẫn xứng đế trong nước như cũ.

Lộc Châu, Tây Bình Châu, Vĩnh Bình trại thuộc Tư Minh quản hạt bị (An Nam) xâm đoạt, Hoàng đế dụ cho trả lại, nhưng (An Nam) không nghe. Chiêm Thành lại thua An Nam sang xâm nhiễu, (triều đình) xuống chiếu cho hai bên phải hòa hảo. (Đê) ngoài mặt thì nói là phụng mệnh, nhưng vẫn xâm nhiễu như cũ, lại trao ấn tín cho (Chiêm Thành) bắt phải phụ thuộc, và đoạt lấy những vật thiêng triều đã ban tặng cho Chiêm Thành. Hoàng đế rất ghét, sai quan sang trách hỏi, lại có bối thân triều cũ là Bùi Bá Kỳ (裴伯耆) đến cửa khuyết cáo nạn, nói: “Tổ phụ của thần đều nắm quyền Đại phu, chết vì nạn nước. Mẹ thần là tộc gần của họ Trần. Cho nên, thần từ nhỏ đã hầu Quốc vương, làm quan ngũ phẩm, sau theo làm tì tướng của Võ Tiết hầu Trần Khát Chân (陳渴真). Cuối đời Hồng Vũ, thay Khát Chân ra chặn giặc ở biển đông. Vậy mà cha con tặc thần Lê Quý Ly giết chúa thoán ngôi, sát hại trung lương, diệt tộc họ Trần hơn một trăm mươi người, anh em, vợ con thần cũng đều bị hại. (Lê Quý Ly) sai người bắt thần, định giết làm mắm. Thần bỏ quân trốn đi, ẩn nấp nơi sơn cốc, muốn đến nơi cửa khuyết, mà bây hết gan mật, lẩn lộn mấy năm nay, mới được thấy mặt trời. Trộm nghĩ, Quý Ly vốn là con của quan Kinh lược sứ trước đây là Lê Quốc Mao (黎國髦), nối đời phụng sự họ Trần, trộm được vinh sủng, đến con là Thương, cũng được đội ơn quý nhậm. Một buổi thoán đoạt, bèn đổi họ thay tên, tiếm hiệu cài nguyên, chẳng kính triều mệnh. Những kẻ trung thần lương sĩ nhức óc đau lòng, mong (bệ hạ) hưng binh điếu phạt, dấy nghĩa kế tuyệt, trừ diệt gian hung, lập lại cho dòng dõi họ Trần, thì thần có chết cũng

không mục nát. Dám học theo lòng trung của Thân Bao Tư xưa, khóc than dưới cửa khuyết, xin bệ hạ soi xét!” Hoàng đế xem bản tấu cảm động, mệnh cho hữu ty chu cấp cho y thực. Gặp khi Lão Qua đưa Trần Thiên Bình (陳天平)¹ đến, nói rằng: “Thân, Thiên Bình, là cháu của Quốc vương Nhật Huyên trước đây, con của (Trần) Oánh (翁), em của Nhật Khuế vậy. Tên giặc họ Lê tận diệt họ Trần, thần vượt ra chầu ngoài nên thoát được. Các liêu tá của thần một lòng trung nghĩa, suy tôn thần làm chúa để trừ quân giặc. Thần vừa bàn bạc việc mờ quân thì quân giặc lại tới bức, phải vội vàng bôn tẩu, ẩn núp nơi rừng núi, vạn tử nhất sinh, đến được Lão Qua. Kính nghe Hoàng đế bệ hạ lên ngôi sửa sang đại thống, nên thần mới có nơi đến theo dựa. Bò lết trải muôn dặm, tố cáo đến minh định. Hậu duệ họ Trần chỉ còn một mình thần, thần với lũ giặc ấy chẳng thể đội trời chung. Phủ phục khẩn cầu thánh từ rủ thương, nhanh chóng ruồi sáu quân, tỏ rõ đạo trời mà đến thảo phạt.” Hoàng đế lại càng cảm động, sai hữu ty sắp đặt quán xá cho ở.

Đê vừa sai sứ sang mừng ngày Chính đán², Hoàng đế bèn đưa Thiên Bình ra cho thấy, chúng đều giật mình kinh ngạc quỳ xuống bái lạy, có kẻ còn khóc. Bá Kỳ đem đại nghĩa ra trách sứ giả, chúng đều sợ hãi không thể đáp lại được.³ Hoàng đế bèn dụ các thị thần: “Cha con Đê phản nghịch, quỷ thần đều chẳng dung tha. Nhưng tất cả thần dân trong nước cùng làm điều che đậm dối lừa, cả nước đều là tội nhân, thì trẫm không thể dung được.”

Năm thứ ba (1405), (triều đình) sai Ngự sử Lý Kỳ (李琦), Hành nhân Vương Xu (王樞) mang sắc chỉ sang trách Đê, sai đem hết thực tình chuyện thoán ngôi giết vua tâu rõ.⁴ Châu Ninh Viễn, Vân Nam lại tố cáo Đê xâm đoạt bảy trại, bắt những con trai, con gái đem về. Đê sai bể tôi là Nguyễn Cảnh Chân (阮景真) theo bọn Kỳ về triều tạ tội,

1. TT.BK.q8 chép là Thiêm Bình (添平).

2. Chính đán: là ngày Mồng một tháng Giêng, tức tết Nguyên đán.

3. TT.BK.q8 chép người Minh hỏi Bùi Bá Kỳ gặp Thiêm Bình, “người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết” nhưng lại có chép rằng “Nội cấm y vệ nhà Minh là Phạm Chất nói với Hán Thương rằng Lưu Quang Đinh vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh có lạy Thiêm Bình”. Lưu Quang Đinh là phó sứ trong lần đi sứ xin giảng hòa năm 1405.

4. TT.BK.q8 chép việc này ở năm 1404.

và thưa rằng chưa từng tiếm hiệu cài nguyên, xin đón Thiên Bình về nước, phụng lên làm chúa, và trả lại các đất của Lộc Châu, Ninh Viễn. Hoàng đế không nghĩ là lừa dối, bèn bỗng lòng, sai Hành nhân là Nhiếp Thông (聶聰) mang sắc sang dụ, rằng: “Nếu quả đón Thiên Bình về, thò làm vương, thì sẽ để người giữ ngôi Thượng công, phong cho quận lớn.” Đê lại sai Cảnh Chân theo bọn Thông về bẩm mệnh, và đón Thiên Bình. Thông ra sức nói rằng Đê thành thực đáng tin, Hoàng đế bèn cho Thiên Bình về nước, sai Quảng Tây tả, hữu phó tướng quân là Hoàng Trung (黃中), Lã Nghị (呂毅) đem năm ngàn quân theo hộ tống.

Năm thứ tư (1406), Thiên Bình đến dưới bệ rồng từ biệt, Hoàng đế bèn ban tặng hậu hĩ, sắc phong cho Đê làm Thuận Hóa quận công, được ăn lộc của tất cả các châu huyện sở thuộc. Tháng Ba, bọn Trung hộ tống Thiên Bình vào ải Kê Lăng, sắp đến Cần Trạm thì phục binh của Đê đổ ra giết Thiên Bình, bọn Trung thua chạy về¹. Hoàng đế nổi giận, vời bọn Thành Quốc công Chu Năng (朱能) đến mưu tính, quyết ý thảo phạt. Tháng Bảy, mệnh cho Năng đeo ấn Chinh di tướng quân, sung làm Tổng binh quan. Tây Bình hầu Mộc Thạnh (沐晟) đeo ấn Chinh di phó tướng quân, làm tả phó tướng quân. Tân Thành hầu Trương Phụ (張輔) làm Hữu phó tướng quân. Phong Thành hầu Lý Bân (李彬), Vân Dương bá Trần Húc (陳旭) làm tả hữu tham tướng, đôn đốc quân đội nam chinh. Năng đến Long Châu thì bị bệnh chết, Phụ lên thay đem quân đội vào ải Pha Lũy, An Nam, truyền hịch kể hai mươi tội lớn của cha con (Hồ) Nhất Nguyên, dụ bảo người trong nước giúp cho việc lập lại con cháu họ Trần. Quân đi đến Cần Trạm, bèn làm cầu phao ở Xương Giang để qua sông. Quân tiền phong đi đến huyện Gia Lâm ở bắc sông Phú Lương, còn Phụ từ phía tây Cần Trạm đi theo đường khác đến huyện Tân Phúc, phủ Bắc Giang, dò thám thấy quân của Thạnh, Bân cũng đã từ Vân Nam đến Bạch Hạc, bèn sai Phiêu kỵ tướng quân Chu Vinh (朱榮) đến hội binh. Bấy giờ bọn Phụ chia đường tiến quân, đi tới đâu cũng đều hạ được cả. An Nam bèn men theo sông dựng trại, đắp thêm thành đất

1. TT.BK.q8 chép rằng Hoàng Trung thua trận, sai quân y là Cao Cảnh Chiếu gửi thư xin hòa, đồng thời trói nộp Trần Thiêm Bình, đem về xử tội lăng trì.

ở ải Đa Bang, thành và trại nối liền đến hơn chín trăm dặm, đem cả dân phía bắc sông hơn hai trăm vạn trấn giữ. Các cửa sông cửa bể đều đóng cọc gỗ, ở Đông Đô¹ đang đóng giữ, canh phòng rất nghiêm ngặt, quân thủy lục tất cả có bảy trăm vạn, định rằng cầm giữ lâu ngày để quân triều đình phải mệt nhọc. Bọn Phụ bèn dời doanh đến cửa sông ở chợ Cá Chiêu, châu Tam Đới đóng chiến hạm. Hoàng đế lo là quân An Nam dùng kế hoãn binh, để đợi quân triều đình mắc phải hơi chuồng độc, truyền chỉ cho bọn Phụ đến xuân năm sau tất phải diệt xong. Tháng Mười hai, Thạnh đến bờ bắc sông Thao, đối lũy với thành Đa Bang. Phụ sai Húc đánh châu Thao Giang, làm cầu phao cho quân qua sông, bèn cùng đến dưới thành, đánh hạ được. Quân An Nam chỉ cậy vào một thành này, nay đã bị phá, bèn sợ hãi mất mật. Đại quân theo sông Phú Lương đi xuống phía nam, bèn đánh thẳng vào Đông Đô. Quân An Nam bỏ thành chạy, đại quân bèn vào đóng giữ, rồi tiến bức Tây Đô. Quân An Nam thiêu hủy cung thất, xuống thuyền chạy ra biển. Các quận huyện đều nối nhau nạp khoản, nơi nào kháng cự liền đánh phá cả. Sĩ dân đều dâng thư kể tội ác của họ Lê², mỗi ngày có tới hàng trăm.

Tháng Giêng năm thứ năm (1407), đại phá quân Quý Ly ở sông Mộc Hoàn, tuyên chiếu tìm hỏi con cháu họ Trần. Vì thế có tới hơn một ngàn một trăm hai mươi kỳ lão đến cửa quân, nói: “Họ Trần đã bị Lê tặc giết hết, không còn ai có thể kế nối được. An Nam vốn là đất của Trung Quốc, xin lại cho nhập vào bản đồ, giống như nội quận.” Bọn Phụ tâu lên. Không lâu sau thì đại phá được quân giặc ở sông Phú Lương. Cha con Quý Ly đem theo mấy chiếc thuyền bỏ trốn. Các quân theo cả hai đường thủy lục truy đuổi, đến huyện Trà Lung, biết Quý Ly chạy vào Nghệ An, bèn theo sông Cử Quyết, đuổi đến cửa biển Kỳ La, châu Nhật Nam, mệnh cho Liễu Thăng (柳升) đuổi theo ra biển. Quân giặc³ mấy lần bị thua, không thể ra quân được nữa. Tháng Năm, thì bắt được Quý Ly cùng ngụy Thái tử ở núi Cao Vọng,

1. Tức thành Thăng Long.

2. Tức cha con Lê Quý Ly.

3. Minh sử lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

An Nam bèn hoàn toàn bình định. Quần thần bèn xin theo như lời các bậc kỵ lão, mà đặt quận huyện.

Mồng một tháng Sáu, ban chiếu bố cáo thiên hạ, đổi An Nam thành Giao Chỉ¹, đặt ba ty²: lấy Đô đốc thiêm sự Lã Nghị nắm Đô ty sự, Hoàng Trung làm phó; Công bộ thị lang trước đây là Trương Hiển Tông (張顯宗), và Tả tham chính ty Bố chính Phúc Kiến là Vương Bình (王平) làm tả hữu Bố chính sứ; Hà Nam án sát sứ trước đây là Nguyễn Hữu Chương (阮友彰) làm Án sát sứ; Bùi Bá Kỳ được trao Hữu tham nghị. Lại sai Thượng thư Hoàng Phúc (黃福) kiêm nắm việc ở hai ty Bố (chính sứ), Án (sát sứ). Đặt mươi lăm phủ là: Giao Châu, Giang Bắc, Lạng Giang, Tam Giang, Kiến Bình, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hóa, Thanh Hóa, Trần Man, Lạng Sơn, Tân Bình, Diễn Châu, Nghệ An, Thuận Hóa³, chia quản ba mươi sáu châu, một trăm tám mươi mốt huyện. Lại đặt năm châu là Thái Nguyên, Tuyên Hóa, Gia Hưng, Quy Hóa, Quảng Oai⁴, trực thuộc Bố chính ty, chia quản hai mươi chín huyện. Những nơi trọng yếu khác, đều đặt quân phòng vệ để khống chế. Rồi sắc cho hữu ty, các vương của họ Trần bị giết đều được ban thụy, dựng đền sửa mộ, mỗi nơi đều bố trí hai mươi hộ để quét tước (lăng mộ). Những người có tôn tộc bị giết đều được ban quan tước, những quân dân bị chết còn vương vãi đều được chôn cất. Những người làm quan vẫn giữ nguyên quan chức cũ, cũng dự việc coi trị với những người mới được bổ. Chính sự hà khắc của họ Lê đều bãi bỏ tất cả, những người bị hình ngục thấy đều tha miến, lấy lễ đài ngộ những người tuổi cao đức lớn. Những người góa bụa cô độc không nơi nương tựa thì có Dưỡng tế viện. Những người xuất sắc có tài giữ đức thì cho đưa về kinh. Lại xuống chiếu tìm hỏi những người ẩn dật nơi sơn lâm, minh kinh bác học, hiền lương phuơng chính, hiểu đẽ chăm chỉ, thông minh chính trực, nhiều tài hay giúp, thành thạo việc quan, tinh thông thư toán, tập hiểu binh pháp cùng dung

1. Tức là chia nước ta thành các quận huyện nội thuộc Trung Quốc.

2. Ba ty gồm Bố chính sứ ty, Án sát sứ ty và Đô chỉ huy sứ ty.

3. CM.CB.q12 chép là nhà Minh chia nước ta thành 17 phủ gồm Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Lạng Sơn, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hóa, Kiến Bình, Trần Man, Tam Giang, Tuyên Hóa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa và Thăng Hoa.

4. CM.CB.q12 chép năm châu đó là Quảng Oai, Tuyên Hóa, Quy Hóa, Gia Bình và Diễn Châu.

mạo khôi ngô, nói viết lưu loát, có sức dũng cảm, âm dương thuật số, bắt mạch bốc thuốc... thảy đều lấy lỗ hậu đai, đưa về kinh sư bổ dụng. Vì vậy, bọn Trương Phụ trước sau đã tấu cử hơn chín ngàn người.

Tháng Chín, cha con Quý Ly, Thương bị cầm tù đem về dưới cửa khuyết, cùng với những tướng ván tướng võ ngụy quan là bọn Hồ Đỗ (胡杜) đều giao cho hữu ty xử trí. Xá tội cho em của Thương là Vệ quốc đại vương Trừng (澄), và con là Nhuế (芮), sai hữu ty cấp cho ăn mặc.

Tháng Sáu năm thứ sáu (1408), bọn Phụ sửa sang quân ngũ về kinh, dâng địa đồ Giao Chỉ, từ đông sang tây là 1.760 dặm, từ nam đến bắc là 2.800. Yên vỗ nhân dân hơn 312 vạn người, bắt được người man hơn 208 vạn 7.500 người, voi, ngựa, trâu hơn 23 vạn 5.900 con, lúa gạo 1.360 vạn thạch, thuyền hơn 8.670 chiếc, quân khí 253 vạn 9.800 món¹. Do vậy (triều đình) bèn ban thưởng rộng, thăng Phụ là Anh quốc công, Thạnh là Kiêm quốc công, còn những người khác cũng theo thứ tự tặng thưởng nhiều ít khác nhau.

Bấy giờ, những quan lại của triều đình cắt đặt, đều cốt lấy khoan hậu để tập hợp những người mới lại theo, nhưng người man tự cho là khác tộc, nhiều phen lấy làm kinh sợ. Quan lại cũ người họ Trần có kẻ là Giản Định (簡定), ra hàng trước tiên, nhưng khi sắp sai đưa đến kinh sư thì bèn cùng đồ đảng là Trần Hy Cát (陳希葛) bỏ trốn, cùng với ngụy quan ở Hóa Châu là bọn Đặng Tất (鄧悉), Nguyễn Soái (阮帥) mưu loạn. Định bèn tiếm hiệu, cải niên hiệu là Hưng Khánh, đặt tên nước là Đại Việt. Ra vào nơi rừng núi ở Nghệ An, Hóa Châu. Đợi đại quân quay về, liền ra đánh bãi Bàn Than, Hàm Tử quan, chặn đường cái quan ra vào phủ Tam Giang, cướp địa phận lân cận Giao Châu. Các châu huyện như Từ Liêm, Uy Man, Thượng Hồng, Thiên Đường, Ứng Bình, Thạch Thất đều hưởng ứng. Tướng trấn thủ nhiều lần ra đánh dẹp, đều không được. Nghe được tin về việc ấy, (triều đình) sai Mộc Thạnh làm Chinh di tướng quân, thống lĩnh bốn vạn quân Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên, từ Vân Nam sang đánh dẹp. (Thạnh) sai sứ mang sắc chiêu hàng, cho được nối đời phong quan,

1. TT.BK.q9 chép là 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu bò, 8.865 chiếc thuyền.

nhung giặc không nghe. Thạnh đánh nhau với giặc ở sông Sinh Quyết, bị đại bại, Lã Nghị và Tham tán thượng thư Lưu Tuấn (劉雋) chết trận.

Năm thứ bảy (1409), văn thư cáo bại gửi về, triều đình lại điều thêm bốn vạn bảy ngàn quân từ Nam Kỳ, Triết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Hồ Quảng, Quảng Đông, Quảng Tây, theo Anh quốc công (Trương) Phụ xuất chinh. Phụ cho quân giặc dựa vào sông bể, không lợi dùng lục quân, bèn đóng ở Tiên Du, Giang Bắc, đóng nhiều chiến thuyền, lại yên võ những người gắp loạn lạc phải lưu tán, bèn liên tiếp phá các doanh trại giặc ở Từ Liêm, Quảng Oai. Do thám được đồ đảng giặc là Đặng Cảnh Dị (鄧景異)¹ đang chặn ở cầu Thái Bình, sông Lô Độ, châu Nam Sách, (Phụ) bèn cho tiến binh đến Hàm Tử quan. Ngụy Kim ngô tướng quân Nguyễn Thế Mỗi (阮世每) đem hai vạn quân, lập doanh trại ở bờ đối diện, sắp thuyền hơn sáu trăm chiếc, đóng cọc ở phía đông nam để che chắn. Bấy giờ là tháng Tám, gió tây bắc thổi mạnh, Phụ đôn đốc bọn Trần Húc, Chu Quảng (朱廣), Du Nhượng (俞讓), Phương Chính (方政) đóng thuyền cùng tiến, pháo, tên, bắn ra tới tấp, chém được ba ngàn thủ cấp, bắt sống được bọn Ngụy giám môn tướng quân Phan Đê (潘低) hơn hai trăm người, thu hơn bốn trăm chiếc thuyền. Bèn tiến đánh Cảnh Dị, Cảnh Dị bỏ chạy trước, bèn bình định các phủ Giao Châu, Giang Bắc, Lạng Giang, Tân An, Kiến Xương, Trấn Man. Đuối theo phá Cảnh Dị ở cửa biển Thái Bình, bắt được đồ đảng là Phạm Tất Lật (范必栗).

Khi ấy, bọn Nguyễn Soái suy tôn Giản Định lên làm Việt thượng hoàng, lại lập Trần Quý Khuếch (陳季擴)² làm vua, đổi niên hiệu Trùng Quang. Rồi bèn sai sứ tự xưng là cháu của An Nam vương trước đây, xin được phong tước. Phụ quát lôi ra chém, rồi theo lối Hoàng Giang, A Giang, qua cửa biển Đại An đến sông Phúc Thành, chuyển vào cửa biển Thần Đầu, hủy hết những cọc rào mà giặc đã đóng. Hơn mươi ngày thì đến Thanh Hóa, quân thủy lục cùng hội cả. Định đã chạy đến Diễn Châu, còn Quý Khuếch chạy vào Nghệ An.

1. Có lẽ là Nguyễn Cảnh Dị.

2. Trước đây phiên âm là Trần Quý Khoáng.

Bọn Soái, Cảnh Dị cũng chia tán. Do vậy, (Phụ) bèn đóng quân lại, đi bắt những du đảng giặc. Định chạy đến trại Cát Lợi, huyện Mỹ Lương, bọn Phụ truy đuổi đến cùng gặp được. Định chạy vào núi, (Phụ) lùng tìm không được, bèn vây chặt, Định cùng bọn ngụy tướng vẫn vô Trần Hy Cát, Nguyễn Nhữ Lê (阮汝勵), Nguyễn Yên (阮晏) đều bị bắt cả.

Khi trước, đảng giặc là Nguyễn Sư Cói (阮師檜) chiếm vương, cùng bọn ngụy Kim ngô thượng tướng quân Đỗ Nguyên Thố (杜元措) chiếm cứ xã Nghi Dương, huyện An Lão, châu Đông Triệu, tụ tập quân chúng hơn hai vạn người. Tháng Giêng năm thứ tám (1410), Phụ đem quân tiến đánh, chém hơn bốn ngàn năm trăm thủ cấp, bắt đỗ đảng là bọn Phạm Chi (范支), Trần Nguyên Khanh (陳原卿), Nguyễn Nhân Trụ (阮人柱) hơn hai ngàn người, đều chém cả, mà dựng kinh quán. Phụ sắp rút quân, tâu: “Quý Khuếch cùng bọn đồng đảng Nguyễn Soái, Hồ Cụ (胡具), Đặng Cảnh Dị vẫn còn ở Diễn Châu, Nghệ An, uy bức Thanh Hóa. Mà Đặng Dung (鄧鎔) chặn ở cửa Thần Đầu, Phúc Thành, chiếm cứ đường yếu đạo của Thanh Hóa, ra vào các nơi ở Nghệ An. Nếu như các quân quay về hết, e rằng Mộc Thạnh quân ít không thể địch nổi. Xin lưu các quân của Đô đốc Giang Hạo (江浩), Đô chỉ huy Du Nhượng, Hoa Anh (花英), Sư Hựu (師祐), để giúp Thạnh trấn giữ.” Triều đình thuận theo. Tháng Năm, Thạnh đuổi Quý Khuếch đến Ngu Giang, quân giặc bỏ trại trốn. Đuổi đến huyện Cổ Linh, kịp tới cửa biển Hội Trào, Linh Trường, chém đầu hơn ba ngàn tên, bắt được ngụy tướng quân Lê Lộng (黎弄). Quý Khuếch quẫn bách, phụng biểu xin hàng. Hoàng đế trong lòng biết rõ là dối trá, nhưng vẫn tạm ưng cho, xuống chiếu trao cho làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Nguyễn Soái, Hồ Cụ, Đặng Cảnh Dị, Đặng Dung cùng làm Đô chỉ huy, Trần Nguyên Tôn (陳原樽) làm Hữu tham chính, Phan Quý Hựu (潘季祐) làm Án sát phó sứ.¹

Chiếu ban xuống rồi, nghĩ đến giặc không có lòng sửa lỗi, năm thứ chín (1411), (triều đình) lại sai Phụ đốc hai vạn bốn ngàn quân hợp với quân của Thạnh đánh dẹp. Quân giặc chiếm cứ sông Nguyệt

1. Việc nhà Minh phong chức cho Trần Quý Khuếch, TT.BK.q9 chép ở năm 1411.

Thường, đóng cọc hơn bốn mươi trượng, hai bờ đặt trại suốt hai, ba dặm, sắp hơn ba trăm chiếc thuyền, đặt mai phục ở bên hữu núi. Mùa thu, bọn Phụ, Thạnh thủy lục cùng tiến binh. Bọn Nguyễn Soái, Hồ Cụ, Đặng Cảnh Di, Đặng Dung đến chống. Phụ sai bọn Chu Quảng nối thuyền nhỏ cọc mà tiến, còn mình tự đem bọn Phương Chính dẫn quân đội đi tiêu trừ quân phục binh, thủy lục giáp công. Giặc đại bại, bọn Soái đều tan chạy. Bắt sống được bọn ngụy tướng quân Đặng Tông Tắc (鄧宗稷), Lê Đức Di (黎德彝), Nguyễn Trung (阮忠), Nguyễn Hiên (阮軒), thu một trăm hai mươi chiếc thuyền. Phụ bèn đốc thúc thủy quân tiêu trừ Quý Khuếch. Nghe tin các châu huyện Thạch Thất, Phúc Yên, bọn ngụy Long hổ tướng quân Lê Nhị (黎蕊) cắt đứt cầu phao trên sông Nhuệ, chặn sông Sinh Quyết, trấn giữ đường xá các vệ, huyện của Giao Châu, bèn đến đánh dẹp. Nhị cùng Phạm Khảng (范愷) đến chống, Nhị bị trúng tên chết. Chém ngụy tướng quân Nguyễn Đà (阮陀), bắt ngụy tướng quân Dương Nhữ Mai (楊汝梅), Phòng ngự sứ Phùng Hấp (馮翕), chém một ngàn năm trăm thủ cấp, đuổi giết gần hết dư tặc. Khang cùng Đỗ Cá Đán (杜箇旦), Đặng Minh (鄧明), Nguyễn Tư Châm (阮思瑣) cũng đều bị bắt.

Năm thứ mười (1412), Phụ đốc bọn Phương Chính đánh thuyền giặc ở biển Thần Đầu, phá tan được, bắt bọn ngụy tướng quân Trần Lỗi (陳磊), Đặng Nhữ Há (鄧汝戲). Bọn Nguyễn Soái bỏ trốn, đuổi theo không kịp. Quân Phụ đến Thủ Hoàng, Nghệ An, bọn ngụy Thiếu bảo Phan Quý Hựu xin hàng, đem ngụy quan mươi bảy người đến gắp. Phụ nhân theo chế sách trao cho Quý Hựu làm Án sát phó sứ, thụ Nghệ An phủ sự. Vì thế bọn ngụy Tướng quân, Quan sát sứ, An phủ sứ, Chiêu thảo sứ là Trần Mẫn (陳敏), Nguyễn Sĩ Cần (阮士勤), Trần Toàn Húc (陳全勗), Trần Toàn Mẫn (陳全敏) nổi nhau hàng. Năm sau, Phụ cùng Thạnh hợp binh đến Thuận Châu. Bọn Nguyễn Soái đặt quân phục ở sông Ái Tử, mà chiếm cứ nơi hiểm yếu ở núi Côn Truyền, bày trận voi để đối địch. Các quân đại phá được, bắt sống bọn ngụy Tướng quân Phan Kính (潘徑), Nguyễn Tử (阮徐) năm mươi sáu người, đuổi đến sông Ái Mẫu. Giặc tan vỡ, em Đặng Dung là ngụy hầu (Đặng) Thiết (鐵) cùng tướng quân Phan Lỗ

(潘魯), Phan Cân (潘勤) đều hàng cả. Mùa xuân năm sau, (Phụ) tiến quân đến Chính Hòa. Tướng giặc là Hồ Đồng (胡同) ra hàng, nói rằng: ngụy Đại tướng quân Cảnh Dị dẫn bọn đồng đảng Lê Thiêm (黎蟾) bảy trăm người trốn đến trại Côn Bồ của người man Xiêm. (Phụ) bèn tiến quân đến sông La Mông, bỏ ngựa đi bộ, kịp thời nơi, thì giặc đã trốn khỏi đó. Đuổi tiếp đến trại Sắt Bồ Nại, chúng lại trốn. Ngay đêm tối, Phụ đi hơn hai mươi dặm, nghe tiếng trống cầm canh, Phụ dẫn bọn Chính ngậm tăm đi nhanh, sáng sớm thì đến trại Sắt Bồ Cán, phía bắc sông, giặc vẫn còn đóng trại ở bờ nam. Quan quân qua sông vây chặt, bắn tên trúng sườn Cảnh Dị, bắt được. Dung cùng em là Doãn (銳) đào vong, (quan quân) đuổi theo, bắt được hết quân chúng. Biệt tướng Chu Quảng đuổi ngụy Đại tướng quân Nguyễn Soái ở đất man Xiêm, bắt nhiều người Xiêm lùng khắp các núi, bắt được gia quyến của bọn Soái và Quý Khuếch. Soái trốn đến châu Nam Linh, nhờ cậy Thổ quan Nguyễn Trà Vụng (阮茶彙). Chỉ huy Tiết Tụ (薛聚) đuổi bắt được Soái, chém Trà Vụng. Khi trước, lúc Đặng Dung bị bắt, Quý Khuếch trốn đến núi Trúc Bài, Nghệ An. Phụ sai Đô chỉ huy Sư Hựu tập kích, (Quý Khuếch) lại chạy sang Lão Qua. Hựu nối gót đuổi theo sau, Lão Qua sợ quan quân giàe xéo nước mình, xin tự trói (Quý Khuếch) đem nộp. Phụ truyền hịch truy lùng, lệnh cho Hựu tiến quân vào sâu, hạ được ba ải, đến Kim Lăng Cá, đảng giặc đều chạy cả, bèn bắt được Quý Khuếch cùng em là ngụy Tướng quốc Hoan quốc vương Quý Tân (季摺), những quân giặc khác đều dẹp yên cả. Tháng hai năm sau, bọn Phụ, Thạnh rút quân về kinh. Tháng Tư, (Hoàng đế) lại sai Phụ đeo áo Chinh di tướng quân sang trấn giữ. Năm thứ mười bốn (1416) thì gọi về. Năm sau lại mệnh Phong Thành hầu Lý Bân xuống thay trấn giữ.

Người Giao Chỉ vốn thích làm loạn. Trung quan Mã Kỳ (馬騏) nhân việc thu gom sản vật đến Giao Châu, ra sức đòi những thứ trân bảo ở đất ấy, khiến dân tình tao động, những kẻ hung hỗn bèn nhàn xúi giục, đến khi đại quân vừa quay về, liền lập tức cùng nhau nổi dậy. Nguyễn Trinh (阮貞) ở Lục Na, Lê Hạch (黎核), Phan Cường (潘強) ở Thuận Châu, cùng với bọn Thổ quan là Đồng tri Trần Khả Luận (陳可論), Phán quan Nguyễn Chiêu (阮昭), Thiên hộ Trần Hung

(陳惄), Nam Linh châu Phán quan Nguyễn Nghĩ (阮擬), Tả Bình Tri huyện Phạm Bá Cao (范伯高), Huyện thừa Vũ Vạn (武萬), Bách hộ Trần Dĩ Luật (陳已律) nhất thời cùng làm phản. Bân đều sai tướng đến đánh dẹp đi, nhưng những kẻ làm phản vẫn không ngót. Nga Lạc tuân kiêm Lê Lợi (黎利), con trai của Tú Mang cố Tri huyện Xa Miên (車綿) là (Xa) Tam (三), Nghệ An Tri phủ Phan Liêu (潘僚), Nam Linh châu Thiên hộ Trần Thuận Khanh (陳順慶), Nghệ An vệ Bách hộ Trần Trực Thành (陳直誠) cũng thừa cơ tác loạn. Những quân giặc cướp khác như: Phạm Nhuyễn (范軟) nổi dậy ở Phù Lạc, Vũ Cống (武貢), Hoàng Nhữ Điển (黃汝典) nổi dậy ở Kê Giang, Nùng Văn Lịch (儂文歷) nổi dậy ở Khâu Ôn, Trần Mộc Dị (陳木異) nổi dậy ở Vũ Định, Nguyễn Đặc (阮特) nổi dậy ở Khoái Châu, Ngô Cự Lai (吳巨來) nổi dậy ở Thiện Thệ, Trịnh Công Chứng (鄭公證), Lê Đíệt (黎姪) nổi dậy ở Đồng Lợi, Đào Cường (陶強) nổi dậy ở Thiện Tài, Đinh Tông Lão (丁宗老) nổi dậy ở Đại Loan, Phạm Ngọc (范玉) nổi dậy ở An Lão,... đều tự đặt quan túc, giết tướng lại, đốt nhà cửa. Có kẻ như Dương Cung (楊恭), Nguyễn Đa (阮多), đều tự xưng vương, cho đồng đảng là Vi Ngũ (韋五), Đàm Hưng Bang (譚興邦), Nguyễn Gia (阮嘉) làm Thái sư, Bình chương, cùng nương cậy lấn nhau với các đảng giặc khác, mà bọn Phan Liêu, Phạm Ngọc càng điên cuồng hơn cả. Liêu vốn là con của (Phan) Quý Hựu - Tri phủ Nghệ An khi trước, nối chức cha, không chịu sự tàn ngược của Mã Kỳ mà làm phản. Bọn thổ quan là Chỉ huy Lộ Văn Luật (路文律), Thiên hộ Trần Đài (陳苔) đều theo. Ngọc là tăng ở chùa Đô Sơn, tự nói rằng được trời ban cho ấn kiếm, bèn tiếm xưng là La Bình vương, đổi niên hiệu là Vĩnh Ninh, cùng bọn Phạm Thiện (范善), Ngô Trung (吳中), Lê Hành (黎行), Đào Thừa (陶承) làm loạn, đặt các chức Tướng quốc, Tư không, Đại tướng quân, đánh cướp thành ấp. Bân đóng tây chinh thảo, không ngày nào được ngoi nghỉ. Triều đình thấy quân giặc lâu ngày vẫn chưa dẹp yên được, năm thứ mười tám (1420) lại sai Vinh Xương bá Trần Trí (陳智) làm Tả tham tướng sang trợ giúp. Lại giáng chỉ trách Bân rằng: “*Bọn phản tặc Phan Liêu, Lê Lợi, Xa Tam, Nùng Văn Lịch đến nay chưa bắt được, quân sĩ đến khi nào mới được nghỉ, dân chúng đến khi nào mới được an? Nên rộng tìm phương*

sách, nhanh chóng dẹp yên tấu báo triều đình.” Bân sợ hãi, đốc các tướng truy lùng trừ diệt. Mùa thu năm sau, quân phản tặc thảy đều bị phá diệt, duy có Lê Lợi thì chưa bắt được.

Lợi ban đầu theo Trần Quý Khuếch làm Kim ngô tướng quân, sau quy thuận triều đình, được dùng làm Tuần kiêm huyện Nga Lạc, phủ Thanh Hóa, trong lòng ấm úc bất đắc chí. Kịp khi đại quân quay về, Lợi bèn làm phản, tiếm xưng là Bình Định vương, lấy em là (Lê) Thạch (石) làm Tướng quốc¹, cùng đồng đảng là bọn Đoàn Māng (段莽), Phạm Liễu (范柳), Phạm Yên (范晏) cho quân tha hồ cướp bóc. Quan quân đến dẹp, bắt sống được bọn Yên, Lợi trốn đi. Lâu sau, (Lợi) ra chiếm cứ trại Khả Lam làm giặc cướp. Các tướng Phương Chính, Sư Hựu tiêu trừ, bắt được bọn ngụy Tướng quân là Nguyễn Cá Lập (阮箇立), Lợi trốn sang Lão Qua ẩn núp. Kịp bọn Chính quay về, Lợi lén ra, giết Tuần kiêm Ngọc Cục, rồi lại ra cướp Lỗi Giang, mỗi khi bị truy kích thì liền bỏ trốn. Tới khi các toán giặc cướp đều bị diệt hết, Lợi càng nấp kín. Bân tâu rằng: “Lợi chạy sang Lão Qua, Lão Qua xin quan quân không kéo vào nước họ, để họ sẽ đem hết quân đội đi bắt Lợi. Nay đã lâu mà không thấy đưa lại, tình hình không biết thế nào.” Hoàng đế ngờ rằng Lão Qua giấu giặc, lệnh cho Bân đưa sứ thần nước ấy đến kinh cật vấn, Lão Qua bèn đuổi Lợi.

Mùa xuân năm thứ hai mươi (1422), Bân chết, (triều đình) chiêu cho Trí thay Bân.

Năm thứ hai mươi mốt (1423), Trí đuối Lợi ở huyện Xa Lai châu Ninh Hóa, đánh bại được, Lợi lại trốn đi xa. Mùa thu năm sau, Trí tâu rằng, Lợi ban đầu trốn sang Lão Qua, sau bị đuổi quay về Khôi Huyện. Quan quân tiến đánh, bọn đầu mục là bọn Phạm Nguõng (范仰) đem trai gái một ngàn sáu trăm người ra hàng. Lợi tuy xin được cho hàng, nguyện đem bộ hạ đến theo, nhưng lại dừng ở Nga Lạc không ra, không ngừng chế tạo đồ binh khí, khiến quan quân thế tất phải tiến binh. Tàu tới triều đình, gấp khi (Minh) Nhân tông vừa lên ngôi đại xá thiên hạ, bèn sắc cho Trí khá yên võ Lợi, nhưng Lợi đã cướp

1. TT.BK.q10 chép Lê Thạch là cháu Lê Lợi, lại chua thêm rằng “có sách chép là con”.

được châu Trà Lung, đánh bại quân Phương Chính, giết chỉ huy Ngũ Vân (伍雲).¹

Khi Lợi còn chưa phản, rất thân thiết với Trung quan trấn thủ là Sơn Thọ (山壽). Đến bấy giờ, Thọ về triều, ra sức nói rằng Lợi với mình rất tin cậy nhau, nay đến chiêu dụ, Lợi tất sẽ về theo. Hoàng đế nói: “Bon giặc này rất xảo trá, nếu bị chúng lừa dối, thì thế chúng sẽ càng mạnh, không dễ khống chế đâu.” Thọ khẩu đầu nói: “Nếu như thần đến dụ mà Lợi không tới, thì thần xin chịu tội muôn chết.” Hoàng đế gật đầu, sai Thọ đem sắc đến cho Lợi làm Thanh Hóa Tri phủ, úy dụ rất ân cần. Sắc vừa giáng xuống, thì Lợi đã cướp Thanh Hóa, giết Đô chỉ huy Trần Trung (陳忠). Lợi nhận sắc chỉ, không có ý hàng, nhưng liền muộn cờ ấy mà đánh lừa những quan trấn thủ các nơi, nói phao rằng đợi đến mùa thu mát mẻ sẽ đi nhận chức quan, trong khi vẫn đánh cướp không ngớt. Bấy giờ, (nhà Minh) đổi niên hiệu là Hồng Hi, đúc ấn tướng quân phân phát cho các tướng ngoài biên, Trí được ban ấn Chinh di phó tướng quân, lại sai An Bình bá Lý Ninh (李寧) đến giúp. Trí vốn không có tài làm tướng, sơ giặc, nhân mượn cờ phủ dụ để dối triều đình, và lại trái ý với Phương Chính, bèn đóng quân không tiến. Quân giặc càng không sợ hãi gì cả, lại vây Trà Lung, mà bọn Trí chỉ ngồi nhìn không cứu. Trải bảy tháng, trong thành lương cạn, Tuần phủ ngự sử báo tin lên, bản tấu tới triều đình thì gặp lúc Nhân tông băng. Tuyên tông lên nối ngôi, có sắc chỉ trách Trí cùng các quan tam ty. Bọn Trí cũng không để lòng, Trà Lung bèn bị hãm, Tri châu Cầm Bành (琴彭) chết². Thượng thư năm hai ty Bố, Án là Trần Hiệp (陳洽) tâu: “Lợi tuy xin hàng, nhưng giữ hai lòng, hãm Trà Lung rồi, lại kết giao với thổ quan Ngọc Ma, tù trưởng Lão Qua để cùng làm việc xấu. Mới đầu thì nói đợi mùa thu mát mẻ, nay thu đã qua, lại nói rằng có oán với Tham chính Lương Nhữ Hốt (梁汝笏), xin đổi nhận châu Trà Lung, nhưng vẫn sai bọn nghịch đảng Phan Liêu, Lộ Văn Luật đến các châu Gia Hưng, Quảng Oai chiêu tập đồ chúng, thế ngày càng lan xa³.

1. Minh Nhân tông lên ngôi là năm 1424, như vậy sự kiện này xảy ra ở năm 1424.

2. TT.BK.q10 chép năm 1424, Cầm Bành bị vây, mở cửa thành ra hàng, sau lại mưu phản nên bị giết.

3. TT.BK.q10 chép Lộ Văn Luật không hề theo Lê Lợi. Lộ Văn Luật trước theo hàng quân Minh,

Xin mệnh cho người thống lĩnh quân đội mau chóng tiêu trừ.” Tấu dâng lên, (triều đình) giáng sắc thậm trách, ra hạn xuân năm sau phải bình định quân giặc. Khi ấy Trí mới lo sợ, cùng Chính tiến bức ải Khả Lưu, bị thua quay về, đến Trà Lung lại thua. Chính dũng mãnh nhưng kém mưu, Trí khiếp nhược mà hay đố kỵ, vốn vẫn bất hòa với nhau, mà Sơn Thọ thì chuyên ý chiêu dụ, giữ quân ở Nghệ An không cứu, vì thế quân nhiều lần thua bại.

Mùa xuân, năm Tuyên Đức nguyên niên (1426), triều đình biết chuyện, lại giáng sắc chỉ trách mắng. Bấy giờ giặc đầu xỏ chưa bình định, mà bọn giặc cỏ lại nổi lên như ong, Phan Khả Lợi (潘可利) ở Mỹ Lưu nổi lên trợ nghịch, bọn Châu Trang (周莊) ở Tuyên Hóa, Hoàng Am (黃庵) ở Thái Nguyên câu kết với giặc Hồng Y ở châu Ninh Viễn, Vân Nam ra sức cướp bóc. Hoàng đế sắc cho Mộc Thạnh đánh dẹp Ninh Viễn, lại phát binh các vệ ở Tây Nam một vạn năm ngàn người, cùng ba ngàn tay nỏ đến Giao Chỉ, lại sắc cho Lão Qua không được dung nạp những kẻ làm phản.

Tháng Tư, mệnh cho Thành Sơn hầu Vương Thông (王通) làm Chinh di tướng quân, Đô đốc Mã Anh (馬瑛) làm Tham tướng, sang đánh Lê Lợi. Lột chức của Trần Trí, Phương Chính, sung làm sự quan. Thông còn chưa tới, thì quân giặc đã phạm Thanh Hóa. Chính không ra đánh, Đô chỉ huy Vương Diễn (王演) đánh bại được. (Triều đình) xuống chiếu đại xá cho những người có tội ở Giao Chỉ, Lê Lợi, Phan Liêu ra hàng sẽ được trao chức tước; dừng việc thu gom vàng bạc, hương liệu, mong là có thể dụ nhử được quân giặc, nhưng chúng vẫn không có ý hối lỗi. Chính đôn đốc các quân tiến đánh, Lý An (李安) cùng bọn đô chỉ huy Vu Toản (于贊), Tạ Phượng (謝鳳), Tiết Tụ, Chu Quảng chạy trước, vì vậy Chính bèn bại, đều bị biếm làm sự quan, đợi lập công chuộc tội. Không bao lâu, Trí sai Đô chỉ huy Viên Lượng (袁亮) đánh giặc Lê Thiện (黎善)¹ ở châu Quảng Oai, định vượt sông, thổi quan Hà Gia Kháng (何加伉) nói có phục binh. Lượng

đến năm 1420 dấy binh ở Thạch Thất phản lại nhà Minh, bị Lý Bân dẹp tan phải trốn sang Ai Lao. Đến năm 1423, Lộ Văn Luật sợ uy thế Lê Lợi nên xúi giục, lý gián khiến Ai Lao bất hòa mà đánh úp quân Lê Lợi.

1. TT.BK.q10 chép là Lê Triện (黎篆).

không nghe, sai bọn Chỉ huy Đào Sâm (陶森), Tiền Phụ (錢輔) vượt sông, bị trúng phục binh, đều chết cả, Lượng cũng bị bắt. Thiện bèn chia quân ba đường vào phạm Giao Châu, toán đến đánh cửa Hạ Quan bị Đô đốc Trần Tuấn (陳濬) đánh bại, toán đến đánh cửa nhỏ Biên Giang bị Lý An đánh bại, Thiện trong đêm bỏ chạy.

Thông nghe tin, cũng chia quân ba đường xuất kích. Mã Anh đánh bại quân giặc ở Thanh Oai, đến Thạch Thất hội với Thông, cùng đến Ninh Kiều, Ứng Bình. Quân sĩ lặn lội bùn lầy đi, gặp quân phục binh giặc, nên đại bại. Thượng thư Trần Hiệp chết, Thông cũng trúng tên ở sườn, phải quay về.

Lợi ở Nghệ An nghe tin, dong trống tiến quân đến Thanh Đàm, tiến công Giang Bắc, rồi vây Đông Quan. Thông vốn không có chiến công gì, do cha là (Vương) Chân (真) chết vì việc nước nên được phong tước. Triều đình không biết là kẻ tầm thường, nên đã dùng lầm, nay đánh một trận bị thua, thì kinh tâm mất mặt, mọi cử động đều sai lỗi, không vâng theo triều mệnh, tự ý cắt đất từ Thanh Hóa về phía nam cho giặc, rút hết quan lại quân dân về Đông Quan. Chỉ có Thanh Hóa tri châu La Thông (羅通) không nghe theo, Lợi đưa quân đến đánh không hạ được. Giặc chia quân một vạn người vây Ai Lưu quan, Bách hộ Vạn Tồng (萬琮) ra sức đánh, chúng bèn lui. Hoàng đế nghe tin Thông thua, sợ lầm, mệnh An Viễn hầu Liễu Thăng làm tổng binh, Bảo Định bá Lương Minh (梁銘) làm phó, đem quân chinh thảo. Lại sai Mộc Thạnh làm Chinh nam tướng quân, Hưng An bá Từ Hanh (徐亨), Tân Ninh bá Đàm Trung (譚忠) làm tả, hữu phó tướng quân, theo đường Vân Nam tiến binh, tổng cộng hai cánh quân là hơn bảy vạn người. Lại sắc cho Thông cố thủ để đợi Thăng.

Mùa xuân, năm thứ hai (1427), Lợi tiến đánh Giao Châu. Thông cùng giao chiến, chém được ngụy Thái giám Lê Bí (黎秘)¹ cùng các quan Thái úy, Tư đồ, Tư không, được hàng vạn thủ cấp². Lợi vỡ mạt chạy trốn, các tướng xin thừa thế đuổi theo, nhưng Thông dừng lại ba ngày. Giặc biết là Thông có ý sơ, lại lập trại ở Tuần Hào, ra đánh cướp

1. Chỗ này chắc Minh sử chép lầm. Lê Bí đến năm 1429 còn được phong Huyện hầu.

2. TT.BK.q10 chỉ chép việc Tư không Lê (Đinh) Lễ tử trận, còn Thượng tướng quân Lê (Nguyễn) Xí bị bắt nhưng sau trốn về được.

bốn xung quanh. Tháng Ba, lại phát ba vạn ba ngàn người, theo Liễu Thăng, Mộc Thạnh chinh thảo. Giặc chia quân vây Khâu Ôn, Đô chỉ huy Tôn Tụ (孫聚) ra sức chống cự. Lúc trước, giặc cho Xương Giang là con đường trọng yếu của đại quân qua lại, mới đem quân hơn tám vạn người đến đánh, bọn Đô chỉ huy Lý Nhậm (李任) ra sức chống giữ, giết giặc rất nhiều. Trải chín tháng, các tướng trông chừng không cứu, giặc sợ đại quân của Thăng tới, ra sức đánh. Mùa hạ, tháng Tư, thành bị hãm, Nhậm chết. Bấy giờ, giặc vây Giao Châu đã lâu, Thông đóng cửa thành không dám ra, giặc càng khinh dễ, gửi thư xin hòa. Thông định bằng lòng, tập hợp chúng tướng bàn bạc, Án sát sứ Dương Thời Tập (楊時習) nói: “Phụng mệnh dẹp giặc, lại cùng giảng hòa, mà tự ý lui quân, thì sao tránh khỏi tội!” Thông nổi giận, lớn tiếng quát mắng, mọi người không ai dám nói nữa, bèn đem thư của Lợi bẩm lên triều đình.

Thăng phụng mệnh đã lâu, đợi các quân tập hợp, tháng Chín mới đến Ái Lưu quan. Lợi đã có lời hứa của Thông, bèn nói dối là họ Trần vẫn còn dòng dõi, đem những đầu mục lớn nhỏ đến chỗ quân Thăng, xin bãi binh, để lập hậu duệ họ Trần. Thăng không mở thư, sai sứ tâu về triều. Không lâu, Thăng tiến binh đến dốc Đảo Mã, bị giặc vây hãm, chết trận. Hậu quân đến sau cũng nỗi nhau chết cả. Thông nghe tin, sợ lắm, tập hợp cả quân dân quan lại, ra sông Hạ Tiếu, lập đàn cùng Lợi minh thệ, hẹn lui quân. Bèn sai quan cùng với sứ giả giặc phụng biểu cùng phương vật dâng tiến. Quân Mộc Thạnh đến Thủ Vĩ, đóng thuyền chuẩn bị tiến binh, thì nghe tin Thông đã nghị hòa, cũng dẫn quân lui, giặc thừa thế đuổi đánh, bèn đại bại.

Hồng Lô tự dâng thư của giặc gửi cho Thăng, đại lược rằng: “Cao Hoàng đế lên ngôi, An Nam triều cống trước tiên, đặc biệt được ơn khen thưởng, tặng cho ấn ngọc. Về sau Lê tặc¹ thoán ngôi giết vua, Thái tông Hoàng đế hung binh trừ diệt, tìm kiếm con cháu họ Trần. Khi ấy họ Trần lánh nạn ở nơi xa, cho nên không ai nghe được lời tìm kiếm. Nay có di duệ là (Trần) Cảo (曄), lánh mình ở Lão Qua đã hai mươi năm, nhân dân nước tôi không quên ơn huệ tiên vương, đã tìm kiếm

1. Chỉ Hồ Quý Ly.

được. Nếu được nhờ ơn ngài truyền đạt đến triều đình, theo như minh chiếu giúp họ Trần kế tuyệt của Thái tông Hoàng đế, trả lại cho tước phong, cương thổ, thì chẳng phải chỉ may mắn cho một tôn tộc họ Trần, mà thực là may mắn cho úc vạn sinh dân ở đất man này vậy.” Hoàng đế được thư bỗng lòng. Hôm sau, lại có biểu của Cảo chuyển tới, xưng rằng: “Thần là Cảo, là đích tôn bốn đời của tiên vương (Trần) Phủ (頤)”, lời lẽ cũng gần giống như trong thư của Lợi. Hoàng đế trong lòng đã biết là dối trá, nhưng muốn nhân đó nghỉ việc binh, bèn nhận lời. Trước kia, khi Hoàng đế lên ngôi, cùng nói chuyện với Dương Sĩ Kỳ (楊士奇), Dương Vinh (楊榮) về việc ở Giao Chỉ, đã muốn bỏ ngay. Đến đây, đem biểu tấu cho đình thần xem, mà dụ cho biết ý muốn bãi binh cho dân được nghỉ. Bọn Sĩ Kỳ, Vinh ra sức tán đồng, chỉ có Kiển Nghĩa (蹇義) và Hạ Nguyên Cát (夏原吉) không đồng tình. Nhưng ý Hoàng đế đã quyết định thần không dám tranh biện nữa. Mồng một tháng Mười một, mệnh Lễ bộ tả thị lang Lý Ký, Công bộ hữu thị lang La Nhữ Kính (羅汝敬) làm chánh sứ, Hữu thông chính Hoàng Ký (黃驥), Hồng lô khanh Từ Vĩnh Đạt (徐永達) làm phó sứ, mang chiếu phủ dụ nhân dân An Nam, đều tha tội hết, cho được canh tân, sai tâu rõ thực tình về chuyện hậu duệ của họ Trần. Nhân sắc cho Lợi biết rõ về ý hưng diệt kế tuyệt, và dụ bảo Thông cùng các quan tam ty, rút hết quân dân về bắc. Chiếu chưa tới nơi, Thông đã bỏ Giao Chỉ, theo đường bộ về Quảng Tây, Trung quan Sơn Thọ, Mã Kỳ, cùng các thủ, lệnh tam ty, theo đường thủy về Khâm Châu. Phàm số được về chỉ có tám vạn sáu ngàn người², số bị giặc giết và câu lưu không thể kể hết được. Cá thiên hạ đều ghét Thông bỏ đất, hại dân, nhưng Hoàng đế cũng không lấy làm tức giận vậy.

Mùa hạ, năm thứ ba (1428), bọn Thông về đến kinh sư, các bê tôi vẫn vô cùng tấu tội trạng, triều đình xét hỏi, đều vâng phục cả. Thông cùng với Trần Trí, Mã Anh, Phương Chính, Sơn Thọ, Mã Kỳ và Bố chính sứ Đặc Khiêm (弋謙), đều bị luận tội chết, hạ ngục, tịch biên cả nhà. Hoàng đế rất không giết, chỉ cho giữ lại đợi phán quyết

1. Tức Trần Nghệ tông.

2. TT.BK.q10 chép nước ta trao trả “13.578 quân nhân, 280 viên quân quan, 137 viên quan lại, 13.180 tên quân cờ, 1.200 con ngựa tốt.” CM.CB.q14 chép hai vạn người và hai vạn ngựa.

mà thôi. Kỳ tàn ngược khiến kích động sinh biến, tội rất nặng, còn Khiêm thì thực vô tội, nay bị luận xét như nhau, người bấy giờ đều dị nghị là trái lẽ. Đinh thần lại hặc tội chật trễ cùng để thua quân của Mộc Thạnh, Từ Hanh, Đàm Trung, song Hoàng đế không hỏi đến.

Bọn Kỳ về triều, Lợi sai sứ mang biểu sang tạ ơn, nói dối là Cảo hồi tháng Giêng đã qua đời¹, con cháu họ Trần đã tuyệt, người trong nước đều suy tôn Lợi lên giữ lấy nước, xin kính cẩn đợi mệnh lệnh triều đình. Hoàng đế cũng biết là dối, không muốn phong ngay, lại sai Nhữ Kính, Vĩnh Đạt dụ Lợi cùng bộ hạ, sai tìm kiếm dòng dõi họ Trần, và trả lại hết quan lại, nhân dân cùng quyền thuộc của họ về. Mùa xuân năm sau, bọn Nhữ Kính về, Lợi lại nói là họ Trần không còn dòng dõi sót lại, xin chờ lệnh khác. Nhân cống phuơng vật cùng người vàng thế thân cho mình. Lại tâu: “Đứa con gái chín tuổi của thần vì loạn lạc lưu tán, sau được biết Mã Kỳ đã đem theo về sung vào làm nữ tỳ trong cung. Thần lòng riêng không khỏi thương xót cho con, mạo muội xin được cho về.” Hoàng đế trong lòng biết rõ, họ Trần dù có còn ai, thì tất Lợi cũng không nói, nhưng vì có không có danh nghĩa nào để phong cho Lợi, lại sai Kỳ, Nhữ Kính đem sắc dụ bảo cho tìm thêm, và nói cho Lợi biết con gái đã bị bệnh chết.

Mùa xuân năm thứ năm (1430), bọn Kỳ về, Lợi sai sứ cống các đồ vàng bạc và phuơng vật, lại lụa lời dâng sớ, cùng các vị đầu mục, kỳ lão tấu thỉnh cho Lợi nắm chính sự trong nước. Sứ thần về, Hoàng đế lại đem hai chuyện: tìm kiếm hậu duệ họ Trần, và trả người Trung Quốc về nước mà dụ bảo, nhưng lời lẽ cũng không cương quyết lắm.

Mùa hạ năm sau (1431), Lợi sai sứ tạ tội, đem lời nói khéo mà trả lời hai việc ấy, lại dâng tấu của các đầu mục, kỳ lão, vẫn là xin phong cho Lợi. Hoàng đế bèn ứng thuận, sai Lễ bộ hữu thị lang Chương Sưởng (章敞), Hữu thông chính Từ Kỳ (徐琦) mang sắc, ấn, lệnh cho Lợi được quyền tạm nắm việc ở An Nam quốc. Lợi sai sứ mang biểu và đồ vàng bạc, phuơng vật, theo bọn Sưởng sang cống. Tháng Hai, năm thứ bảy (1432) thì tới kinh sư. Đến khi sứ giả về, Lợi cùng sứ thần đều được ban thưởng. Tháng Tám năm sau sang cống, (Hoàng

1. TT.BK.q10 chép ngày mồng mười tháng Giêng, Trần Cảo uống thuốc độc chết.

đế) sai bọn Binh bộ thị lang Từ Kỳ cùng đi với sứ giả (An Nam) sang, lấy đạo thuận lẽ trời, bảo vệ dân mà dụ. Năm ấy, Lợi chết.¹

Lợi tuy nhận sắc mệnh, nhưng ở trong nước vẫn xưng đế, đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Dựng hai kinh đô Đông, Tây, chia nước làm mười ba đạo là: Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Yên Bang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Minh Quang, Lạng Hóa, Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hóa, Quảng Nam. Mỗi nơi đều đặt Thừa chính ty, Hiến sát ty, Tổng binh sứ ty, tương tự như tam ty của Trung Quốc². Đông Đô ở phủ Giao Châu, Tây Đô ở phủ Thanh Hoa. Đặt trăm quan, lập học hiệu. Lấy hai khoa Kinh nghĩa, Thi phú để chọn lấy kẻ sĩ, rạng rõ đủ vẻ Hoa phong vây. Lợi tiếm vị sáu năm, trộm thụy là Thái tổ³. Con là Lân (麟) nối, Lân lại có tên khác là Long (龍)⁴. Từ đây, quân trưởng nước ấy đều có hai tên, lấy một tên để viết vào biểu tấu thiên triều, cống hiến không ngừng theo như lệ thường. Lân sai sứ cáo phó, (Hoàng đế) mệnh Thị lang Chương Sưởng, Hành nhân Hầu Tiến (侯璡) sang sắc cho Lân tạm quyền coi việc nước. Năm sau, (Lân) sai sứ sang cống tạ ơn.

Tháng Tư năm Chính Thống nguyên niên (1436), nhân vua Tuyên tông mới về trời, (Lân) sai sứ sang dâng hương. Lại nhân Anh tông lên ngôi và suy tôn Thái hoàng thái hậu, Hoàng thái hậu, (Lân) cũng sai sứ mang biểu sang mừng và cống phuơng vật. Tháng Sáu nhuận lại cống. Hoàng đế thấy tông chi họ Trần đã tuyệt, muốn cho Lân được chính vị, đưa xuống đình nghị, đều lấy làm nên, bèn mệnh Binh bộ hữu thị lang Lý Úc (李郁), Tả thông chính Nại Hanh (奈亨)⁵

1. TT.BK.q10 chép Lê Thái tổ mất ngày 22 tháng Tám năm 1433.

2. TT.BK.q10 chép năm 1427 Lê Thái tổ “chia cả nước làm năm đạo. Đạo đặt vệ quân, vệ đặt Tổng quản, lớn nhỏ giữ gìn nhau, trên dưới ràng buộc nhau. Lại đặt chức Hành khiển các đạo để chia giữ sổ sách quân, dân.” TT.BK.q12 chép năm 1466, Lê Thánh tông mới đổi năm đạo này thành mười ba đạo thừa tuyên (Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hoa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và phủ Trung Đô).

3. Minh sử lấy Trung Quốc làm chính thống nên không coi vua nước ta là Hoàng đế, mà những thụy hiệu có “tổ”, “tông” đều gọi là trộm thụy. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

4. Tức Lê Thái tông. TT.BK.q11 chép: “Thái tông Văn Hoàng đế húy Nguyên Long (元龍).”

5. TT.BK.q11 chép là Lý Hanh (李亨).

đem sắc, ấn, phong Lân làm An Nam quốc vương. Năm sau (1437), (Lân) sai sứ sang cống tạ ơn. Bấy giờ, thổ quan ở Tư Lang châu, An Nam, đánh cướp hai châu An Bình, Tư Lăng của Quảng Tây, chiếm cứ hai động hai mươi mốt thôn. Hoàng đế sai Cấp sự trung Thang Nãi (湯鼐), Hành nhân Cao Dân (高寅) sắc cho Lân trả lại những đất xâm chiếm. Lân phụng mệnh, sai sứ sang tạ tội, lại tố cáo thổ quan ở An Bình, Tư Lăng xâm lược châu Tư Lang. Hoàng đế bèn lệnh cho quan trấn thủ canh giữ biên cương nghiêm ngặt.

Năm thứ bảy (1442), khi cống sứ An Nam về nước, (Hoàng đế) lại mệnh cho đem phục sức mũ bì biển, áo khoác ngoài thêu kim tuyến về ban tặng cho vua nước ấy. Năm đó Lân chết, trộm thụy là Thái tông, từng đặt hai niên hiệu: Thiệu Bình sáu năm, Đại Bảo ba năm. Con là Tuấn (浚) nối, lại có tên nữa là Cơ Long (基隆)¹, sai sứ sang cáo phó. (Hoàng đế) sai Quang lộc thiếu khanh Tống Kiệt (宋傑), Binh khoa đô cấp sự trung Tiết Khiêm (薛謙) mang phù tiết, sang sách phong cho làm quốc vương. Tuấn sai tướng xâm chiếm Chiêm Thành, đoạt cảng Tân Châu, bắt vua Chiêm Thành là Ma Ha Bôn Cai (摩訶賁該) đem về. Hoàng đế giúp vua Chiêm Thành mới lập là Ma Ha Quý Lai (摩訶貴來), sắc cho sứ An Nam, về dụ Tuấn trả lại vua cũ cho họ. Tuấn không phụng chiếu, vẫn sang xâm cướp nhân khẩu của họ đến hơn ba vạn ba ngàn người. Chiêm Thành lại sang tố cáo.²

Năm Cảnh Thái nguyên niên (1450), ban sắc chỉ răn Tuấn, nhưng rốt Tuấn vẫn không phụng chiếu. Năm thứ tư (1453), (Tuấn) sai sứ sang mừng sách lập Hoàng thái tử. Năm Thiên Thuận nguyên niên (1457), Tuấn sai sứ sang cống, xin ban cho cổn miện, như lệ Triều Tiên, nhưng triều đình không thuận. Sứ giả (An Nam) xin đem thổ sản để đổi lấy những sách vở, được liệu, triều đình ưng cho. Năm thứ hai (1458) (Tuấn) sai sứ mừng Anh tông phục vi.

Tháng Mười, năm thứ ba (1459), thú huynh (của Tuấn) là Lạng Sơn vương Tông (琮) giết Tuấn tự làm vua. Tuấn từng đặt hai niên

1. Túc Lê Nhân tông. TT.BK.q11 chép: “Nhân tông Tuyên Hoàng đế húy Bang Cơ (邦基)”.

2. TT.BK.q11 có chép việc chúa Chiêm Thành là Bôn Cai (賁該) vào cướp nước ta, bị Lê Bôi và Lê Khả đánh dẹp, không thấy chép việc bắt được Bôn Cai.

hiệu: Đại Lợi mười một năm, Diên Ninh sáu năm, trộm đặt thụy là Nhân tông. Tông, còn có tên khác là Nghi Dân (宜民), soán vị chín tháng, đổi niên hiệu là Thiên Dữ¹, bị người trong nước giết, biếm làm Lê Đức hầu, lấy em Tuấn là Hạo (灝)² nối. Hạo còn có tên là Tư Thành (思誠). Lúc đầu, khi Tông giết Tuấn, lấy cớ là đi chơi hồ bị chết đuối tâu lên, thiên triều không biết, định sai quan sang điều tể. Tông sợ sứ giả thiên triều sang phát giác thực tình, lấy cớ rằng: theo lẽ không điều người chết đuối, không dám phiền đến thiên sứ, Hoàng đế liền thôi. Sứ giả nói Tuấn không có con trai, thỉnh phong cho Tông. Hoàng đế mệnh Thông chính tham nghị Doãn Mân (尹旻), Lễ khoa cấp sự trung Vương Dự (王豫) sang phong, chưa vào địa phận (An Nam), thì nghe tin Tông đã bị giết, Hạo lên nối ngôi, bèn quay trở về. Hạo liên tục sai sứ sang triều cống xin phong, lẽ quan nghi có đối trả, xin mệnh cho quan trấn thủ Quảng Tây hặc rõ thực tình tâu lên, triều đình ưng thuận. Sứ thần nói: “Theo lẽ, (vương túc) sống thì được phong, chết thì được tế. Nay Tuấn chết đã rõ ràng, xin ban cho được tế.” Hoàng đế bèn sai Hành nhân đến xem xét. Tháng Hai, năm thứ sáu (1462), (triều đình) sai Thị độc học sĩ Tiên Phổ (錢溥), Cấp sự trung Vương Dự sang phong cho Hạo làm quốc vương.

Hiến tông lên ngôi, sai Thượng bảo khanh Lăng Tín (凌信), Hành nhân Thiệu Chấn (邵震) sang ban tặng cho Quốc vương và Vương phi (An Nam) tiền lụa. Hạo sai sứ sang cống, nhân xin y phục mũ miện, (triều đình) không cho, chỉ ban cho phục sức mũ bì biên và mũ sa, thắt lưng sừng tê. Tháng Tám, năm Thành Hóa nguyên niên (1465) nhân Anh tông qua đời, (Hạo) sai sứ sang dâng hương, (triều đình) mệnh cho đến Dụ Lăng hành lễ.

Hạo vốn là người hùng kiệt, tự phụ nước giàu binh mạnh, bèn dần tự đại. Năm thứ tư (1468), (Hạo) xâm chiếm Bằng Tường ở Quảng Tây. Hoàng đế hay tin, mệnh cho quân trấn thủ canh phòng cẩn mật. Năm thứ bảy (1471) phá Chiêm Thành, bắt vua Chiêm là Bàn La Trà Toàn (盤羅茶全), qua ba năm lại phá nước ấy, bắt vua là

1. TT.BK.q11 chép niên hiệu này là Thiên Hưng.

2. Tức Lê Thánh tông.

Bàn La Trà Duyệt (盤羅茶悅)¹, bèn đổi nước ấy thành châu Giao Nam, đặt quan trấn giữ. Đường cống sứ của An Nam đi, vốn vẫn theo lối Quảng Tây. Bấy giờ trấn thủ Vân Nam là Trung quan Tiên Năng (錢能) tham lam phóng túng, sai Chỉ huy Quách Cảnh (郭景) mang sắc lệnh sang đòi lấy hóa vật. Hạo vốn định nhòm ngó Vân Nam, bèn lấy cớ là giải trả những tội nhân ở Long Châu, Quảng Tây, theo Cảnh mượn đường Vân Nam vào kinh, bắt phu dịch hơn sáu trăm người, lại phát binh kế bước theo sau, khiến Vân Nam phải rối loạn. Bộ Binh tâu Vân Nam không phải đường cống đạo, tội nhân Long Châu nên giải về Quảng Tây, bắt tất phải đến kinh sư. Bèn lệnh cho quan trấn thủ truyền hịch hiểu dụ, và phòng bị biên cương nghiêm ngặt. Hạo đã được Bằng Tường, diệt Chiêm Thành, bèn xâm lấn Quỳnh Châu, Lôi Châu của Quảng Đông, lại cướp Châu Trì. Long Châu, Hữu Bình của Quảng Tây, Lâm An, Quảng Nam, Trấn An của Vân Nam cũng mấy phen cáo cấp. (Triều đình) chiếu cho quan trấn thủ cật vấn, (Hạo) bèn đem lời gian dối mà đáp. Triều đình chỉ muôn qua loa cho yên, tuy giáng nhiều sắc dụ, nhưng không đủ lời nghiêm khắc, Hạo càng thêm khinh nhởn không sợ hãi gì, nói: “*Vua Chiêm Thành là Bàn La Trà Toàn xâm phạm đạo Hóa Châu, bị em là Bàn La Trà Duyệt giết chết mà tự lập. Kịp khi sắp nhận phong, lại bị con là Trà Chất Đài giết chết. Nước ấy tự loạn, chẳng phải là tội của thần Hạo này.*” Triều đình biết là dối trá, nhưng không thể cật vấn, chỉ khuyên Hạo trả lại đất đai nước ấy. Hạo tâu rằng: “*Chiêm Thành chẳng phải là đất màu mỡ, trong nhà ít tích lũy, ngoài nội tuyệt dầu gai. Núi không vàng ngọc để thu, biển ít ngư diêm lấy lợi, chỉ sản ngà voi, tê giác, ô mộc, trầm hương. Được đất ấy cũng không thể ở, được dân ấy cũng không thể dùng, được của ấy cũng chẳng đủ giàu, ấy là nguyên cớ mà thần chẳng xâm đoạt Chiêm Thành vậy. Thánh chiếu bắt thần trả lại đất đai nước ấy, vậy xin cho sứ giả triều đình đến vạch biên giới, để biên thùy hai nước được yên*

1. TT.BK.q11 chép năm 1471, ngày mồng một tháng Ba hạ thành Đồ Bàn, bắt sống Trà Toàn. Đến tháng Mười một năm đó, lại đánh Chiêm Thành, bắt được chúa nó là Trà Toại (茶遂), còn Trà Duyệt là anh của Trà Toàn (“*Vợ của Trà Toàn là con gái Bí Cai, cùng với cháu gái đều là vợ của Bàn La Trà Duyệt là anh Toàn. Thế mà Trà Toàn thông dâm cả*”). Có lẽ Trà Duyệt trong Minh sử chính là Trà Toại trong TT.BK.q11 chăng?

ổn, thì thần không mong gì hơn.” Bấy giờ Chiêm Thành đã bị chiếm cứ từ lâu, mà lời lẽ còn hoang đường đến như vậy.

Trước đây, An Nam sang cống, nhiều người mang theo đồ riêng, đường qua Băng Tường, Long Châu, thiếu người vận tải, bèn gây ra tranh chấp lẫn nhau. Gặp khi An Nam sai sứ sang mừng sách lập Hoàng thái tử, (triều đình) bèn xuống chiếu cấm chỉ (việc mang theo đồ riêng). Mùa đông năm thứ mười lăm (1479), Hạo sai quân hơn tám trăm người, vượt địa giới Mông Tự, Vân Nam, đánh tiếng là bắt cướp, tự ý lập doanh dựng nhà mà ở. Quan trấn thủ ra sức ngăn cản, mới lui. Hạo phá Chiêm Thành rồi, bèn có chí mở rộng cõi bờ, đích thân đốc chín vạn binh, mở núi chia làm ba đường, công phá Ai Lao, xâm lược Lão Qua, lại đều đại phá được. Giết ba cha con Tuyên úy Đao Bản Nhã Lan Chuồng (刀板雅蘭掌), người con út là Phạ Nhã Trại (怕雅賽) chạy đến Bát Bách mới thoát. Hạo lại tích lương luyện binh, ban ngụy sắc cho Xa Lý, mượn quân hợp công Bát Bách. Tướng sĩ bị chết mất mấy ngàn, nhưng đều nói là bị sét đánh. Bát Bách bèn chặn đường quay về, tập kích giết hơn vạn người, Hạo mới đem quân về. Hoàng đế cho triều đình nghị bàn, (triều đình) bèn xin lệnh cho Quảng Tây Bố chính ty truyền hịch để Hạo thu quân, đồng thời quan trấn thủ Vân Nam, Luưỡng Quảng canh phòng biên giới nghiêm ngặt mà thôi. Rồi đó, Hạo tâu, chưa xâm phạm Lão Qua, và cũng không biết cương giới của Bát Bách ở chỗ nào, lời lẽ rất dối trá. Hoàng đế lại úy dụ, xong (Hạo) vẫn không phụng mệnh. Mùa thu, năm thứ mười bảy (1481), Mãn Lạt Gia¹ cũng bẩm báo bị (Hạo) xâm lấn, Hoàng đế sắc cho sứ giả đến dụ, khiến Hạo hòa mục với lân bang mà giữ nước. Không bao lâu, sứ thần (An Nam) sang cống, xin được ban cho mũ dai giống như lệ với Xiêm La, Trảo Oa. (Hoàng đế) bằng lòng cho, nhưng không coi là thông lệ.

Hiếu tông lên ngôi, mệnh Thị độc Lưu Tiển (劉體) đến chiếu dụ An Nam. Sứ thần nước ấy sang cống, triều đình vì cớ đại tang miễn dẫn tấu.

1. Tức Malacca, một tiểu quốc thuộc bán đảo Mã Lai.

Năm Hoằng Trị thứ ba (1490), vua Chiêm Thành là Cổ Lai (古來) nhờ sức thiên triều được về nước, lại tố cáo An Nam xâm phạm. Bình bộ thị lang Mã Văn Thăng (馬文升) mời sứ thần An Nam đến, nói: “Về nói với chúa các ngươi, cùng giữ vững biên cương mà hưởng thái bình. Nếu không, một khi triều đình nổi trận lôi đình, thiên binh kéo đến biên cảnh, như việc triều Vĩnh Lạc, thì chúa ngươi hối hận hỏi có được không?” An Nam từ đó mới biết sợ.

Năm thứ mười (1497), Hạo chết, trộm thụy là Thánh tông, từng dùng hai niên hiệu: Quang Thuận mười năm, Hồng Đức hai mươi tám năm. Con là Huy (暉) nối, lại có tên là Sanh (鑑)¹, sai sứ cáo phó. (Triều đình) sai Hành nhân Từ Ngọc (徐鈺) sang tế. Ít lâu sau lại ban cho Huy phục sức bì biển, cùng đai kim tê. Sứ thần (của Huy) nói, chúa nước tôi nhận vương phong, tặng phục sức chẳng khác gì kẻ thần hạ, xin đổi tặng thú khác. Lễ quan nói: “An Nam danh nghĩa là vương, thực là bể tôi của Trung Quốc vậy. Vua nôis mới lập, tất được ban tặng phục sức mũ bì biển, để không mất sự tôn kính của bậc chúa tể một nước. Lại ban cho một bộ thường phục, để không quên nghĩa thần sự Trung Quốc. Điều cầu xin hôm nay, là trái rồi với chế độ tổ tiên, không thể theo được. Nhưng đó chẳng phải là tội của sứ thần, mà là do kẻ thông sự khiến cho tâu bừa như thế, nên bị trừng trị.”

Nhưng Hoàng đế cũng đặc xá cho.

Năm thứ mười bảy (1504), Huy chết, trộm thụy là Hiến tông, từng đặt niên hiệu là Cảnh Thống. Con là Khiên (灝) nối, lại có tên là Kính Phủ (敬甫)², được bảy tháng thì chết, trộm thụy là Túc tông. Em là Nghị (諡) nối, lại có tên là Toàn (璫)³.

Vũ tông lên ngôi, mệnh cho Tu soạn Luân Văn Tự (倫文敘), Cấp sự trung Trương Hoành (張宏) đến chiếu dụ nước ấy. Nghị cũng sai sứ cáo phó, (triều đình) mệnh cho quan sang tế như lệ thường.⁴

1. Tức Lê Hiến tông.

2. TT.BK.q14 chép: “Túc tông Khâm hoàng đế húy Thuần (灝)”.

3. TT.BK.q14 chép: “Uy Mục đế, húy Tuấn (灝) lại húy Huyên (諱)”. Uy Mục đế là anh của Túc tông.

4. TT.BK.q14 chép việc này là tháng Giêng năm 1507, sứ thần là Hàn lâm viện biên tu Tăng Đạt (曾鐸) và Lại khoa hữu cấp sự trung Trương Hoằng Chí (張弘志).

Năm Chính Đức nguyên niên (1506), sách phong (cho Nghị) làm vương. Nghị sủng dụng bè đảng của mẹ là anh em Nguyễn Chửng (阮種), Nguyễn Bá Thắng (阮伯勝), thả sức làm điều uy ngược, giết chóc tôn thân, đầu độc chết bà nội. Bọn Chửng cậy sủng trộm quyền, năm thứ tư (1509) bức Nghị tự sát, tôn lập em mình là Bá Thắng lên ngôi, biếm Nghị làm Lê Mẫn vương. Người trong nước là bọn Lê Quảng (黎廣) cùng trừ diệt đi, lập cháu của Hạo là Trửu (禡)¹, cải thụy cho Nghị là Uy Mục đế. Nghị ở ngôi bốn năm, niên hiệu là Đoan Khánh. Trửu, lại có tên là Oanh (灤), năm (Chính Đức) thứ bảy (1512) được thụ phong, làm nhiều việc bất nghĩa². Năm thứ mười một (1516), Xã đường thiêu hương quan là Trần Cảo (陳曄), cùng hai con là Bình (昇) và Thắng (昇) làm loạn, giết Trửu mà tự lập, nói dối là hậu duệ của nhà Trần trước đây, lại xưng là Đại Ngu Hoàng đế, đổi niên hiệu là Ứng Thiên³, biếm Trửu làm Linh Ẩn vương. Bề tôi của Trửu là Đô Trai lực sĩ Mạc Đăng Dung (莫登庸) mới đầu theo Cảo⁴, sau lại cùng đại thần họ Lê là bọn Nguyễn Hoành Dụ (阮宏裕)⁵ khởi binh đánh dẹp. Cảo thua chạy, bắt được Bình cùng đồ đảng là bọn Trần Thúy (陳璣). Cảo và Thắng chạy đến đạo Lạng Sơn, chiếm cứ ba phủ Trường Ninh, Thái Nguyên, Thanh Tiết để tự giữ. Bọn Đăng Dung bèn cùng lập con của Hạo (灝)⁶ - anh Trửu - là Huệ (憲)⁷, cải thụy cho Trửu là Tương Dực đế. Trửu ở ngôi bảy năm, dùng niên hiệu là Hồng Thuận. Huệ định xin phong tước, nhưng nước loạn nên chưa xin được. Vì Đăng Dung có công, bèn phong cho là Vũ Xuyên bá⁸, tổng lĩnh thủy lục chủ quân. Đăng Dung nắm được binh quyền

1. Tức Tương Dực đế. Theo TT.BK.q15 thì Tương Dực đế là cháu của Lê Thánh tông, như vậy là vai em của Uy Mục đế.

2. TT.BK.q15 chép việc nhà Minh phong vương cho Tương Dực đế là năm 1513.

3. TT.BK.q15 chép: “Bính Tý (1516)... tháng Ba, Thuần Mỹ điện giám Trần Cảo làm loạn,... Mùa hạ, Tháng tư... Trịnh Duy Sản giết vua ở cửa nhà Thái học”.

4. Sử nước ta không chép việc Mạc Đăng Dung theo Trần Cảo.

5. TT.BK.q5 chép tên là Nguyễn Hoằng Dụ (阮弘裕灤).

6. Đúng ra là Sùng (灤).

7. Tức Lê Chiêu tông.

8. TT.BK.q15 chép Mạc Đăng Dung được phong tước Vũ Xuyên bá năm 1511, tức là thời vua Lê Tương Dực.

rồi, dần ngầm nuôi chí khác. Bề tôi họ Lê là Trịnh Tuy (鄭綏), cho Huệ chỉ giữ ngôi suông, lại lập một người khác trong dòng dõi họ Lê là Dậu Bảng (酉榜)¹, rồi đem quân đánh đô thành. Huệ bỏ thành chạy, Đặng Dung đánh phá được quân của Tuy, bắt Dậu Bảng giết, lại càng cậy công lao ra sức phóng túng, bèn bức mẹ của Huệ làm vợ mình², rồi đón Huệ về, tự cho mình làm Thái phó Nhân Quốc công. Năm thứ mười sáu (1521), (Đặng Dung) đem quân đánh Trần Cảo, Cảo thua chạy mà chết.³

Gia Tĩnh nguyên niên (1522), Đặng Dung tự xưng An Hưng vương⁴, mưu giết Huệ. Mẹ Huệ báo cho biết, Huệ bèn cùng bề tôi là Đỗ Ôn Nhuận (杜溫潤) theo đường tắt trốn đi thoát chết, vào ở Thanh Hoa. Đặng Dung bèn lập thứ đệ của Huệ là Khoáng (麤)⁵, rồi thiên cư đến phủ Trường Khanh, ở Hải Đông. (Minh) Thế tông lên ngôi, sai Biên tu Tôn Thừa Ân (孫承恩), Cấp sự trung Du Đôn (俞敦) mang chiếu dụ nước ấy. Đến Long Châu, nghe tin nước ấy đại loạn, đường không đi được, bèn quay trở về.

Mùa hạ năm thứ tư (1525), Huệ sai sứ đi đường tắt sang cống, cùng thỉnh phong, nhưng bị Đặng Dung ngăn trở. Mùa xuân năm sau, Đặng Dung hối lộ cho Phán quan Khâm Châu là Đường Thanh (唐清), mà cầu phong cho Khoáng. Tổng đốc Trương Đỉnh (張嶽) bắt giam Thanh, Thanh chết trong ngục.

Năm thứ sáu (1527), Đặng Dung lệnh cho bè đảng là Phạm Gia Mô (范嘉謨) làm giả chiếu nhường ngôi của Khoáng, rồi thoán vị, đổi niên hiệu Minh Đức, lập con là Phương Doanh (方瀛)⁶ làm

1. TT.BK.q15 chỉ chép tên là Bảng. Bấy giờ là năm 1518, vua Lê Chiêu tông không ở Thăng Long mà dời tới Bảo Châu (nay thuộc Từ Liêm - Hà Nội). Trịnh Tuy lập Bảng làm vua, được nửa năm lại phế Bảng mà lập Lê Do.

2. Sứ nước ta không chép việc này.

3. TT.BK.q15 chép rằng năm 1516, Trần Cảo thua trận trốn về Lạng Nguyên đã truyền ngôi lại cho con là Cung (Minh sứ chép tên là Thăng) rồi cạo đầu làm sư, không biết về sau ra sao. Năm 1521, Mạc Đặng Dung đánh Cung, bắt được vợ và con gái Cung đem giết đi, Cung chạy vào châu Thất Nguyên (thuộc Lạng Sơn), lại chua thêm rằng “có thuyết nói Cung chạy trốn sang nước Minh, sau bị đóng cùi giải về Kinh sư”.

4. TT.BK.q15 chép Mạc Đặng Dung lên làm An Hưng vương là năm 1526.

5. Tức Cung Hoàng đế. TT.BK.q.15. chép: “Cung Hoàng đế húy Xuân (椿) lại húy Khoáng (麤)”.

6. TT.BK.q15 chép là Đặng Doanh (登瀛).

Hoàng thái tử. Ít lâu sau, lại đầu độc giết Khoáng, đặt thụy là Cung Hoàng đế. Hơn một năm, (Đăng Dung) sai sứ sang cống. Đến thành Lạng Sơn, bị đánh phải quay về.

Năm thứ chín (1530), Đặng Dung nhường ngôi cho Phương Doanh, tự xưng Thái thượng hoàng, dời đến ở Đô Trai, Hải Dương để làm ngoại viện cho Phương Doanh, soạn thiên *Đại Cáo* năm mươi chín điều, ban bố trong nước. Phương Doanh đổi niên hiệu là Đại Chính. Tháng Chín năm ấy, Lê Huệ chết ở Thanh Hoa, nước mất.¹

Mùa đông năm thứ mươi lăm (1536), Hoàng tử sinh, phải ban chiếu đến An Nam, nhưng Lễ quan Hạ Ngôn (夏言) nói: “An Nam không cống đã hai mươi năm, quan trấn thủ Lưỡng Quảng nói Lê Huệ, Lê Khoáng đều không phải là đích lập của Lê Trửu, mà Mạc Đăng Dung và Trần Cảo đều là bể tôi thoán nghịch của nước ấy, nên sai quan tra hỏi, tìm kẻ chủ mưu gây tội. Vả, sứ giả trước đây đã vì cớ đường xá bị chặn không thể đi được, nay nên tạm thôi việc sai sứ.” Hoàng đế thấy việc phản nghịch ở An Nam đã rõ ràng, nên gấp sai quan đến khám xét, bèn mệnh cho Ngôn cùng bộ Binhh bàn việc chinh thảo. Ngôn cùng bọn Bản binh² Trương Toản (張瓊) ra sức nói rằng, nghịch thần soán chủ đoạt nước, không lo triêu cống, nên quyết thảo phạt. Xin trước tiên cho hai viên Cẩm y đến khám xét thực tình, sắc cho quan trấn thủ Lưỡng Quảng, Vân Nam chinh đốn quân ngũ, tích lũy lương thảo, để đợi kỳ xuất quân, (triều đình) ban chế sách chấp thuận. Bèn lệnh cho bọn Thiền hộ Đào Phượng Nghi (陶鳳儀), Trịnh Tỷ (鄭璽) chia nhau đến Quảng Tây, Vân Nam tra hỏi tên kẻ chủ mưu gây tội. Sắc cho quan trấn giữ ở Tứ Xuyên, Quý Châu, Hồ Quảng, Phúc Kiến, Giang Tây, chuẩn bị binh lính lương thảo, đợi khi cần điều động. Hộ bộ thị lang Đường Trụ (唐胄) dâng sớ, ra sức trình bày điều không thể dụng binh, (xin xem rõ trong truyện Đường Trụ)³, ở

1. TT.BK.q15 chép là năm 1526, Thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung sai Bá Khê bá Phạm Kim Bảng bí mật giết Quang Thiệu Đế ở chỗ bị giáng (phường Đông Hà).

2. Bản binh: tức Binhh bộ thượng thư.

3. Truyện Đường Trụ trong *Minh sử - Quyển 203* có chép Trụ dâng sớ can rằng:

Việc ngày nay, nếu chỉ là muốn nước ấy lo việc cống nạp thôi, thì binh bất tất phải dùng, mà quan cũng chẳng cần sai đến. Còn nếu muốn chinh thảo, thì có bảy điều không thể, thần xin nhất nhất trình bày:

cuối có câu: An Nam “tuy loạn, nhưng vẫn luôn luôn phụng biếu tấu, cùng phuong vật, đến cửa quan xin vào cống. Nhưng các bể tôi trấn thủ cho rằng tên họ không đúng, nên từ chối. Thế là nước ấy muốn cống mà không được, chứ chẳng phải là cố ý không triều cống vậy.”

Bậc đế vương xưa, không lấy việc cai trị Trung Quốc, mà cai trị Man, Di, cho nên An Nam là nước “bất chinh” đã được ghi trong “Tổ huấn”. Ấy là một điều.

Thái tông đã diệt Lê Quý Ly, mà tìm kiếm hậu duệ họ Trần không được, nên mới đặt (đất ấy) làm quận huyện. Về sau, việc quân liên miên không gỡ ra được, Nhân tông vẫn thường lấy làm ân hận. Chương Hoàng đế (tức Minh Tuyên tông) hoàn thành chí trước của mình, bỏ chặng giữ nữa, nay nên noi theo đó. Ấy là hai điều vậy.

Ngoại di giao tranh, là phúc cho Trung Quốc. An Nam từ đời Ngũ Đại, đến đời Nguyên, đã tám họ Khúc, Lưu, Thiệu, Ngô, Định, Lê, Lý, Trần thay nhau. Bao nhiêu lần hưng phế, mà ít gây nguy cấp cho Lĩnh Nam. Nay lại phân tranh, chính không đáng hồi đến, huống chi lại còn làm tổn hại cho con đẻ để lấy uy với lũ xấu xa, cắt tâm phúc mà bồ cho tứ chi, chẳng lợi chỉ hại. Ấy là ba điều vậy.

Nếu nói Trung Quốc gần biên cảnh, nên nhân khi chúng rối loạn mà giàn lấp. Thần xét, Mã Viện nam chinh, lặn lội sóng gió, quân sĩ tử vong gần nửa, mà cột đồng dựng làm mốc giới cực nam cho nhà Hán, chính là phụ cận phủ Tư Minh ngày nay vậy. Triều trước tuy từng nhiều lần bình định (An Nam) nhưng (đất ấy) mấy lần theo lại mấy lần phản. Quân mã Trung Quốc đã chết tính đến số mấy chục vạn, cạn kiệt tài lực hơn hai mươi năm, mà chỉ được cái tên suông của mấy chục quận huyện mà thôi. Huống lại có những phen đánh chẳng hạ được, như chuyện cũ ở triều Tống Thái tông, (Tống) Thần tông, Nguyên Hiến tông, (Nguyên) Thế tổ! Có thể coi đó chính là tấm gương soi. Ấy là bốn điều vậy.

Ngoại bang vào cống, chính là vì cái lợi của họ. Một là phụng Chính sóc để lấy uy với lân bang, hai là thông buôn bán để đầy đủ cho trong nước. Cho nên, nay tuy binh loạn, nhưng vẫn luôn luôn phụng biếu tấu, cùng phuong vật, đến cửa quan xin vào cống. Nhưng các bể tôi trấn thủ cho rằng tên họ không đúng, nên từ chối. Thế là nước ấy muốn cống mà không được, chứ chẳng phải là cố ý không triều cống vậy. Đem trách vi việc này, thì không phải lẽ. Ấy là năm điều vậy.

Hưng binh thì cần lương hường. Nay Tứ Xuyên có chiến dịch ở Thái Mộc, Quý Châu có quân giữ ở Khải Khẩu, mà Lưỡng Quảng tích trữ được vài chục vạn, cũng phải hao tổn cho các chiến dịch ở Sầm Mãnh, Điền Châu. Lại các công trình lớn liên tục dựng lên, bao nhiêu tích lũy cho quân đều dùng vào việc thổ mộc, nếu hưng binh mấy chục vạn, thì lấy gì cung ứng? Ấy là sáu điều vậy.

Nhưng điều thần nghĩ, lại chẳng phải chỉ dừng ở đó. Nhà Đường suy vi, là khởi nguồn tự chiến dịch đánh Nam Chiếu của Minh hoàng. Nhà Tống suy vi, là bắt đầu từ chiến dịch phạt Liêu của Thần tông. Nay giặc phuong bắc ngày càng thêm mạnh, chiếm cứ vùng Hà Sáo của ta. Quân lính ngoài biên nhiều lần làm phản, hủy hoại phên dậu của ta. Mỗi lo phuong bắc đang gấp, mà lại bàn dấy quân nam chinh, vạn nhất có điều bất trắc, thì ai là người gánh lỗi đó? Ấy là bảy điều vậy.

Những võ nhân Cẩm y, không hiểu đại cục. Nếu có chút gì trái lẽ thi phi, khiến chúng không phục, thì cũng đủ khiến tổn hại uy nghiêm thiên triều. Nay nên mệnh cho hỏi rõ thực tình, chứ đánh cũng không được, không đánh cũng không được, tiến thoái vô căn cứ, thì mưu ở đâu? Và nay chiếu chỉ nghiêm binh đợi lệnh điều động mới đưa xuống, mà cái hại trưng đòi quấy nhiễu đã thành, thì mối lo chẳng phải ở ngoại di, mà chính ở ngay trong đất nước vậy. Xin Hoàng đế cho dừng việc sai quan khám hỏi, bãi tất cả các lệnh trưng điều, thi thiên hạ may lấm!”

Tầu chương đưa xuống bộ Bin, bộ Bin cũng cho là phải, (triều đình) bèn lệnh đợi quan viên tra xét trở về rồi mới bàn thêm.

Năm thứ mươi sáu (1537), Lê Ninh (黎寧) ở An Nam sai người trong nước là bọn Trịnh Duy Liêu (鄭惟僚) đến kinh, dâng trạng kể rõ việc thoán thí của Đặng Dung, nói: “*Ninh là con của Huệ. Huệ chết, người trong nước lập Ninh làm đích tự, tạm làm chủ việc nước. (Ninh) nhiều lần sai người mang thư đến các quan ngoài biên cáo nạn, nhưng đều bị Đặng Dung chặn giết. Xin triều đình hưng binh sang hỏi tội, mà trừ kẻ quốc tặc giúp cho.*” Bấy giờ, Nghiêm Tung (嚴嵩) chưởng quản Lễ bộ, nói lời ấy chưa hẳn đáng tin, xin cho giữ lại, để đợi quan khám xét có tấu báo về. Hoàng đế nghe theo. Không lâu sau, thì (triều đình) triệu bọn Phượng Nghi về, lệnh cho hai bộ Lễ, Binh hội đình thần bàn bạc, nêu ra mươi tội lớn của Đặng Dung, xin Hoàng đế mau chóng quyết đoán, định kỳ xuất chinh. Bèn vời Hữu đô ngự sử Mao Bá Ôn (毛伯溫) khi ấy đang ở nhà, làm tham tán quân vụ, lệnh cho Hộ bộ Thị lang Hồ Liễn (胡璉), Cao Công Thiều (高公韶) đi trước đến Vân (Nam), Quý (Châu), Lưỡng Quảng điều độ binh lương. Lấy Đô đốc thiêm sự Giang Hoàn (江桓), Ngưu Hoàn (牛桓) làm tả hữu phó tổng binh, đốc quân chinh thảo, còn đại tướng thì cần đợi mệnh sau. Bộ Binh lại phụng chiếu, tâu rõ mươi hai việc nên làm trong việc điều dụng binh cơ. Riêng có Thị lang Phan Trân (潘珍) cho là không được, dâng sớ ra sức can gián. Hoàng đế nổi giận, bèn cách chức. Lưỡng Quảng Tổng đốc Phan Đán (潘旦) cũng dâng sớ xin dừng mệnh lệnh trước, nói: “Triều đình vừa hưng binh hỏi tội, thì Đặng Dung đã có sứ đến xin cống, nên nhân đó mà báng lòng, giới nghiêm để xem biến động, đợi nước ấy tự an định.” Nghiêm Tung, Trương Toản dò ý vua, ra sức nói rằng không thể tha được, lại nói Lê Ninh ở Thanh Đô mưu đồ khôi phục, mà Đán nói rằng nước ấy đã yên định, dâng biểu xin cống, thì quyết không thể cho phép. Sớ tấu của Đán bèn bị gạt đi. Tháng Năm, Bá Ôn đến kinh sư, tâu lên sáu việc phuong lược, cho là Đán không thể cùng làm việc được, xin đổi người khác, Hoàng đế bèn hạ chỉ đặc biệt khen ngợi. Kịp tới khi bộ Binh dâng nghị tấu lên, vua bỗng giữa chừng đổi ý, nói Lê Ninh thực hay ngụy còn chưa thẩm xét được, lệnh cho bể tội trấn thủ ba nơi tùy nghi mà

yên vỗ hay trừ dẹp, các đại thần Tham tán, Đốc huởng đều tạm đình lại, Đán được điều dụng vào việc khác, lấy Trương Kinh (張經) thay chức ấy. Bấy giờ, Ngự sử Từ Cửu Cao (徐九皋), Cấp sự trung Tạ Đình Xải (謝廷蒞) dâng tấu về việc tiết kiệm, cũng xin bãi quân chinh nam. Tháng Tám, Tuần phủ Vân Nam Uông Văn Thịnh (汪文盛) bắt được gián điệp cùng bản *Đại Cáo* của Đặng Dung đem báo lên. Hoàng đế nổi giận, mệnh cho các quan trấn thủ lại tuân theo như bản chiếu trước mà chinh thảo. Khi ấy, Văn Thịnh chiêu nạp cựu thần của họ Lê là Vũ Văn Uyên (武文淵), nên có được địa đồ tiến binh, nói có thể phá được Đặng Dung, bèn tâu về triều. Án sát Quảng Đông là Dư Quang (余光) tâu: “Mặc thoán ngôi Lê, cũng như Lê thoán ngôi Trần, không đáng để so tính quá. Chỉ cần xét tội chúng không bẩm báo triều đình, trách phải xưng thần nạp cống, chứ chẳng cần viễn chinh, khiến Trung Quốc phải mệt nhọc. Thần đã sai sứ sang tuyên dụ, nếu chúng đến quy phụ, triều đình nên nhân đó mà yên vỗ tiếp nhận.” Hoàng đế cho là Quang khinh suất, tước một năm bổng lộc. Văn Thịnh lập tức truyền hịch An Nam, rằng nếu Đặng Dung có thể trói mình chịu tội, dâng nạp địa đồ, thì sẽ miễn khỏi tội chết. Vì vậy, cha con Đặng Dung bèn sai sứ phụng biểu xin hàng, lại gửi điệp văn tới Văn Thịnh và Kiêm quốc công Mộc Triều Phụ (沐朝輔), đều nói họ Lê suy loạn, Trần Cảo phản nghịch, mình với Phương Doanh có công, được người trong nước quy phụ, tất cả đất đai đã ghi trong *Nhất thống chí*, xin xá tội lỗi, cho được cống nạp như lệ định. Bọn Triều Phụ tháng Ba, năm thứ mười bảy (1538) dâng tấu lên triều đình, nhưng Lê Ninh theo chiếu trước, e rằng thiên triều rốt nhận cho Đặng Dung hàng, cũng đem hết đầu đuôi việc thoán thí trong nước cùng số quân mã, đường tiến quân thủy lục đến dâng. Triều đình bèn giao cả cho bộ Binh, tập hợp đình thần nghị bàn. Ai nấy đều nói, họ Mạc tội không thể tha, nên mau chóng tiến binh. Xin lấy Hàm Ninh hầu Cửu Loan (仇讐) đã tiến cử trước đây làm Tổng đốc quân vụ, Bá Ôn vẫn làm Tham tán. Hoàng đế đều thuận theo. Trương Kinh tâu rằng: “Có sáu đường tiến binh sang An Nam, nên dùng ba mươi vạn quân, lương ăn một năm cần dùng một trăm sáu mươi vạn, các chi phí đóng thuyền, sắm ngựa, đúc binh khí, khao quân lại cần hơn bảy mươi vạn nữa. Huống chi ta điều động đại quân, lặn lội cõi nóng

nực, so với chúng thế nhàn mệt khác nhau, không thể không thǎm xét mà xử sự vậy.” Só văn vừa dâng lên, thì Khâm Châu Tri châu Lâm Hi Nguyên (林希元) lại dâng trạng ra sức trình bày có thể hạ được Đǎng Dung. Bộ Binh không thể quyết được, lại xin đình nghị. Kịp lời bàn nghị dâng lên, Hoàng đế không vui, nói: “Trẫm nghe lời bàn riêng của các khanh sĩ đại phu, đều nói không nên hưng binh. Các ngươi chức trách phải lo chính sự nước nhà, mà dây dưa không có chủ trương, thảy đều ủy thác cho hội bàn. Đã không hiệp tâm lo việc nước, thì thôi đi vậy. Loan và Bá Ôn hãy dùng vào việc khác.”

Năm thứ mười tám (1539), sách lập Hoàng thái tử, phái ban chiếu đến An Nam, (triều đình) bèn đặc biệt khởi dụng Hoảng Oản (黃綰) làm Lễ bộ thượng thư, Học sĩ Trương Trị (張治) làm phó, đi sứ sang nước ấy. Lệnh vừa ban xuống, Phương Doanh bèn sai sứ dâng biểu hàng, và kê khai đất đai, dân số, xin nghe theo thiên triều xử trí, tất cả có năm mươi ba phủ, bốn mươi chín châu, một trăm bảy mươi sáu huyện. Hoàng đế thu nhận, ban xuống cho hai bộ Lễ, Binh hiệp nghị. Đến tháng Bảy, Oản còn chưa đi, vì trái chỉ nên mất chức, bèn dừng việc đi sứ. Mới đầu, lời bàn chinh thảo xuất phát từ Hạ Ngôn, Hoàng đế trách tội Oản rồi, nhân nổi giận nói: “Việc An Nam, vốn từ một người xướng lên, mọi người đều theo sau, cười nhạo ta nghe theo kế của Ngôn, mà cùng đặt điều khinh mạn. Nước ấy nên tha hay nên đánh, phải có bàn bạc quyết định. Binh bộ lập tức họp bàn rồi tâu lên ta biết.” Vì vậy, Toàn cùng đình thần đều sợ hãi, xin theo như chiếu trước, vẫn sai Loan và Bá Ôn nam chinh. Nếu như cha con Đǎng Dung trói mình quy hàng, không có bụng khác, thì sẽ cho miễn tội chết. Hoàng đế bằng lòng. Đǎng Dung nghe tin, mừng lắm.

Năm thứ mười chín (1540), bọn Bá Ôn đến Quảng Tây, truyền hịch tuyênl dụ cái ý (Phương Doanh) nạp khoản thì sẽ tha tội. Bấy giờ Phương Doanh đã chết, Đǎng Dung lập tức sai sứ xin hàng. Tháng Mười một, (Đǎng Dung) dẫn cháu là Văn Minh (文明) cùng các bộ mục bốn mươi hai người vào Trấn Nam quan, cổ gông chân đất, bò lết khẩu đầu trên đòn, mà dâng biểu xin hàng. Bá Ôn tuyên chiếu xá tội. (Đǎng Dung) lại đến quân môn, bò lết bái lạy, dâng sổ sách kê

khai đất đai quân dân, xin theo lịch chính sóc (nhà Minh), mãi mãi làm phiên thần. Bọn Bá Ôn tuyên thị uy đức, sai về nước đợi mệnh. Văn sớ dâng lên, Hoàng đế mừng lắm, mệnh tước An Nam quốc thành An Nam đô thống sứ ty, trao cho Đặng Dung làm Đô thống sứ, trật tòng nhị phẩm, ấn bạc. Những chế độ tiếm dụng trước đây đều băi bỏ hết, đổi mười ba đạo nước ấy thành mười ba tuyên phủ ty, mỗi nơi đều đặt các chức Tuyên phủ, Đồng tri, Phó sứ, Thiêm sứ, nghe theo sự cất đặt của Đô thống. Hàng năm, Quảng Tây lại cấp cho lịch *Đại thống*, vẫn ba năm một lần cống như lệ thường. Lại lệnh cho hặc xét Lê Ninh thực giả thế nào, nếu quả là hậu duệ họ Lê, thì cất cho bốn phủ mà Lê Ninh chiếm cứ để lo sự thờ cúng (họ Lê), nếu không thì thôi. Chế sách ban xuống, Đặng Dung sợ hãi kính cẩn nhận mệnh.

Năm thứ hai mươi hai (1543), Đặng Dung chết¹, con Phương Doanh là Phúc Hải (福海) nối, sai bọn Tuyên phủ đồng tri Nguyễn Kính Điển (阮敬典) sang châu.

Năm thứ hai mươi lăm (1546), Phúc Hải chết, con là Hoành Dực (宏灝)² nối. Khi trước, Đặng Dung có nhận Nguyễn Kính (阮敬) người Thạch Thất làm con nuôi, phong làm Tây Ninh hầu³. Kính có người con gái gả cho con thứ của Phương Doanh là (Mạc) Kính Điển (敬典), nhân đó Kính mới tư thông cùng vợ Phương Doanh là Vũ thị, nên được chuyên cầm binh quyền. Hoành Dực lên ngôi, mới có năm tuổi, Kính càng phóng túng chuyên quyền. Người con thứ của Đặng Dung là Chính Trung (正中) cùng với Văn Minh tránh đến Đô Trai, bọn đồng bối là Nguyễn Như Quế (阮如桂), Phạm Tử Nghi (范子儀) cũng tránh về ở nơi đồng ruộng. Kính cử binh tiến bức Đô Trai, bọn Chính Trung, Như Quế, Tử Nghi chống trả, nhưng không thắng được. Chính Trung, Văn Minh bèn đưa gia quyến chạy sang Khâm Châu, Tử Nghi thu thập tàn quân trốn đến Hải Đông. Kính nói dối rằng Hoành Dực đã chết, lấy cớ nghênh lập Chính Trung, xâm phạm Khâm Châu, bị Tham tướng Du Đại Du (俞大猷) đánh bại, giết chết.

1. TT.BK.q16 chép: "Tân Sửu (1541)... Tháng Tám, ngày 22, Mạc Đặng Dung chết."

2. TT.BK.q16 chép tên là Phúc Nguyên (福源).

3. TT.BK.q16 chép là Tây quận công, sau lại thăng làm Tây quốc công.

Lúc Hoành Dực mới lên ngôi, sai sứ là Lê Quang Bí (黎光賚) sang cống, đến Nam Ninh, quan trấn thủ báo tin về. Lễ quan cho rằng nước ấy nội loạn, danh phận chưa định, ngăn sứ giả lại không cho đi, mà lệnh cho quan trấn thủ, hặc hỏi người đáng lập là ai. Đến năm thứ ba mươi (1551), việc rõ ràng, mới mệnh trao cho Hoành Dực làm Đô thống sứ, đến quan ái lĩnh điệp. Gặp lúc bộ mục là Lê Bá Ly (黎伯驪) và bể tôi của Lê Ninh là Trịnh Kiểm (鄭檢) hợp binh đến đánh, Hoành Dực chạy về Hải Dương, nên không đến được. Bọn Quang Bí lưu lại ở Nam Ninh đến mươi lăm năm, những người cùng theo sang sứ chết mất quá nửa. Hoành Dực phải cầu với quan trấn thủ xin triều đình giúp mình, mới được chiếu cho vào kinh, nhưng Đô thống cáo thân¹, vẫn phải đợi Hoành Dực đến cửa ái mới trao cho.

Năm thứ bốn mươi ba (1564), Hoành Dực chết, con là Mậu Hợp (茂洽) nối². Năm Vạn Lịch nguyên niên (1573), (Mậu Hợp) được trao Đô thống sứ. Năm thứ ba (1575), sai sứ sang tạ ơn, mừng Hoàng đế lên ngôi, và tiến phuơng vật. Lại bổ cống cho nhiều năm khuyết thiếu khi trước.

Bấy giờ, họ Mạc dần suy, họ Lê lại phục hưng, cùng đánh lẫn nhau, trong nước xảy nhiều biến cố. Mới đầu, Lê Ninh chiếm cứ Thanh Hoa, vẫn tiếm xưng đế hiệu³, năm Gia Tĩnh thứ chín (1530) đặt niên hiệu là Nguyên Hòa⁴, ở ngôi bốn năm, bị Đặng Dung tiến đánh, trốn sang địa giới Chiêm Thành. Người trong nước lập người em là Hiến (憲), đổi niên hiệu Quang Chiếu⁵. Năm thứ mươi lăm (1536), bể tôi tìm hỏi biết được nơi Ninh đang náu, mới đón về Thanh Hoa, sau lại dời đến sông Tất Mã. Ninh chết, đại thần của Ninh là Trịnh Kiểm lập con của Ninh là Sủng (寵)⁶. Sủng chết, không có con trai, người

1. Cáo thân: tức tín phù nhậm mệnh quan lại xưa, tương tự chứng nhận, hay văn bằng hiện nay.

2. TT.BK.q16 chép: "Tân Dậu (1561)... tháng Mười hai, Mạc Phúc Nguyên chết, con là Mậu Hợp lập."

3. Tức Lê Trang tông.

4. TT.BK.q16 chép Lê Trang tông lên ngôi năm 1533.

5. Sử nước ta không chép việc Lê Hiến và niên hiệu Quang Chiếu này.

6. Tức Trung tông Hoàng đế. TT.BK.q16 chép tên là Huyễn (煊).

trong nước cùng lập cháu năm đời của Lê Huy là Duy Bang (維邦)¹. Duy Bang chết, con Kiếm là Tùng (松) lập con của Duy Bang là Duy Đàm (維潭)², nối đời đóng ở Thanh Hoa, tự làm một nước.

Năm Vạn Lịch thứ mười chín (1591), Duy Đàm dần mạnh, cử binh đánh Mậu Hợp. Mậu Hợp thua, chạy sang huyện Gia Lâm. Mùa đông năm sau, Tùng dụ người địa phương làm nội ứng, đánh úp giết Mậu Hợp, đoạt được ấn Đô thống sứ, thân thuộc đồ đảng (của Mậu Hợp) phần lớn bị hại. Có kẻ là Mạc Đôn Nhượng (莫敦讓), chạy đến Phòng Thành cáo nạn, Tổng đốc Trần Cừ (陳蕖) báo lên triều đình. Tùng lại bắt Đôn Nhượng, thế càng thêm lớn. Con của Mậu Hợp là Kính Cung (敬恭)³ cùng người trong họ là bọn (Mạc) Lý Tốn (履遜) chạy sang châu Tư Lăng, Quảng Tây, Mạc Lý Cơ (莫履機) chạy sang Khâm Châu. Chỉ có Mạc Kính Bang (莫敬邦) có quân hơn mươi vạn, dấy binh ở đạo Kinh Bắc, đánh tan các quân của Phạm Bạt Tụy (范拔萃), Phạm Bách Lộc (范百祿) thuộc đảng của họ Lê, nên Đôn Nhượng lại được trả về. Quân chúng bèn suy tôn Kính Bang lên nắm quyền Đô thống, những người lưu ngự ở Tư Lăng, Khâm Châu đều quay về cả.⁴ Quân họ Lê đánh châu Nam Sách, Kính Bang bị giết, thế lực họ Mạc càng suy. Kính Cung (敬恭), Kính Dụng (敬用) đóng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Kính Chương (敬璋) đóng ở Tân An, Đông Hải, sợ quân họ Lê truy tìm, trốn đến địa giới Long Châu, Bằng Tường, bao thồ quan dâng trạng bẩm cáo với quan nha. Duy Đàm cũng đến quan ải xin vào cống, trên giấy tờ dùng dấu kim ấn quốc vương.

Năm thứ hai mươi mốt (1593), bọn Quảng Tây Tuần phủ Trần Đại Khoa (陳大科) dâng tấu rằng: “*Đất man đổi họ (vua) như đánh cờ, không nên coi việc phản phục ở nước ấy là thuận hay nghịch, chỉ nên coi việc nước ấy phản ta hay phục ta là nghịch hay thuận mà thôi. Nay*

1. Tức Lê Anh tông. TT.BK.q16 chép Duy Bang là cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ (黎除). Trừ là anh của Thái tổ Lê Lợi.

2. Tức Lê Thế tông.

3. TT.BK.q17 chép Mạc Kính Cung là con của Kính Điển.

4. TT.BK.q17 chép Mạc Kính Chỉ là con của Kính Điển tiếm ngôi, đặt niên hiệu là Bảo Định. Năm 1593, quân Kính Chỉ đóng ở huyện Thanh Lâm (chính là Nam Sách, Hải Dương) bị quân nhà Lê tiến đánh, Kính Chỉ bị bắt và xử trảm. Như vậy Mạc Kính Chỉ khá tương đồng với Mạc Kính Bang chép trong *Minh sử*. Xin ghi lại đây để bạn đọc tham khảo.

Duy Đàm tuy mưu tính khôi phục, nhưng Mậu Hợp vốn là ngoại thần của thiên triều, sao có thể không thỉnh mệnh mà hùng hổ đánh giết. Thần trộm nghĩ, cái tội tự ý dấy binh của họ Lê, không thể không hỏi đến. Mà những con cỏi sót lại của họ Mạc cũng không thể không bảo toàn. Nếu được như việc trước đây của tiên triều, bằng lòng cho họ Lê nạp khoản, mà vẫn bảo toàn cho họ Mạc, cũng như họ Lê được ở sông Tất Mã trước đây, khiến họ Mạc không đút đoạn tết tự, thì ấy là kế rất nên.” Đinh nghị cũng cho là như vậy. Năm sau, Đại Khoa mới cho người sang xem xét, Kính Dụng lập tức sai sứ đến cửa quân cáo nạn, và xin giúp binh. Mùa thu năm sau, Duy Đàm cũng sai sứ tạ tội, xin nạp khoản. Bấy giờ Đại Khoa đã làm Tổng đốc lưỡng Quảng, với Quảng Tây Tuần phủ Đới Diệu (戴耀) cùng ủy thác Tả Giang phó sứ Dương Dần Thu (楊寅秋) xử trí việc này. Dần Thu trộm tính, rồi nói: “Không cự Lê, cũng không bỏ Mạc, kế của ta đã định rồi.” Rồi sai quan sang cả hai phía hỏi han, thấy bọn Kính Cung đến bẩm cáo, nguyện ở đất Cao Bằng, mà sứ của Duy Đàm cũng mấy lần sang cầu nạp khoản. Dần Thu bèn hẹn kỳ với chúng rồi báo cả lên (Tổng) Đốc, (Tuần) Phủ. Gặp khi Kính Chương đem quân đến Vĩnh An, bị quân họ Lê đánh bại, đất Hải Đông, Tân An đều mất cả, vì vậy việc khoản nghị càng thêm dứt khoát. Khi ấy, Duy Đàm lấy danh nghĩa mưu đồ khôi phục, không muốn giống như Đăng Dung, phải tự trói mình sang ải quan. Dần Thu lại sai quan sang dụ, sứ giả của Duy Đàm sang báo theo như kỳ hẹn, đến ngày bỗng lại nói với quan coi ải là: “Sí tốt đói bệnh, khoản nghị chưa được đầy đủ. Vả họ Mạc là kẻ thù của ta, nay ở Cao Bằng, nên chưa dám nghe mệnh.” Rồi bèn nửa đêm trốn đi. Bọn Đại Khoa dâng sớ về triều, nói vì đại thần của Duy Đàm chuyên quyền thành ra như thế. Duy Đàm lại sai sứ đến cửa quan, bẩm rằng mình không trốn tránh. Bọn Đại Khoa lại sai quan khuyến dụ, Duy Đàm vâng mệnh.

Năm thứ hai mươi lăm (1597), (Duy Đàm) sai sứ xin hẹn, Dần Thu hẹn đến tháng Tư. Tới ngày, Duy Đàm đến ngoài ải, người thông ngôn cật vấn về sáu việc. Đầu tiên là việc tự ý giết Mậu Hợp, đáp rằng: “Nóng lòng phục cừu, nên không kịp thỉnh mệnh.” Thứ đến tông phái của Duy Đàm, đáp rằng: “Là con cháu dòng đích, tổ là Huy, từng

được thiên triều sắc mệnh.” Thú đến về Trịnh Tùng, đáp rằng: “Đó là bậc thế thần của họ Lê, chẳng phải là làm loạn họ Lê vậy.” Hỏi đến vì sao đang đêm bỏ trốn, đáp: “Vì các vật lỗ nghi không đủ, chứ không phải trốn.” Lại hỏi làm sao dùng dấu quốc vương, đáp: “Quyền tạm phỏng dụng, đã lập tức tiêu hủy.” Duy có việc cắt Cao Bằng cho họ Mạc ở, là còn giằng co không xong. Lại dụ bảo rằng: “Đều là bể tôi cống nạp của triều đình, họ Lê trước đây có thể ở sông Tát Mã, mà họ Mạc không thể ở Cao Bằng ư?” Duy Đàm bèn nghe mệnh, được trao cho các nghi tiết vào ải, khiến tập dượt cho thông thạo. Duy Đàm dẫn bộ hạ vào ải yết kiến màn ngự, theo như nghi thức cũ của Đặng Dung. Lại lui xuống gặp Dần Thu, xin theo lễ chủ khách, nhưng không cho, bắt lễ đủ bốn lạy mà lui. An Nam lại yên định. (Triều đình) xuống chiếu trao cho Duy Đàm chức Đô thống sứ, ban lich phụng cống, theo như việc cũ của họ Mạc.

Trước đây, Lê Lợi và Đặng Dung dâng người vàng thế thân, đều trói tay gông cổ. Duy Đàm cho là mình khôi phục danh chính, chỉ làm tượng đứng, vẻ mặt nghiêm trang. Hữu ty hiềm như vậy là ngông nghênh, lệnh cho làm lại, bèn làm thành hình tượng người phủ phục, trên lưng khắc chữ rằng: “*Thân, Lê Duy Đàm, cháu dòng đích họ Lê ở An Nam, không thể đích thân bò lết trước cửa trời, cung tiến người vàng thế thân, hối tội mà xin gia ơn.*” Từ đó, An Nam lại là của họ Lê, còn họ Mạc chỉ giữ một quận Cao Bằng.

Năm thứ hai mươi bảy (1599), Duy Đàm chết, con là Duy Tân (維新)¹ nối, Trịnh Tùng chuyên giữ quyền bính. Gặp khi tù trưởng Phan Ngạn (潘彥) làm phản, Duy Tân cùng Tùng rời vào giữ Thanh Hóa.²

Năm thứ ba mươi tư (1606) sai sứ sang cống, (triều đình) mệnh trao cho chức Đô thống sứ. Khi ấy, tông đảng họ Mạc phần lớn trốn tránh ra ngoài bờ biển, thường thường tiếm xưng danh hiệu là công, hầu, bá, xâm lấn biên cảnh, Duy Tân cũng không thể khống chế được. Quan trấn thủ truyền hịch hỏi tội, và nhiều lần phát binh tiêu trừ, tuy

1. Tức Lê Kính tông.

2. Việc này TT.BK.q18 chép năm 1600, Kế quận công Phan Ngạn làm phản. Trịnh Tùng cùng vua dời về Thanh Hóa, đến năm 1601 lại về Thăng Long.

nhất thời phá diệt, nhưng biên cương phải chịu rất nhiều khổ hại.

Duy Tân chết, con là Duy Kỳ (維祺)¹ nối. Năm Thiên Khải thứ tư (1624), (Duy Kỳ) phát binh đánh Mạc Kính Khoan (莫敬寬), hạ được, giết chết con trưởng, cướp lấy thê thiếp cùng con nhỏ đem về. Kính Khoan và con thứ trốn vào núi non, lại về Cao Bằng, thế lực càng thêm suy yếu. Nhưng đến hết đời Minh, hai họ còn chia nhau chiếm cứ, rốt không thể quy về một mối được.

Đất đô hội của An Nam ở Giao Châu, tức trị sở đô hộ đời Đường. Cương vực phía đông giáp biển, phía tây giáp Lào Qua, phía nam, vượt qua biển tức là nước Chiêm Thành, phía bắc liền với Tú Minh, Nam Ninh của Quảng Tây, Lâm An, Nguyên Giang của Vân Nam. Đất đai phì nhiêu, khí hậu nóng nực, thóc lúa một năm hai mùa. Tính người hung tợn. Hai châu Hoan, Diễn nhiều người văn học, hai châu Giao, Ái nhiều kẻ sĩ lỗi lạc, khác hẳn so với các nơi khác.

1. Tức Lê Thần tông.

V. THANH SỨ CÀO

QUYẾN 527 - THUỘC QUỐC 2

VIỆT NAM

Việt Nam, trước gọi An Nam. Đầu đời Thuận Trị, An Nam Đô thống sứ Mạc Kính Diệu (莫敬耀) đến quy phục, chưa kịp trao tước phong cho thì chết, ít lâu sau (triều đình) trao cho con là Mạc Nguyên Thanh (莫元清) làm An Nam Đô thống sứ.¹

Tháng Tám, năm thứ mười sáu (1659), Kinh lược đại học sĩ Hồng Thừa Trù (洪承疇) mới dâng tấu nói, nước An Nam sai mục lại là Ngọc Xuyên bá Đặng Phúc Tuy (鄧福綏), Triều Dương bá Nguyễn Quang Hoa (阮光華), mang tờ khai đến trước quân của Tín quận vương tống thành tâm nạp khoản.

Tháng Chín, năm thứ mười bảy (1660), Lê Duy Kỳ bắt đầu tự xưng Quốc vương, phụng biểu sang cống phuơng vật, Hoàng đế khen ngợi, ban thưởng cho lụa vân, bạch kim.

Năm thứ mười tám (1661), (Hoàng đế) ban sắc rằng: “Trẫm xét, sửa đúc khiến kẻ xa theo đến, là quy mô to lớn trong đời thịnh; Nạp khoản để về cùng nghĩa nhân, là đạo lý chính đinh của bể tôi. Đã tỏ lòng thành theo giáo hóa, thì nên tú mệnh để ban ơn. Khen khuyến trung lương, là lẽ chí trọng vây. Người, An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ,

1. CM.CB.q38 chép: “con Diệu là Kính Vũ nối nghiệp cha, tiếm xưng niên hiệu Thuận Đức, đặt tên giả là Nguyên Thanh”. TT.BK.q21 chép: “Mạc Kính Khoan, tước Thông quận công ở Cao Bằng mất. Con là Kính Vũ lại làm phản, tiếm đặt niên hiệu là Thuận Đức.” Như vậy Mạc Kính Diệu chính là Mạc Kính Khoan, năm 1625, Kính Khoan về hàng nhà Lê, đến năm 1638, con là Kính Vũ là chiếm đất làm phản.

xa xôi xú nóng, riêng giữ dân mình. Mà có thể quy phục thanh giáo, trước tiên sai sứ đến theo. Xem hết biểu văn, lòng trung thấy rõ. Lời xưa khen kẻ thúc thời là tuấn kiệt, vương có thể được đùu như vậy. Nay ban cho sắc chỉ khen dụ, vẫn trao cho khanh quan chức, cùng các thứ tha nhân cẩn¹, tiền bạc, y phục. Sai một viên thông sự tự ban đưa tiễn đến Quảng Tây, dọc đường đi cho quân mã hộ tống dẫn đường ra khỏi biên giới. Khanh nhận ân sủng này, hãy càng khích lệ lòng trung, mãi làm phên dậu, nghiêm cẩn chức công, tiếp nối không thôi vậy. Kính cẩn thay!" Không lâu sau, thì Duy Kỳ chết, con là Duy Đê (維禔)² nối. Ít lâu, (Duy Đê) lại chết, con là Duy Hi (維禧)³ nối.

Tháng Mười một, năm Khang Hy thứ hai (1663), Duy Hi sai bọn Lê Hiệu (黎敎) mang biểu sang ta, và cống phương vật.

Tháng Hai, năm thứ ba (1664), (triều đình) sai Nội viện biên tu Ngô Quang (吳光), Lê bộ ty vụ Chu Chí Viễn (朱志遠), sang dụ tế quốc vương cũ là Duy Kỳ, Duy Đê.

Tháng Năm, năm thứ năm (1666), Duy Hi nộp trả ấn và sắc đài Vĩnh Lịch của nhà Minh trước đây, (Hoàng đế) sai Nội quốc sử quán Hàn lâm học sĩ Trình Phương Triêu (程方朝), Lê bộ lang trung Trương Dịch Bí (張易賁) sang sách phong cho Duy Hi làm An Nam quốc vương, ban cho ấn bạc mạ vàng num hình lạc đà.⁴

Năm thứ sáu (1667), Duy Hi đoạt đất Cao Bằng của Đô thống sứ Mạc Nguyên Thanh, Nguyên Thanh chạy sang Vân Nam, dâng sớ thưa kêu, Hoàng đế mệnh cho an trí ở Nam Ninh. Duy Hi cũng dâng sớ nói rõ đầu đuôi việc hưng binh phục thù. Trước đây, năm Chính Đức thứ mười một đời Minh, Xã đường thiêu hương quan Trần Cảo giết vua là Trửu⁵ tự lập, bê tôi của Trửu là Đô lực sĩ Mạc Đăng Dung

1. Chữ Hán: 銖仁根, chưa rõ là thứ gì.

2. Tức Lê Chân tông. TT.BK.q18 chép tên là Duy Hựu (維祐).

3. Tức Lê Huyền tông. TT.BK.q19 chép tên là Duy Củ (維禡). (Có sách phiên là Vũ, chưa chính xác.) Đồng thời chép, Chân tông không có con nối, Thần tông lại trở lại làm vua từ 1649 đến 1662. Huyền tông là con Thần tông, em Chân tông.

4. TT.BK.q19 chép việc này ở năm 1667.

5. Nguyên Thanh sử cáo có chép là "Mạc Trửu", nhưng ở dưới lại chép "con của Huệ là Lê Bình" nên có thể thấy là đã có chút lầm lẫn vậy. Người dịch bỏ chữ "Mạc" để bạn đọc dễ theo dõi.

đánh giết Cảo, lập con của anh Trửu là Huệ. Năm Gia Tĩnh nguyên niên, Đăng Dung đuổi Huệ, tự lên làm vua, con Huệ là Lê Bình (黎平)¹ chiếm cứ Thanh Hóa tự thành một nước. Sau, họ Mạc dần suy, chỉ giữ một quận Cao Bằng, thế ngày càng yếu. Đến đây, Hoàng đế sai Nội viện thị độc Lý Tiên Căn (李仙根), Binhh bộ chủ sự Dương Triệu Kiệt (楊兆傑) mang sắc sang dụ Duy Hi, đem đất và dân Cao Bằng trả cho Mạc Nguyên Thanh², “ai nấy giữ đất của mình, cùng làm trọn phiến chức.” Trước đây, An Nam quy định ba năm một lần sang cống. Năm thứ bảy (1668), Duy Hi dâng sớ xin cho sáu năm mang hai lễ cống cùng sang một lần, Hoàng đế cho được như lời xin. Năm thứ tám (1669), bọn sứ thần Lý Tiên Căn về nước, Duy Hi dâng sớ phúc đáp, nói rằng tuân chỉ đem đất đai và nhân dân phủ Cao Bằng, Thạch Lâm, Quảng Nguyên, Thượng Lang, Hạ Lang trả cho Mạc Nguyên Thanh. (Tiên Căn) nhân lâu rằng, đất đai mà Lê Duy Hi phải đem trả (họ Mạc), vẫn còn hai châu Bảo Lạc, Thất Nguyên, cùng mười hai tổng xã như Côn Lôn, Kim Mã... chưa hoàn trả, xin Hoàng đế lại sắc dụ cho trả lại toàn bộ, nhưng Hoàng đế không cho. Năm ấy, Lê Duy Hi chết, em là Lê Duy Triện (黎維綱)³ quyền coi việc nước.

Tháng Giêng năm thứ mười ba (1674), Duy Triện vì việc báo tang, sai bọn bồi thần Hồ Sĩ Dương (胡士揚) sang dâng tuế cống cho ba năm: Khang Hi thứ tám đến Khang Hi thứ mười một, sớ rằng: “*Tiên vương thần nối đời giữ đất An Nam, vì nghịch thần Mạc Đăng Dung thoán thí, nhờ có ông tổ của Phụ chính Trịnh Úc (鄭憲)⁴ mới tiêu trừ khôi phục lại được. Di nghiệt của nghịch Mạc soán chiếm Cao Bằng, lúc theo lúc phản. Đến Mạc Nguyên Thanh, sợ thần hỏi tội, mới trốn sang nội địa (quý quốc) xin hàng. Năm Khang Hi thứ tám, phụng mệnh sai trả đất Cao Bằng, thần Duy Hi kính phụng mệnh vua, dám đâu không sợ hãi mà tuân theo. Nhưng Mạc Nguyên Thanh là kẻ thù không đội trời chung với thần, Cao Bằng là đất nối đời phải giữ, nay phản*

1. Tức Lê Trang tông, Minh sử và sử ta chép tên là Ninh.

2. TT.BK.q19 chép việc Lý Tiên Căn sang sứ nước ta ở năm 1669 và “đình thần giải thích, biện bác với sứ Thanh, đi lại đến vài bốn lần...”

3. Tức Lê Gia tông. TT.BK.q19 chép tên là Duy Cối (維榦).

4. Lúc bấy giờ chúa Trịnh đang là Trịnh Tạc (鄭柞), có lẽ Úc là tên trên văn thư giao thiệp với nhà Thanh của Trịnh Tạc.

nghịch trộm chiếm cứ, họa ngay trong tường vách. Khẩu bẩm ơn trời, xin cho Cao Bằng trả thuộc về bản quốc. Hơn nữa, Mạc Nguyên Thanh còn có lời thề, và trong văn tế cha y là Mạc Kính Diệu, có câu rằng: ‘mưu nghịch thiên triều’. Nay kính cẩn trình lên, và tiến cống phuong vật.” Việc đưa xuống các bộ nghị bàn, ít lâu, có lời nghị rằng: “Trước đây, Duy Hi có lui trả cho Mạc Nguyên Thanh đất Cao Bằng, mà giao ước lại hòa hảo với nhau. Nay Duy Triện tuy nói rằng thu được thư thề, văn tế, nhưng vẫn ấy đã lâu ngày, lời thề cũng là đứng tên Mạc Kính Diệu, hoặc có được từ khi Kính Diệu hãy còn sống, hoặc có được từ Nguyên Thanh ngày nay, rất khó định liệu, nên súc cho Duy Triện tra rõ mà đưa lên rồi mới lại bàn được.” Hoàng đế bằng lòng.

Năm thứ mười bốn (1675), Lê Duy Triện chết, em là Duy Chinh (維正)¹ tạm quyền coi việc nước.

Năm thứ mười sáu (1677), Hoàng đế dụ Duy Chinh rằng: “Nghịch tặc Ngô Tam Quế (吳三桂), nhân sự biến của Sấm tặc² cuối đời Minh, mà ủi thân tha giặc, vì có cha bị giết bởi tay giặc, đương cùng đến theo, ta nghĩ lòng thành đầu hàng, ban cho vương tuốc. Đáng phải cảm ơn báo đáp, dốc sức trung thành. Nào ngờ hắn săn chất gian hung, ngầm kế gian trú, âm mưu vô pháp, tự gây mối thù, xin xỏ dời đi, bèn tạo phản nghịch, xúi hoặc gian tặc, đồ thần sinh linh. Trãm liên năm sai quân chinh thảo, Tân, Lũng đã định, Mân, Việt dẹp yên, duy Ngô Tam Quế còn trộm chiếm một góc, tạm qua sớm tối. Nay đại binh tụ tập, e hắn bỏ chạy, trốn xuống Linh Nam. Nhân thấy vương nhiều đời là phên đậu, trung thành với thiên triều, kẻ loạn thần tặc tử, ắt coi như kẻ thù chung. Nay đã sai các quân rầm rộ đánh dẹp, bình định Việt tây, tiến lấy Điền, Kiềm³. Nước khanh tiếp giáp cõi bờ, vốn hiểu rõ hình thế, vương hãy tuyển chọn tướng sĩ, hiệp lực tiêu trừ, việc khen thưởng công lao, triều đình đã săn điển lệ. Kính thay! Chớ phụ mệnh trãm.”

Năm thứ mười tám (1679), tháng Mười một, Duy Chinh có sớ mừng đại tiệp, rằng: “Nghịch tặc Ngô Tam Quế, gây biến loạn mấy

1. Tức Lê Hi tông. Tcb.q20 chép tên là Duy Hợp (維裕) (có sách phiên là Cáp).

2. Chỉ Lý Tụ Thành, thủ lĩnh khởi nghĩa cuối đời Minh, tự xưng là Sấm vương.

3. Điền, Kiềm: Điền tức Vân Nam, Kiềm tức Quý Châu.

năm, ngăn trở đường sang cống của thần. Lại mấy phen hiếp dụ, bức phỉ theo phục, nhưng thần một mực ngu trung, chẳng dám đổi tiết. Nhưng có nghịch thần Mạc Nguyên Thanh bí mật giao kết với Ngô Tam Quế, cho lẩn trốn vào Cao Bằng, mưu đồ tập kích. Nay nguyện nhờ oai trời, truy bắt nghịch đảng, nghiêm trị tội trạng, để bên vững phên dậu.” Hoàng đế bàng lòng.

Năm thứ hai mươi mốt (1682), tháng Chín, Duy Chinh sai bồi thần là bọn Giáp Toàn (甲全)¹ dâng biểu mừng dẹp yên Mân, Việt, và tiến phuơng vật tuế cống. Lại xin tặng cho cố vương Duy Triện, (triều đình) nghị tặng như lệ. Bấy giờ những đồ vàng bạc khí cụ (An Nam) cống sang không vừa với đồ nội cung, chiếu miễn truy cầu, những đồ cống khác lại chước giảm các thứ lụa trắng, hương giáng chán, hương thè...

Năm thứ hai mươi hai (1683), tháng Tư, sai Hàn lâm viện thị độc Minh Đồ (明圖), Hàn lâm viện biên tu Tôn Trác (孫卓)², sách phong Lê Duy Chinh làm An Nam quốc vương, Hoàng đế ngự thư bốn chữ “Trung Hiếu Thủ Bang” tặng cho. Đồng thời sai Hàn lâm viện thị độc Ô Hắc (鄖黑), Lê bộ lang trung Châu Xán (周燦) sang dụ tể cố vương Duy Hi, Duy Triện. Khi ấy Mạc Nguyên Thanh đã chết, em trai là Kính Quang (敬光) bị họ Lê đánh bại, đem bộ thuộc sang theo, Hoàng đế mệnh đưa về An Nam. Ít lâu sau thì Kính Quang bị ốm chết ở Tứ Thành, thổ phủ họ Mạc bèn tuyệt.

Năm thứ hai mươi lăm (1686), ban tặng cho An Nam quốc vương vải lụa năm mươi tấm, lấy làm lệ thường.

Năm thứ ba mươi sáu (1697), Duy Chinh tâu rằng, ba nơi Ngưu Mã, Hồ Điện, Phố Viên bị thổ ty giáp biên xâm chiếm, xin cho trả lại. Hoàng đế hỏi Vân Nam Tuần phủ Thạch Văn Thạnh (石文晟), biết rằng đất ấy đã thuộc phủ Khai Hóa hơn ba mươi năm, chẳng phải là đất cũ của An Nam, bèn gửi giấy quở trách.

Năm thứ năm mươi bảy (1718), tháng Mười, Lê Duy Chinh qua

1. *TcB.q20* chép là Thân Toàn (申璿). Chữ Thân (申) cũng gần giống chữ Giáp (甲).

2. *TcB.q20* chép là Tôn Trác Vinh (孫卓榮).

đời, con nối là Duy Đào (維德)¹ cho báo tang, xin tập phong và phụ cống phương vật.

Năm thứ năm mươi tám (1719), tháng Hai, sai Nội các trung thư Đặng Đình Triết (鄧廷喆), Hàn lâm viện biên tu Thành Văn (成文) sang dụ tể cố vương Lê Duy Chinh, kiêm sách phong Duy Đào làm An Nam quốc vương.

Năm Ung Chính thứ hai (1724), Duy Đào sai bối thần mang biểu sang mừng vua lên ngôi, phụ cống phương vật. Hoàng đế ngự thư bốn chữ “Nhật Nam thế tộ”² ban cho.

Năm thứ ba (1725), Vân Nam Tổng đốc Cao Kỳ Trác (高其倬) tâu rằng: “Phủ Khai Hóa, Vân Nam, giáp giới với An Nam, trong khoảng từ ngoài đồn Mã Bá phủ Khai Hóa bốn mươi dặm, đến sông nhỏ dưới núi Diên Xưởng, có sáu trại của xã Phùng Xuân, vẫn sách cho nộp hơn mươi hai thạch lương vụ thu. Năm Khang Hi thứ hai mươi tám (1689), nhập vào An Nam. Lại xét sách *Vân Nam thông chí* chép: từ huyện Văn Sơn, phủ Khai Hóa về phía nam hai trăm bốn mươi dặm đến sông Đổ Chú là ranh giới với An Nam. Nay từ phủ Khai Hóa đến đồn Mã Bá hiện đóng, chỉ một trăm hai mươi dặm, tính đến sông nhỏ dưới núi Diên Xưởng, cũng chỉ một trăm sáu mươi dặm, như vậy là phía ngoài sông nhỏ ở núi Diên Xưởng còn tám mươi dặm, trong có đặt hai xưởng là Đô Long, Nam Đan, là địa phận cũ của Vân Nam. Tuy là bị mất ở đời Minh trước, nhưng phong cương là việc hệ trọng, đều nên đồng loạt tra rõ, ủy cho khám xét lập mốc giới.” Hoàng đế dụ: “Các xứ Đô Long, Nam Đan, cuối đời Minh đã nhập vào An Nam, thì việc xâm chiếm không phải ở triều ta. Từ khi An Nam về theo triều ta đến nay, nối đời cung thuận, không nên tranh nhau với họ vài thước đất.” Ít lâu sau, Duy Đào dâng sớ biện minh. Tổng đốc kế nhiệm là Ngạc Nhĩ Thái (鄂爾泰) cũng dâng sớ xin lập mốc giới ở sông nhỏ dưới núi Diên Xưởng cách đồn Mã Bá bốn mươi dặm. Duy Đào lại có sớ trình thưa.

1. Tức Lê Dụ tông. CM.CB.q34 chép tên là Duy Đường (維塘). Lê Dụ tông lên ngôi năm 1706, nhưng đến năm 1718 mới sai sứ sang cáo tang và xin phong tước.

2. Thế tộ: ngai báu, ngôi vị truyền đời.

Năm thứ năm (1727), có chiếu dụ Duy Đào rằng: “Trẫm thống ngự thiên hạ, phàm những nước bê tôi, chẳng đâu không phải đất của ta, hà tất phải so đo bốn mươi dặm đất cỏn con ấy. Nhưng, phân cương định giới, chính vụ trước tiên, đất gần cõi xa, sự cùng nhât thế. Nay, viễn phiên Mông Cổ, phụng tuân chỉ dụ, chẳng dám không kính theo, há đâu nước khanh trước nay vẫn xưng là nước lẽ nghĩa, riêng lại trái vượt ra ngoài đức hóa ư? Quốc vương bất tất phải hiêm vì bị xâm chiếm nội địa, mà khăng khăng tranh biện. Đó là cái lầm của người trước chúa chẳng phải lỗi của vương vậy. Vương chỉ nên yên tuân theo dụ chỉ, trẫm không đòi hỏi gì nhiều, nếu lại có ý chậm trễ trao trả, để mất lòng cung thuận trước, thì sẽ tự chuốc lỗi lầm, lòng nhân từ nghĩ đến cõi xa của ta, há có thể mong được nữa? Vương hãy yên thuận, chờ trái mệnh trẫm!” Duy Đào cảm hối, dâng tấu tạ lỗi. Hoàng đế nhân lấy bốn mươi dặm ngoài đồn Mã Bá ban cho Duy Đào, vẫn lấy sông Đồ Chú ở đồn Mã Bá làm ranh giới.

Năm thứ sáu (1728), tháng Ba, (triều đình) sai Phó đô ngự sử Hàng Dịch Lộc (杭奕祿), Nội các học sĩ Nhâm Lan Chi (任蘭枝) sang An Nam tuyên dụ, đại lược nói: “Vương nay tự hối mê chấp, tâm tình lời nói đều cung cẩn, trẫm đặc ban ơn riêng, lập tức đem bốn mươi dặm đất ngoài đồn Mã Bá, vẫn ban tặng cho quốc vương nối đời trấn giữ.” Ít lâu, lại dụ Ngạc Nhĩ Thái rằng: “Trẫm đã gia ơn cho ngoại phiên, cũng nên thuận theo tiện nghi của dân. Nhân dân trong khoảng bốn mươi dặm ấy, nếu có ai muốn dời vào ở trong nội địa, khả tu cấp cho để an cư ở tỉnh Đài Loan, chờ để họ phải lưu tán. Còn ai nguyện ở lại ngoại phiên theo An Nam quản hạt, thì cũng thuận cho tùy nghi.”

Năm thứ mười một (1733), tháng Mười một, Lê Duy Đào qua đời, tự vương Duy Hỗ (維祜)³ nhận sang báo tang, xin tập phong và phụ cống phuơng vật.

3. TcB.q21 chép năm 1729, Dụ tông nhường ngôi cho con thứ là Lê đế Duy Phùờng, còn mình làm Thái thượng hoàng. Đến tháng Giêng năm 1731 thì Dụ tông mất. Đến năm 1732, chúa Trịnh Giang phế Duy Phùờng mà lập con trưởng của Dụ tông là Duy Tường (維祥) làm vua, tức Lê Thuần tông. CM.CB.q37 có chép việc năm 1733 sai sứ sang cáo tang và cầu phong với nhà Thanh. Như vậy Duy Hỗ trong *Thanh sử cáo chính* là Duy Tường.

Năm thứ mươi hai (1734), tháng Hai, sai Hàn lâm viện thị độc Xuân Sơn (春山), Bình khoa cấp sự trung Lý Học Dụ (李學裕) sang dụ tể cố vương Duy Đào, và sách phong Duy Hỗ làm An Nam quốc vương.

Năm thứ mươi ba (1735), Lê Duy Hỗ qua đời, em là Duy Y (維禕)¹ quyền giữ việc nước.

Năm Càn Long thứ hai (1737), Duy Y nhận sang báu tang, xin tập phong. (Triều đình) sai Hàn lâm viện thị độc Tung Thọ (嵩壽), Tu soạn Trần Đàm (陳倓), sang dụ tể cố vương Duy Hỗ, sách phong Duy Y làm An Nam quốc vương.

Năm thứ ba (1738), tháng Chín, Duy Y sai sứ phụng biểu mừng Càn Long lên ngôi, và cống phuơng vật.

Năm thứ chín (1744), tháng Chín, Tổng đốc lưỡng Quảng là Mã Nhĩ Thái (馬爾泰) tâu: “Có tên gian ở Việt Tây là Diệp Trăn (葉蓁) tự ý trốn ra ngoại di, dụ dỗ làm phi, dân đói ở An Nam lưu tán đến các xứ Ninh Minh.” Hoàng đế mệnh cho các quan ải ở biên giới các tỉnh Điện, Việt tiếp giáp với An Nam, phải kiểm tra nghiêm ngặt, không để xảy ra sự đoan. Tiếp theo Lưỡng Quảng Tổng đốc Mã Nhĩ Thái, Quảng Tây thụ phủ Thác Dung (托庸), Đề đốc Đậu Bân (豆斌) tâu rằng: “Các ải Lư, Mông ở Thiên Long thổ động thuộc phủ Nam Ninh, các ải Xuyên, Hoang ở Tư Lăng thổ châu thuộc phủ Thái Bình, các ải Hạ, Thủ ở Hạ Lôi thổ châu thuộc phủ Trấn Nam, tổng cộng là hơn ba mươi cửa khẩu, đều gần sát An Nam, nên chất đá dựng rào, thêm gác, tăng binh. Các thổ ty đem quân thổ dũng bản hạt, chặn nơi hiểm yếu mà canh tuần, và súc cho quan địa phuơng tháng mùa đông hàng năm phải kiểm tra tu sửa mà thông báo lên. Xứ Khu Lư² của An Nam là nơi hàng hóa tụ tập, rất gần với Do Ái. Việc theo lối Do Ái ra vào, trước nay vẫn đặt lệnh cấm, mở ra thực tiện cho dân buôn bán. Nên đặt chức Khách trưởng, kê khai thương nhân qua lại, và yêu cầu quan lại địa phuơng cẩn thận tra xét. Đến hai cửa quan Bình Nhi, Thủy Khẩu, thông với các đất Thái Nguyên, Mục Mã, nên đặt xích sắt

1. Tức Lê Ý tông. *TcB.q22* chép tên là Duy Thận (維祿).

2. Có lẽ là Kỳ Lừa, Lạng Sơn.

chặn ngang sông, chỉ ngày năm, ngày mười mới cho mở để thông thương.” Hoàng đế bắng lòng.

Trước đây, men theo biên giới của châu Tư Lăng, Quảng Tây, tiếp giáp với An Nam, Tuần phủ Thư Lộ (舒輅) xin cho trồng tre để chặn việc tự ý vượt biên. Những thổ, mục ở Bằng Tường, Tư Lăng có kẻ thừa cơ xâm chiếm đất của An Nam, người Giao không cam lòng, nên thường xuyên tranh giành nhau.

Năm thứ mươi sáu (1751), Tổng đốc Tô Xương (蘇昌) tâu báo, Hoàng đế dụ Thư Lộ xuống nơi xét nghị. Bọn thổ phỉ người Dao của An Nam là Bàn Đạo Kiêm (盤道鉗), Đặng Thành Ngọc (鄧成玉) mưu loạn, làm áo bào vàng, cờ vàng, ấn gỗ, câu kết với dân di trong nội địa là bọn Hà Thánh Liệt (何聖烈), rải thư chiêu dụ đảng phỉ, mưu đánh các xứ Đô Long, An Bắc, Nghi Kinh, bị binh mục An Nam dò biết được, bắt bọn Hà Thánh Liệt, bọn Bàn Đạo Kiêm trốn ẩn vào trong rừng rú.

Năm thứ mươi chín (1754), đầu mục ở Hà Sa, Bát Bảo của An Nam là Hoàng Quốc Trân (黃國珍) dụ bắt được Bàn Đạo Kiêm, Đặng Thành Ngọc. Vân Quý Tổng đốc Thạc Sắc (碩色) hỏi rõ sự thực, tấu báo triều đình trị tội. Trước đây, thổ phỉ ở Quảng Đông là Lý Văn Quang (李文光) cùng với thổ hào họ Nguyễn ở Thuận Hóa mưu chiếm cứ các xứ Lộc Lại, Đồng Nai làm loạn, bị phiên quan bắt được giam vào ngục.

Năm thứ hai mươi mốt (1756), đóng cũi giải bọn Lý Văn Quang mươi sáu người đến Phúc Kiến, Mân Triết Tổng đốc Khách Nhĩ Cát Thiện (喀爾吉善) tấu rằng: “Đất man hoang xa xôi An Nam không dám tự ý trú giết Lý Văn Quang, nên cho đưa về thỉnh thị, đủ để tỏ rõ lòng thành thực quy phục. Nên đem bọn Lý Văn Quang chiêu theo tội giao kết với ngoại quốc, mà đưa đi các nơi trừng trị.” Hoàng đế bắng lòng.

Năm thứ hai mươi hai (1757), tháng Sáu, phiên thuyền của An Nam bị gió đánh, trôi dạt đến đồn Vĩnh Ninh, (quan binh) đem quân ra thủ hộ, tư cấp đưa về, và thu giữ những đồ quân giới của họ, khi về thì đưa trả. Hoàng đế dụ rằng: “Thu lấy khí giới bỏ kho, rất là phi lễ, khá ban dụ cho quan binh trấn giữ duyên hải biết rõ.”

Năm thứ hai mươi lăm (1760), Mân Triết Tống đốc Ái Tất Đạt (愛必達), tâu rằng: “Bạn Sa phỉ ở biên cảnh An Nam cùng với Giao mục Tô Do làm loạn, lan đến hai trại Mạn Trác, Mã Lộc cướp bóc gây họa. Đã báo cho quốc vương (An Nam) bắt giải sang.” Hoàng đế đem việc thường nhật tuân phong không nghiêm, lâm thời truy bắt không nổi, mà trách mắng nặng nề.

Năm thứ hai mươi sáu (1761), Lê Duy Y qua đời, tự vương là Duy Đoan (維端)¹ nhân báo tang, xin tập phong. (Triều đình) sai Hàn lâm viện thị độc Đức Bảo (德保), Đại lý tự thiếu khanh Cố Nhữ Tu (顧汝修) sang dụ tế cố vương Duy Y, sách phong Duy Đoan làm An Nam quốc vương. Duy Đoan định lấy lễ năm lạy thờ trời của nước ấy mà thụ phong, bọn Đức Bảo cho là không được, bắt theo như nghi thức mà thành lễ. Cố Nhữ Tu ra khỏi địa giới, đem việc An Nam vương đón tiên nghi tiết chưa chu đáo, gửi thư trách cứ. Quảng Tây Tuần phủ Hùng Học Bằng (熊學鵬) tâu chuyện đó lên, Nhữ Tu bèn bị cách chức.

Năm thứ hai mươi bảy (1762), tháng Ba, Hoàng đế dụ cho bể tôi bộ Lễ rằng: “An Nam nối đời là thuộc quốc, phàm gấp khi sứ triều đình sang nước ấy sách phong, tự nên tuân hành theo lễ ba lân quỳ, chín lân khấu đầu. Quốc vương nước ấy ở nơi tiểu bang kiến thức thô lậu, cùng với sứ sách phong bàn thảo nghi thức quỳ bái, Đức Bảo, Cố Nhữ Tu đã chỉ dẫn cho thành lệ, sau trước kính tuân. Ngoại phiên không tường thể chế, bộ thần nên tuyên thị trước cho hay. Từ sau, gấp các việc sách phong ở An Nam, thì nên đem những điển lễ phải làm cùng các nghi tiết quỳ bái trước sau phải tuân hành nói cho chánh phó sứ biết, khiến mãi mãi tuân theo. Hãy lấy đây làm lệnh!”

Năm thứ ba mươi tư (1769), hậu duệ họ Mạc ở An Nam là Hoàng Công Toản (黃公纘)² chiếm cứ trại Manh Thiên của Nam Chưởng, họ Lê đến bức, bèn đem thuộc hạ chạy sang nội địa hàng, Duy Đoan xin đòi về trị tội, (triều đình) bèn gửi hịch mà trách cứ.

1. Tức Lê Hiển tông. *Tcb.q22* chép tháng Năm năm 1740, Lê Ý tông nhường ngôi cho cháu là Duy Diêu (維祧). Tới năm 1759, tháng Sáu nhuận Ý tông mất, tháng Mười một sai chính sứ là Trần Huy Mật (陳輝密) và phó sứ là Lê Quý Đôn (黎貴惇) sang cống và báo việc Ý tông mất.

2. Hoàng Công Toản là con của Hoàng Công Chất.

Năm thứ bốn mươi ba (1778), An Nam giải những giặc phi lẩn trốn vào cửa quan nộp, ban thưởng cho Duy Đoan vải đoạn tám.

Năm thứ bốn mươi sáu (1781), Duy Đoan sai sứ sang tạ ơn, cống phuơng vật. Hoàng đế mệnh cho thu nhận, lần chính cống sau thì cho giảm đi một nửa, và sai từ nay về sau trong những biểu tấu trân tạ, không cần phải kèm theo lễ vật. Tháng Năm, có dụ cho bộ Lễ rằng: “Năm nay cống sứ nước An Nam đến kinh, thì mệnh cho quan trong bộ lấy một người dẫn họ đến Nhiệt Hà thăm và yết kiến.”

Năm thứ bốn mươi chín (1784), Hoàng đế nam tuân, bồi thần An Nam là bọn Hoàng Trọng Chính (黃仲政), Lê Hữu Dung (黎有容), Nguyễn Đường (阮堂), nghênh đón yết kiến ngoài Nam thành, đều ban cho tiền lụa nhiều ít khác nhau, đặc tú cho quốc vương biển ngạch để bốn chữ “Nam Giao Bình Hàn”.

Năm thứ năm mươi mốt (1786), họ Nguyễn ở An Nam gây biến.

Trước đây, niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, An Nam vương Lê Duy Đàm phục quốc, thực là nhờ sức của hai bê tôi là họ Nguyễn và họ Trịnh, từ đó hai họ nối đời trở thành phụ chính tả hữu. Sau, hữu phụ chính thừa cơ họ Nguyễn chết, con nối còn nhỏ, bèn kiêm nhiếp cả tả phụ chính mà chuyên quyền nước, cho họ Nguyễn ra Thuận Hóa, gọi là Quảng Nam vương. Họ Nguyễn, họ Trịnh thành kẻ thế cùu liên tục giao tranh với nhau. Kịp đến đời Lê Duy Đoan, thực quyền càng thêm kém, chỉ giống như ngôi giữ vương phủ mà thôi. Phụ chính Trịnh Đống (鄭棟)¹ bèn giết Thế tử, giữ kim ấn, mưu soán quốc, nhưng còn ngại Quảng Nam binh mạnh, mới dụ những thò hào đất ấy là Nguyễn Nhạc (阮嶽), Nguyễn Huệ (阮惠), cùng đánh Quảng Nam vương, diệt họ Nguyễn ở Phú Xuân. Nguyễn Huệ bèn tự làm Thái Đức vương², Trịnh Đống tự làm Trịnh Tĩnh vương, hai bên không chịu kém nhau, Duy Đoan không thể làm thế nào được.

Kinh đô của An Nam gọi là Đông Kinh, tức đất Giao Châu, trị sở đô hộ ở An Nam của nhà Đường xưa, mà lấy hai đạo Quảng Nam, Thuận Hóa làm Tây Kinh - tức là đất Nhật Nam, Cửu Chân xưa, nơi

1. Tức là Trịnh Sâm (鄭森).

2. Ở đây *Thanh sử* cáo chép khác sử ta, Nguyễn Nhạc mới xưng là Thái Đức Hoàng đế.

Lê Duy Đàm khởi binh - với Đông Kinh giữa còn cách một cửa biển, nối đồi là cù đia của họ Nguyễn ở Quảng Nam, binh mạnh hơn An Nam. Đến bấy giờ, Trịnh Đống chết, Nguyễn Huệ thấy họ Trịnh chuyên quyền nước, lòng người không theo, bèn lấy danh nghĩa là diệt họ Trịnh, công phá kinh thành nhà Lê, đánh diệt con của Trịnh Đống là Trịnh Tông (鄭宗), họ Nguyễn lại chuyên quyền nước. Duy Đoan thường công cho đất hai quận, lại đem con gái gả cho.

Năm thứ năm mươi hai (1787), Duy Đoan chết, Tự tôn là Duy Kỳ (維祁)¹ lập, Nguyễn Huệ cho voi chở hết đồ trân bảo vào Quảng Nam, sai bể tôi của họ Trịnh là Cống Chính (貢整)² lưu lại trấn giữ đô thành. Cống Chính nghĩ muốn giúp Lê chống Nguyễn, bèn lấy vương mệnh đem quân đoạt lại năm mươi thớt voi, trong khi Nguyễn Nhạc ở Quảng Nam cũng muốn đoạt lấy những khí giới xe cộ (của Nguyễn Huệ). Nguyễn Huệ về, sửa thành trì ở Phú Xuân, sai tướng của mình là Nguyễn Nhậm (阮任)³ đem mấy vạn quân ra đánh Cống Chính ở quốc đô. Chính chiến tử, Duy Kỳ đào vong, Nguyễn Nhậm bèn chiếm cứ Đông Kinh, canh giữ những nơi hiểm yếu bốn phía, có chí muốn tự làm vương.

Năm thứ năm mươi ba (1788), mùa hạ, Nguyễn Huệ lại đem binh ra giết Nguyễn Nhậm ở Đông Kinh, mà mời Duy Kỳ về phục vị. Duy Kỳ biết là khó mà lường, không dám ra. Huệ biết lòng dân không theo, phá hủy hết vương cung, đem các con trai, con gái cùng ngọc lụa xuống thuyền chở vào Phú Xuân, lưu lại ba ngàn quân giữ Đông Kinh. Có Phủ đốc Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc, bảo vệ mẹ, vợ và tôn tộc của Duy Kỳ hai trăm người từ Cao Bằng lên thuyền trốn đi xa đến Khê Hà ở Bác Nâm, là biên giới Long Châu, phủ Thái Bình, Quảng Tây, liều chết vượt sông sang bờ bắc, những người không kịp vượt sông, đều bị quân truy đuổi giết chết hết. Lưỡng Quảng Tống đốc Tôn

1. Tức Lê Chiêu thống. Lê Chiêu thống là cháu Lê Hiển tông nên *Thanh sử cảo* chép là Tự tôn - cháu nối ngôi. *TcB.phụ chép* giải thích rằng Chiêu thống tuy đã đăng biểu cầu phong, nhưng chưa sáu sứ sang báo tang (Hiển tông) nên nhà Thanh coi là chưa hợp lễ, do vậy chưa cấp ấn triện quốc vương, vẫn gọi là Tự tôn. Đến khi Tôn Sĩ Nghị tới Thăng Long mới ban sách phong và ấn triện cho Lê Chiêu thống là nguyên do vậy.

2. Tức Nguyễn Hữu Chính.

3. Tức Vũ Văn Nhậm.

Sĩ Nghị (孫士毅), Quảng Tây Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh (孫永清) trước sau tấu báo về triều, lại nói: “Phá, giữ, cho, đoạt, xin theo mệnh vua”. Hoàng đế thấy họ Lê giữ phiên phụng cống đã hơn trăm năm, nên xuất quân hỏi tội, để hưng diệt kế tuyệt. Trước tiên bố trí cho gia quyến ở Nam Ninh, sai bồi thần (của Duy Kỳ) là Lê Hồi (黎回)¹, Nguyễn Đình Mai (阮廷枚)² về nước, mật báo cho Tự tôn biết. Bấy giờ, cương vực An Nam phía đông giáp biển, phía tây giáp Lào Qua, phía nam cách Chiêm Thành một cửa biển, phía bắc giáp với Quảng Tây, Vân Nam. Có hai mươi hai phủ, trong đó hai phủ do thổ ty ở, thực chỉ có hai mươi phủ, tổng cộng chia làm mươi ba đạo. Khi ấy những nơi chưa bị hãm là: Đạo Thanh Hoa, bốn phủ, mươi lăm huyện; đạo Tuyên Quang, ba châu một huyện; đạo Hưng Hóa mươi châu hai huyện. Lại có nơi lộ trên chưa bị hãm, mà lộ dưới đã bị hãm, như: Đạo Yên Bang, bốn phủ mươi hai huyện; Đạo Sơn Tây, năm phủ hai mươi tư huyện; Đạo Kinh Bắc bốn phủ hai mươi huyện; Đạo Thái Nguyên, ba châu tám huyện. Còn những nơi lộ trên đã bị hãm, lộ dưới chưa bị hãm, như: Đạo Sơn Nam, chín phủ ba mươi sáu huyện, Đạo Hải Dương bốn phủ mươi chín huyện. Duy có hai đạo Quảng Nam, Thuận Hóa, vốn là sào huyệt của họ Nguyễn³, lại chiếm cứ đạo Cao Bằng, một phủ bốn châu, đạo Lạng Sơn, một phủ bảy huyện để ngăn chặn với nội địa.

Hoàng đế mệnh cho Tôn Sĩ Nghị đưa hịch đến các lộ ở An Nam, nêu cho biết điều thuận nghịch, để sớm quay về chính nghĩa. Bấy giờ, em Duy Kỳ là Duy Lưu (維袖), Duy Chỉ (維祉), đều chạy đi lánh nạn ở ngoài. Duy Lưu chết ở thành Tuyên Quang, Duy Chỉ từ Ba Bồng xuôi ở Kinh Bắc đến hàng. Tôn Sĩ Nghị thấy Duy Chỉ có tài năng khí độ, muốn cho tạm giữ việc nước. Hoàng đế sợ anh em (Duy Kỳ) ngày sau có điều hiềm nghi, không cho, bèn sai Sầm Nghi Đống ở châu Thổ Điện hộ tống Duy Chỉ ra hiệu triệu nghĩa binh. Gặp khi bọn Nguyễn Đình Mai thấy phục thư của Tự tôn đến nơi, xin được chuyển tấu. Vì vậy thổ ty ở nước An Nam cùng quan binh các châu

1. Tức là Lê Quýnh.

2. CM.CB.q47 chép là Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống.

3. Ở đây chỉ Nguyễn - Tây Sơn.

chưa bị hăm đều tranh nhau trói ngụy đảng, dâng địa đồ, mà nghĩa dũng các xưởng ngoài cửa quan cũng đều xin lương ăn rèn luyện, xin làm hướng đạo. Bấy giờ anh em Nguyễn Huệ cũng đến cửa quan xin cống, đem biểu của thần dân trong nước đến, nói Lê Duy Kỳ không biết còn sống hay đã chết, xin lập con của cố vương Duy Đoan là “ông hoàng tư Duy Cẩn (維憲)”¹ làm chủ việc nước, và nghênh mẫu phi về nước. Hoàng đế biết Nguyễn Huệ khinh Duy Cẩn ngu muội như nhược dẽ sai khiến, nên dùng kế gian giảo để hoãn quân, bèn mệnh cho Tôn Sĩ Nghị nghiêm lệnh gạt đi.

Binh tiến sang An Nam theo ba đường: Một đạo, đi ra Trấn Nam quan, Quảng Tây, là đường chính; Một đạo, từ Khâm Châu, Quảng Đông đi đường biển, qua núi Ô Lôi đến phủ Hải Đông, An Nam, là đường đi thuyền từ đời Đường trước; Một đạo từ bãi Liên Hoa, huyện Mông Tự, Vân Nam theo đường bộ đến Thao Giang, An Nam, là đường mà Mộc Thạnh đời Minh dẫn quân đi vậy. Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh (許世亨) đem một vạn quân Lưỡng Quảng ra khỏi cửa quan, lấy tám ngàn quân đánh thẳng đến kinh sư của quốc vương, còn hai ngàn quân đóng lại Lạng Sơn làm thanh viện. Vân Nam Đề đốc Ô Đại Kinh (烏大經) đem tám ngàn quân theo đường cửa ải Mã Bạch phủ Khai Hóa, vượt sông Đổ Chú, vào địa giới Giao Chỉ một ngàn một trăm dặm đến trấn Tuyên Hóa, gần hơn một chút so với đường cũ của Mộc Thạnh. Văn Quý Đề đốc Phú Cương (富綱) xin đi, Hoàng đế cho rằng một đạo quân không thể có hai tướng, sai đóng ở Đô Long ở ngoài ải để đôn đốc việc vận lương.

Cuối tháng Mười, quân Lưỡng Quảng ra khỏi Trấn Nam quan. Triều đình có chiếu rằng, An Nam sau cơn loạn lạc, mệt nhọc không thể kham cung đốn được, lương ăn sẽ vận chuyển từ hai lộ Điền, Việt, lập đài trạm hơn bảy mươi chỗ, những nơi đi qua quân không được xâm phạm mảy may gì. Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh từ Lạng Sơn thì chia đường mà tiến, Tổng binh Thượng Duy Thăng (尚維昇), Phó tướng Khánh Thành (慶成) coi quân Quảng Tây, Tổng binh Trương Triều Long (張朝龍), Lý Hóa Long (李化龍) coi quân Quảng Đông.

1. Nguyên văn chép: “翁皇司維憲” Có thể ở đây, *Thanh sử cảo* đã chép theo chữ Nôm trong bản tấu.

Bấy giờ thổ binh, nghĩa dũng đều đi theo, nói phao lên rằng đại quân có mấy chục vạn người, các quân canh ải đều nghe tiếng mà trốn chạy, chỉ còn chẵn nơi hiểm yếu ở Tam Giang để chống cự. Ngày 13, tháng Mười một, Thượng Duy Thăng, Khánh Thành đem hơn ngàn quân, canh năm đến sông Thọ Xương. Quân An Nam lui giữ bờ nam, quân ta thừa thế tiến sang, cầu phao đứt, bèn cùng lên bè vượt sang. Khi ấy trời sương mù dày đặc, quân địch tự đánh giết lẫn nhau, quân ta bèn sang sông hết, đại phá được. Trương Triều Long cũng phá được quân địch ở Trụ Thạch. Ngày 15, tiến binh đến sông Thị Cầu. Sông rộng, vả bờ nam tựa vào núi, cao hơn bờ bắc, quân địch chiếm cứ nơi hiểm yếu bầy pháo, quân ta không thể kết bè được. Các quân thấy thế sông uốn khúc, quân địch không thể trông xa được, bèn làm ra vỏ chuyển tre gỗ làm cầu phao, cho chúng thấy tất sẽ vượt sông, nhưng lại ngầm cho hơn hai ngàn quân lên thượng du cách hai mươi dặm nhân chỗ giän binh dùng thuyền nhỏ đang đêm vượt qua sông. Ngày 17, (quân Thanh) đi bè sang áp sát bờ bên cùng cầm cự. Đúng khi ấy, quân trên thượng du đã đi vòng ra túi sau lưng địch, nhân trên cao hò hét xuống đánh, âm thang vang động cả khe núi. Địch không biết quân triều đình từ đâu giáng xuống, đều kinh hãi tan vỡ.

Ngày 19, áp sát sông Phú Lương. Sông ở ngoài cửa kinh thành, quân địch chặt hết tre gỗ ven sông, dồn thuyền sang bờ đối diện. Nhưng từ xa trông thấy thế trận địch không chỉnh tề, có thể biết là chúng không vững chí, bèn tìm lấy những thuyền nhỏ ở xa, chở hơn trăm quân, đang đêm ra sông, lại đoạt được hơn ba chục thuyền nhỏ, luân phiên đưa hai ngàn quân qua, chia nhau tiến đánh doanh trại địch. Quân địch đang đêm tối, không biết là quân ta đông hay ít, bèn tan vỡ. Quân ta đốt hơn chục thuyền của chúng, bắt được Tổng binh, hâu, bá mấy chục người. Đến sáng sớm, đại quân đều qua sông cả. Tôn tộc họ Lê cùng bách tính ra nghênh đón, quỳ phục bên trái đường, Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh vào thành tuyên dụ úy lạo rồi ra. Thành có lũy đất vây quanh, cao không tới vài thước, trên trông tre bụi, phía trong có hai lớp thành xây gạch, tức là nơi quốc vương ở, cung thất đều đã bị phá sạch rồi. Lê Duy Kỳ ẩn nấp nơi dân thôn, canh hai đêm ấy mới ra, đến quân doanh gặp Tôn Sĩ Nghị, lạy chín lạy

mà tạ ơn. Tin thắng trận báo về triều. Trước, khi quân triều đình lên đường xuất binh, Hoàng đế lo rằng sau khi sự thành, đi lại sách phong mất nhiều thì giờ, khiến cho quân phải dài gió dầm sương ở ngoài lâu, đã sai bộ Lễ đúc sẵn án, nội các soạn sẵn sách phong từ trước, gửi trạm đến quân. Tôn Sĩ Nghị bèn chọn ngày 22, tuyên dụ sách phong cho Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, và chạy ngựa báo cho Tôn Vĩnh Thanh đưa gia quyến (Duy Kỳ) về nước. Duy Kỳ dâng biểu tạ ơn, xin đến năm Càn Long thứ năm mươi lăm, thì sang kinh đô, chúc mừng lễ bát tuần vạn thọ¹ của Hoàng đế. Hoàng đế mệnh cho đợi đến khi An Nam hoàn toàn bình định, Duy Kỳ có thể tự lập, thì bằng lòng cho sang châu. Chiến dịch ấy, nhờ có những cựu dân còn nhớ nhà Lê và nghĩa Dũng các xưởng đi trước hướng đạo, lại có bọn Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long mới lập công ở Đài Loan, đều là những tướng thiện chiến, cho nên mới có thể chỉ dùng hơn vạn quân và ruồi dài thâm nhập, chưa đến một tháng mà thu phục lại kinh đô (cho An Nam), khi ấy quân của Ô Đại Kinh từ Vân Nam vẫn còn chưa đến vậy. Xuống chiếu phong cho Tôn Sĩ Nghị tước Mưu Dũng công nhất đẳng, Hứa Thế Hanh là tước tử nhất đẳng, các tướng sĩ đều được ban thưởng nhiều ít khác nhau.

Bấy giờ, Nguyễn Huệ đã lánh về Phú Xuân, Tôn Sĩ Nghị mưu tính đóng thuyền truy thảo, Tôn Vĩnh Thanh tâu rằng: “Quảng Nam còn cách đô kỵ họ Lê đến hai ngàn dặm, dùng một vạn quân, đặt trạm lương phải dùng mười vạn phu dịch, bằng từ Trấn Nam quan đến đô thành họ Lê.” Hoàng đế thấy An Nam bị tàn phá rỗng không, và họ Lê mấy đời suy yếu, việc hưng phế chưa hẳn không phải là vận số vậy. Đã đường xa, lương khó, không có lí gì mà lại để quân ở bên ngoài lâu ngày mà lùng bắt thay cho (họ Lê) được, bèn xuống chiếu lập tức lui binh ra khỏi quan ái. Nhưng Tôn Sĩ Nghị vẫn tham bắt sống Nguyễn (Huệ) lập công, không lập tức rút quân về, lại khinh địch, không phòng bị, sai giải tán những nghĩa Dũng, thổ quân, đóng quân ở kinh thành họ Lê hơn một tháng. Họ Nguyễn do thám rõ hư thực, cuối năm dốc hết toàn quân ra tập kích quốc đô, nói dối là ra hàng. Bọn Sĩ Nghị tin lời dối trá, thản nhiên không hay biết gì.

1. Tức lễ mừng thọ 80 tuổi của vua Càn Long.

Mồng một tháng Giêng năm thứ năm mươi tư (1789), trong quân bày rượu tấu nhạc, đang đêm bỗng có tin báo quân Nguyễn (Huệ) đã đến nơi, mới hốt hoảng chống cự. Quân địch dùng voi chở đại pháo xung phá quân ta, quân ít không địch nổi số đông, trong đêm đen tự dẫm đạp lên nhau mà chạy. Lê Duy Kỳ đã đem theo gia quyến chạy trước, quân Điền (Vân Nam) nghe tiếng pháo cũng rút chạy. Tôn Sĩ Nghị đoạt đường vượt sông Phú Lương, rồi lập tức chặt cầu phao để đoạn hậu, vì vậy những quân còn lại trên bờ, Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, cùng quan quân phu dịch hơn vạn người, đều chen nhau chết đuối cả. Bấy giờ Sĩ Nghị chạy về Trần Nam quan, đốt bỏ hết những lương thảo khí giới ở ngoài ải đến mấy chục vạn, quân mã quay về được không tới một nửa. Còn quân Vân Nam, nhờ có bể tội họ Lê là Hoàng Văn Thông (黃文通) hướng đạo, nên được toàn quân trở về. Mẹ con Lê Duy Kỳ lại chạy sang nương nhở. Tấu dâng lên, Hoàng đế thấy Sĩ Nghị không sờm lui quân, mà lại trẽ nǎi không phòng bị, khiến làm mất uy nước, tổn tướng sĩ, bèn lột chức đưa về kinh đợi tội, mà lấy Phúc Khang An (福康安) thay chức ấy.

Nguyễn Huệ tự biết rằng chuốc họa, sợ quân triều đình trở lại thảo phạt, lại vừa đánh nhau với Xiêm La, sợ Xiêm La sẽ thừa cơ đánh sau lưng mình, vì vậy bèn gõ cửa quan tạ tội xin hàng, đổi tên là Nguyễn Quang Bình (阮光平), sai con trai của anh mình là Quang Hiển (光顯) mang biểu sang cống, khẩn xin phong hiệu. Đại lược nói, mình giữ Quảng Nam đã chín đời, với An Nam là địch quốc chứ không phải quân thần. Vả chẳng chỉ là Man Xúc tranh nhau¹, chứ chẳng dám chống lại Trung Quốc, xin năm sau sẽ đích thân đến kinh sư yết kiến, và ở trong nước sẽ đắp đàn, dựng miếu cho các tướng sĩ chết trận, xin ban cho quan hàm và thụy hiệu, để lập thần chủ phụng thờ. Lại nghe cống sứ của Xiêm La sắp vào kinh, sợ rằng (thiên triều)

1. Man Xúc tranh nhau: Ý nói hai nước nhỏ nhoi không đáng kể tranh giành lẫn nhau. Theo *Trang tử - Tắc Dương* chép: "Trên râu bên trái con sên có một nước tên là Xúc thị, trên râu bên phải con sên có một nước tên là Man thi, thường luôn vì tranh giành đất đai mà đánh nhau, thây chết đến mấy vạn..."

sẽ nghe theo những điều giá họa gây tội của họ, xin thiên triều chớ nghe lời ấy. Phúc Khang An đều trước sau tâu báo về triều.

Hoàng đế thấy Duy Kỳ lại lần nữa bỏ nước, mà không thể giữ được sách phong và ấn, thì ấy là trời chán ghét họ Lê, chẳng thể tự còn được nữa. Mà Nguyễn Quang Bình thì đã xin đích thân sang yết kiến, chẳng phải như họ Mạc, họ Lê trước đây chỉ đem cống người vàng thế thân mà thôi. Vả, An Nam từ cuối đời Ngũ Đại tới đây, các họ Khúc, Kiều¹, Ngô, Đinh, Lý, Trần, Lê, Mạc thôn tính lẫn nhau, đời trước từng đặt đất đó làm quận huyện, nhưng phản trắc vô thường, khiến phải luôn lo nghĩ đến phương nam. Vì vậy bèn ứng theo lời xin, lập tức phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, lời sách viết:

"Trẫm duy: Vương hóa lan xa, phạt tội rồi nên xá phục; Hầu phong nghiêm giữ, thờ vua chung bởi sơ trời. Xét lòng thành khẩn cõi xa xôi, tha cho tội trước; Ban rộng hồng ân cho thuộc quốc, khen tặng duy tân. Ban cho sủng mệnh rạng rõ; Gắng noi giáo huấn mà làm. Xét An Nam ở cõi nóng nực, mở muời ba đạo phong cương; Mà họ Lê thần phục thiên triều, giữ hơn trăm năm chức cống. Thường theo vương hóa; Văn giữ dư đồ. Từ gặp loạn phải phai lưu li; Mới suy vi mà cáo bẩm. Vừa giúp hưng sư phục quốc, duồng nhỏ mong để bảo tồn; Nào hay vứt án bỏ thành, tích yếu lại ra thất thủ. Hắn lòng trời ghét kẻ đúc mỏng; Khiến ngai báu rốt phải luân vong. Nguyễn Quang Bình ngươi: khởi tự Tây Sơn, phân chia Nam giới. Vốn không có phận quân thần; Chỉ săn mồi ơnh hôn phối². Giao tranh dấy hận; Tình nghĩa còn đâu. Chống lại trong cơn vội vã, tuy vô tâm nhưng khó đầy lâm xưa; Hối tội những muốn rửa đi, nguyên sửa lỗi mà một niềm thay đổi. Dâng biểu tấu thỉnh, sai cháu sang sứ để tỏ lòng thành; Hiển ngọc tình mê, hẹn mình năm sau tự qua chúc hố. Chẳng phải vì mong phong tước, nhờ oai rồng để làm vinh; Mà do nghĩ đến chúng dân, muốn hợp yên cho ổn thỏa.³

1. Chỉ Kiều Công Tiễn.

2. Ý bảo Nguyễn Huệ không phải quan thuộc nhà Lê mà chỉ có quan hệ hôn phối do kết hôn cùng Công chúa Ngọc Hân, con vua Lê Hiển Tông.

3. Chỗ này, so với lời sách phong trong *Đại Thanh Cao tông Thuần Hoàng đế thực lục* thì *Thanh sử* cảo chép thiếu câu: “凡此陳詞以實。胥徵效順彌慶” - Lời trần tình đã thành thực; Lòng quy thuận rõ ràng.

Huống vương giả không phân biệt chúng dân, há lại còn trong cương vực đó; Mà sinh linh phải có người chăn dắt, ấy nên yên ổn nước nhà người. Bèn ban sủng ân; Khiến theo trấn vỗ. Nay, phong cho người làm An Nam quốc vương, ban cho ấn mới. Ôi chao! Có hưng có phế, thiên tử chỉ thuận trời mà làm; Không hãi, không nghi, quốc vương dẫn toàn nước nghe lấy! Vương hãy gắng đem lòng thành, nghiêm thề kính cẩn. Vững cõi bờ để mãi cho cháu con, chó để vào tay tộc khác; Dốc một dạ mà chăm lo sớm tối, đừng cho tham dục giữ bang. Thêm kính phụng đến uy sáng, Mãi kế thừa lấy ơn dày. Kính thay! Chớ trái mệnh trẫm.”

Còn Lê Duy Kỳ thì thưởng hàm tam phẩm, sai cùng thuộc hạ các nhà đến kinh sư, quy thuộc vào Hán quân kỳ, và lấy Duy Kỳ làm Tá lĩnh. Lại lệnh cho Nguyễn Quang Bình hỏi tim những thân thuộc của Duy Kỳ, hộ tống đến cửa quan. Những người được sắp đặt ở khu vực dân di vùng tây nam nội địa khi trước, có ai mong muốn về cố thổ, cũng đều lệnh cho Nguyễn Quang Bình khá yên vỗ họ, để tỏ rõ thương sót mà chu toàn.

Năm thứ năm mươi lăm (1790), Nguyễn Quang Bình sang châu chúc phúc, xin phong cho con trưởng Nguyễn Quang Toản (阮光纘) làm Thế tử. Tháng Bảy, (Quang Bình) vào yết kiến ở Nhiệt Hà sơn trang, ban thứ ở dưới hàng thân vương, mà ở trên quận vương, được tặng thơ ngự chế, nhận mũ đai rồi về. Kỳ thực là Quang Bình sai em mình mạo danh mà đến, chứ Quanh Bình chưa dám đích thân đến vậy, có thể thấy dối trá đến như thế!¹

Năm thứ năm mươi sáu (1791), (Quang Bình) đánh bại Lê Duy Chỉ cùng quân nước Vạn Tượng, sang báo tiệp, Hoàng đế ban thưởng cho.

Năm thứ năm mươi bảy (1792), bàn định kỳ tiến công cho An Nam, lệ cũ là ba năm một lần cống, định lại là hai năm; Sáu năm sau sứ sang châu một lần, định lại là bốn năm. Tháng Chín, Nguyễn Quang Bình bị bệnh chết ở Nghệ An, Thế tử Nguyễn Quang Toản tạm quyền nắm việc nước, cho báo tang sang.

1. *ĐNLT-Nguy Tây liệt truyện* chép “Huệ bèn thác làm có bệnh kéo dài, mới đem cháu gọi bằng cậu là Phạm Công Trị trả mạo làm Huệ để đi, rồi sai đem phuơng vật tạ ơn.” Việc vua Quang Trung có tự mình sang nhà Thanh hay không còn nhiều tranh cãi, xin để tôn nghi.

Năm thứ năm mươi tám (1793), tháng Giêng, sai Quảng Tây án sát sứ Thành Lâm (成林) sang dụ tể, tặng thụy (cho Quang Bình) là Trung Thuân, lại ban tặng cho thơ ngự chế, khắc bia dựng trên mộ để khen ngợi lòng cung thuận. Phong cho Quang Toản làm An Nam quốc vương. Hoàng đế thấy, họ Nguyễn mới dựng nước, lòng người chưa định, Nguyễn Quang Toản lại còn nhỏ, mà Nguyễn Nhạc vẫn còn ở Quảng Nam, Ngô Văn Sở (吳文楚) từ lâu nắm binh quyền, chúa nhỏ nước nghi, e là sẽ có biến, nên đặc biệt điều Phúc Khang An Tổng đốc việc canh phòng biên giới ở Vân Nam, Quý Châu, và lệnh cho Thành Lâm bí mật dò thám nước ấy. Thành Lâm ít lâu sau báo tin An Nam quốc sự đã hơi yên, việc ấy mới thôi.

Tháng Tám, Thự Lưỡng Quảng Tổng đốc Quách Thế Huân (郭世勳) tâu An Nam lập thêm chợ Hoa Sơn. Trước đây, qua lại thông thương với An Nam, các thương nhân qua hai cửa quan Bình Nhi, Thủ Khẩu, sang phố Mục Mã, trấn Cao Bằng nước ấy lập chợ. Thương nhân qua cửa Do Ái sang phố Khu Lư trấn Lạng Sơn lập chợ, chia đặt hai hiệu Thái Hòa, Phong Thịnh, đồng thời bố trí chức Ngao trưởng (trưởng vừa), Thị trưởng (trưởng chợ) mỗi chức một người, cùng Bảo hộ, Giám đương mỗi chức một người. Nhưng những thương nhân qua cửa Bình Nhi sang, tất theo đường thủy đến Hoa Sơn trước, tính hành trình chỉ hơn hai trăm dặm. Vả lân cận Hoa Sơn làng xóm trù phú, đến đây bèn đặt thêm hàng phố cùng trưởng chợ, giám đương mỗi chức một người, tức là trong biên ngạch ở Khu Lư phái đến. Trong số khách dân, ai theo đường bộ mà đến Mục Mã trước thì cũng cho tùy tiện nghỉ.

Năm Gia Khánh nguyên niên (1796), Phúc Châu tướng quân Khôi Luân (魁倫), Lưỡng Quảng Tổng đốc Cát Khanh (吉慶) trước sau tâu bắt được bọn cướp biển Tàu Ô, có Tổng binh An Nam cùng sắc mệnh phong tước và ấn tín. Trước kia, họ Nguyễn đóng ở Quảng Nam, lấy cảng Thuận Hóa làm cửa khẩu ra vào, cùng tiếp giáp với Chiêm Thành, Chân Lạp, Xiêm La, còn phía tây nam thì giáp biển. Có thuyền buôn nào dạt vào biển, là họ Nguyễn bèn tịch thu hết hàng hóa, dù là thương thuyền Trung Quốc, cũng đánh thuế gấp mấy lần, và tịch thu một nửa hàng. Vì vậy mà những thương thuyền của các

nước Hồng Mao¹, Chiêm Lạp, Xiêm La, đều rất thận trọng khi đi gần vịnh Quảng Nam. Cha con Nguyễn Quang Bình sau khi đem quân soán quốc rồi, quốc dụng hú hao, thương thuyền không đến, bèn sai hơn trăm thuyền Tàu Ô², cùng mười hai Tổng binh, giả là thu gom quân lương, phần lớn chiêu dụ những kẻ vong mệnh ven biển Trung Quốc, đem quan túc ra dụ, lại cấp cho thuyền và khí giới, sai dẫn đường vào cướp các tỉnh Mân, Việt, Giang, Triết. Khi ấy, quân Triết Giang ra chống cướp biển, gặp mưa to gió lớn, trong mưa chợt có lửa nổ ở thuyền bọn cướp, khiến tàu bị phá vỡ. Tham tướng Lý Thành Long (李成隆) đem quân bơi thuyền ra lấy được pháo của chúng, và lùng tìm được sắc văn của An Nam và ấn đồng Tổng binh, mỗi thứ bốn cái. Trong sắc xưng là: “Sai Đại thống binh đội tàu là Tiến lộc hầu Luân Quý Lợi (倫貴利)”. Giáo dụ Vương Minh Kha (王鳴珂) bắt được ba tên cướp, một tên giả câm, còn một tên tên là Vương Quý Lợi (王貴利), tra khảo kỹ, thì nó nói tức là Luân Quý Lợi vậy. Đồng thời, Mân Trung bắt được cướp thuyền là An Nam Tổng binh Phạm Quang Hỉ (範光喜), cung khai rằng: “Nguyễn Quang Bình lên thay họ Lê, đến khi Quang Bình chết, truyền cho con là Quang Toản. Bấy giờ cùng giao tranh với họ Nguyễn cũ, nhưng khổ vì quân phí lại không đủ cung cấp, quan Tổng đốc Trần Bảo Ngọc (陳寶玉) mới chiêu tập các thuyền của tỉnh Việt (Quảng Đông) ra ngoài biển cướp bóc. Kế đó, An Nam Tổng binh Hoàng Văn Hải (黃文海) có hiềm khích với tặc quan Ngũ Tồn Thất (伍存七), mới đem hai thuyền vào tỉnh Mân (Phúc Kiến) đầu hàng, nay đất Mân mới đóng thuyền theo kiểu ấy vậy. Luân Quý Lợi là người Trùng Hải, Quảng Đông, sang đầu theo An Nam, đánh nhau với họ Nguyễn cũ có công, được phong hầu. Nhân việc tuần biển, mới tự ý câu kết với bọn cướp biển đất Mân, đến cướp bóc vùng Mân, Triết. Thuyền của An Nam có bảy mươi sáu chiếc, chia làm ba đội tiền, trung, hậu. Luân Quý Lợi thống lĩnh hậu đội. Bốn chiếc ăn đồng ấy, Quý Lợi tự đeo một chiếc, còn ba chiếc, là của ba Tổng binh tên là Diệu (耀), Nam (南), và Kim (金)

1. Hồng Mao: tức người Tây Dương, hay Âu châu.

2. Thời đó, thủy binh nước ta có loại chiến thuyền sơn đen, thân lớn, dài nên *Thanh sử cảo* gọi là “Ô tào - Tàu Ô”, nước ta còn gọi là ghe Ô.

đeo. Diệu đã bị bắt chém, còn Nam và Kim đều chết đuối ở biển.” Tuần phủ Nguyễn Nguyên (阮元) cho phanh thây Quý Lợi, rồi đem lời cung vào tâu.

Hoàng đế mệnh cho Quân cơ đại thần viết giấy cho Tổng đốc Lưỡng Quảng, thông báo tới An Nam quốc vương. Mùa đông, tháng Mười hai, Nguyễn Quang Toản phúc trình, đại lược rằng: “*Tiểu phiên nối đời chịu ơn che chở của thiên triều, xa cách phương trời, chẳng thể báo đáp. Nghĩ sẽ thận trọng giữ gìn cương giới, mãi làm trọng thần. Chỉ vì đất Nông Nại ở ven biển cực nam của bản quốc mới được khai phá, có tên đầu sỏ giặc là Nguyễn Chủng (阮種)¹, trộm chiếm cứ nơi ấy, tụ họp bọn trộm cướp, nhiều lần gây họa trên biển. Bản quốc đã chỉnh đốn việc phòng thủ ngoài biển, cách ly thu giữ khách thuyền, để tránh gân tặc đảng, và lại giúp cho việc cung đốn buồm lái trên biển. Tên Luân Quý Lợi, trước ở bản quốc, theo cùng bạn buôn tuần phòng. Nào ngờ y cất giấu họa tâm, lừa dối tiểu phiên, lại dám ngầm hẹn thuyền cướp, vượt đến vùng biển thiên triều, tự ý làm việc cướp đoạt. Lại tự ý làm ra ấn tín giấy tờ, đem đi lừa dụ, tội tình trọng đại, thực là pháp luật chẳng dung. Tiểu phiên không biết lường trước quân gian, lỏng lẻo quản thúc. Ngửa mong thánh từ soi xét, thấu rõ lòng thành, có lời giáo huấn cho, là mặt trời soi tới. Cung thừa thánh dụ, cảm động kinh sợ. Cẩn đương tuân phụng di huấn, yên giữ phiên phong, mà mệnh lệnh cho những quân tuần hải bản quốc, nghiêm chỉnh tăng cường cảnh giác, chặt chẽ kiểm thúc, nhất định không cho kết bè với giặc phỉ, vượt biên cảnh gây tội lỗi, sao cho Quế Hải² mãi yên bình, để trên báo đáp đức hoài nhu của thánh thiên tử, ấy chính là điều tự khuyên mình vậy.” Hoàng đế thấy quốc vương không biết chuyện ấy, bèn xá cho.*

Năm thứ hai (1797), Tổng đốc Lưỡng Quảng tâu rằng, An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toản ủy nhiệm bọn võ quan Đinh Công Tuyết (丁公雪), dẫn binh thuyền, đem bọn tội phạm cướp bể bắt được là Hoàng Trụ (黃柱), Trần Nhạc (陳樂) hơn sáu mươi tên, giải đưa sang nội địa. Hoàng đế giáng sắc khen ngợi, và đem các thứ đồ

1. Tức Nguyễn Ánh.

2. Quế Hải: chỉ vùng biển các tỉnh từ Quảng Đông đến Phúc Kiến, phía đông nam Trung Quốc.

vải sa, gấm măng, ngọc sơn, gậy như ý, đặc biệt thưởng cho.

Trước kia, Nguyễn Quang Bình đã đánh diệt Quảng Nam vương Nguyễn mỗ, Nguyễn mỗ là con rể vua Lê, vợ là Lê thị đã có mang, trốn chạy đến Nông Nại. Nông Nại là cựu đô của Thủy Chân Lạp, tức tỉnh Gia Định, nay là Tây Cống¹ vậy. Lê thị² sinh con trai, là Nguyễn Phúc Ánh (阮福映), vốn tên là Chửng, lẩn trốn trong dân gian. Kịp khi lớn lên, (Chửng) bèn chạy sang Xiêm La. Vua Xiêm La vốn có thù trước với Nguyễn Quang Bình, bèn đem em gái gả cho Phúc Ánh, rồi giúp binh, đánh chiếm lấy đất Nông Nại, đóng làm căn cứ, thế lực dần lớn mạnh, xưng là họ “Nguyễn cũ”, mà gọi cha con Nguyễn Quang Bình là “Nguyễn mới”, cũng gọi là “Tây Nguyễn” (Nguyễn Tây Sơn). Họ Nguyễn cũ lấy có phục thù, đoạt lại cựu đô Phú Xuân (của Tây Nguyễn). Bấy giờ là năm Gia Khánh thứ tư (1799).

Tháng Mười một, năm thứ sáu (1801), Ngụy tổng binh An Nam là Trần Thiên Bảo (陳天保) đem gia quyến chạy sang xin theo, (triều đình) mới biết việc giao tranh binh biến giữa An Nam với Nông Nại.

Năm thứ bảy (1802), tháng Tám, Nông Nại đánh thành Thăng Long, Nguyễn Quang Toản thua chạy bị bắt.³ Tháng Tám, Nguyễn Phúc Ánh trói bọn Mạc Quan Phù (莫觀扶) ba tên đưa đến Quảng Đông, đồng thời dâng phong sách và kim ấn thu được của Nguyễn Quang Toản khi đánh hạ thành Phú Xuân, và dâng biểu xin quy phụ theo.⁴ Bọn Mạc Quan Phù đều là tội phạm trộm cướp của Trung Quốc, được An Nam chiêu dụ mà chạy đến theo, phong làm Đông Hải vương cùng ngụy chúc Tổng binh. Hoàng đế thấy “trước đây Nguyễn Quang Bình đến cửa khuyết xin nội phụ, được ân lễ khen tặng. Nguyễn Quang Toản nối giữ Nam giao, lại được ban sắc mệnh, khiên cho nối đời giữ vững không thay đổi. Thế mà lại giấu gian chúa cướp, tung hoành gây họa bể khơi, phụ ân cắn lại, hỏi còn gì quá quắt hơn

1. Tây Cống: tức Sài Gòn.

2. Chỗ này *Thanh sử cáo* chưa chính xác, mẹ Nguyễn Phúc Ánh là bà Nguyễn Thị Hoàn, con gái Diển Quốc công Nguyễn Phúc Trung.

3. ĐNTL.K1.q17 chép Quang Toản bỏ thành chạy đến sông Xương Giang (Bắc Ninh) thì bị thôn dân bắt đem nộp Nguyễn Ánh.

4. ĐNTL.K1.q13 chép việc này ở năm 1801.

thể! Vả, ấn tín là vật chí trọng, còn vứt bỏ trốn chạy, thì tội không thể tránh được! Nay mệnh cho Lưỡng Quảng Tống đốc Cát Khánh đến Trấn Nam quan phòng bị biên cương, đợi Nguyễn Phúc Ánh khôi phục được toàn bộ lãnh thổ An Nam thì báo tin cho triều đình biết.” Tháng Mười hai, Nguyễn Phúc Ánh thu được An Nam, sai sứ sang cống, trình bày rõ trước sau việc giao tranh, là để phục thù cho họ Lê đời trước, lại nói nước mình vốn là đất Việt Thường khi xưa, nay đã kiêm tính toàn bộ An Nam, không quên nối đời gìn giữ. Xin lấy “Nam Việt” đặt tên nước. Hoàng đế dụ rằng, tên “Nam Việt” bao hàm rộng quá, đất Lưỡng Quảng ngày nay cũng đều nằm trong đó. Nguyễn Phúc Ánh có được toàn bộ An Nam, cũng chẳng qua chỉ là đất Giao Chỉ xưa mà thôi, không được lấy tên nước là “Nam Việt”.

Năm thứ tám (1803), bèn đổi An Nam làm nước Việt Nam. Tháng Sáu, sai Quảng Tây án sát sứ Tề Bố Sâm (齊布森) sang phong cho Nguyễn Phúc Ánh làm Việt Nam quốc vương. Trở nên, từ khi Nguyễn Quang Bình soán họ Lê phàm mười chín năm, lại bị diệt bởi Nguyễn Phúc Ánh, từ đó về sau kẻ lo việc chức cống lại là con cháu họ Nguyễn cũ vậy.¹

Năm thứ chín (1804), cho những người An Nam được bố trí ở Tá Lĩnh cũng như sắp xếp cho ở các vùng Giang Ninh, Nhiệt Hà, Trường Gia Khẩu, Phụng Thiên, Hắc Long Giang, Y Lê... trước đây được về nước, ban tặng tiền bạc nhiều ít khác nhau, đồng thời cho phép đưa Lê Duy Kỳ về an táng.²

Năm thứ mươi một (1806), mục lại trấn Hưng Hóa, Việt Nam xin lấy đất Lục Mạnh sở thuộc phủ Lâm An (Vân Nam) cho ngoại phụ (theo mình), (triều đình) báo hịch dụ (Việt Nam) quốc vương tự trùng trị chúng. Người trong tộc họ của Nguyễn Quang Toản còn sót lại là Nguyễn Như Quyền (阮如權) để tránh bị bắt chạy sang nội địa theo. Lưỡng Quảng Tống đốc Ngô Hùng Quang (吳熊光) tâu xin đem giao cho Nguyễn Phúc Ánh. Hoàng đế hiềm rằng (triều đình) lại bắt kẻ trốn tránh cho thuộc phiên, nên không nghe, cũng không cho lưu lại nội địa.

1. ĐNTL.K1.q23 chép việc này ở năm 1804.

2. Lê Duy Kỳ đã mất từ năm 1793, nay nhà Thanh cho đem quan tài về nước để an táng.

Năm thứ mươi bốn (1809), Nguyễn Phúc Ánh sai quan viên đến Lạng Sơn, đem trả sắc và ấn của Nam Chưởng quốc vương được ban phong năm Càn Long thứ sáu mươi. Hoàng đế lấy làm khen ngợi.

Nguyễn Phúc Ánh lấy được nước, phần nhiều là nhờ binh lực ở Gia Định và Vĩnh Long, vì vậy bèn lấy tên hai tỉnh ấy làm niên hiệu, gọi là Gia Long¹. Ở ngôi mươi bảy năm thì qua đời, con là Phúc Kiểu (福皎)² nối.

Đạo Quang nguyên niên (1821), sai Quảng Tây án sát sứ Phan Cung Thần (潘恭辰) mang sắc ấn sang phong cho Nguyễn Phúc Kiểu làm Việt Nam quốc vương.

Năm thứ chín (1829), sứ thần Việt Nam xin đổi đường sang cống theo đường thủy đến Quảng Đông, bộ bàn bạc bác đi.

Năm thứ mươi chín (1839), Hoàng đế dụ rằng, trước nay nước Việt Nam cứ hai năm sang cống một lần, bốn năm sai sứ sang châu một lần, nên hợp hai lần cống cùng sang một lượt, từ nay về sau đổi thành cứ bốn năm sai sứ sang cống một lần, số cống vật chiếu theo số lượng hai lần sang cống mà giảm đi một nửa. Phúc Kiểu đổi niên hiệu là Minh Mạng, ở ngôi hai mươi mốt năm. Từng đem quân đoạt một dải đất Hà Tiên của nước Cao Man, chia cả nước thành ba mươi tinh là: Phú Xuân - tức là quốc đô, Quảng Nam, Quảng Ngãi - hai tỉnh là Hữu kỳ, Quảng Trị, Quảng Bình - hai tỉnh là Tả kỳ, Bình Thuận, Phú Yên, Quảng Hòa, Biên Hòa, Gia Định, An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long, Định Tường - chín tỉnh là Nam kỳ³ Hà Tĩnh, Hải Dương, Quảng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định, Ninh Bình⁴, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Sơn Tây,

1. Sứ ta không chép việc này. Huống đến năm Minh Mạng thứ tư (1823), vua Minh Mạng mới đổi tên trấn Vĩnh Thanh thành Vĩnh Long, cái tên Vĩnh Long khi ấy mới ra đời nên lý giải của *Thanh sử cáo* ở đây chưa có căn cứ xác tín.

2. Tức vua Minh Mạng.

3. Ở đây *Thanh sử cáo* chép nhầm. Thời vua Minh Mạng chia nước thành 30 tỉnh, trong đó Quảng Bình, Quảng Trị là Bắc trực; Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nam trực; Bình Định, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên là Tả kỳ; Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh là Hữu kỳ; An Giang, Biên Hòa, Định Tường, Gia Định, Hà Tiên, Vĩnh Long là Nam kỳ; Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Hóa, Hưng Yên, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Yên, Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên Quang là Bắc kỳ.

4. Chỗ này *Thanh sử cáo* chép lầm là “Quảng Bình”, người dịch xin phép cải chính lại.

Tuyên Quang, Hưng Hóa - mươi sáu tỉnh là Bắc kỳ. Sau lại cho các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Trị quá nhỏ, đổi thành đạo. Cương vực so với các đời trước đây là lớn hơn cả. Duy có tây bắc tỉnh Tuyên Quang, nằm ở phía nam phủ Trấn An của Quảng Tây có nơi gọi là châu Bảo Lạc, tù trưởng ở đó là họ Nông, vốn là cựu thần nhà Lê, vẫn còn nhớ chủ cũ, không phục vua mới, Việt Nam đành chỉ coi là châu ki mi mà thôi. Con cháu Lê Duy Chỉ trốn sang nơi thâm sơn ở Lão Qua, vẫn luôn nghĩ đến việc tụ tập quân chúng phục quốc, gọi là hậu duệ vua Lê vậy. Còn các thân tộc xa của họ Lê còn lại, mà hay gây chuyện, thì đều cho an trí ở các tỉnh phía nam Bình Thuận. (Phúc Kiểu) lại tự cho nước mình văn hóa còn thô lậu, tâu xin được ban cho *Khang Hi tự điển*. Cách chọn kẻ sĩ thì dùng chế độ nhà Nguyên, lấy kinh nghĩa, thơ phú mà thi.

Năm Đạo Quang thứ hai mươi mốt (1841), Nguyễn Phúc Kiểu qua đời, (Việt Nam) sai sứ sang cáo ai, (triều đình) xuống chiếu cho dừng việc tiến công phương vật, sai Quảng Tây án sát sứ Bảo Thanh (寶清) sang phong cho con là Phúc Tuyên (福璇) làm Việt Nam quốc vương.

Phúc Tuyên đổi niên hiệu Thiệu Trị, ở ngôi bảy năm. Đến năm Đạo Quang thứ hai mươi tám (1848) thì mất¹, con là Phúc Thì (福時)² nối. Phàm sứ thiên triều sang sách phong, trải nhiều đời chỉ ở Hà Nội. Hà Nội tức Đông Kinh, là nơi nước ấy từng dựng kinh đô vậy. Đến khi Nguyễn Phúc Ánh được nước, vì cớ Đông Kinh nhiều lần bị binh hỏa hủy hoại, mà tiền nhân của mình nối đời ở Quảng Nam, bèn dời đô vào tỉnh Phú Xuân, đổi Đông Kinh thành tỉnh Hà Nội. Sứ sang sách phong đến nước ấy, vẫn theo lệ cũ dừng cờ tiết đóng ở đó. Nguyễn Phúc Thì lên nối ngôi khi còn nhỏ tuổi, tâu xin sứ thiên triều đến tận quốc đô, vì vậy Quảng Tây Án sát sứ Lao Sùng Quang (勞崇光) bèn đến tận Phú Xuân sách phong.

Năm thứ ba mươi (1850), Trịnh Tổ Sâm (鄭祖琛) tâu, Việt Nam quốc vương Nguyễn Phúc Thì, nhân trước sau phụng di chiếu của

1. ĐNLT.K3.q72 chép vua Thiệu Trị mất ngày Quý Mão tháng Chín năm 1847 (tức ngày 27/9).

2. Tức vua Tự Đức.

Hiếu Hòa Duệ Hoàng hậu¹, Tuyên Tông Thành Hoàng đế², muốn xin sai sứ sang làm lễ dâng hương, và tiến các loại tế vật hương phẩm. Lại mang đệ biểu văn và cống vật mừng vua mới lên ngôi. Hoàng đế³ dụ, linh cữu của Hiếu Hòa Duệ Hoàng hậu, Tuyên Tông Thành Hoàng đế đều đã phụng di tới tẩm lăng, nên thôi việc phuơng xa đến dâng hương. Còn phuơng vật chúc mừng lên ngôi, cũng không cần phải trình tiến.

Năm Hàm Phong thứ hai (1852), ban dụ việc tiến cống theo thông lệ của nước Việt Nam vào năm sau sẽ đến kinh trong tháng Năm, năm Hàm Phong thứ ba. Năm thứ sáu (1856), dụ rằng Việt Nam quốc vương Nguyễn Phúc Thì, nhân năm Đinh Ty là kỳ tiến cống chính thức, đã tấu trình cho Lao Sùng Quang hỏi xem tháng nào thì được vào cửa quan. Hiện đang có việc dụng binh, các tỉnh còn chưa dẹp yên được, việc tiến cống theo lệ của Việt Nam quốc lần này, tạm cho hoãn đến lần tiến cống sau sẽ cùng dâng cả hai một thể.

Năm thứ tám (1858), Pháp Lan Tây⁴ đoạt đất Tây Cống (Sài Gòn) của Việt Nam. Trước đây, cuối đời Minh, có những giáo đồ Thiên chúa giáo từ Pháp Lan Tây đi truyền giáo đến Việt Nam. Năm Khang Hy thứ năm mươi chín (1720), chiến hạm Pháp mang tên Nga La Địa (俄羅地)⁵ cập cảng Giao Chỉ, ba viên sĩ quan lên bờ đến tỉnh Bình Thuận, người địa phương bắt trói đem trình lên vương. Thuyền trưởng và giáo sĩ bàn bạc đem nhiều vàng bạc chuộc những người ấy về. Ấy là lần đầu tiên hai bên Pháp, Việt có giao thiệp với nhau. Năm Càn Long thứ mười bốn (1749), vua Pháp Louis 15 sai Bì Dịch Phủ Á Bột Nhī (皮易甫亞孛爾)⁶ làm đại thần toàn quyền, đến phủ Thuận Hóa bàn việc thông thương, nhưng quốc vương không cho. Năm Càn Long thứ mươi tám (1753), người Việt tàn sát những giáo đồ

1. Tức Hoàng hậu thứ hai của vua Gia Khánh - nhà Thanh.

2. Tức vua Đạo Quang.

3. Tức vua Hàm Phong mới lên ngôi kế vị Đạo Quang.

4. Pháp Lan Tây: dịch âm từ France, tức nước Pháp.

5. Tức Galatéc, tàu khu trục nhỏ được đóng ở Saint Malo năm 1719, cập cảng Phan Rí - Bình Thuận năm 1720.

6. Tức Pierre Poivre, năm 1749 tuân lệnh vua Louis 15 đến Đà Nẵng.

Thiên Chúa. Năm thứ năm mươi mốt (1786), Việt có nội loạn, Nguyễn Nhạc tự xưng vương, Nguyễn Quang Bình sai con là Cảnh Duệ (景叡) đến Pháp cầu viện¹. Năm sau, bèn ký hiệp ước đồng minh Pháp Việt, cắt cảng Trà Lân ở đảo Côn Lôn cho Pháp². Không bao lâu thì thất ước. Năm Gia Khánh thứ hai mươi lăm (1820), tàu Pháp đến Việt Nam đo đạc cửa biển, người trong nước kích động vua giết người Pháp là Địch Á Thị (狄亞氏)³. Năm Đạo Quang thứ hai mươi bảy (1847), người Pháp đưa chiến hạm đến cảng Trà Lân, đánh bại quân Việt, đến năm ấy thì đoạt luôn Tây Cống - nơi đô hội bậc nhất của Việt Nam vậy.⁴

Năm Hàm Phong thứ mươi (1860), có chiếu dụ nội các rằng: “Lưu Trường Hựu (劉長佑) tâu, Việt Nam đến kì sang cống, hiện nay việc quân ở Quảng Tây chưa xong, đường xá mất an ninh, hai kỳ cống theo lệ vào năm Đinh Tỵ, Tân Dậu, tạm thời hoãn lại.”

Năm Đồng Trị nguyên niên (1862), Vua Nã Phá Luân (拿破侖)⁵ đệ tam của Pháp đưa hải quân rầm rộ đến chinh phạt Việt Nam, đoạt cảng Trà Lân, đòi cắt cho ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, mở ba cửa khẩu thông thương, bồi thường 2.000.000 quan⁶, thì sẽ giảng hòa. Tỉnh Gia Định tức là nơi có đô thị Tây Cống vậy. Năm thứ hai, Việt Nam quốc vương Nguyễn Phúc Thì nhân nhượng được di chiếu của Văn Tông Hiển Hoàng đế⁷, lại hỏi xin cho sai sứ sang dâng hương, đưa biểu mừng Hoàng đế mới lên ngôi, và tiến phuơng vật, nhưng triều đình khuất từ. Năm thứ ba, đến kỳ cống lệ năm Ất Sửu của Việt Nam, cùng với cả hai kỳ cống trước, đều vẫn sai hoãn lại.

Năm thứ sáu (1867), mùa đông, hai phủ Thái Bình, Trấn An ở

1. Ở đây *Thanh sử cáo* có chút nhầm lẫn, đúng ra là Nguyễn Ánh cho con là Hoàng tử Cảnh theo Bá Đa Lộc sang làm tin để cầu viện Pháp.

2. Ở đây *Thanh sử cáo* nhầm. Theo hiệp ước Versailles năm 1787 thì nhà Nguyễn phải nhường cảng Hội An và đảo Côn Lôn cho Pháp. Bên dưới có nhắc đến việc tàu chiến Pháp đánh cảng Trà Lân, như vậy Trà Lân chính là Hội An.

3. Chưa rõ tên tiếng Pháp là gì.

4. *Thanh sử cáo* nhầm, việc Pháp chiếm Tây Cống (Sài Gòn) diễn ra vào năm 1861.

5. Tức Napoleon.

6. Theo *Hòa ước Nhâm Tuất* thì nước ta phải bồi thường chiến phí bốn triệu piastre.

7. Tức vua Hàm Phong.

Quảng Tây thô phỉ nổi lên như ong, quan quân đánh dẹp, chúng bị thua, chạy trốn sang Việt Nam.

Năm thứ bảy (1868), quốc vương hỏi nhờ Quảng Tây Tuần phủ Tô Phượng Văn (蘇鳳文), giúp tâu xin (triều đình) cho viện binh sang tiêu trừ, Hoàng đế sai Đề đốc Phùng Tử Tài (馮子材) đem quân ba mươi doanh sang chinh thảo.

Ngày hai mươi mốt, tháng Bảy, năm thứ tám (1869), quân Trung Hoa theo Trần Nam quan tiến sang. Tháng Tám, thủ lĩnh giặc là Ngô Côn (吳鯤) cùng đánh nhau ở Bắc Ninh, trúng đạn súng bị thương, uống máu chim công (khổng tước) mà chết, các quân giặc khác đều sợ hãi, đại quân đến nơi, bèn xin hàng. Mùa đông, thủ lĩnh giặc là Lương Thiên Tích (梁天錫) chạy sang phía tây, đến Tuyên Quang, đến theo đầu sỏ giặc là Hoàng Sùng Anh (黃崇英) ở Hà Dương. Năm ấy, người Pháp lại cắt lấy ba tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long của Việt Nam, từ đó sáu tỉnh phía dưới của Giao Chỉ đều thuộc cả người Pháp.¹

Năm thứ chín (1870), đầu sỏ giặc Lưu Vĩnh Phúc (劉永福) ở Bảo Thắng, tỉnh Hưng Hóa, đầu sỏ giặc Đặng Chí Hùng (鄧志雄) ở Tô Nhai, tỉnh Thái Nguyên đều đến xin hàng. Mùa hạ, tháng Tư, Hoàng Sùng Anh trốn đến địa phận Bạch Miêu, châu Bảo Lạc, Đề đốc Phùng Tử Tài rút quân về. Tháng Bảy, quân đến Long Châu, mà Hoàng Sùng Anh lại ra chiếm cứ Hà Dương, Lưu Vĩnh Phúc lại chiếm cứ Bảo Thắng, Hưng Hóa, Đặng Chí Hùng lại chiếm cứ Tô Nhai, Thái Nguyên. Tháng Mười, hàng tặc Tô Quốc Hán (蘇國漢) nhân đang đêm đánh úp hãm thành tỉnh Lạng Sơn. Bắc kỳ Tổng thống lịnh Đoàn Thọ (段壽) chết. Bấy giờ Quảng Tây hậu bổ đạo Từ Diên Húc (徐延旭) nhân có việc đến phố Khu Lú ngoài thành Lạng Sơn, điều binh giúp Việt Nam công thành, nhưng không hạ được. Tháng Mười một, thủ lĩnh giặc là bọn Nguyễn Tứ (阮四), Lục Chi Bình (陸之平), Trương Thập Nhất (張十一) lại chiếm cứ tỉnh Cao Bằng. Vua Việt lại khẩn cầu (triều đình) xuất binh. Hoàng đế sai Phùng Tử Tài lại đốc quân ra cửa quan. Quảng Tây Tuần phủ Lý Phúc Thái (李福泰) xin

1. Quân Pháp chiếm trọn Nam kỳ Lục tỉnh là năm 1867.

lấy Quảng Đông Hậu bổ đạo Hoa Đinh Kiệt (華廷傑) làm Tương biện quân sự.

Mùa hạ, năm thứ mười (1871), Phùng Tử Tài đến Long Châu. Ngày hai mươi mốt tháng Tư, Tổng binh Lưu Ngọc Thành (劉玉成) đốc các tướng xuất quan đến Bắc Ninh. Tháng Chín, Khâm Châu tri châu Trần mỗ dụ bắt được Tô Quốc Hán, giải đến chỗ Lưỡng Quảng Tổng đốc Thụy Linh (瑞齡), đem giết. Con của y là Tô Á Đặng (蘇亞鄧) trốn ra ngoài biển, chiến cứ Cầu Đầu sơn. Đạo viên Hoa Đinh Kiệt quay về Quảng Đông.

Năm thứ mười một (1872), Quảng Tây Tuân phủ Lưu Trường Hữu sức hịch cho Đạo viên Đàm Viễn Tiến (覃遠璡) đem mười doanh lính dông lo việc biên phòng ở hai phủ Thái Bình, Trấn An. Phùng Tử Tài cũng được điều về canh phòng ở biên cương.

Năm thứ mười hai (1873), quân Trung Hoa sắp rút, người Pháp đột nhiên đưa binh thuyền đến tỉnh Hà Nội. Quốc vương trình thưa rằng Tổng binh của Trung Hoa là Trần Đắc Quý (陳得貴) phái đội bắt phải để cho (tàu Pháp) vào. Lưu Trường Hữu cứ theo thực tình tấu báo về triều, triều đình bèn mệnh cách chức (Trần Đắc Quý) đem ra xét hỏi. Người Pháp bèn chiêu tập những quân tàn dũng của Trung Quốc và những kẻ bất mãn ở biên cảnh Vân Nam tiến đánh các tỉnh Việt Nam. Các bể tôi trấn thủ của Việt Nam phần đa đều hàng cả. Đến tỉnh Thái Nguyên, quan trấn thủ vời Lưu Vĩnh Phúc giúp sức. Quân Pháp đến, Vĩnh Phúc đặt phục binh đánh bại, bắt được tướng Pháp là An Nghiệp (安鄰)¹, quân Pháp thua, lui về tỉnh Hà Nội, cùng hòa với quốc vương. Vương sai bể tôi là Nguyễn Văn Tường (阮文祥) cùng nghị, người Pháp bèn lập dinh ở Hà Nội và đặt trạm thuế quan ở cửa biển Bạch Đằng để thu thuế. Trước đây, thủ lĩnh giặc Hoàng Sùng Anh có quan hệ trong ngoài với Ngô Côn, Lưu Vĩnh Phúc cũng là đồng đảng của Ngô Côn. Ngô Côn chết, người em là Ngô Kinh (吳鯨) tập hợp cả nhà tự sát. Hoàng Sùng Anh, Lưu Vĩnh Phúc vốn bất hòa với nhau. Vĩnh Phúc hàng, Việt Nam vương trao

1. Tức Francis Garnier.

cho giữ chức Đề đốc ba tỉnh, còn Hoàng Sùng Anh vẫn chiếm cứ Hà Dương làm giặc cướp như cũ.

Năm thứ mười ba (1874), Lưu Trường Hựu sai Lưu Ngọc Thành đem mười doanh tả quân, Đạo viên Triệu Ốc (趙沃) đem mười doanh hữu quân, từ phủ Trấn An ra khỏi cửa quan đánh dẹp Hoàng Sùng Anh. Năm ấy, người Pháp ép buộc Việt Nam vương phải công nhận Thiên Chúa giáo, và cho tự do đi lại trên sông Hồng. Sông Hồng tức là sông Phú Lương vậy. Rồi (Pháp) lại lấy danh nghĩa là bảo vệ thương mại, sai quân đến đóng giữ các nơi Hà Nội, Hải Phòng, và xin khai thác các mỏ ở thượng lưu sông Hồng.

Năm Quang Tự nguyên niên (1875), Triệu Ốc liên tục đánh hạ các nơi như huyện Đèo Định, phủ Tương An. Người địa phương ở châu Bảo Lạc và Bạch Miêu đều xin hàng. Sùng Anh đem quân đến chống, rồi trốn chạy. Triệu Ốc đốc các quân đánh hạ sào huyệt (của Sùng Anh) ở Hà Dương, đồng đảng giặc là Trần Á Thủy (陳亞水) hàng. Tháng Bảy, bắt được Hoàng Sùng Anh đem chém. Mùa xuân năm thứ hai (1876), (Triệu Ốc) rút quân về.

Năm thứ bảy (1881), Lưu Trường Hựu đổi làm Tổng đốc Vân, Quý, biết người Pháp có chí muốn lấy được Việt Nam mà nhòm ngó các tỉnh Điện (Vân Nam), Việt (Quảng Đông), bèn dâng sớ về triều, đại lược rằng: “*Tỉnh ngoài biển, là cửa ngõ vào Trung Quốc; nước ngoại phiên là phần đầu của Trung Quốc. Phần đầu đó thì cửa ngõ nguy, cửa ngõ nguy thì nhà cửa phải chấn động. Việt Nam với các tỉnh Điện, Việt như môi với răng. Các nước Thái Tây¹, từ khi thiết lập các bến cảng ở Ấn Độ, cùng Tân Gia Pha², đảo Tân Lang³ đến nay, nước Pháp đã thèm muốn nuốt chửng Việt Nam từ lâu rồi vậy. Lập phố ở Tây Cống, chiếm cứ nơi trọng yếu nước ấy, thông đồng với lũ hung tặc Hoàng Sùng Anh, chiếm lấy Đông Kinh, tụ tập quân binh mưu vượt sông Hồng mà xâm chiếm các xứ ở Lạng Sơn. Lại muốn cắt đất biên giới Việt Nam với Quảng Tây lấy sáu trăm dặm để làm chỗ đồn binh. Khi thần làm Tuần*

1. Tức các nước phương tây.

2. Tức Singapore.

3. Tức đảo Pulau Pinang thuộc Malaysia hiện nay.

phủ Quảng Tây, tuy binh mệt lương ít, vẫn lập tức sai tướng sĩ qua ải sang cứu viện. Người Pháp không thích, mới tố cáo với Thông thương nha môn, nói rằng thần mưu đồ đen tối, có ý làm trái minh ước. Nhờ Nghị Hoàng đế¹ xét tỏ lòng ngu trung của thần, mới được giúp xuất quân tiêu trừ, trong ngoài giáp kích. Việt Nam chiêu dụng Lưu Vĩnh Phúc đánh tan quân tiên phong của tướng Pháp là Sa Tù (沙酋)². Hai cánh quân Quảng Tây, lộ cánh tả thì Đề đốc Lưu Ngọc Thành đến Thái Nguyên, Bắc Ninh, lộ cánh hữu thì Đạo viên Triệu Óc từ Hưng Hóa, Tuyên Quang chia đánh tặc đảng, thẳng đến An Biên, Hà Dương phá sào huyệt của Hoàng Sùng Anh, diệt đầu sỏ giặc. Vì vậy, người Pháp phải từ bỏ âm mưu, không dám mặc ý thôn tính nữa, đến nay đã gần một kỷ. Nhưng thần vẫn luôn hỏi han các tướng ngoài biên, biết rằng chí của người Pháp muốn tất phải có được Việt Nam, để nhòm ngó cõi ngoài Diên, Việt, mà thông đường đến Sở, Thục, suy tính mới giảo quyết làm sao, họa đã cận kề da thịt vậy. Từ đâu mùa thu đến nay, nước Pháp tăng thêm kinh phí cho thủy quân ở Việt Nam, Hạ nghị viện của họ đã bàn sẽ lấy hai trăm năm mươi vạn franc để sửa sang cho thủy quân ở vịnh Đông Kinh³. Tướng hải quân Cách La Ái (格羅愛)⁴ ngày ngày tính toán việc binh ở Đông Kinh, chỉ đợi kết thúc việc ở Đột Ni Tu⁵, là lập tức tiến hành. Trộm lấy làm rằng, người Pháp quả đã quyết chí ngầm mưu, tham lợi mà bội ước vậy. Trộm nghe, kẻ lập mưu này là Bá Lăng Thủ Ban (伯朗手般)⁶ ở Ty tuần kiểm Tây Cống, Việt Nam. Sau khi mở thương cảng, đã cho người nước ngoài vào đến hàng trăm vạn, dân tình dần hợp, sản vật ngày càng nhiều. Số thương nhân đến Giản Bộ Trại⁷ cũng hơn trăm vạn. Bán gạo xuất dương, mỗi năm hàng trăm vạn thạch, những tô thuế thu được cho ngân khố ở Tây Cống, mỗi năm tính đến hai trăm năm mươi vạn franc. Giản Bộ vốn là

1. Tức vua Đồng Trị nhà Thanh.

2. Chưa rõ tên Pháp là gì.

3. Tức vịnh Bắc Bộ (Gulf of Tonkin).

4. Chưa rõ tên tiếng Pháp là gì.

5. Tức Tunisia.

6. Chưa rõ tên tiếng Pháp là gì.

7. Tức Campuchia.

nơi hoang vu, nay mở đường giao thông đi lại, đắp đường xe chạy, đào khơi sông ngòi, người Giản Bộ cảm ơn đức của Pháp, xin đem sáu trăm vạn dân hiến đất quy phụ. Vì vậy, Bá Lãng Thủ Ban mới đem tình hình ở Việt Nam báo cáo Tổng thống. Một dải sông Phú Lương, Pháp đã chạy tàu mỏ chợ, bàn tính sẽ ngược dòng đến tận sông Lan Thương để lưu thông hàng hóa với Trung Quốc, câu kết với các tộc di ở cõi xa xôi mà nhòm ngó biên giới Điện, Việt. Xây dựng đường sắt từ Tây Cống đến Giản Bộ Trại, để tránh phải đi đường biển vòng xa. Việt Nam khắp bốn cõi đều có dấu chân người Pháp, mà chính trị không sửa sang, binh thuế không có đủ, tình thế đã nguy như chồng trứng xếp cao. Nay lại bị hưng binh thôn tính, gia thêm những phản dân ở Giản Bộ, thế tất thua bại không thể chống đỡ nổi. Năm Đồng Trị thứ mười ba, Đề đốc của Pháp chỉ bắn pháo thị uy, mà ba tỉnh miền tây đã vào tay người Pháp, để cho Hồng Hải thông thuyền, đất hiểm lại mất. Điều ước lập ra, riêng không chịu nhượng cho (Pháp) Đông Kinh, thế nước nguy ngập, phải cậy vào đất ấy làm thế ý dốc. Nếu lại mất nốt Đông Kinh, thì dù Pháp không đem hết binh lực tiêu diệt Phú Xuân, thì (Việt Nam) cũng đã không thể nào tự lập được nữa rồi. Thần cho rằng, hành động này của người Pháp, là có chí nuốt trọn toàn bộ Việt Nam. Sau khi đã có được (Việt Nam) rồi, tất xin lập lãnh sự ở các nơi như Mông Tự, để giành lợi từ các mỏ khoáng sản vàng, thiếc, hoặc theo đường Xuyên, Thục mà thông ra Hồng Hải, chiếm cứ vùng thương du có cửa khẩu thông thương đi các nơi. Huống chi, đất Điện Nam, từ đời Đồng Trị trở lại đây, bình định nghịch Hồi, nhưng những tên dư đảng hung hãn, có kẻ còn lẩn trốn ở nơi rừng núi Việt Nam, có kẻ chạy đến cảng biển làm cho người Pháp, việc quân hu thực, tình hình ngoài biển, đem tiết lộ hết, cho nên thi thoảng lại có người di¹ thâm nhập vào tỉnh Điện để quan sát hình thế. Nếu Pháp diệt Việt Nam, thì đảng nghịch tất sẽ dấn đường cho chúng vào cướp nội địa, mà lập mưu cắn trả. Thần nhận chức vụ canh phòng biên cương, tiếp cận với quân ngoại khẩu, chẳng dám biết tin mà không bẩm báo như vậy.” Tấu dâng lên, triều đình không trả lời.

Bấy giờ, sứ thần ở Anh và Pháp là Tăng Kỷ Trạch (曾紀澤) đem việc ở Việt Nam đệ lên pháp đình cật vấn, Phúc Kiến Tuần phủ Đinh

1. Người di ở đây chỉ người Tây dương.

Nhật Xương (丁日昌) cũng dâng sớ tâu về việc Pháp, Việt. Hoàng đế sai cùng với Bắc dương đại thần Lý Hồng Chương (李鴻章) bàn bạc biện pháp, và dụ quan Đốc, Phủ các tỉnh ven sông ven biển, bí mật lo liệu.

Năm thứ tám (1882), tháng Hai, người Pháp đưa binh hạm từ Tây Cống chạy ra Hải Dương, mưu chiếm Đông Kinh. Tổng đốc Trực Lê là Trương Thụ Thanh (張樹聲) tâu lên, Hoàng đế dụ Tổng đốc Vân Nam tùy cơ mà ứng phó. Tháng Ba, cho Tăng Quốc Thuyên (曾國荃) làm Tổng đốc Luõng Quảng. Pháp đánh Đông Kinh, phá được. Trương Thụ Thanh tâu (triều đình) lệnh cho quân trú phòng ở các tỉnh Điện, Việt nghiêm giữ ngoài thành, lấy danh nghĩa là tiểu trừ thổ phỉ, để nhân đà tiến binh, và lệnh cho binh hạm ở Quảng Đông ra khơi để làm thanh viễn từ xa. Tháng Năm, Tổng đốc Vân Nam Lưu Trường Hựu sai Đạo viên Thẩm Thọ Dung (沈壽榕) đem quân xuất cảnh, liên lạc làm thanh thế với quan quân Quảng Tây, cùng bảo hộ Việt Nam. Và tấu rằng: “*Thăm dò được tin người Pháp sau khi phá Đông Kinh, lui xuống đóng dưới tàu, ngày ngày thêm quân, lại tăng cường chiêu dụ giặc cướp, treo thưởng vạn lạng vàng cho ai bắt được Lưu Vĩnh Phúc, mười vạn lạng vàng nếu lấy được chúa Bảo Thắng. Lại thêm, lãnh sự Pháp sau khi phá được thành, đã cướp đoạt Thương Chính nha môn, truyền thị tới các nhà buôn, thuế xuất nhập hàng hóa sẽ có quy định mới, hiện vẫn điều động lực quân nhanh chóng đóng tàu thuyền để làm kế sang phía tây lấy đất Bảo Thắng. Việt Nam vương đã phái Binh bộ thị lang Trần Đình Túc (陳廷肅) tạm tiếp nhận chức Hà Nội Tổng đốc, và sai Lại bộ Thượng thư Nguyễn Chính (阮正) đến Sơn Tây cùng bọn Hoàng Tá Viêm (黃佐炎) bàn bạc kế sách chống địch. Tuần phủ, Bố (chính sứ), Án (sát sứ) các tỉnh, quá nửa cùng Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc đều quyết một trận tử chiến. Sau đó, thống lĩnh quân biên phòng là Đề đốc Hoàng Quế Lan (黃桂蘭) báo rằng, Lưu Vĩnh Phúc chạy đến Sơn Tây, đi qua Lạng Sơn, có đến gấp. Đến khi đem trung nghĩa ra hiểu dụ, bèn cảm kích phán phát, theo như tự nói đã chia binh đến Bắc Ninh và trợ giúp giữ Bảo Thắng, muôn vàn không để cho người Pháp được如意, nhưng binh lực không đủ, mong thiên triều cho viện quân. Quân đến Hà Nội do thám nói, người Pháp sợ viện*

binh (Trung Quốc) bất ngờ kéo đến, đã thả Hà Nội Tuần phủ mà họ bắt được, và trao trả thành trì kho tàng. Tuần phủ không nhận, nói rằng người Pháp trái ước động binh, đã lấy cái chết tự thê. (Pháp) bèn chuyển giao cho Án sát sứ là Tôn thất Nguyễn Bá (阮霸)¹. Rồi lại dùng thuốc nổ phá hủy Đông Kinh², để tránh người Việt lại tụ tập, và giảm bớt binh lực phải chia ra canh giữ. Tàu của Pháp hoặc xuống phía đông đến Hải Dương, hoặc chia ra chạy vào Quảng Nam, Tây Cống, đợi tập hợp tăng thêm đủ quân, sẽ thực hiện việc lên thương du. Xét thấy, người Pháp đốt phá Đông Kinh, âm mưu xảo quyệt khó lường, nên các bể tôi của Việt Nam quyết kế chủ chiến. Sơn Tây là đất yếu địa để giao thông lên Vân Nam, quân Việt có thể dốc hết sức chống cự, chẳng những chỉ có việc biên phòng ở các tỉnh Điện, Việt có thể bảo đảm được, mà chính đại cục của Việt Nam cũng có thể mong chấn hưng được. Và điều mà Quảng Đông Tổng đốc và Tổng thư đã bàn là cho binh lực ba tỉnh Điện, Việt, Quế hợp quân cùng lo việc Bắc kỵ, càng có thể thừa thế làm sớm, để chặn sự nhòm ngó (của Pháp). Nhưng nước Việt bị Pháp khống chế đã lâu, lòng người sợ hãi, lần này quyết chiến ở Sơn Tây, mong muốn tất thắng, chỉ cần hơi bại, thì đại cục thực không dám nghĩ đến nữa. Nếu như Sơn Tây thất bại, thì người Pháp sẽ sang phía tây vào Tam Giang Khẩu, không chỉ Bảo Thắng không còn được che chắn nữa, tỉnh Điện, từ sông Hà Đè trở xuống, mỗi bước sẽ đều phải canh phòng, hao tổn nhiều tiền của và sức lực. Đem cơ sự mà nói, Trung Quốc đang ở chỗ muôn nạn mà chỉ biết ngồi nhìn. Huống không thể đợi đến khi Sơn Tây thất bại, việc đã rồi mới sang tiếp viện được.” Không lâu, (triều đình) triệu Trưởng Hựu về triều kiến, rồi lấy Sầm Dục Anh (岑毓英) tạm thay làm Tổng đốc Vân Nam.

Lưu Vĩnh Phúc vốn là người châu Thượng Ân, Quảng Tây. Niên hiệu Hàm Phong, Quảng Tây loạn, Vĩnh Phúc đem ba trăm người ra khỏi Trấn Nam quan. Khi ấy, người tỉnh Việt (Quảng Đông) là Hà Quân Xương (何均昌) chiếm cứ Bảo Thắng. Vĩnh Phúc bèn đuổi đi

1. Tức Tôn Thất Bá. ĐNTL.K4.q67 có chép việc năm 1882, quân Pháp đánh thành Hà Nội, Tổng đốc Hoàng Diệu sai Án sát Tôn Thất Bá ra ngoài thành thương thuyết. Bá vừa rời thành thì quân Pháp nổ súng tấn công. Thành mất, Tổng đốc Hoàng Diệu thất cổ dưới gốc cây to. Tôn Thất Bá chạy đến xã Nhân Mục thì bị Pháp đưa về, giao tinh thành cho.

2. ĐNTL.K4.q67 chép là “phá hủy cửa thành”.

mà chiếm lấy Bảo Thắng, bộ quân của Vĩnh Phúc đều dùng màu đen, nên gọi là “quân Cờ Đen”. Sau khi Vĩnh Phúc lập công, Việt Nam bèn trao cho giữ chức Đề đốc ba tỉnh¹, thường luôn tự chuẩn bị lương thực khí giới tiều phỉ, nhưng Hoàng Tá Viêm đều giấu kín, không báo tin lên triều đình, các đại thần Việt Nam cũng phần đa nghi kỵ, nên Vĩnh Phúc rất oán giận Tá Viêm. Tá Viêm là phò mã của Việt Nam², từ Đại học sĩ Đốc sứ, Đốc phủ cũng đều chịu sự tiết chế. Khi Phùng Tử Tài làm Quảng Tây Đề đốc, Tá Viêm vì có việc đến gấp, Tử Tài ngồi trên tướng đài, bắt dùng lễ ba quỳ chín khấu đầu mà gặp, nên Tá Viêm oán đến tận xương. Khi Việt Nam nạn đói sâu, quốc vương Nguyễn Phúc Thì phẫn uất quyết chiến, trách lệnh Tá Viêm đốc Vĩnh Phúc ra quân, nhưng sáu lần điều động đều không đến. Vì quân Pháp sợ Vĩnh Phúc, nên quốc vương mới trước sau ủy nhiệm như vậy.

Trước đây, Lưu Trường Hựu sai Phiên ty Đường Quýnh (唐炯) đem bộ quân cũ ra đóng ở Bảo Thắng. Tăng Quốc Thuyên đến Quảng Đông, sai Đề đốc Hoàng Đắc Thắng (黃得勝) thống lĩnh quân đội phòng giữ Khâm Châu, Đề đốc Ngô Toàn Mỹ (吳全美) đem tám tàu thủy quân phòng giữ Bắc Hải, Quảng Tây Phòng quân Đề đốc Hoàng Quế Lan, Đạo viên Triệu Ốc nối nhau ra ái, chính là nói “ba tỉnh hợp quân cùng lo việc Bắc kỳ” vậy. Khi ấy, người Pháp muốn Trung Quốc cùng hội bàn về việc ở Việt Nam, (triều đình) dụ hai tỉnh Điền, Việt trù hoạch để chuẩn bị nghị bàn. Công sứ của Pháp là Bảo Hải (寶海)³ đến Thiên Tân, (triều đình) sai Bắc Dương đại thần⁴ cùng họp bàn về việc phân chia biên giới với Việt Nam. Lại bộ chủ sự Cảnh Tung (唐景崧) tự xin đến Việt Nam chiêu phủ Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng đế mệnh cho đến Vân Nam, nghe theo sai khiến của Sầm Dục Anh.

Cảnh Tung bèn mượn đường Việt Nam vào Vân Nam, trước tiên đến Quảng Đông gấp Tăng Quốc Thuyên, (Quốc Thuyên) cũng

1. ĐNLT.K4.q53 chép năm 1875, nhà Nguyễn phong Lưu Vĩnh Phúc chức Tam Tuyên quân vụ Phó đề đốc. Tam Tuyên tức ba tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang.

2. ĐNLT chép Hương La công chúa Quang Tinh là con gái thứ năm của vua Minh Mạng, được gả cho Phò mã Đô úy Hoàng Kế Viêm. Hoàng Kế Viêm cũng chính là Hoàng Tá Viêm.

3. Tức (Frederic-Albert) Bourée (1836-1914) - (Theo Quang Tự Sự Điển).

4. Tức Lý Hồng Chương.

cho cách của Cảnh Tung là phải, mà tư trợ cho sang Việt Nam. (Cảnh Tung) gặp Vĩnh Phúc, trình bày ba sách lược, rằng: “Việt bị Pháp bức, chỉ mất trong sớm tối, thực là nên nhân đất Bảo Thắng mà truyền hịch để ổn định các tỉnh, rồi thỉnh mệnh Trung Quốc, mượn lấy danh nghĩa, việc thành thì làm vua, ấy là thượng sách vậy. Thứ, thì đem toàn quân đánh Hà Nội, đuổi người Pháp đi, Trung Quốc tất trợ giúp lương thảo, đó là trung sách vậy. Còn như ngôi không mà giữ Bảo Thắng, đến khi việc bại mới chạy sang Trung Quốc, thì đó là hạ sách vậy.” Vĩnh Phúc nói: “Tôi sức mỏng không làm nổi theo thượng sách, trung sách sẽ cố gắng làm vậy.” Tháng Ba, quân Pháp phá thành Nam Định. Hoàng đế dụ cho Quảng Tây Bố chính sứ Từ Diên Húc ra ải hội thương, Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc chuẩn bị phòng ngự, Lý Hồng Chương đang có việc tang, cũng phải dứt tình quay về nhậm chức Bắc Dương đại thần. Hồng Chương khẩn khoản từ chối. Đến đây, sai Hồng Chương đến Quảng Đông đôn đốc xử trí các việc ở Việt Nam, quân trú phòng ba tỉnh Việt (Quảng Đông), Đài (Vân Nam), Quế (Quảng Tây) đều chịu sự tiết chế. Hồng Chương tâu rằng nên đến Thượng Hải để tính toán toàn cục. Công sứ Pháp là Bảo Hải ở Thiên Tân nghị ước đã lâu chưa thống nhất được, được điều về nước, lấy Tham tán Tạ Mân Lộc (謝滿祿)¹ thay xử lý. Lưu Vĩnh Phúc và người Pháp đánh nhau ở Cầu Giấy, Hà Nội, đại phá được quân Pháp, chém tướng Pháp là Lý Thành Lợi (李成利)² tại trận. Việt Nam vương phong cho Vĩnh Phúc tước nam, nhất đẳng. Từ Diên Húc tâu xin lưu doanh trú phòng của Đường Cảnh Tung để giúp dùng, đồng thời tâu trình chiến tích của Vĩnh Phúc. Hoàng đế giục Lý Hồng Chương quay lại nhậm chức Bắc Dương đại thần, đồng thời hỏi về tình hình Công sứ Pháp là Thoát Lợi Cổ (脫利古)³ đến Thượng Hải, sai Hồng Chương định ngày hội nghị. Thoát Lợi Cổ hỏi Hồng Chương: “Có phải giúp Việt Nam không?” Hồng Chương vẫn lấy cớ tiếu phi và phòng biên để nói, nhưng quân Pháp đã chuyển đánh vào quốc đô Thuận Hóa, ép (Việt Nam) nghị ước. Hồng Chương cùng

1. Tức Robert Semallé - (Theo *Quang Tự Sự Điển*).

2. Tức Henri Rivière.

3. Tức Arthur Tricou (1837-?) - (Theo *Quang Tự Sự Điển*).

Công sứ mới của Pháp (Thoát Lợi Cổ) vẫn không thỏa thuận được nghị ước, quân Pháp tuyên bố sẽ đánh Quảng Đông. Quảng Đông giới nghiêm. Tổng thư gửi thư cho Công sứ Pháp, nói: “Việt Nam từ lâu đã là phiên phong, trải được Trung Quốc đem quân tiêu phì, ra sức bảo hộ. Nay người Pháp xâm lăng không ngừng, há có thể coi thường vậy sao? Nếu rốt lại xâm lấn đến nơi quân chúng tôi đóng trú, thì chỉ có quyết chiến, chứ không thể ngồi nhìn.” Hoàng đế dụ bảo Từ Diên Húc sức cho Lưu Vĩnh Phúc liệu cơ thu phục Hà Nội, nếu như quân Pháp phạm vào Bắc Ninh, lập tức lệnh cho tiếp chiến. Mệnh cho Đề đốc Vân Nam tăng binh canh phòng biên giới, Đường Phủ (唐舡) tiến quân ra tiền tuyến chuẩn bị chiến đấu, và chu cấp lương hướng của Vĩnh Phúc. Lại mệnh Sâm Dục Anh ra ái đốc quân.

Quân Pháp phá tỉnh Sơn Tây của Việt Nam, tình thế Quảng Đông càng cấp bách, (triều đình) lấy Bành Ngọc Lân (彭玉麟) làm Khâm sai đại thần đốc quân Quảng Đông. Bành Ngọc Lân tâu rằng: “Người Pháp bức Việt Nam ký hòa ước, muốn Trung Quốc không tham dự vào khu vực sông Hồng từ phía nam biên giới, và cho phép được thông thương ở huyện Mông Tự, Vân Nam, rõ ràng là có mưu đồ ở biên giới Vân Nam của ta, để hòng thu lợi từ các mỏ kim loại. Chẳng riêng khu vực biên cảnh Vân Nam, Quảng Đông không được lơ là, mà ngay cả toàn bộ Quảng Đông, Thiên Tân, cũng cần nghiêm ngặt phòng bị.” Khi ấy, Việt Nam vương Nguyễn Phúc Thi qua đời, không có con trai, lấy em họ nối ngôi. Người Pháp thừa cơ Việt Nam mới có việc tang, đưa tàu chiến đánh cửa Thuận Hóa, vào chiếm đô thành. Vua nối của Việt Nam tại vị một tháng¹, phụ chính Nguyễn Thuyết (阮說)² tâu với Thái phi phế đi, đổi lập Nguyễn Phúc Thăng (阮福昇)³. Đến đây thì xin hàng Pháp. Lập hòa ước hai mươi bảy điều⁴, trong đó điều thứ nhất là nói Trung Quốc không được can dự vào việc của Việt Nam, ngoài điều ấy ra chính quyền, lợi quyền đều

1. Tức vua Dục Đức. Vua là con của Thụy vương Hồng Y, là cháu của vua Tự Đức.

2. Tức Tôn Thất Thuyết.

3. Tức vua Hiệp Hòa.

4. Tức Hòa ước Quý Mùi.

quy vào tay người Pháp, bức quốc vương dụ chư tướng thoái binh, và quan trọng nhất là đuổi Lưu Vĩnh Phúc.

Tuần phủ Vân Nam Đường Quýnh nhiều lần giục Vĩnh Phúc thoái binh, Vĩnh Phúc muôn lui về giữ Bảo Thắng, nhưng các tướng sĩ quân Cờ Đen đều phẫn nộ. Phó tướng Hoàng Thủ Trung (黃守忠) nói: “Ngài có thể lui về Bảo Thắng, nhưng xin đem toàn quân giao cho mạt tướng để giữ Sơn Tây. Có công thì ngài được nhận, còn nếu là tội thì cứ quy cho mạt tướng.” Vĩnh Phúc bèn không nói đến việc lui nữa. Từ Diên Húc tâu rằng: “*Người Việt vội vã nghị hòa, có người nói là vì vua cũ chưa an táng nên tạm như vậy để lo việc trước mắt, có người nói là vì hiềm khích trong việc phế lập, nên định thần kéo bè kết đảng gây họa. Qua nhiều lần tiếp nhận hòa ước mà bọn đại thần Việt Nam là Hoàng Tá Viêm sao chép gửi tới, thì Việt Nam thực không còn lấy gì để giữ được xă tắc nữa, như vậy Trung Quốc lại lấy gì để bền vững phên dậu đây? Các đại thần Việt Nam định đợi việc an táng vua cũ xong sẽ lật lại điều ước, xin (triều đình) không rút quân vội. Lưu Vĩnh Phúc vẫn đóng giữ Sơn Tây, tự vương Nguyễn Phúc Thăng kế vị, đã có bẩm báo tang, và xin phép cho sai sứ đến cửa khuyết xin phong. Nước Việt lòng người tán loạn, có thể tự lập hay không, còn chưa thể biết được.*” Đồng thời đem hòa ước Pháp Việt hai mươi bảy điều cùng tờ bẩm của đại thần Hoàng Tá Viêm chép chuyển cho Quân cơ xú.

Lưỡng Giang Tổng đốc Tả Tông Đường (左宗棠) xin súc cho quan Phiên ty trước đây là Vương Đức Bảng (王德榜) mộ lính dông đến biên giới Quảng Tây đóng chặn. Tháng Mười một, người Pháp phá tỉnh Hưng Yên, bắt giữ Tuần phủ, Bố chính, Án sát đem đến Hà Nội bắn chết. Lại tiến công Sơn Tây, phá được. Lưu Đoàn (劉團) tan võ, Vĩnh Phúc lui về giữ thành Hưng Hóa. Tháng Mười hai, tự vương Nguyễn Phúc Thăng đột ngột qua đời, có người nói là vì sợ Pháp nên bị bức tự tử. Người trong nước lập con kế tử thứ ba của vua trước Nguyễn Phúc Thi - tức là con trai của phụ chính Nguyễn Thuyết - lên làm vua.¹ Từ Diên Húc tâu báo Sơn Tây thất thủ, Bắc Ninh nhất định cũng không có gì hơn. Hoàng đế trách là nói quá.

1. Tức vua Kiến Phúc. Vua cũng là con của Kiên Thái vương Hồng Cai chứ không phải con của Tôn Thất Thuyết.

Năm thứ mười (1884), Đường Cảnh Tung ở Bảo Thắng dâng thư lên Khu mật phủ, nói: “Hai quân Điện, Quế văn thư thông tin lẫn nhau rất chậm chạp, thanh thế thực không dễ liên lạc. Việt Nam trong vòng nửa năm, đã ba lần đổi vua, tội dân hoảng hốt, như kẻ vô chủ. Muốn vun đắp gốc rễ để lắng nguôn loạn, chẳng gì bằng cho quân vào thẳng Thuận Hóa, phù giúp vua nước ấy, để yên định nhân tâm mà tiêu diệt đảng phái, mũi nhọn của địch đã gần như bị dập tắt, việc quân cũng dễ xử trí hơn. Nếu không vì nước phen đậu mà tính toán, thì các tỉnh ven biên giới ở Bắc kỳ, ta nên giành chiếm lấy luôn, để tránh ngồi nhìn rơi vào tay người ngoài. Nếu không, còn đắn đo bắt cá hai tay, thì chưa từng thấy không thua bại bao giờ vậy.”

Lưu Vĩnh Phúc đến gặp Sầm Dục Anh ở Gia Dụ quan, Dục Anh tiếp đãi rất hậu, biên chế quân của Vĩnh Phúc làm mười hai doanh. Quân Pháp sắp đánh Bắc Ninh, Dục Anh sai Cảnh Tung đem toàn bộ quân của Vĩnh Phúc đến cứu viện. Quế quân (quân Quảng Tây) của Hoàng Quế Lan, Triệu Óc đang giữ Bắc Ninh, nên Sơn Tây bị vây, bọn Quế Lan chỉ ngồi nhìn không cứu, vì vậy Vĩnh Phúc lấy làm oán hận lắm, Cảnh Tung phải ra sức hòa giải đi, Vĩnh Phúc mới đến cứu viện. Cảnh Tung khuyên Quế Lan rời thành, chọn nơi hiểm yếu mà trấn giữ, nhưng Quế Lan không nghe. Tháng Hai, quân Pháp đánh Phù Lương, Tổng binh Trần Đắc Quý (陳得貴) xin cứu viện, quân Bắc Ninh đến, thì Phù Lương đã vỡ rồi. Quân Pháp tiến bức Bắc Ninh, Hoàng Quế Lan, Triệu Óc thua chạy về Thái Nguyên, Lưu Vĩnh Phúc cũng ngồi nhìn không cứu. Từ Diên Húc già ốm, vốn có thân thiết với Triệu Óc, nên rất tin cậy. Triệu Óc chỉ là kẻ hèn yếu tầm thường, tướng (của Diên Húc) là Đảng Mẫn Tuyên (黨敏宣) gian xảo, coi khinh Diên Húc. Quân địch xâm phạm Bắc Ninh, Mẫn Tuyên trốn chạy trước. Trần Đắc Quý là bộ hạ cũ của Phùng Tử Tài, kiêu dũng thiện chiến. Tử Tài từng đòn hặc Diên Húc, khiến Diên Húc oán giận, thành thủ oán lây cả Đắc Quý. Kịp đến khi Bắc Ninh bị hãm, bèn tâu cho chém, Mẫn Tuyên cũng bị trừng trị. Diên Húc điều độ không đúng, Hoàng đế mệnh cách chức, lưu tại nhậm sở. Tháng Ba, sai Hồ Nam Tuần phủ Phan Đỉnh Tân (潘鼎新) đến lo các việc quân vụ ở ngoài ải Quảng Tây, tiếp quản quân của Từ Diên Húc.

Hoàng Quế Lan sợ tội uống thuốc độc tự tử. Hoàng đế dụ rằng: “Tù Diên Húc đóng giữ Lạng Sơn, chỉ sai Đề đốc Hoàng Quế Lan, Đạo viên Triệu Ốc đóng giữ Bắc Ninh, chưa gắp địch đã tan vỡ, thật đáng hận thay! Từ Diên Húc phải cách chức đem về tra hỏi, việc thua bại của Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc giao cho Phan Đỉnh Tân điều tra xử lý.” Lấy Vương Đức Bảng tạm làm Quảng Tây Đề đốc, Đức Bảng từ chối không nhận. Đường Quýnh cũng bị cách chức đem về hỏi, lấy Trương Khải Tung (張凱嵩) làm Vân Nam Tuần phủ. Sau khi Bắc Ninh bại, Từ Diên Húc lấy Đường Cảnh Tung làm Hộ quân thu thập tàn binh, nghiêm lệnh ước thúc. Khi ấy Đường Nhân Liêm (唐仁廉) tạm làm Quảng Tây Đề đốc. Quân Pháp từ Bắc Ninh tiến chiếm Hưng Hóa, lại đem tám tàu chiến đi vào vùng biển của Trung Quốc, nhòm ngó Hạ Môn cùng cửa Ngô Tùng ở Thượng Hải. Các nơi ven biển đều giới nghiêm, từ đây bắt đầu hòa nghị Trung - Pháp.

Tháng Tư, Lý Hồng Chương cùng Tổng binh của Pháp là Phúc Lộc Nặc (福祿諾)¹ bàn bạc các điều khoản ở Thiên Tân, dù cho quân trú phòng ở Điền, Quế đợi lệnh mà hành động. Không lâu, thì Hồng Chương đem hòa ước năm điều về triều bẩm báo, đại lược nói: “Biên giới phía nam của Trung Quốc tiếp giáp với Bắc kỲ (Việt Nam), nước Pháp đã bảo hộ, không lo xâm chiếm. Trung Quốc cho phép ở khu vực biên giới tiếp giáp với Bắc kỲ, hàng hóa của Pháp, Việt được vận chuyển buôn bán. Sắp tới, Pháp và Việt có thay đổi điều ước, nhất định không đưa vào những từ ngữ làm tổn hại thể diện của Trung Quốc.” Triều đình có chỉ trả lời bằng lòng, cho Hồng Chương được toàn quyền ký kết. Sau đó, công sứ Pháp đem việc điều ước giản lược, giữa Pháp văn với Hán văn không khớp nhau mà cật vấn, Hoàng đế trách Hồng Chương làm việc hàm hồ, dư luận đều tập trung mũi nhọn công kích vào Hồng Chương, cho là “thông dì” (thông đồng với người tây). Công sứ Pháp lấy cớ bỏ ước, Hoàng đế lệnh cho ngoài ải chính đốn quân đội canh phòng nghiêm ngặt, nếu bên kia có ý định xâm phạm, lập tức giao chiến. Lại mệnh cho Sầm Dục Anh vời Lưu Vĩnh Phúc đem bộ quân về theo. Phan Đỉnh Tân tâu: “Quân Pháp chia đường dự định xâm phạm hai nơi Cốc Tùng, Đồn Mai.

1. Tức François Ernest Fournier (1842-1934) - (Theo *Quang Tự sự điển*).

Quân Quảng Tây thiếu vũ khí, ít lương thảo, e rằng không thể trông cậy được.” Hoàng đế cho là lấy cớ để chối bỏ trách nhiệm, bèn trách mắng. Quân Pháp định tuần thị Lạng Sơn, đến cầu Quan Âm, quân Quảng Tây bèn chặn lại, không cho vào. Tướng Pháp nói nǎng vô lẽ, bèn đánh nhau, (quân Quảng Tây) thắng được. Tầu dâng về, (triều đình) dụ cho quân tiến lấy Bắc Ninh, trách Pháp nổ súng trước, phải chịu bồi thường. Lại sai báo cáo tới Bộ Ngoại giao của Pháp để ngăn quân Pháp, đồng thời dụ quân (Thanh) rằng: “Nếu như bên địch không đến xâm phạm thì không nên tiến quân trước.” Sứ Pháp lại xin tiếp tục hòa nghị, Hoàng đế lệnh cho quân Quảng Tây lui về Lạng Sơn, quân Vân Nam lui về Bảo Thắng, không được khinh dị gây hấn. Tướng pháp Cô Bạt (孤拔)¹ định đem tàu chiến quấy rối ngoài biển, Công sứ Pháp Ba Đức Nặc (巴德諾)² lưu lại ở Thượng Hải, không chịu đến Thiên Tân, bèn đổi Tăng Quốc Thuyên làm Đại thần toàn quyền, Trần Bảo Sâm (陳寶琛) làm Hội biện, Thiệu Hữu Liêm (邵友濂), Lưu Lan Tường (劉麟祥) làm Biện lý tùy tòng. Dụ rằng: “Binh phí, tuất khoản, nhất định không được đồng ý. Việt Nam nên theo lệ cũ chịu phong, cống. Quân của Lưu Vĩnh Phúc, như họ đã đề cập, phải do ta sắp xếp. Phân giới nên đắp tường lập ụ tiên tiêu ở phía đất trống ngoài cửa quan. Việc thông thương với Vân Nam nên ở Bảo Thắng, thuế không được vượt quá 5%.”

Tháng Sáu, tướng Pháp là Cô Bạt đem tám tàu chiến vào nhòm ngó biển Phúc Kiến, định chiếm đất để làm tin, ép Trung Quốc phải nghị ước. Hà Cảnh (何璟), Trương Bội Luân (張佩綸) bẩm báo lên. Tàu chiến của Pháp đánh pháo đài Cơ Long ở Đài Loan, Tuần phủ Đài Loan là Lưu Minh Truyền (劉銘傳) chống giữ. Tăng Quốc Thuyên, Trần Bảo Sâm cùng nghị ước với sứ Pháp ở Thượng Hải, Quốc Thuyên bằng lòng trả phí bồi thường là năm mươi vạn, bị triều đình hạ chỉ trách mắng. Điều ước bàn bạc lâu ngày không xong, (triều đình) bèn nhất quyết chủ chiến. Dụ cho Sầm Dục Anh lệnh Lưu Vĩnh Phúc tiến binh đi trước, thu phục Bắc kỳ. Sầm Dục Anh,

1. Tức Amédée Anatole Prosper Courbet (1827-1885) - (Theo Quang Tự Sự Điển).

2. Tức Jules Patenôtre (1845-1925) - (Theo Quang Tự Sự Điển).

Phan Đinh Tân từ trong ải, các quân nối nhau lên đường. Vì người Pháp thất hòa, nên không báo các nước.

Tháng Bảy, công sứ Pháp là Tạ Mân Lộc hạ cờ ra khỏi kinh sư, Hoàng đế bèn tuyên dụ rằng: “*Việt Nam là nước phong cống của ta, hơn hai trăm năm, sử sách còn chép, trong ngoài đều hay. Người Pháp trước tiên chiếm cứ các tỉnh Nam kỳ, rồi lại quay ra tiến chiếm Hà Nội, giết hại nhân dân, thu lấy lợi ích, đoạt lấy tô thuế. Việt Nam non yếu, tự ý lập ước, mà chưa tâu báo sang, khiến vẫn hồi không kịp. Việt cũng có tội, nhưng ta hãy tạm bao dung, không cật vẫn nữa. Năm Quang Tự thứ tám, công sứ Pháp là Bảo Hải cùng Lý Hồng Chương nghị ước gồm ba điều ở Thiên Tân, đang cùng tính toán bàn bạc với Nha môn tổng lý sự vụ các nước thì người Pháp lại lật lọng rút công sứ về. Các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh của Việt Nam, là nơi quân ta đóng giữ, tra dẹp quân phi ở Việt Nam, bảo vệ cho nước phen đậu, tuyệt đối không liên can với nước Pháp. Trong tháng Hai năm ấy, quân Pháp lại đến xâm phạm, đáng phải giáng chỉ tuyên thị, đang còn xem xét sai người sang, thì bỗng có Tổng binh nước ấy là Phúc Lộc Nặc xin Trung Quốc nghị hòa trước. Khi ấy, nước Pháp vì việc ở Ai Cập đang vô cùng nguy ngập, Trung Quốc biết rõ Pháp đang ở thế bức bách, vốn có thể cung rắn từ chối, mà vẫn tỏ cho thấy đại lượng, bằng lòng cho hòa, đặc mệnh Lý Hồng Chương cùng bàn một hiệp ước giản dị gồm năm điều, cùng nhau ký kết. Các quân ở Lạng Sơn, Bảo Thắng, phải căn cứ theo định ước sau tháng Ba sẽ điều về, nên nhiều lần ban súc dụ cho các quân canh phòng đóng nguyên tại chỗ, không được manh động gây hấn. Tướng sĩ các quân, tuân mệnh nghiêm túc. Nhưng nước Pháp không tuân điều ước, bỗng nhiên vào các ngày mồng một, mồng hai tháng Năm nhuận, lấy cớ là tuân tra biên giới, tiến đánh thắng vào phòng doanh ở Lạng Sơn, nổ súng oanh kích trước. Quân ta khi ấy mới tiếp chiến với quân Pháp, mà có sự sát thương lẫn nhau. Người Pháp vi phạm điều ước, vô cớ gây hấn, sát thương quan quân của ta, vốn đáng phải đem qua mà đổi đai. Nhưng nghĩ đến việc đã đánh ước thông hảo hơn hai mươi năm, cũng bất tất phải nhân việc ấy mà bỏ hết minh ước trước, vẫn cho phép Nha môn tổng lý sự vụ các nước qua lại thông báo với công sứ Pháp ở kinh thành, hiểu lẽ thấu tình, tái tam mấy bận. Ngày 24 tháng Năm*

nhuận, lại giáng dụ chỉ, theo đúng điều ước rút quân. Nếu tổ đại tín, để có thể bảo toàn cục diện hòa hảo, thực là tận nghĩa chí nhân vậy. Người Pháp rốt vẫn trước sau ý sức, đòi hỏi binh phí, mặc ý bắt ép. Bèn vào ngày 25 tháng Sáu chiếm cứ pháo đài ở núi Cơ Long, Đài Bắc, nhờ Lưu Minh Truyền đón đánh ta đã thắng lợi. Ngày mồng ba tháng này, bọn Hà Cảnh nhận được thông báo khai chiến của lãnh sự Pháp, mà quân Pháp đã từ Mã Vĩ tiến công trước kỳ hẹn, làm thương hại các binh, thương thuyền. Tuy quan quân đã đốt phá tàu chiến, đánh hỏng thuyền thủy lôi, và giết chết tại trận nhiều quan binh của Pháp, nhưng trừng phạt ấy vẫn chưa phải là thích đáng. Nếu như lại tự ý riêng mà bao dung cho, thì sao có thể thỏa công luận mà thuận lòng người đây? Nay đặc biệt vạch rõ sự tình phi lý ấy, bố cáo thiên hạ biết."

Tháng Tám, có chỉ dụ Sầm Dục Anh đốc sức Lưu Vĩnh Phúc cùng các doanh trú phòng thu phục lại Bắc kỵ, đồng thời dụ Phan Đình Tân sức cho các quân liên lạc thanh thế, chia đường cung tiến. Đề đốc Tô Nguyên Xuân (蘇元春) đánh nhau với quân Pháp ở huyện Lục Ngạn, thắng được chúng. Tháng Mười, nội các học sĩ Châu Đức Nhuận (周德潤) tâu: "Quan quân tiến sang Việt Nam, nên dùng quân chính quy không chế quân ở Hà Nội, lại dùng kỵ binh từ Xa Lý sang Lào Qua, đến Ai Lao, để bất ngờ tập kích Thuận Hóa. Tuyển dụng những người thợ ở biên giới Vân Nam, tất có thể đắc lực." Được (triều đình nghe theo) hạ chỉ giao cho Tổng đốc Vân Nam xem xét kỹ mà trù tính. Tháng ấy, Tô Nguyên Xuân đánh nhau với người Pháp ở xã Chỉ Tác¹, trong trận chém đầu bốn binh quan Pháp. Tháng Mười một, quân của Vương Đức Bảng đại bại ở Phong Cốc, Tô Nguyên Xuân không tới cứu viện. Quân của Đường Cảnh Tung, Lưu Vĩnh Phúc và Đinh Hòe (丁槐) đánh Tuyên Quang, dốc hết sức giao chiến giành thắng lợi, (triều đình) đặc biệt có chiếu khen ngợi. Ngày 19 tháng Mười hai, quân Pháp đánh Cốc Tùng, Vương Đức Bảng vì trận bại ở Phong Cốc oán quân của Tô Nguyên Xuân không cứu viện, đến đây cũng không tới cứu viện. Quân Tô thua, lui về Uy Pha, Lạng Sơn cảnh giới nghiêm ngặt. Hoàng đế sai Phùng Tử Tài đến giúp lo việc quân ngoài ải Quảng Tây. Ngày 29, quân Pháp đánh Lạng Sơn, chiếm lấy.

1. Xã Chỉ Tác thuộc huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

Bọn Phan Đinh Tân lui về đóng ở Trấn Nam quan. Long Châu rúng động. Đường Cảnh Tung, Lưu Vĩnh Phúc, Đinh Hòe đánh Tuyên Quang, hơn một tháng không thể hạ được. Lạng Sơn thất thủ, Sầm Dục Anh sợ quân của bọn Cảnh Tung bị mất hậu viện, lệnh chớ liều mạng dốc hết sức, nhưng Cảnh Tung không nghe. Phùng Tử Tài đánh nhau với quân Pháp ở Văn Uyên, hai bên cùng có thương vong.

Năm thứ mươi một (1885), tháng Giêng, ngày mồng chín, quân Pháp đánh Trấn Nam quan, bắn phá cửa quan rồi đi. Đề đốc Dương Ngọc Khoa (楊玉科) chiến tử. Phan Đinh Tân lui về đóng ở Hải Thôn, Hoàng đế mệnh cho lập công chuộc tội. Nguyên Xuân lui về đóng ở Mạc phủ. Vương Đức Bảng tự phụ là tướng lão luyện ở Tương Trung, nhiều lần giục cứu viện mà không đến, Đinh Tân bèn dâng sớ đàn hặc, khiến bị cách chức, bộ quân quy về Nguyên Xuân cai quản. Quân Pháp đánh Lưu Vĩnh Phúc ở Tuyên Quang, quân Vĩnh Phúc vỡ. Đường Cảnh Tung lui về đóng ở Mục Mã. Hai châu Khâm, Liêm phòng bị rất ngặt. Bành Ngọc Lân xin điều quân của Phùng Tử Tài về phòng giữ Quảng Đông. Triều đình hạ chỉ lệnh Đinh Tân nghị bàn, Đinh Tân vốn không ưa Tử Tài, bèn mệnh cho Tử Tài đi. Tử Tài thấy ngoài quan ải việc phòng giữ đang khẩn cấp, không chịu lui, Ngọc Lân bèn mệnh cho Tử Tài chuyên lo việc phòng bị ở Quảng Tây. Quân của Đinh Tân lâu ngày không lập công trạng gì, bèn bị cách chức, lấy Lý Bỉnh Hành (李秉衡) làm Hộ lý Quảng Tây Tuân phủ, Tô Nguyên Xuân làm Đốc biện Quảng Tây quân vụ. Quân Pháp đã hủy Trấn Nam quan rồi, quân bỏ trốn cùng nạn dân xuống thuyền lánh nạn chật sông, toàn tỉnh Quảng Tây chấn động. Tử Tài đến, bèn hết sức vỗ yên.

Tử Tài ở miền Việt Tây lâu ngày, rất có ân uy, người Quế, Việt đều quý mến, nhân tâm mới định. Bèn ở ải trước cửa quan về phía nội địa mươi dặm, giữa hai dãy núi phía đông và phía tây, cho xây bức tường dài hơn ba dặm, bên ngoài đào hào sâu, để làm kẽ chặn giữ, rồi tự đem quân bộ hạ đến đóng trú ở đó, và lệnh cho Vương Hiếu Kỳ (王孝祺) giữ quân đóng ở phía sau để làm kẽ ý giốc. Quân Pháp tuyên truyền rằng đến ngày đó sẽ đánh cửa quan, Tử Tài liệu rằng chúng tất sẽ đến đánh trước ngày hẹn, bèn bàn đánh trước để khống

chế quân địch. Đinh Tân ngăn lại, nhưng Tử Tài hết sức tranh biện, rồi cứ đem quân của Vương Hiếu Kỳ nhân ban đêm đến đánh đồn lũy địch, giết được quân giặc rất nhiều. Pháp đem hết quân Lạng Sơn đánh Trấn Nam quan, Tử Tài thề với quân sĩ rằng: “Pháp lại vào ải, thì ta còn mặt mũi nào mà gặp người Quảng Đông nữa? Tất liêu chết chống đánh!” Quân sĩ ai nấy đều phẫn uất. Pháp tấn công bức tường dài mới xây, pháo bắn mãnh liệt. Tử Tài huy động các tướng thuộc quyền thống lĩnh, đứng thẳng mà tiếp chiến, kẻ nào lui lại sau tất tự tay đâm chết. Đánh đang hăng, Tử Tài tự mình phá tường dẫn hai con là Tương Vinh (相榮), Tương Hoa (相華) xông thẳng vào quân địch. Các quân thấy Tử Tài tuổi đã bảy mươi, còn hăng hái giết giặc, thì đều cảm kích phẫn nộ, một mực tử chiến. Vương Hiếu Kỳ, Trần Gia (陳嘉) dẫn bộ tướng là bọn Phan Doanh (潘瀛), Trương Xuân Phát (張春發) theo sau. Quân Vương Đức Bảng cũng ở bên cạnh tới nơi cùng giáp kích, giết quân Pháp nhiều không kể xiết. Đánh nhau dữ dội hai ngày, quân Pháp hết đạn, đại bại tan chạy. Tử Tài dẫn quân đánh vào Văn Uyên, quân Pháp bỏ thành chạy. Các quân từ ba lộ tấn công Lạng Sơn, Hiếu Kỳ, Đức Bảng càng ra sức đánh, thắng liên mấy trận. Ngày 13 tháng Hai, bèn hạ Lạng Sơn, Pháp đem hết quân tháo chạy. Tử Tài tiến quân hạ Lạp Mộc, bức đánh Lang Giáp. Vương Hiếu Kỳ tiến quân đến Quý Môn quan, thu lại hết những đất vùng biên từng đóng quân trước đây. Dân Việt Nam lập năm đại đoàn Trung Nghĩa, gồm hơn hai vạn người, đều dựng cờ của quân Phùng. Tây Cống cũng nghe tiếng mà thông khoán liên lạc. Từ khi mở thông đường biển đến nay, Trung Quốc giao chiến với nước ngoài, chỉ có chiến dịch này là đại thắng, nhờ công của Tử Tài vậy.

Quân Pháp sáu ngàn người xâm phạm phủ Lâm Thao, rồi lại chia làm hai đội: Một đội lên phía bắc đến Kha Linh, An Bình; Một đội xuống phía nam, đến Miến Vượng, Mãnh La. Tổng đốc Vân Nam Sầm Dục Anh sai bọn Sầm Dục Bảo (岑毓寶), Lý Ứng Trân (李應珍) chặn đường phía bắc, rồi hồi quân giáp công, chém tại trận năm tướng Pháp, quân Pháp tan vỡ.

Bấy giờ tàu chiến của Pháp chiếm cứ Bành Hồ ở Đài Loan. Sau chiến thắng lớn ở Lạng Sơn, người Pháp ra sức nhờ người Anh là

Hách Đức (赫德)¹ đứng ra điều đình với Lý Hồng Chương để nghị hòa, nói người Pháp sẽ trao trả Cơ Long, Bành Hồ, hai bên cùng rút quân, không đòi binh phí lẫn nhau. Hồng Chương tâu rằng: “Bành Hồ đã mất, thì Đài Loan tất không thể bảo toàn được, nên mượn uy thế của chiến thắng ở Lạng Sơn, cùng ký kết hòa ước, thì Pháp không đến gây sự đòi hỏi nữa.” Triều đình theo lời bàn ấy, lập tức ra lệnh đình chiến. Trận chiến ở Lâm Thao, đã nổ ra trước khi có điện dụ đình chiến tới nơi vậy. Hồng Chương vội xin ký hòa ước, lệnh cho chư tướng cùng lui về biên giới. Tướng sĩ đều nắm tay tức giận, không chịu lui. Bành Ngọc Lân, Trương Chi Động (張之洞) nhiều lần đánh điện ra sức tranh biện. Hoàng đế cho rằng hòa ước Thiên Tân đã quyết, không thể thay đổi được, nghiêm dụ tuân theo thi hành. Người Pháp yêu cầu đuổi Lưu Vĩnh Phúc khỏi Việt Nam, Trương Chi Động bèn tính sai Vĩnh Phúc đóng ở hai châu Tư, Khâm. Vĩnh Phúc kiên quyết không chịu đi, Đường Cảnh Tung phải dùng lời lẽ đe dọa, cùng với chỉ dụ triều đình nghiêm khắc, Vĩnh Phúc mới miễn cưỡng quay về Quảng Đông, được trao chức Tổng binh. Phùng Tử Tài phụng mệnh đôn đốc lo liệu việc biên phòng ở hai châu Khâm, Liêm. Hòa ước đã xong, Việt Nam bèn thuộc về nước Pháp bảo hộ vậy.

1. Tức Robert Hart (1835-1911) - (Theo Quang Tự Sự Điển).

Phân II

CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU
TRONG CHÍNH SỨ TRUNG QUỐC XƯA
TẠI AN NAM

I. SỬ KÝ

QUYỂN 113 - NAM VIỆT ỦY ĐÀ LIỆT TRUYỆN

Nam Việt vương úy Đà (佗)¹, là người Chân Định, họ Triệu (趙). Nhà Tần bấy giờ đã kiêm tính thiền hạ, tạm định vùng Dương Việt, đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, đem những dân bị lưu đày cho xuống ở lắn lộn với người Việt đã mười ba năm. Thời Tần, Đà được cho làm chức Long Xuyên lệnh ở Nam Hải. Đến đời (Tần) Nhị thế, Nam Hải úy Nhâm Ngao (任囂²) bị bệnh sắp chết, cho mời Long Xuyên lệnh Triệu Đà đến bảo: “Tôi nghe bọn Trần Thắng (陳勝) làm loạn, nhà Tần làm việc vô đạo, thiền hạ khổ sở, bọn Hạng Vũ (項羽), Lưu Quý (劉季)³, Trần Thắng, Ngô Quảng (吳廣) ở các châu quận đều hưng binh tụ chúng, gầm ghè tranh nhau thiền hạ, Trung Quốc rối loạn, chưa biết khi nào mới yên, các hào kiệt cùng phản lại nhà Tần mà tự lập. Đất Nam Hải xa xôi vắng vẻ, tôi lo rằng quân giặc cướp sẽ xâm phạm đến đây, muốn hưng binh cắt đứt đường qua lại mới mở mà tự phòng bị, đợi chư hầu gây biến, nhưng gặp khi ốm quá. Vả, Phiên Ngung cậy núi non hiểm yếu, nhờ Nam Hải ngăn trở, từ đông sang tây rộng đến mấy ngàn dặm, được nhiều người Trung Quốc phụ giúp, đó cũng có thể là đất để làm chúa một châu, mà dựng nước vậy. Các trưởng lại trong quận, không có kẻ nào đáng để cùng bàn, cho nên tôi gọi ông đến mà nói cho biết.” Rồi lập tức làm giả chiếu mệnh cho Đà làm chức Nam Hải úy.

1. Ủy Đà: Ủy là chức quan của Triệu Đà. Thời nhà Tần, quận lớn đặt chức Thú, quận nhỏ đặt chức Ủy. Ở đây có nghĩa là “quan Quận úy tên Đà”.

2. Trong *Tiền Hán thư* - Nhan Sư Cổ có chú thích: “囂 âm Ngao”. Như vậy chữ 囂 phải đọc là Ngao.

3. Tức Lưu Bang.

Ngao chết, Đà lập tức đưa hịch báo các ải Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê rằng: “Quân giặc cướp sắp tới nơi, gấp rút cắt đứt đường đi, họp binh tự thủ!” Nhân mượn có lấy pháp luật mà giết hết những trưởng lại do nhà Tần đặt, đem bè đảng của mình thế vào trấn giữ.

Nhà Tần bị diệt rồi, Đà liền đánh chiếm Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ vương. (Hán) Cao tổ bình định thiên hạ rồi, nhân vì Trung Quốc đã lao khổ quá, nên tạm tha cho Đà mà không tru diệt.

Nhà Hán được mười một năm (196 TCN), (triều đình) sai Lục Giả (陸賈) nhân đó đến lập Đà làm Nam Việt vương, cho tín phù mà thông sứ, hòa hợp Bách Việt, chớ gây họa hại ở biên cương phía nam, nơi tiếp giáp với Trường Sa¹.

Thời Cao hậu, Hữu ty xin cấm Nam Việt mua đồ sắt ở cửa quan. Đà nói: “Cao đế lập ta làm vương, cho thông sứ và buôn bán hàng hóa qua lại. Nay Cao hậu nghe lời kẻ bể tôi sàm nịnh, phân biệt Man Di, cách tuyệt hóa vật, đó tất là kế của Trường Sa vương, muốn dựa vào Trung Quốc, đánh diệt Nam Việt mà thôn tính lấy đất làm vương cả, để tự lập công vậy.” Vì thế, Đà bèn tự tôn hiệu làm Nam Việt Vũ đế, phát binh tấn công những ấp ngoài biển của Trường Sa, đánh bại mấy huyen rồi đi. Cao hậu sai tướng quân là Long Lự hầu Táo (竇)² đến đánh. Gặp khí nóng ẩm, sĩ tốt bị bệnh dịch, quân không thể vượt qua được (Ngũ) Lĩnh³. Hơn một năm thì Cao hậu băng, bèn bãi binh. Đà nhân đó đem quân uy bức biên cảnh, và đem tiền của hối lộ các vùng Mân Việt, Tây Âu Lạc, khiến cùng phụ thuộc mà phục dịch mình, từ đông sang tây rộng đến hơn vạn dặm. Bèn ngồi xe mui vàng, cầm cờ tiết mao bên tả⁴, mệnh lệnh gọi là chế⁵, cùng ngang hàng với Trung quốc.

1. Trường Sa: tên một phong quốc thời Hán, nay thuộc tỉnh Hồ Nam.

2. Theo Sách ẩn Vi Chiêu nói: Táo họ Châu (周).

3. Sách ẩn chú là Dương Sơn lĩnh - đúng ra là Kỵ Điền lĩnh, một trong năm ngọn của Ngũ lĩnh.

4. Chi xe dành cho Thiên tử.

5. Lệnh của Thiên tử thời cổ ban ra gọi là chế.

Đến năm Hiếu Văn đế nguyên niên (179 TCN), (triều đình) vừa vỗ yên thiên hạ, sai sứ đến báo cho chư hầu cùng các nước man di xung quanh, ý rằng hoàng đế từ đất Đại Ðã về kinh lên ngôi, mà tuyên dụ thịnh đức vậy. Bèn đặt ấp canh giữ cho mồ mả cha mẹ Ðà ở Chân Định, để tuế thời cúng tế. Vời những anh em họ hàng đến hậu thưởng và ban cho chức quan để tỏ ân sủng. Chiếu cho bọn Thừa tướng Trần Bình (陳平) tiến cử người có thể đi sứ đến Nam Việt, Bình nói là Lục Giả người Hảo Trĩ, thời tiên đế Ðã đi sứ đến Nam Việt. (Triều đình) bèn vời Giả, cho làm Thái trung đại phu, đi sứ sang. Nhận trách Ðà tự lập làm đế, mà chưa từng cho sứ sang bẩm báo.

Lục Giả đến Nam Việt, vua sợ lầm, viết thư tạ lỗi, xưng rằng: “Lão già đứng đầu đất man di, thân là Ðà, vì ngày trước Cao hậu ngăn cách phân biệt Nam Việt, trộm nghi rằng do Trường Sa vương sàm tấu về thân. Lại ở nơi xa nghe rằng Cao hậu Ðã tru diệt hết tôn tộc Ðà, quật đốt mồ mả tiên nhân, nhân cớ ấy tự bỏ, mà xâm phạm biên cảnh Trường Sa. Và đất phương nam trũng thấp ẩm ướt, ở giữa đất man di. Phía đông có Mân Việt, dân chỉ ngàn người mà cũng xứng vương, phía tây có Âu Lạc là nước ở trần mà cũng xứng vương. Lão thần liêu trộm đế hiệu, chỉ để làm vui, há đâu dám báo tin cho thiên vương biết chứ!” Bèn dập đầu tạ lỗi, nguyện mãi làm phiền thần, phụng cống chức. Vì thế bèn hạ lệnh cho trong nước hay rằng: “Ta nghe hai hùng không cùng đứng một chỗ, hai hiền không cùng ở một đời. Hoàng đế là bậc hiền Thiên tử vậy. Từ nay về sau, ta bái bỏ nghi chế Hoàng đế đi xe tán vàng cắm cờ tiết mao bên tả.” Lục Giả về bẩm báo, Hiếu Văn đế rất vui lòng. Đến đời Hiếu Cảnh đế, (Ðà) xưng thần, sai người sang triều thỉnh. Nhưng Nam Việt ở trong nước vẫn trộm dùng danh hiệu như cũ, chỉ khi có sứ sang chầu Thiên tử, mới xứng vương, chịu mệnh lệnh như các chư hầu. Đến năm Kiến Nguyên thứ tư (137 TCN) thì (Ðà) qua đời. Cháu Ðà là Hồ (胡)¹ kế làm Nam Việt vương.

Bấy giờ Mân Việt vương Dĩnh (郢) hưng binh đánh các ấp ngoài biển của Nam Việt, Hồ sai người dâng thư (lên triều đình) rằng: “Hai nước Việt cùng là phiền thần, không được tự ý hưng binh

1. TT.NK.q2 chép Hồ là con của Trọng Thủ.

đánh lẩn nhau. Nay Mân Việt hưng binh xâm lấn thần, thần không dám hưng binh, xin Thiên tử hạ chiếu mệnh.” Vì vậy Thiên tử khen Nam Việt có nghĩa, biết giữ chức trách lễ tiết, giúp dấy quân, sai hai tướng quân đến đánh Mân Việt. Quân còn chưa qua Ngũ Lĩnh, thì em Mân Việt vương là Dư Thiện (餘善) giết Dĩnh mà quy hàng, vì thế bèn bãi binh.

Sứ của Thiên tử là Trang Trợ (莊助) đến dụ ý với Nam Việt vương, Hồ dập đầu nói: “Thiên tử đã vì thần mà hưng binh đánh Mân Việt, dẫu chết cũng không báo được ân đức.” Rồi sai Thái tử Anh Tề (嬰齊) sang làm túc vệ, bảo Trợ rằng: “Nước mới bị giặc giã, xin sứ giả cứ về trước. Hồ chỉ ngày một, ngày hai sẽ nai nịt hành trang sang gặp Thiên tử.” Sau khi Trợ đi rồi, các đại thần can Hồ rằng: “Nhà Hán hưng binh giết Dĩnh, cũng là làm để khiến Nam Việt phải kinh động. Vả, tiên vương xưa từng nói, thờ Thiên tử chỉ cốt không thất lễ, nhất thiết không được nghe lời nói ngọt mà sang gặp được. Sang gặp tất không trở về được, ấy là cái thế mất nước vậy.” Vì vậy, Hồ bèn cáo bệnh, rốt không sang gặp. Hơn chục năm sau, Hồ thực bị bệnh nặng lâm, thái tử Anh Tề xin về. Hồ chết, thụy là Văn vương.

Anh Tề lên thay nối ngôi, bèn giấu ấn tỉ của Vũ vương trước kia đi¹. Khi Anh Tề sang châu làm túc vệ ở Trường An, có lấy con gái họ Cù ở Hàm Đan, sinh con trai là Hưng. Kịp đến khi lên ngôi, dâng thư về triều, xin lập Cù thị làm Hoàng hậu, Hưng làm con nối. Nhà Hán mấy lần sai sứ giả khéo léo dỗ dành Anh Tề, nhưng Anh Tề thường thích tùy ý giết người, sợ về triều kiến phải theo luật pháp nhà Hán, như các chư hầu trong nước, nên một mực xưng bệnh, mà không sang châu, chỉ sai con là Thủ Công (次公) vào làm túc vệ. Anh Tề chết, thụy là Minh vương.

Thái tử Hưng lên thay làm vua, mẹ làm Thái hậu. Thái hậu từ khi còn chưa làm vợ Anh Tề, từng tư thông với An Quốc Thiếu Quý (安國少季) người Bá Lăng. Kịp sau khi Anh Tề chết, năm Nguyên Đỉnh thứ tư (113 TCN), nhà Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ Quốc vương, và Vương thái hậu vào châu như các chư hầu trong nước, lại

1. Trước kia Triệu Đà tự xưng đế, dùng ấn tỷ Hoàng đế. Đến đời An Tề mới giấu ấn tỷ này đi để tỏ ý mình chỉ là vương.

lệnh cho bọn Biện sĩ Gián đại phu Chung Quân (終軍) tuyên lời, bọn Dũng sĩ Ngụy Thần (魏臣) phụ giúp những chỗ còn thiếu sót, Vệ úy Lộ Bác Đức (路博德) đem quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả. Vương còn nhỏ tuổi, Thái hậu lại là người Trung Quốc, từng tư thông với An Quốc Thiếu Quý, đến khi đi sứ lại tư thông với nhau. Người trong nước đều biết rõ cả, phần đông không theo Thái hậu. Thái hậu sợ loạn dậy lên, cũng muốn dựa vào uy nhà Hán, nhiều lần khuyên vương cùng quần thần xin nội thuộc. Bèn nhờ sứ giả dâng thư, xin được như các chư hầu trong nước, ba năm một lần châu, bãi bỏ cửa quan biên giới. Vì vậy, Thiên tử bèn bằng lòng, ban cho Thừa tướng Lữ Gia (呂嘉) ăn bạc, cùng các ăn Nội sử, Trung úy, Thái phó, còn các chức khác thì tự đặt. Bãi bỏ hình phạt cắt mũi trước kia, dùng theo pháp luật nhà Hán, như các chư hầu trong nước. Sứ giả đều lưu ở lại trấn võ. Vương và Vương thái hậu sức cho chuẩn bị hành trang quà biếu để cùng về triều kiến.

Thừa tướng Lữ Gia tuổi đã lớn, làm Thừa tướng trải ba triều vương, trong tôn tộc có đến hơn bảy mươi người làm quan trưởng lão, con trai đều lấy con gái nhà vương, con gái đều gả cho con trai và anh em trong tôn thất nhà vương, lại có quan hệ thân gia với Tần vương ở Thương Ngô, là nhân vật trọng yếu ở trong nước, được người Việt rất tin cậy, nhiều kẻ làm tai mắt cho, được lòng người hơn Quốc vương. Khi Vương dâng thư lên (nhà Hán), (Lữ Gia) nhiều lần can ngăn Vương, nhưng Vương không nghe, vì vậy (Lữ Gia) bèn có ý chống lại, nhiều lần xưng bệnh không gặp sứ giả nhà Hán. Sứ giả đều chú ý đến Gia, nhưng tình thế chưa giết được mà thôi. Vương và Vương thái hậu cũng sợ bọn Gia gây biến trước, bèn bầy tiệc rượu, mượn quyền sứ giả nhà Hán, mưu giết bọn Gia. Sứ giả đều ngồi quay sang hướng đông, Thái hậu ngồi quay hướng nam, Vương quay hướng bắc, còn Thừa tướng Gia và đại thần thì quay hướng tây, cùng ngồi hầu rượu. Em Gia làm tướng quân, đem binh sĩ đóng ở ngoài cung. Đang uống rượu, thì Thái hậu nói với Gia rằng: “Nam Việt nội thuộc, là lợi cho nước vậy, nhưng Thừa tướng ngài lại một mực cho là không được, là có làm sao?” để kích cho sứ giả nỗi giận. Sứ giả hổ nghi do dự, rốt không dám phát tác. Gia thấy có điều không ổn, lập

tức đứng lên đi ra. Thái hậu nổi giận, định cầm mâu đâm Gia, nhưng Vương ngăn Thái hậu. Gia bèn đi ra, chia lấy một phần quân của em quay về nhà, nói rằng bị ốm, không chịu gặp mặt Vương và sứ giả nữa, mà bèn ngầm cùng đại thần làm loạn. Vương vốn không có ý giết Gia, Gia biết rõ như thế, vì vậy mà mấy tháng không để việc phát ra. Thái hậu có tính dâm, người trong nước không theo, nên riêng muốn giết bọn Gia, nhưng sức không thể làm được.

Thiên tử hay tin Gia không nghe Vương mà Vương và Vương thái hậu cô nhược không thể khống chế được, sứ giả cũng khiếp sợ không dám quyết. Lại cho là Vương và Vương thái hậu đã quy phụ nhà Hán, riêng chỉ Lữ Gia làm loạn, không đủ để hưng binh, muốn sai Trang Sâm (莊參) đem hai ngàn người đi sứ sang. Sâm nói: “Lấy hữu hảo mà sang thì chỉ mấy người là đủ, còn lấy vô bị mà sang, thì hai ngàn người không đủ để làm được gì vậy.” Rồi từ chối rằng không thể được. Thiên tử bèn bãi chức Sâm. Có tráng sĩ người huyện Giáp, vốn là Tế Bắc tướng Hàn Thiên Thu (韓千秋) hăng hái nói: “Chỉ là nước Việt cỏn con ấy, lại có Vương và Vương thái hậu làm nội ứng, chỉ có một Thùa tướng Gia gây hại, xin cho thần hai trăm dũng sĩ, tất sẽ chém Gia để báo ơn vua.” Vì vậy Thiên tử bèn sai Thiên Thu cùng em của Vương thái hậu là Cù Lạc (樞樂) đem hai ngàn người đi sang địa phận nước Việt.

Bọn Lữ Gia bèn làm phản, hạ lệnh cho trong nước rằng: “Vương còn nhỏ tuổi. Thái hậu là người Trung Quốc, lại dâm loạn với sứ giả, chuyên tâm muốn nội phụ, đem hết những đồ bảo khí của tiên vương dâng hiến cho Thiên tử để đua nịnh. Nhiều kẻ tùy tòng, đi đến Trường An, bèn bị bắt bán cho người làm đày tớ. Chỉ cốt cái lợi một lúc của mình, mà không trông đến xá tắc của họ Triệu, lo tính mưu kế muôn đời vậy.” Bèn cùng em đem quân đánh giết Vương, Thái hậu và sứ giả nhà Hán. Sai người báo với Tân vương ở Thương Ngô và các quận huyện. Lập trưởng nam của Minh vương, con của người vợ Việt, là Thuật Dương hầu Kiến Đức lên làm vương.

Quân của Hàn Thiên Thu tiến vào, phá mẩy ấp nhỏ. Sau đó, Việt bèn mở đường, cấp lương cho, còn cách Phiên Ngung bốn mươi dặm, thì Việt mới đem quân đánh bọn Thiên Thu, bèn tiêu diệt. (Lữ

Gia) sai người gói gém phù tiết của sứ giả nhà Hán đưa đến biên ải, lừa lời khéo dối mà tạ tội, đồng thời phát binh trấn giữ những nơi hiểm yếu. Do vậy, Thiên tử nói: “Hàn Thiên Thu tuy không thành công, nhưng cũng là đứng đầu quân tiên phong.” Rồi phong cho con là (Hàn) Diên Niên (延年) làm Thành An hầu. Còn Cù Lạc, có chí là Vương thái hậu, là người đầu tiên xin nội thuộc nhà Hán, nên phong cho con là (Cù) Quảng Đức (廣德) làm Long Kháng hầu. Đồng thời ban sắc rằng: “*Thiên tử suy vi, chư hầu ra sức chinh phạt, thật đáng chê cười kẻ bê tôì không biết thảo tặc. Nay bọn Lữ Gia, Kiến Đức làm phản, ngang nhiên tự lập, lệnh cho những kẻ có tội cùng mười vạn quân lâu thuyền¹ từ vùng Giang Hoài về phía nam kéo sang chinh thảo.*”

Mùa thu, năm Nguyên Đinh thứ năm (112 TCN), Vệ úy Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân, ra Quế Dương, xuôi Hối Thủy, Chủ tước đô úy Dương Bộc (楊僕) làm Lâu thuyền tướng quân, ra Dự Chương, xuôi Hoành Phố. Hai vị Việt hầu sang quy phụ trước đây làm Qua thuyền và Hạ lệ tướng quân, ra Linh Lăng, hoặc xuôi Ly Thủy, hoặc đến Thương Ngô. Sai Trì Nghĩa hầu đem những tội nhân ở Ba Thục, phát quân Dạ Lang², xuôi sông Tường Kha. Tất cả cùng tụ họp ở Phiên Ngung.

Mùa đông, năm Nguyên Đinh thứ sáu (111 TCN), Lâu thuyền tướng quân đem tinh binh trước tiên hâm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn, thu được thuyền và lúa của người Việt, nhân lại thúc tiến binh, đánh bại quân tiên phong Nam Việt, đóng mẩy vạn binh lại đợi Phục Ba tướng quân. Phục Ba tướng quân đem những tội nhân đi, đường xa, đến muộn hơn kỳ hẹn, khi gặp quân Lâu thuyền thì chỉ có hơn ngàn người, bèn cùng tiến binh. Lâu thuyền đi trước, đến Phiên Ngung, Kiến Đức và Gia đều cố thủ trong thành. Lâu thuyền tự chọn chỗ thuận tiện, đóng ở mặt đông nam, còn Phục Ba thì đóng ở mặt tây bắc. Đến chiều tối, Lâu thuyền đánh bại quân Việt, phóng hỏa đốt thành. Quân Việt vốn nghe tiếng Phục Ba tướng quân đã lâu, trời tối, không biết mang quân nhiều hay ít. Phục Ba bèn lập doanh, sai sứ giả

1. Quân lâu thuyền: chỉ thủy quân dùng thuyền lớn (lâu thuyền là loại thuyền lớn có dựng lầu ở trên.)

2. Dạ Lang: một nước ở tây nam Trung Quốc xưa, nằm trong khoảng Quý Châu ngày nay.

đi với những kẻ ra hàng đến, ban cho ấn tín, rồi lại thả cho về sai chiêu dụ những kẻ khác. Lâu thuyền tướng quân ra sức đánh giặc¹ đốt thành, quân địch lại chạy hết đến doanh của Phục Ba. Tới sáng, thì trong thành đều hàng Phục Ba cả. Lữ Gia, Kiến Đức đã nhân đêm tối, cùng thuộc hạ mấy trăm người trốn ra ngoài bể, đi thuyền sang phía tây. Phục Ba lại hỏi những kẻ quý nhân trong số bọn ra hàng, biết được Lữ Gia đã chạy đi đâu, bèn sai người đuổi theo. Vì vậy mà Hiệu úy tư mã Tô Hoằng (蘇弘) bắt được Kiến Đức, được phong làm Hải Thường hầu. Lang quan người Việt là Đô Kê (都稽) bắt được Gia, được phong làm Lâm Sái hầu.

Có Thương Ngô vương Triệu Quang (趙光)², là người cùng họ với Việt vương, nghe tin quân Hán tới, cùng với Huyện lệnh Yết Dương, Nam Việt tên là Định (定) tự quyết định quy phục theo nhà Hán. Quế Lâm giám của Nam Việt là Cư Ông (居翁) lại khuyên dụ Âu Lạc thuộc Hán. Cả ba người đều được phong hầu.

Quân của Qua thuyền, Hạ lệ tướng quân và quân của Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu làm tướng còn chưa tới, thì Nam Việt đã bình định rồi. Bèn chia đất ấy làm chín quận³. Phục Ba tướng quân được tăng phong. Lâu thuyền tướng quân, đem quân hăng hái đánh hạ nơi kiên cố, phong làm Tướng Lương hầu. Từ khi úy Đà bắt đầu xưng vương, phàm trải năm đời, chín mươi ba năm thì nước mất vậy.

Thái Sử công bàn: Úy Đà làm vua, vốn bởi Nhâm Ngao. Nhà Hán mới định, đặt làm chư hầu. Long Lụ chạy dịch bệnh, Đà được thế càng kiêu. Âu Lạc tương tranh, Nam Việt lung lay. Quân Hán vào cõi, Anh Tề sang chầu. Về sau mất nước, điêm tự họ Cù. Lữ Gia tiểu trung, khiến Đà tuyệt hậu. Lâu thuyền phóng túng, kiêu ngạo rối ren. Phục Ba khốn cùng, trí lự càng thêm, biến họa thành phúc. Thành bại xoay chuyển, tựa như thủng ván.

1. Sử ký lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

2. Tức Tần vương nhắc đến ở trên.

3. Tức chín quận: Đạm Nhĩ, Châu Nhai, Nam Hải, Thương Ngô, Cửu Chân, Uất Lâm, Nhật Nam, Hợp Phố, Giao Chỉ.

II. TIỀN HÁN THƯ

QUYỂN 95 - TÂY NAM DI, LUỒNG VIỆT, TRIỀU TIỀN TRUYỆN

NAM VIỆT TRUYỆN

(Ghi chép tương tự “Sử ký - Nam Việt Ủy Đà liệt truyện”, chỉ sai khác một vài chữ, và có chép rõ hai bức thư của Hán Văn đế gửi Triệu Đà và của Triệu Đà dâng Hán Văn đế. Xin phép chỉ dịch hai bức thư ấy.)

Thư Hán Văn đế gửi Triệu Đà:

Hoàng đế kính hỏi Nam Việt vương, rất khổ tâm nhọc ý. Trẫm, vốn là con trắc thất¹ của Cao Hoàng đế, bị vứt bỏ bên ngoài phung giũ bắc phiên ở đất Đại, đường xá xa xôi, cách tuyệt nơi ngu muội, chưa từng gửi thư cho vương. Cao Hoàng đế rời bỏ quần thần, Hiếu Huệ Hoàng đế nối ngôi, Cao hậu tự coi chính sự, chẳng may bị bệnh, ngày một nặng thêm, vì vậy mà việc trị nước thành trái nghịch. Họ Lã gây biến, làm loạn phép tắc, (Cao hậu) một mình không thể khống chế được, bèn lấy con họ khác làm con nối Hiếu Huệ Hoàng đế². May nhờ tông miếu linh thiêng, công thần ra sức, tru diệt hết bọn phản nghịch. Trẫm vì các vương hầu quan lại chẳng chịu cho thôi, không thể khống lập, nay đã lên ngôi.

1. Trắc thất: vợ lẽ, nàng hầu. Mẹ Hán Văn đế là Bạc phu nhân, không phải Hoàng hậu của Hán Cao tổ nên Hán Văn đế xưng khiêm tốn như vậy.

2. Sử ký - Lã thái hậu bản kỷ chép rằng Hiếu Huệ Hoàng hậu không có con, lấy con một thiếp nhận làm con mình, rồi được lập làm Thái tử, sau nối ngôi Hiếu Huệ đế. Sau bị Lã hậu phế, giam rồi giết đi.

Vừa rồi hay tin vương có gửi thư cho Long Lụ hầu, hỏi thăm anh em, và xin bái hai tướng quân ở Trường Sa. Trẫm xem thư của vương đã rút tướng quân Bác Dịch hầu về, còn các anh em của vương ở Chân Định cũng đã cho người đến hỏi thăm tư cách, lại sửa sang cả phần mộ của tiên nhân. Bữa trước nghe vương phát binh đến đánh biên cương, gây tai họa cướp bóc không thôi. Lúc bấy giờ, Trường Sa phải khốn khổ, Nam Quận càng quá lầm. Đến như nước của vương, há chỉ được lợi ư? Mà tất cũng chết nhiều sĩ tốt, thương tổn quan tướng, khiến người ta vợ góa con cô, cha mẹ neo đơn, được một mất mười, trẫm chẳng nhẫn tâm mà làm như vậy. Trẫm định cắt đất Khuyển Nha nhập vào nội địa, đem hỏi quan lại, thấy đáp rằng: “Đó là nơi Cao Hoàng để lấy để làm ranh giới với đất Trường Sa vậy”. Vì thế trẫm không thể tự ý cải biến được. Các quan lại nói: “Được đất của vương cũng chẳng đủ để lấy làm lớn, được của cải của vương cũng chẳng đủ để lấy làm giàu, từ Phục linh trở về nam, vương tự cai trị lấy.”

Tuy nhiên, vương xưng hiệu là đế. Hai đế cùng đứng, chẳng có một sứ giả đi xe tới báo, thì ấy là tranh giành vậy. Tranh mà không nhuường, là việc người nhân chẳng làm vậy. Mong được cùng vương vút bỏ hiềm trước, từ nay về sau, lại thông sứ như cũ. Vì vậy, trẫm sai (Lục) Giả tới dụ cho vương biết ý trẫm. Vương hãy nghe nhận, chớ gây việc cướp hại nữa. Lại ban cho vương áo bông dày năm mươi cái, áo bông vừa ba mươi cái, áo bông mỏng hai mươi cái. Mong vương vui lòng nghe theo lời hỏi thăm lân quốc.

Thư Triệu Đà trình Hán Văn đế:

Lão già đứng đâu đất man di, thân là Đà, liêu chết lay hai lạy, dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu vốn là kẻ lại ở đất Việt xưa, may mắn được Cao Hoàng để ban cho ấn ti, làm Nam Việt vương, sai làm ngoại thần, tùy thời vào dâng cống. Hiếu Huệ Hoàng đế lên ngôi, nghĩa không đành dứt, cho nên lại ban cho lão phu rất hậu. Từ khi Cao hậu tự lâm chính sự, gần tiểu nhân, tin sàm thần, kỳ thị man di, ra lệnh rằng: “Không cho buôn bán với man di ngoài Việt các đồ đồng sắt làm ruộng. Ngựa, trâu, dê thì cho bán, nhưng chỉ được bán con đực, không được bán con cái.” Lão phu ở nơi hẻo lánh, phận ngựa dê nay tuổi đã già, tự xét thấy việc tế tự không lo, thật đáng tội chết, sai nội sử Phan (

藩), Trung úy Cao (高), Ngự sử Bình (平) ba người đến dâng thư tạ lỗi, nhưng đều không thấy quay về. Lại nghe phong thanh phản mội cha mẹ lão phu đã bị phá hủy san phẳng, anh em thân tộc cũng bị tru giết. Các tướng lại đều bàn rằng: “Nay, bên trong không được nhà Hán coi trọng, bên ngoài thì không thể đứng lên cao mà khác với kẻ khác.” Vì thế mới xưng là Đế, để tự làm đế trong nước mình, chứ chẳng dám gây hại cho thiên hạ vậy. Cao Hoàng hậu nghe tin nổi giận, tước bỏ Nam Việt trong sổ sách, không cho sú lại qua. Lão phu trộm ngờ Trường Sa vương sám tấu về mình, nên mới phát binh đến đánh biên cảnh. Vả đất phương nam trùng thấp ẩm uột, trong đám man di, phía tây có Tây Âu, dân chúng một nửa là yếu ớt, mà cũng ngoảnh mặt về phía nam xưng vương, phía đông có Mân Việt, dân chỉ ngàn người cũng xưng vương, phía tây bắc có Trường Sa, một nửa là man di, lại cũng xưng vương. Lão phu vì vậy mới trộm bùa đế hiệu, chỉ để làm vui. Lão phu tự mình an định được đất trăm ấp, từ đông sang tây, từ nam tới bắc mấy ngàn vạn dặm, quân mặc giáp có hơn trăm vạn, nhưng vẫn quay mặt về phía bắc mà làm bể tôi thờ nhà Hán, là cớ làm sao? Ấy là vì không dám phụ cha mẹ tổ tiên trước vậy. Lão phu ở đất Việt đã bốn mươi chín năm, đến nay đã có cháu bế, nhưng thức khuya dậy sớm, ngủ không chiếu êm, ăn không miếng ngon, mắt không nhìn sắc kiều mị, tai không nghe tiếng trống chuông, vì chẳng được thờ nhà Hán vậy. Nay may được bệ hạ thương xót tôi, cho phục danh hiệu như trước, được thông sứ sang nhà Hán như xưa, lão phu đâu có chết xương cốt cũng không mục nát, xin cải hiệu không dám xưng Đế nữa! Kính cẩn quay mặt về phía bắc, nhờ sứ giả dâng cống bạch bích một đôi, lông chim trả một ngàn bộ, sừng tê mươi cái, tử bối năm trăm, quế đố¹ một hộp, chim trả sống bốn mươi đôi, khổng tước (công) hai đôi. Liêu chết lạy hai lạy, kính bẩm hoàng đế bệ hạ được rõ.

1. Quế đố: con mọt, trùng chuyên ăn gỗ quế nên có vị cay lại ngọt. (Có thuyết cho rằng đó chính là con cà cuống, mà Triệu Đà nói dối là “quế đố”.)

III. HẬU HÁN THU

QUYẾN 86 - NAM MAN, TÂY NAM DI LIỆT TRUYỆN

NAM MAN TRUYỆN

Lê ký viết: “*Nam phuong viết man, Điều để giao chí*”¹. Tục đất ấy, trai gái cùng tắm chung trên sông, cho nên nói là “Giao Chỉ” (交趾). Phía tây đất ấy có nước ăn thịt người (Đạm Nhân quốc), sinh đứa con đầu tiên bèn mổ ra mà ăn đi, nói là để tốt cho em nó. Vị ngon, thì đem cho vua của mình ăn, vua vui lòng thì thưởng cho người cha ấy. Lấy được vợ đẹp, thì nhường cho anh mình trước. Nay chính là người Ô Hủ vậy.

Phía nam Giao Chỉ có nước Việt Thường. Chu công nhiếp chính sáu năm², đặt lễ làm nhạc, thiên hạ hòa bình, Việt Thường đi ba con voi, qua mấy lần thông dịch đến dâng chim trĩ trắng, nói: “Đường xa xa xôi, núi non cách trở, tiếng nói không giống nhau, nên phải qua mấy lần thông dịch mà đến châu.” Thành vương đem đưa (chim trĩ) đến cho Chu công, Chu công nói: “Đức không ban cho người, thì kẻ quân tử không nhận lễ vật; Chính sự không thi hành tới nơi, thì kẻ quân tử không coi là thần dân. Ta sao dám nhận ban thưởng này!” Sứ giả xin rằng: “Tôi nhận mệnh của những người già lão nước tôi rằng: ‘Đã từ lâu, trời không giáng sấm sét mưa bão, ý hẳn Trung Quốc có bậc thánh nhân chẳng? Có thì nên đến mà cháu.’” Chu công bèn quy công cho tiên vương, xưng rằng tiên vương thiêng liêng, mà đem lễ vật dâng tiến vào tông miếu. Đến khi đức nhà Chu suy vi rồi, mới dần dứt tuyệt với Việt Thường.

1. Nghĩa là: Nam phương là dân man; xăm vẽ trên trán, nam nữ ở lẩn.

2. Bấy giờ vua nhà Chu là Thành vương.

Kịp đến khi nước Sở xưng bá, Bách Việt đều triều cống. Nhà Tần kiêm tính thiên hạ, uy phục man di, mới bắt đầu mở mang ra Lĩnh ngoại, đặt Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận. Nhà Hán hưng lên, Ủy Đà tự lập làm Nam Việt vương, truyền nước qua năm đời. Đến năm Nguyên Đỉnh thứ năm (112 TCN) đời Hán Vũ đế, bèn diệt (Nam Việt) chia đặt thành chín quận, do Thủ sử Giao Chỉ lĩnh lấy, trong đó hai quận Châu Nhai, Đạm Nhĩ trên bãi ngoài biển, từ đông sang tây một ngàn dặm, nam chí bắc năm trăm dặm. Những kẻ thủ lĩnh ở đó cho tai dài là quý, đều xỏ lỗ mà đeo khuyên, cho tai chùng xuống vai, dài đến ba thốn¹.

Cuối đời Vũ đế, Châu Nhai Thái thú là Tôn Hạnh (孫幸), người Cối Kê, đài dệt tấm vải lớn để dâng cống, dân man không kham nổi phục dịch bèn đánh vào quận giết Hạnh. Con Hạnh là Báo (豹) tụ họp những người theo mình quay về, lại phá được quân man, tự lĩnh lấy việc trong quận, đánh dẹp dư đảng của chúng, liền mấy năm thì yên. Báo sai sứ phong ăn thụ mang về triều, dâng thư nói rõ tình hình, (triều đình) bèn xuống chiếu cho Báo làm Châu Nhai Thái thú. Vì thế uy chính được thi hành, cống mệnh hàng năm đầy đủ. Trung Quốc tham lam chau báu hối lộ, dần dà xâm đoạt khinh thường, vì thế cứ mấy năm (Châu Nhai) lại một lần phản loạn. Năm Sơ Nguyên thứ ba (46 TCN) đời Hán Nguyên đế, bèn bỏ quận Châu Nhai, phàm lập quận được sáu mươi lăm năm.

Tới khi Vương Mãng (王莽) phụ chính, năm Nguyên Thủy thứ hai (năm 2), nước Hoàng Chi ở phía nam Nhật Nam sang cống tê ngưu. Phàm đất của Giao Chỉ thống quản, tuy đặt quận huyện, nhưng ngôn ngữ mỗi nơi một khác, phải qua nhiều lần thông dịch mới hiểu được. Người ở đó như cầm thú, lớn nhỏ không phân biệt, tóc búi ngang gáy mà đi chân đất, dùng vải mà quấn từ đầu xuống chân. Về sau, (triều đình) cho đưa nhiều tội nhân Trung Quốc đến ở lẩn với họ, mới hơi biết ngôn ngữ, dần có lẽ nghi giáo hóa.²

1. Một thốn tương đương khoảng 3,3cm.

2. Đây là quan điểm của Hậu Hán thư chứ từ đầu đời Hán, Triệu Đà ở Nam Việt đã dùng lễ nghi như Thiên tử nhà Hán rồi.

Quang Vũ trung hưng, Tích Quang coi Giao Chỉ, Nhâm Diên coi Cửu Chân, mới dạy cho dân ở đó biết cày cấy, làm ra mũ đội guốc đi, bắt đầu đặt mối mai sinh lễ, mới biết cưới xin, xây dựng trường học, chỉ bảo lễ nghĩa.

Năm Kiến Vũ thứ mười hai (năm 36), Trương Du (張游) là người man Lái ở ngoài biên Cửu Chân, mộ giáo hóa, đem người trong bộ tộc theo quy phụ, phong làm Quy Hán Lái quân (chúa Lái quy thuận nhà Hán). Năm sau, người man di ở ngoài biên Nam Việt lại cống chim trĩ trắng và thỏ trắng. Đến năm thứ mười sáu (năm 40), có người con gái Giao Chỉ là Trưng Trắc (徵側) cùng em gái là Trưng Nhị (徵貳) làm phản¹, tiến đánh quận thành. Trưng Trắc là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh, gả cho làm vợ Thi Sách (詩索) người Chu Diên, là người rất hùng dũng. Giao Chỉ Thái thú Tô Định (蘇定) đem pháp luật để ràng buộc, Trắc phẫn nộ, bèn chống lại. Vì vậy người man Lái ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, phàm cướp được sáu mươi lăm thành, tự lập làm vua. Thủ sứ Giao Chỉ cùng các Thái thú chỉ còn biết tự cố thủ. Quang Vũ bèn chiếu cho Trường Sa, Hợp Phố, Giao Chỉ chuẩn bị xe thuyền, sửa sang cầu đường, sơ thông khe núi, tích trữ thóc lúa. Năm thứ mười tám, sai Phục Ba tướng quân Mã Viện (馬援), Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí (段志), đem quân Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, Thương Ngô hơn một vạn người đến đánh. Mùa hạ, tháng Tư, năm sau, Viện phá Giao Chỉ, chém bọn Trưng Trắc, Trưng Nhị, còn lại đều hàng mà tan hết. (Viện) lại tiến đánh giặc ở Cửu Chân là bọn Đô Dương (都陽), cũng phá hàng được. Cho dời bọn đầu sỏ hơn ba trăm người đến Linh Lăng, vì vậy vùng Lĩnh Biểu bèn bình định.

Năm Nguyên Hòa nguyên niên (năm 84) đời Túc Tông², kẻ ấp hào ở tộc man di Cứu Bất Sự Nhân³ ngoài biên quận Nhật Nam đến dâng tê giác sống, chim trĩ trắng.

Mùa hạ, tháng Tư năm Vĩnh Nguyên thứ mười hai (năm 100)

1. Hậu Hán Thư lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

2. Túc Hán Chương đế (58-88).

3. Lý Hiền chú: "Cứu Bất Sự Nhân là biệt hiệu của tộc man di vậy".

đời Hòa đế, hơn hai ngàn người man di ở Nhật Nam, Tượng Lâm vào cướp đoạt dân chúng, đốt phá quan nha. Quận huyện phát binh đánh dẹp, chém được đầu sỏ của chúng, quân còn lại đều hàng. Vì vậy bèn đặt tướng sĩ, trưởng lại ở Tượng Lâm để phòng chúng gây họa.

Năm Vĩnh Sơ nguyên niên (107) đời An đế, người man di Dạ Lang ở ngoài biên Cửu Chân đem đất xin nội thuộc, mở rộng địa giới thêm một ngàn tám trăm bốn mươi dặm.

Năm Vĩnh Sơ thứ hai (108), người man di ở Thương Ngô làm phản. Năm sau, (chúng) bèn chiêu dụ mấy ngàn người man, Hán ở Uất Lâm, Hợp Phố đánh quận Thương Ngô. Đặng thái hậu sai Thị ngự sử Nhâm Trác (任達) phụng chiếu đến xá cho, giặc đều ra hàng mà tan đi.

Năm Diên Quang nguyên niên (122), người man ngoài cõi Cửu Chân đến cống hiến xin nội thuộc. Năm thứ ba (124), người man ngoài cõi Nhật Nam lại đến nội thuộc.

Năm Vĩnh Kiến thứ sáu (131), đời Thuận đế, vua nước Diệp Điều ở ngoài biên Nhật Nam tên là Tiện (便) sai sứ sang tiến cống. Hoàng đế ban cho Tiện ăn vàng thao tía.

Năm Vĩnh Hòa thứ hai (137), người man di ngoài biên Nhật Nam, Tượng Lâm, là bọn Khu Liên (區憐) mấy ngàn người đánh huyện Tượng Lâm, đốt cháy nha thự trong thành, giết chết trưởng lại. Giao Chỉ Thú sứ Phàn Diễn (樊演) phát binh hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân hơn vạn người đến cứu. Binh sĩ sợ phải đi đánh trận xa xôi bèn làm phản, đánh vào phủ. Hai quận tuy đánh tan được quân làm phản, nhưng thế giặc dồn mạnh. Gặp lúc Thị ngự sứ Giả Xương (賈昌) đang đi sứ ở Nhật Nam, bèn cùng châu quận họp sức đánh dẹp đi, nhưng bất lợi, bèn bị chúng tấn công. Vây hơn một năm, quân lương không đến được, Hoàng đế lấy làm lo lắng. Năm sau, (Hoàng đế) vời công khanh bá quan cùng duyên thuộc bốn phủ¹, đến hỏi sách lược, ai nấy đều bàn sai đại tướng, phát bốn vạn quân ở các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự sang cứu. Đại tướng quân Tòng sự Trung

1. Thời Hán, Đại tướng quân cùng với Tam công, được lập phủ riêng, hợp xưng là Tứ phủ. Duyện: tức phủ tá.

lang Lý Cố (李固) bác rằng: “*Nếu như đất Kinh, Dương vô sự, thì phát binh cũng có thể được. Nhưng nay hai châu ấy đạo tắc câu kết không tan. Man di ở Vũ Lăng, Nam Quận cũng chưa yên ổn. Trường Sa, Quế Dương thì đã mấy phen trung binh, nếu lại làm nhiễu động, tất sẽ gây họa. Đó là một điều không thể vậy. Binh lính hai châu Duyện, Dự bị điều động đi, đến nơi xa xôi vạn dặm, chẳng có kỳ trở về, chiếu thư thôi thúc, tất dẫn đến chuyện làm phản bỏ trốn. Đó là hai điều không thể vậy. Miền nam khí hậu nóng nực, lại thêm chướng khí, khiến người ta mươi phần tất chết đến bốn, năm. Đó là ba điều không thể vậy. Lặn lội xa xôi vạn dặm, quân sĩ mệt nhọc, dù cho có đến được Linh Nam, cũng không thể đánh nhau được. Đó là bốn điều không thể vậy. Quân đi mỗi ngày được ba mươi dặm, mà đến Nhật Nam là hơn chín ngàn dặm, phải ba trăm ngày mới tới, tính mỗi người ăn năm thăng gạo, thì phải dùng đến sáu mươi vạn hộc. Chưa cần tính đến lương thực cho lừa ngựa của tướng lại, chỉ tính những quân mang giáp tự đi, phí tổn đã đến như vậy rồi. Đó là năm điều không thể vậy. Giả như quân tới được nơi ấy, thì tử vong tất nhiều, chẳng đủ để chống giặc, khi ấy lại phải phát thêm quân, như thế là cắt tim gan mà đắp cho tú chi. Đó là sáu điều không thể vậy. Cửu Chân, Nhật Nam cách nhau ngàn dặm, lấy lại dân ở đó còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ đến binh lính ở bốn châu ấy, để đi xa muôn dặm! Thật khó khăn thay! Đó là bảy điều không thể vậy. Trước đây, Trung lang tướng Doãn Tựu (尹就) dẹp quân phản Khương ở Ích Châu, Ích Châu có câu ngạn ngữ rằng: ‘Lỗ lai thương khả; Doãn lai sát ngã’ (Giặc đến còn khá; Doãn đến giết ta!). Sau, Tựu bị gọi về, giao quân cho Thủ sứ Trường Kiêu (張喬). Kiêu nhân tướng sĩ của Tựu, chỉ trong mươi ngày một tháng, bèn phá diệt quân giặc cuỗp. Như thế có thể thấy rằng đưa tướng đến là vô ích, mà nghiệm ra châu quận có thể nhậm dụng được vậy. Nay nên chọn kẻ tướng soái có dũng lược, nhân huệ mà thay làm Thủ sứ, Thái thú, sai cùng đến cả Giao Chỉ. Hiện giờ Nhật Nam, quân mỏng lương hết, thủ cùn không đủ, chiến càng chẳng nêu. Khá cho dời tất cả lại dân, lên phía bắc dựa vào Giao Chỉ, sau khi việc đã yên lắng, lại sai quay về bản quán. Lại tuyển mộ man di, sai tự đánh nhau, mà vận chuyển tiền lụa sang, để làm tư cấp cho chúng. Kẻ nào có thể làm kế phản gián mà bắt được đầu só của*

chúng đem nộp, thì sẽ cắt đất phong hầu. Thủ sứ Tỉnh Châu trước đây là Chúc Lương (祝良) người Trường Sa, tính dũng mãnh quyết đoán, lại thêm Trương Kiều người Nam Dương, trước ở Ích Châu có công phá giặc, đều có thể nhậm dụng. Xưa, Thái tông phục lại chức cho Ngụy Thượng (魏尚) làm Vân Trung thú¹, Ai đế lập tức phong cho Cung Xá (龔舍) làm Thái thú Thái Sơn². Nên lập tức phong cho bọn Lương, để tiện đường đến nơi nhậm chức.”

Bốn phủ thảy đều theo như lời bàn của Cố, (Hoàng đế) lập tức phong Chúc Lương làm Cửu Chân Thái thú, Trương Kiều làm Giao Chỉ Thủ sứ. Kiều đến nơi, khai thị dụ bảo, giặc đều hàng mà tan. Lương đến Cửu Chân, một mình một xe vào giữa quân giặc, đặt phương châm sách lược, lấy uy tín mà chiêu nạp, những kẻ đến hàng kể tới vạn người, đều giúp Lương dựng lại nha phủ. Vì vậy, vùng Lĩnh Ngoại lại yên bình.

Kiến Khang nguyên niên (144), man di ở Nhật Nam hơn ngàn người lại tấn công đốt phá huyện ấp, bèn xúi giục Cửu Chân cùng liên kết với mình. Thủ sứ Giao Chỉ là Hạ Phương (夏方) người Cửu Giang khai ân chiêu dụ, giặc đều hàng phục. Bấy giờ, Lương thái hậu lâm triều, khen Phương có công, đổi làm Quế Dương Thái thú.

Năm Vĩnh Thọ thứ hai (156) đời Hoàn đế, Cư Phong Huyện lệnh tham bạo vô độ, người trong huyện là bọn Chu Đạt (朱達) cùng người man di tụ họp, đánh giết Huyện lệnh, quân số đông tới bốn, năm ngàn người, tiến đánh Cửu Chân. Cửu Chân Thái thú Nghê Thức (兒式)³ chiến tử, (triệu đình) có chiếu ban tặng cho (Thức) sáu mươi vạn tiền, phong hai con trai làm Quan lang. Lại sai Cửu Chân Đô úy là Ngụy Lãng (魏朗) đánh dẹp phá được, chém hai ngàn thủ

1. Thái tông: tức Hán Văn đế. Theo *Tiền Hán Thư*: Ngụy Thượng người Hòe Lí làm Vân Trung thú, vì không có thực công trong việc bắt, chém đầu quân giặc nên bị miễn chức. Phùng Đường nói với Văn đế, Văn đế bèn sai Đường cầm cờ tiết đến xá tội cho Thượng lại phục chức Vân Trung thú như cũ.

2. Theo *Tiền Hán Thư*: Cung Xá tự Quân Thiến, ban đầu được vời ra làm Gián đại phu, bị bệnh, miễn quan. Lại vời ra làm Bác sĩ, lại bị bệnh mà thôi. Ít lâu sau Ai đế sai sứ đến đất Sở, lập tức phong cho Xá làm Thái Sơn Thái thú.

3. Lý Hiền chú: “兒音五兮反” - *Nghê âm ngũ hề phản*. Như vậy, chữ 兒 ở đây đọc Nghê, chỉ họ Nghê.

cấp, nhưng đâu sỏ giặc vẫn còn chiếm đóng ở Nhật Nam, quân chúng càng thêm cường thịnh. Năm Diên Hi thứ ba (160), có chiểu lại phong Hạ Phương làm Giao Chỉ Thủ sứ. Phương vốn có ân uy, quân giặc ở Nhật Nam trước đây nghe tin, hơn hai vạn người cùng kéo nhau đến chõ Phương hàng.

Năm Kiến Ninh thứ ba (170) đời Linh đế, Uất Lâm Thái thú Cốc Vĩnh (谷永) lấy ân tín chiêu hàng người Ô Hủ hơn mươi vạn theo nội phụ, đều ban cho mũ đai, mở đặt bảy huyện.

Năm Hi Bình thứ hai (173), mùa đông, tháng Mười hai, nước ngoài biên giới Nhật Nam qua mấy lần thông dịch vào tiến cống.

Năm Quang Hòa nguyên niên (178), người man Ô Hủ ở Hợp Phố, Giao Chỉ làm phản, chiêu dụ các quận Cửu Chân, Nhật Nam, họp mấy vạn người, đánh diệt quận huyện. Năm thứ tư (181), Thủ sứ Chu Tuấn (朱雋) đánh phá được. Năm thứ sáu (183), nước ngoài biên Nhật Nam lại sang cống nạp.

IV. HẬU HÁN THƯ

QUYẾN 76 - TUẦN LAI LIỆT TRUYỀN

NHÂM DIÊN TRUYỀN

Nhâm Diên (任延) tự Trường Tôn (長孫), người huyện Uyển, Nam Dương. Mười hai tuổi đã là giám sinh, học ở Trường An, thông晓 *Thi, Dịch, Xuân thu*, nổi danh ở Thái học. Các bạn đồng học đặt biệt hiệu cho là “Nhâm thánh đồng”. Gặp khi biến loạn, (Diên) lánh binh hỏa đến Lũng Tây. Bấy giờ, Ngôi Hiêu (隗囂) đã chiếm cứ bốn quận, sai sứ đến mời Diên, nhưng Diên không theo.

Năm Canh Thủy nguyên niên (năm 23), (triều đình) lấy Diên làm thuộc hạ của Đại tư mã, nhậm chức Cố Kê Quận úy. Khi ấy Diên mới mười chín tuổi, các thuộc quan ra đón đều kinh ngạc vì tuổi trẻ. Kịp khi Diên đến an tĩnh vô vi, duy trước tiên sai đem lễ vật tới dâng tế Diên Lăng Quý Tử¹. Khi ấy, thiên hạ mới yên định, đường xá chưa thông, những người lánh nạn đến Giang Nam còn chưa quay về Trung thổ, ở Cố Kê nổi danh là tụ họp nhiều kẻ sĩ nhất. Diên đến, thảy đều mời mọc những người cao hạnh như Đổng Tử Nghi (董子儀), Nghiêm Tử Lăng (嚴子陵)..., cung kính lấy lễ sư hữu mà dâai. Trong duyên lại, có kẻ nào nghèo khó, (Diên) lại chia bỗng lộc của mình mà chẩn cấp cho. Giảm bớt lính lệ, sai cầy lấy ruộng công, để chu cấp cho những người nghèo khổ, cấp bách. Mỗi khi đến các huyện, (Diên) đều sai thăm hỏi những kẻ hiếu tử, mà mời cơm họ.

Đất Ngô có Long Khâu Trường (龍丘萇), ẩn cư ở Thái Mạt, lập

1. Tức Quý Trát - con trai thứ tư của Ngô vương Thọ Mộng thời Xuân Thu, vì phong ở Diên Lăng, nên gọi là Diên Lăng Quý Tử - được tôn xưng là bậc hiền nhân đời xưa.

chí không giáng nhục làm quan. Thời Vương Mãng, tứ phụ¹, tam công liên tục trưng vời, nhưng Long Khâu Trường đều không đến. Duyện lại bẩm xin cho triệu mời, Diên nói: “Long Khâu tiên sinh khoác đức mang nghĩa, có tiết tháo của Nguyên Hiến (原憲)², Bá Di (伯夷). Đô úy ta đến tận cửa mà quét dọn còn sơ là làm nhục đến ông ấy, không thể triệu mời mà được.” Bèn sai công tào phụng mệnh đến tận nơi thăm, đưa thư từ, tặng thuốc thang, liên tục người trước chưa về, người sau đã tới, giáp mặt ngay trên đường đi. Tròn một năm, Trường bèn ngồi xe nhỏ đến cửa phủ, xin trước khi chết được ra giúp việc. Diên từ nhượng mấy lần, rồi bèn dùng làm Nghị tào tế tửu. Trường ít lâu bị bệnh chết, Diên đích thân đến tận nơi khâm liệm, ba ngày không thăng đường. Vì vậy, các hiền sĩ đại phu trong quận đều tranh nhau tới giúp việc quan.

Đầu niên hiệu Kiến Vũ, Diên dâng sớ xin đem năm xương tàn, trở về bái yết Hoàng đế. Xuống chiếu trưng dụng Diên làm Cửu Chân Thái thú. Quang Vũ gọi vào gấp gõ, tặng cho Diên ngựa cùng vải vóc, lệnh cho để vợ con lại ở Lạc Dương. Tục người Cửu Chân, lấy săn bắn làm nghiệp chính, không biết dùng trâu cày, dân phải mua thóc gạo từ Giao Chỉ, thường thiếu thốn khổn khổ. Diên bèn bảo cho đúc lấp các đồ nồng khí, dạy cho khai khẩn. Vì vậy, đồng ruộng hàng năm đều được mở mang rộng rãi thêm, trăm họ sung túc. Lại thêm dân cư Lạc Việt không có lễ pháp giá thú, ai nấy đều chỉ theo ý dâm thích của mình, không có vợ đích nhất định, không biết đến tình cha con, đạo vợ chồng. Diên bèn đưa thư đi các thuộc huyện, sai cho đàn ông con trai từ hai mươi đến năm mươi tuổi, đàn bà con gái từ mười lăm đến bốn mươi tuổi, đều theo tuổi tác mà kết đôi với nhau. Ai nghèo khó không có sinh lễ thì các quan từ trưởng lại trở xuống cùng bớt bỗng lộc mà tư giúp cho. Khi ấy, cùng lúc có tới hơn hai ngàn người cưới nhau. Năm ấy, gió mưa thuận tiết, lúa má được mùa. Những người sinh con, mới bắt đầu biết đến họ tộc. Điều nói: “Người giúp ta có đứa con này, chính là Nhâm quân vậy.” Vì thế nhiều người đặt tên con là “Nhâm”. Bởi vậy, những nơi man di ngoài cõi như nước Dạ Lang,

1. Lý Hiền chú: tứ phụ gồm Thái sư, Thái phó, Quốc sư, Quốc tướng.

2. Nguyên Hiến: người nước Lỗ, học trò Khổng Tử.

cũng mờ nghĩa mà giữ yên quan ải. Diên bèn dừng bãi việc trinh thám cùng lính thú.

Trước đây, thời (Hán) Bình đế, Tích Quang (錫光) người Hán Trung làm Giao Chỉ Thái thú, dạy dỗ dân di, dẫn theo lễ nghĩa, tiếng tăm giáo hóa cũng ngang với Diên. Cuối đời Vương Mãng, (Quang) đóng biên ải chống cự. Đầu niên hiệu Kiến Vũ, lại sai sứ sang tiến cống, được phong là Diêm Thủy hầu. Phong tục Hoa Hạ ở Lĩnh Nam, bắt đầu từ hai viên quận thú này vậy.

Diên coi việc (ở Cửu Chân) bốn năm, thì được vời về Lạc Dương, vì ốm bệnh nên lưu lại ở đó, chuyển xuống làm Huyện lệnh Tuy Dương, quan dân ở Cửu Chân cùng lập đền thờ sống Diên.

Lại phong Diên làm Vũ Uy Thái thú, Hoàng đế đích thân gặp mặt, dặn rằng: “Khéo thờ quan trên, không để mất danh dự.” Diên đáp rằng: “Thần nghe rằng, trung thần thì không có lòng riêng, có lòng riêng thì không phải trung thần. Giữ theo chính đính, tuân phụng phép công, ấy là tiết tháo của kẻ thần tử. Nếu trên dưới hùa theo nhau, thì chẳng phải là phúc cho bệ hạ. Chuyện khéo thờ quan trên, thần không dám phụng chiếu.” Hoàng đế khen rằng: “Khanh nói rất phải!”

Diên đến Vũ Uy, bấy giờ có viên Trưởng sử nắm binh quyền là Điền Cám (田紺) vốn là nhà đại tộc trong quận, để con em tân khách trong nhà làm việc tàn bạo hại người. Diên bèn bắt giữ Cám, cha con tân khách năm, sáu người cùng bị trừng trị. Con nhỏ của Cám là Thượng (尚) bèn tụ tập bọn bất hảo mấy trăm người, tự xưng là tướng quân, đang đêm đến đánh quận. Diên lập tức phát binh phá tan. Từ đó, uy vang khắp vùng, lại dân đều kính sợ.

Phía bắc quận (Vũ Uy) là đất Hung Nô, phía nam lại tiếp giáp với tộc Khương, dân chúng rất sợ bị chúng cướp bóc, phần nhiều để hoang ruộng đất. Diên đến, tuyển mộ một ngàn người vô lược, làm rõ thường phạt, sai đem quân kị binh người tạp Hồ, Hữu Đồ, Hoàng Thạch, chiếm cứ những nơi hiểm yếu đóng đồn, khi có sự cảnh giác gấp rút thì cùng chống trả đuổi đánh. Quân giặc thường bị hao tổn nhiều, bèn tuyệt không dám đến xâm phạm nữa.

Vùng Hà Tây trước vốn ít mưa thiếu nước, Diên bèn đặt chức quan lo việc thủy lợi, sửa sang kênh rạch, dân chúng đều được lợi ích. Lại tạo lập trường học, cho quan cai quản, từ hàng duyện sứ trở xuống, đều được cho con cháu đến học tập, miễn cho việc lao dịch. Sách vở đã thông, thầy đều được đề bạt thăng tiến. Trong quận bèn có nhiều kẻ sĩ nho học.

Sau, vì liên can đến việc tự ý giết người Khương mà không bẩm trước lên triều đình, Diên bèn bị chuyển xuống làm Huyện lệnh Triệu Lăng. Hiển tông lên ngôi, phong Diên làm Dĩnh Xuyên Thái thú. Năm Vĩnh Bình thứ hai, vời Diên về họp ở nhà Bích Ung¹, nhân lấy Diên làm Hà Nội Thái thú. Diên coi việc chín năm, thì bệnh chết.

Con nhỏ là Khải (愷), làm quan đến Thái thường.

1. Bích Ung: tên nhà học do Thiên tử lập ra, sau này được bố trí bên trong Quốc tử giám.

V. TAM QUỐC CHÍ

NGÔ THƯ - QUYẾN 4 - LƯU DO, THÁI SỬ TÙ, SĨ NHIẾP

SĨ NHIẾP TRUYỆN

Sĩ Nhiếp (士燮) tự Uy Ngạn (威彥), người Quảng Tín, Thương Ngô. Tổ tiên vốn là người Văn Dương, nước Lỗ, đến loạn Vương Mãng, mới lánh nạn đến Giao Châu. Sáu đời thì đến cha Nhiếp là Tú (賜)¹, thời (Hán) Hoàn đế làm Nhật Nam Thái thú. Nhiếp thuở nhỏ du học ở kinh sư, thờ Lưu Tử Kỳ (劉子奇) ở Dĩnh Xuyên làm thầy học, chuyên trị *Tả thị Xuân thu*. Nhiếp được xét Hiếu liêm, bổ làm Thương thư lang, vì việc công mà bị miễn quan. Sau khi hết tang cha là Tú, Nhiếp được cử mậu tài, ra làm Huyện lệnh huyện Vu, lại thăng Giao Chỉ Thái thú.

Em (Nhiếp) là Nhất (壹), mới đầu làm Đốc bưu ở quận. Thủ sử Định Cung (丁宮) vời về kinh đô, Nhất hầu cận rất cẩn mẫn nghiêm cẩn, Cung rất có cảm tình, đến khi chia tay nói với Nhất rằng: “Nếu Thủ sử ta có ngày đợi tội² ở ngôi Tam công, tất sẽ cho mời ngươi vậy.” Sau Cung làm Tư đồ, cho trưng vời Nhất. Ít lâu sau, Cung đã miễn quan, Hoàng Uyển (黃琬) thay làm Tư đồ, cũng đãi ngộ với Nhất rất hậu. Đổng Trác (董卓) làm loạn, Nhất trốn về quê cũ³. Giao Châu

1. Nguyên văn “Lục thế chí Nhiếp phụ Tú”, TT.NK.q3 chép là “Lục thế chí vương” - truyền sáu đời thì đến vương (Sĩ Nhiếp).

2. Đợi tội: chữ Hán “đãi tội”, cách nói khiêm cung, ý là được giữ chức, được ra làm...

3. Bùi Tùng Chi chú: Uyển và Trác ghét nhau, mà Nhất lại tận tâm với Uyển, vô cùng tương đắc. Trác lấy làm ghét, bèn ban giáo lệnh rằng: “Tư đồ duyên là Sĩ Nhất, không được nhậm dụng.” Vì vậy mà nhiều năm không được thăng chức. Đến khi Trác vào ải, Nhất bèn trốn về.

Thú sủ Chu Phù (朱符) bị giặc di giết chết, châu quận rối loạn. Nhiếp bèn dâng biểu tiến cử Nhất linh Hợp Phố Thái thú, còn thứ đê là Từ Văn Huyện lệnh (Sĩ) Vī (蔚) lĩnh Cửu Chân Thái thú, em Vī là Vũ (武) lĩnh Nam Hải Thái thú.

Nhiếp khí lượng khoan hậu, khiêm tốn với kẻ sĩ, sĩ nhân Trung Quốc đến nhờ cậy lánh nạn có tới hàng trăm. Nhiếp ham đọc Xuân Thu, nên có chú giải sách ấy. Viên Huy (袁徽) người Trần Quốc viết thư cho Thượng thư lệnh Tuân Úc (荀彧) rằng: “*Sĩ phủ quân¹ ở Giao Chỉ, chẳng những học vấn uyên bác, lại tốt việc chính sự, ở giữa đời đại loạn, mà bảo toàn một quận, suốt hơn hai mươi năm bờ cõi vô sự, dân không bị mất nghiệp, những kẻ đến lũ ngụ cũng đều được nhờ phúc, dù là Đậu Dung (竇融)² bảo vệ đất Hà Tây xưa, cũng chưa chắc hơn được. Việc quan hơi rảnh, liền học tập sách truyện, Xuân Thu Tả thị truyện lại càng thông tỏ tinh vi. Tôi nhiều lần đem những chỗ còn ngờ trong truyện ra mà hỏi, đều được giảng dạy cho, ý tú rất chu mật. Lại còn sách Thượng thư, (Nhiếp) kiêm thông kim cổ, tướng tận đầy đủ đại nghĩa. Nghe thấy các phái kinh học cổ kim ở kinh sư, đúng sai tranh cãi gay gắt, (Nhiếp) đang muốn bày tỏ hết đại nghĩa của sách Tả thị, Thượng Thư mà dâng lên vậy.*” Có thể nói, Nhiếp được khen ngợi đến như thế.

Anh em Nhiếp cùng coi các quận, hùng trưởng một châu, xa xôi muôn dặm, uy tôn chẳng ai hơn được. Khi ra vào thì rung chuông khánh, đâu đủ uy nghi, sáo khèn cổ súy, xe ngựa đầy đường, lại thường có mấy chục người Hồ đốt hương đi xen hai bên xe. Thê thiếp ngồi xe có tán có rèm, con em có binh kị tùy tòng, sự tôn quý bấy giờ, chấn phục cả bách man, Ủy Đà xưa cũng không hơn được vậy³. Vũ bị bệnh chết trước.

1. Phủ quân: cách gọi tôn kính quan Thái thú.

2. Đậu Dung (16 TCN-62 SCN) tự Chu Công (周公), người Phù Phong, gia đình nhiều đời làm quan ở Hà Nam, thời Vương Mãng, Dung tham gia trấn áp khởi nghĩa của Xích Mi, Lục Lâm, được phong Độ thủy tướng quân, sau giữ đất Hà Tây chính sự khoan hậu, dân chúng tương thân, vô cùng yên định.

3. Bùi Tùng Chi chú: Cát Hồng trong Thần tiên truyện viết: Nhiếp từng bị bệnh chết đã ba ngày, người tiên là Đống Phụng (董奉) lấy một viên thuốc cho uống, lấy nước đổ vào miệng cho ngâm, rồi nâng đầu mà lắc. Độ ăn xong bữa cơm, Nhiếp bèn mở được mắt, động được

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán sai Trương Tân (張津) làm Giao Châu Thủ sử. Sau, Tân lại bị tướng của mình là Khu Cảnh (區景) giết, Kinh Châu mục Lưu Biểu (劉表) sai Lại Cung (賴恭) người Linh Lăng đến thay Tân. Bấy giờ Thương Ngô Thái thú Sử Hoàng (史璜) chết, Biểu lại sai Ngô Cự (吳巨) đến thay, cùng đi luôn với Cung. Nhà Hán nghe tin Trương Tân chết, ban tì thư¹ cho Nhiếp, rằng: “Giao Châu là cõi xa xôi cách tuyệt, phía nam liền tới sông bể, ơn vua chẳng tới nơi, nghĩa tôi càng khuất nấp. Được biết nghịch tặc Lưu Biểu lại sai Lại Cung nhòm ngó đất Nam, nay lấy Nhiếp làm Tuy nam Trung lang tướng, cai quản bảy quận, lĩnh Giao Chỉ Thái thú như cũ.” Sau, Nhiếp sai thuộc lại là Trương Mân (張旻) phụng cống đến kinh đô, bấy giờ thiên hạ loạn lạc, đường xá đứt tuyệt, mà Nhiếp không bỏ việc triều cống, (nhà Hán) lại đặc biệt hạ chiếu cho làm An viễn tướng quân, phong Long Đô đĩnh hâu.

Sau, Cự bất hòa với Cung, bèn cử binh đuổi Cung, Cung chạy về Linh Lăng. Năm Kiến An thứ mười lăm (210), Tôn Quyền (孫權) sai Bộ Chất (步驥) làm Giao Châu Thủ sử. Chất đến, Nhiếp dẫn huynh đệ đến chịu theo sự tiết độ (của Chất). Ngô Cự có bụng khác, Chất bèn chém đi. Quyền gia phong cho Nhiếp làm Tả tướng quân. Cuối niên hiệu Kiến An, Nhiếp sai con là Ngǎm (廩) sang (Ngô) làm con tin, Quyền bèn lấy (Ngǎm) làm Vũ Xương Thái thú, còn các con của Nhiếp và Nhất ở phương nam đều phong làm Trung lang tướng. Nhiếp lại dẫn dụ các họ lớn ở Ích Châu là bọn Ung Khải (雍闊), đem cả dân chúng trong quận từ xa xôi sang phía quy phụ (Đông Ngô), Quyền càng khen ngợi, thăng (Nhiếp) làm Vệ tướng quân, phong Long Biên hâu, thăng em là Nhất làm Thiên tướng quân, Đô Hương hâu. Mỗi khi Nhiếp sai sứ tới chở Quyền lại đem dâng các thú hương thơm, vải mịn, tính đến hàng nghìn; Những đồ quý báu như minh châu, sò lớn, lưu ly, phỉ thúy, đồi mồi, tê, voi; hay những kỳ vật dị quả như: chuối, dừa, long nhãn chẳng năm nào không mang đến. Nhất có khi đem cống đến mấy trăm con ngựa. Quyền bèn viết thư, sủng tặng

tay, sắc diện dàn khôi phục, nửa ngày thì có thể ngồi dậy, bốn ngày lại có thể nói được, bèn bình phục như thường.

1. Tì thư: tức thư có đóng ấn tỷ, ở đây chỉ chiếu thư.

cho rất hậu, mà úy lạo đáp tạ. Nhiếp ở quận hơn bốn mươi năm, đến năm Hoàng Vũ¹ thứ năm (226), chín mươi tuổi thì chết.

Quyền thấy Giao Chỉ huyện xa, bèn chia từ Hợp Phố về phía bắc đặt làm Quảng Châu cho Lữ Đại (呂岱) làm Thủ sứ; từ Giao Chỉ về phía nam làm Giao Châu, cho Đới Lương (戴良) làm Thủ sứ. Lại sai Trần Thời (陳時) thay Nhiếp làm Giao Chỉ Thái thú. Đại lưu lại Nam Hải, còn Lương và Thời cùng đi tiếp đến Hợp Phố. Con Nhiếp là Huy (徽) tự tạm quyền làm Giao Chỉ Thái thú, phát binh trong họ tộc chặn đánh Lương. Lương lưu lại ở Hợp Phố. Có Hoàn Lan (桓鄰) người Giao Chỉ là thuộc lại của Nhiếp, dập đầu khuyên can Huy bảo đi đón Lương, Huy nổi giận bèn đánh chết Lan. Anh Lan là Trị (治) và con Lan là Phát (發) lại họp quân trong họ đánh Huy. Huy đóng chặt cổng thành cố thủ. Bọn Trị đánh mấy tháng vẫn không thể hạ được, bèn hẹn giảng hòa, ai nấy bãi binh về. Nhưng Lữ Đại có chiếu cho giết Huy, từ Quảng Châu đem quân đi ngày đêm tới, qua Hợp Phố, họp với Lương cùng tiến.

Con Nhất là Trung lang tướng Khuông (匡) vốn thân thiết với Đại, Đại cho Khuông làm Sư hữu tòng sự, trước tiên đưa thư tới Giao Chỉ, đem họa phúc ra cáo dụ (Huy). Lại sai Khuông gặp Huy, thuyết phục khiến nhận tội, tuy mất chức Quận thú, nhưng bảo đảm không còn mối lo gì nữa. Đại theo sau Khuông ít lâu thì đến. Anh Huy là Kỳ (祇), em (Huy) là bọn Cán (幹), Tụng (頌) cả thảy sáu người đều trần vai áo phụng nghênh Đại. Đại cảm tạ rồi sai mặc áo lại, mà cùng đến quận. Sáng hôm sau, Đại chẳng màn trướng, mời anh em Huy theo thứ tự mà vào, tân khách cùng ngồi đồng đủ cả. Đại đứng dậy, cầm phù tiết đọc chiếu thư, kể tội Huy. Tả hữu bèn trói Huy lôi ra, lập tức đem giết, đưa đầu về Vũ Xương.

Bọn Nhất, Vĩ, Khuông tới sau, Quyền tha tội cho, nhưng cùng với con của Nhiếp đang ở làm con tin là Ngầm, đều bị miễn làm thủ dân. Mấy năm sau, Nhất, Vĩ đều vì phạm pháp bị giết. Ngầm bị bệnh chết, không có con, người vợ ở góa, có chiếu cho quan sở tại cấp cho gạo ăn hàng tháng, và ban cho bốn mươi vạn tiền.

1. Niên hiệu của Tôn Quyền từ năm 222 đến 229.

VI. TẤN THƯ

QUYẾN 57

ĐÀO HOÀNG TRUYỀN

Đào Hoàng (陶璜) tự Thanh Anh (世英), người Mạt Lăng, Đan Dương. Cha là Cơ (基)¹, đời Ngô làm Giao Châu Thứ sử. Hoàng làm quan với nhà Ngô trải nhiều hiển chúc.

Thời Tôn Hạo (孫皓), Giao Chỉ Thái thú Tôn Tư (孫諲) tham bạo, gây họa cho bách tính. Gặp khi Sát chiến² Đặng Tuân (鄧荀) đến, lại tự ý đòi ba ngàn con chim công³, sai đưa đến Mạt Lăng, dân chúng khổ vì lao dịch xa xôi, đều có ý muốn làm loạn.⁴ Quận lại là Lã Hưng (呂興) bèn giết Tư và Tuân, đem quận xin nội phụ (nhà Tấn). (Tấn) Vũ đế bèn phong cho Hưng làm An Nam tướng quân, Giao Chỉ Thái thú. Ít lâu sau, (Hưng) lại bị Công tào của mình là Lý Thống (李統) giết chết, Hoàng để lại lấy Thoán Cốc (爨谷) người Kiến Ninh làm Giao Chỉ Thái thú. Cốc lại chết, đổi sai Mã Dung (馬融) người Ba Tây thay chức ấy. Dung bị bệnh chết, Nam trung Giám quân Hoắc Đặc (霍弋) lại sai Dương Tắc (楊稷) người Kiền Vi thay Dung, cùng bọn Tướng quân Mao Quý (毛炅), Cửu Chân Thái thú Đổng Nguyên (董元), Nha môn Mạnh Cán (孟幹), Mạnh Thông (孟通), Lý Tùng

1. TT.NK.q4 chép Cơ là ông nội (tổ phụ) Hoàng.

2. Sát chiến: chức quan do nhà Ngô thời Tam Quốc đặt ra, phụ trách việc giám sát quan lại và dân chúng.

3. TT.NK.q4 chép là “ba mươi con chim công”.

4. Tam Quốc chí chép việc này ở năm thứ năm thời Ngô Thái tông Tôn Hưu (tức năm 262). TT.NK.q4 cũng chép việc Lã Hưng làm phản năm 263 chứ không phải thời Tôn Hạo. Có lẽ Tấn thư chép nhầm.

(李松), Vương Nghiệp (王業), Thoán Năng (爨能), từ Thục ra Giao Chỉ, phá quân Ngô ở Cổ Thành, chém Đại đô đốc Tu Tắc (修則), Giao Châu Thứ sử Lưu Tuấn (劉俊). Ngô sai Ngu Ti (虞汜) làm Giám quân, Tiết Hủ (薛珝) làm Uy nam tướng quân, Đại đô đốc, Hoàng làm Thương Ngô Thái thú, chống cự với (Dương) Tắc, cùng đánh nhau ở Phân Thủy. Hoàng thua, lui về giữ Hợp Phố, bị mất hai tướng. Hủ giận, nói với Hoàng rằng: “Ông tự dâng biểu xin đi đánh giặc, mà để mất hai tướng, thì trách nhiệm ở đâu đây?” Hoàng nói: “Hạ quan không được làm theo ý mình, các quân lại không đồng thuận, cho nên đến nỗi thua như vậy.” Hủ vẫn tức giận, định đem quân về. Hoàng ngay trong đêm, đem mấy trăm quân lính, đánh úp Đống Nguyên thu được các thứ bảo vật, cho lên thuyền chở về. Hủ bèn tạ lỗi, lấy Hoàng lính Giao Châu, đô đốc quân tiền bộ. Hoàng theo đường biển, xuất kỳ bất ý, tiến thẳng đến Giao Chỉ. Nguyên ra chống. Các tướng sắp đánh, Hoàng nghi phía sau dãy tường đổ có phục binh, cho sắp quân trường kích ở cuối hàng. Hai quân vừa gặp nhau, Nguyên giả lui, Hoàng đuổi theo, phục binh quả nhiên xông ra, Hoàng cho quân dùng trường kích chống trả, đại phá được bọn Nguyên. (Hoàng) lại đem mấy ngàn sấp vải gấm trên thuyền bảo vật thu được lần trước cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ (梁奇), Kỳ bèn đem hơn vạn người đi giúp Hoàng. Nguyên có viên dũng tướng là Giải Hệ (解系) cùng ở trong thành, Hoàng bèn dụ em Hệ là Tượng (象), bảo viết thư cho Hệ. Lại sai Tượng ngồi trên xe nhẹ của Hoàng, cho nổi nhạc khua trống dẫn đường mà đi. Bọn Nguyên bảo nhau: “Tượng còn được như vậy, thì Hệ tất thối chí.” Bèn kéo đến giết Hệ đi. Hủ và Hoàng bèn công hãm được Giao Chỉ. Nhà Ngô nhân đó dùng Hoàng làm Giao Châu Thứ sử.

Hoàng có mưu kế, hay bố thí giúp đỡ người nghèo, nên rất được lòng người. Đằng Tu (滕修) mấy phen đi đánh giặc ở phương nam, mà không thắng nổi, Hoàng nói: “Người phía nam trông cậy vào muối và sắt của ta, nay cắt không bán sang cho nữa, họ tất hỏng hết dụng cụ làm đồng. Như thế hai năm, thì có thể chỉ đánh một trận mà diệt được vây.” Tu theo cách ấy, quả phá được giặc.

Trước kia, Hoắc Dặc khi sai bọn Tắc, Quý đi, có cùng thề với nhau rằng: “Nếu kẻ nào giặc vây thành chưa tới một trăm ngày mà đã ra hàng, thì cả gia quyến sẽ phải giết. Nếu như quá trăm ngày mà quân cứu viện chưa tới, thì ta sẽ chịu tội.” Bọn Tắc cố thủ chưa đến trăm ngày, thì lương hết, xin hàng, Hoàng không cho, mà cấp cho lương ăn sai giữ thành. Các tướng cùng can ngăn, Hoàng nói: “Hoắc Dặc đã chết rồi, tất nhiên là không thể cứu được bọn Tắc nữa, nên cho bọn chúng cầm cự đủ số ngày, sau đó sẽ nhận hàng, khiến chúng không mắc tội, ta nhận hàng cũng có nghĩa. Làm như vậy để trong dân chúng học, ngoài lân bang nể, chẳng cũng hay lắm sao?” Bọn Tắc hết số ngày hạn định, lương cũng cạn, quân cứu binh không đến, (Hoàng) bèn nhận cho hàng. Tu Tắc đã bị Mao Quý giết rồi, con Tắc là Doãn (允), theo Hoàng nam chinh. Đến khi trong thành đã ra hàng rồi, Doãn xin báo thù, nhưng Hoàng không cho. Quý ngầm mưu đánh úp Hoàng, việc lộ ra, (Hoàng) cho bắt Quý, quát bảo: “Tên giặc nước Tấn!” Quý nghiêm giọng bảo: “Tên chó Ngô! Thế nào là giặc?” Doãn mổ bụng Quý, nói: “Xem mày còn có thể làm giặc không?” Quý còn mắng chửi rằng: “Chí ta là giết tên Tôn Hạo nhà các ngươi, cha ngươi thật là đồ chó chết!” Hoàng đã bắt được bọn (Dương) Tắc rồi, đều cho đưa về kinh cả. (Dương) Tắc đến Hợp Phố, bị bệnh chết. Bọn Mạnh Cán, Thoán Năng, Lý Tùng đến Kiến Nghiệp, Hạo định đem giết cả. Có người can Hạo rằng, bọn Cán đều là những bê tông trung với chúa của mình, nên thú tội cho để khuyến khích tướng ngoại biên. Hạo bèn nghe theo lời ấy, đem đầy đến Lâm Hải. Bọn Cán chí muối về bắc, sợ rằng bị đày sang phương đông sẽ càng xa thêm, đem chuyện người Ngô hay thích thú nỏ tre của đất Thục, mà nói rằng có thể làm thứ nỏ ấy. Hạo bèn giữ lại cho xuống tác bộ¹. Sau, Cán trốn đến kinh đô², còn Tùng, Năng bị Hạo giết. Cán trình bày kế sách diệt Ngô, Hoàng để bèn khen ngợi mà hậu thưởng cho, lấy (Cán) làm Nhật Nam Thái thú. Khi trước, có lấy Dương Tắc làm Giao Châu Thứ sử, Mao Quý làm Giao Chỉ Thái thú, nhưng ấn thụ còn chưa đưa tới nơi thì thua bại, bèn truy

1. Tác bộ: nơi chế tác quân khí.

2. Tức kinh đô Lạc Dương của nhà Tấn.

tặng cho Tắc là Giao Châu (Thứ sử), các con của Quý cùng Tùng, Năng đều được làm Quan nội hầu.

Công tào quận Cửu Chân là Lý Tộ (李祚) đem quận theo nội phụ (nhà Tấn), Hoàng bèn sai tướng đến đánh, không thắng. Cậu của Tộ là Lê Hoảng (黎晃)¹ theo trong quân, khuyên bảo Tộ hàng. Tộ đáp rằng: “Cậu cứ làm tướng nước Ngô, còn Tộ tự làm tôi nước Tấn. Chỉ nên lấy sức mà nhìn nhau thôi.” Hơn một canh giờ thì thành bị hạ. (Tôn) Hạo lấy Hoàng làm Sứ trì tiết, Đô đốc Giao Châu chư quân sự, Tiền tướng quân, Giao Châu mục. Các nơi Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương địa bàn hiểm trở, người Di, người Lao hung hãn, trải nhiều đời vẫn không chịu về theo, Hoàng bèn dẹp yên, mở đặt làm ba quận, và hơn ba mươi huyện ở thuộc quốc Cửu Chân. Khi triều đình trưng vời Hoàng về làm Vũ Xương Đô đốc, mà lấy Hợp Phố Thái thú Tu Doãn (修允)² thay vào chức ấy, hàng ngàn dân chúng đất Giao xin lưu giữ Hoàng lại, vì vậy (triều đình) lại sai Hoàng trở lại đó.

Hạo đã hàng Tấn rồi, tự tay viết thư cho con Hoàng là Dung (融) bảo Hoàng quy thuận. Hoàng rời nước mắt khóc mấy ngày, rồi sai sứ đưa ấn thụ đến Lạc Dương. Hoàng để xuống chiếu cho Hoàng lại giữ nguyên chức cũ, phong làm Uyển Lăng hầu, đổi làm Quán quân tướng quân.

Bình được Đông Ngô rồi, nhà Tấn cắt giảm bớt quân ở các châu quận, Hoàng tâu rằng: “Đất Giao Chỉ là cõi xa xôi hoang vắng, cách tuyệt một phương, có khi phải qua mấy lần thông dịch mới nói được, núi biển liền sát. Lại thêm đất Nam Quận cách châu đến hơn ngàn dặm đường biển, bên ngoài lại còn cách Lâm Ấp bảy trăm dặm. Thủ lĩnh người Di là Phạm Hùng (范熊) đời nào cũng vào cướp phá, tự xưng làm vương, mấy lần vào đánh phá trăm họ. Vả, nước ấy lại liên nối với Phù Nam, giống người xấu xí, bằng đảng nương nhau, cậy hiểm không chịu quy phục. Trước đây, khi còn lệ thuộc Đông Ngô, chúng đã nhiều lần vào cướp đoạt, công phá quận huyện, giết hại trưởng lão. Thần vốn ngu yếu, trước đây vì nước cũ nhậm dụng, cho riêng coi giữ ở

1. TT.NK.q4 chép là Lê Hoàn (黎桓), chú thêm rằng có sách chép là Lê Minh (黎明).

2. TT.NK.q4 chép là Tu Nguyên (修允).

phương nam, đã hơn chục năm. Tuy trước sau chinh thảo, đã tiêu diệt những kẻ kiệt hiệt đầu sỏ, nhưng thâm sơn cùng cốc, vẫn còn những kẻ lẩn trốn. Hơn nữa, số quân mà thần thống linh vốn là hơn bảy ngàn người, đất phương nam nóng ẩm, có nhiều hơi độc, lại thêm liên năm chinh thảo, tử vong hao tổn, số còn lại chỉ có hai ngàn bốn trăm hai mươi người. Nay, bốn bề hòa đồng, chẳng lo có ai không phục, nên cuồn giáp rửa kiếm, mà chuyên tâm vào lễ nhạc. Nhưng người ở châu này, ít kẻ hiểu đại nghĩa, lại chán sự an lạc, hay gây họa loạn. Vả, Nam Ngạn ở Quảng Châu, chu toàn suốt hơn sáu ngàn dặm, những kẻ không đến phụ theo về chỉ hơn năm vạn hộ, cùng những kẻ không chịu theo ràng buộc ở Quế Lâm, cũng phải vạn hộ. Còn đến những người phục tùng quan dịch, chỉ hơn năm ngàn nhà. Hai châu như mồi với rồng, chỉ có dùng binh mới trấn giữ được. Lại đất Hưng Cố, Ninh Châu, nối tiếp ở trên thượng lưu, cách quận Giao Chỉ một ngàn sáu trăm dặm, thủy bộ thông suốt, bảo vệ lẫn nhau. Quân số ở châu chưa nên giảm bớt, để coi giữ nơi đón bạc. Phàm, biến cố chiến tranh, phát ra chẳng nhất định. Thần là kẻ vong quốc còn sót lại, lời bàn chẳng đáng để theo, thánh ân cao dày, hạ cố nhậm dụng, bỏ qua tội lỗi, đổi cho trấn nhậm một phương, gạt nhục ban sủng, lau mắt đổi nhìn, thệ nguyện bỏ mình, mà báo đáp những gì được nhận, những điều từng trải qua mà được thấy, xin kính cẩn mạo muội mà tâu bày.”

Lại nói: “Quận Hợp Phố đất đai bạc màu, không có ruộng đất nông nghiệp, bách tính chỉ có nghề mò trai lấy ngọc, bán buôn qua lại, lấy ngọc đổi gạo. Mà thời Đông Ngô ngọc bị cấm rất nghiêm, vì lo dân chúng trộm bán mất các thứ ngọc tốt, cấm tuyệt khách lại qua, khiến người dân phải đói khổ. Lại thêm trưng thu quá nhiều, đến hạn thường không nộp đủ được. Nay xin, ngọc trai loại tốt ba phần nộp hai, loại hạng hai thì (ba phần) nộp một, còn loại thô thì bỏ hẳn. Từ tháng Mười đến tháng Hai (năm sau), không phải là thời điểm lấy được ngọc trai loại tốt, xin cho khách buôn bán được qua lại như cũ.” Hoàng đế đều nghe theo cả.

Hoàng ở phương nam ba mươi năm, ân uy ban khắp nơi khác tục. Kịp đến khi chết, dân cả châu cùng thương khóc, như mất cha mẹ. Triều đình bèn lấy Viên ngoại Tân kỵ thường thị Ngô Ngạn (吾

彥) thay Hoàng¹. Ngạn chết, lại lấy Viên ngoại Tán kỵ thường thị Cố Bí (顧秘) thay Ngạn. Bí chết, người ở chầu bức con Bí là Tham (參) lĩnh việc chầu. Ít lâu thì Tham chết, em Tham là Thọ (壽) xin lĩnh chầu, người chầu không nghe, nhưng Thọ vẫn cố xin, bèn lĩnh chầu ấy. Thọ bèn giết bạn Trưởng sử Hồ Triệu (胡肇), lại định giết viên Đốc quân dưới trướng là Lương Thạc (梁碩), Thạc chạy trốn thoát chết, bèn khởi binh đánh Thọ, bắt được, giao cho mẹ Thọ, bắt cho uống rượu độc mà chết.

Thạc bèn đón con của Hoàng là Thương Ngô Thái thú (Đào) Uy (威) lĩnh ngôi Thủ sử, khi giữ chức rất được lòng trăm họ, ba năm thì chết². Em Uy là Thục (淑), con (Uy) là Tuy (綏) sau đều coi Giao Châu. Từ (Đào) Cơ đến (Đào) Tuy, bốn đời, mà có tới năm người coi Giao Châu vậy.

Em Hoàng là Tuấn (濬) đời Ngô làm Trần Nam Đại tướng quân, Kinh Châu mục. Em Tuấn là Kháng (抗), làm Thái tử Trung thứ tử. Con Tuấn là Nhân (湮), tự Cung Chi (恭之), em Nhân là Du (猷) tự Cung Dự (恭豫), đều rất có tiếng. Nhân làm đến Lâm Hải Thái thú, Hoàng môn thị lang. Du làm Tuyên Thành Nội sử, và Hữu quân trưởng sử cho Vương Đạo (王導). Con Nhân là Phúc (馥) làm Huyện lệnh Vu Hồ, bị Hàn Hoảng (韓晃) giết, được truy tặng Lư Giang Thái thú. Con Kháng là Hồi (回), tự có truyện riêng trong sách.³

1. *Tấn thư - Ngô Ngạn truyện* có chép: "...Gặp khi Giao Châu Thủ sử Đào Hoàng chết, lấy Ngạn làm Nam Trung Đô đốc, Giao Châu Thủ sử... Khi Đào Hoàng chết, quân trú đóng ở Cửu Chân làm loạn, đánh đuổi Thái thú. Thủ lĩnh giặc Cửu Chân là Triệu Chỉ (趙祉) vây quân thành, Ngạn thảy đều bình định được. Ngạn ở trấn hơn hai mươi năm, ân uy tỏ rõ, Nam Châu yên tĩnh. Ngạn tự dâng biểu xin cho người đến thay mình, triều đình trưng vời về làm Đại trưởng thu. Chết khi tại nhiệm."

2. TT.NK.q4 chép là "ba mươi năm".

3. Truyện Đào Hồi được chép trong *Tấn thư - quyển 78*, không dịch trong sách này.

VIII. TỔNG THU

QUYỀN 92 - LUƠNG LẠI

ĐỖ TUỆ ĐỘ TRUYỀN

Đỗ Tuệ Độ (杜慧度), người Chu Diên, Giao Chỉ, vốn gốc ở Kinh Triệu. Tăng tổ là Nguyên (元) làm Ninh Phố Thái thú¹, bèn ở lại Giao Chỉ. Cha là Viện (瑗), tự Đạo Ngôn (道言), làm quan ở châu phủ, từng giữ chức Thái thú Nhật Nam, Cửu Đức, Giao Chỉ. Trước đây, Thái thú Cửu Chân là Lý Tốn (李遜) cha con cùng dũng mãnh, có quyền có lực, uy chế đất Giao Châu. Nghe tin Thủ sứ Đằng Độn Chi (騰遜之) sắp đến, (Lý Tốn) bèn sai hai con chặn nơi hiểm yếu cả hai đường thủy lục. Viện bèn đem quân chém Tốn, trong châu lại yên ổn, được làm Long Nhương tướng quân. Độn Chi ở châu hơn mười năm, nhiều lần đánh nhau với Lâm Ấp. Độn Chi sắp trở về bắc, Lâm Ấp vương Phạm Hồ Đạt (范胡達) lại công phá ba quận Nhật Nam, Cửu Đức, Cửu Chân, rồi vây châu thành. Khi ấy Độn Chi đi xa, Viện cùng con thứ ba là Huyền Chi (玄之) đem hết sức cõi thủ, lập nhiều mưu kế, dồn dập đánh, bèn đại phá được. Lại đuổi theo đánh chúng ở Cửu Chân, Nhật Nam, liên tục thắng, khiến Hồ Đạt phải chạy về Lâm Ấp. (Triều đình) liền lấy Viện làm Long Nhương tướng quân, Giao Châu Thủ sứ. Nghĩa Kỳ (義旗) được thăng hiệu Quán quân tướng quân. Lư Tuần (盧循) trộm chiếm cứ Quảng Châu, sai sứ sang thông hảo, Viện bèn chém luôn. Năm Nghĩa Hi thứ sáu (410), Viện tám mươi tư tuổi, chết, được truy tặng Hữu tướng quân, cùng các chức quan như vốn có.

1. TT.NK.q4 chép là Hợp Phố (合浦).

Tuệ Độ là con thứ năm của Viện. Ban đầu, ở châu làm chán Chủ bạ, Lưu dân đốc hộ, rồi thăng Cửu Chân Thái thú. Viện chết, quan lại ở châu phủ cho là đất Giao Châu tiếp giáp giặc cướp, không nên để khuyết chức, mới cùng nhau tôn Tuệ Độ lên nắm việc châu phủ, nhưng Tuệ Độ từ chối không nhận. Năm thứ bảy (411), thăng (Tuệ Độ) làm Sứ trì tiết, Đốc Giao Châu chư quân sự, Quảng Vũ tướng quân, Giao Châu Thứ sử. Chiếu thư chưa tới nơi, thì mùa xuân năm ấy, Lư Tuần tập kích phá Hợp Phố, rồi tiến thẳng đến Giao Châu. Tuệ Độ bèn dẫn văn võ sáu ngàn người chống cự với Tuần ở Thạch Kỳ, giao chiến, bắt được Trưởng sứ của Tuần là Tôn Kiến Chi (孫建之). Tuần tuy bại, nhưng dư đảng vẫn còn ba ngàn người, đều tập luyện việc quân. Con của Lý Tốn là bọn Lý Dịch (李弈), Lý Thoát (李脫) trốn tránh đến Thạch Kỳ, câu kết với người man Lái, Lạo, ai nấy đều có bộ chúng. Tuần biết bọn Dịch có oán thù với họ Đỗ, bèn sai sứ đến mời. Bọn Dịch bèn dẫn các thủ lĩnh người Lái đem quân năm, sáu ngàn người, đến chịu sự tiết độ của Tuần. Tháng Sáu, ngày Canh Tý, Tuần sáng sớm đến Nam Tân¹, mệnh cho ba quân vào thành săn ăn. Tuệ Độ đem hết tiền của riêng trong tộc ra để làm phần thưởng cho quân. Em là Giao Chỉ Thái thú Tuệ Kỳ (慧期), cùng Cửu Chân Thái thú Chương Dân (章民) cùng đốc suất quân thủy bộ. Tuệ Độ tự lên thuyền lớn, cùng họp nhau đánh, phóng tên lửa đuốc đuôi trĩ sang quân địch, bộ binh cũng áp hai bên bờ sông mà bắn. Các thuyền của Tuần đều bị đốt cháy, nhất thời tan vỡ, Tuần trúng tên rơi xuống nước chết. (Tuệ Độ) bèn chém Tuần², cùng cha Tuần là Hồ (嘏), và hai con của Tuần. Bọn thân thuộc là Lục sự tham quân Nguyễn Tĩnh (阮靜), Trung binh tham quân La Nông Phu (羅農夫), Lý Thoát, đều bị chém đưa đầu về kinh đô. (Triều đình) phong cho Tuệ Độ làm Long Biên huyện hâu, thực ấp một ngàn hộ.

(Tống) Cao tổ lên ngôi³, thăng danh hiệu (cho Tuệ Độ) là Phụ quốc tướng quân. Năm ấy, (Tuệ Độ) đem văn võ một vạn người xuống phía nam đánh Lâm Ấp, giết quá nửa dân nước ấy, những gì bị

1. TT.NK.q4 chép là “Long Biên Nam Tân” - bến nam của Long Biên.

2. TT.NK.q4 chép là Tuần thua tự gieo mình xuống sông mà chết.

3. Tức Lưu Tống Cao tổ Lưu Dụ.

Lâm Ấp cướp đoạt trước sau, thảy đều thu lại được cả. Lâm Ấp xin hàng, đem dâng các thứ gia súc, voi lớn, vàng bạc, cổ bối¹, (Tuệ Độ) bèn tha cho chúng. Lại sai Trưởng sử là Giang Du (江悠) mang biểu báo tiệp về triều. Tuệ Độ mặc áo vải, ăn cơm rau, tiết kiệm giản dị, giỏi chơi đàn cầm, rất chuộng “Lão”, “Trang”, cấm tuyệt việc thờ bậy, sửa sang trường học. Gặp năm mất mùa dân đói, thì lấy lộc riêng chẩn cấp cho. Lo việc chính sự cẩn thận như việc trị nhà, vì vậy ân uy rộng khắp, không có trộm cướp nổi lên, đến độ cống thành đêm không cần đóng, trên đường không ai nhặt của rơi. Năm Cảnh Bình nguyên niên (423) đời Thiếu đế, Tuệ Độ chết khi năm mươi tuổi, được truy tặng Tả tướng quân.

Lấy con trưởng của Tuệ Độ là Viên ngoại tán kỵ thị lang Hoằng Văn (弘文) làm Chấn uy tướng quân, Thủ sử. Trước kia, Cao tổ chinh phạt vùng Quan (Trung), Lạc (Dương), Tuệ Độ sai Hoằng Văn làm Ưng dương tướng quân, Lưu dân đô hộ, trao cho ba ngàn quân, lên phía bắc theo đại quân. Đi đến Quảng Châu, thì Quan, Lạc đã bình định, (Hoằng Văn) bèn quay về. Thống phủ mệnh cho Hoằng Văn làm Cửu Chân Thái thú. Kịp tới khi kế vị cha làm Thủ sử, cũng nhờ khoan hòa mà được lòng người, tập tước Long Biên hầu.

Năm Nguyên Gia thứ tư (427) đời (Tống) Thái tổ², (triều đình) lấy Đinh úy Vương Huy (王徽) làm Giao Châu Thủ sử, Hoằng Văn được trưng vời về triều. Đúng khi ấy, Hoằng Văn mắc trọng bệnh, sai người đỡ lên đường, thân hữu thấy Hoằng Văn bệnh nặng, khuyên dâng biểu xin đợi bệnh khỏi sẽ đi. Hoằng Văn nói: “Ta nỗi đời chịu thánh ân, ba đời giữ cầm cờ tiết, thường muốn đem thân đến nơi để đinh, để báo ơn vua. Huống chi nay lại được mệnh trưng vời, mà có thể bỏ bỗng được sao! Nếu như có phải chết, thì ấy cũng là mệnh vậy.” Mẹ Hoằng Văn tuổi đã già, thấy Hoằng Văn mang bệnh lên đường, không đành lòng chia biệt, bèn cùng đi theo. Đến Quảng Châu, thì Hoằng Văn chết. Trước khi chết, (Hoằng Văn) lại sai em là Hoằng Du (弘猷) đến kinh, triều đình vô cùng thương cảm.

1. Cổ bối: dịch từ chữ Kapok theo tiếng Mã Lai, tức là cây bông gạo. Đây chỉ bông vải lấy từ cây bông gạo.

2. Tức Lưu Tống Thái tổ Lưu Nghĩa Long.

IX. TRẦN THU

QUYẾN 1 - CAO TỔ KỶ (*trích*)

Cao tổ Vũ Hoàng đế húy Bá Tiên (霸先), tự Hưng Quốc (興國), tiểu tự Pháp Sinh (法生), người làng Hạ Nhược, Trường Thành, Ngô Hưng, là hậu duệ của Thái Khâu trưởng đời Hán là Trần Thực (陳寔), nối đời ở Dĩnh Xuyên vậy. Cháu năm đời của Thực là Chuẩn (準), làm Thái úy đời Tấn. Chuẩn sinh ra Khuông (匡), Khuông sinh ra Đạt (達), niên hiệu Vĩnh Gia đời xuống phương nam, làm Thừa tướng duyên, trải làm các chức Thái thường, Tẩy mã, rồi ra làm Trường Thành lệnh, vì yêu mến núi sông ở đó, bèn dựng nhà ở lại. Đạt từng nói với những người thân thuộc rằng: “Đất này núi sông tươi đẹp,ắt có bậc vương giả dấy lên, sau hai trăm năm nữa, con cháu ta tất được chung đúc vận hội ấy.” Đạt sinh ra Khang (康), lại làm Thừa tướng duyên, đều dứt đoạn với Trung thổ, vì vậy bèn thành người Trường Thành. Khang sinh ra Hu Di Thái thú Anh (英), Anh sinh ra Thượng thư lang Công Bật (公弼), Công Bật sinh ra Bộ binh hiệu úy Đỉnh (鼎), Đỉnh sinh ra Tân kỵ thị lang Cao (高), Cao sinh ra Hoài An lệnh Vịnh (詠), Vịnh sinh ra An Thành Thái thú Mạnh (猛), Mạnh sinh ra Thái thường khanh Đạo Cự (道巨), Đạo Cự sinh ra hoàng khảo¹ Văn Tân (文讚).

Cao tổ sinh năm Quý Mùi, niên hiệu Thiên Giám thứ hai (503) nhà Lương, từ nhỏ đã khác lạ, có chí lớn, không chú ý đến việc làm ăn. Đến khi lớn, bèn đọc binh thư, giỏi võ nghệ, minh trí quyết đoán, được người đương thời suy tôn kính phục. (Cao tổ) mình cao bảy thước năm thốn, mặt rồng vuông vức, tay chàng quá gối. Từng đi

1. Hoàng khảo: cha vua, tức cha của Trần Bá Tiên.

chơi Nghĩa Hưng, nghỉ đêm ở nhà họ Hứa, đêm mộng thấy bầu trời mở ra mấy trượng, có bốn người áo đỏ bừng vầng nhật tối, bảo Cao tổ há miệng ra mà cho vào. Kịp tỉnh dậy, thấy trong bụng vẫn còn nóng, Cao tổ bèn ghi nhớ việc ấy trong lòng.

Đầu niên hiệu Đại Đồng¹, Tân Dụ hầu Tiêu Ánh (蕭曠) làm Ngô Hưng Thái thú, rất coi trọng Cao tổ, từng nhìn Cao tổ mà bảo với các lieu tá rằng: “Người này sau sẽ tiến xa làm lớn.” Kịp khi Ánh làm Quảng Châu Thứ sử, Cao tổ làm Trung trực binh tham quân, theo đến phủ trấn. Ánh sai Cao tổ chiêu mộ binh mã, quân đông đến ngàn người, bèn sai Cao tổ coi quận Tống Long. Trong địa bàn có hai huyện An Hóa vốn không chịu theo, Cao tổ bèn đánh dẹp yên. Ít lâu sau lại coi cả việc Đốc hộ Giang Tây, Quận thủ Cao Yếu.

Trước đó, Võ Lâm hầu Tiêu Tư (蕭諮) làm Giao Châu Thứ sử, vì vơ vét tham bạo nên mất lòng dân, người đất ấy là Lý Bí (李賁) liên kết hào kiệt mấy châu cùng nhau nổi dậy. Triều đình sai Cao Châu Thứ sử Tôn Quynh (孫固), Tân Châu Thứ sử Lư Tử Hùng (盧子雄) đem quân đến đánh. Bọn Quynh không kịp thời tiến binh, đều bị xử tội chết ở Quảng Châu. Em Tử Hùng là Tử Lược (子略), cùng con cháu của Quynh và các tướng soái là Đỗ Thiên Hợp (杜天合), Đỗ Tăng Minh (杜僧明) cùng cử binh, bắt Giang Nam Đốc hộ Thẩm Nghĩ (沈顥), tiến xuống cướp Quảng Châu, ra sức đánh ngày đêm, trong châu đều chấn động kinh hãi. Cao tổ đem ba ngàn tinh binh, cuốn giáp đi gấp đến cứu, liên tục đánh nhiều trận đều thắng, Thiên Hợp bị trúng một mũi tên lạc mà chết, quân giặc tan vỡ, Tăng Minh bèn hàng. Lương Vũ đế rất khen tài lạ, trao cho làm Trực các tướng quân, phong Tân An tử, thực ấp ba trăm hộ, lại sai thợ vẽ họa chân dung Cao tổ để minh xem.

Mùa đông năm ấy, Tiêu Ánh chết. Năm sau, Cao tổ đưa tang (Ánh) về quận, đến dâng Đại Dữu Lĩnh, thì gặp khi có chiếu cho Cao tổ làm Giao Châu tu mã, lịnh Vũ Bình Thái thú, cùng Thứ sử Dương Phiếu (楊瞟) xuống phương nam đánh dẹp. Cao tổ lại chiêu mộ thêm những tay dũng cảm, trang bị vũ khí tinh lợi. Phiếu mừng nói:

1. Đại Đồng: niên hiệu của Lương Vũ đế Tiêu Diển từ năm 535-546.

“Người có thể đẹp được giặc, tất là Trần Tư võ¹ vậy.” Rồi ủy nhiệm cho (Cao tổ) làm kinh lược. Cao tổ cùng các quân xuất phát từ Phiên Ngung. Bấy giờ Tiêu Bột (蕭勃) làm Định Châu Thủ sử, cùng họp nhau ở Giang Tây, Bột biết quân sĩ sợ phải đi đánh nhau xa, ngầm mua chuộc dụ dỗ, nhân nói lừa Phiếu². Phiếu tụ tập các tướng hỏi kế, Cao tổ đáp: “Giao Chỉ làm phản³, tội bởi tôn thất⁴, mới khiến chúng tiếm loạn mấy châu, đã nhiều năm tháng. Định Châu lại muốn được yên trước mắt, chẳng nhìn đến đại kế. Đã được trao phù tiết phụng mệnh đem quân phạt tội, thì dầu sống chết cũng làm, há có thể sợ hãi tôn thất, mà coi nhẹ quốc pháp? Nay nếu đoạt chí người khác, làm nhụt lòng quân, thì hà tất phải đem quân thảo tặc vấn tội đến Giao Châu, mà lập tức quay về chịu trách phạt vậy.” Thế rồi bèn chỉnh đốn quân ngũ, gióng trống tiến binh.

Tháng Sáu, năm thứ mười một (545), quân đến Giao Châu, quân của (Lý) Bí mẩy vạn người đắp thành dựng trại ở cửa sông Tô Lịch để chống quan quân. Phiếu cho Cao tổ làm tiên phong, đánh đến đâu giặc vỡ đến đó. Bí chạy đến hồ Điển Triệt, lập trại ở địa giới của người Khuất Lạo, đóng nhiều tàu thuyền, để chật trong hồ. Quân sĩ sợ hãi, dừng lại trước hồ không dám tiến. Cao tổ nói với chư tướng rằng: “Quân ta đi đã lâu ngày, tướng sĩ mệt nhọc, cầm cự lâu dài, e không phải là kế hay. Và quân đơn độc không có tiếp viện, tiến vào sâu trong lòng kẻ địch, nếu không đánh một trận thắng ngay, thì há có thể mong còn sống sót? Nay nhân khi chúng liên tục thua chạy, lòng người chưa vững, quân Di, Lạo ô hợp, dễ dàng đánh giết, chính nên cùng liều mạng mà đánh, dốc sức giành lấy, chứ vô cớ dừng lại, tất lỡ mất thời cơ vậy.” Các tướng đều lặng im, không ai dám lên tiếng. Tối hôm ấy, nước sông lên mạnh, dâng cao bảy thước, đổ vào trong hồ, cuồn cuộn chảy xối. Cao tổ chỉnh đốn quân sĩ, thuận dòng tiến trước, các quân cùng rung trống hò hét tiến lên. Quân giặc tan vỡ, Bí

1. Tư võ: tức Tư mã, chức quan của Trần Bá Tiên khi đó.

2. Nguyên văn “nhân quỷ thuyết Phiếu”. TT.NK.q4 chép là “nhân quỷ thuyết lưu Phiếu” - nhân nói lừa để lưu Phiếu lại.

3. Trần thư lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

4. Chỉ Tiêu Tư là người trong tôn thất nhà Lương bấy giờ.

chạy trốn vào động của người Khuất Lạo, người Khuất Lạo bèn chém Bí truyền thủ cấp đến kinh sư. Năm ấy là năm Thái Thanh nguyên niên (547) vậy¹.

Anh của Bí là Thiên Bảo (天寶) trốn vào Cửu Chân, cùng bọn tướng cướp Lý Thiệu Long (李紹隆)² thu thập tàn quân được hai vạn, giết Đức Châu Thủ sứ Trần Văn Giới (陳文戒), rồi tiến sang vây Ái Châu. Cao tổ lại đem quân đến dẹp yên, được thăng làm Chấn viễn tướng quân, Tây Giang Đốc hộ, Cao Yếu Thái thú, đôn đốc việc quản bảy quận.

Mùa đông năm thứ hai (548), Hầu Cảnh (侯景) vào cướp kinh sư, Cao tổ sắp đem quân đến cứu viện, thì Quảng Châu Thủ sứ Nguyên Cảnh Trọng (元景仲) ngầm có chí khác, định mưu hại Cao tổ. Cao tổ biết rõ mưu ấy, cùng với Thành Châu Thủ sứ Vương Hoài Minh (王懷明), Hành đài tuyển lang Ân Ngoại Thần (殷外臣) bí mật bàn định giới nghiêm. Tháng Bảy, năm thứ ba (549), cùng tụ tập nghĩa binh ở Nam Hải, truyền kịch đánh dẹp Cảnh Trọng. Cảnh Trọng thế cùng, treo cổ chết dưới gác, Cao tổ bèn đón Tiêu Bột đến trấn giữ Quảng Châu. Khi ấy, Lâm Hạ nội sử Âu Dương Ngỗi (歐陽頡) coi Hành Châu. Bọn Lan Dụ (蘭裕), Lan Kinh Lễ (蘭京禮) xúi giục mười quận Thủy Hưng cùng khởi binh đánh Ngỗi. Ngỗi xin Bột cứu viện. Bột sai Cao tổ đem quân đến cứu, bèn bắt được hết bọn Dụ, coi lấy quận Thủy Hưng.

Tháng Mười một, Cao tổ sai Đỗ Tăng Minh, Hồ Dĩnh (胡穎), đem hai ngàn người đóng ở Lĩnh Thuượng, lại đem hậu lễ, kết giao với các hào kiệt ở Thủy Hưng cùng mưu cử nghĩa. Bọn Hầu An Đô (侯安都), Trương Ty (張偲) đem hơn ngàn người đến theo. Tiêu Bột hay tin, sai Chung Hữu Duyệt (鍾休悅) nói với Cao tổ rằng: “Hầu Cảnh kiêu hùng, thiên hạ vô địch. Những người trước đây có viện quân mười vạn, quân khỏe ngựa hay, mà còn không dám đối địch, mới khiến cho quân chó dê đắc chí. Ông chỉ có chút quân chúng cỏn con này thì làm gì được? Lại nghe, các vương hầu ở Lĩnh bắc đều sôi

1. TT.NK.q4 chép năm Thái Thanh thứ hai (548), mùa xuân, tháng Ba, ngày Tân Hợi, Nam đế ở động Khuất Lạo lâu ngày nhiễm lam chướng, ốm chết.

2. Lý Thiệu Long có lẽ là tên Trần thư gọi Lý Phật Tử (李佛子) (Hậu Lý Nam đế).

sục nổi lên, Hà Đông, Quế Dương nối nhau giết chóc, Thiệu Lăng, Khai Kiến thân thích giao tranh. Lý Thiên Sĩ (李遷仕) gửi thân ở Dương Dương, bèn đoạt binh mã, một kẻ xa xôi ở ngoài như ông, sao có thể đến theo được? Chi bằng hãy tạm đóng ở Thủy Hưng, xa trương thanh thế, giữ vững Thái Sơn này, tự được nhiều phúc.” Cao tổ khóc mà nói với Hữu Duyệt rằng: “Tôi vốn là kẻ tầm thường, đội ơn nước mà lập nên. Trước đây nghe Hầu Cảnh vượt sông, đã muốn đến cứu viện, nhưng gặp bọn Nguyên, Lan chặn mất đường đi. Nay kinh đô bị hạ, chúa thượng bôn tẩu, vua nhục thì bể tôi phải chết, kẻ nào dám mong giữ mạng sống? Quân hầu vốn người hoàng tộc¹, giữ trọng nhậm một phương, không thể đem quân đi vạn dặm, rửa sạch thống hận. Dù là sai một cánh quân, cũng còn là bậc hiền vội. Thế mà lại giáng chỉ ý như vậy, thật khiến người phải cảm khái. Kế của tôi đã quyết rồi, nhờ ông về nói lại với quân hầu như thế.” Bèn sai sứ đi đường tắt đến Giang Lăng, bẩm mệnh cho quân theo chịu tiết độ. Bấy giờ, Sái Lộ Dương (蔡路養) khởi binh chiếm cứ Nam Khang, Bột bèn sai kẻ tâm phúc là Đàm Thế Viễn (譚世遠) làm Khúc Giang lệnh, câu kết với Lộ Dương, cùng ngăn chặn nghĩa quân. Tháng Giêng, năm Đại Bảo nguyên niên (550), Cao tổ xuất phát từ Thủy Hưng, đến Đại Dữu Linh. Lộ Dương đem quân ra đóng ở Nam Dã, dựa sông núi dựng bốn thành để chặn Cao tổ. Cao tổ cùng giao chiến (với Lộ Dương), đại phá được chúng. Lộ Dương thoát thân chạy trốn, Cao tổ tiến đến đóng ở Nam Khang. Tương Đông vương thừa chế trao cho cao tổ chức Viên ngoại tán kỵ thường thị, Tri tiết, Minh Uy tướng quân, Giao Châu Thủ sử, đổi phong Nam Dã huyện bá. (...)

1. Quân hầu: chỉ Tiêu Bột, cũng là người trong hoàng tộc nhà Lương.

X. TÙY THU

QUYỀN 53

LƯU PHƯƠNG TRUYỆN

Lưu Phương (劉方), người Trường An, Kinh Triệu. Tính cương quyết, có đảm lượng. Làm Thừa ngự thượng sĩ cho nhà (Bắc) Chu, ít lâu sau có chiến công, được thăng làm Thượng nghị đồng. Khi Cao tổ¹ làm Thừa tướng, Phương theo Vi Hiếu Khoan (韋孝寬) phá Uất Quynh (尉迴)² ở Tương Châu, có công được gia tặng Khai phủ, ban tước Hà Âm huyện hầu, thực ấp tám trăm hộ. Cao tổ được nhường ngôi rồi³, thăng cho Phương lên tước công. Năm Khai Hoàng thứ ba (583), (Phương) theo Vệ vương Sảng (爽)⁴ phá Đột Quyết ở Bạch Đạo, thăng làm Đại tướng quân. Sau trải làm Thủ sứ hai châu Cam, Qua, tên tuổi còn chưa được ai biết đến.

Niên hiệu Nhân Thọ⁵, gặp khi người Lái ở Giao Châu là Lý Phật Tử (李佛子) làm loạn⁶, chiếm cứ thành cũ của Việt vương⁷, sai con của anh trai là Đại Quyền (大權) đóng giữ thành Long Biên, và biệt

-
1. Tức Tùy Cao tổ Dương Kiên.
 2. Tức Uất Trì Quynh (尉遲迴), năm 580, Uất Trì Quynh cùng các lão thần nhà Bắc Chu, vì bất mãn với việc Dương Kiên đoạt quyền, nên đã phát động binh biến chống lại.
 3. Năm 581, Dương Kiên buộc Bắc Chu Tĩnh để thoái vị, nhường ngôi cho mình, sáng lập nên triều nhà Tùy.
 4. Tức Vệ vương Dương Sảng, là em khác mẹ với Tùy Văn đế Dương Kiên.
 5. Niên hiệu của Tùy Văn đế từ năm 601-604.
 6. *Tùy thư* lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.
 7. Tức Triệu Việt vương Quang Phục.

tướng là Lý Phổ Đỉnh (李普鼎) đóng giữ thành Ô Diên. Tả bộc xạ Dương Tố (楊素) nói Phương có mưu lược tướng soái, vì vậy Hoàng thượng bèn chiếu cho Phương làm Giao Châu đạo hành quân tổng quản, lấy Độ chi Thị lang Kính Đức Lượng (敬德亮) làm Trưởng sử, thống lĩnh hai mươi bảy doanh tiến binh. Phương pháp lệnh nghiêm túc, quân dung tề chỉnh, có kẻ nào vi phạm lệnh cấm, lập tức chém ngay. Tuy vậy lại nhân từ mà yêu quân sĩ, có kẻ nào đau ốm thì đích thân tới hỏi han chăm sóc. Trưởng sử Kính Đức Lượng theo quân đến Doãn Châu, bị ốm nặng, không thể đi tiếp được, phải lưu lại ở nhà quán của châu. Lúc chia biệt, Phương hết mực buồn đau, nghẹn ngào rơi lệ, cảm động mà lên đường. Phương có ân uy như vậy, nên những kẻ nghị luận đều khen là bậc lương tướng.

Đến núi Đô Long, gấp hơn hai ngàn quân giặc đến tấn công quan quân, Phương sai bọn doanh chủ là Tống Soạn (宋纂), Hà Quý (何貴), Nghiêm Nguyên (嚴願) đánh phá được, rồi tiến quân đến đánh Phật Tử. Trước tiên, Phương sai người đem họa phúc mà dụ cho chúng biết, Phật Tử sợ hãi ra hàng, cho đưa đến kinh sư. Còn những kẻ kiệt hiệt khác, sợ rằng sau lại làm loạn, bèn đều chém cả.

Ít lâu sau, (triều đình) lại trao cho Phương chức Hoan Châu đạo hành quân tổng quản, lấy Thượng thư hữu thừa Lý Cương (李綱) làm Tư mã, đi kinh lược Lâm Ấp. Phương sai Khâm Châu Thủ sử Ninh Trường Chân (甯長真), Hoan Châu Thủ sử Lý Vượng (李量), Thượng khai phủ Tân Hùng (秦雄) đem quân bộ kỵ xuất phát từ đất Việt Thường. Phương đích thân dẫn Đại tướng quân Trương Tốn (張懸), Tư mã Lý Cương đi thuyền tới Tỉ Cảnh.

(Tùy) Cao tổ băng, Dạng đế lên nối ngôi, tháng Giêng năm Đại Nghiệp nguyên niên (605), quân đến cửa bể. Vua Lâm Ấp là Phạn Chí (梵志) sai quân giữ nơi hiểm yếu, Phương đánh lui được. Quân đi đến sông Đồ Lê, giặc giữ bờ nam sông lập trại. Phương cho dàn cờ xí, gõ trống khua chiêng, quân giặc sợ mà tan vỡ. Vượt qua sông rồi, đi ba mươi dặm nữa, thì giặc cưỡi voi lớn, từ bốn mặt tiến lại. Phương cho lấy nỏ bắn voi, voi bị thương, bèn chạy dẫm vào hàng trận của chúng. Quân triều đình ra sức đánh, giặc chạy vào trại, Phương bèn công phá được, bắt làm tù binh kể hàng vạn người. Vì vậy, vượt Khu

Túc, qua Lục Lí, trước sau gắp giặc, đánh tất bắt được. Tiến đến sông Đại Duyên, giặc chiếm cứ nơi hiểm yếu dựng trại, Phương lại đánh phá được. Đi qua cột đồng của Mã Viện, tiến xuống phía nam tám ngày, thì đến kinh đô nước ấy. Vua Lâm Ấp là Phạn Chí bỏ thành chạy ra ngoài biển, Phương thu lấy tượng vàng cùng thần chủ trong miếu, ô nhục cung thất, khắc đá ghi công rồi về. Sĩ tốt bị thủng chân, mười phần chết mất bốn, năm, Phương cũng mắc bệnh mà chết trên đường. Hoàng đế vô cùng thương tiếc, hạ chiếu rằng: “*Phương nghiêm tuân sách lược miếu đường, kính cẩn thi hành thảo phạt. Uống băng dấn bước, coi hiểm như thường. Phá địch thắng tiến, xuất kỳ bất ý, kinh nghê diệt sạch, sào huyệt lấp bằng. Chẳng cần nhọc thêm, đã yên hải ngoại. Đem thân vì việc nước, công trạng thực đáng khen. Nay ban tặng là: Thượng trụ quốc, Lư quốc công.*”

Con là Thông Nhân (通仁) nối tước.

XI. TÂN ĐƯỜNG THU

QUYẾN 201

LƯU DIÊN HỰU TRUYỆN

Lưu Diên Hựu (劉延祐), người Bành Thành, Từ Châu.

Bác là Dận Chi (胤之), từ nhỏ đã có chí học tập, cùng Tôn Vạn Thọ (孫萬壽), Lý Bách Dược (李百藥) rất thân thiết với nhau. Niên hiệu Vũ Đức¹, (Dận Chi) được Đỗ Yêm (杜淹) tiến cử làm Tín Đô lệnh, chính sự rất có ân. Đầu niên hiệu Vĩnh Huy, khi đang làm Trước tác lang, Hoằng Văn quán học sĩ, có cùng bạn Lệnh Hồ Đức Phân (令狐德棻), Dương Nhân Khanh (楊仁卿) soạn Quốc sử và Thực lục, nhờ công lao được phong Dương Thành huyện nam. Sau làm Sở Châu Thủ sử cho đến cuối đời.

Diên Hựu được lấy đậu Tiến sĩ, bổ làm Vị Nam úy, rất có tài làm quan, chính trị đứng đầu. Lý Tích (李勣) răn ràng: “Ông tuổi tác còn trẻ đã có tiếng tốt, nên ghìm bớt lại một chút, chờ để vượt hơn mọi người.” Diên Hựu kính cẩn nghe theo. Sau làm Kiểm hiệu ty tân thiếu khanh, phong Tiết huyện nam.

Khi Từ Kính Nghiệp (徐敬業)² bại, (triều đình) chiếu cho Diên Hựu cầm phù tiết đến quân. Khi ấy quan lại nghị rằng những quan ngũ phẩm của Kính Nghiệp đặt ra nên xử tội chết, còn lục phẩm thì phải lưu đày. Diên Hựu cho là họ bị vu cáo hoặc ép phải theo, nên lấy tình mà xét, bèn luận rằng: kẻ nhận quan ngũ phẩm thì lưu đày, còn

1. Vũ Đức: niên hiệu của Đường Cao tổ Lý Uyên từ năm 618-626.

2. Từ Kính Nghiệp (626-684), lại có tên Lý Kính Nghiệp, là cháu Lý Tích, đời Đường Duệ tông, khởi binh chống lại việc Võ Tắc Thiên lâm triều, sau thất bại.

lục phẩm trở xuống thì xóa tên. Giúp bảo toàn được rất nhiều người. Thăng làm Cơ Châu Thứ sứ, rồi chuyển làm An Nam Đô hộ.

Trước đây, các hộ người Lái ở đó chỉ nộp một nửa thuế hàng năm, Diên Hựu bắt phải nộp đủ, chúng bèn sinh lòng oán hận, mưu loạn. Diên Hựu giết tên thủ lĩnh là Lý Tự Tiên (李嗣仙), nhưng dư đảng của chúng là bọn Đinh Kiến (丁建) lại phản, họp quân chúng vây An Nam phủ. Trong thành quân ít, không thể chống đỡ nổi, chỉ biết cố thủ đợi cứu viện. Có đại tộc ở Quảng Châu là Phùng Tử Du (馮子猷) muốn lập công to, bèn ám binh không tới, Diên Hựu bèn bị giết. Quế Châu Tư mã Tào Huyền Tĩnh (曹玄靜) tiến quân đánh Kiến, chém được.¹

1. TT.NK.q5 chép việc này vào tháng Bảy, năm 687. *Cựu Đường thư* - q.190 - *Lưu Dận Chi truyện*, chép: "Năm Thùy Cung thứ ba (687), dư đảng của Tự Tiên cùng bọn Đinh Kiến, Lý Tư Thận (李思慎) đem quân vây An Nam phủ."

XII. TÂN ĐƯỜNG THƯ

QUYỂN 207

DƯƠNG TU HÚC TRUYỆN

Dương Tư Húc (楊思勳), người Thạch Thành, La Châu, vốn là họ Tô, sau lấy theo họ cha nuôi. Trẻ tuổi làm Cấp sự ở Nội thị sảnh, theo (Đường) Huyền tông dẹp nội nạn, thăng Tả giám môn vệ tướng quân, được Hoàng đế cậy làm nanh vuốt. Đầu niên hiệu Khai Nguyên¹, thủ lĩnh người man ở An Nam là Mai Thúc Loan (梅叔鸞) làm phản², xưng hiệu là Hắc đế, đem quân ba mươi hai châu, bên ngoài giao kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, Kim Lân, chiếm cứ Hải Nam, nói rằng quân có bốn mươi vạn³. Tư Húc xin đi đánh, (triều đình) chiếu cho mộ con em các thủ lĩnh mười vạn người, cùng An Nam Đại đô hộ Quang Sở Khách (光楚客), theo đường cũ của Mã Viện bất ngờ tiến sang, quân giặc hốt hoảng không kịp mưu tính, bèn đại bại. Thu xác chôn đắp thành gò Kinh quán rồi về.

Năm thứ mười hai (724), thủ lĩnh ở Ngũ Khê là Đàm Hạnh Chương (覃行章) làm loạn, (triều đình) chiếu cho Tư Húc làm Kiêm Trung Chiêu thảo sứ, đem sáu vạn quân đến, bắt được Hạnh Chương, chém ba vạn thủ cấp, có công được thăng Phụ quốc Đại tướng quân, được cấp lộc bổng, và quân phòng gác⁴. (Tư Húc) lại theo đi đánh

1. Khai Nguyên: niên hiệu Đường Huyền tông từ năm 713-741.

2. Tân Đường thư lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

3. TT.NK.q5 chép là ba mươi vạn.

4. Phòng gác: Triều nhà Đường, thân vương cùng các quan từ ngũ phẩm trở lên ở kinh đô được cấp quân cấm vệ gọi là phòng hợp hay phòng gác.

Thái Sơn, thăng Phiêu kỵ Đại tướng quân, phong Quắc quốc công.

Người Lào ở Phong Lăng, Ung Châu là Lương Đại Hải (梁大海) làm phản, phá các châu Tân, Hoành, Tư Húc lại dẹp yên, bắt được bọn Đại Hải ba ngàn người, đánh chém hết sạch các chi đảng.

Người man Lung Châu là Trần Hạnh Phạm (陳行範) tự xưng là Thiên tử, bộ hạ là Hà Du Lỗ (何遊魯) xưng là Định quốc Đại tướng quân, Phùng Lân (馮璘) xưng Nam Việt vương, đánh phá bốn mươi châu huyện. (Triều đình) chiếu cho Tư Húc phát binh ba châu Vĩnh, Đạo, Liên, cùng mươi vạn tay nỏ Hoài Nam, tập kích chém được Du Lỗ và Lân tại trận. Hạnh Phạm chạy vào các động Bàn Liêu, Tư Húc đốc quân đuổi đến cùng, bắt sống được, chôn sống tặc đảng sáu vạn người, thu được ngựa cùng vàng bạc kỉ hàng vạn. (Tư Húc) chết, thọ hơn tám mươi tuổi.

Tư Húc là người tàn nhẫn, dám chém giết. Bắt được tù binh, tất lột da mặt, chỉ còn sọ, rồi đem da ấy cho mọi người xem, tướng sĩ đều kinh sợ, không dám nhìn, vì vậy mà có thể lập công.

Nội cấp sự Ngưu Tiên Đồng (牛仙童) nhận hối lộ của Trương Thủ Khuê (張守珪), (triều đình) xuống chiếu giao cho Tư Húc giết đi. Tư Húc bèn đem trói (Tiên Đồng) vào cột, lấy roi đánh đến thê thảm không gượng nổi nữa, rồi bèn moi tim, chặt chân tay, cắt thịt mà ăn, đến hết thịt mới được chết.

Quang Sở Khách, người Lạc An, sau trải làm Quế Châu Đô đốc thì về trí sĩ, phong Tùng Tư huyện hầu.

XIII. TÂN ĐƯỜNG THU

QUYẾN 170

TRIỆU XƯƠNG TRUYỀN

Triệu Xương (趙昌) tự Hồng Tộ (洪祚), người Thiên Thủy. Ban đầu làm thuộc lại trong phủ của Chiêu Nghĩa quân Tiết độ sứ Lý Thừa Chiêu (李承昭), thăng dần đến Kiền Châu Thứ sử.

Tù trưởng người Lào ở An Nam là Đỗ Anh Hàn (杜英翰) làm phản¹, đốt hộ Cao Chính Bình lo lắng mà chết, (triều đình) cho Xương làm An Nam Đô hộ, các tộc di bèn cùng hướng theo giáo hóa, không dám hung hỗn nữa. (Xương) ở đó mười năm, bị bệnh ở chân xin về triều. (Triều đình) lấy Binh bộ lang trung Bùi Thái (裴泰) đến thay, cho Xương về làm Quốc tử Tế tửu. Chưa được bao lâu thì tướng ở châu đuôi Thái, (Đường) Đức tông vời Xương vào hỏi sự tình, khi ấy Xương tuổi đã hơn bảy mươi, vẫn đối đáp tinh minh, để lấy làm lạ, lại phong làm An Nam Đô hộ. Chiếu thư tới nơi, dân chúng đều chúc mừng lẫn nhau, phản binh cũng yên.

Hiến tông mới nối ngôi, cho Xương làm Kiểm hiệu Hộ bộ Thượng thư, đổi làm Linh Nam Tiết độ sứ. (Xương) hàng phụ được cõi xa xôi, có công lao, được đổi làm Tiết độ Kinh Nam. (Hoàng đế) lại triệu về triều, đổi làm Công bộ Thượng thư, kiêm Đại lý khanh. Ra làm Hoa Châu Thứ sử. (Xương) đến trước điện Lân Đức, tiến lại quỳ bái vô cùng khỏe mạnh, hoàng đế phải hỏi thăm thuật di dưỡng thế

1. TT.NK.q5 chép: Phùng Hưng dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn đem quân vây phủ, Chính Bình lo sợ mà chết. Nhưng các sách sử của Trung Quốc chỉ nhắc đến tên Đỗ Anh Hàn mà không hề nhắc đến Phùng Hưng.

nào. Lại đổi (Xương) làm Thái tử Thiếu bảo. Xương chết năm 85 tuổi, được tặng là Dương Châu Đại đô đốc, thụy là Thành.

XIV. TÂN ĐƯỜNG THU

QUYẾN 224 HÀ

CAO BIỀN TRUYỀN (*trích*)

Cao Biền (高駢) tự Thiên Lý (千里), là cháu của Nam Bình quận vương (Cao) Sùng Văn (崇文). Gia thế nỗi đời làm Cấm vệ, từ nhỏ đã rất mực lễ nghi nghiêm cẩn, lại ham chuộng văn học, giao du với các nho sĩ, háng hái đàm luận đạo trị nước, người trong hai quân¹ lại càng khen ngợi. (Biền) làm chức Tư mã dưới trướng Chu Thúc Minh (朱叔明). Một bận, có hai con chim cắt cùng bay, Biền nói: “Nếu sau này ta được quý hiển, thì sẽ bắn trúng.” Bèn bắn một mũi tên, liền trúng xuyên cả hai con cắt. Mọi người đều kinh ngạc, gọi là “Lạc điêu thị ngự”. Sau, Biền thăng làm Hữu Thần Sách quân Đô ngũ hầu. Tộc Đảng Hạng làm phản, Biền đem một vạn cấm binh đóng giữ Trường Vũ. Khi ấy, các tướng đều không có công lao gì, duy có Biền mấy phen dùng kỳ binh, đánh giết được quân giặc rất nhiều. (Đường) Ý tông khen ngợi, đổi ra đóng ở Tân Châu, rồi lập tức phong làm Thứ sử kiêm Phòng ngự sứ. Biền giữ hai châu Hà, Vị, dần định ải Phượng Lâm, thu hàng hơn vạn quân địch phương bắc.

Niên hiệu Hàm Thông, Hoàng đế muốn thu phục lại An Nam², phong Biền làm Đô hộ, vời về kinh sư, gặp mặt ở điện Linh Đài. Khi ấy, Dung quản³ Kinh lược sứ Trương Nhân (張茵) không chịu đánh

1. Đời Đường, cấm vệ quân của Hoàng đế chia ra làm hai nhà Nam, Bắc nên ở đây hai quân là chỉ toàn bộ cấm vệ quân.

2. Theo TT.NK.q5, từ năm Hàm Thông thứ nhất (860) đến năm Hàm Thông thứ tư (863), Nam Chiếu liên tục đánh An Nam chiếm thành, bắt dân nên nhà Đường muốn thu phục lại.

3. Dung quản: tức Dung Châu.

giặc, lại đem quân của Nhân giao cho Biền. Biền qua sông, hẹn Giám quân Lý Duy Chu (李維週) tiến theo sau. Nhưng Duy Chu ém quân đóng lại ở Hải Môn không đi. Biền đến Phong Châu, đại phá người man Nam Chiếu, thu lấy hết lương thực để nuôi quân. Duy Chu đố kị với Biền, bèn giấu thư báo tiệp không tâu lên. Triều đình không biết tin Biền đã hơn trăm ngày, hạ chiếu hỏi tình hình. Duy Chu lại đàn hặc Biền chỉ ngồi nhìn địch mà không tiến binh, vì thế triều đình lại mệnh cho Hữu vũ vệ tướng quân Vương Yên Quyền (王晏權) đến thay Biền.

Không lâu sau, Biền dẹp yên An Nam, chém tướng man là Đoàn Tù Thiên (段酋遷), các động đến hàng phụ tới hai vạn người. Yên Quyền vừa đem Duy Chu cùng tiến binh ra khỏi Hải Môn, truyền hịch cho Biền quay về bắc, thì Biền sai Vương Huệ Tân (王惠贊) đem thủ cấp Tù Thiên về kinh sư, trông thấy thuyền bè rất đông, chính là bọn Yên Quyền, Huệ Tân sợ bị đoạt mất thư từ, bèn trốn lên đảo, rồi theo lối tắt đến kinh sư. Thiên tử xem thư, ngự tuyên trên chính điện, quần thần đều chúc mừng, mà đại xá thiên hạ. Thăng cho Biền làm Kiểm hiệu Hình bộ Thượng thư¹, vẫn trấn giữ An Nam. Đổi Đô hộ phủ thành Tĩnh Hải quân, trao cho Biền làm Tiết độ, kiêm Chu đạo hành doanh chiêu thảo sú. Biền mới dựng An Nam thành².

Từ An Nam đến Quảng Châu, đường sông ghềnh thác hiểm trở, có nhiều đá lớn, Biền bèn mò thợ đục phá đi, vì vậy thuyền bè đi lại được bình yên, lương thảo được vận chuyển đầy đủ. Lại thêm, sứ giả hàng năm đều phải tới, nên Biền bèn cho mở năm đường đi lại, đặt quân hộ tống. Đường qua một noi có khối đá xanh, có người truyền rằng xưa Mã Viện cũng không thể phá được, Biền bèn cho công phá, chọt có sét đánh tan khối đá ấy, đường bèn thông, nhân đó gọi tên đường là “Thiên uy”. Thăng (cho Biền) làm Kiểm hiệu thượng thư Hữu bộc xạ.

1. TT.NK.q5 chép là Công bộ Thượng thư.

2. Tức La Thành hay còn gọi là thành Đại La. *Lời cẩn án* trong CM.TB.q5 viết rằng “Đại La ở Long Biên là thành do Trương Bá Nghi nhà Đường đã đắp trước, Triệu Xương, Lý Nguyên Gia tiếp tục sửa đắp lại, chứ không phải bắt đầu từ Cao Biên.”

Biền mỗi khi đánh trận, người cháu là Tầm (濬) thường tiên phong xông pha tên đạn để khuyến khích quân sĩ. Biền đổi làm Tiết độ ở Thiên Bình, bèn tiến cử Tầm thay mình, triều đình bèn xuống chiếu cho (Tầm) làm Giao Châu Tiết độ sứ. Hi tông lên ngôi, vẫn cho Biền giữ chức ấy, đồng thời gia phong làm Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự. (...)

XV. TÂN ĐƯỜNG THU

QUYẾN 167

VƯƠNG THÚC TRUYỆN

Vương Bá (王播) tự Minh Dương (明敷), tổ tiên vốn người Thái Nguyên. Cha là Thủ (恕) làm Dương Châu thương tào tham quân, bèn ở lại đất ấy. Giữa niên hiệu Trinh Nguyên, Bá cùng em là Viêm (炎), và Khởi (起) cùng nổi danh, đều đậu tiến sĩ, mà Bá và Khởi lại được cử *Hiền lương phuơng chính* bậc khác hẳn mọi người. (...)

Khởi tự Cử Chi (舉之), có hai con là Quy (龜) và Thức (式). (...)

Thức được tập ấm làm Thái tử chính tự, đỗ khoa Hiền lương phuơng chính, thăng dần đến Điện trung Thị ngự sử. Từ nhỏ đã biết giữ tiết kiệm ước, khéo làm quan, nhờ Trịnh Chú (鄭註) mà giao du với Vương Thủ Trừng (王守澄). Bị Trung thừa Quy Dung (歸融) đán hặc, phải ra làm Giang Lăng Thiếu doãn.

Giữa niên hiệu Đại Trung¹, (Thức) làm Tấn Châu Thủ sử, sửa sang bưu đình xe trạm, nên đỗ khí dụng được chuyển vận cung ứng đầy đủ. Gặp khi Hà Khúc mất mùa, dân tình lưu tán, các châu khác đều không cho vào, duy có Thức là thương giúp, cứu sống đến mấy ngàn người. Khi ấy người Hồ ở Đặc Nga cũng đói kém, định vào cướp vùng Phân, Quái, hay tin Thức phòng bị nghiêm ngặt, bèn không dám xâm phạm biên cảnh nữa, báo với bộ lạc rằng: “Gặp Tấn Châu Thủ sử, nên tránh đi!” Vì vậy được khen là giỏi.

1. Niên hiệu Đường Tuyên tông từ năm 847-860.

Đối (Thức) làm An Nam Đô hộ. Quan đô hộ trước đây là Điền Tảo (田早) cho làm rào gỗ, mỗi năm đều phải thu tiền, đã chẳng bao giờ thôi, mà quyền đòi lại nặng nề. Thức lấy ra tiền thuế một năm, mua cây thuốc¹ về trồng quanh chu vi mười hai dặm, bãi bỏ tiền thuế một năm để thư hoãn cho dân chúng. Lại khơi hào, dựng rào, bên ngoài trồng tre gai, giặc cướp không thể phạm được. Sau, quân man vào cướp bến đò Cẩm Điền, Thức sai người thông dịch ra tuyên dụ, chúng bèn đi, mà tạ lỗi rằng: “Chúng tôi đến bắt bọn người Lao làm phản, chứ không phải đến cướp.” Lính trú phòng của Trung Vũ quân mặc áo ngắn, sau lưng màu nâu, lấy khăn vàng quấn đầu, nên người phương nam gọi là “Hoàng đầu quân”, đều là những quân tinh nhuệ trong thiên hạ. Trước đây, Giao Chỉ nhiều lần có biến, sợ uy Thức, không tự an được, mới huyên truyền rằng: “Hoàng đầu quân sắp vượt biển sang tập kích ta!” Rồi đem nhau đang đêm vây thành, cùng kêu rằng: “Xin Đô hộ hãy về bắc, để chúng tôi chống Hoàng đầu quân!” Thức thong thả mặc giáp, dẫn theo gia nô lên thành trách hỏi, tên đá cùng bắn, bọn làm phản đều tan chạy. Hôm sau, bắt hết đem chém. Trước đây, vùng Dung quản bị thiên tai mất mùa, không có tuế cống, Thức bèn cho vận chuyển (lương ăn) lên, đại khao yến quân sĩ. Lại trả con tin cho các nơi ngoại phiên, nên Chiêm Thành, Chân Lạp đều mộ nghĩa, thảy vào cống hiến và hoàn trả những dân chúng mà chúng cướp đi.

Có tên đại đạo tặc ở Ninh Quốc là Cừu Phủ (仇甫) làm loạn, Minh việt quan sát sứ Trịnh Chi Đức (鄭祇德) không thể dẹp được, Tể tướng chọn Thức đi thay, Hoàng đế hạ chiếu bằng lòng, Thức nhận đó đến kinh sư. Ý tông hỏi xem phương lược, Thức đáp: “Nếu cho thần đủ quân, thì lo gì giặc không dẹp được.” Các đại thần tả hữu đều nói: “Quân đông thì lương thảo nhiều, nên sợ hao phí của thiên hạ.” Thức tâu: “Giặc cướp điên cuồng như vậy, nếu triều đình không mau quyết đánh diệt, thì tô thuế miền đông nam sẽ mất, chẳng phải có thể

1. Nguyên văn “thuốc mộc (芍木)”. TT.NK.q5 chép là “điều mộc” (芍木); CM.TB.q4 chép là “cúc mộc” (芍木).

2. Nguyên văn “Thỉnh Đô hộ bắc quy, ngã đương kháng Hoàng đầu quân.” TT.NK.q5 chép là “Nguyễn tổng Thức bắc quy, ngã dục đốn thủ thành, bì ngự Hoàng đầu quân” - Xin tổng Thức về bắc, để chúng tôi đóng ở thành này, chống lại Hoàng đầu quân.

tính đến hàng úc vạn ư? Quân nhiều thì nhanh thành công, mà ít tổn phí. Hai đường, đâu là lợi hơn?" Hoàng đế quay nhìn tả hữu, nói: "Nên giao quân cho Thức!" Vì vậy lại chiếu cho tăng thêm quân ở các vùng Hứa, Hoạt, Hoài Nam. Thức phát binh từ phủ đệ ở làng Quang Phúc, cờ quạt đều được gió thổi về hướng đông, tiếng bay phân phật. Thức mừng nói: "Áy là được thiên thời vậy." Nghe tin giặc dùng kỵ binh, Thức bèn xem trong quân của mình, được mấy trăm quân người Thổ Phiên, Hồi Hột, phát ngựa của Long Pha giám cho dùng, tập hợp những kẻ ở địa phương để làm hướng đạo, bèn bắt được Phủ đệm chém. Gia phong cho Thức là Kiểm hiệu Hữu tán kỵ thường thị.

Có dân ở Dư Diêu là Từ Trạch (徐澤) chuyên giữ mối lợi cá và muối, lại có dân ở Từ Khê là Trần Châm (陳璡) mạo danh làm quan đến Huyện lệnh, đều là những kẻ ngang ngược bất tuân, chả không khống chế nổi. Thức nói: "Phủ trộm dấy binh, không đáng sợ. Còn như Trạch, Châm, mới là những kẻ trùm sỏ giảo hoạt vậy." Bèn trị đến cùng thói gian, chúng đều chịu tội cả.

Năm Hàm Thông thứ ba (862), quân Ngân Đao¹ ở Tù Châu làm loạn, (triều đình) lấy Thức làm Kiểm hiệu Công bộ thượng thư, đổi Vũ Ninh (quân) Tiết độ sứ, chiếu cho được tự mang quân Hứa, Hoạt theo. Coi việc ba ngày, Thức dùng kế thảy diệt hết loạn binh. Gặp có chiếu giáng Vũ Ninh (quân) làm đoàn luyện, Thức bãi chức về triều. Thức giữ chức Tả kim ngô Đại tướng quân đến cuối đời.

1. Quân Ngân Đao: là đội thân quân do Vũ Ninh quân Tiết độ sứ Vương Trí Hưng lập ra ở Tù Châu, vì được Trí Hưng dung túng, nên trở nên kiêu ngạo hoành hành, dám đuổi Tiết độ sứ sau đó là Ôn Chương.

XVI. TÂN NGŨ ĐẠI SỨ

QUYẾN 65

NAM HÁN THẾ GIA

Lưu Ân (劉隱), tổ tiên là người Thượng Thái, An Nhân, sau dời đến Mân Trung, buôn bán ở Nam Hải, nhân dựng nhà ở đó. Cha là Khiêm (謙), làm Quảng Châu Nha tướng. Năm Càn Phù thứ năm (878) đỏi Đường, Hoàng Sào (黃巢) công phá Quảng Châu, đến cướp vùng Hồ, Tương. Quảng Châu dâng biểu cho Khiêm làm Phong Châu Thủ sứ, Hạ Giang Trấn át sứ, để chống giữ từ Ngô Châu, Quế Châu về phía tây. Hơn một năm, có quân vạn người, cùng hơn trăm chiến thuyền. Khiêm có ba con là Ân, Đài (臺), và Nham (巖).

Khiêm chết, Quảng Châu dâng biểu cho Ân thay Khiêm làm Phong Châu Thủ sứ. Niên hiệu Càn Ninh, Tiết độ sứ Lưu Sùng Quy (劉崇龜) chết, Tự Tiết vương (Lý) Tri Nhu (知柔) thay làm tướng, đi đến Hồ Nam, Quảng Châu tướng là Lư Cư (盧琚), Đan Khỉ (單玘) làm loạn, Tri Nhu không dám tiến quân. Ân đem quân Phong Châu đánh giết bọn Cư, Khỉ, đón Tri Nhu. Tri Nhu bèn lấy Ân làm Hành quân tư mã. Sau đó, Từ Ngạn Nhuược (徐彥若) lại thay Tri Nhu, biểu cho Ân làm Tiết độ phó sứ, ủy cho coi quân chính. Ngạn Nhuược chết, trong quân tôn Ân làm Lưu hậu. Năm Thiên Hựu thứ hai (905), (triều đình) phong Ân làm Tiết độ sứ. Năm Khai Bình nguyên niên (907) nhà Lương, gia phong (Ân) Kiểm hiệu thái úy, kiêm Thị trung. Năm thứ hai, kiêm Tĩnh Hải quân Tiết độ, An Nam Đô hộ. Năm thứ ba, gia Kiểm hiệu Thái sứ, kiêm Trung thư lệnh, phong Nam Bình vương.

Cha con Ẩn khởi tự Phong Châu, gặp đời biến loạn, nhiều lần có công ở Linh Nam, bèn có đất Nam Hải. Ẩn lại chuộng hiền sĩ, bấy giờ, thiên hạ đã loạn, những sĩ nhân trong nước cho Linh Ngoại là nơi xa nhất, có thể lánh nạn, nên phần đông tới đó. Các danh thần đời Đường bị biếm trích chết ở phương nam thường đều có con cháu, hoặc những bậc sĩ hoạn đương thời vì tao loạn không quay về được, đều đến làm khách ở Linh Biểu. Những người như Vương Định Bảo (王定保), Nghê Thự (倪曙), Lưu Tuấn (劉濬), Lý Hành (李衡), Châu Kiệt (周傑), Dương Động Tiêm (楊洞潛), Triệu Quang Dận (趙光殷), Ẩn đều đón mời lê tiếp đãi. Định Bảo là Dung quản Tuấn quan, Thự là Thái học Bác sĩ nhà Đường, Tuấn là con của (Lưu) Sùng Vọng (崇望), vì lánh nạn mà tới đó. Hành là cháu (Lý) Đức Dụ (德裕), làm Hữu bổ khuyết nhà Đường, vì phụng sứ đến đó. Ẩn đều mời đến làm trong mạc phủ, đãi theo lễ tân khách. Kiệt giỏi thiên văn lịch pháp, làm Tư nông Thiếu khanh nhà Đường, nhân lánh nạn đến, Ẩn mấy bận hỏi về việc tai biến, nhưng Kiệt lấy làm nhục vì việc dùng thuật chiêm tinh phụng sự người khác, nên thường cáo bệnh không dậy, tuy nhiên Ẩn cũng mời làm tân khách. Động Tiêm ban đầu làm Ung quản Tuấn quan, hết kỳ hạn bèn khách cư lại Nam Hải, Ẩn thường lấy lê thầy học mà thờ, sau lấy làm Tiết độ phó sứ. Đến khi Nghiêm (龔)¹ tiếm hiệu, (Động Tiêm) lại giúp trình bày rõ sự dữ lành lẽ pháp. (Ẩn) gây dựng chế độ quốc gia, dần có thứ tự, đều nhờ dùng mấy người này vậy.

Năm Càn Hóa² nguyên niên (911), tiến phong Ẩn làm Nam Hải vương. Năm ấy Ẩn chết, tuổi mới ba mươi tám, em là Nghiêm lập.

Nghiêm vốn tên là Nham, là con thứ của Khiêm. Mẹ là Đoàn thị, sinh Nghiêm ở nhà ngoài, vợ chính của Khiêm là Vị thị tính vốn hay ghen, biết tin liền nổi giận, tuốt kiếm đi ra, sai đem Nghiêm đến, định giết đi. Kịp đến khi trông thấy thì sợ hãi, kiếm rơi xuống đất, hồi lâu mới nói rằng: “Đứa bé này chẳng phải tầm thường vậy!” Ba ngày sau, rốt cuộc giết Đoàn bà, nuồi Nghiêm làm con mìn. Kịp với kìn

1. Tức Lưu Nham.

2. Niên hiệu của Hậu Lương thái tổ Chu Toàn Trung.

Nghiêm lớn, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, minh cao bảy thước, tay chùng quá gối.

Ẩn làm Hành quân tư mã, Nghiêm cũng được vời làm Tư nghị tham quân ở phủ Tiết vương. Ẩn trấn ở Nam Hải, Nghiêm làm phó sứ. Ẩn chết, Nghiêm lên thay giữ chức. Năm Càn Hóa thứ hai (912) (triều đình) trao làm Thanh Hải Tiết độ sứ, Kiểm hiệu Thái bảo, Đông bình chương sự. Năm thứ ba (913), gia Kiểm hiệu Thái phó. (Hậu Lương) Mạt đế lên ngôi, đem tất cả quan chức của Ẩn trao cho Nghiêm, tập phong Nam Hải vương.

Cuối đời Đường, Nam Hải loạn lạc sau cùng. Sau đời Hy tông, các đại thần ra trấn ở ngoài, vì cớ thiên hạ đều loạn lạc, không thể đi đâu được, duy chỉ có thể cho đến Nam Hải mà thôi, từ Ẩn mới bắt đầu cũng tự lập. Bấy giờ, Khúc Hạo (曲顥) ở Giao Châu, Lưu Sĩ Chính (劉士政) ở Quế Châu, Diệp Quảng Lược (葉廣略) ở Ung Châu, Bàng Cự Chiêu (龐巨昭) ở Dung Châu cùng chia nhau chiếm cứ các đất cai quản. Lư Quang Trù (盧光稠) chiếm cứ Kiền Châu mà tấn công Linh thương, em là Quang Mục (光睦) chiếm cứ Triều Châu, con là Diên Xương (延昌) chiếm cứ Thiều Châu. Cao Châu Thứ sử Lưu Xương Lỗ (劉昌魯), Tân Châu Thứ sử Lưu Tiêm (劉潛) cùng hơn bảy mươi trại ở Giang Đông đều không thể chế ngự được. Ẩn đánh Thiều Châu, Nghiêm nói: “Thiếu Châu vốn cậy ở Quang Trù, nếu đánh, người Kiền Châu tất ứng cứu. Đến ứng cứu thì ta đầu đuôi đều có quân địch. Chỗ ấy không nên đánh thắng, mà có thể dùng kế để lấy.” Ẩn không nghe, quả nhiên thua quay về, nhân đó đem hết việc quân giao cho Nghiêm. Nghiêm bình định hết các trại, bèn giết bọn Xương Lỗ, đặt người khác làm chức Thủ sử, cuối cùng xuất quân đánh bại họ Lư, giành hai châu Triều, Thiều. Lại tiến sang phía tây tranh nhau hai châu Dung, Quế với Mã Ân (馬殷). Ân giành lấy Quế quản, bắt Sĩ Chính. Nghiêm giành Dung quản, đuổi Cự Chiêu, rồi lại giành Ung quản. Ẩn, Nghiêm từ đời Lương mới nhận phong tước và theo lịch chính sóc mà thôi.

Năm Trinh Minh thứ ba (917), Nghiêm lên ngôi Hoàng đế, quốc

hiệu Đại Việt, đổi niên hiệu là Càn Hanh. Truy tôn An Nhân (安仁)¹ làm Văn Hoàng đế, Khiêm làm Thánh Võ Hoàng đế, Ẩn làm Tương Hoàng đế, lập ba miếu. Đặt bá quan, lấy Dương Động Tiêm làm Bình bộ Thị lang, Lý Hành làm Lễ bộ Thị lang, Nghê Thự làm Công bộ Thị lang, Triệu Quang Dận làm Bình bộ Thị lang, đều là Bình chương sự. Quang Dận tự cho là gia tộc hàng đầu đời Đường, lấy làm nhục phải thờ ngụy quốc², thường buồn bức muối về quê. Nghiêm bèn tập theo nét chữ của Quang Dận, rồi sai người đi tắt đến Lạc Dương, gọi hai con của Quang Dận là Tốn (損), và Ích (益) đem hết gia quyến cùng đến. Quang Dận kinh ngạc vui mừng, bèn dốc hết lòng vì Nghiêm.

Nghiêm tính thông tuệ mà hà khắc tàn khốc, đặt ra các hình phạt đao cưa, chặt chân tay, mổ bụng. Mỗi khi xem giết người, thì vô cùng vui thích, bất giác lộ vẻ thèm thuồng, nhở rai lâ châ, người ta đều cho là thuồng luồng thật vậy. (Nghiêm) lại thích xa xỉ, gom hết châu báu ở Nam Hải, để làm điện châu nhà ngọc.

Năm thứ hai (918), làm lễ Nam Giao tế trời, đại xá trong nước, đổi quốc hiệu là Hán. Nghiêm ban đầu muốn tiếm hiệu, nhưng sợ Vương Định Bảo không theo, bèn sai Định Bảo đi sứ đến Kinh Nam. Kịp đến khi (Định Bảo) về, (Nghiêm) sợ Định Bảo không nghe mình, sai Nghê Thự đến úy lạo, nhân nói cho biết việc lập nước. Định Bảo nói: “Lập nước phải có chế độ, tôi vào cửa Nam môn, thấy biển đê “Thanh Hải quân” vẫn còn đó, chẳng phải sẽ khiến cho bốn phương chê cười ư?” Nghiêm cười bảo: “Ta để phòng Định Bảo từ lâu rồi, vậy mà không nghĩ đến việc ấy, thật đáng bị ông ta chê cười vậy.”

Năm thứ ba (919), sách phong Việt Quốc phu nhân Mã thị làm Hoàng hậu. Mã thị, là con gái Sở vương (Mã) Ân vậy.

Mùa xuân năm thứ tư (920), đặt Tuyển bộ cổng cử, chọn Tiến sĩ, Minh kinh hơn mười người, như việc cũ nhà Đường, thành lệ thường hàng năm.

1. Lưu An Nhân, cũng có chỗ chép Lưu An, là cha của Lưu Khiêm, tức ông nội của Ẩn và Nghiêm.

2. Vì Lưu Nghiêm tự lập làm vua nên người nhà Đường coi là nguy quốc.

Năm thứ bảy (923), Đường Trang tông¹ vào đất Biện, Nghiêm sơ, sai Cung uyển sứ Hà Từ (河詔) vào hỏi han thực hư tình hình Trung Quốc, xưng là Đại Hán Quốc chủ gửi thư tới Đại Đường Hoàng đế. Từ trở về, nói rằng nhà Đường tất loạn, không đáng lo. Nghiêm mừng lắm. Nghiêm lại có tính thích khoe khoang, những nhà buôn bán từ Lĩnh bắc đến Nam Hải, phần đa đều cho mời đến, sai lên điện, cho được xem sự giàu sang châu ngọc. Tự nói rằng, gia tộc vốn ở Hàm Dương đất Tần, lấy làm thẹn vì phải làm vương nơi man di, gọi Thiên tử nhà Đường là “Lạc Châu Thủ sử”². Năm ấy, Phiêu tín³ Trịnh Mân (鄭旻) ở Vân Nam sai sứ đem ngựa bạch bờm đỏ đến cầu hôn, sứ giả tự xưng là em trai mẹ vua, giữ chức Thanh dung Bố nhiếp Kiêm lý. Ban cho áo cẩm bào vàng, hoa văn hình hổ, đao nạm vàng, phong là Quy Nhân Khánh hầu, thực ấp một ngàn hộ, Trì tiết Trịnh Chiêu Thuần (鄭昭淳)⁴. Chiêu Thuần hiếu học, có văn chương, cùng du yến làm thơ, Nghiêm và quần thần đều không sánh kịp, bèn đem con gái của Ân là Tăng Thành huyền chúa gả làm vợ Mân.

Năm thứ tám (924), dựng Nam cung, Vương Định Bảo dâng bài *Nam cung thất kỳ phú* tán tụng. Nghiêm vốn tên trước là Nham, lại đổi thành Trắc (陟)⁵.

Năm thứ chín (925), có rồng trăng hiện ở điện Tam Thanh, Nam Cung. Đổi niên hiệu thành Bạch Long, lại đổi tên thành Cung (龕) để ứng với điềm lành rồng hiện. Có nhà sư người Hồ nói: “Sách *Sấm Thư* có câu: ‘Kẻ diệt họ Lưu là Cung.’” Nghiêm bèn lấy nghĩa câu “Long phi tại thiên” trong sách *Chu Dịch*, đặt ra chữ “龕”⁶, âm đọc là Nghiêm (嚴), để lấy làm tên.

(Bạch Long) năm thứ tư (928), người Sở⁷ đem thủy quân đánh Phong Châu, quân Phong Châu bại ở Hạ Giang, Nghiêm sơ, đem

1. Tức Hậu Đường Trang tông Lý Tồn Úc, xưng đế năm 923.

2. Vì Trang tông đóng đô ở Lạc Dương nên Nghiêm mới gọi như vậy.

3. Phiêu tín: cách gọi vua người man Nam Chiếu.

4. Trịnh Chiêu Thuần là tên của sứ giả.

5. TT.NK.q5 chép là Thiệp (涉).

6. Chữ 龕 (Nghiêm) này gồm chữ Long (龍) ở trên, và chữ Thiên (天) ở dưới.

7. Tức Nam Sở, hay còn gọi Mã Sở là một nước thời Ngũ đại Thập quốc do Mã Ân lập ra.

Chu Dịch ra bói, được quẻ Đại Hữu, bèn đại xá trong nước, đổi niên hiệu thành Đại Hữu. Sai tướng là Tô Chuong (蘇章) đem ba ngàn quân Thần Nỗ quân đến cứu Phong Châu. Chuong dùng hai sợi dây sắt chằng ngầm dưới sông Hạ Giang, làm bánh xe lớn trên bờ, đắp đê che chắn đi, nhân lấy thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi vờ bại mà chạy. Người Sở đuổi theo, Chuong bèn cho quay bánh xe kéo dây sắt lên khóa chặt thuyền của Sở lại, lấy nỏ cứng áp hai bên sông mà bắn, giết hết người Sở.

(Đại Hữu) năm thứ ba (930), sai tướng Lý Thủ Dung (李守鄘), Lương Khắc Trinh (梁克貞) đánh Giao Chỉ⁸, bắt được bọn Khúc Thừa Mĩ (曲承美). Thừa Mĩ đến Nam Hải, Nghiêm lên lâu Nghi Phượng nhận tù binh, bảo Thừa Mĩ rằng: “Ông thường cho ta là ngụy triều, nay lại bị bắt trói, là thế nào đây?” Thừa Mĩ cúi đầu chịu tội, bèn tha cho. Thừa Mĩ là con của Hạo vội. Khắc Trinh lại đánh Chiêm Thành, cướp lấy đồ quý báu rồi về.

Năm thứ tư (931), Dương Đình Nghệ (楊廷藝) người Ái Châu làm phản⁹, đánh Giao Châu Thứ sử Lý Tiến (李進), Tiến trốn về nước. Nghiêm sai Thừa chỉ Trình Bảo (程寶) đánh Đình Nghệ, Bảo chiến tử.

Năm thứ năm (932), phong cho con là Diệu Khu (耀樞) làm Ung vương, Quy Đô (龜圖) làm Khang vương, Hồng Độ (洪度) làm Tân vương, Hồng Hy (洪熙) làm Tấn vương, Hồng Xương (洪昌) làm Việt vương, Hồng Bật (洪弼) làm Tề vương, Hồng Nhã (洪雅) làm Thiều vương, Hồng Trạch (洪澤) làm Trần vương, Hồng Tháo (洪操)¹⁰ làm Vạn vương, Hồng Cảo (洪杲) làm Tuần vương, Hồng Vĩ (洪暉) làm Túc vương, Hồng Mạc (洪邈) làm Cao vương, Hồng Giản (洪簡) làm Đồng vương, Hồng Kiến (洪建) làm Ích vương, Hồng Tế (洪濟) làm Biện vương, Hồng Đạo (洪道) làm Quý vương,

8. Việc này TT.NK.q5 chép ở năm 923, tên viên tướng là Lý Khắc Chính (李克正).

9. Tân Ngũ Đại Sử lấy Trung Quốc làm chính thống nên các cuộc khởi nghĩa tại nước ta đều gọi là làm phản, giặc. Điều này khác hoàn toàn quan điểm ghi trong sử sách nước ta.

10. TT.NK.q5 chép là Hoằng Tháo (弘操). Tân Ngũ đại sử chép các con của Nghiêm đều có chữ Hồng, Tư trị thông giám thay chữ Hồng (洪) bằng chữ Hoằng (弘). Có lẽ TT.NK.q5 đoạn này chép theo Tư trị thông giám.

Hồng Chiếu (洪照) làm Tuyên vương, Hồng Chính (洪政) làm Thông vương, Hồng Ích (洪益) làm Định vương.

Năm thứ chín (936), sai tướng quân Tôn Đức Thành (孫德成) đánh Mông Châu, không hạ được.

Năm thứ mười (937), Giao Châu Nha tướng Kiểu Công Tiễn (皎公羨) giết Dương Đình Nghệ tự lập, tướng cũ của Đình Nghệ là Ngô Quyền (吳權) đánh Giao Châu, Công Tiễn sang xin giúp quân¹. Nghiêm phong Hồng Tháo làm Giao vương, xuất binh đến Bạch Đằng để đánh. Nghiêm đem quân đóng ở Hải Môn thì Quyền đã giết Công Tiễn, ra đón đánh ở cửa biển. (Quyền) cho đóng cọc sắt dưới biển, quân của Quyền nhân nước triều mà tiến, Hồng Tháo đuổi theo, nước triều rút, thuyền trở lại, đâm phải cọc đều lật chìm. Hồng Tháo chiến tử, Nghiêm thu thập tàn quân mà quay về.

Năm thứ mười lăm (942), Nghiêm chết, thọ năm mươi tư tuổi, thụy là Thiên Hoàng đại đế, miếu hiệu Cao tổ, tên lăng là Khang Lăng. Con là Phân (玢) nối.

Phân vốn tên Hồng Độ, được phong Tân vương. Hai con lớn của Nghiêm là Diệu Khu, Quy Đô đều chết sớm, nên Phân theo thứ bậc nối ngôi. Nghiêm bị ốm nằm trong buồng, gọi Hữu bộc xạ Vương Phiên (王翻) đến nói chuyện, gọi tiểu tự của Hồng Độ, Hồng Hy, nói: “Thọ (壽) và Tuyển (雋) tuy lớn, nhưng đều không đủ tài để đảm nhiệm công việc của ta. Chỉ có Hồng Xương giống ta, ta muốn lập cho nối ngôi. Biết làm sao! Con cháu ta đều không ra gì, đời sau cứ như chuột vào sừng trâu, thế ngày một thu nhỏ lại như vậy!” Nhân sùi sụt rơi nước mắt. Phiên bày mưu cho Nghiêm, đưa Hồng Độ ra Ung Châu, Hồng Hi ra Dung Châu, sau đó lập Hồng Xương làm Thái tử. Bàn định đâu đấy, thì Sùng Văn sứ Tiêu Ích (蕭益) vào thăm bệnh, Nghiêm nói cho nghe, Ích can rằng: “Người bé được lập, người lớn sẽ tranh, đâu mối họa từ ấy mà ra vậy!” Vì vậy Hồng Độ rốt lại được lập, đổi tên thành Phân, cải nguyên là Quang Thiên, tôn mẹ là Triệu chiêu nghi làm Hoàng thái phi, lấy Tấn vương Hồng Hy phụ chính.

1. Nguyên văn “Công Tiễn lai khất sư”. TT.NK.q5 chép “Công Tiễn khiến sứ dĩ lộ cầu cứu ư Hán” - Công Tiễn sai sứ sang đút lót để cầu cứu nhà Hán.

Phân lên ngôi, quả nhiên không cảng đáng được việc. Quan tài Nghiêm còn để đó, mà Phân đã gọi phuờng hát đến ca múa, uống rượu trong cung, cho nam nữ khỏa thân để mua vui, hoặc lại mặc áo đen cùng đi đêm với kỹ nữ, ra vào nhà dân. Vì vậy ở nơi núi bể đạo tặc đua nhau nổi lên. Yêu nhân Trương Ngộ Hiên (張遇賢) tự xưng là Trung Thiên bát quốc vương, công hãm Tuần Châu. Phân sai Việt vương Hồng Xương, Tuần vương Hồng Cảo đến đánh dẹp. Ngộ Hiên vây bọn Hồng Xương ở Tiên Bạch quán, Tì tướng là Vạn Cảnh Hân (萬景忻), Trần Đạo Tường (陳道庠) ra sức đánh, kèm hai vương phá vòng vây chạy ra. Phân không thể trừ được, cả vùng Lĩnh Đông đều loạn.

Hồng Hy ngày càng dâng thêm bọn ca kỹ để dụ Phân hoang dâm phóng túng. Phân cũng rất ngờ các em có mưu đồ với mình, mệnh cho hoạn quan giữ cửa cung, ai vào đều phải tra xét kỹ. Hồng Hy, Hồng Cảo, Hồng Xương ngầm sai Trần Đạo Tường nuôi bọn dũng sĩ là Lưu Tư Triều (劉思潮), Đàm Lệnh Nhân (譚令禋), Lâm Thiếu Cường (林少強), Thiếu Lương (少良), Hà Xương Diên (何昌延), tập luyện làm trò đấu vật để dâng Phân. Phân mở yến ở cung Trường Xuân xem đấu, say đứng dậy, bọn Đạo Tường và Tư Triều theo đến cửa tắm cung, bèn kéo lại giết đi, lại giết sạch bọn tả hữu. Phân ở ngôi được hai năm, hai mươi tư tuổi, thụy là Thương. Em là Thạnh (晟) lập.

Thạnh vốn tên Hồng Hy, được phong Tân vương, sau khi giết Phân rồi, bèn tự lập, đổi niên hiệu là Ứng Càn. Lấy Hồng Xương làm Bình mã nguyên soái, Tri chính sự; Hồng Cảo làm Phó nguyên soái; Bọn Lưu Tư Triều đều được phong là công thần. Thạnh vì giết anh, lên ngôi bất chính, sợ lòng người không phục, bèn gia nghiêm hình pháp để uy hiếp. Rồi đó, Hồng Cảo nhiều lần xin đi dẹp giặc cướp, mà ngầm khuyên Thạnh giết bọn Tư Triều để bên ngoài khỏi dị nghi. Thạnh nổi giận, sai sứ giả đang đêm mời Hồng Cảo tới. Hồng Cảo biết là không thoát tội chết, bèn lưu sứ giả ở lại, vào tắm gội sạch sẽ, rồi đến trước bàn thờ Phật khấn rằng: “Hồng Cảo nghĩ lầm, mà đến sinh ra ở nơi vương cung, cho nên nay bị giết vậy. Kiếp sau xin cho được sinh ra ở nhà dân thường, để khỏi bị giết hại.” Rơi nước mắt

khóc từ biệt người nhà, rồi theo lời mời mà vào, đến nơi liền bị giết.

Mùa đông, Thạnh lễ Nam Giao tế trời, đổi niên hiệu là Càn Hòa. Quần thần dâng tôn hiệu là: Đại thánh Văn vú Đại minh Chí đạo Đại quang Hiếu hoàng đế.

Năm thứ hai (944), mùa hạ, sai Hồng Xương tế lăng Tương đế ở Hải Khúc. Hồng Xương đến cung Xương Hoa, Thạnh sai bọn đạo tặc đâm chết. Thạnh từ khi giết Hồng Cảo, thành có hiềm khích với các em, trong đó Hồng Xương là người hiền hơn cả, Nghiêm vốn muốn cho nối ngôi, nên Thạnh càng nghi kỵ, vì thế mà ra tay hại trước. Trần vương Hồng Trạch ở Ung Châu, có chính tích tốt, năm ấy có chim phượng hoàng xuất hiện ở Ung Châu. Thạnh nổi giận, sai người đến đầu độc chết (Hồng Trạch). Rồi các em cùng lần lượt bị giết theo.

Năm thứ ba (945), (Thạnh) giết em là Hồng Nhã, lại giết năm người bạn Lưu Tư Triều. Bạn Tư Triều chết, Trần Đạo Tường lo sợ bất an, có người bạn là Đặng Thân (鄧伸), đem cuốn *Hán ký* của Tuân Duyệt (荀悅) đến cho. Đạo Tường không hiểu là ý thế nào, Thân mắng bảo: “Ngu ngốc! Chuyện Hàn Tín (韓信) bị giết, Bành Việt (彭越) bị làm mắm, đều ở trong sách này vậy!” Đạo Tường ngộ ra, càng sợ. Thạnh hay được nổi giận, bắt Đạo Tường và Thân bỏ ngục, rồi đều chém đầu ngoài chợ, lại giết cả họ.

Lấy Hữu bộc xạ Vương Phiên làm Anh Châu Thủ sử, rồi sai người giết chết trên đường đi.

Năm thứ năm (947), các em của Thạnh là Hồng Bật, Hồng Đạo, Hồng Ích, Hồng Tế, Hồng Giản, Hồng Kiến, Hồng Vĩ, Hồng Chiểu, cùng một ngày đều bị giết.

Năm thứ sáu (948), sai Công bộ lang trung, Tri chế cáo Chung Doãn Chương (鐘允章) mang lễ vật sang Sở cầu hôn, Sở không cho. Doãn Chương về, Thạnh nói: “Mã công còn có thể kinh lược đất miền nam được không?” Bấy giờ, Mã Hi Quảng (馬希廣) mới lập, (Mã) Hi Ngạc (希萼) khởi binh ở Vũ Lăng, Hồ Nam đại loạn, Doãn Chương nói hết tình hình có thể đánh Sở được. Thạnh bèn sai Cự tướng Chỉ huy sứ Ngô Tuân (吳珣), Nội thị Ngô Hoài Ân (吳懷恩) đánh Hạ Châu, hạ được rồi, người Sở mới đến cứu. Bọn Tuân đào

hầm sâu dưới thành, che đậm miêng hầm đi, lấy đất rải lên. Quân Sở bức thành, thảy đều bị rơi xuống hầm, chết mất mấy ngàn, người Sở đều chạy cả. Bọn Tuân lại đánh Quế Châu, cùng năm châu: Liên, Nghi, Nghiêm, Ngô, Mông, đều hạ được. Lại cướp Toàn Châu rồi về.

Năm thứ chín (951), mùa đông, lại sai Nội thị Phan Sùng Triệt (潘崇徹) đánh Sâm Châu, quân của Lý Cảnh (李景)¹ cũng ở đó, gặp Sùng Triệt bèn đánh nhau. (Sùng Triệt) đánh đại bại quân của Cảnh ở Nghi Chương, bèn lấy Sâm Châu. Thạnh càng thêm đắc chí, sai Cự hạm Chỉ huy sứ Kỵ Ngạn Uân (暨彥贊) đem quân ra biển, cướp vàng lụa của thương nhân đem về dựng li cung để chơi bời săn bắn. Vì vậy, khi ấy họ Lưu có các cung như Nam Cung, Đại Minh, Xương Hoa, Cam Tuyền, Ngoạn Hoa, Tú Hoa, Ngọc Thanh, Thái Vi... phàm tới mấy trăm, không thể chép hết được. Có hoạn quan Lâm Diên Ngô (林延遇) và cung nhân Lư Quỳnh Tiên (盧瓊仙), chuyên hoành hành trong ngoài, thả sức giết chóc, Thạnh vẫn không xét đến. (Thạnh) thường đêm uống rượu say khuất, lấy quả dưa để lén đinh đầu người nhà trò là Thượng Ngọc Lâu (尚玉樓) rồi rút kiếm ra chém để thử kiếm, nhân đó chém luôn cả đầu của người. Hôm sau tinh rượu, lại gọi Ngọc Lâu hầu rượu. Tả hữu bẩm rằng đã bị giết chết rồi, Thạnh chỉ biết than thở mà thôi.

Năm thứ mười (952), Vương Tiến Quỳ (王進逵) ở Hồ Nam đem năm vạn quân dẫn người man Khê Động đến đánh Sâm Châu, Phan Sùng Triệt đánh bại Tiến Quỳ ở Hào Thạch, chém hơn vạn thủ cấp.

Năm thứ mười một (953), Thạnh bệnh nặng, phong cho con là Kế Hưng (繼興) làm Vệ vương, Toàn Hưng (璇興) làm Quế vương, Khánh Hưng (慶興) làm Kinh vương, Bảo Hưng (保興) làm Tường vương, Sùng Hưng (崇興) làm Mai vương.

Năm thứ mười hai (954) Thạnh đích thân cày ruộng tịch điền. Ngô Xương Tuấn (吳昌濬)² ở Giao Châu sai sứ sang xưng thần, xin tiết việt. Xương Tuấn là con của (Ngô) Quyền vội. Quyền từ đời

1. Tức Nam Đường Trung chủ Lý Cảnh.

2. TT.NK.q5 chép là Ngô Xương Văn (吳昌文).

Nghiêm đã chiếm cứ Giao Châu, Nghiêm sai Hồng Tháo đến đánh, Hồng Tháo chiến tử, bèn bỏ không đánh nữa. Quyền chết, con là Xương Ngập (昌岌) lên ngôi¹. Xương Ngập chết, em là Xương Tuấn lập, mới bắt đầu xung thân với Thạnh. Thạnh sai Cấp sự trung Lý Dư (李璵) đem cờ tinh, cờ tiết đến mời. Dư tới Bạch Châu, Tuấn sai người ngăn Dư lại, nói: “Cướp biển đang làm loạn, đường xá không giao thông được.” Dư bèn không đi được.

Thạnh giết em trai là Hồng Mạc.

Năm thứ mười ba (955), (Thạnh) lại giết em là Hồng Chính, đến đây tất cả các con của Nghiêm không còn một ai. Năm Hiển Đức thứ ba (956), Thế tông² bình định Giang Bắc, Thạnh mới sợ hãi, sai sứ sang kinh sư cống, bị người Sở ngăn cách, sứ giả không thể đi được. Thạnh lo lăng lộ ra nét mặt. (Thạnh) lại từng tự nói rằng biết chiêm tinh, cuối năm ấy, có nguyệt thực ở khoảng sao Ngưu, sao Nữ, (Thạnh) đem sách ra xem, than rằng: “Ta đến lúc rồi!”. Bèn uống rượu suốt đêm.

Năm thứ mười sáu (958), chọn được đất an táng ở phía bắc thành, cho chuyển gạch tới xây mộ, Thạnh đích thân tới xem. Thu năm ấy Thạnh chết, mới ba mươi chín tuổi, thụy là Văn vũ Quang thánh Minh hiếu Hoàng đế, miếu hiệu Trung tông, lăng gọi là Chiêu Lăng. Con là Sưởng (鋕) lập.

Sưởng trước tên là Kế Hưng, được phong làm Vệ vương. Thạnh chết, lấy con trưởng nối ngôi, đổi niên hiệu là Đại Bảo. Thạnh tính cương cường đố kỵ, không biết dùng bề tôi, mà chỉ dùng những kẻ hoạn quan, cung nhân được sủng hạnh như bọn Diên Ngộ, Quỳnh Tiên. Đến Sưởng lại càng ngu muội, cho là quân thần đều có gia thất riêng, con cháu cũng không thể tận trung, chỉ có bọn hoạn quan thân cận là có thể dùng được, bèn ủy thác chính sự cho bọn hoạn quan Cung Trừng Khu (龔澄樞), Trần Diên Thọ (陳延壽), đến như quân thần có kẻ nào muốn dùng, thì trước tiên cũng đem hoạn rỗi sau mới

2. TT.NK.q5 chép rằng vua Ngô Quyền mất rồi, con thứ là Xương Văn kế lập. Xương Văn đón anh là Xương Ngập về kinh cùng trông coi việc nước.

2. Tức Hậu Chu Thế tông Sài Vinh (921-959).

sử dụng. Bọn Trùng Khu đã chuyên quyền rồi, Sưởng bèn cùng bọn cung nhân là con gái Ba Tư vui chơi đâm dật ở hậu cung, không ra ngoài coi việc nữa. Diên Thọ lại dẫn nữ vu là Phàn Hồ Tử (樊胡子), tự nói là Ngọc Hoàng giáng hạ thành Hồ Tử. Sưởng đặt màn trường, bầy châu báu trong nội điện, Hồ Tử đội mũ viễn du, khoác áo ráng tía, ngồi trong trường nói điêu họa phúc, gọi Sưởng là Thái tử Hoàng đế, việc nước đều do Hồ Tử quyết định. Bọn Lư Quỳnh Tiên, Cung Trùng Khu thi nhau a phụ theo. Hồ Tử bèn nói với Sưởng: “Bọn Trùng Khu đều là do trên trời sai xuống để phụ giúp Thái tử, có tội cũng không thể trách hỏi.” Thượng thư tả thừa Chung Doãn Chương tham gia chính sự, rất lấy làm ghét, mấy lần xin diệt bọn hoạn quan, nên chúng đều dè chừng.

Năm thứ hai (959), Sưởng làm lễ Nam Giao tế trời, ba ngày trước đó, Doãn Chương cùng lễ quan lèn đòn, quan sát chỉ trỏ bốn xung quanh. Hoạn quan Hứa Ngạn Chân (許彥真) trông thấy nói: “Hắn là mưu phản rồi!” Bèn tuốt kiếm lèn đòn. Doãn Chương đón quát đuổi đi, Ngạn Chân bèn chạy về, cáo giác Doãn Chương làm phản. Sưởng bắt Doãn Chương hạ ngục, sai Lễ bộ Thượng thư Tiết Dụng Phi (薛用丕) thẩm xét. Doãn Chương với Dụng Phi vốn chơi với nhau, nhân khóc bảo: “Tôi nay vô tội, dù bị vu cáo phải chết cũng không oán hận gì, nhưng hai đứa con tôi còn nhỏ, chẳng biết rằng cha bị oan, đợi sau chúng lớn, nhờ ông nói lại cho chúng biết.” Ngạn Chân nghe thấy, mắng bảo: “Phản tặc muốn con báo thù cho mình ư?” Rồi lại vào bẩm với Sưởng, bèn cho bắt cả hai con của Doãn Chương bỏ ngục, cả họ bị giết.

Trần Diên Thọ nói với Sưởng rằng: “Tiên đế sở dĩ có thể truyền được ngôi cho bệ hạ, là do giết hết các em đi vậy.” Rồi khuyên Sưởng dần giết hết các vương đi. Sưởng cho là phải, giết em là Quế vương Toàn Hưng. Năm ấy là năm Kiến Long nguyên niên vậy.

Tướng của Sưởng là Thiệu Đình Quyên (邵廷璵) nói với Sưởng rằng: “Nhà (Nam) Hán nhân nhà Đường có loạn, lập nước ở đây đã năm mươi năm, may là Trung Quốc có biển, mà can qua không tới được. Nhưng nhà Hán ta lại kiêu vì vô sự, nay binh sĩ không biết hiệu cờ trống, mà chúa thượng không biết sự tồn vong. Phàm, thiên hạ

loạn đã lâu rồi, loạn lâu tất lại trị, ấy là cái thế tự nhiên vậy. Nay nghe rằng bậc chân chúa đã xuất hiện, tất sắp gồm hết cả hải nội, thế không thể không thống nhất thiên hạ vậy.” Rồi khuyên Sưởng sửa sang quân sĩ để phòng bị, nếu không như thế, thì đem hết những đồ trân bảo dâng phụng Trung Quốc, mà sai sứ thông hảo. Sưởng vẫn mù mờ không biết lấy làm lo, càng thêm oán hận Đinh Quyên vì đã nói thẳng.

Năm thứ tư (961), có nấm Linh Chi mọc ở trong cung, dã thú đâm vào tẩm môn, trong vườn dê nhả ra hạt châu, tảng đá bên giếng tự đứng dậy, đi hơn trăm bước mới đổ xuống, Phàn Hồ Tử đều cho là điềm lành, dụ quần thần vào chầu mừng.

Năm thứ năm (962), Sưởng lấy con gái nuôi của hoạn quan Lý Thác (李托) làm Quý phi, rất sủng ái. Thác làm Nội thái sư, ở trong chuyên chính. Hứa Ngạn Chân giết Chung Doãn Chương rồi, ghét bọn Cung Trừng Khu được ở trên mình, bèn mưu giết đi. Trừng Khu sai người cáo giác Ngạn Chân làm phản, bèn giết cả họ.

Năm thứ bảy (964), quân triều đình¹ chinh phạt miền nam, hạ Sâm Châu, tướng của Thạnh sai đến đó là Kỵ Ngạn Uân cùng Thủ sử Lục Quang Đô (陸光圖) đều chiến tử, tàn quân lui về giữ Thiếu Châu. Sưởng bấy giờ mới nghĩ đến lời Đinh Quyên, sai Đinh Quyên đem thủy quân ra cửa Quang Khẩu chống quân triều đình. Gặp khi quân triều đình lui bỏ, Đinh Quyên huấn luyện sĩ tốt, sửa sang phòng bị, người Ngũ Linh đều dựa cậy cho là bậc lương tướng. Có kẻ sàm nhân viết một lá thư nặc danh nói Đinh Quyên làm phản, Sưởng bèn sai sứ giả đến ban cho (Đinh Quyên) phải chết. Sĩ tốt cùng sắp hàng trước quân mông gắp sứ giả, kêu rằng Đinh Quyên không làm phản, nhưng không thể cứu được, bèn lập đền thờ Đinh Quyên ở Quang Khẩu.

Năm thứ tám (965), Ngô Xương Văn (吳昌文) ở Giao Châu chết, tướng (của Văn) là Lã Xử Bình (呂處平) cùng Phong Châu Thủ sử Kiều Tri Hựu (喬知祐) tranh nhau tự lập, Giao Chỉ đại loạn. Đinh Liễn (丁璉) ở Hoan Châu cử binh đánh dẹp được. Sưởng trao cho Liễn làm Giao Châu Tiết độ.

1. Tức chỉ quân nhà Tống.

Năm thứ chín (966), có nhà dân ở Nam Hải, vợ sinh ra đứa con hai đầu bốn tay. Bấy giờ, Thái tổ Hoàng đế¹ chiêu cho Lý Dục (李煜) truyền dụ Sưởng xưng thân. Sưởng giận, cầm tù sứ giả của Dục là Cung Thận Nghi (龔慎儀).

Năm thứ mười ba (970), (triều đình) chiêu cho Đàm Châu Phòng ngự sứ Phan Mỹ (潘美) xuất binh, quân đến Bạch Hà, Sưởng sai Cung Trừng Khu giữ Hạ Châu, Quách Sùng Nhạc (郭崇岳) giữ Quế Châu, Lý Thác giữ Thiều Châu để phòng bị. Thu năm ấy, Phan Mỹ bình định Hạ Châu, tháng Mười bình định Chiêu Châu, lại bình định Quế Châu, tháng Mười một bình định Liên Châu. Sưởng mừng bảo: “Các châu Chiêu, Quế, Liên, Hạ vốn thuộc Hồ Nam, nay quân bắc giành lại, thế là đủ rồi, sẽ không xuống phía nam nữa.” Có thể thấy ngu ngốc đến như vậy.

Tháng Mười hai, bình định Thiều Châu. Tháng Giêng năm Khai Bảo thứ tư (971), bình định hai châu Anh, Hùng. Tướng của Sưởng là Phan Sùng Triệt đã hàng trước. Quân đến Lung Đầu, Sưởng sai sứ xin hòa, mong hoãn quân. Tháng Hai, quân vượt qua Mã Kính, Sưởng sai Hữu bộc xạ Tiêu Thôi (蕭漼) phụng biểu xin hàng. Thôi đi rồi, Sưởng sợ hãi quẫn bách lại lệnh cho chính đốn quân sĩ chống mệnh. Bọn Mỹ tiến binh, Sưởng sai em là Tường vương Bảo Hưng dẫn ván võ đến chố quân Mỹ xin hàng, nhưng Mỹ không cho. Bọn Cung Trừng Khu, Lý Thác mưu rằng: “Quân bắc đến đây, ấy là vì thấy lợi ở những của báu của nước ta vậy. Nay đốt sạch thành cái thành không, thì quân tất không thể đóng lại, phải quay về vậy.” Bèn đốt sạch cả kho tàng, cung điện. Sưởng đem hơn chục chiếc thuyền biển, định chờ hết đồ trân bảo, phi tần ra ngoài bể, hoạn quan Nhạc Phạm (樂範) lấy trộm thuyền trốn về. Quân triều đình đến Bạch Điền, Sưởng mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng ra hàng. Dâng tù binh ở kinh sư xong, xá tội cho Sưởng làm Tả thiên ngưu vệ Đại tướng quân, phong Ân Xá hầu.

1. Tức Tống Thái tổ Triệu Khuông Dận.

Phụ lục

CHIÊM THÀNH - PHÙ NAM - CHÂN LẠP¹

1. Trong các sách sử xưa, Chiêm Thành (占城) còn có các tên gọi khác là: Lâm Ấp (林邑),
Hoàn Vương (環王), Chiêm Bất Lao (占不勞), Chiêm Bà (占婆)...
Chân Lạp (真臘) còn có các tên gọi khác là: Chiêm Lạp (占臘), Cát Miệt (吉蔑)...

I. TÂN THU

QUYẾN 97 - TƯ DI

Lâm Ấp

Nước Lâm Ấp (林邑), vốn là huyện Tượng Lâm đời Hán, tức là nơi Mã Viện dựng cột đồng vậy, cách Nam Hải ba ngàn dặm. Sau, đến cuối đời Hán, Công tào ở huyện là họ Khu (區), có người con tên là Liên (連)¹, giết chết Huyện lệnh tự lập làm vương, con cháu truyền nối cho nhau. Về sau, vương không có con nối, cháu ngoại là Phạm Hùng (范熊) lên thay. Hùng chết, con là Dật (逸) nối ngôi. Tục đất ấy, nhà đều mở cửa hướng bắc, để hướng ánh nắng, còn nơi cư trú, hoặc đông hoặc tây không nhất định. Tính người hung hăn, chiến đấu quả quyết, quen với núi biển, không thích đồng bằng. Đất ấy bốn mùa nắng nóng, không có sương tuyết, người đều mìng trần chân đất, cho màu đen là đẹp. Trọng nữ, khinh nam, lấy nhau cùng họ, vợ phải đưa sinh lě để hỏi chồng. Con gái khi lấy chồng, mặc áo *Ca bàn*, quấn tắm vải quây quanh lưng như thành giếng, đầu đội hoa báu. Cư tang thì cắt tóc mai đi để thủ hiếu, đốt xác ngoài đồng gọi là táng. Quốc vương đội mũ thiên quan, đeo chuỗi hạt châu, mỗi khi nghe chính sự, con em cùng thị thần đều không được đứng gần.

Tù đời Tôn Quyên (孫權) đến nay, (nước ấy) không chầu Trung Quốc. Đến niên hiệu Thái Khang² đời (Tấn) Vũ đế, mới bắt đầu đến dâng cống. Năm Hàm Khang thứ hai (336), Phạm Dật chết, có tên nô bộc là Văn (文) soán vị. Văn vốn là nô bộc của Phạm Trùy (范椎) - thủ lĩnh người Di ở huyện Tây Quyền, Nhật Nam. Văn từng chǎn

1. Tức Sri Mara.

2. Thái Khang: niên hiệu của Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm từ năm 280-289.

trâu ở suối, bắt được hai con cá chép, chúng bèn hóa thành sắt, Văn liền đem rèn thành dao. Dao rèn xong, (Văn) ra trước khối đá lớn mà khấn rằng: “Cá chép biến hóa, rèn thành đôi dao. Nếu chém được đá này, thì mới là thần linh!” Rồi bèn chém, khối đá lập tức vỡ tan. Văn biết đó là vật thần, liền ghi nhớ trong lòng. Văn theo bọn lái buôn qua lại, được thấy chế độ của thượng quốc, khi về Lâm Ấp, bèn bầy cho Dật cách làm cung thất, thành ấp, và khí giới. Dật vô cùng tin yêu, cho Văn làm tướng. Văn bèn sàm tấu về các con của Dật, khiến họ hoặc phải đi đày, hoặc phải trốn chạy. Kịp tới khi Dật chết, không có người kế nối, Văn bèn tự lập lên làm vua. Văn đưa hết tất cả thê thiếp của Dật lên lâu cao, nếu ai theo mình thì thu nhận, nếu ai không theo thì bỏ đói. Rồi đó, Văn bèn đánh các nước Đại Kỳ Giới, Tiểu Kỳ Giới, Thức Bộc, Từ Lang, Khuất Đô, Càn Lỗ, Phù Đan, kiêm tính lấy, có quân tới bốn, năm vạn người. (Văn) sai sứ dâng biểu lên hoàng đế xin sang cống, biểu văn viết toàn lối chữ của người Hồ. Đến năm Vĩnh Hòa thứ ba (347), Văn đem quân tiến đánh Nhật Nam, giết Thái thú Hạ Hầu Lâm (夏侯覽), sát hại năm, sáu ngàn người, số còn lại đều chạy hết ra Cửu Chân. (Văn) đem xác Lâm tế trời, san bằng huyện thành Tây Quyển, rồi chiếm cứ Nhật Nam, báo tới Thủ sử Giao Châu là Chu Phiên (朱蕃), xin lấy núi Hoành Sơn ở phía bắc Nhật Nam làm ranh giới.

Trước đây, các nước ngoài coi từng đem vật báu theo đường biển đến (Trung Quốc) buôn bán, mà các Thủ sử Giao Châu, Thái thú Nhật Nam nhiều kẻ tham lợi, bắt nạt xâm chiếm của họ, mười phần chỉ trả cho hai, ba. Đến thời Thủ sử Khương Tráng (姜壯), sai Hàn Tập (韓戢) lĩnh Nhật Nam Thái thú. Tập định giá hàng hóa bớt hơn một nửa. Lại đóng thuyền, điều binh, nói phao lên rằng đi chinh phạt, vì vậy các nước đều oán hận. Hơn nữa, Lâm Ấp ít ruộng đất, nên tham muôn đất đai của Nhật Nam, Tập chết rồi, (triều đình) lấy Tạ Trạc (謝擢) thay, (Trạc) vẫn xâm đoạt hà khắc như thế. Kịp tới khi Lâm tới quận, lại say sửa rượu chè, chính giáo càng loạn, vì vậy mà bị phá diệt.

Rồi Văn về Lâm Ấp. Năm ấy, Chu Phiên sai Đốc hộ Lưu Hùng (劉雄) đóng giữ ở Nhật Nam, Văn lại công hãm (Hùng). Năm (Vĩnh

Hòa) thứ tư (348), Văn lại tập kích Cửu Chân, giết hại sĩ dân mười phần mất đến tám, chín. Năm sau, Chinh tây Đốc hộ Đằng Tuấn (滕畯) đem quân Giao, Quảng chinh phạt Văn ở Lư Dung, bị Văn đánh bại, phải lui về Cửu Chân. Năm ấy Văn chết, con là Phật (佛) nối.

Cuối niên hiệu Thăng Bình¹, Quảng Châu Thứ sử Đằng Hàm (滕含) đem quân đến đánh, Phật sợ, xin hàng, Hàm bèn cùng minh ước rồi về. Đến niên hiệu Ninh Khang² đời Hiếu Vũ đế, (Phật) sai sứ sang cống. Đến niên hiệu Nghĩa Hy³, năm nào (Lâm Ấp) cũng đến cướp các quận Nhật Nam, Cửu Chân, Cửu Đức, sát hại rất nhiều, khiến Giao Châu đến nỗi hư nhược, mà Lâm Ấp cũng hao tổn mệt nhọc.

Phật chết, con là Hồ Đạt (胡達)⁴ lập, dâng sớ sang cống các thứ mâm, bát bằng vàng, và chiêng vàng.⁵

Phù Nam

Phù Nam (扶南), cách phía tây Lâm Ấp hơn ba ngàn dặm, ở trong vịnh biển lớn, địa giới nước ấy dài rộng ba ngàn dặm, có thành ấp cung thất. Người (nước ấy) đều đen xấu, tóc quăn, cởi trần, đi đất. Tính cách thật thà, không làm việc trộm cướp, lấy trống cấy làm nghề chính, trống một lần, thu hoạch trong ba năm. Lại thích điêu khắc chạm trổ, bát đĩa ăn uống phần nhiều làm bằng bạc, đồ cống thuế là vàng bạc, ngọc trai, hương liệu. Cũng có thư ký kho tàng, văn tự cũng giống chữ của người Hồ. Tang táng, hôn nhân cũng tương tự như Lâm Ấp.

Vương nước ấy vốn là đàn bà, tên tự là Diệp Liêu (葉柳). Khi ấy có người nước ngoài tên là Hỗn Hội (混漬), trước thờ thần, nằm mơ thấy thần ban cho cây cung, lại bảo đi thuyền ra biển. Sáng sau,

1. Thăng Bình: niên hiệu Tấn Mục đế Tư Mã Đam từ năm 357-361.

2. Ninh Khang: niên hiệu Tấn Hiếu Vũ đế Tư Mã Diệu từ năm 373-375.

3. Nghĩa Hy: niên hiệu Tấn An đế Tư Mã Đức Tông từ năm 405-418.

4. Túc Bhadravarman I.

5. TT.NK.q4 chép năm 413 “Mùa xuân, tháng Hai, vua nước Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt cướp quận Cửu Chân. Tuệ Độ đánh chém được.” TB.NK.q4 thì chép rằng người bị Tuệ Độ chém là con của Hồ Đạt. Việc này không thấy chép trong *Tấn thư*, người dịch mạn phép ghi lại để bạn đọc tham khảo.

Hỗn Hội đến đền thờ thần, quả được cày cung, bèn theo người buôn bán xuống thuyền đi đường biển đến ấp ngoài của Phù Nam. Diệp Liễu đem quân ra ngăn chống, Hỗn Hội đương cung lên, Diệp Liễu sợ, bèn hàng. Vì vậy, Hỗn Hội bèn lấy (Diệp Liễu) làm vợ, rồi chiếm cứ nước ấy. Sau, hậu đại suy vi, con cháu không kế nối, tướng là Phạm Tầm (范尋) lại nối đời làm vua Phù Nam.

Đầu niên hiệu Thái Thủy¹ đời (Tấn) Vũ đế, (Phù Nam) sai sứ sang dâng cống. Niên hiệu Thái Khang, lại nhiều lần sang. Đầu niên hiệu Thăng Bình đời Mục đế, lại có Trúc Chiên Đàn (竺旃檀) xưng vương, sai sứ sang cống voi nhà. Để cho là giống thú lạ ở phương khác, sợ rằng làm hại người, bèn chiếu cho mang về.

1. Thái Thủy: niên hiệu Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm từ năm 265-274.

II. TỔNG THU

QUYẾN 97 - DI MAN

Lâm Ấp

Năm Vĩnh Sơ thứ hai (421) đời (Tống) Cao tổ, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại (范陽邁) sai sứ sang dâng cống, bèn lập tức được gia phong trao chức tước. Đầu niên hiệu Nguyên Gia¹ đời Thái tổ, (Lâm Ấp) xâm phạm các quận Nhật Nam, Cửu Đức. Giao Châu Thú sứ Đỗ Hoằng Văn (杜弘文)² chọn lựa thủ hạ tụ tập quân chúng định đánh dẹp đi, nhưng nghe (triều đình) cho người đến thay, bèn dừng. Năm thứ bảy (430), Dương Mại sai sứ sang tự tâu rằng vì có bất hòa với Giao Châu, xin được tha tội cho. Năm thứ tám (431), (Dương Mại) lại cho hơn trăm lâu thuyền vào cướp Cửu Đức, vào cửa bến Tứ Hội. Giao Châu Thú sứ Nguyễn Di Chi (阮彌之) sai Đội chủ là Tương Đạo Sinh (相道生) đem ba ngàn người đến chinh thảo, đánh thành Khu Túc không hạ được, lại đem quân về. Lâm Ấp muốn đánh Giao Châu, mượn quân của Phù Nam vương, nhưng Phù Nam không cho.

Năm thứ mười (433), Dương Mại sai sứ dâng biểu hiến phuơng vật, xin lĩnh Giao Châu³, (triều đình) có chiếu đáp rằng, vì đường xa xa xôi, không cho. Các năm thứ mười hai (435), mười lăm (438), mười sáu (439), mười tám (441), (Lâm Ấp) liên tục sai sứ sang cống, nhưng vẫn cướp lấn không thôi, cống vật cũng thô lậu sơ sài.

1. Nguyên Gia: niên hiệu Tống Văn đế Lưu Nghĩa Long từ năm 424-453.

2. Con trai Đỗ Tuệ Độ.

3. TT.NK.q4 chép việc này ở năm 432.

Thái tổ tức giận vì (Lâm Ấp) trái lẽ ngạo mạn, năm thứ hai mươi ba (446), sai Long nhương tướng quân, Giao Châu thứ sử Đàm Hòa Chi (檀和之) đến đánh, sai Thái úy phủ Chấn võ tướng quân Tông Khác (宗慤) chịu sự tiết độ của Hòa Chi. Hòa Chi sai Phủ tư mã Tiêu Cảnh Hiển (蕭景憲) làm tiên phong, Khác vẫn lĩnh làm Quân phó cho Cảnh Hiển¹. Dương Mại nghe tin sắp bị đánh, sai sứ dâng biểu, xin trả lại những hộ dân ở Nhật Nam bị cướp đi, và dâng cống những của báu trong nước. Thái tổ chiếu cho Hòa Chi rằng: “Nếu Dương Mại quả có thành ý, thì cho được quy thuận.” Tháng Hai năm ấy, quân đến đồn Chu Ngô, (Hòa Chi) sai Phủ hộ tào tham quân, Nhật Nam Thái thú Khương Trọng Cơ (姜仲基), Tiền bộ tặc tào tham quân Kiểu Hoằng Dân (矯弘民), theo bọn Truyền chiếu Tất Nguyên (畢願), Cao Tinh Nô (高精奴) đến tuyên dương phủ dụ. Dương Mại bắt bọn Trọng Cơ, Tinh Nô hai mươi tám người. (Hòa Chi) sai Hoằng Dân quay về bẩm mệnh, nói (Dương Mại) bể ngoài thì nói là quy thuận, nhưng bên trong vẫn ngờ vực để phòng càng nghiêm ngặt hơn. Bọn Cảnh Hiển bèn nhầm hướng thành Khu Túc tiến binh. Dương Mại sai đại soái Phạm Phù Long Đại (范扶龍大)² đóng ở Khu Túc, lại sai quân thủy bộ tiến thẳng tới nơi. Cảnh Hiển phá được quân cứu viện từ bên ngoài tới, rồi dồn hết tinh nhuệ công thành, năm tháng, bèn hạ được. Chém đầu Phạm Phù Long Đại, lại thu được các đồ vật vàng bạc không đếm xuể. Thừa thắng đuổi đánh, bèn hạ Lâm Ấp. Cha con Dương Mại cùng chạy trốn, những đồ trân dị thu được, đều là những của báu chưa biết tên bao giờ. Hoàng thượng khen công tướng soái, ban chiếu rằng: “*Lâm Ấp ỷ xa xôi hiểm trở, từ lâu coi nhòn vuơng pháp. Long nhương tướng quân, Giao Châu Thủ sử Đàm Hòa Chi trung nghĩa quả quyết, mưu lược giúp nước cứu đời, nhận mệnh đánh dẹp, vạn dặm tiến quân, pháp lệnh nghiêm chỉnh, văn võ hết sức, giữ mình phụng mệnh chung, đem thân dấn kề dưới, bởi vậy mà lập công ở hải ngoại, chấn phục nơi khác tục. Nên được gia ban khen thưởng, cho lo hầu cận*

1. TT.NK.q4 chép là Đàm Hòa Chi cho Khác làm tiên phong.

2. Nguyên văn “*khiển đại soái Phạm Phù Long Đại thủ Khu Túc*”, ở dưới lại có câu “*trảm Phù Long Đại thủ*” như vậy Phù Long Đại là tên, Phạm là họ. TT.NK.q4 chép là “*tiến vi Lâm Ấp tướng Phạm Phù Long vu Khu Túc thành*” như vậy tên viên tướng là Phạm Phù Long. Người dịch ghi cả lại để bạn đọc tham khảo.

gần bên. Nay thăng làm Hoàng môn thị lang, lĩnh Việt kỵ hiệu úy, hành Kiến vú tướng quân. Long nhương tư mã Tiêu Cảnh Hiến hiệp tán công đầu, chuyên cần chiến thắng, luôn ở tiền khu, tiêu diệt sào huyệt, đem tài năng uy phục man di, vỗ về dân chúng. Nay thăng làm Trì tiết, đốc các việc quân ở hai quận Uất Lâm, Ninh Phố ở hai châu Giao, Quảng, Kiến uy tướng quân, Giao Châu Thủ sử.” Long nhương tư mã Đồng Lâm Chi (童林之), Cửu Chân Thái thú Phó Úy Tổ (傅蔚祖) chiến tử, đều được truy tặng Cấp sự trung.

Năm Hiếu Kiến thứ hai (455) đời Thế tổ, Lâm Ấp lại sai Trưởng sử Phạm Long Bạt (范龍跋) phụng sứ tới dâng cống, (triều đình) cho Long Bạt làm Dương vú tướng quân.

Năm Đại Minh thứ hai (458), vua Lâm Ấp là Phạm Thần Thành (范神成) lại sai Trưởng sử Phạm Lưu (范流) phụng biểu dâng các thứ đồ vàng bạc và vải thơm.

Năm Thái Dự nguyên niên (472) đời Thái tông, (Lâm Ấp) lại sai sứ cống phương vật.

Khi trước, Đàm Hòa Chi bị trưng điêu đến Dự Chương, gấp lúc dân ở Dự Chương là bọn Hồ Đàm Thế (胡誕世) làm phản, (Hòa Chi) nhân đánh dẹp đi, xét cả công lao ở Lâm Ấp, phong làm Vân Đỗ huyen tử, thực ấp bốn trăm hộ. Hòa Chi là người Kim Hương, Cao Bình, là con của Đàm Bằng (檀憑) vậy. Năm Nguyên Gia thứ hai mươi bảy (450) đời Thái tổ, (Hòa Chi) từ chán Thái tử tá vê, lên làm Trần quân tư mã, Phụ quốc tướng quân, Bành Thành Thái thú cho Thế tổ. Kẻ đầu sỏ thí nghịch lên ngôi¹, lấy (Hòa Chi) làm Tây trung lang tướng, Ung Châu Thủ sử. Thế tổ về kinh đánh dẹp, gia phong (Hòa Chi) làm Phụ quốc tướng quân, nắm việc trú phòng ở Dự Châu, (Hòa Chi) không đi, lại làm Hữu vệ, gia Tán kỵ thường thị. Năm thứ ba (456), (Hòa Chi) ra làm Thủ sử Nam Duyện Châu, vì vướng vào việc rượu chè tham ô, đón nữ nhân trong ngực vào hâu trong nhà, nên bị miễn quan, cấm cõi. Năm ấy, Hòa Chi chết, truy tặng Tả tướng quân, thụy là Tương tử.

1. Chỉ việc năm Nguyên Gia thứ ba mươi (453), Thái tử Lưu Thiệu giết vua cha tự lên nối ngôi.

Phù Nam

Nước Phù Nam, các năm Nguyên Gia thứ mười mốt (434), mười hai (435), mười lăm (438), đời Thái tổ, quốc vương là Trì Lê Bạt Ma (持黎跋摩)¹ đều sai sứ sang phụng cống.

1. Tức Śrī Indravarman.

III. NAM TỀ THU

QUYẾN 58 - MAN, ĐÔNG (DI), NAM DI

Lâm Ấp

Nước nam di Lâm Ấp ở phía nam Giao Châu, đi đường biển là ba ngàn dặm, phía bắc liền với Cửu Đức, là huyện Lâm Ấp đời Tần xưa vậy, cuối đời Hán xưng vương. Năm Thái Khang thứ năm (284) đời Tấn mới bắt đầu dâng cống.

Năm Vĩnh Sơ nguyên niên (420) đời (Lưu) Tống, Lâm Ấp vương Phạm Dương Mại mới sinh, người mẹ mộng thấy người ta dùng chiếu vàng trải cho nằm, ánh sáng tỏa ra đẹp đẽ lạ kỳ. Trung Quốc gọi là Tử ma kim¹, còn người di gọi là “Dương mại”, do vậy mới lấy chữ ấy mà đặt tên. Dương Mại chết, con là Đốt (咄) lập, mộ tiếng cha mình, lại cũng đổi tên là Dương Mại.

Lâm Ấp có núi vàng, nước vàng chảy tràn ra bến sông. Thờ đạo Ni Càn², đúc thành những tượng người bằng vàng, bạc, lớn tới mươi ôm.

Năm Nguyên Gia thứ hai mươi hai (445), Giao Châu Thủ sử Đàm Hòa Chi chinh phạt Lâm Ấp, Dương Mại định đem nộp một vạn cân vàng, mươi vạn cân bạc, ba mươi vạn cân đồng, và trả lại đất Nhật Nam. Đại thần là Biện Tăng Đạt (昇僧達) can, nhưng (Dương Mại) không nghe. Hòa Chi tiến binh phá thành Khuyển Nhung Khu Lật³ ở biên giới phía bắc, thu được vô số vàng ngọc, phá hủy tượng

1. Tức vàng loại thượng đẳng.

2. Tức Nirgrantha - Một tôn giáo do Mahavira sáng lập ra cùng thời với Phật giáo, và là một trong sáu đại ngoại đạo mà Kinh điển Phật giáo nói tới.

3. Tức thành Khu Túc mà Tống thư nói tới.

người vàng, được mẩy vạn cân hoàng kim, những đồ vật khác cũng nặng ngang như thế. Sau, Hòa Chi bệnh chết, cho là bị thần của người Hồ vật. Năm Hiếu Kiến thứ hai (455), mới lấy Trưởng sử của Lâm Ấp là Phạm Long Bạt làm Dương vũ tướng quân.

Con cháu Dương Mại nối nhau làm vương, chưa có vị hiệu. Người di là Phạm Dương Căn Thuần (范當根純) đánh cướp lấy nước, thoán lập làm vương. Năm Vĩnh Minh thứ chín (491) (nhà Nam Tề), sai sứ sang dâng cống các thứ chiểu vàng. Chiểu rằng: “*Lâm Ấp tuy cách xa xôi ở ngoài, nhưng nối đời quy phục theo vương hóa. Dương Căn Thuần đã thành khẩn về theo, đem cả quan lại, công lao to lớn khá nêu rõ, mà đáng được khen ngợi. Nên ban cho tước hiệu, để tỏ rõ ân trạch. Nay gia phong là Trì tiết, Đô đốc Duyên hải chư quân sự, An nam tướng quân¹, Lâm Ấp vương.*” Con cháu của Phạm Dương Mại là Phạm Chư Nông (范諸農) đem người trong bộ tộc đánh Dương Căn Thuần, lại giành được nước. Năm thứ mười (492), (triều đình) lại lấy Chư Nông làm Trì tiết, Đô đốc Duyên hải chư quân sự, An nam tướng quân, Lâm Ấp vương. Năm Kiến Vũ thứ hai (495), tiến hiệu là Trần nam tướng quân. Năm Vĩnh Thái nguyên niên (498), Chư Nông sang châu, đi đến giữa biển thì thuyền gặp gió to, chết đuối. Lấy con là Văn Khoản (文款) làm Giả tiết, Đô đốc Duyên hải chư quân sự, An nam tướng quân, Lâm Ấp vương.

Niên hiệu Kiến Hưng nhà Tấn², có tên nô bộc của Phạm Trí (范稚)³ - chủ soái người Di ở Nhật Nam - tên là Văn nhiều lần đi buôn bán, được thấy chế độ của thương quốc, mới về dạy cho Lâm Ấp vương Phạm Dật dựng thành trì lâu điện. Vương đội mũ thiên quan như mũ của Phật, mình đeo chuỗi hạt châu thơm. Người nước ấy tính hung hăng, quen núi nước, giỏi chiến đấu, thổi vỏ ốc biển làm tù và. Người người đều ở trần, bốn mùa nắng ấm, không có sương tuyết, trọng nữ khinh nam, gọi sứ quân⁴ là Bà la môn. Người cùng bộ tộc thì lấy nhau, nhà gái đem sinh lě hỏi rể trước. Con gái lấy chồng, mặc

1. An nam tướng quân: đây là tên một chức tước chứ không phải chỉ nước ta.

2. Niên hiệu của Tấn Mẫn đế Tư Mã Nghiệp từ năm 313-317.

3. Tấn thư chép là Phạm Trùy.

4. Sứ quân: tức thầy phù thủy.

áo Già Lam, quấn tấm vải quanh lưng quây như thành giếng, đầu đội hoa báu. Bà la môn dắt chú rể trao cho vợ nắm tay, rồi cầu nguyện những câu tốt lành. Khi cúng tang thì cắt tóc, cho là hiếu. Thiêu xác chết giữa đồng gọi là táng. Ở cách rất xa, có giọng chim Linh thú (kền kền), biết người sắp chết, liền tụ tập đến nhà, ăn hết thịt người chết lại bay đi. Bèn thu lấp xương đem đốt thành tro rồi ném xuống biển thủy táng. Màu da người, lấy đen làm quý, các nước phương nam đều như vậy. Chỗ thành Khu Lật, dựng bát xích biếu¹, thì mặt trời đổ bóng dịch xuống phía nam tám thốn.

Từ Lâm Ấp đi về phía tây nam hơn ba ngàn dặm, thì đến Phù Nam.

Phù Nam

Nước Phù Nam, ở trong vịnh Tây Man ven biển phía nam Nhật Nam, dài rộng hơn ba ngàn dặm, có sông lớn từ phía tây chảy đổ ra biển. Trước kia có nữ nhân làm vua, tên là Liễu Diệp (柳葉)². Lại có người Kích Quốc tên là Hỗn Điền (混填)³, mộng thấy thần nhân trao cho một cây cung, bảo đi thuyền ra biển. Hỗn Điền sáng dậy, nhặt được cây cung ở dưới gốc cây trong miếu thần, liền lên thuyền đi đến Phù Nam. Liễu Diệp thấy thuyền, đem quân ra chông. Hỗn Điền nâng cung từ xa nhắm bắn, xuyên qua mạn thuyền trúng người ngồi trong. Liễu Diệp sợ, bèn hàng. Hỗn Điền bèn lấy làm vợ. (Hỗn Điền) không thích việc ở trần để lộ thân hình, bèn dùng mây lướt vải trùm kín đầu, rồi cai trị nước ấy, con cháu truyền nối nhau.

Đến vua là Bàn Huống (盤況) chết, người trong nước lập đại tướng Phạm Sư Man (范師蔓) làm vua. Man bệnh, con trai của chị là Chiên (旃) bèn soán vị, giết con Man là Kim Sinh (金生). Hơn mười năm, con nhỏ của Man là Trường (長), bèn tập kích giết Chiên, lấy dao đâm vào bụng Chiên, nói: “Trước mà giết anh tao, nay tao giết

1. Bát xích biếu: Cột đo bóng nắng, dụng cụ dùng xác định vị trí theo bóng mặt trời xưa. Chiều cao quy định là tám thước, nên gọi là “Bát xích biếu”.

2. Tán thư chép là Diệp Liễu.

3. Tán thư chép là Hỗn Hộ.

mày báo thù cho cha, anh.” Đại tướng của Chiên là Phạm Tầm (范尋) lại giết Trường, người trong nước bèn lập làm vua. Khi ấy là thời Ngô, Tấn vậy. Đời Tấn, Tống, (Phù Nam) đều nổi đời cống nạp.

Cuối đời (Lưu) Tống, vua Phù Nam họ Kiều Trần Như (僑陳如), tên là Xà Da Bạt Ma (闍耶跋摩), sai buôn bán hàng hóa đến Quảng Châu. Đạo nhân người Thiền Trúc là Na Già Tiên (那伽仙) đi nhò thuyền định về nước, gặp gió to dạt đến Lâm Ấp, bị cướp hết tiền của hàng hóa. Na Già Tiên đi đường tắt về được Phù Nam, nói rằng Trung Quốc có thánh chúa lên nhận mệnh.

Năm Vĩnh Minh thứ hai (484), Xà Da Bạt Ma sai đao nhán Thiên Trúc là Thích Na Già Tiên dâng biểu xưng là Phù Nam quốc vương, thân là Kiều Trần Như Xà Da Bạt Ma khâu đầu tâu rằng: “*Thiên hóa dưỡng dục, cảm động đất thiêng, bốn mùa điều hòa. Phù phục cầu nguyện thánh chúa long thể thường luân khang kiệt, Hoàng thái tử vạn phúc, sáu cung thanh bình, chư vương phi công chúa, cùng nội ngoại triều thần đều hòa mục, lân bang sĩ dân muôn nước đều quy thuận, ngũ cốc phong đăng, tai họa không có, quốc thái dân an, thảy đều yên ổn. Thần cùng dân chúng, quốc thổ an vui, bốn khí điều hòa, đạo tục đồng đúc, đều đội ơn ánh sáng giáo hóa của bệ hạ trùm khắp mà cùng an thái.*” Lại nói: “Trước, thần có sai sứ mang nhiều đồ tạ vật đến Quảng Châu buôn bán, có đạo nhân người Thiền Trúc là Thích Na Già Tiên ở Quảng Châu có đi theo thuyền của thần để đến Phù Nam, trên biển gặp gió lớn thuyền dạt vào Lâm Ấp, quốc vương (nước ấy) bèn đoạt lấy hết của cải hàng hóa của thần cùng với tư tài của Na Già Tiên. (Na Già Tiên) nói rõ rằng từ Trung Quốc đến, người môt thánh đức nhân trị của bệ hạ, cùng bàn rõ phong tục giáo hóa, Phật pháp hưng hiển, chúng tăng đồng đảo, pháp sự thịnh vượng, vương uy nghiêm túc, uy vọng triều đình, lê thói đất nước, thương xót chúng dân, nên tám phương tụ họp, chẳng đâu không quy phục. Cứ như những gì thần được nghe nói, thì việc giáo hóa đến các nơi lân bang, chẳng có gì khó hiểu. Thần được nghe mà tâm tình vui mừng hớn hở, như được tạm thấy tôn nhan, người môt từ ân, phúc trạch lan đến tiểu quốc, trời rủ lòng thương, tất cả dân chúng trong nước, đều được nhờ phù trợ. Vì vậy, nay thần sai đao nhán Thích Na Già Tiên ấy làm sứ giả, đến dâng biểu

thăm hỏi phụng cống, dâng lên một chút lòng thành của chúng thần, mà thưa trình tấm tình kẻ dưới. Chỉ có điều công hiến thô lậu, thẹn sợ vô cùng. Phù phục cầu mong thiên tử nhân từ chiếu giám lòng thành, ban cho được miễn trách.” Lại nói: “Thần có kẻ nô bộc tên là Cửu Thủ La (鳩酬羅), bỏ thần chạy trốn, đến nơi biệt tích, cấu kết hung đồ, bèn phá Lâm Ấp, vẫn tự lập làm vương. Mãi không chịu kính theo, trái on phụ nghĩa, cái tội phản chủ, trời chẳng thể dung. Kính xét, Lâm Ấp xưa bị Đàm Hòa Chi đánh phá, từ lâu đã quy phục giáo hóa. Oai trời trùm khắp, bốn bề phục theo, thế mà nay Cửu Thủ La giữ thói hung tàn của lũ nô bộc, tự chuyên cường bạo. Huống chi, Lâm Ấp, Phù Nam cương giới tiếp giáp, bản thân (Cửu Thủ La) là nô bộc của thần mà còn dám bỏ đi, đến như triều đình xa xôi thì há lại chịu tuân phụng? Nước ấy là thuộc quốc của bệ hạ, nên thần kính cẩn trình lên. Lại nghe, Lâm Ấp mấy năm nay cống hiến sơ sài dứt tuyệt, bèn muốn được rời hẳn khỏi triều đình. Há có chuyện sự tử ngồi im mà để yên cho chuột cống ư? Kính mong (bệ hạ) sai quân tướng đến chinh phạt kẻ hung nghịch, thần xin cũng dốc chút thành tâm, giúp triều đình đánh diệt, khiến cho các nước ven biển, nhất thời quy phục. Nếu bệ hạ muốn lập người khác lên làm vua nước ấy, thần xin nghe theo sắc chỉ. Còn nếu bệ hạ chưa muốn hưng binh phạt Lâm Ấp, thì kính xin đặc ban sắc chỉ cho nơi sở tại tùy nghi cho một ít quân giúp thần, nhờ vào oai trời, mà tiêu diệt tiểu tặc, phạt ác theo thiện. Đến ngày đẹp yên, thần xin dâng biểu hiến vàng năm Bà la¹. Nay mạo muội cho sứ giả tới, tâu rõ lòng thành của thần, những điều thưa trong biểu tấu, chưa hết tâm tình. Kính cẩn cho Na Già Tiên được phụ nói thêm để bệ hạ rõ. Kính mong bệ hạ thương đến. Lại xin dâng tượng long vương tạc bằng vàng một pho, tượng bạch đàm một pho, tháp ngà hai tòa, cổ bối hai đôi, tô lạp² bằng lưu ly hai cái, mâm cau đôi mỗi một cái.”

Na Già Tiên đến kinh sư, nói tục nước ấy thò thiên thần Ma Hê Thủ La, thần thường giáng xuống núi Ma Đam. Khí hậu đất ấy thường

1. Đơn vị đo trọng lượng của vùng Trung Á xưa. Trong kinh *Lăng già* của Phật giáo có nhắc đến đơn vị trọng lượng này, nhưng không rõ là nặng bao nhiêu. *Tống sử - Thực hóa chí* lại nhắc đến đơn vị “Bà lan”, và cho biết: “Người Hồi gọi ba trăm cân là một Bà lan”. Xét, ở đây xin dâng vàng năm Bà la, thì có thể chính là đơn vị “Bà lan” mà *Tống sử* nói.

2. Tô lạp: một loại bát ăn của Phù Nam.

luôn ấm áp, cây cỏ không rụng lá. Thư dâng lên viết rằng: “Cát tường lợi thế gian; Cảm động đến quần sinh. Sở dĩ rõ như vậy, Trời cảm hóa nên rành. Núi tiên gọi Ma Đam, Xanh mướt lá cây lành. Thần Ma Hê Thủ La, Dựa đó giáng anh linh. Quốc thổ thảy được nhờ; Nhân dân đều an ninh. Bởi được ơn rủ khắp; Nên quy phu tâm thành. Bồ Đề hành nhẫn từ, Nền phàm vốn trước xưa. Vừa phát Bồ đề tâm; Hai thủa phải mong chi. Trải đời góp công nghiệp; Lục độ hành Đại bi. Dũng mãnh vượt kiếp số; Tài mệnh bô không nề. Sinh tử chẳng đáng ngại; Lục đạo hóa hưu duyên. Đầu sửa ở thập địa; Đế quả độ nhân thiên. Công nghiệp đã định rồi; Hạnh đầy lên chính giác. Muôn thiện trí đủ tròn, Tuệ nhật chiếu cõi tục. Chúng sinh cảm duyên ứng; Tùy cơ nhận pháp được. Phật hóa khắp mười phương; Phổ độ ai không được. Hoàng đế hoằng dương đạo; Hứng long ở tam bảo. Rủ lòng xét vạn cõi; Ân uy tám cõi thấu. Quốc thổ cùng thành ấp; Gió nhân hòa mát dịu. Cũng như Thích Đề Hoàn; Giữa chúng thiên voi diệu. Bệ hạ ngự muôn dân; Bốn bể cùng quy tâm. Thánh tử trải vô tận, Khắp trùm tiểu quốc thần.”

Chiếu đáp rằng: “Được Ma Hê giáng linh, ban khắp đất ấy, tuy phong tục khác biệt, xa lối làm vui mừng tán thán. Biết Cửu Thủ La ở đất ấy làm phản, trộm chiếm cứ Lâm Ấp, tụ họp hung đồ thả súc cướp bóc, thực đánh đánh dẹp. Đất ấy tuy xa xôi cách biệt, nhưng trước đây có giữ phiên cống, cuối đời Tống nhiều loạn lạc, đến nỗi thông địch qua lại tắc nghẽn, đến khi vương hóa đổi mới, đã quen thói u mê chưa sửa đổi được. Trẫm vừa đem văn đức để người xa theo về, chưa muốn vội dấy can qua. Vương đã trung thành rất mực, xa thỉnh quân uy, nay chiếu cho Giao bộ tùy nghi ứng tiếp. Phật kẻ làm phản vỗ về thu phục, thực là quốc điển. Gắng lập công trạng đặc biệt, để thỏa lòng trẫm mong muốn. Na Già Tiên mấy bận làm thông dịch qua lại, rất tường tình hình Trung thổ, lệnh cho tuyên rõ để (Phù Nam) biết!” Hoàng thượng lại cho lấy lụa nền đỏ, nền tía, hoa văn vàng, bích, lục mỗi thứ năm xấp đáp tạ.

Người Phù Nam thông minh khéo léo, đánh cướp những dân lân ấp không theo mình bắt về làm nô tù, buôn bán vàng bạc lụa màu. Con trai các nhà đại gia lấy gấm quấn ngang quanh lưng, con gái thì trùm đầu, người nghèo thì lấy vải thô tự che thân. Rèn vòng xuyến bằng vàng, bát đĩa ăn cơm bằng bạc. Chặt cây dựng nhà, quốc vương

ở trên gác nhiều tầng, dựng rào gỗ làm thành. Bên bờ biển có thứ tre lá to, dài tới tám chín thước, (người ta) lấy lá ấy kết lại mà lợp nhà. Nhân dân cũng dựng gác (nhà sàn) mà ở. Làm thuyền dài tám, chín trượng, rộng chỉ sáu, bảy thước, đầu đuôi tựa như con cá. Quốc vương ra ngoài thì cưỡi voi, đàn bà cũng có thể cưỡi voi. Chọi gà, chọi chó làm vui. Trong nước không có ngục tù, ai kiện cáo, thì lấy chiếc nhẫn vàng, hay trứng gà bỏ vào nồi nước sôi, bắt thò tay mò. Lại nung đỏ dây xích, bắt cầm trên tay đi bảy bước, kẻ nào có tội thì tay đều bị cháy bỏng, còn nếu vô tội thì không bị thương gì. Lại lệnh ném xuống nước, kẻ ngay thẳng xuống sẽ không bị chìm, kẻ không ngay thẳng thì lập tức chìm ngay. Sản vật có các loại mía, an thạch lựu, quất, lại nhiều cau. Chim thú cũng như Trung Quốc. Tính người lương thiện, không hay đánh nhau, thường bị Lâm Ấp đánh cướp, nên không giao thông được với Giao Chỉ, vì vậy sứ giả ít khi sang.

Giao Châu cách tuyệt hải đảo, ngoại quốc vây quanh, cho nên hay cậy hiểm nhiều lần không theo. Đầu niên hiệu Thái Thủy¹ nhà (Lưu) Tống, Thủ sử Trương Mục (張牧) chết, người Giao Chỉ là Lý Trường Nhân (李長仁) giết những tay chân của Mục từ phương bắc đến, chiếm cứ Giao Châu làm phản. Mấy năm thì (Trường Nhân) bị bệnh chết. Em họ là Thúc Hiến (叔獻) nối giữ việc, hiệu lệnh chưa thi hành được, bèn sai sứ sang xin cho làm Thủ sử². Nhà Tống lấy Nam Hải Thái thú Thẩm Hoán (沈煥) làm Giao Châu Thủ sử, lấy Thúc Hiến làm Ninh viễn tư mã cho Hoán, và Thái thú hai quận Vũ Bình, Tân Xương. Thúc Hiến được mệnh triều đình, nhân tình phục tùng, bèn dẫn binh giữ nơi hiểm yếu, không cho Hoán sang. Hoán dừng lại ở Uất Lâm rồi bị bệnh chết. Năm Kiến Nguyên nguyên niên (479) đời (Nam Tề) Thái tổ, vẫn lấy Thúc Hiến làm Giao Châu Thủ sử để yên úi. Thúc Hiến nhận mệnh, rồi cắt tuyệt nước ngoài, cống hiến ít ỏi. Thế tổ muốn đánh dẹp, năm Vĩnh Minh thứ ba (485), lấy Tư nông Lưu Khải (劉楷) làm Giao Châu Thủ sử, phát binh các quận

1. Thái Thủy: niên hiệu Tống Thái tông Lưu Úc từ năm 465-471.

2. TT.NK.q4 chép việc này năm 468, “tháng Tám, vua Tống lấy Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thủ sử Giao Châu. Bột đến, bị Trường Nhân chống cự, không bao lâu Lưu Bột chết. Tháng Mười một, Lý Trường Nhân sai sứ xin hàng và tự hạ xuống chức Hành Châu sự. Vua Tống y cho.”

Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng điêu đến Giao Châu. Thúc Hiến nghe tin, sai sứ xin cho thêm mấy năm, sẽ dâng mũ đầu màu thuần bạc gắn tua lông công cho mười hai đội¹, nhưng Thế tổ không cho. Thúc Hiến sợ bị Khải tập kích, lén đường tắt theo lối Tương Xuyên về triều.

Năm thứ sáu (488), lấy Thủy Hưng Thái thú Phòng Pháp Thặng (房法乘) thay Khải. Pháp Thặng đến trấn, cáo bệnh không làm việc, chỉ thích đọc sách. Trưởng sử Phục Đǎng Chi (伏登之) nhân đó chuyên quyền, thay đổi tướng lại, không cho Pháp Thặng biết. Lục sự Phòng Quý Văn (房季文)² bẩm lên, Pháp Thặng nổi giận, bắt Đǎng Chi bỏ ngục. Hơn mười ngày, Đǎng Chi hối lộ cho em rể Pháp Thặng là Thôi Cảnh Thúc (崔景叔) nên được thả ra, bèn đem bộ chúng đánh úp châu, bắt Pháp Thặng, bảo rằng: “Sứ quân đã bị bệnh, chờ nên làm việc vất vả nữa.” Rồi giam vào biệt thất. Pháp Thặng không có việc gì làm, lại hỏi Đǎng Chi xin sách đọc. Đǎng Chi nói: “Sứ quân ở yên tĩnh còn lo có bệnh, há lại có thể đọc sách u?” Bèn không cho. Rồi bẩm tấu Pháp Thặng có bệnh tim, không coi việc được. Thế tổ bèn lấy Đǎng Chi làm Giao Châu Thủ sử. Pháp Thặng quay về đến Ngũ Linh thì chết. Pháp Thặng người Thanh Hà, niên hiệu Thăng Minh³ làm Phiêu kỵ thăng binh cho Thái tổ, đến Tả trung lang tướng. Tính ngay thẳng giản dị, minh cao tám thước ba thốn, đi cao hơn hẳn mọi người, thường phải cúi mình xuống. Thanh Châu Thủ sử Minh Khánh Phù (明慶符) cũng cao ngang với Pháp Thặng, trong triều duy có hai người ấy cao như vậy mà thôi.

1. Một đội là 200 người. 12 đội là 2.400 cái mũ.

2. TT.NK.q4 chép là Phòng Tú Văn (房秀文), việc này xảy ra năm 490.

3. Thăng Minh: Niên hiệu Tống Thuận đế Lưu Chuẩn từ năm 477-479.

IV. LUONG THU

QUYEN 54 - CHU DI

Lâm Ấp

Nước Lâm Ấp vốn là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam đời Hán, là ranh giới của đất Việt Thường xưa vậy. Phục Ba tướng quân Mã Viện mở mang bờ cõi phía nam cho nhà Hán, đặt ra huyện này. Đất ấy dài rộng độ sáu trăm dặm, thành cách biển một trăm hai mươi dặm, cách địa giới Nhật Nam hơn bốn trăm dặm, phía bắc tiếp giáp với quận Cửu Đức. Biên giới phía nam, đường thủy bộ đều hơn hai trăm dặm, có nước Di ở phía tây cũng xưng vương, chính là nơi Mã Viện dựng hai cột đồng để đánh dấu nơi biên giới nhà Hán vậy. Nước ấy có núi vàng, đá đều sắc đỏ, trong có mỏ vàng. Vàng cứ đêm lại bay ra, hình trạng tựa như đom đóm. Lại sản đồi mồi, sò biển, cát bối, hương gỗ trầm. Cát bối, là tên một loại cây, khi ra hoa tựa như lông ngỗng, rút lấy sợi mà dệt thành vải, trắng muốt không khác gì vải lụa. Cũng đêm nhuộm thành năm sắc, dệt làm vải hoa văn vậy. Gỗ trầm, người đời ấy chặt cây, để qua nhiều năm, cho mục nát hết chỉ còn lõi, bỏ vào nước thì nó chìm, nên gọi là trầm hương. Loại kém hơn thì nửa chìm, nửa nổi, gọi là tiên hương.

Cuối đời Hán, đại loạn, Công tào Khu Đạt (區達)¹ giết Huyện lệnh tự lập làm vương. Truyền qua mấy đời, vua về sau không có con nối, lập cháu ngoại là Phạm Hùng. Hùng chết, con là Dật nối.

Năm Hàm Khang thứ ba (337) đời Tấn Thành đế, Dật chết, có tên nô bộc là Văn thoán vị. Văn vốn là gia nô của Phạm Trí - thủ lĩnh người di ở huyện Tây Quyển, Nhật Nam, thường đi chăn trâu ở khe

1. Tức Khu Liên.

suối, bắt được hai con cá chuối, cá hóa thành sắt, Văn bèn đem rèn làm dao. Rèn xong, Văn đứng trước khối đá khấn rằng: “Nếu như (dao) chém vỡ được đá, thì Văn được làm vua nước này.” Rồi vung dao chém đá, dễ như chém rạ, Văn riêng lấy làm lạ trong lòng. Phạm Trĩ thường sai Văn sang Lâm Ấp buôn bán, Văn nhân bày cho Lâm Ấp vương làm cung thất cùng binh xa, khí giới, vương rất tin dùng. Sau, Văn bèn sàm tấu các con của vương, khiến ai nấy đều phải chạy sang nước khác. Kịp tới khi vương chết, không có người nối ngôi, Văn vờ sang lân quốc đón con vương về, rồi bỏ độc vào rượu mà giết đi, bèn ép người trong nước tự lập. (Văn) cử binh đánh những nước nhỏ bên cạnh, đều thôn tính cả, có quân tới bốn, năm vạn người.

Bấy giờ, Giao Châu Thứ sử Khương Trang (姜莊)¹ sai những kẻ thân tín là Hàn Tập, Tạ Trí (謝稚), trước sau coi quận Nhật Nam, đều tham tàn, gây họa các nước. Năm Vĩnh Hòa thứ ba (347) đời Mục đế, triều đình sai Hạ Hầu Lâm làm Thái thú, chuyện xâm đoạt cướp bóc càng thậm tệ. Lâm Ấp vốn không có ruộng đất, nên tham muốn đất Nhật Nam phì nhiêu, thường muốn cướp lấy làm của mình. Đến đây, nhân dân chúng oán hận, bèn cử binh đánh úp Nhật Nam, giết Lâm, lấy xác tế trời. (Văn) lưu lại ở Nhật Nam ba năm, rồi quay về Lâm Ấp. Giao Châu Thứ sử Chu Phiên sau sai Đốc hộ Lưu Hùng đóng trú ở Nhật Nam, Văn lại đánh giết được. Rồi tiến vào cướp quận Cửu Đức, tàn hại lại dân. (Văn) sai sứ nói với Phiên, xin lấy Hoành Sơn ở địa giới phía bắc quận Nhật Nam làm ranh giới, Phiên không cho, lại sai Đốc hộ Đào Hoãn (陶緩), Lý Cù (李衢) đến đánh dẹp. Văn về Lâm Ấp, ít lâu lại ra đóng ở Nhật Nam. Năm thứ năm (349), Văn chết, con là Phật lập, vẫn còn đóng ở Nhật Nam.

Chinh tây tướng quân Hoàn Ôn (桓溫) sai Đốc hộ Đằng Tuấn, Cửu Chân Thái thú Quán Thúy (灌邃) đem binh hai châu Giao, Quảng đến đánh. Phật đóng chặt thành cố thủ. Thúy sai Tuấn dàn đồng quân ở phía trước, còn Thúy dẫn binh khỏe bảy trăm người, từ phía sau vượt lũy mà vào. Quân Phật kinh sợ vỡ chạy. Thúy đuổi đến Lâm Ấp, Phật bèn xin hàng.

1. Tấn thư chép là Khương Tráng (姜壯).

Đầu niên hiệu Thăng Bình đời Ai đế¹, (Phật) lại vào cướp bóc. Thủ sứ Ôn Phóng Chi (溫放之) đánh phá được.

Năm Long An thứ ba (399) đời An đế, cháu của Phật là Tu Đạt (須達)² lại vào cướp Nhật Nam, bắt Thái thú Quý Nguyên (羣源). Lại tiến quân xâm phạm Cửu Đức, bắt Thái thú Tào Bình (曹炳). Giao Chỉ Thái thú Đỗ Viện sai bọn Đốc hộ Đặng Dật (鄧逸) đánh phá được, (triều đình) bèn lấy Viện làm Thủ sứ.

Năm Nghĩa Hy thứ ba (407), Tu Đạt lại vào cướp Nhật Nam, giết trưởng lại. Viện sai Hải la đốc hộ Nguyễn Phi (阮斐) đánh dẹp được, chém và bắt được rất nhiều. Năm thứ chín (413), Tu Đạt lại cướp Cửu Chân, Hành quận sự Đỗ Tuệ Kỳ cùng đánh nhau, chém được con (của Tu Đạt) là Giao Long vương Chân Tri (甄知) và tướng là Phạm Kiện (范健), bắt sống được con của Tu Đạt là Na Năng (那能), cùng hơn trăm tù binh khác. Từ sau khi Viện chết, Lâm Ấp chẳng năm nào không vào cướp phá các quận Nhật Nam, Cửu Đức, giết hại rất nhiều, khiến Giao Châu đến nỗi hư nhược.

Tu Đạt chết, con là Địch Chân (敵真)³ lập. Em (Địch Chân) là Địch Khải (敵鎧) dắt mẹ chạy trốn. Địch Chân hối hận vì đã không thể dung được mẹ và em, bèn bỏ nước đi sang Thiên Trúc, nhường ngôi cho con rể, Quốc tướng là Tàng Liêu (藏臂) cố can nhưng không nghe. Người con rể lên ngôi rồi, bèn giết Tàng Liêu, con của Tàng Liêu lại đánh giết kẻ ấy, mà lập em cùng mẹ khác cha với Địch Khải là Văn Địch (文敵). Văn Địch sau bị con của Phù Nam vương là Dương Căn Thuần giết. Đại thần là Phạm Chu Nông dẹp yên được loạn lạc, bèn tự lập làm vua. Chu Nông chết, con là Dương Mại nối. Năm Vĩnh Sơ thứ hai (421) đời Tống, (Dương Mại) sai sứ sang cống hiến, bèn cho Dương Mại làm Lâm Ấp vương. Dương Mại chết, con là Đốt lập, mộ tiếng cha, lại đổi tên là Dương Mại.

1.Thăng Bình là niên hiệu Tấn Mục đế Tư Mã Đam từ năm 357-361, nhưng từ tháng Năm năm 361, Ai đế lên ngôi tiếp tục dùng cho đến hết năm ấy.

2. Tức Phạm Hồ Đạt.

3. Tức Gangaraja.

Tục nước ấy: Ở nhà sàn, gọi là “*u lan*”, cửa đều mở quay hướng bắc. Lấy lá cây làm giấy viết. Nam nữ đều lấy một tấm vải cát bối quấn quanh người từ eo trở xuống, gọi là “*cán man*” cũng gọi là “*đô man*”, xâu lỗ tai đeo vòng nhỏ, người sang thì đi giày da, người hèn thì đi chân đất. Từ Lâm Ấp, Phù Nam về phía nam, các nước đều như vậy. Vua nước ấy mặc pháp phục, thêm chuỗi ngọc, như phục sức tượng Phật, khi ra ngoài thì cưỡi voi, thổi ốc đánh trống, che dù bằng vải cát bối, lấy vải cát bối làm cờ phướn. Trong nước không đặt hình pháp, kẻ có tội thì cho voi giày chết. Các tộc họ lớn (quý tộc) thì gọi là Bà la môn. Việc giá thú tất làm trong tháng Tám, con gái hỏi chồng trước, vì trọng nữ mà khinh nam vậy. Người cùng họ vẫn lấy lắn nhau, sai Bà la môn dẫn rể đến gặp vợ, cầm tay giao cho, rồi chúc: “Tốt lành, tốt lành!” là thành lễ. Người chết thì thiêu ở ngoài đồng, gọi là hỏa táng. Những quả phụ ở góá, buông xõa tóc cho tới già. Quốc vương thờ đạo Ni Càn, đúc những tượng người bằng vàng, bạc, lớn tới mươi ôm.

Đầu niên hiệu Nguyên Gia, Dương Mại xâm phạm các quận Nhật Nam, Cửu Đức. Giao Châu Thủ sứ Đỗ Hoằng Văn chọn tướng nanh vuốt định đánh dẹp đi, thì nghe có người đến thay, bèn thôi. Năm thứ tám (431), (Dương Mại) lại vào cướp quận Cửu Đức, vào cửa bến Tứ Hội. Giao Châu Thủ sứ Nguyễn Di Chi sai Đội chủ Tương Đạo Sinh dẫn quân đến dẹp, đánh thành Khu Lật không hạ được, bèn kéo quân về. Sau đó, liên tục hàng năm (Dương Mại) đều sai sứ sang cống, nhưng vẫn lấn cướp không thôi. Năm thứ hai mươi ba (446), (Tống) sai Giao Châu Thủ sứ Đàm Hòa Chi, Chấn vũ tướng quân Tông Khác đến đánh. Hòa Chi sai Tư mã Tiêu Cảnh Hiến làm tiên phong. Dương Mại hay tin cả sợ, định đem nộp một vạn cân vàng, mươi vạn cân bạc, trả lại các hộ dân cướp của Nhật Nam, đại thần là Đốc Tăng Đạt (毒僧達)¹ can ngăn đi, bèn sai đại soái Phạm Phù Long (范扶龍)² đóng giữ ở thành Khu Lật ngoài bắc giới. Cảnh Hiến đánh thành, hạ được, chém đầu Phù Long, thu lấy các đồ vàng bạc không thể đếm xuể. Rồi thừa thắng tiến quân liền hạ Lâm Ấp. Cha

1. *Nam Tề thư* chép là Biện Tăng Đạt.

2. *Tống Thư* chép là Phạm Phù Long Đại.

con Dương Mại cùng nhau bỏ trốn. (Quân Tống) thu được những đồ trân dị, đều chưa từng thấy bao giờ. Lại phá tượng người vàng, được mấy chục vạn cân vàng. Sau, Hòa Chi bị bệnh chết, cho là bị thần của người Hồ vật vây.

Niên hiệu Kiến Nguyên¹, Đại Minh đời (Tống) Hiếu Vũ đế, vua Lâm Ấp là Phạm Thần Thành nhiều lần sai Trưởng sử phụng biểu cống hiến.

Năm Thái Dự nguyên niên (472) đời Minh đế, (Lâm Ấp) lại sai sứ dâng phương vật.

Niên hiệu Vĩnh Minh nhà (Nam) Tề, Phạm Văn Tán (范文贊) nhiều lần sai sứ sang cống.

Năm Thiên Giám thứ chín (510), Con Văn Tán là Thiên Khải (天凱)² phụng mệnh sang dâng khỉ trắng, (triều đình) hạ chiếu rằng: “*Lâm Ấp vương Phạm Thiên Khải cách xa ngoài biển, mà một dạ thành tâm, xa xôi đến cống, thực đáng ngợi khen. Nên ban cho tước hiệu, để được ơn trạch vẻ vang. Khá cho làm Trì tiết, Đốc duyên hải chư quân sự, Uy nam tướng quân, Lâm Ấp vương.*”

Năm thứ mười (511), năm thứ mười ba (514), Thiên Khải liên tục sai sứ dâng phương vật. Không lâu sau, thì (Thiên Khải) bệnh chết, con là Bật Nhuế Bạt Ma (弼毳跋摩)³ lên ngôi, phụng biểu dâng cống.

Năm Phổ Thông thứ bảy (526), quốc vương là Cao Thức Thắng Khải (高式勝鎧)⁴ sai sứ sang cống phương vật. Xuống chiếu cho làm Trì tiết, Đốc duyên hải chư quân sự, Tuy nam tướng quân, Lâm Ấp vương. Năm Đại Thông nguyên niên (527), lại sai sứ sang cống.

Năm Trung Đại Thông thứ hai (530), tạm quyền Lâm Ấp vương là Cao Thức Luật Đà La Bạt Ma (高式律陁羅跋摩)⁵ sai sứ sang dâng cống. Xuống chiếu lấy làm Trì tiết, Đốc duyên hải chư quân sự, Tuy

1. Đúng ra phải là Hiếu Kiến - là niên hiệu đầu tiên và trước Đại Minh của Tống Hiếu vũ đế.

2. Tức Devavarman.

3. Tức Vijayavarman.

4. Tức Rudravarman I.

5. Tức chính là Cao Thức Thắng Khải.

nam tướng quân, Lâm Ấp vương. Năm thứ sáu (534), lại sai sứ sang cống phượng vật.

Phù Nam

Nước Phù Nam, ở trong vịnh lớn phía tây biển nam quận Nhật Nam, cách Nhật Nam độ bảy ngàn dặm, cách tây nam Lâm Ấp hơn ba ngàn dặm. Đô thành cách biển năm trăm dặm. Có sông lớn rộng mươi dặm, từ phía tây bắc, chảy sang phía đông đổ ra biển. Nước ấy dài rộng hơn ba ngàn dặm, đất thấp trũng mà phẳng rộng, khí hậu phong tục đại khái giống Lâm Ấp. Sản vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, ngà voi, công trả, vẹt ngũ sắc.

Cách hơn ba ngàn dặm từ biên giới phía nam nước ấy có nước Đốn Tốn¹, ở trên bờ biển, đất vuông ngàn dặm, đô thành cách biển mươi dặm, có năm vương coi, đều phụ thuộc Phù Nam. Ranh giới phía đông của Đốn Tốn đi thông được tới Giao Châu, ranh giới phía tây tới được Thiên Trúc, An Tức, các nước vẫn qua lại buôn bán. Duyên do là, Đốn Tốn vươn ra ngoài biển hơn ngàn dặm, nước biển dâng không biết đâu là bờ, nên thuyền tàu chưa từng vượt ngang qua được. Chợ ở đó, đông tây giao hội, mỗi ngày có hơn vạn người. Vật báu hàng quý, chẳng gì không có. Lại có thứ cây rượu, tựa như an thạch lựu, lấy nước từ hoa cây ấy đựng vào vò, để qua mấy ngày liền thành rượu.

Ngoài Đốn Tốn, ở đảo lớn ngoài biển, lại có nước Tì Khiên, cách Phù Nam tám ngàn dặm. Truyền rằng vua nước ấy mình cao một trượng hai, cổ dài ba thước, từ xưa bắt tử, không biết đã bao nhiêu tuổi. Vua rất thần thánh, việc dữ lành và tương lai của người trong nước vua đều biết cả, vì vậy không ai dám lừa dối, ở phương nam gọi là: Vua cổ dài (Trường cảnh vương). Tục nước ấy, có nhà cửa, y phục, ăn gạo nếp. Ngôn ngữ người nước ấy, hơi khác chút ít với Phù Nam. Có núi sản nhiều vàng, vàng lộ ra ngay trên đá, không bao giờ hết. Phép trong nước hành hình tội nhân, và ăn thịt trước mặt vua. Trong nước không cho người ngoài đến mua bán, có ai qua đó, cũng

1. Tức vùng Tanintharyi, một vùng ở phía nam của Myanma ngày nay, trên bán đảo Mã Lai.

giết mà ăn thịt. Vì vậy, thương nhân không ai dám đến. Vua thường ở trên lầu, không ăn thịt, không thờ quỷ thần. Con cháu thì sinh tử như người thường, chỉ có vua là bất tử. Phù Nam vương, mấy lần sai sứ giả đem thư qua lại, (Tì Khiên) từng tặng cho Phù Nam vương đồ thực khí đủ dùng cho năm mươi người ăn đều bằng vàng ròng, hình trạng có thú như chiếc mâm tròn, có thú lại như cái âu sành, gọi là Đa la, chưa được năm thăng, lại có thú như bát, đựng được một thăng. Vương cũng có thể viết được chữ Thiên trúc, viết sách tới ba ngàn lời, nói duyên do số mệnh của mình, tương tự như kinh Phật, cùng bàn luận các việc thiện.

Lại truyền ranh giới phía đông của Phù Nam tức là biển Trường Hải, trên biển có đảo lớn, trên đảo có Chư Bạc quốc, phía đông nước ấy, có đảo Mã Ngũ. Lại tiếp tục đi sang phía đông biển hơn ngàn dặm, đến một đảo lớn tự nhiên. Trên đó có thú cây mọc trong lửa, những người ở phụ cận bóc lấy vỏ cây ấy, dệt thành vải, dài được mấy thước để dùng làm khăn, không khác gì với sợi đay gai, nhưng sắc hơi xanh đen. Nếu khăn hơi bị bẩn, thì đem ném vào lửa, sẽ lại sạch như cũ. Có người lấy nó làm bắc đèn, thì dùng không bao giờ hết.

Tục nước Phù Nam vốn ở trần, vẽ mình xõa tóc, không chế áo váy. Lấy nữ nhân làm vua, gọi là Liễu Diệp. Tuổi trẻ mạnh mẽ, tựa như nam nhi. Phía nam nước ấy có Kiều quốc, có kẻ thờ quỷ thần tên là Hỗn Điền, mộng thấy được thần ban cho cây cung, đi thuyền lái buôn ra biển. Hỗn Điền sáng dậy liền tới miếu thờ, được một cây cung dưới gốc cây thần, bèn y theo như trong mộng lên thuyền ra biển, vào ấp ngoài của Phù Nam. Người của Liễu Diệp thấy có thuyền tới, định lấy, Hỗn Điền liền dương cung bắn vào thuyền của họ, tên xuyên qua bên mạn bắn trúng người hâu. Liễu Diệp cả sợ, đem người đến hàng Hỗn Điền. Hỗn Điền bèn dạy Liễu Diệp lấy vải trùm từ đầu đến chân, không còn để lộ thân thể nữa, bèn coi trị nước ấy, lấy Liễu Diệp làm vợ, sinh các con chia ra làm vương bảy ấp. Về sau, vua là Hỗn Bàn Huống (混盤況) dùng kế dối trá li gián các ấp, khiến họ ngờ vực nhau, rồi nhân đó cử binh đánh chiếm thôn tính. Bèn cho con cháu mình chia trị các ấp, gọi là tiểu vương.

Bàn Huống hơn chín mươi tuổi thì chết, lập con thứ là Bàn Bàn (盤盤), đem việc nước ủy thác cho đại tướng là Phạm Man (范蔓)¹. Bàn Bàn lên ngôi ba năm thì chết, người trong nước cùng cử Man làm vua. Man là người dũng mãnh có trí lược, lại đem quân đánh các nước lân cận, đều quy phục cả, tự xưng là Phù Nam đại vương. Bèn cho đóng thuyền lớn, đi khắp Trưởng Hải, đánh hơn mươi nước: Khuất Đô Côn, Cửu Trĩ, Điển Tôn... mở đất năm sáu ngàn dặm. Sắp đi đánh nước Kim Lân, thì Man bị bệnh, sai Thái tử Kim Sinh đi thay. Con của chị gái Man là Chiên, khi ấy làm chủ tướng hai ngàn người, nhân đó soán ngôi Man mà tự lập, sai người đến lừa Kim Sinh rồi giết đi. Khi Man chết, có đứa con nhỏ còn đang bú mẹ tên là Trường, ở ngoài dân gian. Đến năm (Trường) hai mươi tuổi, bèn giao kết với các tráng sĩ trong nước phục giết Chiên. Đại tướng của Chiên là Phạm Tâm lại giết Trường mà tự lập. (Tâm) bèn sửa trị trong nước, dựng quán các để chơi bời, từ sáng tới trưa ba, bốn bận tiếp khách. Dân chúng lấy mía tím, rùa, chim làm lễ vật. Phép nước không có tù ngục. Kẻ nào có tội, trước tiên cho trai giới ba ngày, rồi nung đỏ lưỡi búa, bắt cầm đi bảy bước. Lại lấy vòng vàng, trứng gà bỏ vào nồi nước sôi, bắt mò lấy ra, nếu kẻ nào nói dối thì tay sẽ bong cháy, còn ai có lý thì không sao. Lại ở hào thành cho nuôi cá sấu, ngoài cửa nhốt mãnh thú, kẻ nào có tội thì đem cho mãnh thú hay cá sấu ăn, nếu cá sấu, mãnh thú không ăn thì là vô tội, ba ngày sẽ thả ra. Cá sấu, con lớn dài tới hơn hai trượng, hình trạng như con kỳ đà, có bốn chân, mõm dài sáu, bảy thước, hai bên có răng, sắc như dao kiếm, thường ăn cá, gấp được hươu nai hay người cũng ăn, từ vùng Thương Ngô xuống phía nam và nước ngoài đều có.

Thời Ngô, sai Trung lang Khang Thái (康泰), Tuyên hóa tòng sự Chu Ứng (朱應) đi sứ đến nước của Tâm, người nước ấy còn ở trần, chỉ có đàn bà dùng vải trùm từ đầu xuống chân. Thái và Ứng bảo rằng: “Trong nước rất đẹp, nhưng con người thì trần trụi thật lạ lùng.” Tâm mới lệnh cho đàn ông trong nước lấy vải quấn ngang người. Bức quấn ngang người ấy, nay là “cán man” vậy. Mọi người đều cắt gãm mà may, người nghèo thì dùng vải.

1. *Nam Tề* thư chép là Phạm Sư Man.

Niên hiệu Thái Khang đời Tấn Vũ đế, Tầm mới sai sứ đến cống hiến.

Năm Thăng Bình nguyên niên (357) đời Mục đế, vua là Trúc Chiên Đàn phụng biểu dâng voi nhà. Chiếu rằng: “Con vật này khó nhọc tốn phí không ít, hãy để lại chở đưa sang.” Sau đó, vua là Kiều Trần Như, vốn là dòng dõi Bà la môn ở Thiên Trúc. Có lời thần ngũ nói rằng: “Nên làm vua Phù Nam”, Kiều Trần Như trong lòng vui mừng, xuống phía nam, đến (nước) Bàn Bàn¹. Người Phù Nam nghe được, cả nước đều mừng, đón lập làm vua. Lại thay đổi chế độ, theo cách của Thiên Trúc. Kiều Trần Như chết, vua sau là Trì Lê Đà Bạt Ma (持梨陁跋摩), thời Tống Văn đế, nối đời phụng biểu cống phuơng vật. Niên hiệu Vĩnh Minh, đời Tề, vua là Xà Da Bạt Ma sai sứ sang cống.

Năm Thiên Giám thứ hai (503), Bạt Ma lại sai sứ cống tượng Phật bằng san hô, và dâng phuơng vật. Xuống chiếu rằng: “*Phù Nam vương Kiều Trần Như Xà Da Bạt Ma, cách ngoài biển xa, nối giữ cõi nam, thành tâm xa tới, qua mấy lần thông dịch mà dâng hiến cống vật. Nên được gia ơn thu nạp, ban cho danh hiệu vẻ vang. Khá phong làm An nam tướng quân, Phù Nam vương.*”

Đến nay, người nước ấy đều đen xấu, tóc quăn. Nơi ở không đào giếng, mẩy chục nhà cùng chung một cái ao lấy nước. Tục thờ thiêng thần, thiên thần được lấy đồng làm tượng, có pho hai mặt bốn tay, có pho bốn mặt tám tay, mỗi tay cầm một thú, hoặc trẻ nhỏ, hoặc chim thú, hoặc nhật Nguyệt. Vua nước ấy ra vào thì cuồng voi, cung tần cũng như thế. Vua ngồi thì chân co chân duỗi, chân trái buông chạm tới đất. Lấy vải bông trải ở trước mặt, đặt chậu vàng, lò hương ở trên. Tục nước ấy, cư tang thì cắt râu tóc. Người chết có bốn cách táng: Thủy táng thì bỏ xuống dưới sông, hỏa táng thì đốt thành than tro, thổ táng thì đào huyệt chôn, điểu táng thì bỏ ở giữa đồng (cho chim ăn). Tính người tham lam keo kiệt, không có lễ nghĩa, trai gái mặc ý bỏ nhà theo nhau.

1. Bàn Bàn: tên nước thuộc các nước Nam Hải, trong quyển này có chép ngay sau Phù Nam.

Năm (Thiên Giám) thứ mười (511), năm thứ mười ba (514), Bạt Ma nhiều lần sai sứ sang cống. Năm ấy (Bạt Ma) chết, con của vợ thứ là Lưu Đà Bạt Ma (留陁跋摩), giết đích đệ¹ tự lập. Năm thứ mười sáu (517) sai sứ là Trúc Đương Bão Lão (竺當抱老) phụng biếu sang cống. Năm thứ mười tám (519), lại sai sứ sang dâng tượng Phật bằng gỗ chiên đàn của Thiên Trúc, lá cây Bà la, và hiến ngọc châu Hỏa tề, cùng các thứ hương uất kim, tô hợp.

Năm Phổ Thông nguyên niên (520), Trung Đại Thông thứ hai (530), Đại Đồng nguyên niên (535), nhiều lần sai sứ sang cống phuơng vật.

Năm (Đại Đồng) thứ năm (539), sai sứ sang cống tê giác sống. Lại nói, nước ấy có tóc của Phật, dài một trượng hai thước, (triệu định) chiếu cho sa môn Thích Vân Bảo (釋雲寶) theo sứ đến đón về.

Trước đây, tháng Tám, năm (Đại Đồng) thứ ba (537), Cao tổ dựng lại tháp chùa A Dục Vương, dỡ tháp cũ, hạ xá lị cùng móng tay và tóc Phật. Tóc có màu xanh biếc, chúng tăng dùng tay duỗi ra, thì tùy tay mà ngắn dài, bỏ ra thì cuộn lại thành hình xoắn ốc. Xét, *Tăng già kinh* chép: “Tóc Phật xanh mà nhỏ, tựa như tơ trong ngó sen”. *Phật tam muội kinh* chép: “Ta trước ở trong cung gội đầu, lấy thước đo tóc, dài một trượng hai thước, thả ra thì xoắn sang bên hữu, thành hình vỏ ốc” thì chính giống như Cao tổ có được vậy.²

1. Đích đệ: người nhỏ tuổi hơn, nhưng con vợ chính của cha thì gọi là đích đệ.

2. *Nam sử - Quyển 78 - Dị mạch thương - Lâm Ấp truyện, Phù Nam truyện*, cũng chép theo hệt như *Lương thư*, tuy có thêm bớt một vài câu chữ không đáng kể hoặc đã chép ở cuốn khác có dịch trong tập này. Vì vậy người dịch không dịch từ *Nam sử* nữa.

V. TÙY THU

QUYẾN 82 - NAM MAN

Lâm Ấp

Lâm Ấp trước đây, nhân cuối đời Hán, có người con gái ở Giao Chỉ là Trưng Trắc nổi loạn, con của Công tào trong huyện nơi ấy là Khu Liên bèn giết Huyện lệnh, tự xưng là vương. (Về sau) không có con trai, con rể là Phạm Hùng thay nối ngôi, (Hùng) chết, con là Dật lên ngôi. Người Nhật Nam là Phạm Văn (范文) nhân loạn lạc, đến làm nô bộc cho Dật, bèn bầy cho cách dựng cung thất, làm khí giới. Dật rất tín nhiệm, sai Văn cầm quân, (Văn) rất được lòng người. Văn nhân li gián con em (của Dật), khiến kẻ phải trốn chạy, kẻ bị đi đày. Kịp tới khi Dật chết, nước không có người nối ngôi, Văn bèn tự lập làm vương. Vua đời sau là Phạm Phật (范佛) bị Dương uy tướng quân Đới Hoàn (戴桓) nhà Tấn đánh phá. Giao Châu Thứ sử Đàm Hòa Chi nhà (Lưu) Tống đem quân đến đánh (Lâm Ấp), tiến sâu vào nước ấy. Đến đời Lương, Trần, cũng có thông sứ qua lại.

Nước ấy dài rộng mấy ngàn dặm, đất nhiều hương mộc, vàng, ngọc, sản vật đai để giống như Giao Châu. Dùng gạch xây thành, lấy vôi nung từ vỏ sò mà quét, mở cửa hướng đông. Có hai chúc quan cao, thứ nhất gọi là *Tây na bà đế*, thứ hai gọi là *Tát bà địa ca*. Thuộc quan của hai chúc ấy có ba hạng: thứ nhất là *Luân đa tính*, thứ hai là *Ca luân trí đế*, thứ nữa là *Ất tha già lan*. Các chức ngoại quan chia ra làm hơn hai trăm bộ. Trưởng quan mỗi bộ gọi là *Phất la*, thứ thì gọi là *Khả luân*, như sai quan của chức mục tể vậy. Vua đội mũ hoa vàng, hình trạng như mũ Chương phủ¹, mặc vải triều hà², phủ các chuỗi

1. Mũ Chương phủ: tên một loại mũ phía trên lớn, dưới nhỏ, dùng đội trong các kỳ tế, lễ.
2. Vải màu đỏ pha vàng (màu cam).

ngọc, chân đi dép da, thường luôn khoác cẩm bào. Có khoảng hai trăm lính thị vệ là con các nhà lương gia, đều cầm đao nạm vàng. Có cung, tên, đao, giáo, lấy tre làm nỏ, tẩm độc vào mũi tên. Nhạc khí có đàn, sáo, tì bà, ngũ huyền, tương tự như Trung Quốc. Mỗi khi đánh trống là để cảnh báo dân chúng, còn thổi ốc là để giao tranh.

Người nước ấy mắt sâu, mũi cao, tóc xoăn, da đen. Tục dân đều đi chân không, dùng một mảnh vải quấn mình. Tháng mùa đông thì khoác bào. Đàn bà thì búi tóc cao. Trải chiếu lá dừa. Mỗi khi có cưới xin, thì cho người làm mối mang vòng vàng vòng bạc, cùng hai bình rượu, mấy con cá đến nhà gái. Sau đó chọn ngày, rồi nhà trai họp họ hàng khách khứa, hát múa tiếp đai. Nhà gái mời một người Bà la môn, đưa con gái đến nhà trai. Chàng rẽ rửa tay, rồi (người Bà la môn) đưa cô dâu lại giao cho. Vua chết bảy ngày thì chôn cất, người làm quan thì ba ngày, còn thú dân thì một ngày. Đều bỏ xác vào hòm, gõ trống ca múa đưa đi, chờ đến bến nước, thì chất cùi mà đốt. Thu lấy những cốt còn lại, vua thì bỏ vào hũ bằng vàng thả chìm xuống biển, người làm quan thì cho vào hũ bằng đồng, bỏ ở cửa biển, còn thứ nhân thì bỏ vào hũ sành, thả xuống sông. Con trai, con gái đều cắt tóc, đưa tang đến bên sông, hết mực đau buồn mới thôi, lúc về không khóc. Mỗi cách bảy ngày, lại đốt hương rắc hoa, mà khóc, hết mực đau buồn mới thôi. Hết bảy bảy bốn mươi chín ngày thì dừng. Đến một trăm ngày, rồi ba năm, cũng làm như vậy. Người nước ấy đều thờ Phật, văn tự giống như Thiên Trúc.

Cao tổ bình định nhà Trần rồi, (Lâm Ấp) bèn sai sứ sang cống phuơng vật, sau đó, việc triều cống bèn tuyệt. Bấy giờ thiên hạ vô sự, quần thần có người nói Lâm Ấp có nhiều thú kỳ bảo. Cuối niên hiệu Nhân Thọ, Hoàng thượng sai Đại tướng quân Lưu Phương làm Hoan Châu đạo hành quân tổng quản, dẫn Khâm Châu Thứ sử Ninh Trường Chân, Hoan Châu Thứ sử Lý Vượng, Khai phủ Tần Hùng đem quân bộ kỵ hơn vạn người cùng vài ngàn người phạm tội đến đánh¹.

1. TT.NK.q5 chép việc năm Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy Văn đế là Lưu Phương được phong Giao Châu đạo hành quân tổng quản, sang đánh Lý Phật Tử, còn việc Lưu Phương được phong Hoan Châu đạo hành quân tổng quản, sang nước ta và đánh sang Lâm Ấp là ở tháng Giêng năm Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy Dạng đế. *Tùy thư - quyển 53 - Lưu Phương truyện* cũng chép tương tự.

Vua nước ấy là Phạn Chí dẫn quân cưỡi trên voi lớn ra đánh, quân của Phương bất lợi. Vì vậy Phương bèn đào nhiều hầm nhỏ, lấy cỏ che lên trên, rồi cho quân khiêu chiến. Phạn Chí đem hết quân ra trận, Phương cùng giao đấu, rồi giả thua. Phạn Chí đuổi theo, đến chỗ có hầm, quân phản đà bị rơi xuống, tự hoảng sợ với nhau, quân bèn rối loạn. Phương thả quân ra đánh, đại phá được. Đánh nhau nhiều phen, (Phạn Chí) bèn bại, phải bỏ thành chạy trốn. Phương vào đô thành, thu lấy mười tám cái thân chủ trong miếu, tất cả đều đúc bằng vàng, như vậy là (Phạn Chí) đã được nước mười tám đời rồi vậy. Phương rút quân về, Phạn Chí lại quay lại đất cũ, sai sứ sang tạ tội, vì vậy lại triều cống không bỏ.

Chân Lạp

Nước Chân Lạp (真臘), ở phía tây nam Lâm Ấp, vốn là thuộc quốc của Phù Nam vậy. Từ quận Nhật Nam đi thuyền sáu mươi ngày thì tới. Phía nam (Chân Lạp) giáp nước Xa Cù, phía tây có nước Chu Giang. Vua nước ấy họ Sái Lợi (刹利), tên là Chất Đa Tư Na (質多斯那), từ đời ông nội dần trở nên cường thịnh, đến Chất Đa Tư Na, bèn kiêm tính luôn Phù Nam làm của mình. (Chất Đa Tư Na) chết, con là Y Xa Na Tiên (伊奢那先) thay nối ngôi. Ở trong thành Y Xa Na, thành ngoại¹ có hơn hai vạn nhà. Trong thành có đại đường, là nơi nhà vua nghe chính sự. Tổng có ba mươi thành lớn, mỗi thành có mấy ngàn nhà, đều có bộ soái, tên quan chức giống như Lâm Ấp. Vua nước ấy ba ngày ngự triều một lần, ngồi trên giường ngũ hương thất bảo, trên quây bảo trướng. Trướng ấy dùng gỗ vân làm sào, ngà voi, hoa vàng làm vách, hình trạng như ngôi nhà nhỏ, treo đèn kim quang, cũng giống như nước Xích Thố². Phía trước có lò hương bằng vàng, và hai người hầu cận bên cạnh. Vua mặc áo triều hà vải bông, tua phủ kín đến bụng, buông chùng tới chân, đầu đội mũ hoa nạm vàng ngọc, trùm chuỗi ngọc trân châu, chân đi dép da, tai đeo vòng vàng. Thường phục thì vải trắng, lấy ngà voi làm guốc. Nếu để đầu

1.Thành ngoại (quách): lớp thành ngoài cùng của một thành trì.

2. Tên một nước nhỏ bấy giờ, có thuyết cho nước ấy hiện nay thuộc Thái Lan, có thuyết cho nước ấy nằm ở eo đất Kra trên bán đảo Mã Lai.

trần thì không cần chuỗi ngọc. Y phục của bể tội đại để giống nhau. Có năm đại thần, một gọi là *Cô lạc chi*, hai gọi là *Cao tương bằng*, ba gọi là *Bà hè đa lăng*, bốn gọi là *Xá ma lăng*, năm gọi là *Nhiêm đa lũ*, cùng các bể tội nhỏ. Người vào chầu vua, thì dập đầu ba lần dưới bệ. Vua gọi lên thêm thì quỳ, lấy hai tay ôm vai, ngồi vòng quanh vua. Bàn chính sự xong, thì quỳ phục mà ra. Ở sân thêm cổng gác, có hơn ngàn thị vệ, đều mặc giáp cầm binh khí. Nước ấy với hai nước Tham Bán, Chu Giang cùng hòa thân với nhau, mà nhiều lần chiến tranh với hai nước Lâm Ấp, Đà Hoàn. Người nước ấy đi đứng đều mang vũ khí, nếu có chinh phạt, là liền dùng luôn. Tục ở đó, không phải con vợ chính của vua thì không được nối ngôi. Ngày vua vừa lên ngôi, thì tất cả anh em liền đều bị nhục hình tàn phế, hoặc chặt một ngón tay, hoặc cắt mất mũi, rồi đưa đi nơi khác mà chu cấp cho, chứ không được làm quan.

Vóc người ở đó nhỏ bé mà da đen. Nhưng đàn bà cũng có người trắng. Tất cả đều tóc xoăn tai chùng, tính khí nhanh mạnh. Nhà ở đồ dùng, rất giống nước Xích Thổ. Lấy tay phải làm những việc sạch sẽ, tay trái làm những việc dơ bẩn. Mỗi buổi sáng tắm rửa, thì lấy cành dương để làm sạch răng, mà đọc tụng kinh chú. Lại tắm rửa rồi ăn, ăn xong lại dùng cành dương để làm sạch răng, lại đọc kinh chú. Ăn uống thì nhiều bơ, đường cát, cơm nếp, bánh gạo. Khi ăn uống, trước tiên lấy bánh trộn với canh thịt bầm, rồi dùng tay bốc mà ăn. Kẻ lấy vợ, chỉ tặng một cái áo, chọn ngày bảo người mối đến đón dâu về. Hai nhà nam nữ, bên nào cũng tám ngày không ra ngoài, đốt đèn suốt ngày đêm không tắt. Con trai cưới vợ xong thì chia của cải của cha mẹ, rồi ra ở riêng. Cha mẹ chết, những con nhỏ chưa kết hôn được cho hết số tài sản còn lại. Nếu con cái đã thành hôn hết rồi, thì tài sản ấy sung công. Có việc tang táng, thì con trai con gái đều bảy ngày không ăn, cắt tóc mà khóc. Tăng ni, đạo sĩ, thân cố cùng tụ tập đến, cử âm nhạc đưa tiễn. Lấy năm thứ gỗ thơm đốt xác, thu tro cốt đựng vào bình bằng vàng hay bạc rồi thả xuống nước sâu. Người nghèo cũng có khi dùng bình gốm, lấy màu sắc vẽ lên. Cũng có người không thiêu xác, mà đem bỏ vào trong núi, để mặc cho dã thú ăn.

Phía bắc nước ấy nhiều đồi núi, phía nam có đầm nước, khí hậu nóng nực, không có sương tuyết, nhiều chuồng khí trùng độc. Đất hợp với lúa gạo, hạt kê, rau quả, tương tự như Nhật Nam, Cửu Chân. Khác thì có cây *Bà na sa*¹, không có hoa, lá tựa lá hồng, quả tựa quả bí; cây *Am la*², hoa lá như táo, quả tựa như mận; cây *Ti dã*³, hoa tựa đu đủ, lá như lá hạnh, quả tựa trái dướng; cây *Bà điền la*, hoa, lá, quả đều tựa như táo mà khác chút ít; cây *Ca tất đà*⁴, hoa tựa hoa lâm cầm, lá tựa lá du nhưng dây và lớn hơn, quả tựa mận, mà to bằng cái thăng. Còn lại phần đa giống như Cửu Chân. Ngoài biển có thú cá gọi là *Kiến đồng*, có bốn chân, không có vẩy, mũi như voi, hút nước phun lên, cao tới năm, sáu mươi thước. Lại có cá *Phù hồ*, hình trạng tựa lươn, mỏ như mỏ vẹt, có tám chân. Có nhiều cá lớn, nửa mình nhô lên mặt nước, trông như trái núi.

Mỗi khi đến tháng Năm, tháng Sáu, độc khí lan tràn, người ta bèn đem lợn trắng, trâu trắng, dê trắng ra ngoài cổng thành phía tây cúng tế. Nếu không, thì ngũ cốc sẽ thất bát, lục súc hay chết, dân chúng bệnh tật. Gần kinh đô có núi Lăng Già Bát Bà⁵, trên núi có đèn thờ thần, thường phải cho năm ngàn quân lính bảo vệ. Phía đông thành có (thờ) thần tên là Bà Đa Lợi, dùng thịt người để cúng tế. Vua nước ấy hàng năm lại giết một người, cầu cúng vào ban đêm, cũng có một ngàn quân thủ vệ. Có thể nói việc tôn kính quý thần đến như thế. Phần đa dân phụng tôn Phật pháp, rất tin tu sĩ, Phật và tu sĩ đều lập tượng ở quán.

Năm Đại Nghiệp thứ mười hai (616), sai sứ sang dâng cống, Hoàng đế lấy lễ mà đổi đai rất hậu, sau đó cũng dứt tuyệt cống hiến.⁶

1. Tức cây mít.

2. Cây Am La còn gọi Lý gai.

3. Có lẽ là cây chôm chôm.

4. Có lẽ là cây vú sữa.

5. Tức núi Lingaparvata.

6. *Bắc sử - Quyển 95 - Man, Lao, Lâm Ấp, Xích Thố, Chân Lạp, Bà Li truyện*, cũng chép chuyện Lâm Ấp, Chân Lạp theo hệt như *Tùy thư*. Nên người dịch không dịch từ *Bắc sử* nữa.

VI. CỤU ĐƯỜNG THƯ

QUYẾN 197 - NAM MAN, TÂY NAM MAN

Lâm Ấp

Nước Lâm Ấp, là đất Tượng Lâm của quận Nhật Nam đồi Hán, cách Giao Châu hơn ngàn dặm về phía nam. Nước ấy dài rộng mấy ngàn dặm, phía bắc tiếp giáp với Hoan Châu. Khí hậu mùa đông vẫn ấm, không có băng tuyết, thường nhiều mù mưa. Đô thành của vua nước ấy ở, dựng gỗ làm hàng rào. Vua mặc áo bạch chiên¹ sợi bông, để lộ một bên vai, buộc ngang eo, trên thêm trân châu, khóa vàng, làm thành chuỗi hạt, cuốn tóc và đội mũ hoa. Phu nhân dùng vải triều hà băng sợi bông may thành váy ngắn, đầu đội mũ hoa vàng, trên mình trang sức bằng các chuỗi hạt trân châu, khuy vàng. Thị vệ của vua, có năm ngàn lính, giỏi dùng nỏ và giáo, lấy mây làm áo giáp, lấy tre làm cung, cưỡi voi mà chiến đấu. Vua ra ngoài thì sắp một ngàn con voi, bốn trăm con ngựa, chia làm tiền hậu.

Người nước ấy tóc quăn, da đen, tục đều đi chân đất, dùng xà hương để bôi lên người, trong một ngày mà bôi đi rửa lại vài bận. Bá yết vua đều chắp tay dập đầu. Phép giá thú được lấy người cùng họ. Tục có văn tự, rất tin Phật pháp, dân phần nhiều xuất gia. Cha mẹ chết, thì con cắt tóc mà khóc, lấy áo quan đựng xác, rồi chất cùi đốt, thu lấy tro cốt đựng vào bình vàng, thả xuống nước sâu. Tục lấy tháng Mười hai làm đầu năm, lúa một năm hai mùa. Từ đó về phương nam, cỏ cây mùa đông vẫn xanh tốt, bốn mùa đều có rau tươi, lấy nước thốt nốt² làm rượu. Có thứ chim Kết liêu³, biết được tiếng người.

1. Bạch chiên: áo băng vải mịn.

2. Nguyên văn viết 檳榔(tân lang), nhưng có lẽ chính là thốt nốt.

3. Tức chim yến.

Năm Vũ Đức thứ sáu (623), vua nước ấy là Phạm Phạn Chí (范梵志)¹, sai sứ sang châu.

Năm thứ tám (625), lại sai sứ sang cống phuơng vật. Cao tổ cho bày “Cửu bộ nhạc” thiết yến mà đai, lại ban cho vua nước ấy gấm lụa. Đâu niên hiệu Trinh Quán², (Lâm Ấp) sai sứ sang cống voi nhà.

Năm thứ tư (630), vua nước ấy là Phạm Đầu Lê (范頭黎)³ sai sứ sang cống ngọc hỏa châu, lớn bằng quả trứng gà, tráng tròn tinh khiết, tỏa ánh sáng rọi xa mấy thước, hình trạng tựa như thủy tinh, chính ngọ giờ về phía mặt trời, lấy ngài đưa vào, lập tức bùng cháy.

Năm thứ năm (631), lại sang dâng vẹt ngũ sắc. Thái tông lấy làm lạ, chiếu cho Thái tử hữu thứ tử⁴ Lý Bách Dược (李百藥) làm phú. Lại dâng con vẹt trắng, thông minh biết nhiều, rất giỏi ứng đáp. Thái tông lấy làm thương, đều trả lại cho sứ giả, sai thả về rừng. Từ đó việc triều cống không dứt. Đầu Lê chết, con là Phạm Trấn Long (范鎮龍)⁵ lên thay. Thái tông băng, chiếu cho khắc đá thành tượng Đầu Lê đặt ở trước cửa huyền khuyết ở lăng mộ.

Năm thứ mười chín (645) Trấn Long bị bồ tát là Ma Ha Mạn Đa Già Độc (摩訶漫多伽獨) giết, cả tôn tộc bị tru di, họ Phạm bèn tuyệt. Người trong nước bèn lập con rể của Đầu Lê là Bà La Môn (婆羅門)⁶ làm vua. Sau, các đại thần và người trong nước cảm nhớ chủ cũ, lại phế Bà La Môn mà lập con gái đích của Đầu Lê lên làm vua⁷.

Tù Lâm Ấp xuống phía nam, (người dân) đều tóc quăn da đen, thường gọi là “Côn lôn”.

Chân Lạp

Nước Chân Lạp, ở phía tây bắc Lâm Ấp, vốn là thuộc quốc của

1. Tức Cambhuvarman.

2. Niên hiệu Đường Thái tông Lý Thế Dân từ năm 627-649.

3. Tức Kanharpadharma.

4. Thái tử hữu thứ tử là gia thần, môn khách của Thái tử.

5. Tức Bhasadharma.

6. Tức Bhadresvaravarman (Bà La Môn chỗ này là tên riêng, không phải là Bà la môn nói chung.)

7. Tức Isanavarman.

Phù Nam, cùng nòi “Côn lôn”, cách kinh đô (Trung Quốc) về phía nam hai vạn bảy trăm dặm, phía bắc đến Ái Châu, đi mất sáu mươi ngày. Vua nước ấy là họ Sái Lợi. Trong nước có hơn ba mươi thành lớn, vương đô là thành Y Xa Na, phong tục y phục cũng giống như Lâm Ấp. Đất ấy nhiều hơi độc chướng khí. Trên biển, cá lớn có khi nhô nửa thân mình lên mặt nước, to như trái núi. Mỗi khi tới tháng Năm, tháng Sáu, khí độc lan tràn, thì lại lấy trâu, lợn cúng lễ, nếu không thì ngũ cốc thất bát. Tục nước ấy, mở cửa nhà hướng đông, coi hướng đông là hơn nhất. Có voi chiến năm ngàn con, con nào tốt thì lấy cơm thịt mà nuôi. Khi giao tranh với lân quốc, thì đội voi đi trước, trên lưng voi lấy gỗ làm lâu, trong có bốn người, đều cầm cung tên. Nước ấy chuộng đạo Phật và thiên thần. Thiên thần là hơn nhất, thứ hai thì đến đạo Phật.

Năm Vũ Đức thứ sáu (623), (Chân Lạp) sai sứ sang cống phuơng vật. Năm Trinh Quán thứ hai (628), lại cùng nước Lâm Ấp đều đến triều cống. Thái tông lấy làm khen vì lặn lội hải lục khó nhọc, ban tặng cho rất hậu. Người phuơng nam gọi nước Chân Lạp là nước Cát Miệt. Từ niên hiệu Thần Long¹ về sau, Chân Lạp chia ra hai nửa: lấy nửa phía nam là nơi gần biển, nhiều đầm phá, gọi là nửa Thủy Chân Lạp; nửa phía bắc nhiều núi đồi, gọi là Lục Chân Lạp, cũng gọi là nước Văn Đan. Triều Cao tông, Tắc Thiên, Huyền tông, (Chân Lạp) đều sai sứ sang triều cống.

Nước Thủy Chân Lạp, địa bàn đông tây nam bắc ước độ tám trăm dặm. Phía đông đến Bôn Đà Lāng châu, phía tây đến nước Trụy La Bát Đề², phía nam đến biển nhỏ, phía bắc tức Lục Chân Lạp. Vua nước ấy ở đô thành gọi là Bà La Đề Bạt. Ở miền đông nước có thành nhỏ, đều gọi là nước. Nước ấy nhiều voi, năm Nguyên Hòa thứ tám (813), có sai bọn Lý Ma Na (李摩那) đến châu.

1. Thần Long: niên hiệu của Võ Tắc Thiên và Đường Trung tông từ năm 705-707.

2. Tức vương quốc Dvaravati, nay thuộc Thái Lan.

VII. TÂN ĐƯỜNG THƯ

QUYỀN 222 HẠ - NAM MAN (HẠ)

Hoàn Vương

Hoàn Vương, vốn là Lâm Ấp vậy. Cũng gọi là Chiêm Bất Lao, lại gọi Chiêm Bà. Cách phía nam Giao Châu ba ngàn dặm đi đường biển. Đất ấy, đông tây ba trăm dặm là lớn nhất, nam bắc thì một ngàn dặm. Phía tây giáp núi Vụ Ôn của Chân Lạp, phía nam đến Bôn Lãng Đà châu. Ở bến lớn phía nam nước ấy, có năm trụ đồng, núi ở đó hình như cái lọng che nghiêng, phía tây có nhiều ngọn, vách núi phía đông giáp biển, đó là trụ đồng của Mã Viện đời Hán dựng vậy. Lại có người Tây Đô di, khi Viện về nước lưu họ lại đó, mới chỉ có mười hộ. Đến cuối đời Tùy, thì con cháu đã sinh sôi tới ba trăm (hộ), đều lấy họ Mã, tục cho họ là người lưu ngự nên gọi là “Mã Lưu Nhân” (Người của Mã Viện để lại), cùng chia nhau phần đất phía nam với Lâm Ấp. Nước ấy mùa đông ẩm áp, nhiều mù mưa, sản hổ phách, thú có tinh tinh, chim có Kết liêu. Lấy tháng Hai làm đầu năm¹, lúa một năm hai vụ, lấy nước thốt nốt làm rượu, lá dừa làm chiếu. Thói người hung hăn, can đảm chiến đấu, lấy xạ hương bôi lên người, một ngày bôi đi rửa lại mấy lần. Khi bái yết thì chắp tay khấu đầu. Có văn tự, chuộng đạo Phù đồ (Phật), đúc vàng bạc làm tượng, có pho lớn tới mươi ôm. Gọi vua là “Đương bồ bồ”, vợ vua là “Đà đương a hùng”, Thái tử là “A trưởng bồ”, Tể tướng là “Bà man địa”. Nơi vua ở gọi là “Chiêm thành”, chỗ biệt cư gọi là “Tề quốc”, là “Bồng bì thể”. Vua mặc áo bạch chiên sợi bông, để lộ một bên vai, trang sức chuỗi vàng ngọc, cuốn tóc, đội mũ kim hoa, hình trạng tựa mũ chưƠng phủ. Vợ vua mặc váy ngắn

1. Cựu Đường thư chép là “lấy tháng Mười hai làm đầu năm.”

bằng vải triêu hà sợi bông, đội mũ có chuỗi ngọc như vua. Vua có vệ binh năm ngàn người, chiến đấu thì cưỡi voi, dùng mây làm giáp, tre làm cung tên, đem một ngàn voi và bốn trăm ngựa chia làm tiền hậu. Nước không đặt hình pháp, kẻ nào có tội thì cho voi già chết, hoặc đưa tới núi Bất Lao, cho tự phái chết.

Niên hiệu Nhân Thọ đời Tùy, sai tướng quân Lưu Phương đến đánh, vua nước ấy là Phạm Phạn Chí trốn chạy, (nhà Tùy) lấy đất ấy chia làm ba quận, đặt quan trấn giữ. Vì đường xá cách trở khó qua lại, nên Phạn Chí lại tụ tập dư chúng, dựng thành ấp khác. Niên hiệu Vũ Đức lại sai sứ cống phương vật, (Đường) Cao tổ bày “Cửu bộ nhạc” mà thoát.

Đời Trinh Quán, vua là Đầu Lê đem dâng voi nhà, dây chuyền vàng, đai ngũ sắc, vải triêu hà, ngọc hỏa châu, đến cùng sứ giả hai nước Bà Li, La Sát. Lâm Ấp lời lẽ thiếu cung kính, quần thần xin cho hỏi tội. Thái tông nói: “Xưa, Phù Kiên định nuốt nước Tấn, quân đông trăm vạn, thế nhưng chỉ một trận mà tan. Nhà Tùy lấy Cao Li, năm nào cũng phải trưng thu điều động, dân chúng oán ghét, đến nỗi phải chết bởi tay kẻ thất phu. Trẫm há dám bàn bừa đến việc phát binh ư?” Bèn tha, không hỏi đến.

(Nước ấy) lại dâng vẹt ngũ sắc, vẹt trắng, vì nhiều lần (vẹt) kêu rồng lạnh¹, bèn có chiếu cho trả về. Đầu Lê chết, con là Trần Long lên ngôi, lại dâng sừng tê Thông thiên, cùng các đồ tạp bảo.

Năm (Trinh Quán) thứ mười chín, Ma Ha Mạn Đa Già Độc giết Trần Long, diệt cả tôn tộc, họ Phạm bèn tuyệt. Người trong nước lập con rể của Đầu Lê là Bà La Môn làm vua. Các đại thần lại cùng phế đi, đổi lập con gái Đầu Lê làm vua.

Có Chư Cát Địa (諸葛地)² là con cô của Đầu Lê, vì cha mắc tội, chạy sang Chân Lạp. Con gái (Đầu Lê) làm vua không yên định được nước, đại thần lại cùng đón Chư Cát Địa về làm vua, cho lấy người con gái ấy. Từ niên hiệu Vĩnh Huy³ đến Thiên Bảo⁴, (nước ấy) ba lần

1. Theo *Cựu Đường thư*, thì vẹt “thông minh biết nhiều, rất giỏi ứng đáp”.

2. Tức Vikrantavarman I.

3. Niên hiệu Đường Cao tông Lý Trị từ năm 650-655.

4. Niên hiệu Đường Huỳnh tông Lý Long Cơ từ năm 742-756.

sang cống. Sau niên hiệu Chí Đức¹, bèn đổi quốc hiệu là Hoàn Vương.

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa², (Hoàn Vương) không sang triều cống, An Nam Đô hộ là Trương Chu (張舟) bắt giữ ngụy Hoan, Ái Châu Đô thống của nước ấy, chém ba vạn thủ cấp, bắt sống năm mươi chín người con của vua, thu được voi chiến, thuyền thoi, áo giáp.

Phù Nam

Phù Nam, cách phía nam quận Nhật Nam bảy ngàn dặm, đất thấp trũng, phong tục cùng giống như Hoàn Vương, có thành quách cung thất. Vua (nước ấy) họ Cổ Long (古龍), ở trên gác hai tầng, dựng rào quanh thành, dùng lá cây nhược để lợp nhà. Vua ra ngoài thì cuồng voi. Người nước ấy da đen, tóc xoăn, đi chân đất, tục không làm việc trộm cắp. Ruộng cấy một lần, thu hoạch trong ba năm. Nước ấy sản thứ vàng cứng, hình trạng tựa tử thạch anh, sinh ra trên đá dưới đáy nước, người ta phải lặn xuống nước mà lấy, có thể dùng để khắc ngọc, lấy sừng dê đen mà gõ, thì nó rời ra. Người ở đó thích chơi gà, chơi lợn. Lấy vàng, ngọc trai, hương để nộp thuế. Trị sở là thành Đặc Mục³, ít lâu sau thì bị Chân Lạp thôn tính, lại dời xuống thành Na Phất Na⁴ ở phía nam.

Nhiên hiệu Vũ Đức, Trinh Quán, Phù Nam hai lần sang châu, lại dâng hai người Bạch Đầu.

(Tộc Bạch Đầu, ở phía tây nam Phù Nam, người ở đó đều tóc trắng, da như kem, sống trong hang núi, bốn phía vách đá dựng đứng, không ai vào được.)

Chân Lạp

Chân Lạp, còn gọi là Cát Miệt, vốn là thuộc quốc của Phù Nam. Cách kinh đô (Trung Quốc) hai vạn bảy trăm dặm. Phía đông tiếp giáp nước Xa Cù, phía tây giáp nước Phiêu, phía nam tới biển, phía

1. Niên hiệu Đường Túc tông Lý Hành từ năm 756-758.

2. Niên hiệu Đường Hiến tông Lý Thuần từ năm 806-820.

3. Có lẽ là Vyadhapura, nay thuộc huyện Ba Phnum, tỉnh Prey Veng, Campuchia.

4. Có lẽ là Navanagara.

bắc giáp Đạo Minh, đông bắc tới Hoan Châu. Vua nước ấy là Sái Lợi Y Kim Na (刹利伊金那), đầu niên hiệu Trinh Quán thôn tính Phù Nam chiếm lấy đất ấy.

Nước ấy nhà đều mở cửa hướng đông. Chỗ ngồi cũng trọng hướng đông. Khách đến, đem cau miếng, cùng long não, hương cáp¹ ra mời. Không uống rượu, coi như việc dâm tục. Chỉ cùng vợ uống ở trong buồng, tránh người tôn thuộc. (Nước ấy) có năm ngàn con voi chiến, con tốt thì cho ăn cả thịt. Nối đời thông hảo với các nước Tham Bán, Phiêu, nhiều lần đánh nhau với Hoàn Vương, Càn Đà Hoàn.

Từ đời Vũ Đức đến Thánh Lịch², cộng bốn lần sang châu. Sau đời Thần Long, lại chia làm hai nửa: Phía bắc nhiều đồi núi, gọi là Lục Chân Lạp; Phía nam sát biển, nhiều đầm hồ, gọi là Thủy Chân Lạp. Thủy Chân Lạp, đất có tám trăm dặm, vua ở thành Bà La Đề Bạt. Lục Chân Lạp, hoặc lại gọi là Văn Đan, là Bà Lũ, đất rộng bảy trăm dặm, vua gọi là “*Thạ khuất*”. Thời Khai Nguyên, Thiên Bảo, vương tử dẫn thuộc hạ hai mươi sáu người sang châu, (Hoàng đế) phong cho làm Quả nghị đô úy.

Niên hiệu Đại Lịch³, Phó vương Bà Di (婆彌) cùng vợ sang châu, dâng voi nhà mười một con, (Hoàng đế) cho Bà Di làm Thị điện trung giám, ban cho tên là Tân Hán (賓漢).

Bấy giờ, Đức tông mới lên ngôi, trân cầm kỳ thú thảy đều đem thả hết, những voi nhà Man, Di đem dâng nuôi ở trong vườn, ngày triều hội đâu năm trong sân triều còn ba mươi hai con, thảy đều đem thả ở phía nam núi Kinh Sơn. Kịp tới niên hiệu Nguyên Hòa, Thủy Chân Lạp cũng sai sứ sang cống.

1. Hương cáp: một loại sò, hàu.

2. Niên hiệu Võ Tắc Thiên từ năm 698-700.

3. Niên hiệu Đường Đại tông Lý Dự từ năm 766-779.

VIII. TÂN NGŨ ĐẠI SỨ

QUYẾN 74 - TỨ DI PHỤ LỤC (ĐỆ TAM)

Chiêm Thành

Chiêm Thành ở phía tây Nam Hải. Đất nước ấy vuông một ngàn dặm, phía đông tới biển, phía tây tới Vân nam, phía nam giáp Chân Lạp, phía bắc tới Hoan Châu. Người nước ấy, tục cũng giống như nước Đại Thực¹. Vật cưỡi có voi, ngựa; Thức ăn có lúa gạo, thịt thủy húy², sơn dương. Các loại điểu thú kỳ lạ có: tê giác, khổng tước. Từ đời trước chưa từng thông hiểu với Trung Quốc.

Năm Hiển Đức³ thứ năm (958), quốc vương nước ấy là Nhân Đức Mạn (因德漫) sai sứ giả là Phủ Ha Tán (甫訶散) sang, cống dầu Manh hỏa⁴ tám mươi tư bình, nước Tường vi mươi lăm bình, biểu văn được viết trên lá Bối đa, dùng gỗ hương mộc làm hộp đựng. Dầu Manh hỏa vẩy vào đồ vật, gấp nước thì càng cháy. Nước Tường vi, thì nói là lấy từ Tây Vực, dùng vẩy vào áo thì áo mặc tới cũ cũng không hết hương thơm.

Đời Ngũ Đại, tứ Di sang triều kiến Trung Quốc, không đâu xa hơn Vu Điền⁵, Chiêm Thành. Sử sách ghi chép, thì mạn tây bắc khá tường tận, mà phía đông nam rất sơ sài. Vì xa xôi mà ít đến, nên không ảnh hưởng đến lợi hại của Trung Quốc vậy.

1. Đại Thực: tên một nước ở vùng Ả Rập, do Muhammad lập ra.

2. Thủy húy: một loại động vật giống như trâu, ở dưới nước. Có sách cho húy là con tê giác cái, nhưng “thủy húy” thì không phải tê giác. Người dịch chưa xác quyết được.

3. Niên hiệu Hậu Chu Thái tổ Quách Uy từ năm 954-960.

4. Tức dầu hỏa, dầu thô.

5. Vu Điền: một nước ở Tây Vực, nay là vùng đất men theo phía nam bồn địa Tarim, Tân Cương.

TỔNG SỨ

QUYỂN 489 - NGOẠI QUỐC 5

Chiêm Thành

Nước Chiêm Thành ở phía tây nam của Trung Quốc, phía đông tới biển, phía tây tới Vân Nam, phía nam đến nước Chân Lạp, phía bắc tới địa giới Hoan Châu. Đi đường biển xuống phía nam năm ngày hành trình thì tới nước Tam Phật Tề. Đi đường bộ một tháng hành trình thì đến nước Tân Đà La, nước ấy là nước lệ thuộc của Chiêm Thành. Phía đông tới nước Ma Dật thì hai ngày, tới nước Bồ Đoan thì bảy ngày. Phía bắc, tới Quảng Châu đi thuận gió thì mất nửa tháng. Phía đông bắc tới Lưỡng Triết thì một tháng, tây bắc đến Giao Châu thì hai ngày, đi đường bộ thì nửa tháng. Đất nước ấy đông sang tây là bảy trăm dặm, nam đến bắc là ba ngàn dặm. Phía nam gọi là châu Thi Bi, phía tây gọi là châu Thuượng Nguyên, phía bắc gọi là châu Ô Lý. Nǎm giữ lớn nhỏ là ba mươi tám châu, không đầy ba vạn nhà. Nước ấy không có thành quách, có hơn trăm thôn, mỗi thôn có dăm ba trăm hộ, cũng có nơi tới bảy trăm hộ, cũng có tên các huyện trấn.

Thổ sản có: tiên hương, trầm hương, cau, gỗ ô môn, tô mộc, bạch đằng (mây trắng), hoàng lạp, vải hoa bông, vải tơ bện, vải bạch chiên, chiếu mây, chiếu lá bối đa, vàng bạc sắt đúc khối,... Ngũ cốc không có mạch, có gạo nếp, gạo té, đậu, vừng. Quan cấp giống một hộc, tính thuế một trăm hộc. Hoa trái có sen, mía, chuối, dừa. Chim thú thì nhiều công, tê ngưu. Vật nuôi nhiều bò, trâu, mà không có lừa. Cũng có thú sơn ngưu, không cày bừa được, chỉ để giết cúng tế quỷ thần. Khi sắp giết thì cho thầy cúng khấn câu: "A la hòa cập bạt", dịch ra là: "Sớm cho mày thác sinh". Dân chúng bắt được tê, voi đều mang đến cho vua. Người trong nước phần đa cưỡi voi, hoặc kiệu nhỏ, hoặc

cũng dùng ngựa mua ở Giao Châu. Hay ăn thịt sơn dương, thủy hủy.

Phong tục, y phục của Chiêm Thành tương tự như Đại Thực. Không có tăm tơ, dùng vải bạch chiên quấn ngực buông rủ tới chân, mặc áo chẽn tay. Tóc cuộn thành búi, buông xõa những lọn thừa ra phía sau. Buôn bán với nhau thì không dùng tiền, chỉ dùng vàng bạc mà so nặng nhẹ, hoặc vải gấm bông để định giá trị trao đổi. Nhạc khí có hồ cầm, sáo, trống, trống lớn. Trong nhạc bộ cũng bố trí vũ công. Quốc vương búi tóc sau gáy, khoác áo vải bông, đội mũ hoa vàng, dùng chuỗi hạt thất bảo làm trang sức, chân dùi đều để hở, đi giày da, không dùng tất. Phụ nữ cũng búi tóc sau đầu, không cài trâm lược, trang phục và chào bái giống như nam giới. Vương mỗi buổi trưa lại ngồi trên ghế thiền ý, quan thuộc vào yết kiến chỉ cần bái lạy một lạy rồi thôi, bẩm việc xong rồi, lại lạy một lạy rồi ra. Cũng có khi xuất du, xem voi, săn bắn, xem đánh cá, đều mấy ngày mới về. Gần thì ngồi kiệu nhỏ, xa thì cuồng voi, hoặc ngồi trên một cảng gỗ, dùng bốn người khiêng. Trước hết sai một người bưng mâm cau đi trước dẫn đường, tùy tòng có hơn mười người, ai nấy cầm cung tên, đao thương, lá chắn, dân chúng trông thấy thì quỳ bái một lạy rồi thôi. Có ngày ra ngoài một, hai bận. Hàng năm khi lúa chín, vương lại tự tay gặt một bó, tùy tòng và đám phụ nữ đều thi nhau gặt.

Quốc vương hoặc lấy anh làm Phó vương, hoặc lấy em làm Thủ vương. Đặt tám viên cao quan, đông, tây, nam, bắc mỗi phương hai người, cùng chia nhau coi việc, không có bổng lộc, lệnh cho nơi họ cai quản phải tu cắp. Lại đặt chức quan văn hơn năm mươi người, có danh xưng Lang trung, Viên ngoại, Tú tài, chia nhau nắm giữ các việc về cất trữ của cải vật báu, cũng không có lương bổng, chỉ cấp cho thực phẩm cá rùa, cùng miễn lao dịch mà thôi. Lại có mười hai người lo việc kho tàng, hơn hai trăm người chủ việc quân lính, đều không có lương tháng. Binh sĩ hơn một vạn người, mỗi tháng cấp cho hai hộc gạo nếp, quần áo đông hè, mỗi người được từ ba đến năm sấp vải. Mỗi tối, chỉ có vua được ngủ trên giường, còn quần thần đều nằm trên nệm dưới đất. Những bể tôi thân cận khi vào gặp vua thì quỳ xuống thi lễ, còn những người hơi xa cách, thì chỉ chắp tay mà thôi.

Phong tục nước ấy, ngày mồng một tháng Giêng thì dắt voi đi vòng quanh nơi mình ở, rồi dong chạy ra ngoài thành ngoài, gọi là “đuổi tà”. Tháng Tư có trò chơi đi thuyền. Định ngày 15 tháng Mười một là Đông chí, mọi người đều chúc tụng lẫn nhau, chầu huyền đem thổ sản vải lụa dâng lên quốc vương. Ngày 15 tháng Mười hai hàng năm, ngoài thành lại buộc gỗ làm tháp, vua cùng dân chúng đem y phục, hương liệu đặt lên trên tháp mà đốt để tế trời. Người có bệnh tật đều hái lá thuốc tươi mà ăn. Đất ấy không sản lá trà, cũng không biết cách sao ủ, chỉ uống rượu trái dừa và ăn quả cau.

Hình pháp cũng đặt gông, xích, lõi nhỏ thì cho bốn người ăn nằm xuống đất, lấy roi song mà đánh, hai người ở hai bên trái phải thay phiên nhau vụt, tùy theo tội mà đánh từ năm, sáu mươi đến một trăm roi. Kẻ tội đáng chết thì lấy thừng trói vào gốc cây, lấy giáo búp đa đâm cổ rồi chặt đầu. Nếu là tội cố ý giết người, hay cướp bóc giết người, thì cho voi giày, hoặc dùng vòi cuồn rồi quật xuống đất. Voi đều đã luyện tập quen, sắp hành hình kẻ nào, thì sai người nuôi dạy dụ bảo nó vài lần là nó đều hiểu được cả. Phạm tội gian dâm, thì nam nữ đều phải nộp trâu bò để chuộc tội. Làm mất đồ vật của quốc vương, thì trói đem bỏ ở đầm hoang, khi nào tìm lại được đủ thì thả ra.

Nước ấy đời trước ít sang tới Trung Quốc. Niên hiệu Hiển Đức nhà (Hậu) Chu, quốc vương là Thích Lợi Nhân Đức Mạn (釋利因德漫)¹ sai bê tôi là Phủ Ha Tán sang cống phuơng vật, có đai thông tê hình rồng mây, đá Bồ tát. Lại có nước Tường vi để vẩy vào y phục qua hàng năm không hết hương thơm, dầu Mãnh hỏa đổ nước càng cháy mạnh, thấy đều đựng trong bình lưu ly.

Năm Kiến Long thứ hai (961), Quốc vương Thích Lợi Nhân Đà Bàn (釋利因陀盤)², sai sứ là Phủ Ha Tán sang châu. Tấu chương viết trên lá bối đa, lấy hộp hương mộc mà đựng. Cống sừng tê, ngà voi, long não, hương liệu, chim công bốn con, bình của nước Đại Thực hai mươi cái. Sứ giả về, đều được ban thưởng nhiều ít khác nhau, lại

1. Tức Indravarman III.

2. Tức Jaya Indravarman I.

lấy đồ vật tiền của hậu thuởng cho Quốc vương. Năm thứ ba (962), lại cống ngà voi hai mươi hai cây, nhũ hương¹ một ngàn cân.

Năm Càn Đức thứ tư (966), Quốc vương Tất Lợi Nhân Đà Bàn (悉利因陀盤) sai sứ là Nhân Đà Phân Lý Đế Bà La (因陀玢李帝婆羅) sang cống voi nhà, tê giác đực, ngà voi, vải bạch chiên, ca mạn, việt nặc². Vợ vua là Ba Lương Bộc Mạo (波良僕瑁), con trai là Chiếm Mưu Luật Tú Quỳnh (佔謀律秀瓊) cùng cống hương liệu. Năm thứ năm (967), lại sai sứ là Lý Ba (李畔), Lý Bị Tha (李被蹉) nối nhau sang dâng cống.

Năm Khai Bảo thứ ba (970), (Chiêm Thành) sai sứ cống phuong vật, voi cái một con. Năm thứ tư (971), bọn Tất Lợi Đa Bàn (悉利多盤), Phó vương Lý Nâu (李耨), vợ vua là Quách thị (郭氏), con là Bồ Lộ Kê Ba La (蒲路雞波羅) đều sai sứ sang cống. Năm thứ năm (972), Quốc vương Ba Mỹ Thuế Hạt Án Trà (波美稅褐印茶)³ sai sứ là Phủ Ha Tân sang cống. Năm thứ sáu (973), lại cống. Năm thứ bảy (974), lại cống ô bằng lông chim công hai cái, Tây thiên phong thiết⁴ bốn mươi cân. Năm thứ chín, sai sứ là bọn Chu Đà Lợi (朱陀利), Trần Đà Dã (陳陀野) sang cống.

Năm Thái Bình Hưng quốc thứ hai (977), Quốc vương Ba Mỹ Thuế Dương Bố Án Trà (波美稅陽布印茶), sai sứ là Lý Bài (李牌) sang cống. Năm thứ ba (978), Quốc vương cùng con trai là Đạt Trí (達智) sai sứ sang cống. Năm thứ tư (979), sai sứ là Lý Mộc Tra Đa (李木吒哆) sang cống.

Năm thứ sáu (981), Lê Hoàn ở Giao Châu tâu, muốn đem chín mươi ba người tù binh Chiêm Thành sang dâng lên kinh sư⁵. Thái tông mệnh cho Quảng Châu ngăn tù binh lại, mà bảo toàn võ về cho họ, cấp quần áo lương thực, cho về Chiêm Thành, và ban chiếu dụ cho vua nước ấy.

1. Nhũ hương: nhựa cây trầm.

2. Ca mạn, việt nặc: tên hai loại vải.

3. Tức Parameshvaravarman I.

4. Tây thiên phong thiết: khoáng vật, có lẽ là một loại quặng sắt.

5. TT.BK.q1 chép việc vua Lê Hoàn đánh Chiêm Thành là năm 982, và đến năm 983 mới sai sứ sang giao hảo với nhà Tống, báo cáo về tin đánh thắng Chiêm Thành. Năm 981 chính là thời điểm nhà Tống sai quân sang đánh nước ta nên việc này chắc khó xảy ra được.

Năm thứ bảy (982), (Chiêm Thành) sai sứ cưỡi voi sang cống, (triều đình) chiếu cho giữ voi lại ở Quảng Châu nuôi nấng. Năm thứ tám (983), (Chiêm Thành) dâng voi nhà, biết lạy phục, chiếu cho nuôi ở huyện Ninh Lăng ven kinh kỳ.

Năm Ung Hy thứ hai (985), Quốc vương Thi Lợi Đà Bàn Ngô Nhật Hoan (施利陀盤吳日歡)¹, sai Bà la môn Kim Ca Ma (金歌麻) dâng phương vật, và tố cáo bị Giao Châu xâm đoạt, (triều đình) chiếu đáp mệnh cho giữ nước và hòa mục với lân bang.

Năm thứ ba (986), Quốc vương Lưu Kế Tông (劉繼宗) sai sứ là Lý Triều Tiên (李朝仙) sang cống. Đạm Châu tâu rằng, người Chiêm Thành là Bồ La Át bị Giao Châu bức bách, đem theo tôn tộc một trăm người sang theo².

Mùa thu năm thứ tư (987), Quảng Châu tâu, cửa quan châu Lôi, châu Ân cho đưa người Di ở Chiêm Thành là Tư Dương Lý Nương (斯當李娘) cùng tôn tộc một trăm năm mươi người sang theo, chia ra cho theo ở hai huyện Nam Hải, Thanh Viễn. Năm Đoan Cửng nguyên niên (988), Quảng Châu lại tâu, người Di ở Chiêm Thành là bọn Hốt Tuyên (忽宣) đem tôn tộc ba trăm linh một người sang theo.

Năm Thuần Hóa nguyên niên (990), vua mới là Dương Đà Bài (楊陀排)³ tự xưng là mới chiếm giữ nước Phật Thệ⁴. Dương Đà Bài sai sứ là Lý Trăn (李臻) sang cống tê giác đã thuần và phương vật, cùng dâng biểu tố rằng bị Giao Châu đánh, nhân dân và cửa cải trong nước đều bị cướp đi. (Hoàng thượng) ban chiếu cho Lê Hoàn, lệnh ai nấy cùng giữ yên bờ cõi. Năm thứ ba (992), (Chiêm Thành) lại sai sứ là Lý Lương Phủ (李良甫) cống phương vật. (Hoàng đế) ban cho quốc vương nước ấy bạch mã hai con, cùng các thứ binh khí. Vị tăng nước ấy là Tịnh Giới (淨戒) dâng long não, chuông vàng, lư hương đồng, ngọc như ý... cũng đều được ban thưởng hậu hĩ.

1. Tức Indravarman IV.

2. TT.BK.q1 chép rằng vua Lê “sai Ngô Quốc Ân sang đáp lễ nhà Tống và nói về việc người Chiêm Thành là Bồ La Át đem hơn trăm người họ xin nội phụ”. Như vậy Bồ La Át dẫn hơn trăm người sang xin nội phụ nước ta chứ không phải sang Trung Quốc.

3. Tức Indravarman V.

4. Tức Vijaya.

Tháng Giêng, năm Chí Đạo nguyên niên (995), quốc vương sai sứ sang cống, phụng biểu tâu rằng:

"Khi trước, sứ giả Lý Lương Phủ phụng mệnh sang sứ trở về, đội ơn thánh từ ban thường cho thần hai con ngựa tốt, năm lá cờ, năm thanh kiếm nạm bạc, năm cây thương tua bạc, cung nỏ mỗi thứ năm cây cùng với tên, thần được ơn mà kinh phục, xin dập đầu hai lạy!"

Thần sinh trưởng ở nước ngoài, xa cách thiên đô. Trộm nhở Hoàng đế thánh minh, uy đức rộng lớn, thần không ngại ở nơi góc bể, sai sứ sang châu. Hoàng đế không bỏ nước Man Di rừng rú, lại riêng thêm ân tú. Song, thần tự là ngài trưởng một xứ, tiếng tăm thấp hèn, thường bị nước ngoài mặc ý xâm nhiễu. Huống chi, từ trước dân chúng như hạt cải, theo gió bay tán loạn, lưu lì chẳng thể tự toàn. Gần đây, đội ơn Hoàng đế ban cho thần ngựa hay trong tàu ngựa hoàng gia cùng cờ xí và binh khí. Lân quốc hay tin, biết thần được ân sủng của đại quốc, mà cùng sợ oai trời, không dám mưu hại. Nay thần cả nước bình yên, lưu dân trở lại, nếu chẳng phải nhờ đức lớn của Hoàng đế bảo hộ, thì làm sao được thế! Cả nước thần ngưỡng vọng bậc nhân thánh, như trời che, như đất chở. Thần tự nghĩ rằng, ơn ấy không nhỏ vậy. Vả từ kinh đô thiên tử đến nước thần ở, phải vượt biển lớn mênh mông, chẳng biết mấy vạn dặm, vậy mà ngựa cùng khí giới được tặng đều đến nơi an toàn, ấy đều là nhờ thánh đức lan tới vậy.

Trước đây, bản quốc sang dâng tiến, chưa từng được ban cho cờ xí, cung tên bao giờ, nay thần may mắn làm sao, lại riêng được nhận đặc ân ấy! Ấy là bởi oai trời rộng khắp mà giúp thêm mạnh cho cương thổ nước thần vậy. Thần dẫu có chết cũng không lấy gì đền đáp lại được. Lại thêm, công sứ của thần qua lại, đều được tu cấp đầy đủ, ơn nặng nào khác non cao, chẳng thể giải tỏ hết được. Nay, đặc biệt sai chuyên sứ Lý Ba Châu (李波珠), phó sứ Ha Tán, Phán quan Lý Ma Vật (李磨勿) sang phụng công sùng tê mười cái, ngà voi ba mươi cây, đồi mồi mươi cân, long não hai cân, trầm hương một trăm cân, giáp tiên hoàng thực hương chín mươi cân, đàn hương một trăm sáu mươi cân, gà rừng hai vạn bốn ngàn ba trăm đôi, hổ tiêu hai trăm cân, chiếu đậm năm cái. Những vật kể trên nào có quý lạ gì, chỉ là để thần tỏ chút lòng thành khẩn vây.

Thần sinh nơi dị vực, may gặp minh thời, chẳng quý vật báu, riêng trọng ngựa hay. Giả như Hoàng đế nghĩ đến nơi ngoại quốc, chẳng bắt tội khẩn cầu, khi sứ giả về nam, xin rủ lòng ban tặng, thì ấy là cái may của thần vậy. Lại thêm, nước thần vốn có ba trăm lưu dân, sống tản mát ở Nam Hải, từng nhờ thánh chỉ hứa lệnh cho về, đến nay vẫn còn có kẻ đang ở Quảng Châu. Bản quốc xưa có tiền cống người Di là La Thường Chiêm (羅常占), hiện đang ở Quảng Châu, xin bệ hạ chiếu cho bản châu tập hợp hết những kẻ ở đó lại, lập danh sách giao cho Thường Chiêm, lệnh đóng thuyền bè, nhân thuận gió thì lình đưa về nước, cho họ được ở sinh sống yên ổn, mà sung thực cương thổ của thần. Còn như chuyện muôn dặm cảm ân, nhất tâm thờ kính, thì ấy là cái chí của thần vậy.”

Hoàng thượng xem biểu tấu, sai sứ đến Quảng Châu hỏi han, kẻ nào muốn quay về thì đều giao cho Ba Châu. Sứ giả về nước, lại ban tặng cho hai con bạch mã, từ đó trở thành lệ thường.

Năm Hàm Bình thứ hai (999), Quốc vương là Dương Phổ Câu Tì Trà Dật Thi Li (楊普俱毗茶逸施離)¹ sai sứ là Chu Trần Nghiêu (朱陳堯), phó sứ là Bô Tát Đà Bà (蒲薩陀婆), Phán quan Lê Cô Luân (黎姑倫) đem tê, voi, đồi mồi, hương liệu sang cống. Ban cho bọn Nghiêu mũ đai, áo chăn nhiều ít khác nhau.

Năm Cảnh Đức nguyên niên (1004), lại sai sứ sang cống. (Hoàng đế) chiếu cho lấy ngựa tốt, giáp trụ, binh khí ban cho. Năm thứ tư (1007), (Chiêm Thành) sai sứ là bọn Bố Lộc Da Địa Gia (布祿爹地加) mang biểu sang châu, tấu biểu mượn lời lẽ rất hoa văn, viết rằng:

“Chiêm Thành quốc vương Dương Phổ Câu Tì Trà Thất Li (楊普俱毗茶室離)² dập đầu thừa rằng: Thần nghe, Nhị đế phong cương, cõi nam chỉ đến Tương, Sở; Tam vương biên cảnh, miền bắc chưa tới U, Yên.³ Ngựa trong đồi thịnh, Thực dồi dẫu xưa. Kính nghĩ, Hoàng đế bệ hạ: Càn khôn bẩm khí; Nhật nguyệt chung anh. Ra giữ ngôi tôn; Nhận nền ngự cực. Nhân từ trải khắp thiên hạ; Thanh giáo phủ lan cõi bờ.

1. Tức Yan Pu Ku Vijaya (Çri).

2. Có lẽ cũng tức là Dương Phổ Câu Tì Trà Dật Thi Li.

3. Nhị đế: tức Nghiêu, Thuấn. Tam vương: tức Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Vũ vương.

Nghiệp vượt tiên vương; Công lừng hậu đại. Dân đen thường nghĩ, Nhà vàng chẳng mong. Nào phượng mà chẳng sinh linh; Có đất tức là thần hạ. Gió lành thổi khắp; Ơn lớn đều chung. Phàm được chiêu lâm, Cùng thêm hoan hỉ.

Thần sinh nơi biên viễn, may thảm hoa phong. Hang kiến tổ ong, cũng là thỏa chí; Lâu rồng gác phượng, còn chửa xem trông. Lại nghĩ, từ muộn oai trời, được toàn cương vực. Lân bang không xâm đoạt; Phong tục được hồi sinh. Hàng năm, đều sai hạ thần, vẫn an thượng quốc. Đội ơn bệ hạ, ơn nhuần lau lách, phúc tới cá tôm, vẫn nhân sú về, ban cho khí giới. Thần ở bản thổ chỉ biết trông cửa khuyết mà đốt hương; vui reo mừng mà bái nhận. Thảm hay may mắn; Sao đáp ơn dày. Thánh quân đã nghĩ đến tân vương; Thành khẩn dám đâu quên chức phân. Nay sai bể tôi thân tín là Bố Lộc Da Địa Gia, phó sứ Trù Bô Ma Hà Ca Da (除逋麻瑕耶), Phán quan Bì Bá Để (皮霸抵) và những người cùng đi, săm sanh thổ sản, xa xôi sang tuế cống. Tuy tờ Sở mao¹ lẽ mọn; Thực mang Lỗ tửu² lo âu. Nguyên mong minh thánh, khoan thứ tha cho. Ngày bọn sứ thần thân tín quay về, những đồ diệu võ quân dung khí trượng, kính xin lại được ban tặng thêm cho. Ấy bởi nghĩ, hẹn là thần tử, phải bẩm quân thân, phục sức kiệu xe, uy nghi phủ viet, chẳng dám tự làm, chỉ trông ban phát. Mạo phạm long nhan, thật đáng tội chết.”

Bố Lộc Da Địa Gia nói, nước ấy trước vốn lệ thuộc Giao Châu, sau chạy đến Phật Du³, cách nơi cũ ở phía bắc bảy trăm dặm. Khi sứ giả về nước, (Hoàng đế) ban tặng cho rất hậu.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ ba (1010), (Chiêm Thành) Quốc chủ là Thi Li Hà Li Tị Ma Đế (施離霞離鼻底)⁴ sai sứ là Chu Bột Lễ (朱淳禮) sang cống. Năm thứ tư (1011), sai sứ sang cống sứ tử, (Hoàng đế) chiếu cho nuôi ở vườn thượng uyển. Sứ giả cho để lại

1. Sở mao: cỏ mao nước Sở. Thời Chu, nước Sở xa xôi, nhà Chu hàng năm chỉ bắt nước Sở cống nộp mang tính tượng trưng một xe cỏ mao làm đồ cúng tế.

2. Lỗ tửu: rượu nước Lỗ. *Trang tử - Khur khüp* chú: “Sở Tuyên vương đại hội chư hầu, Lỗ Cung công đến sau, lại chỉ mang dâng rượu nhạt. Sở Tuyên vương bèn nổi giận đem quân đánh Lỗ.” Ở đây ý nói: Lo sợ lẽ bạc mà bị hỏi tội.

3. Ở đây có lẽ *Tống* sứ đã chép làm chữ 遂 (Thệ) thành 遂 (Du). Đúng ra phải là Phật Thệ, như đoạn trên đã nói.

4. Tức Harivarman II.

hai người Man để lo việc chăm nuôi (sư tử), hoàng thượng thương họ nhớ quê cũ, tư cấp hậu hĩnh rồi cho về. Năm thứ tám (1015), (Chiêm Thành) sai sứ là Ba Luân Ha La Đế (波輪訶羅帝) sang cống. Ha La Đế nhân tâu rằng, có em trai là Đào Châu (陶珠) cách đây ít lâu từ Giao Châu áp tải voi nhà đến cửa khuyết, nay may mắn được gặp nhau, muốn xin đưa về. (Hoàng đế) bàng lòng, lại ban cho Đào Châu hành trang tiền bạc và quần áo.

Năm Thiên Hi thứ hai (1018), quốc vương Thi Hải Bài Ma Điệp (尸嘿排摩牒)¹ sai sứ là La Bì Đế Gia (羅皮帝加) đem ngà voi bảy mươi hai cây, sừng tê tám mươi sáu cây, đồi mồi một ngàn cân, nhũ hương năm mươi cân, đinh hương hoa tám mươi cân, đậu khấu sáu mươi lăm cân, trầm hương một trăm cân, tiên hương hai trăm cân, biệt tiên nhất tết² sáu mươi tám cân, hồi hương một trăm cân, cau một ngàn năm trăm cân sang cống. La Bì Đế Gia tâu, người nước ấy đến Quảng Châu, có kẻ bị gió đánh dạt thuyền đến Thạch Đường, nên mấy năm chưa tới nơi được vậy. Năm thứ ba (1019), sứ về, chiếu ban cho Thi Hải Bài Ma Điệp bốn ngàn bảy trăm lạng bạc cùng những đồ binh nhung yên ngựa.

Trên biển lại có nước Bồ Đoan, nước Tam Ma Lan, nước Vật Tuần, nước Bồ Bà Chung, năm Đại Trung Tường Phù thứ tư (1011), (triều đình) cúng tế ở Phần Âm, đều sai sứ sang cống. Trước đây, khoảng niên hiệu Hàm Bình, Cảnh Đức, Bồ Đoan quốc chủ là Kỳ Lăng (其陵) mấy lần sai sứ sang cống phuong vật và dâng chim vẹt đỏ. Sau đó, Quốc chủ là Tất Li Bà Đại Hà Chí (悉離琶大遐至) cũng lấy vàng lá khắc biếu sang dâng, sứ giả là Dĩ Nhữ Hán (已絮漢) tâu: “Kính thấy chiếu chỉ ban tặng cho sứ giả nước Chiêm Thành yên cương ngựa, cùng cờ đại thần mỗi thứ hai cái, xin cho thần cũng được ân tú như lệ ấy.” Hữu ty cho Bồ Đoan ở bậc dưới Chiêm Thành, xin ban cho năm cây cờ nhỏ các màu, Hoàng đế bàng lòng.

Tháng Mười, năm Thiên Thánh thứ tám (1030), Chiêm Thành vương là Dương Bồ Cô Thi Li Bì Lan Đức Gia Bạt Ma Điệp (陽補孤

1. Có lẽ cũng tức là Thi Li Hà Li Tị Ma Đế.

2. Không rõ là thứ gì.

施離皮蘭德加拔麻疊)¹ sai sứ là Lý Bồ Tát Ma Hà Đà Bà (李蒲薩麻
瑕陀琶) sang cống mộc hương, dôi môi, nhũ hương, sừng tê, ngà voi.

Tháng Chín, năm Khánh Lịch nguyên niên (1041), thương nhân Quảng Đông là Thiệu Bảo (邵保) thấy Quân tặc Ngạc Lân (鄂鄰)² hơn trăm người ở Chiêm Thành, Chuyển vận ty chọn hai viên sứ thần đem chiếu thư cùng tiền bạc khí vật tặng cho Chiêm Thành, trả giá để đem Lân đến cửa khuyết, còn bọn dư đảng thì sai giết hết. Tháng Mười một năm sau (1042), vua nước ấy là Hình Bốc Thi Li Trị Tình Hà Phát (刑卜施離值星霞弗)³ sai sứ sang dâng ba con voi nhà.

Tháng Giêng năm Hoàng Hựu thứ hai (1050), lại sai Câu Xá Lị Ba Vi Thu La Bà Ma Đê Dương Bốc (俱舍唎波微收羅婆麻提楊卜) sang cống ngà voi hai trăm lẻ một cây, sừng tê bảy mươi chín cây. Biểu văn hai bức, một viết bằng chữ bản quốc, một viết bằng chữ Trung Quốc. Tháng Tư năm thứ năm (1053), sứ nước ấy là Bồ Tư Mã Ưng (蒲思馬應) sang cống phuơng vật.

Tháng Ba nhuận, năm Gia Hựu nguyên niên (1056), sứ giả (Chiêm Thành) là Bồ Túc Đà Bà (蒲息陀琶) sang cống phuơng vật, khi trở về đến châu Thái Bình, bờ sông lở xuống, bị chìm mất hành lý. Tháng Giêng năm sau, chiếu cho Quảng Châu ban cho (Bồ Túc Đà Bà) một ngàn lạng bạc. Tháng Chín năm thứ sáu (1061), (Chiêm Thành) lại cống voi nhà. Tháng Giêng năm thứ bảy (1062), Quảng Tây An phủ Kinh lược ty tâu: “Chiêm Lạp vốn không tập luyện việc binh, lân cận với Giao Chỉ, thường khổ vì bị xâm nhiễu. Còn Chiêm Thành gần đây cũng sửa sang võ bị, để chống Giao Chỉ, sắp từ lối Quảng Đông vào kinh sư dâng cống, mong được ân sủng võ vê.” Tháng Năm, thì sứ nước ấy là Đốn Bà Ni (頓琶尼) tới cống phuơng vật. Tháng Sáu, ban tặng cho quốc vương Thi Lí Luật Trà Bàn Ma

1. Tức Vikrantavarman IV.

2. *Tục Tư trị Thông giám - quyển 42* chép: Ngạc Lân là quân sĩ ở Triết Đông, tháng Mười một năm Khang Định nguyên niên (1040), giết Tuần kiểm sứ Trương Hoài Tín, tụ tập quân lính cướp bóc vùng Hồ Nam, Phúc Kiến, Quảng Nam... rồi trốn ra ngoài biển.

3. Tức Jaya Sinhavarman II. Sử ta chép là Sạ Đầu.

Thường Dương Phổ (施里律茶盤麻常楊溥)¹ một con bạch mã, theo đúng như lời xin vậy.

Năm Hi Ninh nguyên niên (1068), Quốc vương là Dương Bốc Thi Lị Luật Đà Ban Ma Đề Bà (楊卜尸利律陀般摩提婆)² sai sứ cống phuơng vật, xin được mua ngựa trạm. Chiếu ban cho bạch mã một con, sai mua la ở Quảng Châu đem về. Năm thứ năm (1072), sang cống các đồ tửu khí bằng lưu ly, san hô, long nǎo, nhũ hương, đinh hương, tiêu thất³, tử khoáng⁴. Năm thứ bảy (1074), Lý Càn Đức ở Giao Châu tâu, vua Chiêm Thành đem ba ngàn quân cùng vợ con đến hàng, tháng Giêng thì tới bản đạo.⁵

Năm thứ chín (1076), Chiêm Thành lại sai sứ sang tâu: Từ nước ấy đi đường biển đến Chân Lạp là một tháng hành trình; theo hướng tây bắc đến Giao Châu là bốn mươi ngày, đều là đường núi. Cai quản một trăm lẻ năm nơi dân cư tụ lạc, đại lược như châu huyện. Quốc vương ba mươi sáu tuổi, mặc áo choàng gấm Đại Thực hoặc gấm Xuyên Pháp, đeo bảy chuỗi vàng ngọc, đội mũ kim quan trang trí thất bảo, đi giày da đỏ. Mỗi khi ra ngoài có năm trăm người tùy tòng, mươi người con gái bụng mâm vàng để hộp đựng cau, cùng đội nhạc dẫn đường.

Quân triều đình sang đánh Giao Chỉ, vì cớ (Chiêm Thành) vốn có thù (với Giao Chỉ), bèn chiếu cho Chiêm Thành, mệnh thừa cơ hiệp lực cùng trừ diệt. Hành doanh chiến trạo Đô giám Dương Tòng (楊從) sai Tiểu hiệu Phàn Thực (樊實) sang dụ bảo trước. Thực trả về, nói nước ấy đã tuyển chọn bảy ngàn quân chặn giữ những đường yếu đạo của giặc, Quốc vương nước ấy có lấy lá cây viết điệp trả lời, và chiếu cho sứ dâng lên. Nhưng rồi việc cũng không thể thành công. Sau, hai nước cùng vào cống, sứ giả Chiêm Thành xin lánh mặt người Giao (Chỉ). (Hoàng đế) chiếu rằng, vào ngày sóc phải chầu điện Văn Đức, thì hai nước chia ra đứng ở hai bên đông tây; vào ngày vọng, thì

1. Tức Rudravarman III, sử ta chép là Chế Củ.

2. Tức Bhadravarman III.

3. Còn gọi hồ tiêu thuốc, là một loại hồ tiêu trồng lấy quả và tinh dầu.

4. Chữ Hán: 紫礦, tức cây giềng giềng..

5. TT.BK.q3 ở năm 1074 chỉ chép: "Chiêm Thành lại quấy rối biên giới".

người Giao vào điện Thùy Củng¹, còn Chiêm Thành thì đến (điện) Tử Thần²; Đại yến thì chia ra ngồi hai bên đông tây.

Năm Nguyên Hựu thứ bảy (1092), (Chiêm Thành) lại dâng biểu nói, nếu thiên triều đánh Giao Chỉ, thì xin xuất binh đánh úp. Triều đình vì có Giao Chỉ đã mấy lần sang cống, không bỏ đạo bê tôi, khó có thể hưng binh, bèn soạn sắc thư trả lời, lại lấy sứ giả nước ấy là Lương Bảo Cố Luân Loát Chu (良保故倫軋丹), phó sứ là Bạng Mộc Tri Đột (傍木知突) làm Bảo thuận lang tướng. Niên hiệu Chính Hòa³, cho Quốc vương là Dương Bốc Ma Điện (楊卜麻疊)⁴ làm Kim tử quang lộc đại phu, lĩnh Liêm, Bạch châu Thứ sử. Dương Bốc Ma Điện nói, thân bị bó buộc ở ngoài giáo hóa, chẳng được lộc ăn, xin được ban cho chút ít bổng cấp, để vang tiếu quốc, (Hoàng đế) bằng lòng.

Năm Tuyên Hòa nguyên niên (1119), thăng (cho Quốc vương) làm Kiểm hiệu tư không, kiêm Ngự sử đại phu, Hoài viễn quân Tiết độ, Lâm Châu quản nội Quan sát, Xử trí sứ, phong Chiêm Thành Quốc vương. Từ đó, mỗi khi được gia ân, đều giáng chế gia tăng phong ấp.

Năm Kiến Viêm thứ ba (1129), Dương Bốc Ma Điện sai sứ sang cống, gặp kỳ tế giao⁵ gia ân, được giáng chế cho làm Kiểm hiệu thái phó, tăng thực ấp.

Năm Thiệu Hưng thứ hai mươi lăm (1155), con là Trâu Thời Lan Ba (鄒時闡巴)⁶ lên nối ngôi, sai sứ sang cống phương vật, xin phong tước. (Triều đình) ban yến cho sứ giả ở trạm dịch Hoài Viễn, lấy tước hiệu phong cho vua cha trước đây, trao cho, và đáp tặng cho rất hậu.

1. Thùy Củng: tên cung điện, nời vua Tống hàng ngày xử lý chính vụ, triều kiến quần thần bàn việc quốc sự.

2. Tử Thần: tên cung điện, nơi vua Tống thường tiếp kiến quần thần và sứ giả ngoại quốc sang chúc mừng, dâng cống.

3. Niên hiệu của Tống Huy tông Triệu Cật từ năm 1111-1118.

4. Tức Harivarman IV.

5. Tế giao: tức lễ tế trời.

6. Tức Jaya Harivarman I.

Năm Càn Đạo thứ ba (1167), con là Trâu Á Na (鄒亞娜)¹ nỗi, cướp những đồ phuơng vật của nước Đại Thực, sai người sang cống, để xin phong tước, bị người trong nước tố cáo. Triều đình bèn hạ chiếu khước từ, không bàn đến việc phong cho nữa.

Năm thứ bảy (1171), người tinh Mân có kẻ đi thuyền đến Cát Dương quân², bị gió đánh dạt thuyền đến Chiêm Thành. Nước ấy vừa mới đánh nhau với Chân Lạp, hai bên đều cưỡi voi đánh, thắng phụ chưa thể quyết được. Người Mân bèn bầy cho Quốc vương (Chiêm Thành) phải tập cưỡi ngựa bắn cung để đánh thắng. Vương mừng lắm, cho thuyền đưa (người ấy) đến Cát Dương, mua được mấy chục con ngựa trở về, đánh nhau, bèn đại thắng. Năm sau, (Chiêm Thành) lại đến, Quỳnh Châu³ chặn lại, người Chiêm tức giận thả sức cướp bóc rồi về. Năm Thuần Hi thứ hai (1175), (triều đình) nghiêm lệnh cấm không được bán ngựa cho ngoại phiên. Năm thứ ba (1176), Chiêm Thành trả lại tám mươi ba người bị bắt đi, và xin thông thương, xuống chiếu không cho. Năm thứ tư (1177), Chiêm Thành đem quân thuyền tập kích Chân Lạp, tiến sát tới tận quốc đô.

Từ niên hiệu Khánh Nguyên⁴ đến nay, Chân Lạp đem đại quân đánh Chiêm Thành để phục thù, giết hại gần hết dân chúng, bắt sống Quốc vương đem về, nước ấy bèn mất, tất thảy đất đai đều thuộc về Chân Lạp.

Chân Lạp

Nước Chân Lạp, cũng có tên là Chiêm Lạp, ở phía nam của Chiêm Thành, phía đông giáp biển, phía tây giáp Bồ Cam, phía nam đến Gia La Hi. Huyện trấn phong tục nước ấy cũng giống như Chiêm Thành, đất hơn bảy ngàn dặm vuông. Có đài cao bằng đồng, đặt hai mươi tư tháp đồng, cùng tám tượng đồng để trấn ở trên, mỗi pho tượng nặng bốn ngàn cân. Nước ấy có hai mươi vạn con voi chiến, ngựa nhiều nhưng nhỏ.

1. Tức Jaya Indravarman IV.

2. Cát Dương quân: tức Nhai Châu, nay thuộc đảo Hải Nam.

3. Quỳnh Châu: nay thuộc đảo Hải Nam.

4. Khánh Nguyên: niên hiệu Tống Ninh tông từ năm 1195-1200.

Tháng Mười hai năm Chính Hòa thứ sáu (1116), sai sứ dâng tấu là Phụng hóa lang tướng Cưu Ma Tăng Ca (鳩摩僧哥), phó sứ là An hóa lang tướng Ma Quân Minh Kê Ti (摩君明稽思), mười bốn người sang cống, đều được ban cho triều phục. Tăng Ca nói: “Nước xa xôi vạn dặm, mong đến theo thánh hóa, còn ái ngại vì y phục man mợi, chưa xứng với chút lòng thành ngưỡng mộ hướng về, xin cho phép được mặc những đồ Hoàng đế đã ban cho.” Chiếu bằng lòng cho, lại đem việc ấy giao xuống sứ quán, để chép vào sách. Tháng Ba năm sau, sứ từ biệt đi về.

Năm Tuyên Hòa thứ hai (1120), (Chân Lạp) lại sai Lang tướng Ma Lạp Ma Đột Phòng (摩臘摩禿防) đến, triều đình phong quan cho vua nước ấy cũng như Chiêm Thành.

Năm Kiến Viêm thứ ba (1129), nhân dịp gia ân tế giao, lại cho vua nước ấy là Kim Bâu Tân Thâm (金裒賓深) làm Kiểm hiệu tư đồ, gia tăng thực ấp, bèn định làm thường chế.

Thuộc ấp của Chân Lạp có Chân Lý Phú, ở góc tây nam nước, phía đông nam tiếp giáp với Ba Tư Lan, tây nam lân cận với Đăng Lưu Mi, cai quản hơn sáu mươi nơi dân cư tụ. Năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200), chúa nước ấy ở ngôi đã hai mươi năm, sai sứ cống phương vật và hai con voi nhà. (Hoàng đế) chiếu cho báo đáp hậu hĩ, cho rằng vì đường biển lặn lội xa xôi, sau này không cần lại sang cống nữa.

IX. NGUYÊN SỬ

QUYỀN 210 - NGOẠI DI 3

Chiêm Thành

Chiêm Thành gần Quỳnh Châu, nếu thuận gió đi thuyền một ngày là có thể tới nước ấy. Khoảng niên hiệu Chí Nguyên đời (Nguyên) Thế tổ, Quảng Nam Tây đạo Tuyên úy sứ Mã Thành Vượng (馬成旺) từng xin ba ngàn quân, cùng ba trăm con ngựa đến đánh.

Năm thứ mười lăm (1278) Tả thừa Toa Đô, nhân đã bình định nhà Tống, sai người đến Chiêm Thành, khi trở về nói vua nước ấy là Thất Lý Cha Nha Tín Hợp Bát Lạt Ma Cáp Điện Ngõa (失里咱牙信合八刺麻哈迭瓦)¹ có ý muốn nội phụ. (Hoàng đế) bèn có chiếu ban cho hổ phù, tặng là Vinh lộc đại phu, phong Chiêm Thành quận vương. Tháng Mười hai, năm thứ mười sáu (1279), sai Bình bộ thị lang Giáo Hóa Đích (教化的)², Tổng quản Mạnh Khánh Nguyên (孟慶元), Vạn hộ Tôn Thắng Phu (孫勝夫) cùng bọn Toa Đô đi sứ đến Chiêm Thành, dụ bảo vua nước ấy sang chầu.

Tháng Hai, năm thứ mười bảy (1280), Chiêm Thành quốc vương Bảo Báu Đán Nã Ra Da Cùng Nam Bạt Chiêm Bả Địa Ra Da (保寶旦擎囉耶邛南跋佔把地囉耶)³ sai sứ sang cống phương vật, phụng biểu xin hàng. Tháng Mười năm thứ mười chín (1282), triều đình thấy Chiêm Thành quốc chủ Bột Do Bồ Lạt Giả Ngô (孛由補刺者吾) năm trước đã sai sứ sang chầu, xưng thần nội thuộc, bèn mệnh

1. Tức Shrijaya Simha Varma(r)i Deva.

2. Cũng phiên âm là Gia Hồn Đạt (嘉暉達).

3. Có thể là Indravarman VI.

bọn Hữu thừa Toa Đô đến đất ấy lập sảnh để yên vỗ.¹ Rồi đó, con của chúa Chiêm là Bổ Đích (補的)² chuyên nắm quyền nước, cậy kiêu cố không chịu phục. Vạn hộ Hà Tử Chí (何子志), Thiên hộ Hoàng Phủ Kiệt (皇甫傑) đi sứ nước Xiêm, bọn Tuyên úy sứ Vưu Vĩnh Hiền (尤永賢), Á Lan (亞蘭)³ đi sứ nước Mã Bát Nhi, thuyền đi qua Chiêm Thành, đều bị bắt giữ, vì vậy (triều đình) cho quân đến bắt. Hoàng đế nói: “Vua già không có tội, trái mệnh là con ông ta và một tên người Man. Nếu bắt được hai kẻ ấy, thì nên theo như chuyện cũ của Tào Bân (曹彬)⁴, dân chúng không được giết một ai.”

Tháng Mười một, Chiêm Thành hành sảnh quan đem quân từ Quảng Châu đi đường biển đến cảng Chiêm Thành. Cửa cảng phía bắc liền với biển, bên biển có năm cảng nhỏ, thông với Đại Châu của nước ấy. Phía đông và nam là núi, phía tây gần thành dựng bằng gỗ. Quan quân dựa vào bờ biển đồn trú. Quân Chiêm Thành làm thành gỗ, bốn mặt ước hơn hai mươi dặm, dựng lầu, hàng rào, lập hơn trăm ụ pháo Hồi Hồi tam giác⁵. Lại phía tây thành gỗ mươi dặm dựng hành cung, Bột Do Bổ Lạt Giả Ngô đích thân đem đại binh đồn thủ ứng viện. Hành sảnh sai Đô trấn phủ Lý Thiên Hựu (李天祐), Tổng bả Giả Phủ (賈甫) chiêu dụ, bảy lần qua mà chúng không chịu phục. Tháng Mười hai, sứ giả đi chiêu dụ Chân Lạp là Tốc Lỗ Man (速魯蠻)⁶ xin đến chiêu dụ, lại cùng đi với Thiên Hựu, và Phủ đến, thì được thư hồi đáp rằng: “Đã sửa sang thành gỗ, chuẩn bị giáp binh, xin hẹn ngày cùng giao chiến.”

1. TT.BK.q5 chép việc năm đó là: “Hữu thừa tướng Nguyên là Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là sang xâm lược nước ta.”

2. Chưa rõ giữa Bột Do Bổ Thích Giả Ngô và Bổ Đích, ai là Jayasimhavarman III. (Sử ta chép là Chế Mân).

3. Cũng phiên âm là Y Lan (伊蘭).

4. Tào Bân (931-999) tự Quốc Hoa, người Linh Thọ, Chân Định, là danh tướng khai quốc đời Tống. Ông từng phung menh đánh Giang Nam, chinh phục Nam Đường hâu chủ Lý Dục. Ông đã lập kế giả ốm để bắt các tướng lĩnh dưới trướng phải lập thệ rằng khi đánh hạ Nam Đường không được giết chóc dân lành, cướp cửa, hăm hiếp. Khi quân của Tào Bân đã vào được thành Nam Kinh, mà dân chúng trong thành vẫn còn không biết.

5. Một loại máy bắn đá có giá chân hình tam giác, vốn do người Hồi Hồi chế ra, nên gọi như vậy.

6. Cũng phiên âm là Sắc Liệt Mặc (色埒默).

Tháng Giêng, năm thứ hai mươi (1283), hành sảnh truyền lệnh trong quân, đến nửa đêm ngày 15 thì phát thuyền đánh thành. Đến hẹn, chia sai Quỳnh Châu An phủ sứ Trần Trọng Đạt (陳仲達), Tổng quản Lưu Kim (劉金), Tổng bả Lật Toàn (栗全) đem quân một ngàn sáu trăm người theo đường thủy đánh mặt bắc thành gỗ. Tổng bả Trương Bân (張斌), Bách hộ Triệu Đạt (趙達) đem ba trăm người đánh mũi cát ở mặt đông. Sảnh quan ba ngàn người chia làm ba đạo đánh mặt nam. Thuyền đi đến khi trời sáng thì tới bờ, số bị sóng gió đánh vỡ tới mươi bảy, mươi tám cái. Giặc mở cửa nam thành gỗ, dựng cờ nổi trống, xuất binh hơn vạn người, cùng mấy chục thớt voi, cũng chia làm ba đội nghênh địch, tên đá cùng bắn xuống rồi bời. Từ giờ Mão đến giờ Ngọ, quân giặc thua bại, quan quân vào được thành gỗ, lại cùng họp với hai quân ở mặt đông và bắc mà đánh, quân giặc bị giết, bị chết đuối tới mấy ngàn. Quân thủ thành và cung ứng lương hưởng mấy vạn người thấy đều tan chạy. Quốc chủ bỏ hành cung, đốt kho tàng, giết bọn Vĩnh Hiền, Á Lan, cùng bê tội trốn chạy vào trong núi. Ngày 17, chinh đốn quân ngũ tiến đánh Đại Châu. Ngày 19, Quốc chủ sai người đưa thư tới xin hàng. Ngày 20, quân kéo đến đông nam Đại Châu, sai người đưa thư trở về, nhận cho hàng, mà miễn tội chết. Ngày 21, vào Đại Châu. (Chiêm Thành) lại sai người là Bác Tư Ngột Lỗ Ban (博思兀魯班) mang thư đến nói: “Phụng vương mệnh, Quốc chủ và Thái tử sẽ tự đến sau.” Hành sảnh truyền hịch vời tới, quan quân lại đóng ở ngoài thành. Ngày 23, (quốc chủ) sai cậu là Bảo Thoát Đột Hoa (寶脫禿花) cùng hơn ba mươi người, mang tín vật của Quốc chủ cùng hai trăm sấp vải các loại, ba đĩnh bạc lớn, năm mươi bảy đĩnh bạc nhỏ, và một hũ bạc vụn làm tin, đến quy thuận. Lại dâng cây tiêu thương (lao) mạ vàng chín đốt, nói: “Quốc chủ chúng tôi muốn đến, nhưng bị ốm chưa thể đi được, trước hết sai mang cây thương này tới, để tỏ thành ý. Con trưởng là Bổ Đích hẹn ba ngày nữa sẽ xin tới gấp.” Sảnh quan khước từ không nhận tặng vật. Bảo Thoát Đột Hoa nói: “Không nhận, là chê lẽ bạc vậy.” Hành sảnh liệu rằng không thể từ chối, bèn tạm cho nhận để đó, rồi tâu về cho Hoàng thượng biết.

Bảo Thoát Đột Hoa, lại bảo người con thứ tư của Quốc chủ là

Lợi Thế Ma Bát Đô Bát Đức Lạt (利世麻八都八德刺), người con thứ năm là Thất Lợi Ăn Đức Lạt (世利印德刺) tới gặp. Lại nói rằng: “Khi trước có quân mười vạn, cho nên thỉnh chiến. Nay đều đã thua chạy cả. Nghe bại binh nói, Bổ Đích bị thương đã chết. Quốc chủ bị trúng tên vào trán, nay mới hoi đỡ, vừa thẹn vừa sợ chưa thể tới gặp được, cho nên trước hết sai hai con đến để bàn việc tới cửa khuyết tấn kiến.” Sảnh quan nghe rằng không phải con thực, nên cho về, dụ Quốc chủ sớm hàng, và lấy cớ thăm bệnh, sai Thiên hộ Lâm Tử Toàn (林子全), Tống bả Lật Toàn, Lý Đức Kiên (李德堅) cùng tới xem xét. Hai người con ngang đường về trước. Bọn Tử Toàn vào núi, đi hai ngày đường, thì Quốc chủ sai người đến cự tuyệt, không cho được gặp. Bảo Thoát Đột Hoa nói với Tử Toàn rằng: “Quốc chủ lần lữa không chịu ra hàng, nay lại nói ra là muốn giết tôi, khá nên quay về nói với sảnh quan. Đến thì đến, mà không đến thì chúng ta nên tới bắt đến.” Bọn Tử Toàn về doanh. Ngày hôm ấy, (Quốc chủ) lại giết bọn Hà Tử Chí, Hoàng Phủ Kiệt hơn trăm người.

Ngày mồng tám tháng Hai, Bảo Thoát Đột Hoa lại đến, tự nói rằng: “Ông nội, bác, chú tôi đều từng là Quốc chủ, đến anh tôi thì bị Quốc chủ hiện nay Bột Do Bổ Lạt Giả Ngô giết mà cướp ngôi, chém hai ngón tay cái trái phải của tôi. Tôi thực rất oán hận, xin bắt cha con Bột Do Bổ Lạt Giả Ngô, Bổ Đích và Đại Bạt Tát Cơ Nhi (大拔撒機兒) đem đến dâng nộp. Xin cấp cho phục sắc của Đại Nguyên.” Hành sảnh ban cho áo mũ, phủ dụ cho làm. Ngày 13, có người Đường¹ sống ở Chiêm Thành là bọn Tăng Diên (曾延) đến bẩm: “Quốc chủ trốn đến núi Nha Hâu ở tây bắc Đại Châu, tụ tập quân chúng hơn ba ngàn người, và chiêu tập quân từ các quận khác còn chưa tới, chỉ mấy ngày tới sẽ cùng giao chiến với quan quân. Sợ người Đường tiết lộ việc ấy, muốn đem giết hết đi. Bọn Diên biết vậy nên trốn chạy tới.” Ngày 15, bọn Bảo Thoát Đột Hoa cùng Tể tướng Báo Tôn Đạt Nhi (報孫達兒) và Toát Cập (撮及) đại sứ năm người đến hàng. Hành sảnh quan dẫn bọn Tăng Diên ra gặp, Bảo Thoát Đột Hoa vặn hỏi, nói: “Bọn Diên là quân gian tế đó, xin bắt trói lại. Quân của Quốc chủ đều tan vỡ, sao dám lại đánh nữa?” Lại nói: Nay những châu quận chưa quy

1. Tức người gốc Trung Quốc.

phụ phàm có mươi hai nơi, mỗi châu cho sai một người đến chiêu dụ. Châu cũ đi đường thủy, xin hành sảnh cho Trần an phủ, và Bảo Thoát Đột Hoa mỗi người sai một kẻ đi thuyền đến chiêu dụ việc công thủ. Còn đường bộ thì xin hành sảnh quan Trần an phủ cùng mình đến bắt Quốc chủ, Bố Đích và đánh hạ thành ấy. Hành sảnh tin lời, điều một ngàn quân đóng ở tháp lưng núi, sai bọn Tử Toàn, Đức Kiên, đem một trăm quân, cùng Bảo Thoát Đột Hoa tiến đến Đại Châu chinh thảo, hẹn nếu có cấp bách thì báo cho quân ở lưng núi biết.

Bọn Tử Toàn đi gần tới phía tây thành, thì Bảo Thoát Đột Hoa bội ước lén đường tắt đi, từ cửa bắc cưỡi voi trốn vào núi. Quan quân bắt được gián điệp, nói: “Quốc chủ quả thực lập trại ở núi Nha Hâu, tụ tập quân sĩ ước hơn hai vạn, sai sứ đến các nước Giao Chỉ, Chân Lạp, Đồ Bà mượn quân, và trưng điều quân các quân ở Tân Đa Long, Cựu Châu chưa tới.” Ngày 16, sai bọn Vạn hộ Trương Ngung (張顥) đem quân tiến đến chỗ Quốc chủ đang đóng. Ngày 19, quân của Ngung ở gần thành gỗ chỉ cách hai mươi dặm. Quân giặc đào hào sâu, lấy cây lớn mà chặn, quan quân chém giết vô cùng hăng hái, phá được hơn hai ngàn quân của chúng. Đánh dần tới dưới thành gỗ, núi rừng hiểm trở không thể tiến được, quân giặc từ bên cạnh xông ra chặn mất đường về, quân sĩ đều ra súc tử chiến, bèn giải được vây về doanh. Hành sảnh bèn chỉnh đốn quân sĩ, tụ tập lương thảo, dựng thành gỗ, sai Tổng quản Lưu Kim, Thiên hộ Lưu Quyên (劉涓), Nhạc Vinh (岳榮) đóng giữ.

Ngày mồng 6, tháng Ba, năm thứ hai mươi mốt (1284), Toa Đô đem quân về¹. Ngày 15, bọn Vạn hộ Hốt Đô Hổ (忽都虎)² mà Giang Hoài sảnh sai đi giúp Toa Đô đến cảng Thư My Liên, nơi Toa Đô lập hành sảnh trước đây ở Chiêm Thành, thấy doanh xá đều bị đốt rụi, mới biết quan quân đã quay về rồi. Ngày 20, Hốt Đô Hổ lệnh cho Bách hộ Trần Khuê (陳奎) vời Quốc chủ đến hàng. Ngày 27,

1. TT.BK.q5 chép việc tháng Bảy năm 1285 Hưng Đạo vương bàn xin Thượng tướng Thái sư Quang Khải chặn đánh cánh quân của Nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An. Như vậy Toa Đô không dẫn quân về Trung Quốc mà vòng sang nước ta. Có lẽ vì vậy mà bọn Hốt Đô Hổ không hề hay biết việc cánh quân của Toa Đô đã rút về.

2. Cũng phiên âm là Hô Đô Khắc (呼圖克).

chúa Chiêm Thành sai người thông sự của Quốc vương đến xưng nạp hàng. Bọn Hốt Đô Hổ dụ cho sai cha con Quốc vương phụng biểu dâng tiến. Quốc chủ sai bọn Văn Lao Cung Đại Ba Nam (文勞耶大巴南) đến nói rằng, Toa Đô quét sạch nước ấy, nên nay nghèo nàn không còn gì dâng hiến, sang năm xin chuẩn bị lễ vật, sai đích tử sang châu.

Ngày 20 tháng Tư, Quốc chủ sai cháu là bọn Tế Mục Lý Lặc Trập (濟目理勒蟄), Văn Lao Cung Đại Ba Nam phụng biểu xin quy hàng.

Năm ấy, (triều đình) sai Bình chương Chính sự A Lý Hải Nha phụng Trấn nam vương Thoát Hoan phát binh, mượn đường Giao Chỉ đánh Chiêm Thành, nhưng không đi được.

X. MINH SỨ

QUYỂN 324 - NGOẠI QUỐC 5

Chiêm Thành

Chiêm Thành ở biển phía nam, từ Quỳnh Châu đi thuyền thuận gió thì một ngày đêm là có thể tới được, từ Phúc Châu, đi theo hướng tây nam mười ngày đêm thì có thể tới, đó tức là đất Việt Thường thời Chu.¹ Đời Tần là Lâm Ấp, đời Hán là huyện Tượng Lâm. Cuối đời Hậu Hán, Khu Liên chiếm cứ đất ấy, mới bắt đầu xưng là Lâm Ấp vương. Từ đời Tấn đến đời Tùy vẫn như vậy. Thời Đường, hoặc có khi xưng là Chiêm Bất Lao, có khi xưng là Chiêm Bà, nơi Quốc vương nước ấy ở gọi là Chiêm Thành. Sau niên hiệu Chí Đức, đổi quốc hiệu là Hoàn Vương. Tới đời (Hậu) Chu, Tống, bèn lấy tên Chiêm Thành làm quốc hiệu, triều cống không bỏ. Nguyên Thế tổ ghét nước ấy trai mện, cử đại quân đến đánh phá, cũng không thể dẹp yên được.

Năm Hồng Vũ thứ hai (1369), (Minh) Thái tổ sai quan đem chiếu lên ngôi đền dụ cho nước ấy biết, thì Quốc vương A Đáp A Giả (阿答阿者)² đã sai sứ phụng biểu sang châu trước, cống voi, hổ, phương vật. Hoàng đế vui lòng, liền sai quan đem tι thư, *Đại Thống lịch*, gấm vân, vải lά, đi cùng với sứ giả nước ấy sang ban cho. Quốc vương lại sai sứ sang cống. Từ đó về sau, hoặc liên năm, hoặc cách năm lại tới cống, có khi một năm hai lần cống. Không bao lâu, thì (Hoàng đế) sai Trung thư sảnh Quản câu Cam Hoàn (甘桓), Hội đồng quán Phó sứ Lộ Cảnh Hiền (路景賢) mang chiếu thư sang phong cho A Đáp

1. Đây là suy đoán của *Minh sử* dựa theo *Thượng thư đại truyện*: "Phía nam Giao Chỉ có nước Việt Thường". Khái niệm Việt Thường hiện còn nhiều tranh luận, chưa xác quyết được.

2. Tức Jaya R'čām B'nga, sứ ta chép là Chế Bồng Nga (制蓬莪).

A Giả làm Chiêm Thành quốc vương, tặng cho bốn mươi sấp lụa màu, ba ngàn cuốn *Đại Thống lịch*. Năm thứ ba (1370), (triều đình) sai sứ sang tế núi sông ở đó, không lâu lại ban chiếu về việc khoa cử tới nước ấy.

Khi trước, An Nam giao tranh với Chiêm Thành, Thiên tử sai sứ sang dụ giảng hòa, mà An Nam lại đến xâm nhiễu¹. Năm thứ tư (1371), Quốc vương (Chiêm Thành) phung biếu khắc trên lá vàng dài hơn một thước, rộng năm thốn, khắc văn tự nước ấy, sang châu. Người ở sứ quán dịch ra, đại ý nói: “*Đại Minh Hoàng đế lên giữ ngôi báu, vỗ yên bốn bể, như trời đất che chở, nhật nguyệt rọi soi. A Đáp A Giả chỉ như một nhánh cây ngọn cỏ, được đội ơn sai sứ đến, đem ấn vàng mà phong làm Quốc vương, cảm kích vui mừng, hơn vạn lần bình thường. Duy có việc là An Nam dụng binh, xâm nhiễu cương thổ, giết cướp lại dân. Phủ phục kính mong, Hoàng đế rủ lòng nhân từ, ban cho binh khí và nhạc khí, nhạc công, khiến An Nam biết rằng Chiêm Thành chúng thân cũng là nơi thanh giáo lan tới, là đất có cống dâng, mà không dám coi khinh.*”

Hoàng đế mệnh cho Bộ Lễ dụ rằng: “Chiêm Thành, An Nam cùng phung sự triều đình, cùng theo chính sóc, mà dám tự ý giao tranh, tàn hại sinh linh, chẳng những mất lễ thờ vua, mà lại trái đạo lân giao. (Triều đình) đã súc cho An Nam quốc vương, lệnh lập tức bãi binh. Nước ngươi cũng nên giữ tín hòa mục, ai nấy giữ yên cương thổ. Những đồ binh khí muốn xin, ta nào có tiếc gì vương, nhưng đang khi hai nước giao tranh, mà lại ban cho Chiêm Thành, thì ấy là giúp người đánh người, thậm trái với nghĩa vỗ yên vậy. Còn nhạc khí, nhạc công, ngôn ngữ khác nhau, cũng khó mà sai phái. Nước ngươi cũng có người hiểu tiếng Trung Hoa, hãy lựa chọn đưa sang, để cho chúng học tập.” Nhân mệnh cho tỉnh thần tỉnh Phúc Kiến, không thu thuế của họ, để tỏ ý vỗ về vậy.

Năm thứ sáu (1373), cống sứ tâu: “Bọn cướp bể là Trương Nhữ Hậu (張汝厚), Lâm Phúc (林福), tự xưng là Nguyên soái, cướp bóc trên biển. Quốc chủ đã đánh phá được, đầu sở của chúng bị chết đuối,

1. Đây chỉ là quan điểm của *Minh sử*.

thu được hai mươi chiếc thuyền, bảy vạn cân tô mộc, kính cẩn dâng lên.” Hoàng đế khen ngợi, mệnh ban thưởng, gia tặng cho. Mùa đông, (Chiêm Thành) sai sứ dâng tiệp báo thắng An Nam. Hoàng đế nói với các sảnh thần rằng: “Đông năm ngoái, An Nam tâu Chiêm Thành xâm phạm biên cảnh. Năm nay, Chiêm Thành lại nói An Nam quấy nhiễu biên cương, chưa biết thật giả thế nào. Khá sai người tới dụ, ai nấy cùng bãy binh cho dân được nghỉ, chớ xâm nhiễu nhau nữa.”

Năm thứ mười (1377), (Chiêm Thành) đại chiến với An Nam vương Trần Thoan¹, Thoan thua, chết.

Năm thứ mười hai (1379), cống sứ đến kinh đô, Trung thư (sảnh) không kịp thời tâu lên, Hoàng đế trách mắng nặng nề Thừa tướng Hồ Duy Dung (胡惟庸), Uông Quảng Dương (汪廣洋), hai người bèn phải tội. (Triều đình) sai quan ban cho Quốc vương *Đại Thống lịch* và quần áo tiên bạt, sai bãy binh giao hảo với An Nam.

Năm thứ mười ba (1380), (Chiêm Thành) sai sứ sang mừng lễ Vạn thọ. Hoàng đế hay tin nước ấy thủy chiến với An Nam bất lợi, ban sắc dụ rằng: “Trước đây, An Nam xuất binh, bị thua ở Chiêm Thành. Chiêm Thành thừa thắng vào An Nam, An Nam đã phải chịu nhục quá lầm rồi. Vương có thể giữ biên cảnh, an nhân dân, thì có thể được hưởng phúc dài lâu. Còn như nhất định xua quân khổ chiến, thì thắng bại chưa biết thế nào, mà lại hóa ra *Trai cò tranh nhau, ngư ông được lợi*, ngày sau hối lại, chẳng muộn lầm ru?”

Năm thứ mười sáu (1383), (Chiêm Thành) cống hai trăm cây ngà voi cùng các thức phuơng vật. (Triều đình) sai quan ban tặng cho phù khế, sách văn cùng lụa vân kim tuyến ba mươi hai sấp, đồ sứ một vạn chín ngàn món.

Năm thứ mười chín (1386), Quốc vương sai con là Bảo Bộ Linh Thi Na Nhật Hốt (寶部領詩那日忽) sang châu, mừng lễ Vạn thọ, dâng năm mươi tư con voi. Hoàng thái tử cũng được lễ dâng tặng. Hoàng đế khen ngợi thành ý, ban thưởng hậu hĩ, sai trung quan đưa về. Năm sau, lại cống năm mươi mốt con voi, cùng các thức già nam²,

1. Tức Trần Duệ tông.

2. Còn gọi già nam hương, cũng như kỳ nam, tức trầm hương.

sừng tê. Hoàng đế lại khen ngợi yến thưởng. Khi sứ giả về đến Quảng Đông, lại mệnh cho trung quan thiết yến tiên hành, và cấp cho lộ phí.

Chân Lạp cống voi (cho triều đình), Chiêm Thành vương đoạt mất một phần tư, những việc thất đức khác cũng nhiều lắm. Hoàng đế hay chuyện, nổi giận. Mùa hạ năm thứ hai mươi mốt (1388), sai Hành nhân Đổng Thiệu (董紹) mang sắc trách tội. Thiệu chưa tới, thì cống sứ (Chiêm Thành) tới kinh đô. Ít lâu sau, (Chiêm Thành) lại sai sứ tạ tội, (Hoàng đế) bèn lệnh cho lại được thết yến ban thưởng như quy định.

Bấy giờ, A Đáp A Giả lõi đạo, đại thân là Các Thắng (閣勝)¹ ngầm mưu tiếm nghịch, năm thứ hai mươi ba (1390) bèn giết vương tự lập.² Năm sau (1391), (Các Thắng) sai thái sư phụng biểu sang cống, Hoàng đế ghét tội tiếm nghịch, từ chối không nhận. Từ sau năm thứ ba mươi (1397), lại liên tục sang cống.

Thành tổ lên ngôi, ban chiếu dụ bảo nước ấy. Năm Vĩnh Lạc nguyên niên (1403), Quốc vương là Chiêm Ba Đích Lại (占巴的賴)³ phụng biểu khắc trên lá vàng sang triều cống, và tố cáo An Nam xâm đoạt, xin (Hoàng đế) giáng sắc răn dụ. Hoàng đế bàng lòng, sai Hành nhân Tưởng Tân Hưng (蔣賓興), Vương Xu đi sứ đến nước ấy, ban tặng cho vải nhung, gấm, lụa vân kim tuyến, vải là. Năm sau, có bản tấu của An Nam vương Hồ Đê⁴, bèn chiếu cho ngưng việc binh, và sai quan đến dụ Chiêm Thành vương. Nhưng Chiêm Thành vương vẫn sai sứ sang tâu rằng: “An Nam không tuân chiếu chỉ, đem quân thuyền đến xâm phạm. Sứ sang triều cống trở về, những vật được Hoàng đế ban tặng đều bị cướp đoạt hết. Lại ban cho thần áo mũ, ấn chương, khiến làm tôi thuộc. Hơn nữa, (An Nam) đã chiếm cứ đất Sa Li Nha Chư của thần, lại vẫn xâm đoạt không thôi, thần lo rằng chẳng thể tự toàn được. Nay xin lệ thuộc vào bản đồ (thiên triều), cho

1. Túc Jaya Simhavarman VI, sử ta chép là La Ngai (羅𩧒).

2. TT.BK.q8 chép rằng năm 1390, Chế Bồng Nga (A Đáp A Giả) sang đánh nước ta, bị Trần Khát Chân dùng pháo bắn trúng thuyền mà chết. La Ngai (Các Thắng) hỏa táng xác Chế Bồng Nga, rồi trốn về nước tự lập làm vua.

3. Túc Jaya Indravarman VI. TT.BK.q8 chép tên là Ba Đích Lại.

4. Túc Hồ Hán Thương.

quan sang cai trị.”¹ Hoàng đế nổi giận, hạ sắc chỉ trách Hồ Đê, và ban cho Chiêm Thành vương tiền bạc.

Năm thứ tư (1406), (Chiêm Thành) cống voi trắng và phuơng vật. Lại cáo nạn An Nam. Hoàng đế bèn phát đại binh đến đánh (An Nam), sắc cho Chiêm Thành nghiêm binh giữ biên giới, chặn đường không cho trốn chạy qua, bắt được kẻ nào lập tức đưa đến kinh sư. Năm thứ năm (1407), (Chiêm Thành) đánh lấy lại những đất An Nam đã xâm chiếm, bắt được tặc đảng là bọn Hồ Liệt (胡烈), Phan Ma Hữu (潘麻休), đem đến dưới cửa khuyết hiến phù, và cống phuơng vật tạ ơn. Hoàng đế khen ngợi Chiêm Thành đã giúp binh thảo nghịch, sai Trung quan Vương Quý Thông (王貴通) mang sắc chỉ cùng bạc tiền sang ban cho.

Năm thứ sáu (1408), Trịnh Hòa (鄭和) đi sứ sang nước ấy. Quốc vương sai cháu là Xá Dương Cai (舍楊該) sang cống voi cùng phuơng vật tạ ơn. Năm thứ mười (1414), cống sứ nước ấy xin ban mũ đai, (Hoàng đế) bèn cho, lại mệnh Trịnh Hòa sang sứ.

Năm thứ mười ba (1415), quân triều đình vừa lùng bắt Trần Quý Khuếch, mệnh cho Chiêm Thành trợ binh. Thượng thư Trần Hiệp nói: “Quốc vương nước ấy ngầm mang bụng khác, quá hẹn không tiến binh, ngược lại lại đem vàng lụa, voi chiến giúp Quý Khuếch. Quý Khuếch đem con gái của Lê Thương tặng cho. (Chiêm Thành) lại hẹn với cậu của Quý Khuếch là Trần Ông Đĩnh (陳翁挺) xâm chiếm bốn châu mười một huyện thuộc phủ Thăng Hoa cai quản. Tôi không khác gì nhau, nên sai quân tới đánh.” Hoàng đế vì cớ mới bình định Giao Chỉ, không muốn nhọc quân, nên chỉ ban sắc chỉ nghiêm trách, khiến trả lại những đất đã xâm chiếm. Quốc vương lập tức sai sứ tạ tội. Năm thứ mười sáu (1418), lại sai cháu là Xá Na Tỏa (舍那挫) sang châu. (Triều đình) sai Trung quan Lâm Quý (林貴), Hành nhân Nghê Tuấn (倪俊) đưa về, và có ban thưởng.

1. Sứ nước ta không chép việc nhà Minh sai sứ sang ngăn cấm việc đánh Chiêm Thành, nhưng việc Chiêm Thành sang tâu với nhà Minh về việc nước ta, TT.BK.q8 có chép: “Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem biểu nhà Minh hai con voi đen và trắng. Trước kia Chiêm Thành đem cống hai con voi này và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biểu voi.”

Tuyên Đức nguyên niên (1426), Hành nhân Hoàng Nguyên Xương (黃原昌) đến (Chiêm Thành) ban lịch Chính sóc, uốn nắn lại những sự bất kính của Quốc vương nước ấy, chối từ tiền vàng thù đắp mà về, bèn thăng lên làm Hộ bộ Viên ngoại lang.

Chính Thống nguyên niên (1436), Quỳnh Châu Tri phủ Trình Oánh (程瑩) tâu: “Chiêm Thành mỗi năm một lần sang cống, khó nhọc tốn phí rất nhiều. Xin cho như lệ các nước Xiêm La, ba năm một lần cống.” Hoàng đế cho là phải, sắc cho sứ nước ấy theo như lời Oánh, ban tặng cho Quốc vương và Vương phi tiền lụa. Thế nhưng, người phiên lấy làm lợi về việc sang mua bán ở Trung Quốc, nên tuy có lệnh ấy, mà rốt vẫn không tuân theo.

Năm thứ sáu (1441), Quốc vương Chiêm Ba Đích Lại chết, cháu là Ma Ha Bôn Cai¹ đem di mệnh sai vương tôn Thuật Đề Côn (述提昆) sang triều cống, và xin nối ngôi vị. (Triều đình) bèn sai Cấp sự trung Thư Đồng (舒瞳), Hành nhân Ngô Huệ (吳惠) đem chiếu chỉ sang phong cho làm Quốc vương, tân vương cùng phi đều được ban thưởng. Mùa xuân năm thứ bảy (1442), Thuật Đề Côn chết ở trên đường đi, Hoàng đế thương xót, ban cho quan đến tế. Năm thứ tám (1443), (Quốc vương) sai cháu là Thả Dương Nhạc Thôi (且揚樂催) sang cống voi đen cùng khiên và cờ để múa.

Năm thứ mười một (1446), có sắc dụ cho Ma Ha Bôn Cai rằng: “Gần đây, An Nam vương Lê Tuấn² có sai sứ sang tâu, vương khinh nhờn vua nước ấy thơ áu, nên khi trước đã xâm phạm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, nay lại nhiều lần đánh Hóa Châu, cướp đoạt người, gia súc và tài vật nước ấy. Hai nước đều chịu triều mệnh, ai nấy đã có phân chia cương vực, há có thể hưng binh gây oán, làm trái với cái nghĩa hòa mục lân bang, giữ gìn biên cảnh ư? Vua hãy nên tuân theo lẽ phận, nghiêm mệnh biên quan, chớ có mặc ý xâm đoạt, để họa cho sinh linh.” Đồng thời lại dụ An Nam nghiêm mật phòng bị, chớ ôm hờn báo phục. Trước đây, định lệ ba năm một lần sang cống, nhưng nước ấy không tuân theo. Kịp tới khi cật vấn sứ giả, thì nói rằng:

1. Tức Maha Vijaya.

2. Tức Lê Nhân tông Bang Cơ.

“Tiên vương đã mất, sắc trước không còn, cho nên không biết lệnh đó.” Năm ấy, cống sứ lại sang, (triều đình) lại lần nữa sắc cho Quốc vương tuân theo định chế, và ban cho vương cung phi tiền lụa. Mùa đông, lại sai sứ sang cống.

Năm thứ mươi hai (1447), (Chiêm Thành) vương đánh nhau với An Nam, đại bại, bị bắt¹. Cháu của cố vương Chiêm Ba Đích Lại là Ma Ha Quý Lai (摩訶貴來)² sang sứ sang tâu rằng: “Vua cũ khi bị bệnh từng lấy thần làm Thế tử, muốn cho nối ngôi. Thần còn tuổi ấu thơ, nên nhường ngôi cho cậu là Ma Ha Bôn Cai. Sau, (Ma Ha Bôn Cai) mấy phen hưng binh đánh An Nam, khiến cho quân địch tiến vào các đất Cựu Châu, Cổ Lũy, giết chóc cướp đoạt gần hết nhân dân gia súc, vua cũng bị bắt. Người trong nước vì cớ thần là cháu tiên vương, và lại có di mệnh, nên xin thần thay lên ngôi. Thần đã từ chối mấy lần, không làm sao được mới ra trước phủ coi việc. Thần không dám tự chuyên, xin phủ phục chờ mệnh triều đình.” Bèn sai Cấp sự trung Trần Nghị (陳誼), Hành nhân Tiết Cán (薛幹) sang phong làm Quốc vương, dù cho giữ nước giao hảo lân bang, đồng thời dù thần dân trong nước cùng nhau phù tá. Năm thứ mươi ba (1448), sắc mệnh An Nam cho Ma Ha Bôn Cai về nước, nhưng (An Nam) không phụng mệnh.

Năm Cảnh Thái thứ ba (1452), (Chiêm Thành) sai sứ sang cống, và báo tang Quốc vương. (Triều đình) mệnh Cấp sự trung Phan Bản Ngu (潘本愚), Hành nhân Biên Vĩnh (邊永) sang phong cho em vương là Ma Ha Quý Do (摩訶貴由) làm vương.³

Năm Thiên Thuận nguyên niên (1457), (Chiêm Thành) sang cống, ban đai vàng chạm hoa cho chánh, phó sứ. Năm thứ hai (1458), Quốc vương Ma Ha Bàn La Duyệt (摩訶槃羅悅)⁴ mới lên ngôi, sai sứ phụng biểu triều cống. Năm thứ tư (1460) lại cống, từ chánh sứ trở xuống đều được ban cho mũ sa và đai vàng, bạc, sừng,

1. Việc này TT.BK.q11 chép ở năm 1446.

2. Tức Maha Kali.

3. Ma Ha Quý Do tức Maha Kaya. TT.BK.q11 chép việc năm 1449 “Tháng Ba, người Chiêm Thành là Quý Do bỏ tù chúa nó là Quý Lai, tự lập làm vua.”

4. Tức Maha Saya. TT.BK.q12 chép là Bàn La Trà Duyệt (槃羅茶悅).

nhiều ít khác nhau. Sứ giả tố cáo An Nam xâm phạm, (Hoàng đế) nhân lại sắc dụ cho An Nam vương. Tháng Chín, sứ sang báo tang Quốc vương. Mệnh cho Cấp sự trung Hoàng Nhữ Lâm (黃汝霖), Hành nhân Lưu Thủ (劉恕) sang phong cho em vương là Bàn La Trà Toàn¹ làm vương.

Năm thứ tám (1464), (Chiêm Thành) sang cống. (Minh) Hiến tông lên ngôi, ưng vận ban tặng gấm lụa tiền bạc cho phiên quốc. Lễ quan xin giao cho sứ thần đem về, Hoàng đế ưng theo. Sứ giả lại tố cáo An Nam xâm phạm, đòi nộp voi trắng. Xin được như đòi Vĩnh Lạc, cho quan sang yên vỗ, dựng bia phân giới, để ngăn chặn việc xâm lăng. Bộ Binh cho rằng hai nước vừa mới giao tranh, không tiện sai sứ, xin lệnh cho sứ giả về dụ Quốc vương, tuân theo lễ pháp, củng cố phong cương, ngăn chống ngoại xâm, chớ khinh gây họa. (Hoàng đế) ưng theo.

Năm Thành Hóa thứ năm (1469), (Chiêm Thành) sang cống. Bấy giờ, An Nam đòi Chiêm Thành các thứ tê, voi, cửa báu, bắt phải lấy lẽ thờ thiên triều mà thờ. Chiêm Thành không theo, (An Nam) bèn đem đại binh sang đánh. Năm thứ bảy (1471) thì phá nước ấy, bắt Quốc vương Bàn La Trà Toàn cùng gia quyến hơn năm mươi người, cướp án phù, mặc ý đốt cướp, rồi bèn lấy đất ấy². Em vương là Bàn La Trà Duyệt³ trốn vào trong núi, sai sứ cáo nạn. Bộ Binh tâu: “An Nam thôn tính nước khác, nếu không phân xử, thì chẳng phải chỉ mất lòng quy phục của Chiêm Thành, mà còn e là sẽ khơi lên cái chí hống hách của An Nam. Nên sai quan đem sắc chỉ sang tuyên dụ, trả lại quốc vương và quyến thuộc cho nước ấy.” Hoàng đế lo An Nam trái mệnh, lệnh đợi khi cống sứ (An Nam) sang, sẽ ban sắc trách hỏi.

Năm thứ tám (1472), vì Bàn La Trà Duyệt xin phong, bèn mệnh cho Cấp sự trung Trần Tuấn (陳峻), Hành nhân Lý San (李珊) cầm

1. Tức Maha Sajan.

2. Đây là Minh sử chép lầm. TT.BK.q12 chép rõ sau khi Lê Thánh tông bắt được Trà Toàn: “Bộ Trì Trì lấy được một phần năm đất của nước Chiêm, sai sứ sang xưng thần, nộp cống, được phong làm vương. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm ba nước để dễ ràng buộc.”

3. Tức Maha Sajai. TT.BK.q12 chép là Bàn La Trà Toại (槃羅茶遂).

phù tiết sang. Bọn Tuấn đến cảng Tân Châu¹, quân trấn giữ chặn lại, mới biết rằng nước ấy đã bị An Nam lấy, đổi làm Giao Nam châu rồi, bèn không dám vào nữa. Mùa đông năm thứ mười (1474), thì (bọn Tuấn) về triều.

An Nam đã phá Chiêm Thành, lại cho quân bắt Bàn La Trà Duyệt, lập cháu vương trước là Trai Á Ma Phất Am (齋亞麻弗菴)² làm vương, lấy đất phía nam của nước ấy trao cho. Năm thứ mười bốn (1478), (vương) sai sứ sang triều cống xin phong, (triều đình) sai Cấp sự trung Phùng Nghĩa (馮義), Hành nhân Trương Cẩn (張瑾) sang phong cho. Bọn Nghĩa mang theo nhiều vật riêng đi, đến Quảng Đông rồi, thì nghe tin Trai Á Ma Phất Am đã chết, em là Cổ Lai (古來) sai sứ sang xin phong. Bọn Nghĩa sợ về suông không có lời, bèn cứ đến Chiêm Thành. Người Chiêm Thành nói, sau khi vương tôn thiêng phong, thì bị Cổ Lai giết chết, An Nam đã có ngụy sắc, lập người trong nước là Đề Bà Đài (提婆苔) làm vương. Bọn Nghĩa không đợi tâu báo, bèn đem ấn cùng tiền ban tặng trao cho Đề Bà Đài, phong làm vương, được của đút hơn trăm lạng vàng. Lại đến nước Mân Lạt Gia bán hết những vật riêng mang theo rồi về. Nghĩa đến giữa biển thì bị bệnh chết. Cẩn tâu lại việc ấy, và dâng ngụy sắc (của An Nam) lên triều đình.

Năm thứ mười bảy (1481), Cổ Lai sai sứ triều cống, tâu rằng: “Khi An Nam phá nước thần, em vua cũ là Bàn La Trà Duyệt trốn đến ở núi Phật Linh. Đến khi sứ giả thiên triều đem sắc phong đến, thì (Bàn La Trà Duyệt) đã bị quân giặc bắt đi. Thần và anh là Trai Á Ma Phất Am lần tránh ở nơi sơn cốc. Sau, quân giặc sơ hãi oai trời, mới sai người đi tìm hỏi anh thần, đem trả đất cũ. Nhưng từ Bang Đô Lang³ đến Chiêm Lạp chỉ có năm xứ, anh thần quyền nước chẳng được bao nhiêu, rồi đột nhiên mất đi. Thần đáng nối ngôi, nhưng không dám tự chuyen, ngưỡng vọng ơn trời, ban cho sách ấn. Nước thần tất cả đất đai vốn có hai mươi bảy xứ, bốn phủ, một châu, hai mươi hai huyện. Đông đến biển, Nam đến Chiêm Lạp, tây đến núi Lê Nhân, bắc đến A Bản

1. Tức cảng Quy Nhơn, Bình Định ngày nay.

2. Tức Jayavarman Mafoungnan. TT.BK.q12 chép là Bô Trì Trì (逋持持).

3. Tức Panduranga.

Lạt Bổ, phàm hơn ba ngàn năm trăm dặm. Xin (Hoàng đế) đặc biệt dụ cho người Giao (Chỉ), trả hết đất lại cho bản quốc.” Tấu chương đưa xuống đình nghị, bọn Anh quốc công Trương Mậu (張懋) xin đặc sai hai cận thần có uy vọng sang sứ. Khi ấy, cống sứ của An Nam vừa về, (triều đình) bèn ban sắc trách hỏi Lê Hạo¹, lệnh mau chóng trả lại đất Chiêm Thành, chớ chống lại triều mệnh. Lễ quan bèn đàn hặc Cẩn việc tự ý sách phong, rồi bắt bỏ ngục, được biết rõ thực tình, bèn luận phải tội chết. Khi ấy, sứ thần của Cổ Lai sai đến đang ở sứ quán, bèn cho vời vào hỏi, đáp rằng: “Cổ Lai thực là em vương, vương bị bệnh chết chứ không phải bị giết. Còn Đề Bà Đài không biết là ai.” (Triều đình) bèn mệnh sứ thần tạm về Quảng Đông, đợi sứ của Đề Bà Đài sang, sẽ thẩm xét thực giả xử trí. Sứ thần đợi mệnh lâu năm, mà sứ giả của Đề Bà Đài không tới, bèn lệnh cho về nước.

Năm thứ hai mươi (1484), sắc cho Cổ Lai phủ dụ Đề Bà Đài, khiến nộp lại ấn Quốc vương được trao khi trước, sẽ tha cho tội nhận ngụy phong, vẫn làm đầu mục như cũ. Đề Bà Đài không nghe mệnh, (triều đình) bèn sai Cấp sự trung Lý Mạnh Dương (李孟陽), Hành nhân Diệp Ứng (葉應) sang sách phong cho Cổ Lai làm Quốc vương. Bọn Mạnh Dương nói: “Chiêm Thành xa xôi hiểm trở, mà An Nam gây chiến không thôi, Đề Bà Đài lại trộm giữ đất ấy, chỉ một chút bất cẩn, ắt làm tổn hại uy nước. Nên lệnh cho sứ giả (Chiêm Thành) truyền dụ Cổ Lai, đến Quảng Đông thụ phong, đồng thời sắc cho An Nam biết hối lỗi.” Hoàng đế ưng theo. Cổ Lai bèn từ Lão Qua đem cả nhà đến Nhai Châu, Mạnh Dương xong việc sách phong thì về. Cổ Lai lại muốn tới tận cửa khuyết, tâu tội An Nam. Năm thứ hai mươi ba (1487), Tổng đốc Tống Mân (宋旻) tâu về triều. Triều đình nghị rằng, nên sai một đại thần đến úy lạo, và truyền hịch cho An Nam hiểu lẽ tồn vong kế tuyệt, mà đón Cổ Lai về Chiêm Thành. Hoàng đế bàng lòng, mệnh cho Nam Kinh Hữu đô ngự sử Đồ Dung (屠滌) đi. Đến Quảng Đông, lập tức truyền hịch An Nam, tuyên thị họa phúc. Mộ lấy quân khỏe hai ngàn người, đóng hai mươi chiếc thuyền biển, hộ tống Cổ Lai về nước. An Nam thấy Dung là đại thần lại phụng đặc khiển, không dám chống, Cổ Lai bèn được về nước.

1. Tức Lê Thánh tông.

Năm sau, cải nguyên Hoằng Trị, (Chiêm Thành) sai sứ sang cống. Năm thứ hai (1489), (Quốc vương) sai em là Bố Cổ Lương (卜古良) đến Quảng Đông, nói: “An Nam vẫn mặc ý xâm lăng, xin cho như đời Vĩnh Lạc sai tướng sang đốc binh coi giữ bảo vệ.” Bọn Tổng đốc Tân Hoành (秦紘) tấu báo lên. Bộ Binh tâu: “An Nam, Chiêm Thành đều là những nước không được chinh phạt đã có ghi trong *Tổ huấn*. Đời Vĩnh Lạc, sai tướng xuất binh, là để trừng trị tội thí nghịch của Lê tặc¹, chứ không phải vì cớ tranh giành biên cảnh với lân bang. Nay, Lê Hạo lo việc cống nạp rất cẩn thận, còn Cổ Lai vì uẩn khúc thiết thân, nên nói quá tình thực, không thể tin vào lời lẽ trong đơn của họ mà nhọc quân đến nước bất chinh. Nên mệnh cho bê tôi trấn thủ tư lại cho (nước ấy) rằng, gần đây người Giao sát hại vương tử Cổ Tô Ma (古蘇麻), vương lập tức xuất quân đánh bại chúng, lòng oán thù đã rửa được rồi. Vương nên tự cường sửa sang chính sự, vỗ về dân nước, bảo vệ cương thổ, và cùng hòa mục tu hảo với An Nam. Còn những hiềm khích duyên cớ cỏn con khác, thảy đều nên xóa bỏ. Nếu như chẳng thể tự cường, chỉ biết mượn triều đình phát binh vượt bể, giữ nước thay vương, thì xưa nay không có lý như thế.” Hoàng đế y như lời ấy. Năm thứ ba (1490), (Chiêm Thành) sai sứ tạ ơn. Nước ấy từ sau khi bị tàn phá, dân vật tiêu điêu, công sứ dần thưa vắng.

Năm thứ mười hai (1499), sai sứ dâng tấu rằng: “Đất Tân Châu Cảng của bản quốc, vẫn bị An Nam xâm đoạt, hoạn nạn chưa yên. Thần tuổi đã già, xin kịp khi thần chưa chết, cho con trưởng là Sa Cổ Bố Lạc (沙古 卜洛) tập phong, để ngày sau có thể giữ được quốc thổ.” Triều đình nghị rằng: “An Nam gây họa cho Chiêm Thành, đã chẳng phải một ngày. Triều đình từng nhân uẩn khúc của Chiêm Thành mà nhiều lần giáng tỉ thư, hết mực răn dụ. An Nam trước sau tấu báo, đều nói vâng theo triều mệnh, thổ địa nhân dân, tất thảy đều đã trả lại. Nhưng lời biện bạch giải thích của An Nam vừa tới, thì câu tố cáo của Chiêm Thành lại nghe, e rằng thực có sự tình chưa thể thôi được. Nên tiếp tục lệnh cho bê tôi trấn thủ ngoài biên nghiêm dụ An Nam, chớ tham đất đai của người, mà tự chuốc tai họa, nếu không sẽ nghị bàn sai quân đến hỏi tội. Còn con trưởng của Chiêm Thành vương,

1. Tức Lê Quý Ly.

không có lý nào cha còn sống mà lại tập phong. Xin lệnh cho trước hết lập làm Thố tử để nắm việc nước, đợi ngày sau đến khi đáng được tập vị, thì thỉnh phong như lệ thường.” Hoàng đế bằng lòng như thế. Ít lâu sau, (Chiêm Thành) sai vương tôn Sa Bất Đăng Cổ Lỗ (沙不登古魯) sang cống.

Năm thứ mười tám (1505), Cổ Lai chết. Con là Sa Cổ Bốc Lạc sai sứ sang cống, không báo tang cha, chỉ xin sai đại thần tới nước đó, (triều đình) vẫn lấy các đất Tân Châu Cảng phong cho. Lại có tấu khác về việc bị chiếm đoạt đất đai, hơi nhắc đến việc cha chết. Bọn Cấp sự trung Nhâm Lương Bật (任良弼) tâu: “Chiêm Thành trước nhân quốc thổ bị suy giảm, mới mượn việc sang cống để xin phong, muốn dựa oai trời, khiến lân quốc phải sợ. Kỳ thực Quốc vương nước ấy lập hay không lập, chẳng liên quan gì đến việc triều đình có phong hay không phong vậy. Nay nói là Cổ Lai đã chết, hư thực khó hay. Vạn nhất sứ nước ta đến đó, mà Cổ Lai còn sống, thì sẽ lại vẫn phong cho con ông ấy ư? Hay là vì nghĩa không thể được mà thôi ư? Đương khi bức ép, việc rất khó xử. Cũng như trước đây, Khoa thần¹ Lâm Tiêu (林霄) đi sứ sang Mãn Lạt Gia, không chịu quỳ gối quay mặt hướng bắc, bị giam cầm bỏ đói mà chết, tới nay vẫn không thể hỏi tội (Mãn Lạt Gia) được. Mệnh vua uy nước, không thể không thận trọng. Đại khái các nước phiên thuộc hải ngoại, khi vô sự thì bỏ việc triều cống mà tự lập, đến khi hữu sự thì lại mượn việc triều cống mà xin chinh thảo giúp. Nay cống sứ tới đây, há là vì lo việc cầu phong, chẳng qua là muốn lấy lại đất đai bị An Nam xâm chiếm, xin trả những dân trốn tránh đến Việt Đông mà thôi. Phàm, việc An Nam lấn đất, đã nhiều lần giáng tỉ thư dụ trả lại, nhưng (An Nam) vẫn chiếm cứ như cũ. Nay nếu lại dụ lại, thì kẻ kia sẽ coi thường, mà oai trời bị khinh nhờn vậy. Nếu như sứ ta đến phong Chiêm Thành, bị lưu giữ lại không cho về, để mong phân xử, thì triều đình sẽ ứng phó thế nào? Hoặc lại bắt giữ sứ giả của ta, để đòi những người trốn tránh, thì ấy là lấy bậc bể tôi tôn quý của thiên triều, mà làm con tin ở nước man hải ngoại vậy. Nên theo như việc năm xưa, Cổ Lai đến Quảng Đông nhận phong, rồi sai lịnh sắc về nước, là cách tiện hơn cả.” Lễ bộ cũng lấy việc Cổ

1. Tức Lục khoa Cấp sự trung.

Lai sống chết chưa rõ ràng, xin lệnh cho bể tôi trấn thủ Quảng Đông súc văn thư cho Chiêm Thành xem xét báo lại. Hoàng đế băng lòng. Rồi đó, việc phong vương rất lâu không thực hiện được.

Năm Chính Đức thứ năm (1510), Sa Cổ Bốc Lạc sai thúc phụ là Sa Hệ Bà Ma (沙係把麻) sang cống, nhân xin phong. (Triều đình) sai Cấp sự trung Lý Quán (李貫), Hành nhân Lưu Văn Thụy (劉文瑞) sang (nước ấy). Quán đến Quảng Đông, sợ phải đi, xin lại làm như việc của Cổ Lai năm xưa, bảo sứ thần nước ấy linh phong. Triều đình nghị rằng, việc sai quan đi đã hai năm rồi, nay nếu giữa chừng lại thôi, thì không phải nghĩa hưng diệt kế tuyệt. Nếu như sứ nước ấy không muốn linh phong, hoặc linh về mà trao cho không đúng người, thì lại gây thêm sự đoan, mà càng tổn thương đến quốc thể. Nên lệnh cho bọn Quán nhanh chóng sang ngay.” Quán rốt vẫn sợ đi, lấy cớ thiếu thuyền trướng hiểu việc. Triều đình bàn mệnh cho bể tôi trấn thủ ở Quảng Đông, tìm lấy những người đáp ứng được, nếu như rốt vẫn không có, thì sẽ làm như lệ cũ. Quán lại kiếm cớ rằng: “Thần phụng mệnh năm năm, đường sợ phong ba nguy hiểm. Lại thêm không biết Chiêm Thành từ xưa sau khi Cổ Lai bị đuổi, chui lủi đến ở Xích Khảm Bang Đô Lang, nước không còn là cương thổ xưa nữa, thế không thể đi được. Huống chi, Cổ Lai vốn là đầu mục của vua trước là Trai Á Ma Phất Am, đã giết vua mà đoạt lấy ngôi vị. Vua có ba con, một người vẫn còn, xét nghĩa cũng không thể (phong) được. Xét theo phép kinh *Xuân Thu*, thì dù không hưng binh sang hỏi tội, tất cũng nên cự tuyệt sứ giả triều cống. Chứ làm sao lại có việc nghì bàn sang hỏi han, khiến mất thời gian năm tháng, và chẳng lợi ích việc gì.” Quảng Đông Tuần phủ Đinh Khải (丁楷) cũng phụ họa tâu thêm vào, đình nghị bèn ưng theo. Năm thứ mười (1515), lệnh sứ thần nước ấy tự mang sắc về, từ đó bèn thành tiền lệ, cống sứ nước ấy cũng không thường đến nữa.

Năm Gia Tĩnh thứ hai mươi hai (1543), (Quốc vương) sai chúa là Sa Bất Đăng Cổ Lỗ sang cống, tố cáo nhiều lần bị An Nam xâm nhiễu, đường xá ngăn trở khó về được, xin triều đình cho quan hộ tống về nước, Hoàng đế băng lòng.

Nước ấy không có sương tuyết, bốn mùa đều tựa như mùa hạ, cây cỏ thường xanh. Dân lấy việc đánh cá làm sinh kế, không có hai loại lúa mạch¹, ít người cà cấy, nên thu hoạch bạc bẽo. Người trong nước đều ăn (trầu) cau, cả ngày không khi nào ngoi miệng. Không biết mồng một hôm rằm, nhưng lấy ngày trăng mọc làm đầu tháng, trăng tàn làm cuối tháng, không có tháng nhuận. Chia ngày đêm làm mười canh, chưa đến giữa ngày thì chưa dậy, chưa đến giữa đêm thi chưa nằm, thấy có trăng thì uống rượu, hát múa làm vui. Tục không có giấy bút, dùng da dê giã mỏng hun đen, vót tre nhọn chấm với trăng để viết chữ, nét như giun dế. Nước có thành quách giáp binh, người tính hung tợn gian giảo, buôn bán phần đa không công bằng. Cửa nhà đều mở hướng bắc, nhà dân cư đều lợp mái cỏ, cao không được quá ba thước. Các đầu lĩnh, sai dịch, cửa nhà cao thấp cũng có hạn định. Ăn uống bẩn thỉu, cá không nát rửa không ăn, ủ chưa sinh giòi chưa cho là ngon.² Người ở đó da đen, con trai để tóc rối, con gái búi tóc, đều đi chân đất.

Vương là người Tỏa Li³, sùng đạo Phật. Một năm bốn mùa lấy mật người sống hòa vào rượu, rồi cùng uống với người nhà. Lại lấy mà tắm mình, nói: “Toàn thân đều là đầm khỉ”. Người trong nước ấy, lấy (mật người) dâng vương, lại lấy để rửa mắt cho voi. Thường chờ người qua đường thi bất ngờ xô ra giết chết, lấy mật rồi đi. Nếu như người ấy phát hiện ra mà kinh hoảng, thì mật đã vỡ trước rồi, không đủ dùng nữa. Bỏ mật lấy được vào bình đựng, mật của người Hoa lại hơn cả, nên càng quý giá. Tháng Năm, tháng Sáu, thương nhân ra ngoài, đều tất phải phòng bị. Vương ở ngôi ba mươi năm, thì nhường ngôi vào núi sâu, lấy anh em, con cháu lên thay, còn mình thì trì trai thụ giới, cáo với trời rằng: “Tôi làm vua vô đạo, xin cho hổ sói ăn thịt tôi, hoặc bị bệnh mà chết.” Nếu ở đó một năm mà không hề gì, thì lại ra phục vị như trước, người trong nước gọi là “Tích lê mã cáp sắc”, tức là khen ngợi Chí tôn Chí thánh vậy.

Nước ấy không có gì giàu lăm, duy nhiêu tê, voi. Ô mộc, giáng hương nhiều hái làm củi. Kỳ nam hương chỉ sản ở một ngọn núi

1. Tức đại mạch, tiểu mạch.

2. Có lẽ là mắm, *Minh sử* không biết nên nhận định như thế.

3. TỎA LI: tên một tiểu quốc trên quần đảo Nam Dương xưa.

nước ấy, duy tú trưởng sai người vào lấy, dân không được lấy, kẻ nào vi phạm sẽ bị chặt tay.

Có đầm cá sấu, có việc kiện cáo gì nghi hoặc không quyết đoán được, thì cho hai bên cưỡi trâu đi qua bên cạnh. Kẻ nào trái lý, thì cá sấu sẽ nhảy lên mà ăn thịt, còn kẻ nào có lý, thì dù mấy lần qua lại, cá sấu cũng không ăn. Có những kẻ gọi là Thi Đầu Man, lại gọi là Thi Trí Ngú, vốn là đàn bà, duy lợ là không có con người mắt. Đang đêm, cùng ngủ với người, thì bỗng cái đầu bay đi ăn những đồ uế của người ta, rồi lại bay về thì sống lại. Nếu như người ta biết mà đem bọc chỗ cổ lại, hoặc dời thân đi chỗ khác, thì người đàn bà ấy sẽ chết. Trong nước có lệnh cấm kẻ ấy rất nghiêm ngặt, kẻ nào có biết mà không cáo giác, sẽ phải bắt tội cả nhà.

Chân Lạp

Chân Lạp ở phía nam Chiêm Thành, nếu thuận gió, đi ba ngày đêm có thể tới. Đời Tùy, Đường và Tống nước ấy đều có đến triều cống. Niên hiệu Khánh Nguyên đời Tống, (nước ấy) diệt Chiêm Thành mà kiêm tính lấy đất, nhân đổi tên nước là Chiêm Lạp. Đời Nguyên lại xưng là Chân Lạp.

Năm Hồng Vũ thứ ba (1370), (triều đình) sai sứ thần là bọn Quách Trung (郭徵) mang chiếu thư đến phủ dụ nước ấy. Năm thứ tư (1371), Ba Sơn vương của nước ấy là Hốt Nhĩ Na (忽爾那) sai sứ sang dâng biểu, cống phuơng vật, và mừng lễ Chính đán năm sau. (Hoàng đế) chiếu ban cho (Quốc vương) *Đại Thống lịch* và tiền lụa, sứ giả cũng được ban tặng nhiều ít khác nhau. Năm thứ sáu (1373) tiến cống. Năm thứ mười hai (1379), Quốc vương là Tham Đáp Cam Vũ Giả Trì Đạt Chí (參答甘武者持達志) sai sứ sang cống, lại được ban yến thưởng như trước. Năm thứ mười ba (1380) lại cống. Năm thứ mười sáu (1383) (triều đình) sai sứ mang phù khế, sách văn ban cho Quốc vương nước ấy. Phàm trong nước khi có sứ giả (nước ngoài) đến, nếu phù khế không khớp, thì tức là giả dối, cho phép được bắt trói báo tin lên triều đình. (Triều đình) lại sai sứ ban tặng cho (nước ấy) lụa vân kim tuyến ba mươi hai sấp, đồ sứ một vạn chín ngàn món. Quốc vương sai sứ sang cống. Năm thứ mười chín (1386),

(triều đình) sai Hành nhân Lưu Mẫn (劉敏), Đường Kính (唐敬), cùng Trung quan mang đồ sứ sang ban cho. Năm sau (1387), bọn Kính về, quốc vương sai sứ sang cống voi năm mươi chín con, hương liệu sáu vạn cân. Ít lâu sau, (triều đình) lại sai sứ sang ban cho quốc vương ăn bạc mạ vàng, vương và phi cũng đều được ban thưởng. Quốc vương Tham Liệt Bảo Tì Da Cam Thiện Giả (參烈寶毘邪甘善者) sai sứ sang cống voi và phương vật. Năm sau lại cống voi hai mươi tám con, nô lệ chăm voi ba mươi tư người, nô lệ người phiên bốn mươi lăm người, để tạ ơn được ban ăn. Năm thứ hai mươi hai (1389), ba lần sáng cống. Năm sau lại cống.

Năm Vinh Lạc nguyên niên (1403), (triều đình) sai Hành nhân Tuởng Tân Hưng, Vương Xu đem chiếu lên ngôi sang dụ nước ấy. Năm sau (1404), Quốc vương là Tham Liệt Bà Tì Nha (參烈婆毘牙) sai sứ sang châu và cống phương vật. Ban đầu, Trung quan sang sứ Chân Lạp, có ba tên bộ tốt lẩn trốn, tìm kiếm không được, Quốc vương lấy ba người nước ấy thay vào, đến đây dẫn vào bệ kiến (Hoàng đế). Hoàng đế nói: “Người Trung Hoa tự ý trốn đi, can dự gì đến họ mà đòi đền bồi? Vả, ngôn ngữ không thông, phong thổ không quen, ta dùng sao được?” Rồi mệnh ban cho quần áo cùng lộ phí, cho về. Năm thứ ba (1405), (Chân Lạp) sai sứ sang cống, cáo tang vua trước. (Triều đình) sai Hồng Lô tự ban Vương Tư (王孜) đến tế, Cấp sự trung Tất Tiến (畢進), Trung quan Vương Tông (王宗) mang chiếu sang phong cho con nối của vương là Tham Liệt Chiêu Bình Nha (參烈昭平牙) lên làm vương. Bọn Tiến về, tự vương sai sứ cùng theo sang tạ ơn. Năm thứ sáu (1408), năm thứ mươi hai (1414) lại sang cống. Sứ giả vì có nước ấy mấy phen bị Chiêm Thành xâm nhiễu, phải ở lại lâu ngày không về được. Hoàng đế sai Trung quan đưa về, đồng thời sắc cho Chiêm Thành vương bãi binh tu hảo. Năm thứ mươi lăm (1417), năm thứ mươi bảy (1419) đều có sang cống. Niên hiệu Tuyên Đức, Cảnh Thái, cũng sai sứ sang cống. Từ sau đó thì không thường đến nữa.

Nước ấy thành quách chu vi hơn bảy mươi dặm, cương vực rộng mấy ngàn dặm. Trong nước có tháp vàng, cầu vàng, điện vũ hơn ba mươi nơi. Quốc vương một năm bốn mùa đều một lần mở hội, bày

đây những giống vượn ngọc, khổng tước, voi trăng, tê ngưu ở trước điện, gọi là Bách Tháp châu. Đụng đồ ăn trong mâm vàng, bát vàng, cho nên có câu ngạn ngữ là “Phú quý Chân Lạp” (giàu sang như Chân Lạp). Dân tục giàu có. Khí trời thường nóng, không biết sương tuyết, lúa một năm mẩy vụ. Nam nữ đều búi tóc, mặc áo ngắn, quây chân váy. Hình phạt có tị (cắt mũi), ngoặt (chặt chân), thích phổi (xăm vào mặt và bắt đi dày). Ăn trộm thì bị chặt cả chân tay. Người phiền giết người Đường thì bị tội chết, người Đường giết người phiền thì phải phạt tiền vàng, không có tiền thì bán thân thuộc tội. Người Đường, là cách mà các nước phiền gọi người Trung Hoa vậy, phàm các nước hải ngoại đều như vậy. Cưới xin, thì cả hai nhà đều tám ngày không ra khỏi cửa, ngày đêm đều thắp đèn. Người chết thì bỏ ngoài đồng, để mặc cho diêu quạ ăn, người nào không bao lâu đã bị ăn hết thịt, thì coi là có phúc. Cú tang chỉ phải cắt tóc, con gái thì cắt đám tóc trước trán bằng cõ đồng tiền, nói là làm thế để báo đáp cha mẹ. Chữ viết thì dùng các loại da hươu nai nhuộm đen, dùng phấn làm thành thoι nhô vẽ lên trên, vĩnh viễn không phai mờ. Lấy tháng Mười làm đầu năm, năm nhuận thì lấy tháng Chín. Đêm chia thành bốn canh. Cũng có người hiểu thiêん văn, có thể tính toán ngày nhật nguyệt thực. Đất ấy gọi Nho là “*Ban cật*”, Tăng là “*Trũ cổ*”, Đạo là “*Bát tư*”. *Ban cật* không biết là đọc những sách gì, những kẻ theo cách ấy mà ra làm quan là chủ yếu nhất. Trước đây, (những người ấy) đều buộc trên cổ một dải dây trăng để tự phân biệt, đã được hiển quý rồi vẫn để dải dây trăng như thế. Tục chuộng đạo Thích, sư tăng đều ăn cá, thịt, hoặc cũng lấy mà cúng Phật, duy chỉ không uống rượu. Nước ấy tự xưng tên là Cam Bột Trí, về sau ngoa truyền thành Cam Phá Giá, sau đời Vạn Lịch lại đổi là Giản Bộ Trại.

HẾT

INDEX

- Ái Châu 36, 213, 235, 280, 283
An Giang 149
An Nam 21, 53, 82, 125, 201, 220, 222, 224, 228, 283, 207
An Nam quốc vương 43, 55, 83, 125, 307
An Nam thành 92
An Túc 268
Âu Lạc 176
- Bạch Đằng 24, 154, 236
Bạch Điền 49, 243
Bàn Bàn 270
Bạt Đô 66
Biên Hòa 149
Bình Thuận 149
Bồ Bà Chúng 294
Bồ Cam 298
- Cao Bằng 121, 126
Cao Biền 224
Cao Man 149
Cầu Giấy 161
Chân Định 175, 184
Chân Lạp 144, 220, 228, 275, 279, 281, 283, 285, 286, 298, 301, 309, 320
- Chiêm Lạp 145, 295, 298, 314, 320
Chiêm Thành 25, 62, 83, 137, 228, 235, 285, 286, 298, 300, 306, 320
Chư Bạc 269
Chu Giang 275
Cổ Lũy 312
Cửu Chân 21, 135, 188, 194, 198, 201, 207, 213, 248, 253, 264, 277
Cựu Châu 304, 312
- Đà Hoàn 276, 284
Đặc Nga 227
Đại Việt 39, 68, 93, 233
Đàn Hòa Chi 252, 255, 259, 266, 273
Đặng Dung 95
Đặng Tất 93
Đào Hoàng 201
Diễn Châu 92
Điển Triệt 212
Đinh Bộ Lĩnh 53, 82
Đinh Liễn 22, 242
Định Tường 149
Đỗ Anh Hàn 222
Đô hộ phủ 225
Đỗ Tuệ Độ 207
Đốn Tốn 268

- Đông Đô 91
 Đông Kinh 135
 Đông Quan 102
 Dư Diêu 229
 Dương Đình Nghệ 21, 235
 Dương Tư Húc 220
 Gia Định 44, 147, 152
 Gia Hưng 92
 Gia Lâm 90
 Giang Bắc 92, 240
 Giang Lăng 60, 214, 227
 Giang Nam 193, 211
 Giao Châu 21, 92, 135, 197, 201, 207, 211, 215, 226, 232, 239, 248, 251, 255, 261, 264, 268, 273, 278, 281, 286
 Giao Chỉ 21, 46, 53, 82, 138, 182, 186, 194, 197, 201, 207, 228, 235, 261, 265, 273, 295, 304, 310
 Giao Nam 109, 314
 Hạ Giang 230
 Hà Khúc 227
 Hà Nội 149, 196
 Hà Tiên 149
 Hà Tĩnh 149
 Hải Đông 113
 Hải Dương 106, 137
 Hải Môn 225, 236
 Hô Đê 87, 310
 Hồ Nam 71, 164, 230
 Hóa Châu 93, 311
 Hoài Văn hầu 70
 Hoàng Sào 230
 Hoàng Tá Viêm 158
 Hợp Phố 21, 188, 198, 200, 202, 207
 Hưng Đạo vương 65
 Hưng Hóa 137
 Hưng Yên 149
 Khê Động 239
 Khu Lật 257, 266
 Khu Túc 251, 255
 Khuất Lạo 212
 Khúc Thừa MỸ 21, 82, 235
 Kiến Bình 92
 Kiểu Công Tiễn 236
 Kiểu quốc 269
 Kim Lân 220, 270
 Kinh Bắc 54, 106, 137
 Lạc An 221
 Lạc Dương 194, 204, 233
 Lạng Sơn 92, 137
 Lão Qua 89, 137, 315
 Lê Duy Kỳ 125
 Lê Hoàn 23, 82, 289
 Lê Lợi 98
 Lê Ninh 116
 Lê Quý Ly 85
 Lê Tuấn 311
 Liễu Thăng 91
 Linh Nam 21, 53, 128, 190, 195, 231
 Long Biên 208, 215, 225
 Lưỡng Quảng 82, 132
 Lưu Diên Hựu 218
 Lưu Phương 215, 274, 282

- Lưu Vĩnh Phúc 153
 Lý Bí 211
 Lý Công Uẩn 33,53, 82
 Lý Hồng Chương 158
 Mã Ngũ 269
 Mã Viẹt 53,83,188,217,220,225,247,263,281
 Mạc Đăng Dung 112, 126
 Mai Thúc Loan 220
 Mân Trung 145
 Minh Quang 106
 Mộc Hoàn 91
 Mộc Thạnh 90, 138
 Nam Chiếu 225
 Nam Định 149, 161
 Nam Giao 135, 233
 Nam Hải 21, 53, 175, 187, 200, 213, 230, 247, 261, 285, 290
 Nam Hán 241
 Nam Khang 214, 262
 Nam Man 83,186, 273, 278, 281
 Nam Sách 94
 Nam Việt 21, 148, 176, 183
 Ngân Dao 229
 Nghệ An 91
 Nghệ An lắp
 Ngô Quyền 236
 Ngô Xương Văn 242
 Ngũ Đại 82, 283
 Ngũ Khê 220
 Nguyễn Huệ 135
 Nguyễn Nhạc 135
 Nguyễn Nhậm 136
 Nguyễn Phúc Ánh 147
 Nguyễn Phúc Kiểu 149
 Nguyễn Quang Bình 141
 Nguyễn Quang Toản 143
 Nhâm Diên 11, 187, 193
 Nhật Nam 21, 91, 135, 187, 207, 247, 251, 256, 257, 263, 268, 275, 278, 283
 Như Nguyệt 70
 Ninh Bình 149
 Ninh Kiều 102
 Nông Nại 146
 Ô Mã Nhi 66
 Pha Lũy 90
 Pháp 151
 Phật Thệ 290
 Phong Châu 225, 230
 Phú Lương 61, 90, 139
 Phú Xuân 136
 Phú Yên 149
 Phúc Khang An 144
 Phụng Hóa 92
 Phượng Lâm 224
 Quang Khẩu 242
 Quảng Nam 21, 106, 300
 Quảng Ngãi 149
 Quảng Nguyên 36, 46, 127
 Quảng Oai 92
 Quảng Trị 149

- Quảng Yên 91
Quế Châu 219, 221, 230, 239
Quy Hóa 32, 92

Sách Giang 70
Sĩ Nhiếp 12, 26, 197
Sơn Nam 106
Sơn Tây 106, 137

Tam Giang 92, 139
Tam Ma Lan 294
Tân Bình 92
Tân Châu 316
Tấn Châu 227
Tây Cống 147
Tây Đô 91
Tây Sơn 142
Thạch Thất 93
Thái Bình 94, 132
Thái Nguyên 92, 132, 164, 227, 256
Tham Bán 276, 284
Thăng Long 147
Thanh Hoa 106, 137
Thanh Hóa 69, 123, 149
Thanh Oai 102
Thao Giang 54, 138
Thi Sách 188
Thiên Bình 89, 226
Thiên Thủy 222
Thiên Trúc 258, 268, 271, 274
Thiết Mộc Nhi 62
Thoát Hoan 71, 305
Thuận Hóa 90, 133

Thuận Thiên 106
Thương Ngô 21, 179, 188, 197, 202, 270
Thượng Thái 230
Thủy Chân Lạp 147, 280, 284
Tiên Du 94
Tiết độ sứ 21, 222, 226, 229, 230
Tĩnh Hải quân 22, 225, 230
Tô Định 188
Tô Lịch 212
Toa Đô 64, 300
Tôn Sĩ Nghị 137
Trần Ích Tắc 70
Trấn Nam quan 118, 138
Trần Nhật Cảnh 45, 53
Trần Quý Khuêch 94, 310
Tràng An 69
Tì Khiên 268
Triệu Đà 53, 175, 183
Triệu Quang Phục 215
Triệu Trí Chi 42
Triệu Xương 222
Trịnh Đống 135
Trịnh Kiểm 120
Trưng Nhị 188
Trưng Trắc 53, 188, 273
Trường Vũ 224
Tú Hội 251, 266
Tượng Lâm 188, 247, 263, 278, 306
Tương Xuyên 262
Tuyên Hóa 92, 101, 138
Tuyên Quang 137

Ứng Bình 93

Vạn Kiếp 66

Vân Nam 55, 126, 234, 286

Uất Lâm 21, 189, 253, 261

Vật Tuân 294

Việt Nam 125

Việt Thường 148, 186, 216, 263, 306

Vĩnh Long 149

Vương Bá 227

Vương Thức 227

Xa Cù 275, 283

Xích Thổ 275

Yên Bang 70, 106, 137

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	7
DÃN.....	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO	15
TÊN VIẾT TẮT TRONG PHẦN CHÚ THÍCH.....	17

PHẦN I

AN NAM TRUYỆN TRONG CHÍNH SỬ TRUNG QUỐC XƯA.....	19
I. TỔNG SỬ	
QUYỂN 488 - NGOẠI QUỐC 4	
GIAO CHỈ.....	21
II. TỔNG SỬ	
QUYỂN 495 - MAN DI 3	
QUẢNG NGUYÊN CHÂU	46
III. NGUYÊN SỬ	
QUYỂN 209 - NGOẠI DI 2	
AN NAM	53
IV. MINH SỬ	
QUYỂN 321 - NGOẠI QUỐC 2	
AN NAM	82
V. THANH SỬ CẢO	
QUYỂN 527 - THUỘC QUỐC 2	
VIỆT NAM.....	125

PHẦN II

CÁC NHÂN VẬT TIÊU BIỂU TRONG	
CHÍNH SỬ TRUNG QUỐC XƯA TẠI AN NAM.....	173
I. SỬ KÝ	
QUYỂN 113 - NAM VIỆT ÚY ĐÀ LIỆT TRUYỆN.....	175
II. TIỀN HÁN THƯ	
QUYỂN 95 - TÂY NAM DI, LUÔNG VIỆT, TRIỀU TIỀN TRUYỆN	
NAM VIỆT TRUYỆN.....	183

III. HẬU HÁN THƯ	
QUYẾN 86 - NAM MAN, TÂY NAM DI LIỆT TRUYỆN	
NAM MAN TRUYỆN	186
IV. HẬU HÁN THƯ	
QUYẾN 76 - TUẦN LẠI LIỆT TRUYỆN	
NHÂM DIÊN TRUYỆN	193
V. TAM QUỐC CHÍ	
NGÔ THƯ - QUYẾN 4 - LUU DO, THÁI SỬ TỬ, SĨ NHIẾP	
SĨ NHIẾP TRUYỆN	197
VI. TẤN THƯ	
QUYẾN 57	
ĐÀO HOÀNG TRUYỆN	201
VIII. TỔNG THƯ	
QUYẾN 92 - LUONG LẠI	
ĐỖ TUỆ ĐỘ TRUYỆN	207
IX. TRÂN THƯ	
QUYẾN 1 - CAO TỐ KỶ (trích)	210
X. TÙY THƯ	
QUYẾN 53	
LUU PHƯƠNG TRUYỆN	215
XI. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 201	
LUU DIÊN HỮU TRUYỆN	218
XII. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 207	
ĐƯỜNG TỬ HÚC TRUYỆN	220
XIII. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 170	
TRIỆU XƯƠNG TRUYỆN	222
XIV. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 224 HẠ	
CAO BIỀN TRUYỆN (trích)	224
XV. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 167	
VƯƠNG THỨC TRUYỆN	227
XVI. TÂN NGŨ ĐẠI SỬ	
QUYẾN 65	
NAM HÁN THẾ GIA	230

PHỤ LỤC

CHIÊM THÀNH - PHÙ NAM - CHÂN LẠP	245
I. TẤN THƯ	
QUYẾN 97 - TÚ DI	247
II. TỔNG THƯ	
QUYẾN 97 - DI MAN	251
III. NAM TẾ THƯ	
QUYẾN 58 – MAN, ĐÔNG (DI), NAM DI	255
IV. LUƠNG THƯ	
QUYẾN 54 - CHU DI.....	263
V. TÙY THƯ	
QUYẾN 82 - NAM MAN	273
VI. CỰU ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 197 - NAM MAN, TÂY NAM MAN	278
VII. TÂN ĐƯỜNG THƯ	
QUYẾN 222 HẠ - NAM MAN (HẠ).....	281
VIII. TÂN NGŨ ĐẠI SỨ	
QUYẾN 74 - TÚ DI PHÙ LỤC (ĐỆ TAM)	285
TỔNG SỨ	
QUYẾN 489 - NGOẠI QUỐC 5.....	286
IX. NGUYÊN SỨ	
QUYẾN 210 - NGOẠI DI 3	300
X. MINH SỨ	
QUYẾN 324 - NGOẠI QUỐC 5.....	306
INDEX.....	323

AN NAM TRUYỀN
GHI CHÉP VỀ VIỆT NAM TRONG CHÍNH SỨ TRUNG QUỐC XƯA

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 024.38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Quận 3 – TP.HCM

Tel&Fax: 028.38297915

Email: nxbhvn.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại & Fax: 0236.3888333

Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập: Đào Bá Đoàn

Tổ chức bản thảo: Tao Đàn

Bìa: Văn Lưu

Trinh bày: Mai Trang

Sửa bản in: Tố An

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH TAO ĐÀN

12C Hàng Than- Ba Đình - Hà Nội

Tel: 024. 2214 9698 | www.sachtaodan.vn | info@sachtaodan.vn

In 1.000 cuốn, khổ 15x24cm, tại Công ty CP In sách Việt Nam, số 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số ĐKXB: 5184-2020/CXBIPH/22-168/HNV. Số QĐXB: 2159/QĐ-NXBHNV của Nxb Hội nhà văn. Số ISBN: 978-604-319-354-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.